

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM
TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

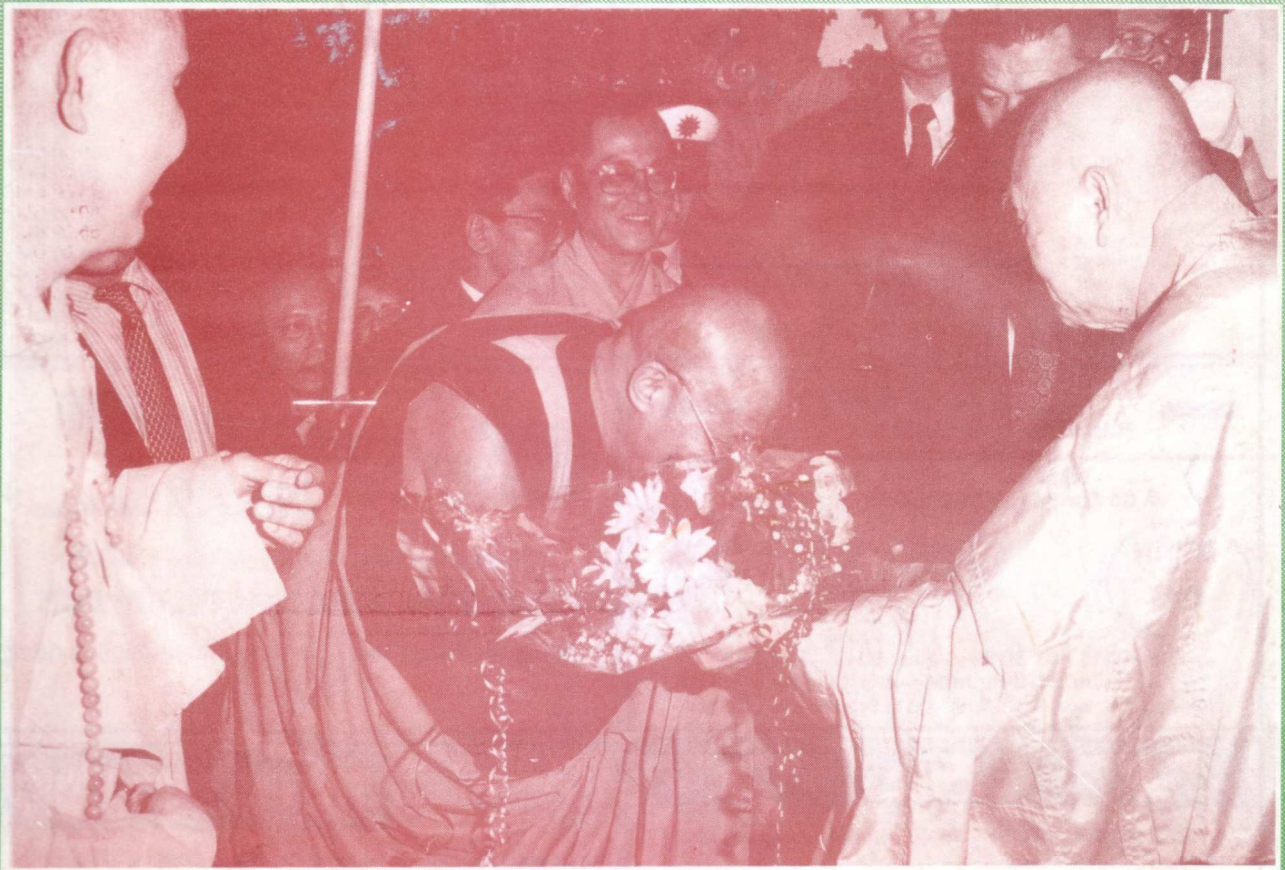
*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
fluechtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

88 Tháng Tám 1995
AUGUST 1995

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



Đức Đạt Lai Lạt Ma viếng thăm chùa Viên Giác ngày 18.6.1995



*Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận hoa từ Hòa Thượng Thích Thiên Định.
Phía sau là H.T Thích Minh Lễ và Đại Đức Thích Từ Trí. Bên trái
là Thượng Tọa Trù Trì và chung quanh Ngài là các an ninh đang bảo vệ.*

VIÊN GIÁC



**Tạp Chí của Kiều Bào và
Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại
Cộng Hòa Liên Bang Đức**
Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistische Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland

**Chủ trương (Herausgeber):
T.T. Thích Như Điển**

**Cùng sự cộng tác và trách
nhiệm về:**

. Tôn Giáo (Thích Như Điển) . Văn Hóa -
Văn Nghệ (Phù Vân - Vũ Nam) . Gia Đình
Phật Tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu) .
Hoa Phượng (Hồng Nhiên) . Thể Thao
(Người Giám Biên) . Y Học Thường Thức
(Huỳnh Hoa) . Chính Trị Thời Sự

Kỹ Thuật Ấn Loát (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt
Nam tại Đức Quốc

**Cùng sự cộng tác của
Mitarbeitung von**

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-
Vietnamflüchtlinge i.d. BRD

Tòa Soạn & Ấn Quán

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt
Nam tại Đức Quốc

Vietnamesisch-Buddhistische
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6, 30519

Hannover. Tel. (0511) 879630

Fax. (0511) 8790963

* Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào
những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục
vụ lợi ích cộng đồng người Việt Tỵ Nạn tại
Đức Quốc trên mọi mặt.

* Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền
thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt
bên cạnh những sinh hoạt tôn giáo, Xã Hội
hoàn toàn không có linh cách thương mại,
tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng
dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ

* Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị
sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu
để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng
hoặc lợi tức hằng năm.

TRONG SỐ NÀY

	Trang
- Thứ Tòa Soạn	3
- Thông Cáo Báo Chí	4 - 6
- Sự phê bình của Phật Giáo đối với chủ nghĩa CS - Thích Trí Chơn	7 - 8
- Thông Cáo Báo Chí	8
- Khi Chim Sắt Bay - Vũ Nguyên Khang	9 - 11
- Đời Tiếp Nối Đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn	12 - 13
- Bí ẩn về tiền kiếp & hậu kiếp - Đoàn Văn Thống	14 - 17

AUF DEUTSCH

- Buddhismus des lauterer Landes ... - Tu Xung Roland Berthold	18 - 20
- Weg ohne Grenzen - Thích Như Điển	21 - 22
- Buddhistische Aktivitaeten - Đức Thọ dịch	23 - 24
- Pháp thuật khôn lường - Thích Bảo Lạc	25 - 29
- Đạo Pháp và Dân Tộc - Đăng Quốc Chính	30 - 33
- Những kẻ gieo gió gặt bão - Minh Đạo	33 - 34
- Ngải dã đến mang lại nụ cười ... Thích Như Điển	35 - 43
- Các bài báo đăng về cuộc viếng thăm của Đức Đạt Lai Lạt Ma - T.N.Đ dịch	43 - 45

TRANG HOA PHƯỢNG

- Cây Tre trăm đốt - Hồng Nhiên sưu tầm	
- Mẹ trong lòng tôi - Sen Con Con	
- Vui Cười : Thiên Gây - Sen.	
- Ông Thần Lúa - Thanh Bình	
- Việt sử bằng tranh : Thập đạo Tướng Quân Lê Hoàn ... - Bùi Văn Bảo	
- Nhớ về cố hương - Như Viên	
- Giới thiệu Những Nụ Hoa Bần - Bùi Thị Rau Dzênh	
- Nội Kết - Lê Thị Bạch Nga	53 - 54
- Thuở ấy ven sông - Đỗ Quang Nghĩa	55 - 56
- Trái ô rô - Phong Hứng Lưu Nhơn Nghĩa	57 - 59
- Sao - Thúy Trúc	60 - 61
- Mẹ ơi, con sẽ về... - Phạm Hà Thanh	61
- Đồng Khổng Mông Quạnh : Tiếng hò đêm giã gạo - Hồ Trường An	62 - 67

Y HỌC THƯỜNG THỨC

- Dị ứng - Quỳnh Hoa	
- Chủng ngừa là gì ? - BS. Trương Ngọc Thanh & DS. Trương Thị Mỹ Hà	
- Gia Chánh Chay	72
- Vườn Thơ Viên Giác : Lửa hạ còn nồng - Phù Vân phụ trách	73 - 75
- Xung quanh vụ Mỹ bang giao với VNCS - L.K chuyển ngữ	76
- Tin Thời Sự - Phan Ngọc	77 - 79
- Tin Thể Thao - Người Giám Biên	80 - 81
- Túc Câu Phụ Nữ - Tam Anh	81 - 83
- Sinh hoạt cộng đồng	83 - 84
- Trại Hè hợp bạn - Phạm Hồng Sáu	84 - 85
- Nhân Tin - Giới Thiệu	85
- Giải đáp thắc mắc về việc tỵ nạn - Thiện Hữu Trần Hữu Lộc	86 - 87
- Tin Phật Sự	88 - 91
- Hộp Thư Viên Giác	91
- Danh sách cúng dường Đức Đạt Lai Lạt Ma - Phương Danh Cúng Dường	92 - 93
- Phân Ưu - Cáo Phó - Cảm Tạ - Tim Người Khẩn Cấp.	94 - 95

THƠ

- *Phượng Lan (Nguyễn Đình Phượng) - TĐ H D - Sen Thúy Hà -
Bé Ngọc - Phương Hà - Thanh Bình - Tuy Anh*

HÌNH BÌA

Cửa Hè Thanh Quang (Hannover)

THU tòa soạn

Vào ngày 18 tháng 6 năm 1995 vừa qua, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã ghé thăm chùa Viên Giác và thuyết pháp tại đây qua đề tài : "Tứ Diệu Đế và Quy Y Tam Bảo".

Tuy đề tài không mới lạ mấy đối với những Phật Tử thuần thành chúng ta. Nhưng với ngôn ngữ và từ dung của một bậc đã chứng đạo, khác xa những bài thuyết pháp bình thường. Ngài đã trải rộng lòng từ đến với mọi người trong ngày lịch sử hôm ấy. Đây cũng là lần đầu tiên chùa Viên Giác đã đón rước một bậc quốc vương, một bậc Thánh Tăng, mà hầu hết tất cả các Phật Tử cũng như mọi người Âu Mỹ đang ngưỡng vọng về Ngài. Mong rằng với tình thương, Ngài sẽ chinh phục được loài người, như giải thưởng Nobel Hòa Bình mà Ngài đã lãnh năm 1989; nhằm thức tỉnh thế nhân, đừng gây thù oán với nhau nữa, mà phải dùng tình thương để xóa bỏ hận thù.

Ngoài chùa Viên Giác trong hiện tại đã đi vào lòng người khắp năm châu bốn bể và cũng nhờ sự hiện diện của Ngài mà ngôi chùa càng ngày càng nổi bật hơn về mọi phương diện.

Rồi đây vào lễ Vu Lan này, ông Albrecht Thủ Tướng tiền nhiệm của Tiểu Bang Niedersachsen cũng sẽ hiện diện nơi chùa để dự lễ Vu Lan báo hiếu. Đây là lần đầu tiên ông Dr. Albrecht đã đến chùa. Mặc dầu trong suốt mười mấy năm qua, ông đã giúp đỡ hàng chục ngàn người Việt Nam chúng ta định cư tại tiểu bang này, và chúng ta đã mang ơn của ông cựu Thủ Tướng rất nhiều; nhưng chưa có cơ hội gặp gỡ trực tiếp để nói lên lời nói cảm ơn chân thành ấy. Năm nay, nhân lễ Vu Lan này, chùa sẽ đại diện cho tất cả mọi người Việt Nam tại Niedersachsen nói riêng và trên toàn nước Đức nói chung, cảm ơn tấm lòng từ ái của ông đã cứu mang tất cả người Việt chúng ta trong suốt thời gian qua. Ôn cứu tử ấy, thiết nghĩ chúng ta không bao giờ được phép quên cả, mà lúc nào chúng ta cũng phải luôn luôn hoài niệm như đấng sinh thành đã tái tạo chúng ta trong thế giới này.

Vu Lan, mùa báo hiếu lại về với người con Phật. Ôn nghĩa sanh thành của mẹ cha, của ông bà cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp nhắc nhở chúng ta phải trở lại cội nguồn. Làm con phải hiếu. Đó là đạo nghĩa của Á Đông chúng ta. Chúng ta ra đi, chưa có ngày trở lại; nhưng chắc chắn một điều, dầu ở bất cứ nơi đâu, chúng ta cũng không thể quên công ơn dưỡng dục cao dày của cha mẹ hiện tiền cũng như nhiều đời nhiều kiếp.

Ngày Vu Lan cũng là ngày xá tội vong nhân. Chúng ta cùng chung lời cầu nguyện cho những ai chẳng may sanh về cảnh khổ thì được sớm thác sanh về thế giới an lành hơn và những ai đang còn sống trên cõi đời này, cầu nguyện cho họ tuổi thọ được miễn trường.

Nhìn về quê nhà, quê hương ta đó; nhưng vẫn còn ngút ngàn khổ đau tục lụy. Mong rằng tình thương và trí tuệ sẽ gọi nhữn những người lãnh đạo, nhằm chuyển hóa họ trở về với con người chân thật của họ như thuở mới chào đời. Để cùng nhau xây dựng quê hương đất nước và yêu thương nhau như huynh đệ trong một nhà. Như thế mới khỏi hổ danh nòi giống Việt mà Tổ Tiên ta đã bao đời dày công gây dựng nên giang sơn gấm vóc này.

Cầu nguyện cho một đất nước Việt Nam thực sự an bình và nhân dân được an cư lạc nghiệp trong cuộc sống hàng ngày và cầu nguyện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà sớm qua cơn pháp nạn, để quang phục một Việt Nam hùng cường như thuở Lý, Trần.

Ban Biên Tập báo Viên Giác

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

NGÀY 07.6.1995

*** Một đảng viên cộng sản cao cấp tố cáo Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tiêu diệt GHPGVNTN**

*** Lập trường thống nhất Phật Giáo Việt Nam của Hòa Thượng Thích Trí Quang**

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam vừa nhận được một tập tài liệu quan trọng về Phật Giáo Việt Nam với lời ghi kèm: "Để củng cố đường Phật Đản năm nay, 1995". Vì không có liên hệ với ông Đỗ Trung Hiếu, tác giả tập tài liệu, nên chúng tôi không biết do ông Hiếu hay một người nào khác từ Việt Nam gửi tới. Tài liệu viết xong cách đây một năm, kết thúc ngày "Phật Đản 2538, ngày 15.4 Giáp Tuất (25.5.1994)".

Ông Đỗ Trung Hiếu, bí danh Mười Anh, người Khánh Hòa, đảng viên cộng sản thâm niên, phụ trách vấn đề tôn giáo. Trước 1975, làm Trưởng ban Trí Trẻ (vận động trí thức, sinh viên, học sinh) khu Sài Gòn - Gia Định, công tác dưới quyền của Trần Bạch Đằng. Sau 1975, ông được Xuân Thủy rồi Nguyễn Văn Linh và Trần Quốc Hoàn trực tiếp giao phó nhiệm vụ "thống nhất Phật giáo", mà thành quả là sự ra đời của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Nhà nước) ngày 4 tháng 11 năm 1981 tại Hà Nội. Chính ông Xuân Thủy, người điều khiển Phái đoàn Hà Nội tại hòa hội Paris cuối thập niên 60, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận và Mặt trận Trung ương, kiêm Bí thư Đảng Đoàn Ủy ban Mặt trận Trung ương, đã triệu ông Hiếu từ Sài Gòn ra Hà Nội đầu năm 1979 và giao cho ông Hiếu chức Chính ủy của đoàn công tác thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Qua tập tài liệu 50 trang đánh máy, mang tựa đề "Thống Nhất Phật Giáo", ông Đỗ Trung Hiếu cho biết chi tiết từng tên tuổi các vị lãnh đạo Đảng đến hàng giáo phẩm cao cấp Phật giáo, theo hoặc chống, trong quá trình thống nhất Phật giáo, do Đảng chủ trương, từ sau ngày Sài Gòn sụp đổ năm 1975.

*** Suốt quá trình thống nhất Phật giáo, Đảng nhắm biến tướng Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng**

Ông Hiếu cho biết một cách chính xác chủ trương của Trung ương Đảng và Ban Dân vận Trung ương về vấn đề thống nhất Phật giáo: "Nội dung đề án là biến hoàn toàn Phật giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn, vì chỉ có Tăng, Ni, không có Phật tử; chỉ có tổ chức bên trên không có tổ chức bên dưới, tên gọi là Hội Phật giáo Việt Nam (...). Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội (...). Lấy chùa làm cơ sở chứ không lấy quần chúng Phật tử làm đơn vị của tổ chức Giáo hội". Ông nhận định về sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước) tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, ngày 4.11.1981, như sau: "Thực sự đại biểu là giữa Phật giáo của ta và GHPGVNTN. Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam đều là đại biểu dự Đại hội, trong đó đại biểu của ta đa số. Chính tổ chức và hệ phái Phật giáo, GHPGVNTN là một, còn lại tám với những danh nghĩa khác nhau, nhưng tất cả đều hoặc là ta hoặc là chịu sự lãnh đạo của Đảng". (...) "Cuộc thống nhất Phật giáo lần này bên ngoài do các hòa thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay đảng Cộng sản Việt Nam xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến tướng Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng".

*** Nỗi e sợ của Đảng trước lực lượng quần chúng đông đảo và có uy tín quốc tế của GHPGVNTN**

Chủ trương trên đây là lập trường bất biến của Đảng và Nhà nước cộng sản đối với Phật giáo kể từ Chỉ thị số 20 do ông Trần Xuân Bách thảo và Bí thư thứ nhất Lê Duẩn ký năm 1960. Chính ông Xuân Thủy trình bày và nhấn mạnh việc cụ thể cho Đỗ Trung Hiếu khi bàn giao nhiệm vụ:

"Việc thống nhất Phật giáo Việt Nam theo tôi biết, Đảng chủ trương thống nhất của ta với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) khởi An Quang. Phật giáo của ta là Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (HPGTNVN) ở miền Bắc và Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước (BLLPGYN) ở miền Nam. Ở miền Bắc, Phật tử đã vào các đoàn thể quần chúng hết rồi, chỉ còn những cụ già đi lễ bái ở chùa ngày rằm, mồng một, theo tục lệ cổ truyền. Sự tiêu biểu thật hiếm. Cụ Trí Độ đã luống tuổi, quanh đi quẩn lại vẫn cụ Phạm Thế Long, nhưng khả năng đức độ của cụ ảnh hưởng trong nước và quốc tế hạn chế. BLLPGYN có khá hơn một tí. Cụ Minh Nguyệt (đảng viên cộng sản, theo ông Hiếu) có thành tích ở tù 15 năm Côn Đảo, cụ Thiện Hào (đảng viên cộng sản, theo ông Hiếu) có thành tích đi kháng chiến, nhưng điều Phật tử cần ở nhà Sư, cả hai cụ đều hạn chế."

"GHPGVNTN khởi An Quang là một tổ chức tôn giáo và tổ chức quần chúng mang tính xã hội chính trị có màu sắc dân tộc, thu hút đông đảo quần chúng và có uy tín trên thế giới, nhiều nhà sư tài giỏi. Nếu thống nhất theo Kiến nghị của cụ Đôn Hậu, có nghĩa là giải thể BLLPGYN, sát nhập HPGTNVN vào GHPGVNTN và chịu sự lãnh đạo của họ. Như thế GHPGVNTN phát triển ra toàn lãnh thổ Việt Nam chứ không chỉ ở miền Nam như trước năm 1975."

"Quan trọng là Đảng không bao giờ lãnh đạo được GHPGVNTN, mà ngược lại GHPGVNTN trở thành một tổ chức tôn giáo rộng lớn có đông đảo quần chúng, là một tổ chức có áp lực chính trị thường trực với Đảng và chính phủ Việt Nam."

"Thống nhất theo dự án của ban Tôn giáo chính phủ chưa ổn lắm, vì chúng qui cũng đưa các cụ ở HPGTNVN và BLLPGYN xách cặp cho GHPGVNTN mà thôi. Bởi vì các cụ ta đứng gần Thượng tọa Thích Trí Quang sẽ bị hút vào tay áo tràng của Thượng tọa hết".

Với một chủ trương như thế, những cuộc đàn áp gay gắt từ sau năm 1975 đối với GHPGVNTN là có kế hoạch quy mô, chứ không chỉ là chuyện tranh chấp giáo phái như nhà cầm quyền cộng sản thường giải thích. 12 Tăng, Ni tự thiêu tập thể tại chùa Dược Sư ở Cần Thơ ngày 2.11.75 là phản ứng chống đối quyết liệt đầu tiên của GHPGVNTN tại miền Nam. Và đặc biệt những biến động, bố ráp, bắt bớ Tăng, Ni, Phật tử trong 3 năm vừa qua càng minh chứng rõ hơn cho chủ trương này.

*** Lập trường thống nhất của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu**

Ngoài ra, ông Đỗ Trung Hiếu còn tiết lộ lập trường bên phía GHPGVNTN, mà đại biểu là hai vị lãnh đạo cao cấp: Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Hòa Thượng Thích Trí Quang. Hòa Thượng Đôn Hậu bị phe Cách mạng đưa lên núi sau vụ Tết Mậu Thân ở Huế và đem ra Hà Nội trong thời gian chiến tranh, gán cho chức Ủy viên Cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam; năm 1976 làm Đại biểu Quốc hội khóa 6 và Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc. Nhưng một thời gian sau, để phân đối việc chính quyền cộng sản đàn áp Phật giáo ở miền Nam, Hòa Thượng Đôn Hậu đã viết thư từ chức khỏi mọi danh vị và chức tước này. Theo ông Hiếu, Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu cực lực chống đối việc thống nhất Phật giáo để làm công cụ chính trị cho đảng cộng sản. Ông viết Ngài "nhất mực giữ vững lập trường, không hề lay chuyển cho đến ngày viên tịch (23.4.92)". Hòa Thượng nêu rõ lập trường này trong bản Kiến nghị gửi các ông Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Trường Chinh và Phạm Văn Đồng, liên "sau ngày giải phóng (miền Nam)" năm 1975. Ông Hiếu cho biết: "Đang từ chối đề án thống nhất Phật giáo của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và gán cho Hòa Thượng có ý đồ xấu, chống Đảng và Nhà nước Việt Nam cộng sản".

*** Lập trường Bốn Điểm của Hòa Thượng Thích Trí Quang**

Hai mươi năm qua, Hòa Thượng Trí Quang giữ im lặng, không cộng tác với chính quyền, cũng không tham dự cuộc "thống nhất Phật giáo" do Đảng chủ mưu. Nhờ tài liệu của ông Đỗ Trung Hiếu mà người ta biết rõ lập trường của Hòa

Thượng Thích Trí Quang đòi hỏi thống nhất Phật giáo qua yếu sách Bốn điểm sau đây:

1. "Về mặt đạo, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là phát huy bản sắc duy nhất của đạo Phật là Giác ngộ, Giải thoát, và tôn trọng phương tiện tu hành của mỗi hệ phái. Thực chất chỉ có Nam tông, Bắc tông. Việt Nam có cả hai. Các nước khác có Nam tông, không có Bắc tông hoặc ngược lại.

2. "Về mặt tổ chức, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là Phật giáo Việt Nam chỉ có một tổ chức có tư cách pháp nhân ở trong nước và quan hệ với quốc tế. Tổ chức Phật giáo đó có hệ thống thông suốt từ Trung ương đến địa phương cơ sở. Tất cả chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo duy nhất của Trung ương. Các hệ phái được quyền giữ phương tiện tu hành riêng, nhưng phải nằm trong và chịu sự lãnh đạo chung của tổ chức.

3. "Về mặt xã hội, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là mọi hoạt động xã hội và tham gia các hoạt động xã hội phải tuân theo sự lãnh đạo của Trung ương Giáo hội, độc lập và phù hợp với Giáo lý đức Phật.

4. "Về nhân sự, thống nhất Phật giáo Việt Nam tức là các vị Cao Tăng đức độ được Tăng, Ni, Phật tử cả nước tín nhiệm, cung thỉnh và suy cử, chứ không phải là sự thỏa thuận hoặc áp đặt theo yêu cầu chính trị.

"Nói chung, thống nhất Phật giáo Việt Nam là tăng cường sự thanh khiết và sức mạnh của Phật giáo Việt Nam chứ không phải là làm bài toán cộng".

Đương nhiên Đảng và Nhà nước bác bỏ lập trường thống nhất theo Bốn điểm đúng chính của Phật giáo trên đây. Nên cuộc đàn áp Phật giáo nói chung, truy triệt GHPGVNTN nói riêng, mới tiếp diễn hung hãn cho đến hôm nay.

* Ông Nguyễn Văn Linh thăm thù Hòa Thượng Thích Trí Quang vì HT cho Đảng đo ván ba lần

Đặc biệt ông Hiếu còn cho biết thái độ của Đảng đối với Hòa Thượng Trí Quang. Trả lời câu hỏi của ông Xuân Thủy "Nghĩ sao về Thích Trí Quang?", ông Hiếu đáp: "Anh 4 Anh (Trần Bạch Đằng) nói anh út (Nguyễn Văn Linh) giận Thích Trí Quang lắm, và Mặt trận Giải phóng miền Nam (MTGPMN) chưa hề thua ai, thế mà Trí Quang cho đo ván ba lần. Ba lần đó Thích Trí Quang đã cứu Mỹ nguy một cách nhẹ nhàng. Bao nhiêu triệu dollars mới trả nổi những đòn chiến lược đó?".

Ba lần đo ván đó là những lần nào? Đỗ Trung Hiếu kể cho ông Xuân Thủy nghe điều mà Nguyễn Văn Linh, nguyên Bí thư Trung ương cục miền Nam phản ánh:

"Năm 1964 nhân trận lụt lớn ở miền Trung, quân Giải phóng chuẩn bị nhổ các đồn bốt nguy, Thượng Tọa Trí Quang nêu khẩu hiệu "GHPGVNTN cứu lụt". Cờ 5 màu dựng trên các ca nô, tàu, máy bay, trục thăng cứu sạch bọn nguy quân. Cũng năm 1964, nhân dân phần nộ trước chính quyền quân phiệt nguy. MTGPMN nêu khẩu hiệu chống quân phiệt để đẩy mạnh Phong trào đô thị, Thượng Tọa Trí Quang lập "Hội đồng Nhân dân Cứu quốc" miền Trung đòi Chính phủ Dân sự, gom hết quân chúng về phía mình và đập xẹp khẩu hiệu của ta. Năm 1965, Mỹ đổ quân trắng trợn xâm lược miền Nam Việt Nam. MTGPMN đẩy mạnh Phong trào Chiến tranh Cách mạng chống Mỹ xâm lược, Thượng Tọa Trí Quang nêu khẩu hiệu "Cầu nguyện Hòa bình" làm hạn chế cuộc chiến tranh chống Mỹ của ta".

* Ông Hiếu tố cáo Đảng Cộng sản vừa độc tài vừa phong kiến khủng khiếp

Các đảng viên ngày nay nghĩ về Đảng mình như thế nào? Ý kiến ông Đỗ Trung Hiếu là: "Bộ chính trị là một tập thể mỗi-người-làm-mỗi-cách theo ý của Tổng Bí thư. Ban Bí thư cũng là một tập thể mỗi-người-cát-cứ-một-linh-vực theo sự chỉ huy của Tổng Bí thư, và Tổng Bí thư là tập trung dân chủ. Một chế độ vừa độc tài vừa phong kiến khủng khiếp". Ông Nguyễn Quang Huy, cán bộ phụ trách dân vận và tôn giáo vận ở miền Bắc, thì chưa cay tâm sự với ông Hiếu: "Đảng không phải là của mình, mà là của mấy ông, chỉ là

của mấy ông thôi, dù mình là đảng viên. Tất cả đảng viên chỉ là con cờ cho mấy ông sử dụng thôi".

Kết thúc bản tài liệu "Thống nhất Phật giáo", ông Đỗ Trung Hiếu răn đe Ban Bí thư Đảng:

"Nếu làm giám đốc một công ty, sai, bị lỗ đôi ba tỷ đồng, gây đau khổ đấy. Nhưng anh có thể làm giới kiểm tiền bù lại. Còn lĩnh vực này (tôn giáo), sai, ít nhất gây buồn phiền đau khổ cho biết bao triệu con người, lớn hơn là làm cho nhiều người bị tù đầy chết chóc. Điều đó không lấy gì và làm sao bù đắp được. Tốt nhất các anh nên suy nghĩ thật chín chắn, phác họa một đề án chiến lược hợp lòng dân trên nguyên tắc Cái Gì Của Cesar Hãy Trả Lại Cho Cesar (...). Các anh nhớ đừng làm gì để họa cho Dân tộc, gây đau khổ cho đồng bào các tôn giáo. Nghiệp báo đời đời".

Làm tại Paris, ngày 7.6.1995

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

* Toàn văn tài liệu "Thống nhất Phật giáo" của ông Đỗ Trung Hiếu vừa được đăng tải trên tạp chí Quê Mẹ số 133, và trên Báo Viên Giác số 87 tháng 6.1995.

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 11.7.1995

* Tại Việt Nam, hàng Giáo phẩm Phật giáo các cấp đồng loạt lên tiếng đòi quyền "Tự do tôn giáo" và "Phục hồi sinh hoạt cho GHPGVNTN":

* HT. Thích Đồng Thiện phản đối chính quyền Bình Định không cho đi thăm nuôi HT. Thích Huyền Quang

* HT. Thích Đức Nhuận ra Tuyên cáo minh định lập trường

* Tại Sài Gòn, trước 3000 Phật tử tham dự kỷ niệm 32 năm Ngày Bỏ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu, TT. Thích Thông Bửu tuyên bố: "Đổi mới chỉ thực sự toàn diện, khi GHPGVNTN được phục hồi sinh hoạt!"

* Hòa Thượng Thích Đồng Thiện, 73 tuổi, hiện trú trì Tu viện Nguyên Thiệu ở xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã liên tiếp viết hai lá "Đơn Xin Cứu Xét" gửi nhà cầm quyền cộng sản xin được thăm nuôi HT. Thích Huyền Quang. Nhưng việc thăm nuôi vẫn không được thỏa mãn. Mặc dù hai bức thư viết cách nhau trên bốn tháng (16.1.95 và 20.5.95).

Đơn xin cứu xét thứ nhất, viết ngày 16.1.95 đồng gửi ông Giám đốc Sở Công an Bình Định và Phòng P.A 16 sở Công an tỉnh Bình Định, cho biết Tu viện Nguyên Thiệu là một cơ sở giáo dục đào tạo Tăng Ni Phật giáo hoạt động gần 40 năm qua, mà HT. Thích Huyền Quang là bậc thầy đã từng chăm sóc về đạo lý và đóng góp vật chất xây dựng Tu viện. Nhưng Tăng tín đồ của Tu viện đã bị cách ly với HT. Huyền Quang, vì "Năm 1982, HT bị nhà nước Việt Nam đưa từ TP Hồ Chí Minh về quản thúc tại chùa Hội Phước, thị xã Quảng Ngãi. (...) Đặc biệt là trong thời gian gần đây, chúng tôi được biết HT lại bị cơ quan chức trách nhà nước chuyển ngài đi nơi khác. Sự kiện này làm chúng tôi vô cùng hoang mang và đau xót, chúng tôi chưa biết được chính xác là nhà nước đã chuyển ngài đến nơi nào và sức khỏe của ngài ra sao trong tình trạng tuổi già sức yếu, cô đơn và rất cần đến sự chăm sóc". Tu viện Nguyên Thiệu yêu cầu chính quyền đáp ứng hai nguyện vọng:

"1. Xin sở Công an Bình Định cho chúng tôi biết rõ ràng, cụ thể nơi mà Thầy chúng tôi (HT Huyền Quang) bị nhà nước chuyển đến và đang bị giam giữ;

"2. Trong hiện trạng mà quý cơ quan gọi là đang căng thẳng khó khăn, chúng tôi nghĩ là quý cơ quan có thể giúp cho người ở tại Tu viện chúng tôi (vị nào quý vị xét là thân tình, tử đệ của Hòa Thượng) một giấy phép đặc biệt để được thăm ngài".

Vì không được nhà cầm quyền giải quyết trong sự việc hoặc trả lời bằng văn thư, HT. Thích Đồng Thiện lại viết đơn xin cứu xét lần thứ hai ngày 20.5.95 đồng gửi đến các ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng ban Tôn giáo và Dân vận tỉnh

Bình Định, nêu lên "vấn đề quản thúc, cầm giữ các vị lãnh đạo kỳ cựu của Phật giáo" và việc Tu viện Nguyễn Thiều bị ngành công an tỉnh Bình Định quản lý: "Cuối năm 1994, nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đã dời chuyển HT. Huyền Quang ra khỏi nơi quản thúc ngài là chùa Hội Phước thuộc thị xã Quảng Ngãi. Việc này xảy ra và lập tức Tu viện chúng tôi bị khống chế về việc giao lưu với Quảng Ngãi. Đồng thời người của Tu viện luôn bị ức chế tinh thần do tác động của ngành Công an".

Đơn xin cứu xét lần thứ hai ghi nhận chi tiết HT. Huyền Quang bị giam cầm: "Mãi đến khi chúng tôi làm đơn xin cứu xét (16.1.95) về việc xin thăm nuôi với sở Công an Bình Định chúng tôi mới được thông báo nơi cầm giữ ngài, kèm với những lời khuyên bảo về luật pháp nhằm nội dung đề nghị, nghiêm cấm người của Tu viện cùng các vị đệ tử, học trò của Hòa Thượng đi Quảng Ngãi để thăm Ngài".

HT. Thích Đồng Thiện minh định thái độ của chư Tăng và Phật tử Bình Định: "Một xã hội nào dầu cho sa đọa tinh thần, suy vong đạo lý đến đâu cũng không đến nỗi phải buộc con người tuân theo một lối sống phi đạo lý: Trò phản Thầy, con bỏ cha (...) Nay Tu viện chúng tôi làm đơn cứu xét này trình đến ông Chủ tịch và quý Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt cho những yêu cầu chính đáng của chúng tôi. Nếu quý vị không lưu tâm đến nỗi niềm xót xa đạo lý này thì buộc lòng chúng tôi phải nghĩ rằng luật pháp chỉ nhằm phục vụ cho thế lực và cường quyền, và chúng tôi khi đã vượt quá sự ỷ nại, đợi chờ trong đau xót thì chúng tôi sẽ phải làm những gì xét thấy hợp lý".

* Trước những tin đồn thất thiệt nhằm gây hoang mang và chia rẽ trong đại khối quần chúng Phật tử trong nước, Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, nguyên Chánh Thư ký Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), đã ra một Tuyên Cáo ngày 5.6.1995 cho biết: "Trong những ngày gần đây, ở nước ngoài có dư luận cho rằng "Tôi đã từ bỏ việc tán trợ phục hoạt GHPGVNTN" tôi xin minh định lập trường trước sau như một là: Tôi hoàn toàn ủng hộ việc đòi hỏi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam hãy trả vị trí của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất về lại cho Giáo Hội ấy - vì đây là một sự đòi hỏi chính đáng, hợp với lòng người. (...) Đạo Phật Việt Nam không thể đặt mình dưới sự chỉ đạo của bất cứ một tổ chức chính trị nào, vì như thế là làm trái với giáo luật do Đức Phật đã chế định. (...)

"Trước sự sụp đổ của khối cộng sản quốc tế, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam tự thân xét lại những suy tư và việc làm... đã công khai tuyên bố: "Đổi mới tư duy", "Trở về nguồn", và hô hào "Khép lại quá khứ, quên đi hận thù, cùng nhau đoàn kết hòa giải hòa hợp dân tộc" để toàn dân chung lo xây dựng đất nước mỗi ngày thêm tốt đẹp.

Tôi trân trọng yêu cầu nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam vì sự đoàn kết toàn dân thống nhất đất nước, khơi dậy niềm tin đã mất trong cộng đồng dân tộc, thực hiện quyền "Tự do tín ngưỡng tôn giáo" là hãy để cho GHPGVNTN được sinh hoạt bình thường như trước năm 1975".

* Năm nay tại chùa Quán Thế Âm ở số 90 đường Thích Quảng Đức, Sài Gòn, nhân Đại lễ kỷ niệm năm thứ 32 Ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu để bảo vệ Chánh Pháp (11.6.1963), Thượng Tọa Thích Thông Bửu đã đọc một bài diễn văn dài trước hàng trăm Tăng Ni đại diện các chùa viện, đại diện các cơ quan nhà nước và 3000 Phật tử về tham dự. Ba nghìn Phật tử này trực thuộc 31 Liên chúng Thích Quảng Đức, 49 Liên chúng Trí giả Đại sư, Liên chúng Tịnh độ, Liên chúng Xóm Chùa và Liên chúng Tôn giả La Hâu La là Liên chúng thanh thiếu niên thuộc Gia Đình Phật Tử.

TT. Thích Thông Bửu là trưởng tử (trong đạo) của Bồ Tát Quảng Đức, Viện chủ chùa Quán Thế Âm, nơi cư ngụ cuối cùng của Bồ Tát Quảng Đức trước khi tự thiêu và cũng là một trong 31 ngôi chùa do ngài xây dựng lúc sinh tiền.

Mở đầu bài diễn văn TT. Thích Thông Bửu phân tích ý nghĩa tự thiêu của Bồ Tát Quảng Đức năm 1963, ngoài việc "san phẳng hố bất bình" còn là "Dấu ấn thống nhất dòng tư tưởng của Đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật", kế thừa công

lao "kết hợp hoàn chỉnh ba tạng kinh điển" của Bồ Tát Long Thọ.

Thượng Tọa tuyên bố: "Đúng vậy, nhân loại từ năm 1963 mới được đón nhận sự thống nhất toàn triệt về hai hệ thống tiểu thừa và đại thừa giáo. Chất liệu là ánh lửa Từ Bi của Bồ Tát Quảng Đức; còn người thực hiện cuộc thống nhất lịch sử này là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất". (...) Chỉ có tại Việt Nam, Bồ Tát Quảng Đức mới thống nhất được dòng tư tưởng của Đức Phật, mà suốt thời gian hơn hai ngàn năm trăm năm đã bị chia đôi!".

Nhận định về Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Giáo hội Nhà nước), TT. Thông Bửu cho biết ý kiến: "Giáo hội Phật giáo Việt Nam do hai Hòa Thượng Trí Tịnh và Thiện Hào lãnh đạo, được Nhà nước Việt Nam thừa nhận, đầy đủ pháp lý (...) có công thống nhất Phật giáo Việt Nam theo ý nghĩa không gian và thời gian (1). Không gian là thống nhất hai miền Nam Bắc Việt Nam; thời gian là thống nhất các hệ phái".

Tuy nhiên, TT. đề cao vai trò trọng yếu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) mà hiện nay không được nhà nước cộng sản thừa nhận, khiến cho "Người con Phật tại Việt Nam vẫn chưa trọn nở nụ cười, bởi vì ba ý nghĩa thống nhất chưa hòa một". Vì theo Thượng Tọa, trước khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Giáo hội Nhà nước) ra đời, GHPGVNTN đã hiện diện:

"Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Giáo hội này không mang ý nghĩa hệ phái). Tuy hiện nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không được chính quyền Việt Nam thừa nhận, nhưng nó đã được lịch sử thừa nhận. Bởi vì, nó đã có công với nhân loại, tức là đã có công thống nhất dòng tư tưởng của Đức Phật, thống nhất cả ba thừa giáo thành một hệ thống: Thống nhất không gian, thống nhất thời gian và thống nhất tư tưởng".

Theo TT. Thông Bửu thì "Cả ba (sự thống nhất) không thể thiếu một! Nếu thiếu bất cứ một cái nào, thì sự thống nhất ấy hoàn toàn vô nghĩa. Cũng ví như chiếc lư hương ba chân, gãy mất một chân thì chẳng sử dụng nó là chiếc lư hương".

Hương tới Nhà nước cộng sản Việt Nam, TT. Thông Bửu kêu gọi:

"Nhà nước Việt Nam đã đi vào "đổi mới", dù chưa toàn diện... Vậy thì không lẽ Nhà nước Việt Nam lại nở hà tiện gì với đạo Phật Việt Nam mà không cho Phật giáo Việt Nam đổi mới. Nếu như thế thì làm sao có thể gọi là đổi mới toàn diện?".

TT. cực lực xác định: "Tập thể Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, từ trước đến nay chưa hề có tội gì với đất nước này cả. Cho nên, Giáo hội ấy không thể nào bị khai tử một cách "tức tưởi". Nó chết không phải thiệt hại cho riêng bộ phận của nó, mà cả đại bộ phận Dân tộc Việt Nam, cả toàn dân, toàn quân, toàn Đảng đều bị thiệt hại".

Giải pháp TT. Thông Bửu đưa ra là: "Việc hai Giáo hội (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Giáo hội Phật Giáo Việt Nam) cả hai thống nhất thành một, cùng ngồi chung, cùng chung luận đàm, cùng chung lo việc đạo, việc nước chắc chắn là hợp tình, hợp lý, hợp lịch sử, hợp lòng người".

Tuy nhiên, để thực hiện giải pháp nói trên, thì trước tiên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phải được phục hồi quyền sinh hoạt như trước năm 1975. Lập trường đòi phục hoạt này, nhị vị Hòa Thượng lãnh đạo Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ đã không ngừng yêu sách trong cuộc tranh đấu ba năm qua. Nhưng trở trêu thay, hai Hòa Thượng đều bị nhà nước cộng sản Việt Nam giam cầm mà chẳng cho biết tội danh, chẳng hề được xét xử công khai.

Làm tại Paris, ngày 11.7.1995 Phòng T.T Phật Giáo Quốc Tế

(1) Ông Đỗ Trung Hiếu, một cán bộ cộng sản cao cấp công tác Tôn giáo vận, người tiến hành việc thiết lập Giáo hội Phật giáo Nhà nước năm 1981. Trong tài liệu "Thống Nhất Phật Giáo" (xem toàn văn đăng trên tạp chí Quê Mẹ số 133 và trên Báo Viên Giác số 87 tháng 6 năm 1995), ông Hiếu tiết lộ mục tiêu thống nhất Phật giáo của Đảng cộng sản là "nhằm biến tướng Phật giáo làm công cụ cho Đảng".



SỰ PHÊ BÌNH CỦA PHẬT GIÁO

ĐỐI VỚI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

. Thích Trí Chơn

(tiếp theo)

Tuy nhiên nhiều Phật tử nghĩ rằng học thuyết Mác xít được xem như một loại "Phật Giáo đã bị hiểu lầm hay hiểu nửa vời" đã góp phần phục vụ cho nền Phật Giáo chân chính. Đặc biệt người Phật tử tin rằng chủ nghĩa Mác xít đã tích cực ủng hộ cho học thuyết vô thần. Đối với tín đồ Phật Giáo, sự xuất hiện chủ thuyết vô thần tại các quốc gia từ lâu bị khống chế bởi tư tưởng Thiên Chúa hữu thần đã đóng góp như một bằng chứng lịch sử về chủ trương tích cực của họ chống lại tư tưởng hữu thần.

Đạo Thiên Chúa hữu thần ở Tây phương với mười ngàn giáo đoàn giảng truyền bực thông điệp cứu rỗi đã tạo điều kiện phát sinh ngay trên đất Âu Châu chủ thuyết duy vật vô thần. Duy vật biện chứng chủ nghĩa đã hủy diệt thành quả của đạo Thiên Chúa ở Âu Châu và đang chinh phục toàn thế giới cũng như đánh bại Thiên Chúa Giáo ngay trên phần đất mà từ lâu tôn giáo này đã vững chắc xây dựng. Người Phật tử thấy rõ điều ấy. Họ chống đối chủ nghĩa Mác xít vì nó trình bày cuộc sống hoàn toàn phát sinh từ vật chất, tuy nhiên các Phật tử vẫn xem những người Mác xít như đồng minh của họ trong cuộc đấu tranh chống lại Tây phương theo Thiên Chúa hữu thần.

Bởi vậy, U Ba Yin, cựu Bộ trưởng Giáo dục của Miến Điện trong loạt bài mang tựa đề "Con đường hướng đến dân chủ của đức Phật" (Buddha's Way to Democracy) đã chống đối học thuyết Mác xít và chê trách chính những người hữu thần Tây phương đã góp phần trong việc bành trướng duy vật chủ nghĩa; tuy nhiên ông lại bảo rằng những người Mác xít đã làm "một công việc ý nghĩa" giúp cho Phật Giáo là bởi họ tranh đấu chống lại hữu thần Thiên Chúa. U Ba Yin trình bày rằng chính sự "tin tưởng mù quáng vào đấng Thượng Đế toàn trị, toàn năng như là nguồn gốc sâu xa của mọi ý tưởng độc tài và là một trở ngại lớn lao nhất đối với nền dân chủ chân chính". "Khi phủ nhận quan niệm về Thượng Đế, đức Phật đã nỗ lực hết mình để giải phóng con người thoát khỏi mọi sự ràng buộc, khống chế bởi tư tưởng độc tài, vì Ngài nhận thức rằng bao lâu giai cấp lãnh đạo còn áp dụng một thể chế độc tài thì con người không bao giờ hưởng được

nhân quyền và có tự do tư tưởng... Tư tưởng độc tài, dù bắt nguồn từ đấng Thượng Đế hay con người đều là hành động chuyên chế với mọi điều tệ hại xấu xa của nó...

"Đức Phật đã dạy rằng bản chất của sự độc tài là hành động thống trị bạo ngược và bằng giáo lý phủ nhận sự hiện hữu của một đấng Thượng Đế chuyên quyền, Ngài đã giải cứu nhân loại thoát khỏi mọi hình thức độc tài và hủy diệt tất cả những nguyên nhân gây nên sự đàn áp tàn bạo dã man con người. Đức Phật đã giúp nhân loại có được sự bình đẳng và thoát khỏi sự lo âu cũng như đặt nền tảng cho sự xây dựng một thế giới thực sự hoàn toàn dân chủ".

Độc giả Tây phương chắc chắn vô cùng ngạc nhiên khi nghe nói rằng sự chọn lựa giữa chính thể độc tài hay dân chủ thực tế cũng có nghĩa là sự chọn lựa giữa Thượng Đế độc tài và Đức Phật dân chủ. Học giả U Ba Yin lý luận tiếp bảo rằng Mác xít chủ nghĩa đã chứng minh cho thấy tư tưởng hữu thần đang sụp đổ tại các nước Tây phương là nơi mà nó phát sinh và đang trên đường dẫn đến sự cáo chung. Tương lai không còn quốc gia nào có thể cưỡng tin chấp nhận tin vào giáo lý hữu thần.

Khi thảo luận với các nhà trí thức Nhật Bản, tôi nhận thấy họ thường bày tỏ ý kiến cho rằng thuyết vô thần đã góp phần vào sự hủy diệt đạo Thiên Chúa. Và tôi tin rằng phần đông những Phật tử ở các nước Á Châu đã chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng này. Tại Tích Lan và Miến Điện nhiều giáo sư đại học cũng có ý kiến như vậy, nhất là học giả Vijayavardhana đã trình bày vấn đề có chiều sâu hơn. Ông bảo rằng chủ nghĩa vô thần của cộng sản xuất hiện đã góp phần vào sự tiến hóa của tôn giáo trong nhân loại. Ông nói chủ thuyết hữu thần đã tiếp tay cho sự phát triển toàn bộ của nền văn minh Tây phương và niềm tin vào đấng Thượng Đế độc quyền làm chúa tể nơi thiên đàng là nguyên nhân chính tạo nên mọi hình thức nô lệ.

Do đó mà Vijayavardhana không ưa thích các giáo đoàn Thiên Chúa nhất là những đoàn truyền giáo tại Á Châu thuộc giáo hội La Mã: "Không có nơi nào con người có được tự do tư tưởng bao lâu còn có những giáo sĩ độc tài được phép giảng truyền cho con em chúng ta rằng hãy tin theo đạo Chúa để hưởng phúc đời đời nơi thiên đàng còn

không sẽ vĩnh viễn bị đày đọa vào địa ngục.

"Chúng tôi chống hệ thống thần quyền cũng như phản đối tại Liên Xô đã sản xuất những con người máy làm nô lệ, phục vụ cho chính quyền cộng sản. Những hệ thống giáo dục của các giáo hội Thiên Chúa đã chủ trương đào tạo nên một lớp người nô lệ còn tồi tệ hơn, đó là những con chiên chỉ biết làm tay sai, phục vụ cho giáo hội Thiên Chúa".

Phật Giáo nhận thấy rằng một sự cạnh tranh lớn tại chiến trường Châu Âu đang dần dần hiện rõ, đó là "Điện Kremlin tại Liên Xô và Tòa thánh Vatican ở La Mã là hai trung tâm quyền lực khống chế tinh thần con người và đe dọa mọi thứ tự do tư tưởng của nhân loại hiện nay. Như hai cực trên quả địa cầu, những quyền lực này đã tranh nhau chi phối nền tảng luân lý của thế giới và cả hai đều chung nhắm đến một mục đích, đó là độc quyền kiểm soát, khống chế tư tưởng của con người".

Do đó, nền đạo đức xã hội Phật Giáo hiện đại và chương trình từ thiện xã hội của Phật Giáo đã không loại bỏ một sự có thể hợp tác với chủ thuyết cộng sản, nhất là nếu người ta không nghĩ rằng sự thành tựu trong các xã hội không tưởng đó như là phương tiện để đạt tới cứu cánh Niết Bàn. Chương trình từ thiện xã hội của Phật Giáo căn bản nhằm cung cấp phương tiện đời sống vật chất để giúp con người tu tập đạt đến cứu cánh chứng đắc Niết Bàn. Nhưng thực là điều nguy hiểm nếu mục tiêu tối hậu giải thoát này mà bị lãng quên. Trung Cộng đã cố gắng tuyên truyền, đặc biệt tại vùng bắc Miến Điện, khiến mọi người Phật tử tin rằng cộng sản chủ nghĩa có thể thực hiện những điều tốt đẹp của lý tưởng Phật Giáo mà họ đang kính thờ.

Điều thực ý nghĩa đáng nói là nhóm Thakin, trong đó có hai ông U Nu và Aung San, những vị từng xây dựng nền độc lập Miến Điện, đã tranh đấu cho lập trường thiên tả của họ. Các nhân vật tả khuynh này đã tuyên bố rằng chương trình Phật Giáo xã hội chủ nghĩa do U Nu và các lãnh tụ khác đề xướng có phần giống với lý thuyết cộng sản. Trong tập sách nói về cuộc cách mạng tại Miến do Bộ Thông Tin chính phủ Miến Điện ấn hành có trình bày về sự phát triển ý thức hệ của nhóm Thakin như sau:

"Những người theo nhóm này có nhiệt tâm truyền đạo, tuy nhiên cứu cánh họ thuyết giảng không phải là thứ Niết Bàn mà mọi người Phật tử đều mong thành tựu, nhưng đó là cánh giới Niết Bàn hiện đại của Miến Điện chịu ảnh hưởng bởi cộng sản chủ nghĩa. Một số người khác chấp nhận lý thuyết cộng sản đồng thời họ cũng trình bày một lý tưởng Phật Giáo riêng của họ và phát biểu rằng Phật Giáo là một tôn giáo hết sức khoa học trên thế giới và giáo lý của nó giống như lý thuyết cộng sản".

Thực là điều tai hại khi một chương trình xã hội của nền Phật Giáo cách

mạng hiện đại được biến đổi thành chương trình của cộng sản và mục đích sau cùng của Phật Giáo đã không đạt tới được. Điều khó khăn hơn bởi Phật Giáo là tôn giáo của hạng người có ý chí quyết tâm. Sự thành tựu mục tiêu giải thoát của nó đòi hỏi người Phật tử cần phải tinh tấn, nỗ lực nhiều trong việc tu tập và hành trì giới luật. Đa số quần chúng vì phải lo nghĩ cực nhọc trong việc mưu sinh nên thường dễ bị nhầm lẫn các phương tiện đã giúp họ cải thiện đời sống trong một nước theo xã hội chủ nghĩa như là cứu cánh giải thoát sau cùng của Phật Giáo.

Do đó, các lãnh tụ theo chủ nghĩa xã hội Phật Giáo luôn luôn thấy trước nguy cơ này và họ thường nhắc nhở cảnh cáo người Phật tử cần chú tâm nhiều hơn đến cứu cánh giải thoát của Phật Giáo. Trong bài thuyết trình đọc vào tháng 12 năm 1953, ông U Ba Swe của Miến Điện đã bày tỏ như sau:

"Có thể nói rằng chúng ta đã đạt tới một quốc gia theo xã hội chủ nghĩa. Nhưng rồi có người sẽ hỏi các nhu cầu vật chất mà chúng ta đang thụ hưởng... thực sự có phải là mục tiêu cuối cùng của sự sống hay không... Khi quá bận rộn lo âu nhiều đến nhà ở, thức ăn và áo quần, tâm con người không thể nào tập trung suy nghĩ đến sự già nua, bệnh tật và chết chóc. Nhưng khi nhu cầu vật chất đã được hoàn toàn thỏa mãn, con người sẽ phải nghĩ nhiều đến các điều thực tế trên của kiếp nhân sinh. Mác xít chủ nghĩa không thể nào đáp ứng được nhu cầu giải thoát tinh thần này... Duy nhất chỉ có Phật Giáo mới giúp chúng ta thực hiện được sự giải thoát tâm linh đó. Chừng nào mà con người có được sự an lạc nội tâm, lúc ấy chúng ta mới thực sự tìm thấy hạnh phúc trong đời sống. Chỉ có như vậy chúng ta mới được hoàn toàn giải thoát khỏi thế giới phiền não khổ đau này..."

Các độc giả Tây phương có thể rất ngạc nhiên khi nhận thấy rằng ông Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Chủ tịch đảng Xã hội tại Miến đã phát biểu rằng các thành viên trong đảng Lao động nên xem vấn đề chính yếu là sự giải thoát, và mục tiêu căn bản của họ là sự thoát ly khỏi thế giới trần tục để đạt tới cảnh giới Niết Bàn. Nếu một lãnh tụ ở Tây phương mà phát biểu như vậy tại hội nghị của đảng Lao động thì chắc chắn ông ta sẽ bị mọi người cười cho.

Nhưng điều đáng lo ngại nhất là với những thành quả không đáng kể mà các nhà lãnh đạo xã hội chủ nghĩa tại Miến đã gặt hái được cùng với những nỗ lực giúp người dân xứ này có cuộc sống vật chất đầy đủ sẽ khiến mọi người quên đi mục đích giải thoát khỏi thế giới trần tục khổ đau hiện nay, và mới lo sợ này mới thực lớn lao đối với những người Phật tử chân chính.

Trích tác phẩm "Buddhism or Communism Which Holds the Future of Asia" (Phật Giáo hay Cộng Sản Sẽ Nắm Giữ Tương Lai của Á Châu)

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

• NGÀY 3.5.1995

* **39** Đại biểu các quốc gia tham dự Đại hội Dân chủ tại Hoa Thịnh Đốn yêu cầu nhà cầm quyền Hà Nội ngưng cuộc chiến chống lại nhân dân Việt Nam và mở đầu tiến trình Dân chủ

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam do ông Võ Văn Ái cầm đầu đã được mời tham dự Đại hội Dân chủ Thế giới lần thứ 5 do Tổ chức Quốc gia Yểm trợ Dân chủ (National Endowment for Democracy) tổ chức tại dinh Dirksen Thượng viện Hoa Kỳ ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn trong ba ngày 1, 2 và 3.5.95. Nhân dịp Đại hội này, 39 Đại biểu thuộc các nước Á Châu, Châu Mỹ La Tinh, Phi Châu, Trung Đông đã ký chung một bản Kiến nghị về vấn đề Việt Nam như sau:

"Khác với điều người ta thường nghĩ, chiến tranh tại Việt Nam chưa kết thúc. Nhà cầm quyền Hà Nội vẫn tiếp tục cuộc chiến chống nhân dân, một cuộc chiến tranh chống lại những người thường dân Việt Nam.

Vì điều kiện kinh tế bi thảm, giới lãnh đạo CHXHCNVN phải kêu gọi thế giới viện trợ. Nhưng lại bất cần sự tham gia tái thiết của nhân dân trong nước. Hoạt động kinh tế tại Việt Nam hồi phục nhờ các nước Âu Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận. Tuy nhiên lợi lộc kinh tế nhân dân không được hưởng, mà lại rơi vào túi tham không đáy của giới quan liêu của quyền thuộc các cấp Đảng, Đảng và Nhà nước cộng sản vẫn duy trì lệnh cấm vận đối với mọi thành phần dân tộc.

Chúng tôi, đại biểu những tổ chức Dân chủ và Nhân quyền trong các quốc gia có tên dưới đây, kêu gọi chính phủ CHXHCN Việt Nam hãy chấm dứt ngay cuộc chiến tranh chống lại nhân dân và mở đầu tiến trình dân chủ bằng những hành động cụ thể sau đây:

1) Thực hiện đa nguyên bằng cách hủy bỏ điều 4 trên Hiến Pháp quy định quyền độc tôn độc quyền của đảng Cộng sản trong việc quản lý nhà nước;

2) Bảo đảm và tôn trọng các dân quyền căn bản như tự do tư tưởng, tin ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do lập hội;

3) Trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị, tù nhân vì lương tâm. đặc biệt hai vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

Chúng tôi cũng cất lời kêu gọi Cộng đồng quốc tế và Chính phủ Hoa Kỳ hãy tiên quyết đặt điều kiện nhân quyền trong mọi cuộc thương thảo với nhà cầm quyền CHXHCNVN".

Ký tên:

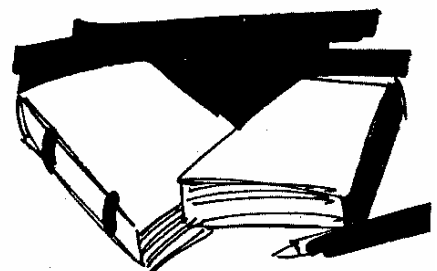
Writer's Union for a Free Afghanistan
 • United Front for Democracy and Human Rights in Burma • National Coalition Government of the Union of Burma • Khmer Institute of Democracy • Democratic China; Tendency Quarterly; Human Rights in China; Han Dong-Fang / China Labor Bulletin • AntiWar Campaign of Croatia. Places in the Heart (Czech Republic) • Disidente/Cuba • Center on Law and Society/Ecuador • Japan Tonisson Institute/Estonia; JTI/NYU/Estonia • Institute for Policy Research and Advocacy/Indonesia. International Forum for Islamic Dialogue/Iraq • Al-Urdun Al Jadid Research Center/Jordan • Laotian Democratic Initiatives. Rene Moawad Foundation/Lebanon • Civic Alliance / Women for Democracy(Mexico. Liberal Women's Brain Pool; Marie-France Daillet Human Rights Center/Mongolia • Conscencia Nicaragua; Mujeres Nicaraguenses Conscencia; Grupo Fundemos; Radio Dario/Nicaragua. Mujeres por la Democracia/Paraguay. The Teachers Gazette; The Globe Press Syndicate/Russia • Association for the Defense of Human Rights/Rwanda • International Campaign for Tibet • Togolese Human Rights League/Togo • Viet Nam Committee on Human Rights & Que Me • Les Amis de Nelson Mandela; La Voix des Sans Voix pour les Droits de l'Homme/Zaire • Law Association of Zambia.

Làm tại Hoa Thịnh Đốn, ngày 3.5.1995

**Ủy ban Bảo vệ
Quyền làm Người Việt Nam**

Mọi liên lạc hỏi thăm chi tiết, xin gọi điện thoại hỏi:

**Ô. Võ Văn Ái - Ramada Plaza -
Phone: (202) 842 1300 - Room 309
từ hôm nay cho đến ngày thứ Sáu
5.5.95. Sau đấy xin trực tiếp về Văn
phòng Paris.**



KHI CHIM SẮT BAY

• VŨ NGUYỄN KHANG • (Tiếp Theo)

Chương Mười Lăm

ĐỨC PHẬT SỐNG ĐẠT LAI LẠT MA

Trong cuộc hành trình đi tìm hiểu về tái sinh, đã hai lần tôi có duyên may cực kỳ lớn lao được tái kiến vị đại diện sống động và vĩ đại nhất của tái sinh là Tenzin Gyatso, Đạt Lai Lạt Ma XIV của Tây Tạng.

Theo lịch Tây phương, con người mê hoặc lạ lùng nhưng vô cùng khiêm tốn, người chỉ thích vận tăng phục đơn giản như một tu sĩ tầm thường này vừa được 53 tuổi; nhưng nếu cộng tất cả những lần tái sinh được nhận biết, tuổi thọ của ngài sẽ làm ta choáng váng: 598 tuổi! Điều rắc rối này càng thêm phần phức tạp nếu người ta biết rằng đây không phải là những vụ tái sinh thông thường, vị Đạt Lai Lạt Ma được đại khái 14 triệu người sùng bái như một vị hoạt Phật, hóa thân của Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm, đáng đã lập lời thệ nguyện cứu khổ trừ nguy cho muôn loài. Đối với 6 triệu người Tây Tạng, ngài được sinh ra để làm Phật vương, nhà lãnh đạo tối cao của thế quyền và giáo quyền ở đất nước của họ, và họ tôn thờ ngài với sự nhiệt thành kinh khủng đến độ chính sách tiêu diệt tôn giáo của người Trung Hoa không thể dập tắt mà chỉ càng làm nó như bốc cháy lên. Dễ dàng thấy được nguyên nhân của sự sùng mộ này khi người ta được gặp ngài. Con người lưng hơi còng, mắt long lanh những tia nhìn vui tươi và dễ dãi, toàn thân tỏa chiếu ra một nhân tính làm rung động lòng người này là một trong những nhân vật hiếm hoi ta không thể nào đem lòng thù hằn ghét bỏ được. Và dù có một thân hình cực kỳ cao quý nhưng ngài vẫn không ẩn mình trong những lễ nghi hào nhoáng, không kiêu cách gì cả, gạt qua một bên tất cả mọi biểu lộ tôn sùng tín ngưỡng người khác dành cho ngài bằng một cái phất tay.

Tôi được biết ngài lần đầu trong một khách sạn của Dean Westminster, London, để làm một thiên phỏng vấn cho tờ Sunday Times; và lần thứ hai tại nơi cư trú đơn sơ của ngài ở Dharamsala. Trong cả hai lần, Đạt Lai Lạt Ma đều dang rộng tay đón chào, ngăn không cho tháo giày và bảo tôi ngồi lên chiếc ghế bên cạnh mình. Như hai người bạn lâu ngày gặp lại. Không có chiếc bàn to tượng tạc khoảng cách giữa công chúng và người có địa vị tôn cao, như vẫn thường thấy ở nơi khác. Trong lần gặp ở London, tôi còn bị bắt phải ngồi vào một chiếc ghế dựa êm ái trong khi ngài ngồi trên một chiếc ghế thông thường, đơn sơ và không có nệm, làm tôi thoạt đầu thấy áy náy. Đã phỏng vấn nhiều chính khách và những nhân vật tầm tiếng cả nam lẫn nữ, nhưng tôi có thể nói không cần dè dặt, rằng Đạt Lai Lạt Ma là người ghi lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm nhất. Có một sự nồng ấm lạ thường quanh vị Phật sống này làm người ta nghĩ đến một người bạn kỳ diệu, kẻ đem đến sự yên bình và người ta muốn kể lể mọi sự với người ấy không một chút ngại ngùng.

Vậy mà lạ lùng thay uy quyền của ngài là một điều không thể làm lẫn được; sự khiêm tốn hiển hiện trước mặt, cái bình dị và tinh tinh vui vẻ của ngài không làm ta quên, dù chỉ trong một giây thôi, rằng mình đang đứng trước một hiện thân. Bên dưới cái bề ngoài, giọng cười vô tư tự tại và những cử điệu bình thường, đơn sơ đó là một dòng năng lượng hùng tráng vô biên, mạnh đến độ ta tưởng như nó là một cái cụ thể, có thể chạm tới, ngửi được và nhìn thấy.

Bồng dưng bức tượng Quán Thế Âm nhiều đầu nhiều tay, trên mỗi bàn tay là một con mắt, chẳng còn kỳ quái đối với tôi nữa. Không ngàn cánh tay, không có nhiều đầu và mắt

hướng về mọi phương hướng thì còn cách nào hơn để mô tả Kê lẳng nghe âm thanh thế gian, nhìn xuyên suốt vào mọi khổ đau của muôn loài để ra tay giải cứu và rải rắc thương yêu đến khắp cùng trần thế?... Bây giờ tôi hiểu, tại sao Quán Thế Âm cầm một đóa sen trắng và tại sao Đạt Lai Lạt Ma cũng được gọi là "Kê cầm hoa sen trắng". Như hoa sen sinh ra và mọc lên từ bùn lầy nhờ nhớp để bật tung ra thành những đóa hoa tinh khiết, con người cũng có thể vươn lên từ giới hạn của sự vô minh để nở ra với Phật tính sẵn có nơi chính mình, và Đạt Lai Lạt Ma là một người đã vươn lên và nở ra, đã giữ chìa khóa giác ngộ trong tay.

Nghiệp duyên đặc biệt của Tenzin Gyatso là thừa kế tước vị Đạt Lai Lạt Ma ở giai đoạn bấp bênh nhất trong toàn bộ lịch sử của danh hiệu này. Gần như sống cô lập trong cái trắng lờ lờ hoang của kỳ quan thứ tám của thế giới, cung điện Potala (Phạn ngữ, có nghĩa là đất, hay trú xứ của Quán Thế Âm), vị lãnh đạo tối cao của Đất tuyết này chưa từng thấy qua một chiếc xe lửa, máy bay, điện khí, truyền hình hoặc những thành tựu khoa học khác của thế kỷ. Nhưng ngài đã nhanh chóng trở thành một con người hoàn toàn thời đại; trên cánh tay trần thấp thoáng một vết chùng ngựa, cho thấy Đạt Lai Lạt Ma quả đúng là một "công dân thế giới", như ngài vẫn thường gọi chính mình. Ngài chợt đến chợt đi tại nhiều phần đất trong thế giới như một Phật giáo đồ John Paul II, kêu gọi hòa bình khi có thể, nói lên tiếng nói nhân quyền và cuộc chiến đấu vì tự do của dân tộc Tây Tạng.

Cuộc đời của Đạt Lai Lạt Ma giống như được rút ra từ một câu chuyện thần tiên thơ mộng và huyền ảo. Ngài được công nhận qua một quá trình giống hệt như 13 lần tái sinh trước đó. Cuộc tìm kiếm người kế vị bắt đầu ngay sau khi Đạt Lai Lạt Ma XIII lìa trần vào năm Thủy triều (1933). Như được thực hiện trong mấy trăm năm liền, những nhà thông thái và các thiên giả cao cấp nhất trong triều đình khởi sự tìm kiếm những dấu hiệu cho biết nơi sinh chốn ở của vị Phật vương tương lai. Họ ghi nhận rằng một đêm nọ, trong giai đoạn thiên định cuối cùng, nhục thân "Đệ Phật Tam" đã xoay đầu về phía Đông Bắc; kế đó, một cây nấm hình ngôi sao mọc lên trong lăng tẩm được dựng lên để tưởng nhớ ngài, ở phía Đông Bắc; và rồi thỉnh linh một đóa hoa thiên long lẻ loi nở ra trái mùa trong sân chính của cung điện Potala, cũng ở phía Đông Bắc!

Thế rồi vị quan nhiếp chính, người được chỉ định trị vì vương quốc cho đến khi Đạt Lai Lạt Ma được tìm thấy, lên đường đến linh hồ Lamo Namtso, cách Lhasa 90 dặm về hướng Đông Nam, nơi những nhà chuyên môn thường hay nhìn xuống để chiêm nghiệm tương lai. Chuyện kể rằng lúc ông nhìn xuống hồ, gió nổi lên và nước hồ xanh biếc trở thành màu trắng rồi một cái hồ xanh đen hiện ra trong làn nước màu trắng đó và những đám mây xuất hiện trên không trung; ngay dưới đám mây, vị nhiếp chính thấy một tu viện với những mái thép vàng rực rỡ, một con đường quanh co dẫn đến một ngọn núi gần đó và một ngôi nhà nhỏ lợp ngói màu lam ngọc; trong khu vườn quanh nhà có một cây đào đang ra hoa và một thiếu phụ đang bế một đứa bé trên tay. Vị nhiếp chính biết là mình đã nhìn thấy người lãnh đạo tương lai.

Cuộc tìm kiếm bắt đầu ngay lập tức. Một đoàn người đi về hướng Đông Bắc, hướng có nhiều triển vọng nhất, một đi về hướng Nam và một nhóm khác đi về hướng Đông Nam. Đoàn người đi về hướng Đông Bắc đã đi ngang qua Kumbum, một tu viện với mái và vòm nhà bằng vàng và đồng chói lòa trong ánh nắng. Họ tiếp tục dong ruổi cho đến khi tới một sơn thôn tên Takster, nơi có một căn nhà với mái màu lam ngọc và một cây đào trong vườn đang trở hoa. Căn nhà này nằm ở cuối một con đường uốn khúc dưới chân một ngọn núi!

Đoàn người cảm thấy vừa phấn chấn vừa căng thẳng. Theo đúng truyền thống, vị Lạt Ma cao cấp Keutsang Rinpoche, thủ lãnh của đoàn, liền cải trang, đổi y phục và địa vị với một người tùy tùng để giữ bí mật mục đích của chuyến đi. Rồi họ ghé vào để xem gia đình này có một đứa bé trai hay không.

Trong khi gia chủ chào đón "vị Lạt Ma" ở cổng trước, "người tùy tùng" được dẫn vào nhà bếp và lập tức được một cậu bé

dang tay chạy đến đón mừng. "Lạt Ma, Lạt Ma", cậu bé la lên thật to. "Người tùy tùng" vừa cao hứng vừa nghi hoặc, vì đúng ra cậu phải gọi "Aga", nghĩa là "Lạt Ma" theo thổ âm của địa phương này.

Cậu bé hiển nhiên rất thích người khách lạ, trào lên cười óng và chụp lấy cổ trắng hạt trên cổ ông vừa nói: "Cái này của cháu!" Cậu nói này át hẳn làm vị Lạt Ma rung động, vì cổ trắng hạt vốn là vật do Đạt Lai Lạt Ma XIII ban tặng cho ông.

"Nó sẽ thuộc về cậu nếu cậu đoán được tôi là ai".

"Sera Aga" cậu bé đáp ngay. Sera Aga có nghĩa là một Lạt Ma từ Tự Viện Sera ở Lhasa, và quả thật Sera là nơi tu học của Keutasang Rinpoche.

Cuộc khảo nghiệm chính thức bắt đầu. Như người ta mong đợi ở những kẻ tái sinh từ bao nhiêu thế kỷ, cậu bé thôn Takster phải nhận đúng những đồ vật thuộc về cậu ở tiền kiếp. Một cổ trắng hạt, một chiếc trống nhỏ và một cây gậy được đặt lẫn vào những thứ cùng loại, có cái giống và có những cái đẹp đẽ, bắt mắt hơn. Lần nào cậu cũng chọn lựa đúng. Thế là trò chơi lâu năm của cậu, lâu đến nỗi cha mẹ cậu không còn nhớ là từ bao giờ nữa, trò "lên đường về Lhasa", trở thành sự thật.

Sau cuộc hành trình dài 3 tháng, Tenzin Gyatso ngồi trên kiệu lốt lụa tiến vào Lhasa trong tiếng reo hò kêu khóc vì vui mừng của dân chúng đứng hai bên đường. Rồi cậu được đặt lên Sư Tử tòa cao hai thước, được tấn phong làm Đạt Lai Lạt Ma thứ mười bốn, lúc chỉ mới được 4 tuổi.

Ngày nay, người đàn ông trung niên có khuôn mặt hiền từ, mắt đeo kính này rất kín đáo về những kiếp sống trước đây của mình, như mọi Lạt Ma tái sinh khác. Trong lần gặp đầu tiên, ở cuối buổi phỏng vấn nặng nề về những vấn đề chính trị, Đạt Lai Lạt Ma bật cười dòn khi tôi hỏi ngài có nhớ về những lần tái sinh trước đây.

"Hiện giờ thì không", ngài trả lời bằng một giọng trầm bổng như đang hát. "'Khi còn bé, khoảng 3 hay 4 tuổi, tôi có ký ức về tiền kiếp của mình, người ta kể lại như thế. Lúc ấy tôi nói một thổ ngữ không có ở nơi chốn nhau cất rốn của tôi, và dĩ nhiên, tôi đã cho đoàn người đi tìm thấy rằng tôi biết đến chuyện tiền thân".

Tôi đánh bạo dò hỏi kỹ hơn. Bây giờ ngài còn nhớ điều gì không? "Không nhiều lắm. Tôi có một số kinh nghiệm huyền bí, nhưng ngoài ra tôi không còn nhớ điều gì khác", ngài trả lời dè dặt. Tôi không dám đi xa hơn nữa, sợ bị thẳng thắn cự tuyệt; hiển nhiên Đạt Lai Lạt Ma không muốn nói thêm. Nhưng "kinh nghiệm huyền bí" là cả một kho tàng để tôi tận dụng khi gặp dịp.

Cơ hội đã đến khi tôi gặp ngài lần thứ hai, ở Dharamsala. Tôi hỏi ngài là ai và Đạt Lai Lạt Ma trả lời: "Một kẻ ngốc nghếch. Tôi chỉ là một nhà sư tầm thường. Có thể thôi". Cậu trả lời chấm dứt với một tràng cười. Không để ngài thoát đi dễ dàng như thế, tôi nài nỉ: "Nhưng người ta tin rằng ngài là hóa thân của Quán Thế Âm mà!".

Đức Phật sống trầm ngâm một thoáng rồi nói: "À! Đây là câu hỏi về tái sinh chứ gì? Có nhiều loại tái sinh lắm. Trong mắt của một người tín đồ thì tôi quả có quan hệ đặc biệt với những đáng siêu thế; đó là điều tôi có thể nói được. Nhưng tôi vẫn chỉ là một nhà sư. Một tăng sĩ cứng đầu. Nhưng liên quan đến nguyện vọng, cái làm nên cho đời sống và hành động của mình thì tôi hoàn toàn thành thật; tôi cảm thấy mình là người thành thật. Có vậy thôi".

Ngôn ngữ của ngài sáng tỏ, cho thấy mọi sự nhưng đồng thời cũng không tiết lộ bất cứ điều gì.

Sau đó, khi đọc quyển tự truyện *My Land and My People* ("Đất tôi và Nước tôi") của ngài, tôi tìm thấy một đoạn trong đó Đạt Lai Lạt Ma đã gián tiếp nói sâu hơn về "quan hệ với những bậc siêu thế".

"Các vị Phật tái sinh chỉ để cứu giúp người vì tự thân các ngài đã đạt được quả vị thực chứng cao nhất. Sự tái sinh của các ngài không qua trung gian của bất kỳ ước muốn đặc biệt nào vì một tiến trình tâm lý như thế không có trong Niết Bàn; các ngài chỉ tái sinh cho ước nguyện bẩm sinh, cái đã làm các ngài trở thành đáng đại giác ngộ, tức là ước nguyện cứu giúp chúng sinh. Sự tái sinh xảy ra khi có đủ cơ duyên và không có nghĩa là các ngài rời khỏi trạng thái Niết Bàn.

Để hình dung, có thể nghĩ đến bóng trăng trên mặt hồ. Trăng vẫn là trăng trong vận hành bất tuyệt của nó trên bầu trời nhưng người ta chỉ thấy bóng trăng khi mặt hồ phẳng lặng, khi có điều kiện thích hợp; và bóng trăng có thể thấy được nhiều nơi trong cùng một khoảnh khắc. Tương tự như thế, một vị Phật có thể đồng thời ứng thân thị hiện trong nhiều thân xác khác nhau. Như đã đề cập, do ước nguyện trong mỗi đời sống, các ngài có thể ảnh hưởng đến thời đại cùng nơi chốn tái sinh và có một ký ức về tiền kiếp, làm người khác nhận ra mình".

Dù tỏ vẻ miễn cưỡng, không muốn nói về tương quan với những đáng siêu thế và những năng lực phi thường của mình nhưng thái độ và việc làm của ngài lại cho thấy Đạt Lai Lạt Ma quả là một bậc thánh. Tin hay không tin tái sinh thì ta vẫn phải nghĩ thế. Có thể chúng ta sẽ cho rằng dù sao đi nữa ngài vẫn có ít nhiều uất ức và cay đắng, vì đã chứng kiến hàng ngàn thân dân bị tra tấn hay bị giết hại trong ách thống trị của người Trung Hoa, vì đã nhìn thấy văn hóa Tây Tạng bị hủy hoại và chính ngài cũng phải lên đường trốn chạy, ra đi trong đêm tối và cái trang như một người lính, ngồi trên lưng bò vượt núi non trùng điệp để đến Ấn Độ. Nhưng không! Thái độ của ngài đối với những kẻ áp bức là một sự trầm tĩnh lạ lùng.

"Họ cũng là người như bao nhiêu người khác, có cùng một thứ tình cảm, muốn hạnh phúc và không mong bị đau khổ; thế thì chẳng nên thù ghét họ làm gì. Những người theo đạo Phật đại thừa chúng tôi, đã tu tập và tụng niệm mỗi ngày để làm phát triển tình thương không biên giới thì không có lý do gì để thù hận người Trung Hoa cả. Đúng hơn, ta nên tôn trọng, thương xót họ và có lòng từ bi". Ngài nhẹ nhàng nói thêm: "Tuy nhiên phải làm sáng tỏ sự vô minh của họ. Đó là mục đích và nghĩa vụ của chúng tôi. Người Trung Hoa đã tạo nên một thế giới giả tạo cho riêng họ, một Tây Tạng ảo tưởng của riêng họ; họ cho là họ đã đến như những kẻ giải phóng. Thật ra họ phải hiểu, Tây Tạng là một quốc gia riêng biệt; nếu Tây Tạng quả là một phần đất của Trung Hoa thì dù muốn dù không, người Tây Tạng cũng phải chấp nhận như thế, nhưng đó là sự sai lầm". Nhiều thân dân của ngài đã lấy làm chán nản vì Đạt Lai Lạt Ma từ chối chiến đấu bằng phương tiện bạo lực.

Tôi hỏi chắc ngài phải cảm thấy khó khăn lắm khi đời sống thay đổi quá phủ phàng và kịch liệt. Ngài đã rời từ một cung điện tráng lệ huy hoàng xuống một gian nhà đơn sơ, vương quốc bây giờ là một ngọn đồi, và danh vị chính thức là một người tỵ nạn. Tôi liền tưởng đến vị quốc vương của Iran, người đã đổ sụp xuống một cách thảm hại về thể xác cũng như tinh thần khi bị hạ bệ. Còn Đạt Lai Lạt Ma? Ngài có hay không một kinh nghiệm tương tự khi phải rời Tây Tạng?...

"Chẳng có chuyện ấy đâu. Tôi không thấy vấn đề đó khó giải quyết", ngài nói một cách vui vẻ. "Thật sự thì tôi thấy những tình huống khó khăn như thế có ích lắm. Nếu vẫn ở trong hệ thống và điều kiện cũ của Tây Tạng, tôi đã không đối mặt với thực tại; nói cách khác, kể từ lúc trở thành người tỵ nạn và trải qua những thảm kịch, tôi đã phải nhìn thẳng vào những khía cạnh cay đắng của đời sống. Trong một điều kiện sống dễ dãi người ta có thể vỗ vịnh rằng mọi sự đều tốt đẹp, nhưng gặp lúc khó khăn thì không còn cách nào để vỗ vịnh nữa. Bắt buộc phải chấp nhận thực tại. Và qua những khó khăn, người ta có thể can đảm và nhẫn nại, những điều rất quan trọng trong đời người".

Quả đúng như thế, Đạt Lai Lạt Ma nhìn những tai ương giáng xuống đầu ngài, với một sự bình thản đến lạnh lùng và dễ dàng gạt qua một bên mọi hình ảnh muộn phiền, nên thơ người ta có thể gán ghép cho một vị Phật sống. Có lần ngài đã làm một phỏng vấn của đài BBC phải há hốc mồm kinh ngạc với câu trả lời, rằng ngài chẳng tưởng nhớ gì đến cung điện Potala cả, vì nó chẳng có những nhà cầu tiện lợi!... Khi tôi hỏi về những sở thích, ngài trả lời thân mật hơn. "Tôi trồng cây, gieo hạt, sửa chữa những máy móc nhỏ, đặc biệt là đồng hồ. Tôi thích sửa chữa những cơ phận nhỏ nhỏ trong đồng hồ, nhưng không phải loại đồng hồ điện tử. Chẳng những cho mình mà tôi còn sửa chữa cho những người thân cận nữa. Hoàn toàn miễn phí!" ngài vừa nói vừa

cười. "Tôi cũng thích đọc sách về sử và thiên văn học. Số vốn ngữ vựng Anh ngữ của tôi không lớn, nhưng tôi ham thích đọc sách khoa học. Khuyết điểm là sự lười biếng. Khi gặp từ cần tra cứu thì vì lười, tôi không mở từ điển ra, cho nó qua. Trước đây tôi thích đi bộ và leo núi, nhưng bây giờ thì lười quá rồi. Lười lắm! Tuy vậy, tôi vẫn hoạt động tích cực về mặt tinh thần; ít có giây phút nào tâm trí tôi không hoạt động. Hiếm khi lắm! Nhưng về thể xác thì tôi rất lười lười, tôi nghĩ thế", ngài cười, tiếng cười trào ra từ một nơi sâu thẳm nào đó.

Cũng với sự thành thật hủy hoại, làm ta choáng váng đó, Đạt Lai Lạt Ma kể rằng có nhiều chuyện về Tây Tạng ngài không thích. "Có một số nghi thức quá rườm rà, phiền phức và tốn thì giờ không nội dung thì rất là nặng nề". Ngài cũng tuyên bố rằng theo ngài, người Tây Tạng bị cột quá chặt với truyền thống, trở thành phiến diện, và chính ngài cũng đã bị giữ quá xa cách với dân chúng; bây giờ ngài cảm thấy vui hơn nhiều vì có dịp để gần gũi, tiếp xúc với họ dễ dàng hơn; và hầu hết những nghi lễ hình thức trong văn phòng của ngài, do nhu cầu, đã bị dẹp bỏ. Do đó, tôi không cảm thấy bất ngờ nhiều lắm với câu trả lời của ngài khi tôi đặt câu hỏi chốt, rằng theo một lời tiên tri cổ xưa đã ngụ ý, có phải ngài sẽ là vị Đạt Lai Lạt Ma cuối cùng.

"Có hay không có một Đạt Lai Lạt Ma là tùy thuộc vào hoàn cảnh. Sự tái sinh của riêng tôi là nhất định, nhưng người ta có nhận ra vị Đạt Lai Lạt Ma kế tiếp hay không là tùy vào cơ duyên, vào những điều sẽ xảy ra. Đôi lúc tôi cảm thấy mình là vị Đạt Lai Lạt Ma cuối cùng. Nếu một người như thế vẫn còn cần thiết thì tự nhiên người khác sẽ nhận ra; nhưng nếu không thì cứ quên đi!... Thật ra tôi không hứng thú lắm với hệ thống Đạt Lai Lạt Ma; lịch sử của Tây Tạng thì dài, nhưng truyền thống này chỉ mới vài trăm năm thôi. Trong thời kỳ tiền-Dạt Lai Lạt Ma, Tây Tạng hùng mạnh lắm; nhưng quốc gia đã bị suy yếu đi từ khi có truyền thống này. Đúng ra Đạt Lai Lạt Ma chỉ là vấn đề cá thể, điều quan trọng hơn là đất nước chúng tôi".

Vào năm 1963, Đạt Lai Lạt Ma đã đưa ra một bản dự thảo hiến pháp trong đó có một điều khoản cho phép buộc tội ngài, làm người Tây Tạng rất dỗi hờn. Bây giờ ngài đang đề cập đến những cách thức mới trong việc tuyển chọn người kế vị, có lẽ tương tự như lối tuyển chọn một giáo hoàng Thiên Chúa giáo.

Đạt Lai Lạt Ma đã gặp Osel nhiều lần, lần đầu tiên trong những cơn quán tưởng, rồi thật sự gặp chú với gia đình, và lần vừa qua là trong lễ truyền giới ở Dharamsala trong đó ngài đích thân chủ lễ, cắt bỏ một mớ tóc của Osel để tượng trưng rằng từ đây, chú sẽ là người-buông-bỏ. Ngài luôn luôn quan tâm đến sức khỏe cùng sự phát triển của Osel. Một lần nọ, trong một chương trình truyền hình Tây Ban Nha về Osel, đức Phật sống đã trả lời một cách sáng sủa và khôi hài về việc tuyển chọn hóa thân của Lạt Ma Yeshe.

"Đầu tiên Lạt Ma Zopa đưa cho tôi một danh sách các ứng viên, sau đó tôi tự mình khảo sát, và chú bé Tây Ban Nha đặc cử; chú có nhiều phiếu nhất. Thế là tôi quyết định: chú là hóa thân của Lạt Ma Yeshe", ngài tuyên bố bằng một giọng điệu tự nhiên, như mọi sự đương nhiên phải là thế.

Ngài cũng nói không có gì để phải kinh ngạc khi một đứa bé Tây phương trở thành một Lạt Ma. "Đạo Phật tương đối mới lạ với Tây phương. Có thêm nhiều người lưu tâm đến nó, đặc biệt là các tông phái Tây Tạng; có lẽ vì trọng điểm của đạo Phật là vấn đề nhân quả và những tiến trình hợp lý, những điều có sức đánh động, chứ không chỉ là lòng tin đơn thuần. Đạo Phật cũng cung cấp cho người ta nhiều phương pháp thực hành khác nhau, học giáo lý và thực tập thiền định quán tưởng, có sức hấp dẫn của một siêu thị muốn gì có nấy", ngài nói. "Thế thì sự kiện Lạt Ma Yeshe, người có sự nghiệp hoàng hóa lớn ở Tây phương, đã phải sinh ra ở Tây Ban Nha có vẻ rất thuận lý. Thật ra thì bây giờ chỉ mới có vài Lạt Ma tái sinh người Tây phương mà thôi".

Thật thế, Osel quả không phải là vị Lạt Ma Tây Tạng đầu tiên đã đầu thai trong một hình hài Tây phương, mặc dù chắc chắn chú hiện là người nổi danh nhất; đã có những Lạt Ma khác tái sinh ở Mỹ, Tân Tây Lan, Pháp và nhiều quốc

gia Tây phương khác, và họ được các cộng đồng Phật tử Tây phương liên hệ tìm thấy và âm thầm nuôi dưỡng.

Theo cung cách thực tiễn đặc thù của mình, Đạt Lai Lạt Ma đã giải thích mục đích của tái sinh như sau: "Đối với một số sứ mệnh cứu độ thì một đời người thôi chưa đủ; cần phải có thêm một thời gian để tiếp tục công trình đã được khởi sự từ kiếp trước. Thế thì trong những trường hợp đó, sự tái sinh rất hữu ích". Ngài ngừng lại một chút, rồi tiếp tục với một sự thành thật chết người: "Trong các trường hợp khác, khi các Lạt Ma tái sinh chỉ có một địa vị xã hội, toàn thể tiến trình đó trở nên không mấy hữu ích". Đạt Lai Lạt Ma cũng đã mấy lần tuyên bố rằng một Geshe thông thường nhưng biết sống và dạy đúng theo Chính pháp còn có giá trị hơn một người tái sinh kiêu ngạo, ít cho thấy những tiến bộ tâm linh, và "bằng chứng mạnh mẽ nhất của tái sinh luôn luôn là tự thân thể đứa bé".

Thông điệp này được lặp lại cho Maria và Paco khi ngài tiếp kiến toàn thể gia đình này ở Bồ Đề Đạo Tràng vào tháng Giêng năm 1987, một thời gian ngắn sau khi họ từ Tây Ban Nha đến. Ngài nhìn Osel bằng cặp mắt sắc bén và thăm hỏi cận kề về hành vi và sự phát triển của chú bé. Maria trả lời rằng chú quá nhạy cảm, dễ bị hoàn cảnh chung quanh tác động và có sức sống tràn ngập, không biết mệt mỏi là gì, đến đâu nhiều lúc chị không biết phải làm sao với chú.

"Hãy xem chú như một đứa bé bình thường", Đạt Lai Lạt Ma nói, "nhưng phải luôn luôn tâm niệm rằng chú là một Lạt Ma tái sinh. Đôi khi phải quở mắng và nếu cần, phải quát vào mông chú mấy cái. Nhưng không một phút giây nào nên quên thân thế của chú. Càng lý lợm, ngộ nghịch khi còn bé thì càng trở nên tốt lành hơn khi lớn lên", ngài vừa nói vừa cười.

Rồi đức Phật sống dặn dò họ phải để ý thật kỹ khi Osel bắt đầu biết nói. "Chẳng bao lâu nữa Osel sẽ bắt đầu nói và chú ấy sẽ cho biết mình là ai. Ta cần phải ý thức rõ khoảnh khắc ấy. Rất quan trọng". Lời tiên tri này chẳng bao lâu sẽ thành sự thật.

Ngài cũng nói về những kế hoạch tương lai cho một đứa bé lạ thường và quan trọng như Osel. "Chú cần được học tập và rèn luyện. Lên 4, 5 tuổi chú sẽ bắt đầu học; khi lên 8, chú cần phải vào tự viện nơi học viện sẽ có quy củ và hệ thống hơn. Tôi thấy tự viện Sera (ở miền nam Ấn Độ) là một nơi thích hợp. Chú sẽ phải học trong ít nhất 10 năm và đồng thời phải được một bậc thầy dẫn dắt riêng, phải nhập thất và nỗ lực tu tập riêng. Sau đó, có lẽ lúc chú được 20 hay 25 tuổi, chú sẽ sẵn sàng và đủ bản lãnh để đem lại lợi lạc cho nhiều người, phần lớn ở Tây phương.

"Osel sẽ có đủ khả năng để hợp nhất hai ưu điểm quan trọng: một người Tây phương và minh triết Đông phương. Sau đó, chú có thể còn đến Tây Tạng để giảng dạy; và người Tây Tạng sẽ khoái chí lắm khi được gặp một Lạt Ma tóc vàng mắt xanh", ngài cười rộ lên. Rồi ngài nhìn Osel chăm chú và nói thêm: "Ừ, đúng là chú tràn đầy sức sống. Chú sẽ làm nên chuyện".

Nếu con người trí tuệ nhưng khiêm tốn, kẻ tuyên bố tôn giáo chân chính của mình là cái thiện này quả là kẻ cuối cùng của dòng Đạt Lai Lạt Ma, thế giới sẽ mất đi một trân bảo cổ kính và quý báu nhất của mình. Nhưng chính đức Phật sống đã biết rõ, thời đại của chúng ta là một thời đại phức tạp và đổi thay nhanh chóng; các tu sĩ phải xuống núi, hòa nhập với đám đông để giúp họ ngoi lên từ vũng lầy vật chất, thú la vông ma quái đang nhanh chóng phủ chụp lên mọi phần đất của thế giới. Trong một diễn tiến như thế, khuôn mặt của đạo Phật tất nhiên phải thay đổi để có thể vượt thắng những thách đố của thời đại; là truyền thống cởi mở, khai phóng nhất trong các tôn giáo, chuyên giải quyết các vấn đề về tâm thức của con người, đạo Phật chắc chắn đủ khả năng để đáp ứng những yêu cầu này.

Và đó chính là việc mà Lạt Ma Yeshe, con người nhìn xa trông rộng và cởi mở nhất, đã nhìn thấy trước người khác và đã bắt đầu thực hiện. Ông bị ngăn trở bởi điều kiện sức khỏe và giới hạn của truyền thống nhiều đời. Nhưng Lạt Ma Osel, hóa thân của ông, lại trẻ tuổi, tươi mát hơn và là người Tây phương. Còn nhân vật nào tốt hơn nữa để khai phá con đường vào đạo Phật hiện đại...? (còn tiếp)

Đời Tiếp Nối Đời

Nguyên tác : Life after life

Tác giả : Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch : Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn

(tiếp theo)

CHƯƠNG IV - VẤN ĐÁP

Đến đây át hẳn độc giả có nhiều thắc mắc hoặc không đồng ý. Trong những năm di diễn thuyết cộng đồng cũng như riêng tư về đề tài này, nhiều câu hỏi đã được đặt ra. Một cách tổng quát, trong phần lớn cơ hội, họ thường hỏi về một số chuyện, nên tôi có thể lập danh sách các vấn đề được nêu lên nhiều nhất. Trong chương này và chương kế tiếp, tôi cố để hết tâm trí vào.

1. Có phải ông dựng đứng câu chuyện ?

Thưa không. Tôi rất muốn tiếp tục giảng dạy môn thần kinh bệnh học và triết lý y khoa. Việc toan phạm tội lừa đảo, phao tin nhảm hầu như chẳng giúp chi cho mục đích đó.

Và chẳng theo kinh nghiệm bản thân, tôi thấy bất cứ ai nếu chịu khó đi điều tra một cách có thiện cảm các thân bằng quyến thuộc, người quen biết về những kinh nghiệm này, chẳng bao lâu người ấy sẽ thôi nghi ngờ.

2. Nhưng chẳng phải là ông chẳng có óc thực tế? Xét cho cùng, những kinh nghiệm này thường xảy ra chứ ?

Tôi là người đầu tiên chấp nhận điều này, vì bản chất giới hạn của những mẫu trường hợp tôi nghiên cứu, tôi không thể cung cấp một bản lượng giá với các con số ý nghĩa như thống kê về tỷ lệ gặp phải hoặc thường xảy ra của hiện tượng này. Tuy nhiên, tôi rất muốn thưa rằng: Những chuyện như vậy xảy ra rất thường hơn là những ai không nghiên cứu vấn đề này ước đoán. Tôi từng diễn thuyết nơi công cộng nhiều lần đề tài này cho các hạng thính giả cũng như cho nhiều nhóm đồng đạo hoặc ít người, và chưa bao giờ xảy ra trường hợp sau đó không có ai lên tiếng kể riêng chuyện của người này cho tôi nghe, hoặc có khi lại thuật cho mọi người cùng nghe. Dĩ nhiên có kẻ bảo (và hữu lý) là ai đó từng kinh qua chuyện này hẳn nhiên thích đi nghe diễn giảng đề tài này. Thế nhưng, trong nhiều trường hợp tôi gặp, các đương sự đã không đến dự thính vì đề tài. Thí dụ tôi vừa mới thuyết trình cho một nhóm ba mươi người nghe. Hai người trong nhóm đã từng về từ cõi chết, và cả hai đều đi dự chỉ vì họ là hội viên của nhóm. Chẳng ai biết trước đề tài tôi nói.

3. Nếu việc chết hụt thường xảy ra như ông bảo, tại sao chuyện này chẳng được biết đến nhiều hơn ?

Có lẽ có nhiều lý do tại sao. Trước hết là quan trọng hơn cả, theo tôi nghĩ, phải nhìn nhận rằng thời đại chúng ta, một cách tổng quát, có ý hướng chống đối việc thảo luận vấn đề có sự sống sau khi chết. Chúng ta đang ở vào thời đại mà khoa học, kỹ thuật đã tiến những bước thật dài trong việc tìm hiểu, chinh phục thiên nhiên. Bàn về đời sống sau khi chết có vẻ cổ hủ đối với nhiều người vì họ ắt cho rằng ý tưởng này thuộc thời mê tín xa xưa hơn là thuộc thời đại khoa học ngày nay. Do đó những người thường kinh qua các chuyện nằm bên ngoài lãnh vực khoa học mà hiện ta đang biết, họ đều bị "chọc què". Đề cao cảnh giác, những người có kinh nghiệm siêu nhiên thường ngại kể chuyện đó một cách cởi mở. Tôi tin rằng thực ra có một khối lượng chất liệu khổng lồ ẩn kín trong lòng những ai từng kinh qua chuyện này, nhưng vì sợ bị dán nhãn hiệu "diên khùng" hoặc "giàu

tưởng tượng", họ chẳng bao giờ kể cho ai khác ngoài một hay hai bạn thân hoặc người trong nhà.

Ngoài ra, việc công chúng ít biết đến đề tài chết hụt dường như phần nào bắt nguồn từ hiện tượng tâm lý thông thường về sự chú ý. Có rất nhiều điều ta nghe thấy mỗi ngày nhưng chúng trôi qua luôn như nước đổ lá môn, chẳng lưu dấu vết trong tâm thức. Tuy nhiên nếu ta đặc biệt chú ý đến điều gì, ta có khuynh hướng lưu tâm đến nó sau này. Nhiều người thường có kinh nghiệm về việc học nghĩa một chữ mới, và rồi thấy chữ này trong bất cứ cái gì họ cầm lên đọc trong mấy ngày sau đó. Có thể giải thích là thường thì không phải chữ này vừa mới được thông dụng và nó xuất hiện khắp nơi. Đứng ra chữ này đã từng có trong những gì họ đọc từ đầu đến cuối, nhưng vì chẳng để ý đến nghĩa, họ thường lướt qua luôn.

Cũng vậy, sau buổi diễn giảng gần đây, tôi sang phần thảo luận. Một bác sĩ nêu câu hỏi đầu tiên: "Tôi ở trong ngành y khoa lâu lắm rồi. Nếu những kinh nghiệm này rất thông thường như ông bảo, sao tôi chẳng nghe vậy cả?" Biết rằng ở đó ắt hẳn có người từng gặp một hay hai trường hợp, tôi liền hỏi ngược lại cử tọa: "Xin hỏi ở đây có ai từng nghe một chuyện tương tự như vậy không?" Khi đó chính bà vợ vị bác sĩ này đưa tay lên và thuật câu chuyện của một người bạn rất thân của hai ông bà.

Thí dụ khác nữa là có một vị bác sĩ mà tôi quen trước hết chú ý đến kinh nghiệm loại này nhờ đọc bài báo cũ về một bài diễn văn của tôi. Hôm sau, tình cờ một bệnh nhân kể ông ta nghe một kinh nghiệm rất giống như trong báo. Bác sĩ nghĩ rằng bệnh nhân này không thể nghe hoặc đọc những gì tôi nghiên cứu. Thật vậy, bệnh nhân đã kể câu chuyện của anh ta chỉ vì bối rối bởi sự việc xảy ra, nên muốn hỏi ý kiến bác sĩ. Có lẽ trong cả hai thí dụ, hai vị đồng nghiệp từng nghe vài chuyện như vậy rồi, song nghĩ chắc đó là những trường hợp cá biệt, hiếm hoi, chứ chẳng phải hiện tượng phổ quát nên đầu để ý làm gì.

Sau hết, còn một yếu tố phụ giải thích việc có khá nhiều bác sĩ dường như không để ý đến hiện tượng chết hụt, dù rằng bác sĩ hơn ai hết đáng lý phải biết. Trong thời gian học tập, sinh viên y khoa luôn được nhắc nhở phải lưu ý những gì bệnh nhân cảm thấy. Bác sĩ được dạy phải chú trọng đến những "dấu hiệu" khách quan, tiến trình của bệnh, và chớ tin bằng lời những gì bệnh nhân khai. Như vậy hợp lý lắm chứ, ta có thể dễ giải quyết ngay những gì khách quan. Thế nhưng thái độ này cũng có những hậu quả là che giấu các kinh nghiệm chết hụt, bởi lẽ rất ít bác sĩ hỏi han về những cảm giác và nhận thức của các thân chủ mà họ hồi sinh sau khi chứng nhận đã chết. Vì thái độ này, tôi có thể đoán là quý vị bác sĩ (những vị trên lý thuyết phải là nhóm người đáng lý khám phá ra các kinh nghiệm về tử cõi chết) thực ra dường như lại không nghe về những chuyện này hơn các người khác.

4. Ông có thấy sự khác biệt giữa nam và nữ trong hiện tượng này?

Dường như không có khác biệt chi về nội dung hoặc loại kinh nghiệm do nam và nữ báo cáo. Tôi thấy cả hai phái đều mô tả từng khía cạnh thông thường của việc chết hụt đang được thảo luận, và dường như chẳng có một yếu tố nào tỏ ra nặng hoặc nhẹ hơn trong các báo cáo của nam hay nữ.

Tuy nhiên vẫn có những khác biệt giữa đối tượng nghiên cứu nam và nữ. Nhìn chung, các ông từng lâm cảnh chết đi sống lại ngại nói về họ hơn quý bà. Có nhiều nam hơn nữa đã vẫn tất kể tôi nghe chuyện của họ, nhưng lại không trả lời thư tôi hoặc gọi điện thoại lại cho tôi khi tôi muốn tiếp tục phỏng vấn chi tiết hơn. Có nhiều ông hơn bà đã nói: "Tôi cố quên nó đi, xóa bỏ nó". Thường là sợ bị chế nhạo hoặc tâm sự rằng các xúc cảm trong kinh nghiệm này quá lớn mạnh để thuật lại.

Dù không thể giải thích tại sao, nhưng đâu phải chỉ riêng tôi nhận xét như vậy. Bác sĩ Russell Moores, một nhà nghiên cứu tâm linh nổi tiếng từng bảo tôi rằng ông và nhiều người khác cũng thấy thế. Có khoảng một phần ba đàn ông so với số đàn bà đến báo cáo về những chuyện tâm linh.

Một sự thật đáng chú ý khác là có nhiều trường hợp xảy ra lúc mang thai hơn là dự đoán. Không thể cắt nghĩa tại sao. Chắc chỉ vì sự mang bầu tự nó là một trạng thái sinh lý khá nguy hiểm về nhiều mặt, kèm theo các rắc rối y học có thể xảy ra. Công việc chỉ có phụ nữ mới hoài thai, quý bà ít ngại nói hơn quý ông, nên điều này ít hẳn giúp giải thích tại sao chuyện đó thường xảy ra lúc có thai.

5. Sao ông biết được tất cả những người này chẳng khai báo với ông ?

Đối với ai chẳng đích thân thấy, nghe người khác kể chuyện trở về từ ngưỡng cửa tử sinh thì thật dễ nghĩ rằng họ đặt điều. Tuy nhiên tôi tự thấy mình trong một hoàn cảnh khá độc đáo. Tôi từng chứng kiến những người lớn chín chắn và thẳng băng về tình cảm, thuộc cả hai phái nam nữ, họ đã khóc òa khi thuật lại các biến cố xảy ra có khi cách nay tới ba mươi năm. Tôi phát hiện trong giọng nói của họ sự chân thành, nồng nàn và cảm xúc mà bản văn viết chẳng thể nào chuyên chở hết. Nên đối với tôi, cũng giống như nhiều người khác thấy khó chia sẻ, ý tưởng cho rằng đây là những chuyện phịa thật chẳng vững chãi nào.

Ngoài ra còn có vài lý do quan trọng bác bỏ giả thuyết nguy tạo. Rõ ràng nhất là khó giải thích tại sao có nhiều bài tường thuật lại giống nhau như vậy. Sao có nhiều người ngẫu nhiên tìm đến tôi bịa đặt cùng một câu chuyện láo xảy ra cách đây tám năm? Ở đây có thể còn một giả thuyết là họ thông đồng, cấu kết nhau. Có thể cho rằng một bà cụ đứng đắn ở miền đông tiểu bang North Carolina, một sinh viên y khoa ở New Jersey, một thú y sĩ ở Georgia cùng nhiều người khác nữa cách đây mấy năm đã họp bè kết đảng âm mưu thực hiện một trò chơi khăm tinh vi để gạt tôi? Nhưng tôi không nghĩ chuyện này có thể xảy ra!

6. Nếu chẳng phải trò láo khoét công tri, có lẽ họ đã thêm mắm dặm muối, trình bày sai lệch sự thật. Không thể nào có việc, sau nhiều năm tháng, họ đã tạo dựng nên những chuyện ly kỳ?

Câu hỏi này nhắm vào một hiện tượng tâm lý ai cũng biết: Một người có thể ban đầu chỉ kể một kinh nghiệm, một biến cố đơn giản, nhưng sau một thời gian, câu chuyện được thêm thắt và trở thành hấp dẫn. Cứ mỗi lần thuật, họ thêm một vài chi tiết, và chính người kể cũng tin là có thật, rồi cuộc câu chuyện hay đến nỗi chẳng còn giống chuyện ban đầu bao nhiêu.

Thế nhưng tôi không tin kỹ thuật này đã góp phần đáng kể trong các trường hợp tôi nghiên cứu. Trước hết, lời tường thuật của những người này đã được tôi phỏng vấn rất sớm sau khi họ chết hụt (đôi khi họ còn nằm ở khu hồi lực) cũng đồng loại với những chuyện kể của những ai kinh qua ngưỡng cửa tử sinh mấy chục năm rồi. Hơn nữa, trong vài trường hợp, các người được tôi phỏng vấn đã dùng giấy trắng mực đen mô tả kinh nghiệm của họ mới xảy ra đây ít lâu, rồi đọc tôi nghe. Những ghi chú này lại giống hệt các kinh nghiệm của một số người khác cố moi óc kể lại vì chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi. Ngoài ra còn một sự thật nữa là thường thì chính tôi là kẻ đầu tiên hoặc thứ nhì được nghe chuyện, họ kể một cách rất miễn cưỡng dù nhiều khi sự việc xảy ra từ bao năm. Như vậy trong các trường hợp này, không có hoặc ít có cơ hội để họ tô điểm. Thế nhưng những câu chuyện này đâu khác gì các chuyện thường được kể đi kể lại trong nhiều năm. Sau hết, rất có thể trong nhiều trường hợp, hiện tượng ngược lại với sự thêm thắt đã xảy ra. "Giữ kín, ức chế" là một kỹ thuật tinh thần mà các nhà tâm-bệnh-học dùng để chỉ sự cố gắng một cách có ý thức nhằm khống chế, vùi lấp những kỷ niệm, cảm xúc, tư tưởng không ưa thích. Nhiều lần trong các cuộc phỏng vấn, có nhiều người đưa ra nhận xét cho thấy rõ ràng có sự ức chế. Thí dụ một bà đã kể tỉ mỉ tôi nghe kinh nghiệm "lâm chung" của bà, rồi bảo: "Tôi cảm thấy còn có nhiều chuyện nữa, nhưng nào nhớ được. Tôi đã cố ức chế đi vì biết thiên hạ đâu ai tin". Một ông khác bị đứng tim trong cuộc giải phẫu thương tích ở chiến trường Việt Nam, đã thuật lại khó khăn về xúc cảm ông gặp phải do việc xuất hồn: "Giờ tôi vẫn còn thấy ghen lời khi định kể chuyện đó... Tôi biết đã quên đi

rất nhiều điều. Tôi đã cố quên mà". Tóm lại, dường như có thể chứng minh được rằng sự thêm thắt không phải là yếu tố quan trọng trong việc phát triển các câu chuyện này.

7. Có phải tất cả những người này theo đạo trước khi chết hụt? Nếu vậy, há chẳng phải các kinh nghiệm tử sinh đã chịu ảnh hưởng của các tín điều và quá trình đào tạo họ?

Thưa có lẽ đúng trong phạm vi nào đó. Như đã nói ở phần trước, dù việc mô tả đáng Từ Quang giống nhau, nhưng sự định danh lại khác biệt, rõ ràng tùy theo đạo người đó theo. Dù vậy, suốt các cuộc khảo cứu đã thực hiện, tôi chưa hề nghe ai nói đến cảnh thiên đường, địa ngục giống như các cảnh mà xã hội này thường mô tả ta nghe. Thật vậy, nhiều người (xin hiểu là người Mỹ da trắng - Chú thích của người dịch) nhấn mạnh rằng kinh nghiệm lâm chung của họ chẳng giống những gì được rao giảng sẽ hy vọng thấy. Một bà chết hụt thuật lại: "Tôi từng được nghe hoài là khi chết mình thấy cả thiên đường lẫn địa ngục, nhưng tôi chẳng thấy cái nào hết". Một bà nữa từng xuất hồn vì bị thương nặng, đã nói: "Điều lạ là từ nhỏ lúc nào tôi cũng được giảng dạy là vào lúc lâm chung, mình sẽ đến những cổng xinh đẹp, lấp lánh như dát ngọc. Nhưng khi xuất hồn, tôi đã bay quanh quần trên thi hài của tôi, và chỉ có thế! Tôi hết sức ngỡ ngàng". Hơn nữa, trong khá nhiều phức trình của những người chẳng theo đạo hoặc học khóa giáo lý nào trước khi chết hụt, những điều họ mô tả dường như không khác chi kinh nghiệm của các tín đồ thuần thành. Trong vài trường hợp, họ từng nghe giảng đạo, nhưng đã bác bỏ, không theo. Sau khi chết hụt, họ lại có được niềm tin mới, sâu sắc. Người khác nữa cho rằng, dù họ đã đọc kinh sách, chẳng hạn Thánh Kinh, thực sự họ chưa bao giờ hiểu nổi một số điều trong Kinh trước khi bị chết hụt.

8. Những kinh nghiệm ông nghiên cứu có liên quan chi đến luân hồi ?

Không một trường hợp nào tôi quan sát cho thấy là có luân hồi. Tuy nhiên cần phải nhớ rằng cũng chẳng có trường hợp nào đã bác bỏ thuyết luân hồi. Nếu có luân hồi, thì chắc hẳn là từ khi hồn xuất ra khỏi xác cũ cho đến khi nhập vào một thân mới, hồn sẽ ở trong một cảnh giới nào đó một thời gian. Cho nên kỹ thuật phỏng vấn những người về tử ngưỡng cửa sinh tử có lẽ chẳng thích hợp để khảo cứu luân hồi.

Có những phương pháp đã và đang được dùng để điều tra chuyện luân hồi. Chẳng hạn vài người thử áp dụng kỹ thuật "đưa lui về quá khứ". Đối tượng nghiên cứu được thôi miên và tâm trí (người này được ám thị lui dần về dĩ vãng càng lúc càng xa. Khi có thể nhớ được những gì lúc mới sinh ở hiện kiếp, người này lại được bảo hãy cố lui xa hơn thế nữa, tức là sang tiền kiếp! Ở điểm này, nhiều người bắt đầu kể tỉ mỉ các chuyện tiền kiếp vào những thời xa xưa và ở những nơi xa lạ. Trong vài trường hợp những chuyện như vậy được kiểm chứng đúng sự thực một cách đáng chú ý. Điều này xảy đến ngay cả trường hợp đối tượng được nghiên cứu chẳng thể nào biết được, bằng bất cứ phương cách thông thường nào, những biến cố, nhân vật, địa danh mà anh mô tả chính xác như vậy. Trường hợp Bridey Murphy nổi tiếng nhất, nhưng ngoài ra có các trường hợp khác, vài trường hợp còn gây ấn tượng sâu sắc và đầy đủ tài liệu, song không được nhiều người biết bằng. Quý độc giả nào muốn tìm hiểu vấn đề này sâu hơn nữa, xin đọc công trình nghiên cứu xuất sắc của bác sĩ Ian Stevenson: "Hai mươi Trường Hợp Ám Thi Có Luân Hồi" (Twenty cases suggestive of Reincarnation). Ngoài ra cũng nên nhớ rằng quyển "Sách Tây Tạng của Những Người Quá Vãng" (hay Siêu Độ Luận, The Tibetan Book of the Dead) kể rất chính xác các giai đoạn lúc lâm chung, bảo rằng luân hồi xảy ra ở một thời điểm xa hơn, sau những biến cố mà các người được tôi phỏng vấn đã kể.

(Còn tiếp)



Bí ẩn về TIỀN KIẾP và HẬU KIẾP

• Đoàn Văn Thông

Chương I

LUẬN HỒI, TÁI SINH LÀ GÌ ?

Luân hồi hay tái sinh là sự chuyển hóa sự sống của một sinh vật qua nhiều kiếp theo sự tái sinh. Đây chính là triết thuyết tôn giáo được phát triển cách đây đến mấy nghìn năm. Triết thuyết này bàng bạc trong dân gian, khắp nơi trên thế giới, ở Ai Cập, Hy Lạp cổ đại, nhất là ở Ấn Độ. Các tôn giáo như Ấn Độ giáo, Phật giáo, Do Thái giáo và cả những người theo thuyết thần trí học (theosophy) đều đề cập đến vấn đề này... thuyết luân hồi lan tràn hầu như toàn bộ các nước ở Á Châu. Người Tây phương hiểu từ luân hồi qua từ Metempsychosis, Transmigration hay Reincarnation. Theo Webster's New World Encyclopedia (1992) thì thuyết luân hồi bao hàm ý nghĩa rằng sau khi chết, linh hồn của loài người cũng như loài vật và ngay cả loài cây cỏ cũng sẽ chuyển sinh từ cơ thể này qua cơ thể khác từ dạng này qua dạng khác tùy theo những gì đã gây ra lúc còn sống.

Thuyết luân hồi hay tái sinh có ý nghĩa vô cùng sâu sắc và chi li: mọi sinh vật, sau khi chết sẽ chuyển hóa từ một thân xác này sang một thân xác khác. Ngay cả loài vật và loài cỏ cây cũng vậy. Luân hồi hay tái sinh (Reincarnation) là sự chuyển hóa hay sự chuyển sinh, đầu thai (transmigration) của linh hồn. Nói rõ hơn là khi chết, linh hồn sẽ chuyển từ thân xác này để nhập vào một thân xác khác. Khi chết thân xác hủy hoại tan rã, chỉ có linh hồn tồn tại.

Theo Phật giáo thì luân hồi, tái sinh là một phản ứng nghịch lại, là một sự báo ứng tự nhiên của mọi hành động. Mọi hành động đều có những phản ứng dội lại do hành động đó gây ra. Chữ luân hồi theo Phật giáo lấy từ Phạn ngữ là SAMSARA.

Con người phải trải qua nhiều kiếp cho đến khi chịu đủ sự trả quả tương xứng về những gì đã làm và không tạo nên nghiệp xấu thì mới mong được tới cõi an lạc mà Phật giáo gọi là Niết Bàn (Nirvana). Những ai phạm điều xấu, ác thì khi chết phải đọa vào địa ngục và chịu những xử phạt công minh.

Theo thuyết của Phật giáo thì mười nghiệp dữ (sát sanh, trộm cắp, dâm dật, nói dối, nói thù dật, nói hung ác, nói hàng hai, tham muốn, tức giận, si mê) đối lại với mười nghiệp dữ có mười nghiệp lành như không giết hại, không

tham lam trộm cắp, không giận hờn, không mê muội...) nếu khi sống tạo nghiệp ác thì khi chết phải chịu luân hồi tái sinh vào thân phận kẻ chịu sự khổ đau vì phải trả cái nghiệp xấu ấy. Nếu khi sống tạo nghiệp lành, thì khi chết sẽ luân hồi đầu thai vào thân xác mới có đời sống sung sướng tốt lành hơn. Nói tóm lại tất cả những gì mà bản thân đang trải qua ở hiện tại chính là kết quả của những gì mà kiếp trước bản thân đã làm. Và tất cả những gì mà hiện tại bản thân hành động thì đó sẽ là cái nghiệp được tạo lập trong hiện tại để có nghiệp báo ở tương lai tức là sự báo ứng của việc mình đã làm.

Các nhà nghiên cứu về thuyết luân hồi tái sinh lúc đầu tưởng rằng thuyết này chỉ phát triển ở các nước Á Châu, nhất là vùng Đông Nam Á. Nhưng dần dần họ khám phá ra rằng không riêng gì ở vùng Á Châu mà ở các nước Ai Cập, Hy Lạp cổ đại cũng như nơi những vùng ốc đảo xa xôi, thuyết này vẫn bàng bạc trong dân chúng và cả người dân Da đỏ cũng thường tin vào thuyết tái sinh. Các nhà nghiên cứu hiện tượng luân hồi lúc đầu rất ngạc nhiên về sự trùng hợp lạ lùng của một số lớn người Da đỏ ở vùng Bắc Mỹ Châu giống một số lớn người dân Châu Á về niềm tin cơ sự tái sinh. Nhưng khi xét về mặt địa lý họ thấy không có gì đáng ngạc nhiên vì vào thời đại Băng Hà, Á Châu và Mỹ Châu đã dính liền nhau một cách tạm thời từ hai vùng Tây Bá Lợi Á (Siberia) và Alaska. Lúc bấy giờ người Á Châu đã liên lạc được với vùng Bắc Mỹ qua ngã này và ngay cả một số loài thú cũng vậy. Bác sĩ Mills đã đưa ra những điểm tương đồng về sự kiện này như sau:

Người Tây Tạng tin rằng, vị Phật sống Lạt Ma của họ khi qua đời sẽ lại tái sinh để chăn dắt và che chở dân tộc họ. Cũng vậy, những người Da đỏ Bắc Mỹ tin rằng vị Tù Trưởng bộ lạc đôi khi chọn sự đầu thai trở lại để giúp đỡ những người trong thị tộc. Ngày nay, một số lớn người Da đỏ ở Bắc Mỹ Châu đã theo một vài tôn giáo khác tuy nhiên một số lớn người dân ở đây vẫn còn tin vào sự tái sinh. Thường thì họ suy đoán qua giấc mộng, qua lời nói bất chợt của người trong nhà, nhất là của đứa bé. Sự trùng hợp về hình hài, cử chỉ, hiện tượng v.v... đều được chú ý cẩn thận. Đôi khi họ còn tin tưởng rằng người chết hiện về dù trong giấc mộng cũng bao hàm ý tưởng là họ sắp đầu thai trở lại. Đôi khi họ còn để ý qua dấu vết, vết sẹo trên da của đứa trẻ sơ sinh. Nếu giống với những dấu vết mà người nhà đã chết trước đó có thì có thể nghĩ rằng người ấy đã tái sinh. Cũng có khi họ quan sát đứa trẻ về cách cư xử, ăn ở của nó. Rất giống với người đã chết thì đó cũng là điều đáng quan tâm. Nhiều người trước khi chết thường trở trần lại lời ao ước muốn hay không muốn được sinh ra lần nữa.

Ý NGHĨA SÂU XA CỦA HAI CHỮ LUẬN HỒI

Chữ luân hồi còn được hiểu rộng nghĩa hơn nữa khi nhắc đến thuyết Linh Vật (Animism). Bách khoa tự điển do field Enterprises Educational corporation (Hoa Kỳ) xuất bản năm 1961 ghi rằng thuyết Linh Vật tin tưởng rằng mọi vật thể trong vũ trụ đều có tính linh và cũng chịu luân hồi nhân quả. Mọi sinh vật đều có linh hồn. Ngay cả con người có vị thế tối cao trong các loài đôi khi vẫn phải tái sinh làm loài thú như ngựa, bò, heo, tùy theo những gì mà người ấy đã tạo ra trước đó. Cái mà người ấy đã gây ra được gọi là nghiệp. Theo D.T. Suzuki nhà tâm lý, triết học nổi danh thế giới, khi nghiên cứu về vấn đề tái sinh từ người qua loài thú đã ghi nhận rằng "cái mà ta gọi là những nghiệp có thể xem như tương đương với những bản tính mà ta thường thấy từ những con vật ấy". Từ đó ông nêu ra những thí dụ như có những con người lúc sống đã có những hành động, cử chỉ, cách sống biểu lộ qua những gì gọi là "thói" thì khi chết có thể tái sinh thành con vật có những đặc tính tương tự. Như kẻ phàm ăn, tục tĩu, thô lậu, xấu xa, hèn hạ, dơ bẩn, sau khi chết có thể họ sẽ tái sinh thành loài heo. Trái lại những kẻ khi sống thường ranh mãnh mưu lược, gan tị, thâm hiểm, xảo quyệt... sau khi chết có thể chuyển sinh thành chồn, cáo, chuột, khỉ v.v... lý luận này mới nghe qua sẽ không hiểm cho là kỳ quặc mơ hồ. Cũng có lý luận ngược lại rằng những người khi sống có những tưởng cách ấy là hình ảnh của những loài vật thấp hèn ở tiền kiếp. Những thuyết luân hồi tái sinh thật sự đã trình bày sự việc vấn đề một cách chi li, phức tạp như đã nói và ai trong chúng ta dù không tán thành, đồng ý nhưng cũng ít nhất một lần trong cuộc sống, sẽ tự hỏi tại sao trong đời lại có những người có hình dáng, cử chỉ, hành động, cách sống giống loài thú? Có người khi nằm ngủ co quắp hay co rúm lại, có người ngáy vang như sấm, có người đi như rắn bò, có người cười như ngựa hí, có kẻ gương mặt luôn luôn nhăn nhó như loài khỉ hay loài lùn nét mặt dữ tợn, với đôi mắt trắng dã, gườm gườm như ác thú. Có người khi ngồi có tư thế như cạp beo hay giọng nói to, sang sảng như tiếng thú gầm vang? Phải chăng đó là những loài thú ở các kiếp quá khứ và hiện tại mang kiếp người nhưng vẫn chưa thoát hẳn một số chi tiết của loài thú? Những kẻ giết người, những kẻ tra tấn người không gồm tay, những đao phủ, luôn cả những đồ tể (những kẻ giết súc vật) phần lớn hiện rõ ác tính trên cử chỉ dáng đi, giọng nói và nhất là gương mặt: thường thì đi lầm lũi (như cảm nhận được cái xấu xa tàn ác của mình nên không thể biểu lộ được sự thanh thản, yên tĩnh của tâm hồn), đôi khi tay thường nắm lại, như thú thế, đặc biệt đôi mắt trắng dã lộ nhân có nhiều đường gân máu tràn cả lòng trắng và lan vào tròng đen. Có điều kỳ dị là những người này gần như hầu hết đều có con mắt lồi hay tròng đen treo để lộ

3 phần trắng trong mắt gọi là tam bạch đản hoặc xuất phát, biểu lộ ác tính dã man không có chút tình người qua lời nói như năm 1992, tại Hoa Kỳ, tên sát nhân kỳ dị, dã man chuyên ăn thịt người tên là Jeffrey Dahmer mặc đầu bị bắt hẳn vẫn không tỏ dấu ăn năn tội lỗi mà còn tuyên bố: "Nếu có cơ hội, tôi sẽ giết, phân thây và ăn thịt những ai mà tôi bắt được!"

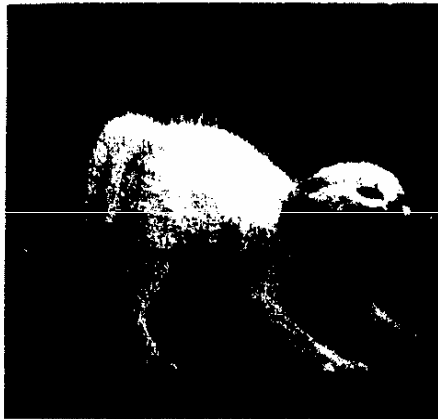
Tên sát nhân Jeffrey Dahmer này đã giết 17 người vô tội và ăn thịt rất nhiều người.

Mặc đầu là một con người nhưng rõ ràng hẳn còn kém xa thú vật nếu xét về mặt tiến hóa của chủng loại về sự phát triển của tư duy tình cảm.

Vấn đề thú có chuyển sinh làm người hay người có thể chuyển sinh thành thú trong thuyết luân hồi quả báo đã khiến cho thuyết này trở nên bao trùm mọi vật tương tự như thuyết Linh Vật (Animism) theo đó mọi vật đều có tính linh hay linh hồn và chịu sự chuyển sinh của luân hồi. Vì thế những người tin vào thuyết luân hồi thường kiêng ăn thịt vì hai lý do: Thứ nhất sinh vật đã có sinh, có diệt có sống có chết tức là có biết đau biết khổ, biết sung sướng thì tại sao ta lại giết chúng? Thứ hai sinh vật ta thấy sống trên quả đất có thể là hậu thân của những người nào đó hoặc đôi khi có thể là người thân mang hình hài loài thú qua sự chuyển sinh? Tuy nhiên thuyết luân hồi cho rằng sự tái sinh luôn luôn xem như là một sự tiến hóa. Loài thú nếu khi sống không gây nghiệp quả xấu thì chắc chắn sau thời gian quy định của sự chuyển sinh làm loài cầm thú sẽ được chuyển sinh vào một loài nào đó có cấp độ tiến hóa hơn. Ở đây cần phải lưu ý về một số thắc mắc được đặt ra: rằng đã là loài thú thì làm gì có trí óc sáng suốt để nhận ra đâu là tà đâu là chánh đâu là điều lành đâu là điều dữ. Vì thế bảo rằng loài thú gây nghiệp lành hay nghiệp dữ chỉ là sự ngẫu nhiên mà thôi chớ không phải do chủ ý của nó. Điều thắc mắc rõ ràng hữu lý, nhưng nếu nhìn lại ngay cả loài người mà từ lâu ai cũng công nhận là loài sinh vật thượng đẳng có trí óc thông minh hơn tất cả mọi loài lại vẫn không hiếm những con người tàn ác, vô nhân đạo, những con người hoàn toàn vô luân, tay luôn luôn nhúng máu, mắt luôn luôn chỉ muốn thấy cảnh chết chóc và tai thích nghe những lời kêu la thảng thốt, khổ đau của người khác. Những kẻ này có trí óc, có suy nghĩ nhưng không bao giờ có lòng nhân đạo xót xa. Vậy họ cũng ở cấp độ cao về trí thức, về cấu tạo bộ não nhưng tại sao họ lại giống loài ác thú? Những kẻ này xét cho cùng còn thua loài vật vì có nhiều loài vật rất hiền lành. Về ý niệm tái sinh luân hồi từ cấp độ thấp tới cao theo sự tiến hóa từ lâu đã được nhiều nhà nghiên cứu lưu tâm. Nhà sinh vật học Charles Darwin nêu thuyết tiến hóa của sinh vật theo đó sinh vật tiến hóa từ trình độ thấp, đơn giản dần dần đến trình độ cao hơn và phức tạp hơn theo nhu cầu,

cuộc sống và môi trường sống. Tuy nhiên nhà khoa học chỉ nghiên cứu căn cứ phần lớn vào những gì có tính cách thuần vật chất về cấu tạo, dạng thể của các cơ quan cơ thể cùng liên hệ với các hiện tượng sinh lý, sinh hóa chớ không đi sâu vào lĩnh vực luân lý đạo đức, tâm linh sâu xa hơn như thuyết luân hồi chuyển kiếp tái sinh. Charles Dawin nhận thấy rằng những sinh vật như cá, rùa, ếch, chim, sư tử, bò, ngựa, khi người đều có dạng thể phôi (Embryos) đầu tiên tương tự nhau.

Nhà khoa học chỉ thấy rõ sự tiến hóa từ "vạn vật đồng thể nhất" ấy qua sự tiến hóa mà thành nhiều hướng để phát sinh ra các loài, họ, bộ, giống, ngành sinh vật khác nhau mà không chú tâm nghiên cứu cái nguyên nhân sâu xa tiềm ẩn bên trong và trước đó ở mỗi sự vật. Thuyết tiến hóa như thế chỉ phát họa được rằng: "con người như là một toàn thể đã trải qua nhiều giai đoạn tiến hóa. Trong khi thuyết luân hồi cho thấy sự chuyển hóa để thành con người phải qua nhiều giai đoạn của sự tái sinh có liên quan nhiều đến những gì thuộc về tâm linh và luân lý cũng sự trừng phạt công minh giống như những định luật tự nhiên trong vũ trụ. Mỗi con người trước khi trở thành toàn hảo, hoàn thiện để vào cảnh giới an lạc không còn chịu chi phối bởi luật luân hồi tái sinh đều phải trải qua nhiều kiếp chuyển hóa tái sinh. Trong các lần chuyển sinh ấy sẽ có những kiếp khác nhau: khi thì loài vật, khi thì loài người, khi chuyển sinh thành loài vật, có thể họ phải qua nhiều kiếp như khi thì loài này khi thì loài kia tùy theo cấp độ của nghiệp quả. Qua các tài liệu

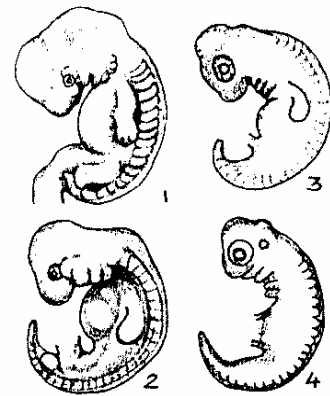


Cũng là loài mèo cá, nhưng không phải tất cả đều hiền lành dễ thương vì có con rất tàn bạo hung dữ. (Ảnh tư liệu trong Psychology - Kagan và Haveman - Harcourt Brace Jovanovich, Inc. 1980, USA).

kinh Phật giáo thì đức Phật Thích Ca, trước khi thành Phật, ngài đã chuyển sinh qua nhiều kiếp.

Cũng theo thuyết luân hồi thì khi còn là kiếp thú, kiếp thú này cũng có hạn định của nó. Hạn định này tùy thuộc vào những gì mà nghiệp quả trước đó đã quy định trong thời gian bao lâu để trả quả. Cũng là một loài vật nhưng cũng vẫn có những con khác nhau về cách sống. Như cùng một loài chó, vậy

mà có con rất trung thành, hiền lành, tử tốn. Trái lại có con rất hung dữ, phân chủ, nhác lưỡi, tham ăn v.v...



Phôi (Embryos) đầu tiên ở người 1; chó 2; chim 3; cá 4 đều giống nhau, nhưng sau đó phát triển theo những hướng khác nhau để có những dạng thể khác nhau. Một hình ảnh của Vạn Vật đồng nhất thể và phát triển qua sự tiến hóa.

Chúng ta từ nhỏ thường đã từng nghe kể chuyện con chó trung thành nọ rất thương chủ, thường ngày ra ga đón chủ về. Nhưng sau đó chủ nó không trở về nữa vì bị pháo kích chết trong một chuyến đi. Con chó không biết chủ đã chết, vẫn ngày ngày đến sân ga đón chủ. Suốt mấy tháng trời, con chó buồn bã một cách lạ thường bỏ ăn bỏ ngủ và sau đó gục chết ở trên đường tới nhà ga. Người dân trong vùng vô cùng thương tiếc nên đã chôn vùi và xây cho nó một nấm mồ với tấm bia mộ ghi câu "đây là nơi an nghỉ cuối cùng của con chó trung nghĩa".

Tùy theo bản tính riêng biệt ở mỗi con vật mà luật luân hồi tái sinh quy định cho chúng sự chuyển sinh vào một kiếp nào đó theo đúng với sự thường phạt hoàn toàn vô tư và công bình. Dù mèo, chó, chim chóc, cây cối... các chủng loại này ở cạnh nhau, gần gũi nhau từ thời đại này qua thời đại khác và chẳng có gì là đáng ngạc nhiên khi chúng ta và ngay cả những đứa bé mới hiểu biết cũng vẫn cảm thấy rõ ràng là có sự tự nhiên, quen thuộc và hầu như gần gũi với tất cả những sinh vật quanh ta với mọi chủng loại. Phải chăng điều đó nói lên rằng ta và những sinh vật ấy đã có sự liên hệ vô hình nào đó ràng buộc? Phải chăng chúng có cùng một bản tính với ta là cùng sinh ra, lớn lên, bệnh (sầu, bệnh) dinh dưỡng (ăn, uống, hô hấp, bài tiết), sinh sản rồi chết là do ta và chúng đã có lần chuyển sinh cho nhau từ muôn ngàn kiếp trước và sẽ còn gặp gỡ ở những kiếp lai sinh? Thế gian, vạn vật đồng nhất thể hiện ở đó. Nhìn mọi loài vạn vật chung quanh ta mới thấy được những hình thức tiến hóa quy tụ cả trên thế gian này giống như trong một trường học có vô số học sinh nhưng khác nhau về trình độ trí thức, số năm học, lớp học môn học v.v...

Bên ngoài là toàn thể ngôi trường và toàn thể học sinh nhưng bên trong tiềm tàng sự chuyển động, vận hành của vấn đề học vấn, về sự tiến hóa của

kiến thức, học hỏi và trình độ ngày càng cao của học sinh. Nếu các học sinh chuyên tâm học hỏi thì vào thời gian nào đó học qua những môn học của những lớp nào đó họ sẽ được chuyển dần lên lớp mới và ra trường, họ sẽ không còn phải học lại trường đó nữa. Chỉ có những học sinh nào nhác lười, ham chơi, hạnh kiểm xấu, học kém thì những học sinh ấy mới dễ bị thi hỏng, ở lại lớp chậm ra trường v.v... Tất cả những hình ảnh vừa kể là biểu tượng của hình ảnh về sự tiến hóa của những kiếp.

Ngay trong một kiếp sống của ta, nếu tìm hiểu kỹ và suy luận theo thuyết luân hồi thì (theo D.J. Suzuki) cũng thấy được một cách khá rõ ràng những giai đoạn tương ứng với những cõi mà suốt trong vô lượng kiếp ta đã phải và sẽ trải qua. Daisetz Teitaro Suzuki đã viết trong cuốn *Mysticism Christian and Buddisht* một đoạn về nhận định này với đại ý như sau: "qua những kinh nghiệm hàng ngày của mỗi con người chúng ta, nếu lưu tâm để ý chúng ta sẽ thấy ngay trong cuộc sống của đời mình có tất cả những gì mà ta có thể kinh nghiệm được bằng cách đi qua một hạn kỳ về tái sinh dài. Những gì mà chúng ta có được hay gặp phải khi đang còn sống đều thấy có sự tương đồng với nó ở một nơi nào đó ở cõi thanh cao tốt đẹp là chốn thiên đàng hay dưới hỏa ngục hoặc những nơi khác như cõi ngạ quỷ súc sanh. Khi ta vui vẻ hơn hờ, hạnh phúc chính là điều tương ứng với cõi thiên đàng, còn khi ta đau khổ, gặp hiểm nguy, tai họa khốn cùng là như ta đã rơi vào cõi địa ngục. Khi ta tức giận, nổi khùng thiên là ta như đã đi vào cõi A-tu-la rồi vậy...".

Viviane Contri khi trình bày vấn đề đầu thai trong tạp chí *Madame actuelle* số 254 đã viết như sau:

"Thời gian trải qua cho sự đầu thai ở mỗi linh hồn thường khác biệt nhau, tuy nhiên trung bình một linh hồn đầu thai khoảng mỗi 250 năm. Giữa thời gian này, mỗi linh hồn sẽ nhìn lại kiếp sống đã qua và từ đó sẽ chọn lựa một cách lý tưởng cho cuộc tái sinh kế tiếp".

Theo Jean Francis Crolart, nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi và là tác giả cuốn sách nổi tiếng nhan đề: "Tái sinh sau khi chết đã ghi nhận rằng:

"Kiếp sống hiện nay của mỗi con người chúng ta tùy thuộc nhiều vào kiếp sống trước đây (tiền kiếp) nhưng chính từ kiếp sống hiện tại sẽ đặt nền tảng và là tiền đề cho kiếp sống ở tương lai hay hậu kiếp".

VAI TRÒ CỦA LINH HỒN TRONG SỰ LUÂN HỒI TÁI SINH

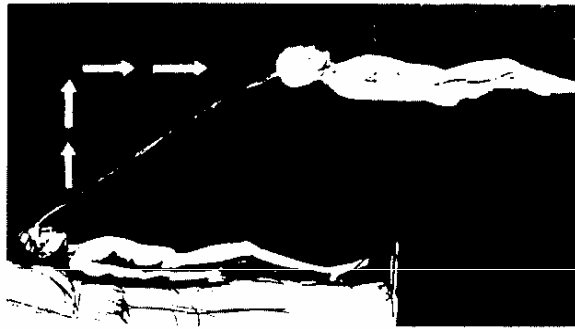
Câu hỏi từ ngàn xưa đã được đặt ra là cái gì đã giúp cho sự luân hồi chuyển sinh được thực hiện, phải chăng đó là linh hồn? Nhưng linh hồn thật sự có hay không? Nếu có thì linh hồn là gì? Linh hồn hữu thể hay vô hình?

Từ thời cổ đại con người đã tin rằng: ngoài thân xác ra, con người còn có

linh hồn. Linh hồn là phần linh diệu thâm sâu nhất. Khi chết, thân xác trở nên bất động và đi vào hủy diệt còn linh hồn thì rời khỏi thân xác.

Theo Hán-Việt từ điển của Đào Duy Anh thì Hồn là phần Tinh Thần hay Linh Tinh của con người, là ý thức, tư tưởng của con người.

Người Âu Mỹ gọi linh hồn qua từ *Âme*, soul (Pháp, Anh, Mỹ) hay *psyché* (Hy Lạp) hoặc *seel* (Đức). Từ *Âme* được giải thích là nguyên lý của sự sống, của tư tưởng hay của tất cả hai, khi nguyên lý



Hướng xuất ra của hồn thoát khỏi thân xác và sợi dây liên kết nối hồn và xác. (Ảnh tư liệu trong *Mind and Magic* của Francis X. King Crescent Books xuất bản năm 1991)

được xem như là một thực tại khác biệt với thể xác, qua đó hồn hoạt động. Thực tại ấy có thể xem là vật chất hay không vật chất.

Theo Daisetz Teitaro Suzuki thì linh hồn không thể được khái niệm như là một thực thể hay một đối tượng như bất cứ một đối tượng nào khác mà ta đã thấy quanh ta. Linh hồn không thể là cái có hình dạng hoặc có thể thấy được qua mắt người... bởi vì nếu là hữu hình thì làm sao linh hồn đi vào thể xác được?

Đối với người Hy Lạp thì linh hồn chính là cái tinh thần có nhiệt, cái giúp ta cử động và hô hấp.

Theo Tự điển và danh từ triết học của Trần Văn Hiến Minh thì Hồn là nguyên sinh lực hội tụ nơi sinh vật. Linh hồn là cái yếu tố quyết định quan trọng. Nhờ linh hồn mà sinh vật mới có sự sống. Từ thời cổ đại đã xuất hiện thuyết nói về linh hồn đó là thuyết vật linh (hay thuyết linh hồn nguyên thủy (Anamism)). Theo thuyết này thì tất cả mọi loài mọi thứ trên quả đất từ con người đến con thú và ngay cả cây cỏ đất đá cũng đều có linh hồn. Quan niệm này còn bàng bạc trong dân gian và ta cũng đã thường gặp lại trong các câu như: "Hồn thiêng sông núi", "Hồn nước" ... Ngày nay, một số lớn người Á Châu, Phi Châu, Úc Châu và nhất là các thổ dân vùng Hải đảo vẫn còn tin tưởng về thuyết đó. Tuy nhiên, tùy theo tôn giáo, phong tục, tập quán mỗi quốc gia mà sự tin tưởng của mỗi dân tộc có vài khác biệt, nhưng phần chính yếu thì vẫn giống nhau đó là sự tin tưởng rằng có linh hồn. Người Việt Nam và Trung Hoa còn chịu ảnh hưởng nhiều của nền văn hóa cổ xưa,

họ quan niệm rằng con người có ba hồn. Ba thứ hồn ấy là:

- *Sinh hồn*: phần đem lại sinh hoạt lực cho thể xác.

- *Giác hồn*: giúp thu nhận và thể hiện các cảm giác và những phản ứng.

- *Linh hồn*: là phần quan trọng nhất, đây là phần thâm sâu và vi diệu nhất của con người và cũng chính nhờ phần này mà sự luân hồi, đầu thai, chuyển sinh được thực hiện thuận lợi.

Đối với người Ai Cập thì khi chết linh hồn sẽ thoát khỏi thể xác như chim bay vì thế họ dùng hình ảnh một phi điều để biểu tượng cho linh hồn thể xác thì tan rã nhưng linh hồn thì trường tồn và chuẩn bị chuyển vào một cuộc sống mới khác qua một thân xác khác.

Việc ướp xác của người Ai Cập phần lớn với chủ đích muốn duy trì sự liên hệ giữa linh hồn và thân xác được lâu dài.

Đối với người Tây Tạng thì hồn là phần linh diệu trú ngụ trong một phần gọi là thân xác. Thể xác là cái vỏ cho hồn trú ngụ mà thôi. Hồn và xác liên

hệ nhau qua một thể giống như sợi dây đặc biệt có từ tính. Khi sợi dây ấy đứt chính là lúc hồn lìa khỏi xác.

Đối với các nhà triết học thì từ cổ đại, một số nhà triết học như Platon, Pythagore, Hereclite, Empedocles. Aristotele Epicure đều có nghiên cứu và đề cập nhiều đến linh hồn và coi linh hồn như là một thể quan trọng trong sự chuyển hóa đời sống. Về sau có Plotin, Descartes, Pascal, Schopenhauer, Ralph Waldo Emerson, Frederic William Henry Myers... tiếp nối sự nghiên cứu, tìm hiểu cũng như tin tưởng vào một sự hiện hữu của linh hồn.

Plotin tin rằng: con người phạm tội, khi chết, linh hồn rời khỏi thân xác sẽ nhập vào một cơ thể khác để trải qua một kiếp sống khác nhằm trả nợ những tội lỗi, sai lầm mà người ấy đã gây trước đó. Như vậy, theo Plotin thì sự tái sinh hay đầu thai phát sinh là do ở tội lỗi mà ra. Chính những sai lầm, những hành động tử trước của ta đã gây ra những trừng phạt kế tiếp mà ta phải trả.

D.T. Suzuki ghi nhận rằng: sau khi chết, linh hồn sẽ chuyển từ một thân xác này sang một thân xác khác thuộc cõi thiên, nhân, động vật, thực vật...

Đối với các tôn giáo thì mặc dầu có khác nhau về lý thuyết nhưng đều có tôn giáo nào phủ nhận về linh hồn.

Theo Ấn Độ giáo thì linh hồn là thực thể vô cùng quan trọng đối với mọi vật thể sống. Linh hồn được gọi là *Atman* và do đấng toàn năng *Brahma* tạo ra. Theo Ấn Độ giáo thì tất cả mọi loài sống trên quả đất này đều có linh hồn. Linh hồn bất sinh bất diệt. Linh hồn giúp sự tái sinh chuyển hóa. Linh hồn

chuyển hoá từ thân xác này qua thân xác khác để trải qua một kiếp sống khác, cứ thế cho đến khi đạt được điều kiện để hợp nhất hay liên kết với Brahma mới thôi. Brahma được hiểu như là linh hồn của vũ trụ.

Theo quan niệm của Ky-Tô giáo thì con người là một linh hồn và vì con người là một linh hồn nên khi chết, linh hồn cũng sẽ chết theo. Như vậy, đối với Ky-Tô giáo, linh hồn hiện hữu nhưng linh hồn không thể biệt lập và riêng tư đối với thể xác. Tuy nhiên cần lưu ý là, theo quan niệm Ky-Tô giáo thì "linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết" (Ê-XÊ-CHI-ÊN 18:4 và 20) và đến ngày phán xét: "Mọi người trong Mồ Mả nghe tiếng ngài và ra khỏi: ai làm lành thì sống lại để được sống, ai làm ác thì sống lại để bị xét đoán..." (Giăng 5:28-30). Như thế, khi một linh hồn chết đi (người là một linh hồn) thì có thể trong tương lai, trong ngày phán xét, linh hồn ấy sẽ sống lại và qua sự phán xét của Đấng tối cao, sẽ được sống đời đời hay chết vĩnh viễn.

Đối với Khổng giáo thì con người là kết hợp của thể xác, hồn, khí và phách. Phách hay vía, không phải là thể xác (như thể xác đối với tinh thần, mà là những nguyên lý của sự sống nhưng hạ đẳng. Không thể xem phách là thể xác (corps) được, những thành ngữ phổ biến trong dân gian chứng minh điều đó. Như vía độc: fluide vital néfacte - đốt vía (để trừ khử hơi hay khí độc, hay xui xẻo, hay: hồn phi phách lạc (hồn hay, phách, hay vía, hay khí rơi: hoảng hốt, sợ hãi (l'âme s'envole, le soufflé tombe, épouvanté)... khi chết, chỉ có hình hài tan rã, còn cái khí tinh anh sẽ vào trong vũ trụ.

Riêng đối với Phật giáo thì sinh vật, nhất là con người, có cái năng lực vi diệu được chuyển từ kiếp này qua kiếp khác. Cái năng lực ấy được gọi là Yid Kyi Mawpar Shespa, một danh từ rất đặc biệt phức tạp mà thông thường được hiểu như cái gọi là LINH HỒN. Hai chữ linh hồn đối với quan niệm Phật giáo thật ra chỉ là danh từ tạm dùng và tạm hiểu cho thuyết luân hồi chuyển hóa của kiếp người theo luật Karma (nghiệp) để người bình dân dễ lĩnh hội mà thôi. Vì con người thường hiểu nhầm chữ Linh Hồn với Thân Trung Âm hay Thần Thức là phần liả khỏi thân xác sau khi chết. Tuy nhiên, để dễ hiểu khi giải thích sự chuyển hóa của hiện tượng luân hồi, tái sinh, linh hồn được xem như cái cầu nối, là cái chuyển sinh là cái để đầu thai, trả nghiệp. Vì thế nhiều sách Phật giáo thỉnh thoảng vẫn thấy bóng dáng chữ Hồn hay Linh Hồn vì một phần nào để gián dị hóa cho vấn đề là con người sau khi chết sẽ lại tái sinh tùy theo những gì mà người ấy đã gây ra trước đó.

Theo quan niệm trong dân gian của người Việt Nam và phần lớn chịu ảnh hưởng quan niệm của đạo Phật thì:

Sau khi con người trút hơi thở cuối cùng thì cái mà ta gọi là linh hồn tuy đã thoát ra khỏi thể xác nhưng lúc này

"linh hồn" còn như ở trong tình trạng tự do, chưa nhập vào một thân xác mới, giai đoạn này trải qua một thời gian là 49 ngày. "Linh hồn" thuộc giai đoạn 49 ngày này được gọi là Thân Trung Âm, một cái "thân" khác với nhục thân đã bất động là thân xác. Thân Trung Âm còn được gọi là Thần Thức.

Phần lớn con người khi chết đều phải qua giai đoạn trung âm này (ngoại trừ những người đã có sẵn đạo đức tu hành, nghiệp quả lớn thì được sinh ngay lên cảnh giới cao, còn những người ác độc thì phải sinh vào địa ngục sau khi chết). Thân Trung Âm có thể xem như linh hồn, tuy không có hình hài, tai mắt... nhưng vẫn biết, vẫn thấy, vẫn nghe và đặc biệt có thể đi thông suốt qua mọi vật, nhưng con người đang sống không thể thấy được Thân Trung Âm.

Trong Luận Câu Xá (cuốn thứ 9) có một đoạn mô tả về Thân Trung Âm như sau:

Thân Trung Âm của chúng sanh nơi Dục giới có kích thước bằng một đứa bé 5 hay 6 tuổi nhưng linh hoạt sáng suốt vô cùng. Thức ăn chỉ toàn là mùi hương vì thể mà có tên là Càn-thát-bà (nguyên văn: Dục giới trung hữu chi lượng, như tiểu nhi niên ngũ, lục tuế, nhiên chư căn minh lợi. Dục giới chi trung hữu dĩ hương vi thực, nhân chi xung chi vi Càn thát bà) - (theo T.T. Thích Chánh Lạc - Sống và Chết)

Khi chết, thân xác không còn biết gì nữa. Lúc ấy "linh hồn" đang ở vào trạng thái của thân trung âm hay thần thức. Thần thức sẽ rời khỏi thể xác. Thời gian tách rời ấy nhanh hay chậm còn tùy vào nhiều vấn đề. Tổng quát có thể chia ra làm 2 trường hợp chính sau đây:

1. Trường hợp thứ nhất: Thân trung âm rời ngay thân xác trường hợp này hiếm, chỉ có ở những bậc chân tu, đức độ, đã rũ sạch được nghiệp quả.

2. Trường hợp thứ nhì: thân trung âm rời khỏi thân xác sau một thời gian hoặc sau nửa ngày, sau vài ngày hoặc lâu hơn là 49 ngày.

Theo các vị Lạt Ma Tây Tạng thì hồn liả khỏi thân xác trong khoảng thời gian 3 ngày đầu sau khi chết rất quan trọng vì hồn còn có thể nuôi tiếc thân xác và cuộc sống nên vẫn còn lẩn quất không chịu rời.

Đối với trường hợp những người bị tai nạn, bị giết hại một cách bất ngờ thì sự tách rời của "hồn" ra khỏi thể xác lúc đó xảy ra quá nhanh, bất thình lình nên đã tạo nên một sốc lớn khiến thể xác có những tư thế bất bình thường qua các phản ứng của cơ thể với tác nhân bên ngoài. Thể xác sẽ có những tư thế nằm, ngồi co quắp hay gương mặt nhăn nhó, mắt mở trừng trừng, mồm há hốc v.v...

(Còn tiếp)

Kỳ tới: Linh hồn có hay không ?

Tam Biệt

(Tặng nữ sĩ Lý Phách Mai)

Những tưởng kiếp trước bèo
trôi nổi

Nào ngờ đây là hội tương
phùng.

Gặp người có thủy có chung,
Thờ cha kính mẹ một lòng sắc
son.

Biết thay chồng nuôi con dạy
dỗ,

Sớm lại chiều nẫu sử sôi kinh
Mong con danh toại công
thành

Bỏ công cha mẹ hiển vinh với
đời.

Phép xử thế thiệt thòi sá kể
Coi tiền tài nhẹ tựa phù du
Giúp người đau khổ công
phu

Lấy điều tín nghĩa giao du
với đời.

*

Từ đây nhé mỗi người mỗi
ngả

Cuộc tao phùng thời hẳn còn
đâu

Trách thay tao hóa cơ cầu
Gặp nhau thêm để lụy sầu
cho nhau

Cuộc nhân thế biến dâu là thế
Đành kiếp này theo lẽ rủi may
Chúc người hạnh phúc sum
vầy

Trồng cây thêm thiện, có
ngày thêm bông.

PHƯỢNG LAN

(Nguyễn Đình Phượng)

AUF DEUTSCH

BUDDHISMUS DES LAUTEREN LANDES

- DIALOG MIT ALTEN MEISTERN -

(Übersetzt und mit Anmerkung versehen von Meister Thich Thien Tam; Copyright der deutschen Übersetzung Tu Xung Roland Berthold)

(Fortsetzung VG Nr. 87)

Zehn Zweifelsfragen zum Lauteren Land

(Ching-t'u Shih-i-lun; T. 47, No. 1961)

- T'ien T'ai-Patriarch Chih-I -

*Über Buddha-Rezitation und Anhaften an der Form :
Dies kann dem Entzünden eines Feuers auf Eis
verglichen werden : Wenn das Feuer stärker wird,
schmilzt das Eis. Wenn das Eis schmilzt,
wird das Feuer gelöscht. So ist es auch
mit der Buddha-Rezitation... Am Ende wird der
Übende das Reich des Nicht-Entstehens erlangen und
und das Feuer der Wiedergeburt von selbst verschwinden
sehen.
(Lauteres Land-Patriarch Meister T'ao-Ch'o)*

Frage 1

Das Große Erbarmen ist das Wirken der Buddhas und Bodhisattvas. Deshalb sollten jene, die den Bodhi-Geist entwickelt haben und die anderen Lebewesen erretten und hinüberbringen möchten, doch geloben, in der Dreifachen

IMPRESSUM

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Ateilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

VERLAG

c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
Herausgeber : Ven. THICH NHU DIEN
Redaktion : Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : alle zwei Monate
Druck, Satz und Layout : VIBUS-HANNOVER
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nachdruck
nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.

Welt (29), in den fünf Befleckungen und auf den drei üblen Pfaden geboren zu werden. Warum sollten wir die Lebewesen im Stich lassen, um ein selbstsüchtiges Leben der Stille zu führen? Ist dies nicht ein Mangel an Mitleid, ein Überhandnehmen egoistischer Bedürfnisse, dem Pfad der Erleuchtung entgegen gesetzt? (30)

Antwort

Es gibt zwei Arten von Bodhisattvas. Die erste Art sind jene, die dem Bodhisattva-Weg lange Zeit gefolgt sind und das "Annehmen der Nicht-Geburt" (31) (Einsicht in das Nicht-Entstehen der Erscheinungen) erlangt haben. Diese Vorhaltung betrifft nur sie.

Die zweite Art sind jene Bodhisattvas, welche das "Annehmen der Nicht-Geburt" nicht erlangt haben, wie auch gewöhnliche Wesen, die den Bodhi-Geist (32) gerade erst entwickelt haben. Wenn sie danach streben, jenes "Annehmen" zu vervollkommen und das üble Leben (33) der Dreifachen Welt auf sich nehmen, um die Lebewesen zu erretten, sollten sie dauernd in der Nähe der Buddhas verweilen. Wie es in der "Abhandlung über die Vollkommenheit der Weisheit" heißt : (34)

"Es ist für Menschen, die noch von allen Arten von Leiden gebunden sind, selbst wenn sie einen großen mitleidvollen Geist besitzen, unklug, vorzeitig eine Wiedergeburt in diesem üblen Bereich anzustreben, um die Lebewesen zu erretten.

Warum? Weil die Leiden in dieser üblen, befleckten Welt machtvoll und weit verbreitet sind. Jene, denen das Annehmen (des Nicht-Entstehens) fehlt, unterliegen der Herrschaft äußerer Umstände. Sie werden dann Sklaven von Form und Ton, Ruhm und Glück, mit dem daraus resultierenden Karma von Begehren, Haß und Verblendung. Wenn dies geschieht, können sie sich nicht einmal selbst retten, geschweige denn die anderen!

Wenn sie zum Beispiel in der Menschenwelt geboren werden, in dieser üblen Umgebung voller Nicht- und Andersgläubiger, haben sie es schwer, wirklichen Weisen zu begegnen. Deshalb ist es nicht leicht, den Buddha-Dharma zu vernehmen oder die Ziele der Weisen zu erlangen.

Wie viele von jenen, die in früheren Leben die Samen der Freigebigkeit, der Sittlichkeit und des Segens gelegt haben und sich jetzt der Macht und des Ruhms erfreuen, sind verblendet von einem Leben in Reichtum und Ehre und schwelgen in endlosem Begehren und Lust!

Deshalb glauben sie, selbst wenn sie von erleuchteten Lehrern unterwiesen werden, diesen nicht, noch handeln sie entsprechend. Darüberhinaus nutzen sie ihre existierende Macht und ihren Einfluß, um ihre Leidenschaften zu befriedigen, und erwirken sehr viel unheilbares Karma. Wenn ihr gegenwärtiges Leben zu Ende geht, steigen sie deshalb für zahllose Aonen auf die drei üblen Pfade hinab. Danach werden sie als Menschen von niedrigem sozialen und ökonomischen Status wiedergeboren. Wenn sie dann keine guten spirituellen Unterweiser treffen, bleiben sie weiterhin verblendet, schaffen weiteres unheilbares Karma und steigen erneut in die niederen Bereiche hinab. Seit unausdenkbaren Zeiten sind die im Kreislauf von Geburt und Tod gefesselten Lebewesen in dieser mißlichen Lage. Dies wird der "Schwierige Pfad der Übung" genannt.

Das Vimalakirti-Sûtra stellt ebenso fest :

"Wenn du nicht einmal deine eigene Krankheit heilen kannst, wie kannst du dann die Krankheiten anderer heilen?" (35)

Die "Abhandlung über die Vollkommenheit der Weisheit" führt weiter aus : "Nimm das Beispiel zweier Menschen, von denen jeder das Ertrinken eines Verwandten im Fluß beobachtet. Der erste, spontan handelnd, springt hastig ins Wasser. Weil es ihm jedoch an den notwendigen

Fähigkeiten mangelt, ertrinken schließlich beide. Die zweite Person, intelligenter und geschickter, holt eilig ein Boot und fährt damit zur Unglücksstelle. Auf diese Weise entkommen beide Personen dem Ertrinken.

Frisch strebende Bodhisattvas können der erstgenannten Person verglichen werden, der noch die Kraft des Annehmens (der Nicht-Geburt) fehlt und daher die Lebewesen nicht erretten kann. Nur jene Bodhisattvas, die nahe bei den Buddhas verweilen und jenes Annehmen erlangen, können die Buddhas vertreten und zahllose Lebewesen hinüberbringen, so wie die Person mit dem Boot."

Die "Abhandlung über die Vollkommenheit der Weisheit" führt weiter aus: "Dies gleicht einem kleinen Kind, das seine Mutter nicht verlassen sollte. Sonst würde es in einen Brunnen fallen, im Fluß ertrinken oder verhungern. Oder einem jungen Vogel, dessen Flügel noch nicht voll entwickelt sind. Er muß den rechten Augenblick abwarten, von Zweig zu Zweig hüpfen, bis er dann gemächlich und ungehindert fortfliegen kann.

Gewöhnliche Menschen, denen das Annehmen der Nicht-Geburt fehlt, sollten sich auf die Buddha-Rezitation beschränken, um die Einspitzigkeit des Geistes zu erlangen. Wenn dieses Ziel einmal erreicht ist, werden sie in der Todesstunde gewiß im Lauteren Land wiedergeboren werden. Wenn sie den Buddha Amitâbha geschaut und das Annehmen der Nicht-Geburt erlangt haben, können sie das Boot jenes Annehmens in das Meer von Geburt und Tod steuern, um die Lebewesen überzusetzen, und zahllose Buddha-Taten willentlich vollenden."

Aus diesen Gründen sollten mitleidsvolle Übende, welche die Lebewesen in den Höllen belehren und bekehren möchten oder in das Meer von Geburt und Tod tauchen wollen, die Ursachen und Bedingungen für die Wiedergeburt im Lauteren Land im Geiste behalten. Dies wird im Kommentar über die Zehn Stufen der Bodhisattvas als der "Leichte Pfad der Übung" bezeichnet. (36)

Frage 2

Alle Erscheinungen sind ihrer Natur nach leer, stets unentstanden (Nicht-Geburt), gleich und still. Handeln wir nicht gegen diese Wahrheit, wenn wir diese Welt verlassen und Wiedergeburt im Land der Höchsten Glückseligkeit suchen? Das (Vimalakîrti-)Sûtra lehrt, daß "um im Lauteren Land wiedergeboren zu werden, du zuerst deinen eigenen Geist läutern sollst; nur wenn der Geist rein ist, werden die Buddha-Länder rein sein". Handeln die Anhänger des Lauteren Landes nicht gegen diese Wahrheit?

Antwort

Diese Frage umfaßt zwei Prinzipien und kann auf zwei Ebenen beantwortet werden.

a) Auf der Ebene des Allgemeinen: Wenn du denkst, daß das Streben nach Wiedergeburt im Lauteren Land "das Hier verlassen und das Dort aufsuchen" bedeute, was deshalb unvereinbar mit der Wahrheit der Gleichen Soheit wäre, begehst du dann nicht denselben Fehler, indem du an dieser Sahâ-Welt haftest und nicht die Wiedergeburt im Lauteren Land suchst, d.h. "das Hier verlassen und das Dort aufsuchen"? Wenn du andererseits sagst: "Ich strebe weder die Wiedergeburt dort an, noch möchte ich hierbleiben", fällst du in den Irrtum des Vernichtungsglaubens.

Das Diamant-Sûtra sagt in diesem Zusammenhang: "Subhûti, ... hege einen solchen Gedanken nicht. Warum? Weil derjenige, welcher den Höchsten Erleuchtungsgeist entfaltet, nicht die (vollkommene) Vernichtung (der

Merkmale der Dharma) behauptet." (Bilingual Buddhist Series, Vol. I, Taipei: Buddhist Cultural Service, 1962, p. 130)

b) Auf der Ebene des Besonderen: Da du die Wahrheit der Nicht-Geburt (37) und des Reinen Geistes zur Sprache bringst, möchte ich dir folgende Erklärung dazu geben.

Nicht-Geburt ist genau die Wahrheit von Nicht-Geburt und Nicht-Tod. Nicht-Geburt bedeutet, daß alle Dharmas unwirkliche Anhäufungen sind, geboren aus Ursachen und Bedingungen, ohne Selbst-Natur. Deshalb haben sie keine wirkliche "Geburtsnatur" oder "Geburtszeit". Genau betrachtet, kommen sie in Wirklichkeit von nirgendwo her. Aus diesem Grunde sagt man von ihnen, daß sie Nicht-Geburt besitzen.

Nicht-Tod bedeutet, daß, da die Erscheinungen keine Selbst-Natur besitzen, sie, wenn sie verlöschen, man sie nicht als tot betrachten kann. Weil sie keinen wirklichen Ort haben, an den sie zurückkehren könnten, sagt man, daß sie nicht verloschen sind (Nicht-Tod).

Aus diesem Grunde kann die Wahrheit der Nicht-Geburt (oder Nicht-Geburt, Nicht-Tod) nicht außerhalb der gewöhnlichen Erscheinungen existieren, welche Geburt und Tod unterliegen. Deshalb bedeutet Nicht-Geburt nicht, daß man nicht die Wiedergeburt im Lauteren Land anstrebt.

Die "Abhandlung über den Mittleren Weg" sagt:

"Dharmas (Erscheinungen) werden aus Ursachen und Bedingungen geboren. Ich sage, daß sie deshalb leer sind. Sie werden auch als unwirklich und trügerisch bezeichnet. Und dies ist ebenfalls die Wahrheit des Mittleren Weges."

Sie sagt weiter:

"Dharmas werden weder spontan aus sich geboren, noch entstehen sie aus anderen. Sie werden weder aus Ursachen und Bedingungen noch ohne sie geboren. Deshalb sagt man von ihnen, daß sie Nicht-Geburt besitzen."

Das Vimalakîrti-Sûtra sagt:

"Obwohl er weiß, daß die Buddha-Länder wie auch die Lebewesen leer sind, übt er weiter das Lautere Land (-Dharma), um die Menschen zu belehren und zu bekehren." (Charles Luk, The Vimalakîrti Nirveda Sûtra, p. 88)

Es sagt weiter:

"Man kann willentlich Wohnhäuser auf leerem Land erbauen, aber es ist unmöglich, dies in der Mitte des leeren Raumes zu tun."

Wenn die Buddhas lehren, verlassen sie sich gewöhnlich auf die Zwei Wahrheiten (38) (die höchste und die konventionelle). Sie zerstören die trügerischen, vorläufigen Identitäten der Erscheinungen nicht, sondern enthüllen deren wahre Merkmale.

Deshalb verstehen die Weisen, während sie ernsthaft nach Geburt im Lauteren Land streben, daß die Natur der Wiedergeburt in Wirklichkeit leer ist. Dies ist wahre Nicht-Geburt und die Bedeutung der Aussage: "Nur wenn der Geist rein ist, werden die Buddha-Länder rein sein."

Auf der anderen Seite sind die Beschränkten und Unwissenden in der Vorstellung der Geburt gefangen. Wenn sie das Wort "Geburt" hören, verstehen sie dies als tatsächliche Geburt. Wenn sie von "Nicht-Geburt" hören, (haften sie an dessen wörtlicher Bedeutung) und denken, daß es nirgendwo Wiedergeburt gibt. (39) Sie erkennen kaum, daß "Geburt genau Nicht-Geburt ist, und daß Nicht-Geburt Geburt nicht behindert." (40)

Weil sie diesen Grundsatz nicht verstehen, fordern sie Argumente heraus und verleumden und verurteilen jene, die Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land suchen. Welch ein großer Fehler! Sie machen sich der Schmähung des Dharma schuldig und gehören zur Klasse der irreföhrten Externalisten (Nicht-Buddhisten).

Anmerkungen :

29. a) Drei Welten : Die Welten des Begehrens (unsere Welt), der Form (die der niederen Götter) und der Formlosigkeit (die der höheren Götter)

b) Fünf Befleckungen : i) Die Unreinheit des Kalpa, wenn sich der historische Zyklus in einer Periode des Niedergangs befindet; ii) die Unreinheit der Ansichten, wenn alle Arten falscher Vorstellungen vorherrschen; iii) die Unreinheit der Leidenschaften, wenn Begehren, Haß und andere Befleckungen vorherrschen; iv) die Unreinheit der menschlichen Situation, wenn die Menschen häufiger unglücklich als glücklich sind; v) die Unreinheit der Lebensdauer, wenn die menschliche Lebensdauer kürzer wird. (G.C.C. Chang)

30. "In den buddhistischen Lehren... ist ein Mensch, der nicht erleuchtet ist, - per definitionem - "krank"... Der Heilungsprozeß ist die Verwandlung des Leidens in das Streben nach Erleuchtung." (Raoul Birnbaum, *The Healing Buddha*, p. XIV)

31. Nicht-Geburt. Dieser wichtige Begriff wurde auf verschiedene Weise übersetzt.

Diese Abhandlung "Zehn Zweifelsfragen zum Lauteren Land" wurde zuerst von Leo Pruden unter dem Titel "The Ching-t'u Shin-i Lun" in "The Eastern Buddhist", Mai 1973, übersetzt. Er verwendete dabei den Begriff "Einsicht des Nicht-Entstehens". Charles Luk benutzte in seiner Übersetzung des Vimalakīrti-Sūtra den Begriff "Geduldiges Ertragen des Nicht-Entstandenen".

32. Bodhi-Geist. Der Geist der Erleuchtung oder das Streben danach; der Geist, der auf die Erleuchtung ausgerichtet ist. Er umfaßt zwei parallele Aspekte : i) den Entschluß, Buddhaschaft zu erlangen, und ii) das Streben, alle Wesen zu erretten.

33. Übles Leben. Diese Sahā-Welt wird in den Sūtras vom Lauteren Land als Übel bezeichnet, denn sie ist von den fünf Verderbtheiten (Befleckungen, Unreinheiten) erfüllt, wie der Unreinheit der Ansichten, wenn alle Arten von falscher Ansichten die Oberhand haben, und der Unreinheit der Leidenschaften, wenn Begehren, Haß und andere Befleckungen vorherrschend sind... (nach Garma C.C. Chang).

"Śāriputra, du sollst wissen, daß ich in dieser üblen Zeit der fünffachen Befleckung das schwierige Werk vollbringe, die Höchste Vollkommene Erleuchtung zu erlangen, um zum Heil aller Wesen diesen Dharma darzulegen. Es ist wahrlich sehr schwierig."

34. Auch "Abhandlung über die Prajñāparamitā" genannt.

35. Dazu die Stelle aus dem Vimalakīrti-Sūtra :

"Wie der Erhabene Buddha darlegt : "Es ist nicht möglich für jemanden, der selber gebunden ist, andere aus ihren Verhaftungen zu befreien. Aber einer, der selber befreit ist, ist in der Lage, andere aus ihren Verhaftungen zu befreien." (Robert Thurman, *The Holy Teaching of Vimalakīrti*, p. 46)

36. Um diese Worte des Patriarchen Chih-I abzuschwächen, fügte Meister Thich Thien Tām folgendes hinzu :

"Dennoch sollten wir, unter Berücksichtigung der Verantwortung und des mitleidvollen Geistes des Übenden, nicht völlig alle Bemühungen, die Lebewesen in unserem gegenwärtigen Leben zu erretten, zurückweisen. In Wahrheit jedoch können unsere gegenwärtigen altruistischen Bemühungen nur innerhalb des Rahmens des "gemäß den eigenen Mitteln und Bedingungen" sein. Dies gleicht einem, der in den Strom der Täuschung gefallen ist, dann sein Bestes versucht, das Ufer zu erreichen, und

gleichzeitig laut ruft, andere zu gleichem Tun zu ermahnen." (*Buddhism of Wisdom and Faith*, Abschnitt 14)

37. Nicht-Geburt. Auch als "Nicht-Entstehen" und "Nicht-Ursprung" übersetzt.

38. Zwei Wahrheiten : 1) Relative oder konventionelle, alltägliche Wahrheit der Welt, welche der Täuschung und Unterscheidung unterliegt, und 2) die Höchste Wahrheit, wie sie der Buddha lehrte.

Die Denker der Schule des Lauteren Landes, wie der Patriarch Tao-Ch'o, akzeptierten "die Berechtigung der Konventionellen Wahrheit als einen Ausdruck der Höchsten Wahrheit und als ein Vehikel, die Höchste Wahrheit zu erreichen. Obwohl alle Form Nicht-Form ist, ist es akzeptabel und notwendig, die Form in den Grenzen der Kausalität zu benutzen, denn ihr Gebrauch ist ein geschicktes Mittel, andere aus Mitleid mit ihnen zu erretten, und weil selbst für den Unerleuchteten der Gebrauch der Form zur Offenbarung der Form als Nicht-Form führen kann." (David Chappell). So kann der Übende, um die formlose Buddhaschaft zu erlangen, die auf der Form basierende Methode des Lauteren Landes praktizieren.

39. Ein Schlüsselkonzept im Buddhismus : alles ist letztlich Geist-erzeugt (siehe Anmerkung 77).

40. Frage 2 wurde wahrscheinlich von einem Ch'an Mönch gestellt. Deshalb gab der Patriarch Chih-I seine paradoxe, Ch'an-artige Antwort. D.T. Suzuki zitiert den Ch'an-Patriarchen Fa-Yen wie folgt :

"Die Sūtras, die der Buddha während seines Lebens dargelegt hat, sollen 5.048 Bände umfassen. Sie umfassen die Lehre von der Leere und die Lehre vom Sein. Es gibt Lehren der unmittelbaren Verwirklichung und der allmählichen Entwicklung. Ist dies nicht eine Bejahung?

Aber nach (dem Ch'an-Meister Yung-Chia in seinem "Gesang der Erleuchtung") "gibt es keine Lebewesen, keine Buddhas. Die Weisen, zahlreich wie die Sandkörner im Ganges, gleichen den vielen Schaumblasen im Meer. Weise und Heilige der Vergangenheit sind wie das Zucken von Blitzen." Ist dies nicht eine Verneinung?

Wenn ihr, meine Schüler, sagt, daß es ist, sprecht ihr gegen (Yung-Chia); wenn ihr sagt, daß es nicht ist, widerspricht ihr unserem alten Meister Buddha. Wenn er bei uns wäre, wie würde er dann dieses Dilemma lösen? ...

Wenn ihr eure Unwissenheit bekennt, werde ich euch in das Geheimnis blicken lassen. Wenn ich sage, daß es nicht ist, so bedeutet dies nicht notwendigerweise eine Verneinung; wenn ich sage, daß es ist, ist dies auch keine Bejahung. Wendet euch ostwärts und schaut zum Westlichen Land; wendet euch nach Süden, und der Polarstern wird dort sichtbar! (D.T. Suzuki, *Introduction to Zen Buddhism*, p. 65)

"Die Kritiker sind geneigt, Zen als absurd, verwirrend und als außerhalb des üblichen Denkens zu bezeichnen. Aber Zen ist unnachgiebig und würde einwenden, daß die Weise des sogenannten gesunden Menschenverstandes, die Dinge zu betrachten, nicht endgültig ist, und daß der Grund, warum wir kein gründliches Verstehen der Wahrheit erlangen können, in unserem unvernünftigen Anhaften an einer "logischen" Deutung der Dinge zu suchen ist. Wenn wir wirklich auf den Grund des Lebens gehen wollen, müssen wir unsere lieb gewordenen logischen Schlüsse aufgeben und uns eine neue Weise der Beobachtung zulegen, durch die wir der Tyrannei der Logik und der Einsichtigkeit des alltäglichen Sprachgebrauchs entrinnen können... Dies ist so, weil Zen zu dem definitiven Schluß gekommen ist, daß der gewöhnliche logische Prozess des Denkens nicht in der Lage ist, unsere tiefsten spirituellen Bedürfnisse zu befriedigen." (D.T. Suzuki, *Introduction to Zen Buddhism*, p. 58)

Weg ohne Grenzen

• THICH NHU DIEN

Ins Deutsche Übersetzung von
Nguyen Huu Tuan & Nguyen Thi Cuc

(Fortsetzung)

Die Maschine landete in Hamburg, um 6:40 Uhr am 23.04.77 nach 18 Stunden Flug. Der Polizist am Flughafen schaute mich neugierig an. Das war das erste Mal, daß ich von jemanden neugierig angekuckt wurde, weil in Japan und Vietnam die Menschen buddhistische Mönche, mit ihren kahlgeschorenen Köpfen und braunen Kutten kannten. Erst schaute er mich von Kopf bis Fuß genau an. Dann studierte er meinen Paß. Er fragte mich auf Deutsch und ich schüttelte den Kopf. Dann fragte er mich wieder auf Englisch, "Warum ich bis heute noch diesen Paß benutzte, wenn doch die Süd vietnamesische Regierung nicht mehr existiere?" Danach kam eine Szene mit Berichten über Enten und Hühnen, zusammen mit ein bißchen Geplauder auf Englisch. Ich sagte: "Süd-Vietnam existiert nicht mehr, aber mein Paß ist immer noch gültig bis April 1980. Und die Deutsche Botschaft in Tokyo hat mir ein Einreisevisum gegeben, d.h. sie ist einverstanden, und ich darf in die BRD einreisen". Der Polizist verstand die Sache sehr klar, aber er ging mit meinem Paß für eine Weile fort, um sich zu erkundigen. Und die Passagiere mußten warten. Er kam zurück und sagte, daß ich einreisen dürfte, aber ich die Sache mit meinen Papieren regeln mußte. Ich war sehr froh und mühte mich mit dem Gepäck ab und ging durch den Zoll.

Nach dem Erledigen der Formulare ging ich durch den Haupteingang hinaus. Draußen war es kalt und noch trauriger, weil kein Mensch mich abholte. Diese Kälte ging bis in die Knochen und merkwürdig so einsam. Obwohl ich in die Hauslosigkeit gezogen war und alles annahm, hatte ich als Mensch doch ab und zu diese seltsame Leere in mir. Ich wechselte Geld bei der Bank, um zu telefonieren. Ich wußte nicht, wie weit die Entfernung zwischen Hannover und Hamburg war, aber warfe 50Pf-Stück in den Apparat ein. Das Telefon funktionierte ganz anders, als in Japan. Nach dem ich mich erkundigt hatte, konnte ich das Telefon benutzen. Es war aber sehr mühsam. Am anderen Ende des Telefons sprach jemand: "Bitte warte, ich rufe deinen Freund an und er soll dich abholen. Dein Freund macht ein Praktikum in Truppenkamp und kann dich noch nicht abholen." Das Gespräch war noch nicht zuende, dann war das Geld schon aus. Ich mußte noch mal Geld wechseln, um zu telefonieren. Aber ich dachte bei mir, seitdem ich Mönch bin, sagte niemand "Anh" zu mir (Anh: Freund). Man nannte mich "Chu" als Novize und später selbstverständlich "Thay" (Meister). Es klang merkwürdig und ich nahm an, daß er vielleicht ein Katholik oder Buddhist war, oder ein Student, der schon sehr lang weg von zu Haus war und alles vergessen hatte und sich in den Benennungen nicht so gut auskannte.

Aber egal Hauptsache war, daß er Vietnamesisch sprach. Nach dem 2. und 3. Anruf erfuhr ich, daß er schon Kontakt mit meinem Freund hatte und mein Freund mich abholen würde. Ich hatte auch vergessen, zu fragen, wieviel Zeit mein Freund von dort bis hierher bräuhete.

Nach 2 Stunden Warten traf ich meinen Freund ein. Er hatte ein blaues Hemd und eine schwarze Hose an. Außerdem hatte er einen kuriosen Schnurrbart und eine deutsche Frau mitgebracht. Er hatte mich ihr auf Deutsch vorge-

stellt, sprach Englisch mit mir und gab mir ihre Hand. Ich wußte nicht, was ich machen sollte, seit ehemals wagte keine Frau, dem Mönch die Hand zu geben. Und jetzt mußte ich dies erdulden. Wie machte man es dann! Wenn ich mich mit zusammengelegten Händen tief zum Gruß verneigte, brachte ich sie in Verlegenheit. Also gab ich ihr ungerne die Hand.

Es fing an zu regnen, die umgebende Landschaft war so elend, an einem Morgen des Wintersendes in einem fremden Land. Ich fühlte mich so seltsam gelassen, obwohl mein Freund neben mir über viele, getrennt durch Berge und Flüsse erzählte. Das Auto fuhr schnell von Hamburg nach Kiel. Zwei Städte, zwei Häfen verbunden durch den Weg von ungefähr 150km. Meine ersten Gefühle waren, daß alle Menschen sich direkt auf mich stürzten. Es war aber nicht, weil ich immer noch schläfrig war, durch 28 Stunden von Tokyo nach Deutschland wegen der Zeitverschiebung, sondern eine natürliche Rückwirkung von jemanden, der so lange in Japan lebte. Dort fuhr man links und hier wieder rechts. Deshalb fühlte ich mich, als ob ich gegen den Strom ging. Das Stromaufwärtsfahren bedeutete ja auch die entgegengesetzte Richtung von Leben und Tod. Vielleicht war es eine richtige Definition für diejenigen, die in die Hauslosigkeit gingen, wie wir. Im weltlichen Leben suchten die Menschen immer nach Vergnügen, und den fünf Begierden. Die Mönche waren von aller Zuneigung getrennt. Die Menschen im weltlichen Leben waren sehr auf Haare und Kleidung bedacht und schmückten sich mit Rouge und Puder. Aber die Mönche im Gegensatz dazu hatten immer einen rundlichen Kopf und quadratische Kleidung. Durch alle vier Jahreszeiten hatten sie nur solche Kutten mit verblicher Farbe an. Sie waren nicht so arm wie *Nguyen Cong Tru* (Dichter und Staatsmann 1778-1858): *"Das Handtuch war so schmutzig, dunkelrot beim Spülen, wurde als Decke benutzt, wenn es kalt war und als Matte, wenn es warm war. Alle vier Jahreszeiten wurde es so gewechselt: "Aber das Leben eines Mönches war sehr einfach. Der Mönch brauchte nicht etwas nachzuahmen, ab einfach Jahrelang nur Reis mit Sojasauce und fermentiertes Bohnenmus. Der Ministerpräsident Uy Vien hatte Armut beschrieben: "Der vollkommene Mensch braucht sich nicht satt zu essen. Die ganze Nacht schläft er tief und schnarcht laut. In der Zeit des Friedens sind die Haustüren immer offen." So war er noch reich, die Mönche mußten noch enthaltsamer leben. Die drei Alltäglichkeiten dürfen nicht reichen. "Tam Thuong bat tuc", waren die Regeln, die ein Mönch immer einhalten mußte. Es waren die Regeln beim Essen, Trinken, und Schlafen. Die Armen konnten durch die Nacht schlafen und die Mönche mußten sehr früh aufstehen, um regelmäßig Puja auszuüben und die Lehre des Buddha fleißig zu lernen. So konnten wir alle oben geschriebenen Punkte sagen, es war die entgegengesetzte Richtung vom Leben und Tod.*

Die Autobahnen hier waren sehr gut ausgebaut. Die Geschwindigkeit war auch größer als die in Japan. Man konnte in Japan auf der Autobahn höchstens 90 km/Stunde fahren, während man in der BRD bis 120-130 km/Stunde fahren kann. Es gab auch Autos, die über die Geschwindigkeitsbeschränkung fahren. Nach anderhalb Stunden brachte das Auto uns in ein kleines Dorf, 30 km von Kiel entfernt. Mein Freund machte gerade hier sein Praktikum in einem Krankenhaus. Am Tag, während mein Freund arbeitete, saß ich am Schreibtisch und schrieb Briefe und wartete, bis er zurückkam. Dann konnten wir spazieren gehen oder wir sprachen über das Studium, die Prüfung, die Tätigkeit sowie auch über die Lebensauffassung. Als ich das Wort "Spazieren gehen" zum ersten Mal hörte, fand ich es ganz seltsam und komisch, weil in Japan dieses Wort sehr selten erwähnt wurde oder schon längst in Vergessenheit geraten war, in dieser zivilisierten Gesellschaft. Den ganzen Tag können die Japaner unermüdet an der Maschine oder dem Auto sogar auch am Sonnabend nachmittag arbeiten. Wie kann man also Zeit haben, spazierenzugehen. Von der Schule bis zur Behörde hat

man nur am Sonntag frei, an den anderen Tagen müssen die Japaner arbeiten. Einmal sagte mein Freund an einem Freitagmittag; daß bald Wochenende sei. Es klang wieder sehr komisch, weil ich es nie gehört hatte. Manchmal am Sonnabend nachmittag mußte ich zur Versammlung mit anderen buddhistischen Studenten in Tokyo gehen. Aber ich konnte nicht, weil ich am Sonnabend manche Hauptfächer-Vorlesungen in der Uni. hören mußte. Ich saß im Hörsaal, aber ich war immer aufgeregt und sehr nachdenklich. In Japan gab es nur Arbeiten und Arbeiten, nie hatte man eine Stunde oder Minute Pause, um auszuruhen. Das war nur in dem weltlichen Leben, und in der Pagode war man aber auch sehr beschäftigt.

Nach 2 Wochen in diesem Dorf zogen wir wieder zurück nach Kiel, in ein Studentenwohnheim in die Projendorferstrasse 156. Das separate Zimmer war ziemlich groß, aber nicht genug für uns zwei, weil im Zimmer so viele Sachen gänzlich durcheinander standen. In Japan gibt es für eine Familie nur ein einziges Zimmer. Dieses Zimmer galt als Schlafzimmer, Eßzimmer, Arbeitszimmer und auch als Wohnzimmer. Es war alles so eng in Japan. Man mußte aber sehr geschickt kalkulieren, dann konnte man dort leben. Wenn nicht, dann wurde man betrachtet, als ob man am Rand der Gesellschaft lebte. Alle Möbelstücke wie Tisch, Stühle, Bett, Schränke, kann man zur Schau stellen und auch wieder zusammenklappen. Abends räumten die Japaner alle Möbel auf, holten Bettzeuge heraus, um zu schlafen. Nach dem Schlafen, am früheren Tag, stellten sie alle Möbel wieder auf, für den Tag. Manchmal bündelte die Schwierigkeit die Intelligenz, aber man könnte es auch anders ausdrücken: "Wer geschickt ist, hat einen vollen Magen und wer sich gewandt anzieht, wird warm". Deshalb sagt man: "wo man lebt, wird man sich an die Umstände gewöhnen". Wenn jemand nicht "Thieu duc tri tuc" (= wenig will und viel weiß) und trotzdem schon Jade-König wäre, fühlt er sich so, daß er immer noch Mangel leidet. Und ich, ein Mönch, es ging irgendwie alles wieder in Ordnung.

Die erste Zeit für jemanden, in einem fremden Land ist die wichtigste, in der er sich in die Gesellschaft integrieren kann oder nicht. Deshalb hatte ich mir viel Zeit gelassen, um richtig zu überlegen, über alle Probleme und Gesichtspunkte, ob ich weiter in der BRD bleibe oder wieder nach Japan zurückfliegen würde. Es waren fast drei oder vier Monate vergangen, aber ich traf keine Entscheidung. Ich muß sagen, daß diese Zeit für mich eine Zeit voller Überlegungen war.

Am Wochenende fuhr mein Freund weit weg, in verschiedene Städte, um mit Freunden zusammenzutreffen. Zum ersten Male hatte die VEREINIGUNG DER VIETNAMESISCHEN STUDENTEN IN HANNOVER mich eingeladen, zusammen mit dem Ven. Thich Minh Tam aus Paris. Hier ist der Inhalt von dieser Einladung:

Liebe Freunde!

Im Namen der VEREINIGUNG DER VIETNAMESISCHEN STUDENTEN in Hannover, möchten wir Sie herzlich einladen, zu einem Gespräch mit dem Thema über die kommunistische Partei Vietnams, die gegen Menschenrechte verstößt, die Religionsfreiheit zertritt... und in der jüngsten Zeit, am 6.04.77 wurde die gesamte Führerschaft der CONGREGATION DER VEREINIGTEN VIETNAMESISCH-BUDDHISTISCHEN KIRCHE widerrechtlich verhaftet.

Das Gespräch wird am Donnerstag, 11.08.77 in KSG Leibnitzufer 17A um 20 Uhr stattfinden. Bei dem Gespräch werden zwei Mönche von der Congregation teilnehmen: Venerable Thich Minh Tam, Vorsitzende des "Kontakt-Ausschusses der vietnamesischen Sangha-Mitglieder in Europa" und Venerable Thich Nhu Dien, Vertreter der "Congregation der Vereinigten Vietnamesisch-Buddhistischen Kirche - Abteilung in Japan".

Wir freuen uns sehr auf Ihre Anwesenheit!

Vereinigung der Vietnamesischen Studenten - in Hannover

i. A. Duong Ngoc Minh

Im Saal sah ich einen Buddha-Altar und eine Buddhastatue, die von *Herr Nguyen Ngoc Tuan* aus seiner Wohnung hierher gebracht wurde. Es gab keine Kerzen, keine Glocke und auch keinen hölzernen Gong, aber ein Räucherfaß, einen Teller mit Obst und eine Vase mit roten Gladiolen. Hinter der Buddhastatue stand eine internationale buddhistische Flagge. Über der Flagge hing ein Schlagwort von zwei Zeilen mit dichten roten Schriften:

ES LEBE DAS VATERLAND VIETNAM !

EWIG BLEIBEN DAS VOLK UND DAS DHARMA !

Ich war gerührt und beeindruckt, als wir dieses feierliche Bild in Hannover sahen. Und vielleicht war es auch zum ersten Mal, daß die Vereinigung der vietnamesischen Studenten in Hannover eine buddhistische Zeremonie in der Katholischen Studenten Gemeinde (KSG) organisiert hatte. Es waren viele Vietnamesen anwesend: *Herr Le Duc Phung*, der älteste sah am Anfang des Tisches neben uns. Er und seine Familie waren die ersten Flüchtlinge in Hannover, zur Zeit leben sie in Australien; das Studentenehepaar *Tuan und Cuc*, sie waren die ersten Buddhisten der Andachtsstätte VIEN GIAC und leben jetzt in Hamburg; *Herr Be* aus Hildesheim; *Herr Le und Herr Quan* aus Kiel. Und aus Hannover kamen viele Studenten wie *Hieu, Minh, Truong, Khanh, Hung, Vinh, Chau und Diep*. Fast alle sind jetzt mit dem Studium fertig, der eine ist Ingenieur, der andere ist Arzt usw. Manche blieben in Hannover, manche zogen weg, aber sie haben immer noch Kontakt mit der Pagode. Manche sind Evangelisten oder Katholiken. Aber sie kamen trotzdem hierher, um unser Gespräch mitzuhören. Am Anfang war die Buddha Verehrungszeremonie. Weil es keine Glocke und auch keine Muju gab, mußten Venerable *Thich Minh Tam* (der damals noch Reverend war, den Ehrwürdigen Titel erhielt er später bei der am 03. September 1983 im *Phat Hoc Vien Quoc Te Hoa Ky*, Internationalen Gesellschaft für Buddhismus in USA - Los Angeles stattgefundenen Session *Thien Hoa*) und ich die Prajna Paramita Sutra dreimal hintereinander rezitieren und danach die Gelöbnisse ablegen. Unten war es still im Saal, alle standen aufrecht und hörten das Sutrenrezitieren. Niemand wußte, wie die Hände zusammenzufalten waren, dabei waren sie eigentlich selber Buddhisten.

Danach berichteten wir über die Vorfälle der Menschenrechtverletzung von der Kommunistischen Partei Vietnams, sowie über die Verhaftung der Führer von dem "Institut für die Verbreitung des Dharma" und über einige Aktivitäten in Frankreich und Japan. Danach folgte die Diskussion.

Während der Diskussion schenkte ich meine Aufmerksamkeit drei Studenten in Hannover. Es waren *Herr Phan van Truong*, er lebt jetzt in USA, *Herr Lam Dang Chau* und *Herr Ngo Ngoc Diep*. Sie leben jetzt noch in Hannover.

Auf der Rückkehr nach Kiel fragte *Tram*, mein Freund, mich über die Studenten in Hannover. Ich antwortete, daß ich den drei Personen Aufmerksamkeit schenkte, und den anderen nicht, weil sie nichts gesagt hatten. *Herr Truong* sprach sehr gut und flott. *Herr Chau* war sehr scharf über Politik. Aber in Sachen Religion und Glauben hatte er nicht viel Interesse. *Herr Diep* sprach sehr viel, und er war die eigentliche Person, die ich in Betracht zog. Warum, das wußte ich nicht. Vielleicht wegen des unabwendbaren Schicksals hatte ich ihn aufmerksam verfolgt. Es würde vielleicht nützlich sein, für die Zukunft des Dharma in diesem Land, wenn ich für immer hier blieb. *Tram* sagte, daß ich dies nicht falsch einschätzte. Und diese Bemerkung ist immer noch gültig.

(Fortsetzung folgt)

BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN

■ Seine Heiligkeit der Dalai Lama zu Besuch im Kloster

Vom Besuch Seiner Heiligkeit des Dalai Lama, geistiges Oberhaupt des Tibetischen Buddhismus im Kloster Vien Giac wurde bereits in der letzten Vien Giac Ausgabe berichtet. Von deutscher Seite waren Vertreter der evangelischen und katholischen Kirche aus Hannover



eingeladen. Von tibetischer Seite kamen Geshe Thuben Ngawang und Geshe Tenpa Chöpel mit den deutschen Ordinierten aus Hamburg. Außerdem waren 200 deutsche Buddhisten von der Chöling Gruppe und der tibetischen Initiative anwesend.

Von vietnamesischer Seite kamen die Hochehrwürdigen Thich Thien Dinh und Thich Minh Le aus Frankreich, alle Ordensleute von der Congregation der vietnamesischen buddhistischen Kirche in Deutschland und mehr als 1000 vietnamesische Laienanhänger. Die Unterweisung von Seiner Heiligkeit über die "Vier edlen Wahrheiten" und die "Zuflucht zu den Drei Juwelen" dauerte fast zwei Stunden.

Seine Heiligkeit blieb zwar kurz doch sein Besuch wird für viele immer in Erinnerung bleiben. Sie werden seinen

Weg auf der Suche nach einer friedlichen und gewaltlosen Lösung für ein freies Vietnam und ein freies Tibet folgen.

■ Meditativ-Klausur in Kanada

Der Ehrwürdige Thich Nhu Dien, Abt der Pagode Vien Giac, spiritueller Leiter der Pagode Quan Am in Montréal, Kanada, hat vom 19. 06 bis 14.07.95 eine einmonatige meditative Klausur abgelegt und während dieser Zeit die Buddhisten bei Athanga-Sila Klausuren angeleitet. Die Klausuren haben Niederwerfungen des Mahaparinibbana-Sutra, Praktiken der japanischen Meditation und Unterweisungen in die Buddhalehre beinhaltet. Während seines Aufenthaltes in der Pagode Quan Am hat der Ehrwürdige zwei Bücher, insgesamt 500 Seiten, geschrieben. Sein erstes 300seitiges Buch trägt den Titel "Der Prozeß eines Mönches", das zweite Buch ist über die Pagode Quan Am in Kanada. Seine beiden Bücher werden in diesem Jahr erscheinen. Die Motivation der in Kanada lebenden Buddhisten die Buddhalehre zu lernen und zu praktizieren war sehr groß. Sie kamen regelmäßig, um an den Klausuren teilzunehmen, obwohl sie die Sommerferien eigentlich zur Erholung benötigten.

■ Der Ehrwürdige zu Besuch in der Linh Son Pagode in Grand Rapids, USA, und in Toronto, Kanada

Am Wochenende vom 14. - 16.07.95, aus Anlaß der Andacht an den Bodhisattva Avalokitesvara, war der Ehrwürdige Thich Nhu Dien der Einladung der Nonne Thich Nu Dong Tam, Äbtissin der Pagode Linh Son in Grand Rapids, gefolgt und besuchte die Pagode Quan Am. Aus diesem Anlaß hielt er eine Buddhaunterweisung. Ungefähr 150 Buddhisten kamen zu der Unterweisung.

Am Nachmittag des 16.07.95 kehrte der Ehrwürdige zurück nach Toronto und sprach zuerst mit einigen Buddhisten im Haus der Familie Thien Tai und danach in der Pagode Phat Giao Vietnam. An diesen Gesprächen nahmen ungefähr 100 Buddhisten teil.

Am 17.07.95 kehrte der Ehrwürdige nach Deutschland zurück.

■ Zeltlager in Bremen

Die Leitung der Jubfa in Deutschland hat vom 14. - 17.07.95 mit der Unterstützung des Ortsvereins Bremen ein Zeltlager "Lien Hoa III" auf dem Sportgelände des Sportverbandes Bremen für alle Jubfa LeiterInnen und Jungbuddhisten organisiert. An diesem Zeltlager nahmen 120 Jungbuddhisten teil. Folgende Aktivitäten wurden angeboten:

- Freizeit: Gruppenspiele, großes Spiel, Wandzeitung, Lagerfeuer, Teezeremonie
- Sport: Fußball, Federball, Tischtennis etc.
- Stadtbesichtigung und Strandwanderung

Bei diesem Zeltlager wurde die neue Jubfa "Chanh Giac" im Beisein der Nonne Thich Nu Nhu Vien und einigen Buddhisten vom Ortsverein Bremen vorgestellt. Folgende Buddhisten waren auch bei der Vorstellung dabei:

Vo Thi Hai (Vorsitzender des Ortsvereins Bremen)
Jubfa-Leiter Thi Loc Vo Van Mai, Thien Can Pham Hong Sau, Tam Cu Truong Ton Chau

Und hier ist die neue Leitung der Chanh Giac Jubfa:

Tran Van Cac (Jubfa-Oberhaupt)
Thi Thien Pham Cong Hoang (Jubfa-Vorsitzender)
Vo Van Chau (Vertretende Vorsitzender für Jungen)
Thien Bach Nguyen Thi Mai Xuan (Vertretende
Vorsitzender für Mädchen)
Ngo Manh Duc (Sekretär)
Tran Thi Mai Lan (Kassenwartin)
Das Zeltlager endete am 17.07.95 um 13:00 Uhr in einer
freundschaftlichen Atmosphäre.

■ Das 7. Studienseminar für vietnamesische Buddhisten in Europa

Vom 22.07 bis 30.07.95 wurde in Hornsyld, Dänemark
das 7. Seminar für vietnamesische Buddhisten aus
Europa durchgeführt. 30 Ordensleute (darunter 15
Meister und 15 Schüler), 271 Laienbuddhisten (144
Frauen und 127 Männer) nahmen an diesem Seminar
teil. Die Laienbuddhisten wurden in zwei Klassen
eingeteilt. In diesem Jahr waren es insgesamt 301
Teilnehmer und somit das größte Seminar, das jemals
durchgeführt wurde.

Alte und junge Seminarteilnehmer, darunter viele aus der
Jungbuddhistenfamilie, haben während dieser 10 Tagen
gemeinsam die Buddhalehre studiert.

Am 24. und 25.07.95 hat Ehrwürdige Thich Quang Binh
(zuständig für Laienbuddhisten in Europa) ein
Diskussionstreffen organisiert, an dem unter der Leitung
des Ehrwürdigen Thich Minh Tam (Vorsitzender der
Congregation der vietnamesischen Kirche in Europa)
nicht nur Ordinierte sondern auch Laienbuddhisten
teilnehmen konnten.

Am Abend des 27.07.95 fand eine weitere Diskussion für
alle Ordensleute in Europa statt. Themen für die
Diskussion waren die innere Angelegenheiten der
Congregation, Unterweisungen an die Ordensleute,
sowie eine Änderung des Seminarablaufs um die
Seminarteilnehmer eine gemütliche, lockere Stimmung
zu schaffen. Das 8. Studienseminar wird nächstes Jahr
in Holland, vom 20. bis 28.07.95, stattfinden.

Am Abend des 28.07.95 hielt die Organisation zur
Beendigung der religiösen Unterdrückung, unter der
Leitung des Ehrwürdigen Thich Minh Tam, ein Treffen
ab, an dem Vertreter aus verschiedenen Ländern
Europas nach einer Lösung der gegenwärtigen
Religionsunterdrückung in Vietnam suchten. Am Ende
des Treffens unterschrieben Vertreter der Ordensleute
und Laienbuddhisten eine Bittschrift mit dem folgenden
Inhalt:

Congregation der vietnamesischen buddhistischen Kirche in Europa Pagode Khanh Anh

An Herrn Vo Van Kiet
Ministerpräsident der Sozialistischen Republik Vietnam

Sehr geehrter Herr Ministerpräsident,

wir, die Vertreter der Congregation der vietnamesischen
buddhistischen Kirche und Vertreter aus 13 Ländern in

Europa an diesem 7. Studienseminar in Dänemark,
haben folgendes festgestellt:

- Die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam ist
gerade auf dem Weg zu einer neuen wirtschaftlichen
Politik. Doch, sie unterdrückt weiterhin die Congregation
der buddhistischen Kirche in Vietnam, die traditionelle
Congregation des vietnamesischen Volkes, und setzt
ihre einseitige Machtpolitik, die die Existenz des
vietnamesischen Volkes gefährdet, fort.

- Die neue Wirtschaftspolitik hat einige Veränderungen
hervorgebracht. Trotzdem gibt es noch keine Einigkeit
unter der Bevölkerung und die ethischen Werte werden
geopfert. Die sozialen Unterschiede in der
vietnamesischen Gesellschaft verschärfen sich
zunehmend aufgrund mangelnder Einbindung
gesellschaftlicher Gruppen, wie die der Buddhisten, die
immerhin 70-80% der Menschen in der vietnamesischen
Bevölkerung ausmachen, und den bestehenden
religiösen Institutionen.

- Die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam hat
sich mit der Außenwelt versöhnt, vor allem mit den
kapitalistischen Mächten. Aber sie hat sich noch nicht
mit dem vietnamesischen Volk versöhnt.

Aus diesen Gründen fordern wir die Regierung der
Sozialistischen Republik Vietnam am 2.09.95 ihr
Versprechen vor der Weltöffentlichkeit von einer
Freilassung politischer Gefangene einzulösen und ihre
Erneuerungspolitik zu beweisen, indem sie folgende
Aktionen durchführt:

- Bedingungslose Freilassung der Hochehrwürdigen
Thich Huyen Quang und Thich Quang Do und aller
inhaftierten buddhistischen und nicht buddhistischen
Glaubensanhänger, die für die Menschenrechte und
Demokratie sich eingesetzt haben.

- Beendigung der Einmischung in die innere
Angelegenheiten der religiösen Institutionen und der
Spaltungspolitik zwischen den Religionen.

- Auflösung der von der Regierung eingesetzte
Religionsüberwachungsinstitutionen, damit die
traditionelle Congregation der buddhistischen Kirche in
Vietnam und die von der Regierung gegründete
Congregation näher kommen können.

Als Zeichen für ihre neue Politik muß die vietnamesische
Regierung ihr Versprechen von der Aufhebung zur
Schürung von Haß innerhalb des Volkes einlösen, das
sie schon lange der Öffentlichkeit und dem
vietnamesischen Volk schuldig ist.

Geschrieben in Hornsyld, Dänemark am 29.07.95
(Unterschriften der verschiedenen Vertreter aus 13
Ländern)

Im Laufe des Seminars wurden zwei Musikabende
veranstaltet. Der erste fand am 27.07.95 und der zweite
am 29.07.95, zum Anlaß des Ullambanafestes, statt. Alle
Darbietungen wurden von den Seminarteilnehmern
eingeübt und vorgetragen.

Am 30.07.95 hieß es dann Abschied nehmen, nachdem
bereits einen Tag zuvor die Abschlußzeremonie
stattgefunden hatte. Für viele war der Abschied nicht
leicht, aber sie freuen sich schon auf ein Wiedersehen im
nächsten Jahr in Holland.



PHÁP THUẬT KHÔN LƯỜNG

• Thích Bảo Lạc

Cầm bút lên định viết rồi lại thôi, thôi sao được, rồi lại viết. Viết rồi lại xóa bỏ hết vút vào sọt rác. Thật hết sức phi lý, tôi không hiểu tôi là ai cả! Là người hay quý yêu, sức vật hay phi cầm? Nhìn căn phòng thân thương lâu nay cho tôi giấc ngủ bình an qua hàng đêm nghỉ dưỡng sức, vì ban ngày tôi đã phải để nhiều năng lực tâm tư cho cơ đồ Phật giáo, nay thấy ngọt ngào như muốn nghệt thở, vì nó nhỏ bé giới hạn trong bốn bức tường như lao tù không hơn không kém. Tôi muốn căn phòng của tôi rộng ra cao hơn để cho tâm trí tôi đỡ phải va chạm cái chật chội gò bó. Muốn là một việc, trên thực tế lại là việc khác. Tôi rời khỏi căn phòng đi ra ngoài sân vườn cũng với chiều suy nghĩ đó. Tôi vẫn thấy mảnh vườn rộng ngày nào nay không đủ như ý tôi muốn nữa. Tôi thơ thẩn trở vào nhìn lại căn phòng một lần nữa, tôi muốn tháo bỏ hạ bốn vách tường xuống để không còn bờ ngăn cách, nhưng sức tôi thì bất khả, nghĩ cách không cho phép tôi làm điều này. Giá như tôi có làm được điều này liệu có giúp thêm gì tôi trong lúc chưa định vị được mình đang đứng ở đâu trong hàng hà sa số quốc độ này. Tôi bất lực, lặng nín như người câm, tôi thủng thờ lị bộ ra ngoài shop ngắm xem hàng hóa, kẻ bán, người mua cho tâm tư thanh thản đỡ mệt. Vừa bước ra khỏi cổng, tôi dừng lại đứng nhìn con chó Berger nhà bên, nằm chỗ móm trước cửa, nó đưa mắt thân thiện nhìn tôi - không sủa - thật là an lạc dễ thương. Tôi lại so sánh con người dù đa mưu đa trí vẫn không bằng nó. Tôi có quyền nghĩ thế, ít ra cũng trong lúc này. Đi tiếp một đoạn nữa tôi thấy cũng lạ, hai con cu đất đang nằm phơi mình rìa lông cho nhau trên thảm cỏ non xanh mượt như nhung, dưới ánh nắng cuối thu của bầu trời Sydney đang lạnh lạnh sắp sang đông. Thấy tôi thì gần chúng vẫn nằm yên nhìn thẳng mà không hề sợ sệt chi cả. Nếu lúc khác bình thường, do cái ích kỷ nhỏ mọn của con người muốn nâng mình lên hàng thần thánh nắm quyền sinh sát trong tay, tôi có thể bước thêm tới vài bước nữa đuổi cặp chim bay đi theo cường ngông hiểu kỳ cố hữu với đã tâm muốn chiếm hữu sát phạt kẻ dị loại khác hình. Nhưng tôi đã ý thức kịp thời lóe lên tâm thức sáng ngời lúc đó tôi lánh xa chúng nó mà đi để trả lại sự an bình tuyệt vời cho loài cu và thiên nhiên tạo vật ngàn đời đã gắn bó với con người nương tựa vào nhau trong cuộc tồn sinh bất đắc dĩ. Dòng tư tưởng đang mênh mông tôi đi vào khu shop chính lúc nào không hay. Vẫn biết rằng mình không cần mua gì trong lúc này cả, tôi vẫn đi xem xét hết dãy này sang dãy khác không phải để tìm vật tôi muốn tìm mà để quán sát thật kỹ. Bình thường tôi không đủ thì giờ, nhưng ít ra trong lúc này đây tôi lại có thể dám hy sinh phí phạm thì giờ vào một chuyện còn con hơi mâu thuẫn thế này. Về cách cấu trúc mọi món hàng được bày bán thứ tự ở các dãy ngang dọc hai bên. Qua một tiếng đồng hồ xem ngắm tôi vẫn không hài lòng và vẫn chưa tìm được nguồn an lạc thật sự giúp tôi định vị được rằng mình đang ở đâu đây trong cuộc thế phù vân qua trò cút bắt mỗi một trong sự tinh tấn phi thường. Bước ra khỏi shop hai tay không, tôi vẫn chưa muốn về làm gì vội, mặc dù giờ giấc ấn định thường lệ không cho phép tôi ở lại lâu hơn.

Bước sang một gian shop khác, khi vừa đi tới trước cửa tôi đã gặp một quầy chụp hình đã chiến đán đầy hình hình quang cáo trẻ con tuổi cỡ một, hai đủ kiểu đủ loại mà phần nhiều là nhà chuyên viên chọc cho chúng cười hơn là chúng khóc. Thật vậy, tôi chỉ thấy hình các em bé nam nữ nụ bầm phốp phác đứa nào đứa nấy nhe răng cười hồn nhiên trong sáng

để thương. Hay cho dù gặp trường hợp đứa bé khó tính khóc mếu, nhà chuyên nghiệp cũng phải chịu hy sinh hủy bỏ tấm xấu, cố chụp lại kiểu khác mà mục đích là để trao chác của trẻ thơ ngây một nụ cười - một nụ cười xứng đáng tiền bát gạo, nụ cười bán nước buồn dân, nụ cười nghiêng thành mà trong lịch sử cổ kim không ai còn lạ gì - nụ cười duyên móc được túi tiền của những bà mẹ lắm của nhiều tiền đưa đất con mình tới chụp thử một kiểu hình lưu niệm.

Với cái nhìn mọi vật của tôi như thế, tôi định không viết gì lên trang giấy trắng này hết mà để chừa trống - chừa giấy trống mà vẫn có tên tác giả đang hoàng, với tựa đề bài viết hẳn hoi, cũng có nghĩa là để tang. Tôi muốn để tang cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bị nhà nước cộng sản bức tử từ nhiều năm nay, đã chết, chưa chôn; và đồng thời cũng để phân ưu với Giáo Hội nhà nước do chánh quyền dựng lên từ năm 1981, chưa chôn, chưa chết, như lời Hòa Thượng Huyền Quang nhận xét. Nhưng làm thế tôi có lỗi với độc giả và mọi người, nên buộc lòng phải viết. Vẫn biết rằng viết trong lúc mang tâm trạng mâu thuẫn với chính mình thế này là không được đầy đủ, tôi vẫn viết, viết cho tôi, cho các huynh đệ, cho đồng bào và cho đồng đạo đã phải âm thầm nhẩn nhục chịu đựng qua bao gian truân khổ luyện; viết cho người còn sống, cũng như cho những người đã khuất.

Nhân trong tôi đang có điều gì khó nghĩ, dù biết vị thế mình không tiện đứng lại xem trước đám đông người thế này mà trong số họ hầu hết là những bà mẹ tay đất tay bông một bên là em bé, còn một bên là con búp bê. Mặc dù số người hiểu kỳ đứng lại xem không đông mấy có độ bốn năm cặp mẩu tử chi tinh, trừ tôi là ngoại lệ. Tôi cố ý quan sát thật kỹ, nếu phải là tôi làm chuyên viên nhiếp ảnh tôi rất có hy vọng để làm cho đứa bé khóc hơn là chọc cho chúng cười. Mà chuyên viên theo cái kiểu này thì chỉ còn có nước đem dẹp tiệm sớm là cái chắc. Do lẽ đó tôi phải xem cho biết kỹ thuật họ làm business - dĩ nhiên xem qua rồi bỏ chứ không phải để phạm giới căn bản thứ hai trong năm giới, trong việc mưu sinh trục lợi - Thì ra họ thật hết sức tinh xảo có cả hàng trăm mảnh mung lợi hại cố tình gạt gẫm con nít, dụ dỗ kẻ nặng túi tiền dư ăn dư mặc. Muốn làm được công việc vui tươi hái ra lăm bạc nhiều tiền này người nghệ sĩ phải theo học khóa huấn luyện tâm lý nhi đồng đặc biệt là điều hiển nhiên, theo tôi nghĩ. Họ chất cả một lũ búp bê đủ loại, đồ chơi đủ kiểu, áo mũ nhiều màu, giày, xách nhiều cỡ, kể cả thức ăn bánh kẹo, chewing gum, bao hàm luôn cả súng ống, tàu ngầm, máy bay, xe tăng thiết giáp, xe đạp xe hơi v.v... Một bà mẹ đưa em bé tới họ hỏi sơ qua tánh tình và sở thích. Thế là họ căn cứ theo lời người mẹ để bắt đầu làm việc với em bé ngay từ giờ phút sơ giao này. Tội nghiệp cho em bé chỉ biết cười theo sự điều khiển dụ dỗ, khiêu chọc để người ta vùi tiền từ trong túi áo mẹ em mà bé nào có hay biết. Cuộc đời có nhiều mặt mà đây cũng chỉ là một trong muôn ngàn trò ma giáo giữa con người lợi dụng con người. Nếu cần thì chà đạp, dút điểm cho kẻ yếu cơ chết luôn, để tồn tại trên sự đau khổ căm hờn của bao kẻ khác, con người vẫn trắng tráo mặc nhiên giả vờ phớt tình Áng-Lê qua lớp hào quang nhân hiệu dân chủ nhân quyền, quốc tế đại đồng, quốc gia dân tộc... hồng bịt mồm khóa miệng người lương dân hiền hòa chất phác chỉ việc chài tìm mà không đủ sức nhìn xét tường tận mặt trái cuộc đời, cũng như các em bé thơ ngây bị người ta thông bàn tay dài chòm gọn rồi đã cao chạy xa bay... Trò đùa làm tiền trên sự thơ ngây tuổi trẻ kể ra hãy còn lương thiện, ít ra cũng còn lại được kiểu hình lưu dấu kỷ niệm ngày xanh của con mình sau vài ba mươi năm cuộc đời cứ đi mà không chịu dừng lại theo định luật vô thường hàng chuyển. Đó là nguồn an ủi duy nhất còn sót lại nơi người mẹ lần của đứa con và cho cả nhiều người rằng tiền trao cháo múc, hay tiền đưa ra gà bắt lấy chứ có ai thiệt hại gì đâu. Thiệt hại nhiều lắm chứ sao lại không thiệt hại. Thay vì ngủ em bé bị đánh thức dậy để chụp hình; thay vì khóc buộc bé phải mở miệng nhe răng cười, thì có phải người lớn có sức mạnh như ông thần vốn quen với trò đùa trên sự đau khổ kẻ khác, cướp mất tự do của bé hay không?

Tôi tự nghĩ con người chưa đến nỗi cuồng si không hiểu việc làm bất lương theo kiểu này. Còn bao nhiêu những việc bất lương khác trên đời thì sao con người vẫn đứng đưng tâm như đá cuội. Không những mình xuống tay sát phạt, còn ra sức hù dọa thuộc hạ, kẻ xách cờ chạy hiệu hô đầu ứng đó để cố sơn phết cho mình lớp hào quang giả tạo. Hành động đầy hậu ý mãnh mẽ lợi hại đưa dân tộc vào vòng điều linh thống khổ, đầy ải thành phần trí thức có tầm nhìn xa thấy rộng phải bó gối co giò thúc thủ trong lao tù được sự canh chừng cẩn mật của công an bộ đội, roi vọt, kềm gai... Các nhà lãnh đạo chân chính, các tôn giáo đứng lên đòi yêu sách cải đổi sửa sai, cũng phải chịu chung cùng số phận! Thì ra nhân hiện đổi mới, dân chủ nhân quyền hay hàng trăm mỹ từ khác chẳng qua cũng chỉ là trò chơi quảng cáo hấp dẫn mang tính mời gọi của những anh cai thầu chính trị cỡ như Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh v.v... nghĩ ra để chiêu dụ khách hàng. Trò đùa lác léo bi thiết này so ra với chuyện viên chụp hình khai thác sự trong trắng hồn nhiên trẻ thơ một bên chín lượng một bên cũng xấp xỉ mười phần. Tôi cũng có quyền nghĩ thế, ai bắt tôi giam tù. Lời phát biểu đây, nếu tôi không ở xứ tự do tránh sao khỏi cảnh cá chậu chim lồng, mạng người xem như rơm rác. Nói thế cũng chưa đủ, mạng người của những anh đỉnh cao trí tuệ loài người quý hơn cả ngọc vàng, trong khi mạng người của dân cu-li, vì không có chiếc cà-vạt thứ thiệt, cái cặp da bóng lộn, đôi giày kiểu thời trang, chiếc xe hơi đời mới che giấu cái tâm yêu tinh trong lớp áo người, xin lỗi tội bày đàn ra cho chúng ông làm việc. Hệ nằm yên biết lấy mất ngó, không được mó tay sờ, đứa nào loạng choạng ông cho chết bỏ...

Rõ ràng trò chơi dân chủ kiểu này đầy lợi hại nguy hiểm, người dân vô tội mất mạng như rươi! Ngài Huyền Quang hỏi, ngài Quảng Độ ơi! Người ta bỏ tù các ngài mù mà vì tội dám nói lên sự thật, chỉ trích cái sai làm to lớn của chế độ, chứ không hèn nhát như các nhà lãnh đạo đất nước trong cảnh lượn trước chun sau đầu. Thế nhưng họ đâu có bị bỏ tù, lại còn được ngôi nhà mát hưởng bát vàng. Quả thật, miệng nhà quan có gang có thép. Phải nói thêm một tí xú nữa họ không những miệng có gang thép mà còn có cả thể lực tiền bạc, nhà tù và công an. Khiếp thật! Nhưng nên nhớ rằng những con người bắt khuất coi cái chết nhẹ tựa lông hồng như Tuệ Sỹ, Trí Siêu hay hàng trăm người khác đang ngồi xem những nhà hát xiếc diễn trò; Họ là những tội đồ quốc tế, mở miệng ra là bảo vệ nhân quyền. Trong thực tế quyền tự do người dân đã bị cơ quan quyền lực nắm giữ bảo vệ kỹ lưỡng, hệ khi nào dân cần thì xin ân huệ để được ban phát nhỏ giọt có điều kiện hẳn hoi.

Điểm này qua cuộc đối thoại giữa Hòa Thượng Huyền Quang với chính quyền cộng sản VN mà đại diện là Bộ Nội Vụ và chính quyền địa phương tỉnh hợp tại Quảng Ngãi ngày 5.8.1992, để buộc Hòa Thượng cho ta thấy rõ những điều kiện:

1. Tôi khuyên ông từ nay đừng nhân danh Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo ký thư gửi đi đó đi đây bất hợp pháp.
2. Phải giao khuôn dấu Viện Hóa Đạo và đóng của Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo tại Hội Phước, Quảng Ngãi.
3. Nếu ông không tuân sẽ có biện pháp đối phó, không thể để ông làm việc phạm pháp nhiều hơn nữa. Tôi sẽ đề nghị với Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để ông được đi lại tự do với các điều kiện sau đây:

Ông muốn đến địa phương nào, cần xin phép địa phương đó, gia đình đó. Nếu họ đồng ý thì mới được đến được vào.

Gửi thư từ liên lạc đi đây đi đó là bất hợp pháp? Như vậy nhà nước gọi là tôn trọng quyền công dân sao? Bộ Nội Vụ hay chính quyền lấy tư cách gì ra lệnh Hòa Thượng Huyền Quang: Từ nay không được nhân danh Quyền Viện Trưởng ký các văn kiện nữa? Khuôn dấu Viện Hóa Đạo của Giáo Hội giao chính quyền để dùng vào việc gì? Vì sao phải đóng của Văn phòng Lưu vong ở chùa Hội Phước? Những điều hết sức phi lý trên đối với một người công dân chân chính Lê Đình Nhân đâu thể dễ dàng tuân phục mà hăm dọa "hề bất tuân sẽ có biện pháp đối phó". Nếu cáo buộc người nào

phạm pháp phải đủ nhân chứng, hồ sơ đưa ra tòa án xét xử, không thể lý luận khơi khơi như trên đây rồi buộc tội người ta không tuân luật pháp để công cò, khóa tay, bịt miệng được. Đã gọi là tự do đi lại tại sao còn phải xin phép tới chỗ này chỗ nọ. Điều kiện nêu ra hết sức phi lý bất công, Hòa Thượng Huyền Quang đã đồng ý trả lời dứt khoát:

"Ba quyết định nêu trên tôi sẽ tuân hành, sau khi tôi nhận được giấy khai từ Giáo Hội chúng tôi của nhà nước ban hành. Và nếu có việc này xảy ra, tôi coi việc đó là nhà nước đàn áp ức chế Giáo Hội chúng tôi. Tôi sẽ phản đối việc làm đó của nhà nước. Còn việc tôi xin phép này nọ... Tôi nghĩ quý vị coi tôi không có tư cách gì cả, như kẻ mang bệnh hủi đi lại sợ truyền nhiễm nguy hiểm, như kẻ ăn cắp coi chường. Tôi phản đối quyết định của quý vị, và không nhận quyền công dân đó. Tôi sẵn sàng vào nhà giam chờ chết".

Cộng sản đã biệt giam Hòa Thượng một lần nữa để hành hạ thân xác một cụ già 78 tuổi tại chùa Quang Phước tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 29.12.1994 tới nay chưa ai được phép đi thăm.

Trong khi Hòa Thượng Quảng Độ bị giam ở tỉnh Thái Bình từ ngày 25.12.1982 đến ngày 22.3.1992 Hòa Thượng đã bắt chấp nguy hiểm về Sài Gòn, vì biết rằng việc giam giữ người thời gian trên hơn 10 năm không kêu án như vậy là phi lý. Thế nhưng tai ương nạn ách lại đến, Hòa Thượng viết: *"Đến ngày 20.4.1992 tôi lại nhận được lệnh của sở công an thành phố trực xuất tôi về miền Bắc, nhưng tôi đã không tuân hành mệnh lệnh phi lý ấy... bởi vì tôi là người vô tội, có đầy đủ mọi quyền công dân, không ai có quyền ủa thì cho ở, ghét thì đuổi đi một cách tùy hứng như năm 1982 được. Nếu tôi có tội thì chiếu theo luật pháp hiện hành, truy tố ra tòa xét xử phân minh, tôi sẽ tuân hành phân quyết của tòa án..."*

Thưa ông Tổng Bí Thư, tôi có đủ tư cách nhân danh những nạn nhân của cộng sản để gởi đến ông bản nhận định. Trong đó tôi đã minh oan cho sự phụ tôi, và nói lên những sai lầm to lớn của đảng cộng sản Việt Nam đối với dân tộc nói chung và Phật Giáo nói riêng. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những điều tôi nói và sẵn sàng nhận lãnh mọi hậu quả mà có thể dẫn đến cái chết thể thân như sự tử tôi, sự bá tôi, sự phụ tôi, như mẹ tôi và như Quan Kỳ Tư chết về tay Trịnh Vương là cùng. Nhưng dù có bị giết chẳng nữa tôi vẫn cứ nói lên niềm tin vững chắc của tôi là chủ nghĩa cộng sản sẽ không tồn tại lâu dài. Không phải bây giờ tôi mới có niềm tin ấy, mà nó đã nảy sinh trong tôi từ lúc 10 giờ sáng ngày 19.8.1945 (hồi tôi 18 tuổi) khi tôi nhìn sự phụ tôi, hai tay bị trói bằng dây kềm quặt về phía sau, cổ đeo hai tấm biển viết mấy chữ: "Việt gian bán nước", một tấm trước ngực một tấm sau lưng đứng giữa sân đình làng Bật, hai bên một đoàn người tay cầm gậy dáo mác, câu liêm, bô cào đứng canh gác. Một nhóm người mệnh danh là quan tòa của tòa án nhân dân đứng trên thềm đình để xử án. Họ bắt sự phụ tôi quỳ xuống sân đình và cúi đầu để nghe tòa luận tội. Nhưng sự phụ tôi đã không chịu làm thế. Một người từ trên thềm đình bước xuống trước mặt sự phụ tôi nói: "Mày là thằng Việt gian bán nước mà còn ngoan cố à?". Nói xong, họ dấm vào quai hàm thầy tôi mấy cái, một dòng máu tươi từ trong miệng sự phụ tôi ứa ra chảy theo cầm nhỏ xuống thềm đỏ tím biển: "Việt gian bán nước" ở trước ngực. Lập tức họ tuyên án tử hình rồi đưa sự phụ tôi ra bãi cỏ trước đình, máu từ trong miệng sự phụ tôi tiếp tục chảy ra, thấm ủa áo dài, nhỏ xuống sân đình. Khi đến bãi cỏ, họ vạt sự phụ tôi nằm nghiêng xuống rồi một người dẫn vào mảng tai sự phụ tôi ba phát súng lục, lại một dòng máu đỏ tươi phun lên thẳng tắp và sự phụ tôi chết liền tại chỗ? (Thư gởi ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười đề ngày 19.8.1994).

Do bức thư ấy và cùng do bản nhận định về những sai lầm tai hại của đảng cộng sản Việt Nam đối với dân tộc và Phật Giáo của Hòa Thượng thay vì khắc phục sửa sai theo đúng hiến pháp và đường lối chủ trương tôn trọng tự do của nhà nước. Thì ngược lại, Hòa Thượng Quảng Độ đã bị bắt tại Thanh Minh thiền viện, Sài Gòn, ngày 4.1.1995 đưa đi giam biệt tích, cho tới nay gần 6 tháng chưa ai biết rõ thầy bị nhốt ở đâu. Có hai vấn đề lớn làm cho thiên hạ đau đầu

nhức óc của thời đại hôm nay: Quyền lực và đồng đô-la. Tôi chỉ mới đề cập sơ thôi, thực tế còn nhiều chiều ngoạn mục mà những bậc dân chi phụ mẫu, nếu cần, chỉ việc lật úp bàn tay năm ngón hay luôn cả hai bàn tay 10 ngón chìm sâu chúng ta vào lòng đất, như kiểu Ngọc Hoàng thua kẻ Tề Thiên, giận càn hồng, sai thiên tướng kéo binh vây bắt Tề Thiên, nhưng đánh không lại, rốt cuộc phải nhờ Thái Thượng Lão Quân đến lừa thế bắt được, đem nhốt trong lò bát quái, nổi lửa định đốt ra tro. Nhưng không ngờ Tề Thiên tinh ý nấp hương trên gió không có lửa, nên vẫn an toàn. Đúng bốn mươi chín ngày, Thái Thượng Lão Quân đành ninh khí đốt đã tiêu ra tro, bèn mở cửa lò toan lấy thuốc, Tề Thiên thừa cơ hội, nhảy ra làm sập cả một góc lò hơi thiết bằng đại não thiên cung. Ngọc Hoàng phải nhờ Phật Tổ dùng kế mới bắt được Tề Thiên trấn dưới Ngũ Hành Sơn, dặn phải chờ năm trăm năm sau sẽ có một vị cao tăng đến cứu... Nếu cứ theo cái kiểu này thì chúng ta có hy vọng, không những tiêu ra tro bụi lại tiêu ra nước luôn mà trường hợp thầy Huyền Quang, thầy Quảng Độ, thầy Tuệ Sỹ, thầy Trí Siêu và hàng trăm ngàn trường hợp bất công phi lý khác là một điển hình cụ thể. Ở đây tôi chỉ đề cập một phía, phía tôn giáo mà cũng chỉ mới nêu Phật Giáo thôi, còn ngoài ra mong độc giả tự hiểu. Do lẽ đó tôi nhường sự xét đoán quyền lực lại, nếu phải nói, nói đến cùng.

Kể tiếp một vấn đề mang tầm vóc tinh vi có tính cách máy móc khác, dĩ nhiên tôi không thể nói lên hết được mọi khía cạnh. Cũng lại sơ lược một phần như bao nhiêu vấn đề có tính hệ trọng tới số phận hẩm hiu của con người. Có phải chăng vì sự bất lực này mà chúng ta đành ngậm miệng câm nín lạ thường đến thiên thu trong lòng huyết mộ? Nếu cứ theo cái đà này quả đất chịu hết nổi, có ngày sẽ nổ tung như hoa diêm sơn phun lửa bốc cao cháy ngùn ngụt. Thiêu đốt hết tất cả?

- Sức mạnh đồng đô-la

Thời đại hôm nay mọi việc được đánh giá bằng đồng đô-la. Điều này có đúng hay không xin khoan bàn tới. Đây ta hãy nghe nhà thơ và đồng thời cũng là nhà chính trị lỗi lạc của Việt Nam ở vào thế kỷ thứ 16, Trang Trinh Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) trong bài "Vịnh Đồng Tiền" qua mấy câu sau đây:

Ác nghiệt chi mi hời đồng tiền

Mi làm nhân loại hóa đảo điên

Mi bôi mặt nạ đen ra trắng

Mi đổi lòng người thẳng hóa xiên ...

Và bốn câu sau đó nhà thơ luận về giá trị đạo đức của đồng tiền, tương không cần đem ra bàn ở đây.

Xã hội Hoa Kỳ hay thiên đường hạ giới gọi thềm biết bao nhiêu tâm hồn tuổi trẻ ưa mộng mơ, mong một ngày nào đó mình đặt chân lên đó để trước nhất lấy oai ít ra cũng với bằng hữu, thân tộc gia đình; và ngoài ra cũng để chứng tỏ cho thiên hạ thấy rằng mình là người thượng giới thứ thiệt chứ chẳng chơi đâu. Có thật thế không? Đây ta hãy nghe một đoạn bài "Một Cõi Bình An" của nữ sĩ Lê Hằng khi có dịp viếng thăm đất nước Hoa Kỳ vào năm 93 nêu lên nhận xét:

"... Những con người tự nguyện biến cả đời này thành một cuộc chạy đua, bán sống, bán chết. Chạy đua từ lúc mở mắt cho tới khi nhắm mắt, chạy đua cùng nợ nần, công việc, tiền của và danh vọng..."

Riêng nói về thành phố Los Angeles lớn hàng thứ nhì của Mỹ quốc, sau New York, cô nhận xét tiếp:

"Là đây, thành phố của một thế giới đầy huyền thoại mang tên Hollywood. Là đây, những khu nhà của những siêu minh tinh, những tài phiệt điện ảnh, những nhà sản xuất, những kẻ tầm cả hồn xác trong vinh quang và tiền của. Cuộc tầm rùa đầm đĩa, đến nỗi người và tiền, vinh quang và của cải biến họ thành một sinh vật lạ lùng, không còn tên để gọi. LA thành phố cực kỳ giàu có, đã xây ra một cuộc bạo loạn đấm máu, khi người ta đến phần uất nhìn kẻ giàu ngạo nghễ trên màn da đầm đĩa mỡ hôi, trên hơi thở cùng khổ của họ. Cuộc bạo loạn ấy chưa là hết. Những khu phố bị đập phá, đốt cháy tan hoang, rồi đây với tiền rừng biển bạc

của xứ sở vẫn minh bạc nhất, người ta sẽ xây lại, cao hơn, chói chang hơn. Nhưng mầm loạn, cho đến ngày nào mới hết nổi? Chỉ một thập niên 80, chính quyền Mỹ đã phải bỏ ra 37 tỉ để xây thêm nhà tù. Số tù nhân tăng lên từng ngày, đạt tỷ lệ cao nhất kể từ ngày lập quốc. Số súng đạn rong chơi đầu đó trong dân Mỹ được thống kê rõ ràng là hơn hai trăm triệu súng đủ loại. Vậy là khi ra đường, cứ hơn một người Mỹ, có một người sẵn sàng nhả đạn vào bạn, bất kể ngày hay đêm. Tôi ngồi im, xe, đường phố, dinh thự, đẹp đẽ, nguy nga, nhưng mang đầy mâu thuẫn. Tôi ngồi im, bởi rõ ràng trong đáy sâu của lòng, tôi vẫn thấy một cái gì khác, một nỗi hoang mang và tuyệt vọng ngay trong thừa mứa của tiền bạc và tiện nghi? Nỗi khiếp sợ bất an, âm ỉ và thường trực ngay trong những hàng xe bóng đẹp san sát bên nhau, ngay hàng thẳng lối. Dưới đó, một xứ sở vẫn minh, hùng mạnh và giàu có nhất của nhân loại hôm nay. Quê hương của những người đầy óc phiêu lưu và chinh phục..." (Báo PGVN số 92, Phật Đản, PL 2539)

Lê Hằng là thường trú nhân của xứ Úc đang sinh sống tại Sydney, có thể cái nhìn của cô thiếu chính xác, chủ quan chăng? Đối với một quốc gia giàu mạnh hàng đầu thế giới ngày nay, ngoài Hiệp Chúng Quốc, không một cường quốc nào sánh kịp. Ta thử lần sang người trong cuộc hay nói khác hơn là người trong nhà, không phải là một kinh tế gia, tác giả của bài viết "Một Chút Tình Cho Quê Hương" (MCTCQH) tốt nghiệp ngành kinh tế học tại Nhật, đã có dịp về thăm nhà năm 94, khi trở lại Hoa Kỳ, viết so sánh như sau: "... Sau thế chiến thứ II, Hoa Kỳ tự xác định vị thế của mình, can thiệp quân sự vào Âu Châu, vào Á Châu, rồi ảnh hưởng đến nhiều quốc gia. Hoa Kỳ bán tâm với các cuộc chiến lớn, đặc biệt là đương đầu với khối cộng sản thế giới, trực tiếp là Nga Sô chủ nghĩa duy vật Marx Lenin, nên Hoa Kỳ không thể ảnh hưởng và lôi kéo hết các quốc gia về với Hoa Kỳ. Giờ đây, khối cộng sản duy vật biện chứng sụp đổ. Hoa Kỳ rảnh tay tổ chức lại các thứ thuộc nội bộ và ngoại giao để thực hiện giấc mộng giàu có hơn, đầy mạnh mẽ hơn, toàn diện hơn để tiếp tục vai trò siêu cường quốc lãnh đạo thế giới. Thế giới ngày nay đón nhận thêm khối cộng sản tan rã, vào kỷ nguyên mới ngang qua lãnh vực mậu dịch kinh tế. Sau khi khối Nga Sô cộng sản sụp đổ, Hoa Kỳ nhả gọng vào Trung Đông. Trung Đông hiện ở trong tầm tay của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ chủ động khối 34 quốc gia châu Mỹ, láng giềng trong bàn tay anh em có nhau, tiến tới một hội nghị thượng đỉnh, nhóm họp tại thành phố Miami, tiểu bang Florida, và kết quả ngày 11 tháng 12.1994, ngày bế mạc, các nguyên thủ quốc gia đồng ký một bản tuyên ngôn "Tuyên ngôn thành lập khu mậu dịch tự do". Như vậy, sau năm 2005, Hoa Kỳ có một khu vực tự do mậu dịch lớn nhất hoàn cầu, và Hoa Kỳ xác nhận với anh em châu Mỹ, sự biến chuyển quan trọng trong lịch sử tây bán cầu là đây! Với Á Châu, Hoa Kỳ đã chuẩn bị sẵn sàng để trở lại Á Châu, một vùng đất màu mỡ phì nhiêu, tài nguyên còn nằm ở lòng đất, có một khối dân số chiếm hơn một phần hai của dân số thế giới, các hứa hẹn mở mang kinh tế đang chờ. Một cách chu đáo hơn, toàn diện hơn và kinh nghiệm hơn. Điều này được báo trước qua lời bày tỏ của Mike Mansfield, một cựu đại sứ Hoa Kỳ tại Đông Kinh trước đây: "Hoa Kỳ trong tương lai nằm dọc theo Thái Bình Dương". Nhưng vùng đất da vàng này, trong quá khứ, Hoa Kỳ đã thua thiệt, tổn hao nhân lực tiền của, danh dự đổ vỡ... qua các cuộc chiến tranh Nam Bắc Triều Tiên, Nhật Bản, đặc biệt cuộc chiến Việt Nam, ngoài những tổn thất nhân mạng của cái lớn lao, Hoa Kỳ, trên hình thức, bỏ chạy cuộc chiến, thua trận Việt Nam và hậu quả một đất nước Hoa Kỳ rã rời, nhân tâm ly tán, rồi nền kinh tế Nhật Bản vượt trội thế giới, lấn lướt Hoa Kỳ, Hoa Kỳ đau đầu nhức óc. Giờ này, Hoa Kỳ không thể xem thường vùng đất da vàng. Vì vậy, muốn trở lại Á Châu không thất bại như trong quá khứ mà còn có quyền lợi, Hoa Kỳ tìm kiếm một tư thế, một sách lược. Khối APEC, các quốc gia kinh tế khu vực Thái Bình Dương được thành lập do sự chủ động của Hoa Kỳ vào tháng 10.1993 tại thành phố Seattle,

tiểu bang Washington, là một tư thế. Theo tôi, Hoa Kỳ vào Á Châu không chỉ bằng tư thế ấy mà thôi, Hoa Kỳ còn có thể áp dụng sách lược khác nữa, tương tự như Hoa Kỳ đã áp dụng ở Trung Đông để Hoa Kỳ vào Á Châu lần này êm ả hơn, nghĩa là Hoa Kỳ có thể tạo ra những mâu thuẫn, những kèn cựa trong lòng nội bộ các quốc gia Á Châu anh em trong một tương lai nào đó, Hoa Kỳ thấy đúng lúc, và nếu cần anh em Á Châu chiến tranh với nhau, trong một mức độ nào đó, Hoa Kỳ thấy đủ để Hoa Kỳ có lợi, nuôi dưỡng và phát triển nền kinh tế kỹ nghệ, kỹ thuật thịnh vượng của Hoa Kỳ, tiêu thụ các sản phẩm khoa học kỹ thuật hiện đại, nhất là vũ khí quân sự rồi khai thác tài nguyên hoặc mua rẻ hay đổi lấy tài nguyên đó bằng các hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm kỹ nghệ, vũ khí chiến tranh theo giá tiêu chuẩn và biển Á Châu, vừa là một thị trường vừa là một nông trường sản có nguồn công nhân giá thấp".

Sau khi nhận xét qua chính sách kinh tế, ngoại thương của Hoa Kỳ, tác giả MCTCQH viết tiếp:

"Người ở xứ ta, nhất là các nước nghèo, cứ tưởng nơi đây là Thiên đường. Thiên đường ở Mỹ mang một ý nghĩa thực tế là thiên đường cho những ai còn có công ăn việc làm, còn giữ được cái "job", còn thu được đều đặn - phải đều đặn - món tiền hàng tuần, hàng tháng theo việc làm hoặc món tiền trợ cấp hạn định nào đó cho những trường hợp người già từ 65 tuổi trở lên hoặc bệnh tật, thất nghiệp ngắn hạn, nghèo cùng v.v... Còn ngược lại, việc làm không có hay các món tiền trợ cấp bị cắt giảm, thiên đường trở nên sụp đổ, con người nhìn bình mình thành ra hoang hôn. Nền, những thiên đường ở xứ Mỹ này là những thiên đường bấp bênh chống chèo, khác với loại "những thiên đường mù" của nhà văn Dương Thu Hương mô tả trong xã hội duy vật chủ nghĩa. Tiếp đến là loại thiên đường của giới tài phiệt tư bản, tiền rừng bạc biển. Giới tài phiệt là chủ nhân ông các cái, và thiên đường của họ được tạo dựng bằng tim óc, bằng chất xám của tuổi trẻ, bằng khả năng của hàng hàng lớp lớp dân chúng; trong đó, có các dân tộc thiểu số đến đây lao động để đổi lấy Tự Do, Ám No. Ám no trong sự cố gắng tranh đấu trí óc, lao động dai dẳng liên tục, ám no trong ám ảnh ngày mai còn có việc để làm không, ám no trong sự căng thẳng thần kinh. Tự do tìm kiếm việc làm, tự do ra sức lao động, tự do sáng tạo cho quyền lợi hàng xóm, tư bản, tự do tiêu dùng vật chất, hưởng thụ vật chất, tự do vay nợ mua sắm các thứ, tự do theo nhịp điệu của luật định tư bản, luật định tư bản là không được trả nợ trễ, trả trễ bị phạt hay mang thành tích xấu đối với xã hội tư bản, không còn được tin tưởng. Không trả được nợ, nhất là nợ thuế, nhà của xe cộ bị tịch thu hoặc đưa ra tòa, vào tù. Dân chúng còn hứng chịu các thứ tự do như thế, như tự do ly dị, tự do đồng tính luyến ái, tự do cờ bạc, tự do phá thai, tự do băng đảng, tự do mua súng đạn, tự do bảo chữa tội phạm qua hình thức luật sư biện hộ, tự do sản xuất phát hành các phim ảnh, sách báo hoặc khiêu gợi nhục dục hoặc các loại tội phạm. Đã không có một nền giáo dục luân lý đạo đức căn bản ở học đường Mỹ, lại còn có những khuynh hướng đầu độc tuổi trẻ hướng đến nhục dục. Thử nào một Bộ trưởng Y tế, như bà Joyceln Elders, tai mắt quốc gia, hàng trí thức gương mẫu giới trẻ lại có những ý tưởng tai hại. Quan điểm của bà là muốn hợp thức hóa ma túy, thuốc phiện và dạy tình dục ở các học đường, đưa thủ dâm vào giáo dục, bà phát biểu "các học sinh nên được dạy dỗ về thủ dâm". Bà bị cách chức vào ngày 10.12.1994 vì những ý kiến đó. Vì vậy, các tệ nạn của xã hội Mỹ ngày một gia tăng, nạn cướp giết, trộm cắp, hãm hiếp, bắt cóc, giết người, đặt chất nổ, bạo động nổi loạn, buôn bán ma túy thuốc phiện, bệnh Aids v.v... làm gia tăng nhà tù, lực lượng cảnh sát, nhà thương điên. Tất cả tạo thành một xã hội đầy tính chất mâu thuẫn. Đàng nào các thứ tự do tệ hại được mở ra và đàng nào gia tăng lực lượng cảnh sát, mở thêm nhà tù, nhà thương điên? Xã hội tư bản này, trên hình thức nhân đạo, văn minh, con người được bảo đảm mọi thứ, có đủ thứ quyền, nhưng thực ra, con người bị xã hội này chi phối toàn diện một cách tinh vi về những giá trị đầy tính chất mâu thuẫn và bất trắc, khiến con người hoặc lừng thừng bên sức mạnh vật chất hoặc vong thế trong những giá trị tư bản hay đổi diện với chính mình trong niềm cô liêu...

Cuối cùng tác giả MCTCQH kết thúc bài nhận định như sau:

"Như vậy Hoa Kỳ thành công về mặt kỹ thuật, giàu có, tổ chức đời sống vật chất tiến bộ, đạt những kết quả về kiến thức khoa học và thành công, một phần, trên trời với trăng sao, nhưng về mặt tinh thần, Hoa Kỳ đổ nát ngay trên mặt đất, ngay bước chân đi của con người trong mỗi phút giây của đời sống về các giá trị khoa học nhân văn, luân lý, đạo đức, giáo dục nhân bản, vốn rất nghiêm trọng cho một trật tự xã hội tinh thần đạo đức tiến bộ của con người hạnh phúc tâm hồn. Thành ra, văn minh vật chất của Hoa Kỳ không khéo trở thành vũng ố nhiễm đầy tham lam tội ác, tội phạm đang gặm nhấm ngày đêm những tâm hồn, những công trình văn minh kỹ thuật khoa học của Hoa Kỳ, Hoa Kỳ đại diện nền văn minh vật chất này. Những điều chúng ta gọi là văn minh, thực sự văng bóng văn minh; những điều chúng ta cho là tự do no ấm, thực ra văng bóng sự thanh bình đích thực của tâm hồn. Nếu có được, một cách tương đối, tự do no ấm, chính mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng trong lòng xã hội tư bản, phải khắc phục với hoàn cảnh, với chính mình tự tạo những niềm tin, những hy vọng nơi con cái, nơi tình bầu bạn, dựa vào những giá trị tinh thần riêng tư, nhờ tôn giáo, triết lý v.v... mà chúng ta mới có được. Tự do no ấm ở đây phải đổi lấy những nỗ lực cá nhân và sự thiệt thòi mất mát của những dân tộc khác mà kinh tế Mỹ gạt hái mang về. Phải nhìn nhận Hoa Kỳ đã có công to lớn về việc lãnh đạo các quốc gia tự do bằng nhiều đường lối khôn khéo, những phương tiện vật chất tốt để đánh bại khối cộng sản duy vật chủ nghĩa, đưa cộng sản thế giới đi xuống, dọn sạch một thứ chủ thuyết Marx-Lenin bản địa để thế giới hôm nay có được không khí nhẹ nhõm, chấm dứt những tháng năm dài của thế kỷ đau thương. Nhưng theo chiều hướng bành trướng kinh tế vật chất của Hoa Kỳ trước mắt, chúng ta thất vọng! Vì Hoa Kỳ lãnh đạo thế giới, đi mới một chặng đường của lịch sử nhân loại; còn lại chặng đường văn minh tinh thần của loài người, Hoa Kỳ tỏ ra bất lực do vật chất và vì vật chất! Trước viễn ảnh này, chúng ta lo ngại về một nền văn minh vật chất mà Hoa Kỳ lẫn những Nhân loại đi về đâu? ... (Tạp chí Hoa Sen số 24, Thích Nguyễn Đạt)

Để tỏ ra là bậc đàn anh biết điều hơn ai hết Hoa Kỳ phải thấy được những tai họa ê chề nghiệt ngã mà mình đang tâm giáng xuống trên đầu các quốc gia nhược tiểu, tìm giải pháp tốt đẹp cho cục diện toàn cầu vào thế kỷ 21. Nhìn chung mọi quốc gia lớn nhỏ, giàu nghèo từ Âu sang Á từ Úc sang Phi; dĩ nhiên Mỹ vẫn là anh đầu đàn độc nhất vô nhị, đứng đầu thế giới về đủ mọi mặt tốt xấu, kinh tế, thương mại, ngoại giao, khoa học, kỹ thuật, kỹ thi, sát sinh, tự tử, phá thai, đồng tính luyến ái... Hơn ai hết, Hoa Kỳ hẳn phải hiểu và phải biết nỗi oán than than thủ hận của các nước nghèo đói chậm tiến kém mở mang bị bóc lột sức cần lao và trí tuệ để làm giàu cho chính mình mà nối tay theo kiểu đạo đức ngoài mặt cho các nước đàn em còn chỗ để thở, còn đất để dung thân.

Thì ra thời đại hôm nay là thời đại mới, mọi mặt được đánh giá bằng tiền. Người ta không cần biết anh là ai, gia đình nguồn gốc, kiến thức, đạo đức ra sao hãy khoan bàn tới, miễn anh có lầu cao cửa rộng, xe hơi mới hạng sang, tiền bạc chi ra thu vào như nước, có nhiều kẻ hầu người hạ dạ dạ vâng vâng khi cần đến, là người ta tin theo anh ngay. Dĩ nhiên cái giá trị đạo đức không đạt thành. Muốn nói chuyện đạo đức hả? Đi chỗ khác chơi. Muốn tranh đấu đòi nhân quyền ông cho ở tù rục rạc. Hoa Kỳ chơi khăm theo cái kiểu lấp lửng đó xưa nay, nhưng không ai dám há mồm mở miệng. Đã đến lúc thiên hạ chịu anh hai không lỗ hết nổi nữa rồi buộc lòng phải nói trong thế song phương: Quốc gia với quốc gia, mặc dù các nước nhược tiểu vẫn biết không đồng cân xứng lượng. Nhưng không vì thế mà anh khinh thường không ngồi lại nói chuyện đàng hoàng. Bên cạnh cái giàu mạnh, cái thế lực đó còn có hiến pháp và rộng ra còn có cả hiến chương Liên Hiệp Quốc ràng buộc với nhau bảo vệ lẫn nhau để bên nào cũng được lợi. Lợi cho nước nghèo thì ít mà lợi cho Hoa Kỳ thì nhiều. Điều này Hoa Kỳ hẳn thừa biết hơn ai hết. Có thể do chủ quan Hoa Kỳ đánh giá quá thấp về

trình độ hiểu biết các nước đàn em nên gây ra lăm chĩa hiểm họa, đại nạn khắp nơi vô phương cứu chữa. Người ta chỉ thấy được cái hào nhoáng bên ngoài mà không nhìn sâu vào được thực chất bên trong của vấn đề, nên cái đúng của kẻ yếu là cái sai của người mạnh, người có thể lực.

Nhìn cuộc đời theo khía cạnh này một nhà văn Pháp nói:

"Les lois sont des toiles d'araignées à travers lesquels passent les grosses mouches et où restent les petits"

(Luật pháp là những màng nhện mà những con ruồi to thì chui lọt còn những con nhỏ thì mắc lưới)

Luật pháp thế gian có nhiều kẻ hồ bất toàn, thiếu công minh như thế, kẻ có tiền, có thế lực bao giờ cũng phồng tay trên, cũng đạt ưu thắng. Trong khi người dân đen là phải chịu thiệt thòi bất công nhiều nhất. Nhưng nếu xét cho cùng thì cũng đã có sao đâu. Sống ở đời mạnh được yếu thua, lớn hiếp bé, khôn lấn dại, ý thế hiếp cổ v.v... đã là một chân lý từ ngàn xưa! Bởi vậy, Đức Phật vì lòng từ bi đã thấy hết biết hết mới xuất hiện ra cõi đời đầy bất công giai cấp, thù hận ngập trời như thế ngày nay trong lòng xứ Ấn Độ có cả hàng trăm giai cấp phân tranh bất ổn, làm người dân xứ Ấn như muốn ngộp thở từ gần ba ngàn năm trước. Phật chỉ dạy cho con người sống hài hòa theo một lối sống khác, sống trong sự tinh thức an lạc; và nêu ra cho chúng ta thấy rõ giá trị đạo đức không cần cứ vào óc phiêu lưu đầy bí hiểm bằng tiền bạc, hột xoàn, thân công đại bác, tàu ngầm, oanh tạc cơ, bom nguyên tử... Ngay cả trăm ngàn mảnh mung tinh xảo khác nhân danh đạo đức lương tâm, hòa bình công lý để hành xử. Thật quả trò đạo đức giả trợ trên! Đức Phật biết những gì chúng ta làm hay những điều chúng ta nghĩ để hành xử với nhau trong cộng đồng nhân loại. Ngài vẫn thấy tội nghiệp đáng thương chúng ta hơn là đáng trách. Vấn đề là ở chỗ nghiệp lực đã gieo không ai chịu thay mình được cả. Ngài dạy đạo lý nhân quả mầu nhiệm tinh vi thay cho luật lệ thế gian còn nhiều bất ổn chưa giải quyết được trọn vẹn mọi khía cạnh của vấn đề cuộc sống. Đời người có hạn, sức chịu đựng cũng tới một mức độ nào thôi. Diễn trình đạo lý nhân quả do Phật đưa ra cao sâu quá vượt ra ngoài tầm nhìn phủ phàm của thế tinh đen bạc, bạc trắng hơn với thế này! Lúc con người ý thức nhận chân ra lý nhân quả đúng, công minh thì quá trẻ trắng, thân xác đã tan rã, linh thức xa chạy cao bay ngoài ngàn muôn dặm trong lục đạo luân hồi!

Nói gần nói xa chẳng qua nói thật, hậu quả thế thâm tàn khốc của cuộc chiến tranh lạnh mà Hoa Kỳ là nhà cai thầu tự cho là tốt bụng đối với các nước nghèo yếu, nhược tiểu bất hạnh như Việt Nam, Triều Tiên và gần đây là cuộc chiến vùng Vịnh tại Kuwait hay Trung Đông v.v... vẫn còn là những chứng tích hoen ố hằn sâu trong lòng các dân tộc vừa kể. Cho dù Hoa Kỳ khéo mồm già miệng chửi oai oái rằng đó là do nghĩa vụ quốc tế, Hoa Kỳ đã làm nghĩa cử đẹp bảo vệ tiền đồn tự do các nước nhược tiểu, đã không được tán đồng yểm trợ lại còn bị lên án nguyên rủa kẻ gian ác, thâm độc đầy mưu mô xảo quyệt, là nghĩa làm sao? Câu hỏi cũng chính là câu trả lời mà chỉ có người trong nhà mới biết rõ, và biết hết mọi tình tiết uẩn khúc lắt léo bên trong. Như vậy ngoài Hoa Kỳ không ai có quyền và không đủ tư cách xía vô bàn việc làm đầy phiêu lưu bí hiểm cố tình khai thác nuôi dưỡng chiến tranh để mưu lợi đó của Hiệp Chúng Quốc cả. Cho dù có che đậy khéo đến cỡ nào, cái đuôi to tướng vẫn cứ lòi ra cho người ta nắm kéo lại, để hãm ngăn bót đá tác hại hay gieo tai họa xuống nhiều hơn nữa. Nếu biết mình không nuốt chửng được các nước nhỏ như Hoa Kỳ đã nghĩ lầm, thờ ơ khinh thường từ bấy lâu nay, thì sao Hoa Kỳ không chịu bình tâm tìm ra một giải pháp khác tốt đẹp hơn, an toàn hơn. Việc này đối với Hoa Kỳ thừa sức کیا mà! Vấn đề chính phục không gian, mặt trăng phức tạp khó khăn nguy hiểm tốn hao hơn nhiều Hoa Kỳ làm được, thì nhằm nhờ gì ba cái việc lẻ tẻ cón cón đó. Hoa Kỳ phải biết tự thống hối rằng trong quá khứ đã có nhiều chính sách đối ngoại sai lầm gây khổ đau tang tóc cho bao nhiêu dân tộc khác thì nay có còn hơn không (*it is better than nothing*) phải ra sức sửa sai phục thiện để còn nhìn mặt mũi anh em đồng loại khác màu da tiếng nói, đang đầu đội trời chân đạp đất trong cõi tạm phủ phàm hôm nay. Hay cho dù Hoa Kỳ

vì vô minh hoặc giả bộ không nhận thấy mọi diễn biến xảy ra chung quanh. Nếu nhìn ở điểm Hoa Kỳ quả thật vô minh biết một mà không hiểu mười, chúng ta cũng đừng vội gát gông lên án nặng lời, vì bên cạnh sự hiểu biết lỗi hột của chúng ta, còn cả luật nhân quả ràng buộc chi phối, còn như Hoa Kỳ giả bộ không nhìn nhận sai lầm, thì chúng ta cũng không vì thế phí phạm rủa sả thậm tệ cho bản mồm gây thêm ác nghiệp mà chẳng có ích gì hay Hoa Kỳ cũng chẳng tổn hại một sợi lông chân nào. Cho dù không hoàn toàn đồng ý với những điểm hay vấn đề có tầm vóc sinh tử quyết định vận mạng thế giới ngày mai, tác giả nêu ra nhận xét còn nhiều thiếu sót, không công bình hay thiên kiến, mọi người đều có quyền nghĩ như thế. Nhưng trên thực tế sự băng hoại tới tột cùng của xã hội, sự rã rời ngao ngán của lòng người, thờ ơ, nghi ngờ thiện chí bắc đàn anh đầy lòng nhân đạo, không còn keo sơn gắn bó như trước nữa, đã là sự thật nhan nhản đối với các nước nhược tiểu hăm hiu.

Vấn đề này ngày nay mọi phương tiện truyền thông rất tinh vi, sự hiểu biết con người thật bén nhạy, bất cứ việc nhỏ hay chuyện lớn không còn thu hẹp trong cung cấm, như có một cuốn sách mang tựa đề "*Thâm Cung Bí Sử*" của những ông hoàng bà chúa ngày xưa - Thời quân chủ vương quyền đã tiết lộ những chuyện động trời vô đạo đức, bất lương nơi cung thất rực ánh hào quang muôn màu mà nó như đã được các tay cao thủ chiếu tướng nhìn nước cờ tử trong ruột của đối phương, không còn là vấn đề xa xôi bí hiểm hay không ai còn chiếm độc quyền, độc tôn, độc thiện cả. Vì nhiều cái độc cứ dồn dập đổ lên đầu dân hiền nên mới đổ nợ và đại nạn sắp xảy ra đối với quốc dân đồng bào và huynh đệ đồng đạo thuộc các tôn giáo. Rõ ràng, chúng ta chỉ là những con chốt thí trong thế cờ tương tranh quốc tế đang lăm trong thế bí. Đánh sấn tới thêm nước nữa sẽ gây đổ máu thiệt hại không biết bao nhiêu mạng người hay ít nữa cũng làm thiên hạ thất điên bát đảo, hoang mang tới tột cùng. Điều này hơn ai hết, Hoa Kỳ hẳn không muốn. Vì làm như thế là cụt hứng, rã ngũ tan hàng rồi Hoa Kỳ còn đâu điểm tựa để tự lợi vào mỗi năm hàng trăm tỷ đô la trên thân xác bao con người cùng khôn.

Cái mâu thuẫn trở trêu do lòng tham không đáy của con người quá thâm và quá hiểm ác, Hoa Kỳ cứ vắt cho rỏ nước, như kiểu người ta nặn chanh chừng nào hết nước mới chịu ngưng tay. Cứ mặc thiên hạ la ó rít cổ huyệt hơi đứa nào đủ sức chịu đựng còn sống ngóp ngoài chỉ còn xác không hồn như thây ma đối đêm đêm, hiện về đòi cúng thí cháo lòng cho con con gạt nghèo; đứa nào ngoan cố đòi viết sách hay ra mặt chống đối chỉ trích, háy coi chừng có ngày toi mạng! Đúng là kẻ đàn anh chuyên đầu trộm đuôi cướp mà tất cả chúng ta đều là nạn nhân của tham vọng, hiểu chiển. Tệ đến nỗi ngôi nhà đang cháy lan tới sát bên lưng không chịu lo cứu chữa mà cứ mãi lo chuyên bao la vũ trụ. Thật là vô vọng khi chúng ta đang phải sống cằn cưa giữa lòng xã hội đầy nổi bất trắc hôm nay. Người ta chỉ còn kỳ vọng vào thái độ khôn ngoan của Hoa Kỳ để cứu vãn kịp thời cơ nguy nhân loại đang tới kỳ sắp bị diệt chủng. Tới lúc đó Hoa Kỳ sống với ai đây? Nuôi chiến tranh để trục lợi không còn là miếng mồi béo bở nữa, vì còn đâu bóng dáng loài người trên mặt đất này nữa để nhân danh thay mặt đại diện được ai.

- Để giải tỏa bao nhiêu uất nghẹn ngập trời không tránh khỏi thù hận đến thiên thu

- Để hàn gắn băng bó lại bao vết thương lở loét từ thân tới tâm con người sắp băng hoại rã rời

- Để người ngoài và các thế lực cực đoan khỏi lợi dụng khai thác

- Để chữa ngôi nhà đang cháy ngọn lửa dữ bùng lên mạnh mẽ

Hoa Kỳ phải tỏ bày tùy theo cách nào đó bằng cái tâm chân thật con người mà không là tâm yêu tình quý quái để xử sự với các nước nhược tiểu. Làm được điều này cũng chứng tỏ Hoa Kỳ phải vượt qua bao nhiêu khó khăn thử thách. Có như vậy mới hy vọng bình minh lộ hiện ở phương đông, bằng người lại nhân loại sống trong một bầu trời u ám ấm đạm thể lương!

Sydney ngày cuối Thu 1995

ĐẠO PHÁP và DÂN TỘC

• Đặng Quốc Chính

Từ đầu thế kỷ này, cuộc hiển sinh Phật Giáo ở Trung Hoa và Việt Nam đã được phát động. Riêng tại Việt Nam, các phong trào vận động hiển sinh Phật Giáo đã mạnh nhen và thành lập khắp Bắc, Trung, Nam vào những năm 1930. Cũng vào thời điểm đó, chủ nghĩa cộng sản bắt đầu len lỏi vào xã hội Việt Nam.

Nếu lấy mốc năm 1930 để bắt đầu mọi việc thì đến nay đã 63 năm trôi qua trong cuộc đời của một con người.

Dù con người có thọ được 100 tuổi thì so với lịch sử nhân loại và lịch sử của một đất nước thì cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Có lẽ chỉ có sự nghiệp đóng góp cho đời, cho đạo... sự xây dựng phồn vinh cho đất nước, việc gây tạo được niềm an lạc cho mọi người là công việc có giá trị miên viễn. Vì thế, Thiền sư Vạn Hạnh đã đi vào chiều sâu của lịch sử Việt Nam dù rằng cuộc đời của ngài đã chấm dứt cách nay hơn mấy trăm năm.

Nhưng, tiểu sử của một con người lại được hòa lẫn, đối chiếu và có tương quan, tương hợp với lịch sử của một quốc gia.

- 1963: Năm của biến loạn và sự trôi dạt của Phật Giáo Việt Nam. Những người sinh trong những năm 40 đã cảm được thế nào là niềm hưng phấn của một quốc gia.

- 1965: Đã có những người học trò trong những ban đại diện của các trường trong thành phố Sài Gòn hoặc là những học trò dù không trực tiếp tham gia các cuộc biểu tình, xuống đường... đã biết được về khái niệm tự do, dân chủ và độc tài, bất công là như thế nào.

- 1968: Có những sinh viên đã thấy được thế chiến lược của 2 miền, thấy được mối tương quan chính trị ra sao giữa các cường quốc và các nước giữa tiểu trên thế giới.

- 1972: Hầu hết đồng bào ở Miền Nam đã biết rõ hơn thế nào là hậu quả của chiến tranh... và cảm nhận được tình trạng bất trắc của một cuộc chiến gần tàn.

1975: Đau thương, uất hận... và đôi chút tin tưởng vào một tương lai ổn định cho đất nước và bản thân.

- 1979: Cải tạo, tù đầy, bắt bớ... và lại tiếp tục chiến tranh ở biên giới phía Bắc và Tây Nam.

- 1981-1991: Gian trá, lường gạt... và sự đi tìm một hướng ổn định mới.

Những đứa trẻ được sinh vào năm 1975 nay đã trở thành một thanh niên 18 tuổi. Nếu thanh niên này ở Miền Nam, chắc hẳn người này chỉ còn được một mường tượng mờ nhạt nào đó về

một thời gian huy hoàng của đất nước và gia đình trước kia. Đồng thời, họ lại cũng có thể có ý tưởng rằng tình trạng mà hiện giờ họ phải chịu đựng là do lỗi lầm của cha ông của họ, những người đã sinh sống và làm việc ở phần đất trong Nam này của đất nước.

May thay, từ năm 1975 đến nay, bên trong và ngoài nước đã có những tiếng nói bất khuất:

- Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn

- Trần Văn Bá

- Lý Tống

- Trần Mạnh Quỳnh (Jimmy Trần)

Vụ án Trần Mạnh Quỳnh được xử tại Sài Gòn ngày 26 và 27.5.1993.

- Cũng thời gian này, ngày 24.5, tại Huế đã có cuộc xuống đường của khoảng 40.000 người dân, bắt nguồn từ việc Hòa Thượng Thích Huyền Quang đệ "Đơn xin cứu xét nhiều việc" ngày 25.6.1992.

- Gần đây nhất có vụ xử giáo sư Đoàn Viết Hoạt ngày 8 và 9.7.1993.

Kể từ 1975 đến nay, ở trong nước, ngoài những vụ án mới kể trên, còn không biết bao nhiêu cá nhân và tập thể đã can đảm nổi lên tiếng nói yêu nước qua việc chống đối sự sai trái của tập đoàn lãnh đạo đất nước hiện nay, chẳng hạn như các vụ án Thượng Tọa Trí Siêu, Tuệ Sỹ, Đức Nhuận, v.v...

Không kể hết được những gương anh dũng và hy sinh đã được thể hiện. Nhưng thế hiện này dù lớn, nhỏ đã góp phần vào việc xây dựng tương lai đất nước. Nhưng, tóm lại, cho đến nay, người ta chưa có được con số cụ thể về những sự việc bạo động, chống đối trong nước... trừ những vụ án quá lớn. Những vụ án nhỏ đã bị hệ thống kềm kẹp, bưng bít về truyền thông của nhà nước vô hiệu hóa hoặc chuyển ý nghĩa của những sự vụ, việc đó thành những trường hợp cá nhân phạm pháp đơn phương, chỉ liên quan đến các tội danh có tính xã hội hoặc hình sự.

Và bình tâm mà xét, từ 1975 đến nay, nói về số lượng, có lẽ những vụ khởi động từ bên ngoài nhằm vào trong nước nhiều hơn những biến động trong nước. Và khách quan mà nói, những vụ từ bên ngoài thường có tính chấn động mạnh hơn (trừ cuộc vận động lịch sử gần đây của Phật Giáo).

Rồi, 18 năm trôi qua ...

Sự chịu đựng và kiên nhẫn này không thể so sánh với sự việc bị bức bách, chống đối của GHPGVN từ 1930-1993 (Bản tự thuật 2 của Hòa Thượng Thích Huyền Quang). Đặc biệt, sự ngược đãi và phá hoại của nhà nước CS đối với Phật Giáo trong vòng 18 năm nay, sau ngày 30.4.1975.

Nếu lấy khía cạnh cá nhân để xét đoán, một người được sinh ra từ năm 1930 hay đã trưởng thành vào năm đó (sinh năm 1910) tính đến nay lớp người sinh năm 1910 còn mấy ai?... nếu còn sống, chắc chắn rằng họ còn phải chống gậy khi đi đứng... lấy sức đầu mà chống lại với nhà nước to lớn đã hình thành từ những năm 1950. Lớp người sinh năm 1930 này cũng đã mất mờ, chân yếu. Nếu họ còn là tượng trưng cho "cái đầu" sự sáng suốt, kinh nghiệm... là tượng trưng cho tinh thần, sự lãnh đạo thì đầu là "cái tay" "cái chân", là tầng lớp trung gian trực tiếp hành sử những tư tưởng chỉ đạo, những phương thức chiến lược toàn cầu và của đất nước từ những cấp trên? (đó là mới nói về tuổi tác mà thôi... chưa đề cập đến những yếu tố khác).

Nếu lấy khía cạnh đoàn thể để phân xét, nói chung, từ trước đến nay chưa có một tổ chức đảng phái nào là địch thủ ngang ngửa với đảng cộng sản. Và đảng cộng sản chỉ sợ địch thủ là các đoàn thể tôn giáo mà thôi. Nhất là đối với các tôn giáo được tổ chức hẳn hoi và có kỷ luật. Càng sợ bao nhiêu thì sức chống phá càng dữ dội bấy nhiêu.

Các tổ chức tôn giáo, vì không phải là những cá nhân đơn lẻ, lại được tổ chức và có tính kế truyền nên khi bị chống phá thì sự phản kháng đương nhiên phát sinh và sức ép càng mạnh thì sức bật càng không kém.

"... nói thế không có nghĩa là chúng ta phải an thân, thủ phận cam chịu bó tay cúi đầu chịu nhục mãi để các thế lực chính trị muốn khai sinh, khai tử gì cũng được (Tâm Thư của Hòa Thượng Huyền Quang ngày 24.9.1992).

Không những phản kháng, Phật Giáo còn thấy được đâu là hậu quả tất yếu của những sự chống phá đó.

"Chủ trương này (đàn áp và triệt hạ các tổ chức tôn giáo...) là một trong những đầu mối của những bất an triền miên về mặt xã hội những suy nhược không cứu vãn được về mặt kinh tế và tất yếu sẽ dẫn đến những hỗn loạn và sụp đổ về mặt chính trị. Và nếu cứ để xảy ra mãi như thế thì đó chính là nỗi bất hạnh và là một thảm họa cho đất nước dân tộc (Giác thư của Hòa Thượng Thích Hộ Giác 16.01.1993).

Phật Giáo đã phản kháng vì Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thừa truyền lý tưởng nhập thế độ sanh của đạo Phật nên không thể làm ngơ trước những khổ đau, đói khát, tù tội và bất công của hàng triệu người dân trong nước.

Phật Giáo đã phản kháng qua tiếng nói của Hòa Thượng Huyền Quang, Tâm Thư ngày 24.9.1992 "... vì trách nhiệm đối với lịch sử, tôi không ngại tuổi già sức yếu, quyết chí làm tròn mọi sứ mạng mà Giáo Hội và chư vị tôn đức tiền bối giao phó, để đứng lên đòi hỏi công bằng, lẽ phải cho dân tộc,

đạo pháp trước sự soi sáng của lương tâm loài người thời đại. Lời kêu gọi của tôi đã vang vọng đã được hưởng ứng, ủng hộ khắp bốn bề năm châu thì có gì chính nghĩa hơn thế nữa".

Sự phản kháng đã vượt ra ngoài phạm vi đất nước khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã chính thức thành lập các cơ cấu tổ chức Giáo Hội và đại diện toàn quyền tại các quốc gia ở hải ngoại.

Về phương diện chính trị, quyết định này đã vô hiệu hóa âm mưu bao vây, cô lập và triệt hạ Giáo Hội tại quốc nội. Về phương diện tổ chức, quyết định này là bước đầu đặt nền móng cho sự phát triển cơ cấu tổ chức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trên thế giới.

Nhưng đến nay, sức bật của sự phản kháng đã được Hòa Thượng Huyền Quang nhận xét như sau:

"... và nếu cái đã kiểm soát, hạn chế kéo dài thì giới tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, đến cuối thế kỷ 20 này sẽ hoàn toàn "tuyệt tự" (Tâm Thư ngày 24.9.1992).

Gần đây trong Thông điệp Vu Lan 02.8.1993, ngài nói rõ hơn:

"... nghĩa là Giáo Hội đang dở sống dở chết chờ nhà nước ban cho ân huệ cuối cùng là xuống bản án khai tử Giáo Hội Ân Quang để phong trào trên được chấm dứt trong thất bại, nhưng đây chính nghĩa được thế giới ủng hộ tận tình".

"Tuy nhiên, còn nước còn tát, chúng ta sẽ làm việc trong tinh thần vô úy và bất bạo động để giữ gìn năng lực chịu đựng trong nhiều năm tháng sắp tới. PGVN đã chịu đựng sự vi phạm của 200 năm rồi, bởi những thế lực chính trị phi dân tộc gây ra, thì nay tiếp tục chịu đựng thêm năm, ba năm nữa, cũng không có gì bất kham cả".

Ngài còn đưa ra một phán đoán mà sức chịu đựng của riêng một con người không thể nào kham nổi. *"... mọi thế lực phá hoại trong quá khứ cũng như hiện tại cũng sẽ không tồn tại trong vài ngàn năm nữa, đừng nói muôn năm".*

Như thế, chúng ta càng thấy rõ hơn bản chất của chế độ hiện nay ở Việt Nam, một chế độ có những đòn phép thâm độc, đầy sắt máu dã man, vô nhân, giảo quyết... rất nguy hiểm.

Thật thế, kể từ tháng 4.92, khi Đức Tăng Thống Phật Giáo Thích Đôn Hậu qua đời, đến nay, sự phản kháng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã trải qua các giai đoạn căng thẳng, tạo ra bởi những phản ứng qua lại của nhà nước và Phật Giáo. Gần nhất là cuộc xuống đường của khoảng 40.000 người dân tại thành phố Huế ngày 24.5.1993 và cuộc va chạm dữ dội giữa tín đồ Giáo Hội với lực lượng an ninh hôm 09.7.1993 tại quận Châu Thành, tỉnh Bà Rịa.

Nguồn tin Phật Giáo nói rằng Thượng Tọa Thích Hạnh Đức bị đánh đập tàn nhẫn và bị bắt cùng 18 Tăng

sĩ, gần 100 Phật tử. Thầy Quảng Ba (Úc) nói rằng: *"chính quyền đã biến ngôi chùa thành một bãi chiến trường"*.

Tuy nhiên, các báo chí do chính phủ kiểm soát ngoài khu vực Bà Rịa, Vũng Tàu đã (phải) giữ yên lặng đối với sự va chạm vừa kể trên.

Chính quyền Việt Nam cho là chỉ có "vài chục người" tham gia vào việc vừa nói. Chính quyền Bà Rịa nói là Thượng Tọa Hạnh Đức là liên tục vi phạm luật pháp và *"... ông còn kích động một Phật tử 21 tuổi bị bệnh tâm thần đốt ngón tay để cúng dường nhân một ngày lễ Phật Giáo"*.

Đối với chính quyền Việt Nam, sự phản kháng chỉ là do *"... Huyền Quang và một số phần tử chống đối"* và đó là *"... việc làm xấu của Huyền Quang và một số tay chân"* (Tài liệu MẬT ban dân vận 17.8.92). Ngày 28.10.92 Phan Văn Khải, Phó Thủ Tướng Chính phủ VC đã tuyên bố với đài RFI là *"chỉ có vài sự sai PG vi phạm về hình sự, chờ đối với PG, chính phủ vẫn có những giao thiệp tốt"*.

Kể sơ lược ở trên vài thái độ của nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay để chúng ta thấy rõ bản chất và sự nguy hiểm của chế độ này.

Ngoài ra, một hệ thống bị kềm kẹp bưng bít về truyền thông đã được họ sử dụng tối đa và tráo trở. Thật vậy, nếu không có bức thư của Hòa Thượng Thiện Siêu ngày 14.6.93, sự thật bị bóp méo, công luận bị hướng dẫn sai lệch... và nội bộ Phật Giáo sẽ xáo trộn hơn tới mức độ nào ? !

Do đó, tuy hết sức cao đẹp và đáng khâm phục, các cá nhân và tổ chức nhỏ ở trong nước, những thành phần chống đối với nhà nước CS đã bị dập tắt dễ dàng, phải chịu đau thương cùng cực, bị tra tấn đầy ải, giết chóc... trong cầm lạng và nhục nhã, bởi vì mục tiêu của họ chỉ là một bản án hình sự hay tội phạm xã hội khi được tòa án nhà nước công bố ra bên ngoài. Lý Tổng chỉ là *"một tên cướp máy bay"*, các thầy Trí Tụ, Hải Tang, Đức Hạnh chỉ là *"vài sự sai PG vi phạm về hình sự"*. Nói chi đến các vụ bắt bớ từ năm 1981 trở về sau. Các vụ bắt bớ các thầy Trí Siêu, Tuệ Sỹ, Đức Nhuận, Quảng Độ, v.v... có ảnh hưởng như thế nào đến các tầng lớp dân chúng ở miền Nam, nói riêng là ở Sài Gòn... chần hần, lớp người trong tuổi vào khoảng thời gian này ở Việt Nam đều rõ.

Vi thế 18 năm đã trôi qua lạnh lùng, tàn nhẫn.

Lịch sử có thể tái diễn không? ... chắc chắn là không đối với đời thường hợp cá nhân anh hùng tính... hoặc với những đoàn thể chưa được thành tích lịch sử đáng kể đối với đất nước.

Riêng đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, câu trả lời thỏa

đáng cho vấn đề nêu trên cũng không phải là dễ dàng.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là hậu thân của Thống Hợp Phật Giáo Việt Nam, là một tổ chức được thống hợp bởi các hệ phái trên cơ sở tự nguyện, ra đời năm 1964, sau pháp nạn 1963. Đó đó, GHPGVNTN có tính chất mang đầy bản sắc dân tộc, không những có tầm vóc quốc gia mà còn có địa vị quốc tế, không những có vai trò lịch sử trong hiện tại mà còn có sứ mệnh vạch hướng cho dân tộc ở tương lai.

Phật giáo mang đầy bản sắc dân tộc nên Phật giáo không ... để ai lợi dụng hay lôi kéo chúng ta vào đường tranh chấp chính trị hiện tại (Thông điệp Vu Lan 93 của HT. Thích Huyền Quang). Nhưng trong cuộc chiến Nam-Bắc Việt Nam trước năm 75, chính quyền miền Bắc đã ít ra tạo được một cảm tưởng cho nhân dân 2 miền và trên thế giới tưởng rằng Phật giáo hoàn toàn ủng hộ họ.

Phật giáo có tầm vóc quốc gia nhưng đã chậm một bước trong 6 năm đầu sau ngày 30.4.1975. Dù rằng âm hưởng của việc chính quyền miền Bắc ca tụng Phật giáo đã có công lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963 còn đó. Nhưng, vài sự kiện xảy ra ngay sau ngày 30.4.75 đã làm giới lãnh đạo Phật giáo tỉnh táo hơn. Tuy vậy, sự chuẩn bị đối phó đã không có!... Có lẽ vì mang đầy bản sắc dân tộc nên Giáo Hội đã cho rằng rồi sự khác biệt văn hóa dân tộc sẽ lấn át được các khát vọng khác của người cộng sản ? !

Phải đợi đến 10 năm tiếp đó (1982-1992) Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mới chính thức thành lập các cơ cấu tổ chức Giáo Hội và đại diện toàn quyền tại các quốc gia ở hải ngoại. Điều kiện khách quan đã cho chúng ta thấy rằng đối với các Giáo hội ở hải ngoại, do nhiều nguyên do phát xuất từ sự khác biệt văn hóa của xã hội Tây phương, sự thống nhất đã phải vượt qua nhiều sự khó khăn. Lần nữa, tính thời gian đã làm cho Phật giáo lại chậm thêm một bước.

Nhưng, phải chăng *"tinh thần vô úy và bất bạo động"* khiến cho Phật giáo quốc nội thụ động đợi nhà nước xuống bản án khai tử Phật Giáo Ân Quang (?) ... để cho sự phản kháng được chấm dứt trong thất bại, nhưng đây chính nghĩa được thế giới ủng hộ tận tình như Phật giáo Tây Tạng?

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở quốc nội còn *"tiếp tục chịu đựng thêm năm, ba năm nữa cũng không có gì bất kham cả"*.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở hải ngoại đóng góp sức mình vào công cuộc *"giải trừ pháp nạn"* ở quê nhà như thế nào ?

"Năm trong chân mới biết chân có rợn". Mốc kêu gọi sự góp sức của Giáo hội nhà thật rõ ràng. Giáo hội hải ngoại không thể để chậm thêm một bước nào cả.

Quyết nghị của Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam tại San Jose 27.9.1992 đã nhận ra tính chiến lược của vấn đề qua điều 7 "Đại Hội cũng đồng thanh xác nhận quan niệm Phật Giáo là một thành phần của cộng đồng dân tộc, luôn chủ trương Đạo và Đời đi đôi với nhau". Nghĩa là Đạo Pháp và Dân Tộc là một. Giáo hội đã đặt sự tồn vong của Đạo Pháp trong sự hưng vong của đất nước. Như thế, Giáo hội đã kế thừa một cách trung trinh và sáng tạo truyền thống lý tưởng của Phật Giáo Việt Nam.

"Vai trò lịch sử trong hiện tại" của Phật giáo nằm trong điều 7 của quyết nghị nói trên.

Nhưng, điều đó không có nghĩa là "Tăng sĩ tham gia làm chính trị" như cuộc họp ngày 06.12.92 tại Phật Học Viện Quốc Tế đã quy định.

Và điều đó cũng có nghĩa là Giáo hội phải thúc đẩy, hỗ trợ và cộng tác với các lực lượng quần chúng có cùng lập trường chính trị và thái độ chính trị với Giáo hội. Giáo hội, qua trường kỳ lịch sử, với lập trường và thái độ rõ rệt, đã hướng dẫn quần chúng đấu tranh giải thoát theo phương cách đặc thù của Phật giáo.

Sự phản kháng của Giáo hội quốc nội tại Việt Nam qua các sự việc đã xảy ra như: đệ đơn, kháng thư, xuống đường, biểu tình... kể cả tự thiêu là việc làm rất phải có trong toàn bộ tiến trình. Tinh thần vô úy và bất bạo động cũng là một nét đặc thù... nhưng chưa phải là một việc đủ.

Vì "... những người vi phạm pháp luật (XHCN) làm trái kỷ cương phép nước (của chế độ CS) đều bị xử lý theo pháp luật (XHCN) không ai có quyền can thiệp (Quyết định của Ủy Ban Tôn Giáo Chính Phủ) ... và "Vô Văn Ai, tay chống cộng quyết liệt nhất, Thích Hộ Giác, tay chân CIA chống nhà nước thờ bọ nhất... Vô Văn Ai khai thác tài liệu của ông (HT. Huyền Quang) đưa ra tích cực nhất. Nhưng, các người đó làm gì được đảng?" (lời của Vũ Quang, Trưởng Ban Tôn Giáo Chính Phủ với HT. Huyền Quang trong bản tự thuật 2).

Sự phản kháng của Giáo hội quốc ngoại qua các cuộc biểu tình đệ đơn vận động, phản kháng tại các cuộc họp lớn đã có tác dụng!... nhưng cũng chưa đủ liều lượng để chính quyền cộng sản buông tay trong việc chống phá Giáo hội quốc nội.

"Vị trí lịch sử trong hiện tại" của Phật giáo phải là yếu tố tác động, là nhân tố cho một khởi điểm hoàn toàn mới và hết sức quyết liệt.

Chính khởi điểm đó sẽ tạo nên một hướng đi tốt cho đất nước sau này.

Để bắt đầu một khởi điểm hoàn toàn mới, chúng ta hãy xét lại một số vấn đề.

"Nhâm vận thanh suy vô bố úy
Thanh suy như lộ thảo đầu phố".

Trong phần kết luận bức Thông điệp Vu Lan 93, Hòa Thượng Huyền Quang

đã nêu ra hai câu trên của Vạn Hạnh Thiền Sư. Hai câu này được viết trong bài kệ trước khi Thiền sư viên tịch vào năm 1018, cách nay gần 1000 năm qua. Khi còn sống, ngài có công trong việc giáo hóa Lý Công Uẩn và ngài đã cùng một nhóm triều thần khác, trong đó có ông Đào Cam Mộc, mưu tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, tức Lý Thái Tổ (1010-1028).

Quan niệm Đạo và Đời của tổ sư, quốc sư Vạn Hạnh là như thế. Nếu ngài không trực tiếp ra tay hay tham gia làm chính trị như lời nói của chúng ta thì ra ngài đã thúc đẩy, hỗ trợ và cộng tác với những người biết đặc lợi ích quốc gia và an lạc của người dân lên trên hết.

Và tuy có công và ảnh hưởng lớn với triều đại Lý Thái Tổ, ngài đã không màng danh lợi, đến như tiểu sử về ngài, tên tục là gì cũng không ai biết đến cả. Thật là:

"Xả chi suy thanh việc đời
Thanh suy như hạt sương rơi đầu cành"

Nhưng, ngài đã không màng đến danh lợi chứ không phải ngài không quan tâm đến việc thanh suy. Ngài chỉ không màng đến việc thanh suy khi ngài đã gần viên tịch... chứ khi i ngài và nhóm triều thần mưu tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, chắc chắn ngài phải quyết tâm làm cho sự việc được thành công mỹ mãn.

Chúng ta phải để ý đến việc thanh suy của quốc gia vì nếu đất nước suy thoái, đạo pháp cũng khó có cơ tồn tại.

Trước đây, Phật tử chúng ta và một số các thầy, có lẽ cũng có phần mơ hồ về sự việc vừa nói, nên chúng ta đã chậm trễ, làm mất đi các cơ hội lịch sử quý giá. Lênin, tổ sư của chủ nghĩa cộng sản cũng phải công nhận: "thời gian là người thầy của chiến lược".

Hiện nay, ở quốc nội, Hòa Thượng Huyền Quang đã phát biểu "mặc cho thịnh suy không sợ sệt". Thật là một gương cao cả, đã xả thân vì đại nghĩa, dũng mãnh, vô úy trước bạo lực, cường quyền.

Phật Giáo Việt Nam suốt mấy ngàn năm lịch sử luôn luôn đứng về phía quần chúng bị áp bức, khổ đau để chống đối với cái ác, cái mê lầm, tham lam và tàn bạo, cộng sản Việt Nam chỉ trong vòng 20 năm lãnh đạo miền Bắc, 17 năm lãnh đạo miền Nam đã đưa đất nước này nghèo nàn, lạc hậu lùi xa đến 50-100 năm so với các quốc gia trong vùng Đông Nam Châu Á. Cộng sản Việt Nam đã biến Việt Nam thành một xã hội vô linh hồn và xem thường các giá trị thiêng liêng của dân tộc. Chính quyền CSVN đã lấy danh nghĩa là vì những người dân đau khổ, hồ hào là "lấy dân làm gốc"... nhưng, thực ra người dân cùng khổ trong xã hội đã hưởng được những đặc ân gì dưới một đất nước do những người "vô sản" cầm quyền ? hay thực tế nghèo đói khổ đau vẫn càng ngày thêm khổ đau, nghèo đói?.

Và "... nơi nào có chủ nghĩa cộng sản thì nơi đó trước sau gì rồi tôn giáo cũng bị tiêu diệt!" (Tâm thư của HT. Huyền Quang 24.9.92).

Tuy nhiên, "... làm sao đẹp hết được 70 triệu người Việt Nam tin tưởng vào các đảng thiêng liêng? Hướng chỉ trên 70% người Việt đều thấm nhuần tư tưởng Phật giáo".

Nhưng, nếu "... Đạo Phật tại Việt Nam mà biến mất thì dân tộc Việt Nam còn lại gì?" (Lời phát biểu của ông Hứa Vạn Thọ tại Straßburg 16.9.92).

Do đó, cuộc vận động lịch sử của Phật giáo hiện nay ở Việt Nam, gương hy sinh cao cả của Hòa Thượng Huyền Quang cũng như của các bậc Tăng sĩ và Phật tử, trong nước và ngoài nước không phải chỉ dừng lại nơi 4 nguyện vọng đã nêu trong bức Tâm Thư của HT ngày 24.9.92).

Những người dân Việt ở hải ngoại, không phân biệt thành phần và tôn giáo hãy cùng với Phật giáo siết chặt hàng ngũ, đồng tâm hiệp lực để tạo nên sức phản kháng tối đa, đưa đến việc thay đổi hoàn toàn cục diện hiện nay tại Việt Nam... hoặc ít ra cũng chấm dứt được tình trạng độc đảng tại nước nhà.

Vấn đề ở Việt Nam hiện nay, như vừa nêu trên, là vấn đề chung của mọi người, của tất cả con dân nước Việt. Vấn đề không phải chỉ là riêng Phật giáo, không phải chỉ là đòi nhà nước CS công nhận sự sinh hoạt bình thường của Phật Giáo An Quang.

Mọi người chúng ta nên bình tâm nhìn lại vấn đề của chúng ta, để thấy rõ hơn những gì mà trong quá khứ chúng ta đã không quan tâm hay ít có dịp nghĩ đến, hoặc để ý mà không suy xét đến kỹ càng.

Lịch sử cận đại Việt Nam đã bị những yếu tố ngoại lai ảnh hưởng mạnh đến nỗi hai miền đã trở thành nạn nhân để cho 2 dòng ý thức hệ trên thế giới có nơi để va chạm, xung đột và kinh chống nhau dữ dội trên thực tế đời sống của loài người. Sự ngu muội của những chục năm chiến tranh đó không gây ra do lỗi của mỗi cá nhân. Và sự ngu muội đó lẽ ra phải được chấm dứt sau năm 1975. Nhưng, điều ấy vẫn còn nên sự nghèo đói, đau khổ, bất công và lạc hậu còn tiếp tục ngự trị trên xã hội Việt Nam cho đến ngày hôm nay. Mỗi cá nhân chúng ta không tự gây nên lỗi đó, nhưng chúng ta phải có trách nhiệm chung, trong vấn đề này. Phải chăng vì mỗi con người chúng ta đã quá ích kỷ, thờ ơ, không quan tâm đến việc chung của đất nước (?)... hoặc chúng ta đã không đủ tinh táo, thiếu sự phòng bị, quá tin tưởng chủ quan nơi tinh tự dân tộc sẵn có của mình và của đồng bào mình!... và có thể, đôi khi lại cho rằng lực lượng giải quyết vấn đề của chúng ta là từ phía bên ngoài ?

Hậu quả của những suy nghĩ trên đối với tình hình đất nước đã quá rõ ràng.

Chúng ta đã đề cập ở các phần trên... và bao nhiêu sách, báo đã vạch ra những tai hại đó. Ở đây, chúng ta thêm vào một điều quan trọng khác.

Người dân Việt Nam, ở quốc nội, cho đến giờ phút này vẫn còn chờ một lực lượng quyết định ở bên ngoài. Đôi khi, họ còn cho rằng hề có "ông Tây" "ông Mỹ" nào nhưng tay vớ là xong!... Không trách được họ, bởi vì họ đã quá bần cùng và mệt mỏi. Thêm nữa, chính sách "cánh sát trị" và mạng lưới công an quá dày đặc. Do đó, gần hai chục năm đã trôi qua... và một thế hệ mới trưởng thành ở miền Nam nước Việt. Lớp người này không thấy được những gì cha, ông đã làm trước đây. Họ không thấy được chính quyền đang cai trị họ cũng chỉ là một nạn nhân ngu muội... mà cho rằng là kẻ có công (bởi bộ máy tuyên truyền và nỗi sợ của nhà nước), thành phần chạy ra nước ngoài vào năm 75 và sau này là những người có tội, những kẻ bán nước... là đám người trốn trách nhiệm xây dựng đất nước trong lúc khó khăn (dù có phải là "Việt kiều yêu nước" hay không!...)

Người dân ở hải ngoại, cho đến giờ phút này vẫn chưa có một sự đoàn kết thật sự. Hoặc có, cũng chỉ ở một đôi chỗ nơi xứ người rộng lớn. Không trách được họ, vì cuộc sống mới đầy bon chen tranh đấu và vì khả năng ham muốn, điều kiện thụ hưởng ở những nơi này dồi dào hơn ở quê nhà. Đôi khi, họ cho rằng việc ở nhà phải do những người trong nước chủ động trước. Không ít người còn cho rằng cũng nên có "ông Tây" "ông Mỹ" nhưng tay vào. Một thế hệ mới thanh niên Việt Nam ở hải ngoại trưởng thành. Lớp cha, ông đã già yếu... thêm mặc cảm tội lỗi thất bại. Lớp anh, chú chưa có dịp ngồi lại với nhau. Cũng may là còn có sự sinh hoạt chính trị của một số đảng phái... và lực lượng đáng kể của các tôn giáo. Tuy nhiên, hầu như gần hết lớp người này bị cắt hẳn liên hệ với nguồn gốc cũ.

Tóm lại, trong khoảng năm hay mười năm nữa, nếu tình trạng hiện nay ở Việt Nam vẫn không có gì thay đổi, hai thành phần thanh niên trong và ngoài nước đó sẽ không làm nên được một điều gì khả dĩ, tạo nên sức bật đáng kể, để đất nước ở vào vị trí cát cánh của một quốc gia trên đà phát triển.

Do đó, người dân Việt Nam, trong hay ngoài nước, bất kể ai, nếu là người còn xót xa đến sự trường tồn của dân tộc, đến sự phồn vinh của quốc gia... những người còn hoài bão về một tương lai huy hoàng, rực rỡ của đất nước, còn ước mơ đến một cuộc sống an lạc cho tất cả mọi người dân Việt... tất cả hãy nhân cơ hội này cùng Phật Giáo tạo nên một trang sử mới đầy vinh quang cho dân tộc.

Và Phật Giáo qua cơ hội này, không những kêu gọi sự đoàn kết, sự đóng

góp công sức của tất cả các tầng lớp dân chúng, trong cũng như ngoài nước... mà còn phải nhân lấy vai trò là yếu tố tác động, là nhân tố cho một khởi điểm mới.

Khởi điểm mới cho Việt Nam cứ đâu phải là phải có "ông Tây" "ông Mỹ" giải quyết mới được. Chúng ta không bài ngoại vì chúng ta có thể đi và hướng đi của chúng ta. Chúng ta hợp tác với họ cách đúng nghĩa nhất, chứ không phải là dựa dẫm.

Yếu tố chủ động của Phật Giáo đã sẵn có tại quê nhà, do gương hy sinh cao cả của Hòa Thượng Huyền Quang.

Điểm khởi động của Phật Giáo bảy giờ chính là những công cuộc vận động mà tổ chức Phật Giáo ở hải ngoại nên góp phần nhiều nhất. Những cuộc vận động đó có mục đích đấu tranh đòi hỏi Nhân Quyền và Tín Ngưỡng phải được thực thi tại Việt Nam; nhằm động viên, khuyến khích những cộng tác viên, những đoàn viên Phật tử, những người ủng hộ công cuộc "giải trừ pháp nạn của Phật Giáo" có thái độ dẫn thân tích cực. Phật Giáo cũng sẽ hỗ trợ cho bất cứ ai, phe nhóm nào có cùng thái độ và lập trường chính trị với Phật Giáo, trở về đấu tranh trực diện tại quê nhà. Đấu tranh trực diện tại quê nhà, trong thời kỳ này, không phải là trực tiếp cầm súng mà trực tiếp đòi đầu trong mọi lãnh vực, gây được ảnh hưởng chính trị nhất định, tạo được một đường hướng công chính, nhằm

tiến tới việc cộng tác hòa hiệp giữa mọi thành phần dân tộc, xây dựng cho bằng được một nước Việt Nam phú cường, mọi người dân đều được hưởng một cuộc sống an sinh xã hội tốt đẹp.

Yếu tố chủ động tại quê nhà không một sớm một chiều được hình thành. Điểm khởi động mà chúng ta sẽ gây ra không phải ngày một ngày hai mà thành công được. Bởi thế, Giáo Hội nên có ngay những hỗ trợ cụ thể.

Phật Giáo đã bị chống phá, bức hại từ 1930-1993, đặc biệt bị ngược đãi, phá hoại từ 18 năm qua. Hòa Thượng Huyền Quang, tuổi đã ngoài 70 mà "... suốt 17 năm qua ngục tù đã thay cho thiên thất, chốn lưu đày đã trở thành trụ sở lưu vong". Ngoài ra, còn biết bao Tăng sĩ, Phật tử đã bị tù đày, khổ ải, chết lần mòn tại các nhà tù, trại cải tạo.

Giáo Hội quốc nội "... còn tiếp tục chịu đựng thêm năm, ba năm nữa" nhưng đất nước đã cùng cực, suy vong. Đất nước đã chịu di họa cuộc chiến tranh trước đây ít nhất đã 30 năm qua, chịu những xáo trộn xã hội và văn hóa ít ra cũng đã nửa thế kỷ rồi. Nếu chúng ta còn chậm bước, đất nước làm sao hưng thịnh được. Quốc gia suy vong, chắc đạo pháp cũng không tồn tại.

Trước những hy sinh đó, trước tình trạng đất nước bị băng hoại trầm trọng về đạo đức, xã hội thối nát, suy đồi, chúng ta không thể còn chần chờ được nữa.

(Oslo 06.11.1994)

Những Kẻ GIEO GIÓ GẶT BÃO

▪ Minh Đạo

Chính quyền Cộng sản Việt Nam đã bắt đưa đi biệt tích hai Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ. Việc phải đến đã đến. Đó không phải chỉ là một phân ứng nhất thời mà nằm trong một chính sách căn bản có tính toán kỹ, thực hiện từng giai đoạn và thời gian thích hợp. Đó là chính sách tiêu diệt các tôn giáo. Cách thực hiện có thể thay đổi theo từng giai đoạn với những thủ đoạn khác nhau, lúc thì mềm dẻo, ve vãn, mua chuộc, khi thì cứng rắn, dọa dẫm, đàn áp bằng bạo lực, dựng ra những tổ chức, đoàn thể "quốc doanh" tương tự làm bình phong trước khi thẳng tay tiêu diệt. Đó là việc chính quyền Cộng sản Việt Nam không thể không làm. Một tư tưởng vô thần, một chính quyền độc tài, tàn bạo nhất định không thể chung sống hòa bình, không thể dung nạp được lòng từ bi, bác ái, tinh thần vị tha, hòa bình và bất bạo động của Phật Giáo và các tôn giáo khác. Lòng tham dục quyền hành độc tôn mù quáng sẽ dẫn

đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền của họ vào hỏa ngục của tội ác và bạo lực. Đó là con đường tăm tối và không lối thoát, che phủ bởi tấm màn vô minh, phá tan cơ hội giải quyết các bất đồng bằng thảo luận nghiêm chỉnh với lý trí sáng suốt và tinh thần hòa hợp, hòa giải dân tộc. Đó là thái độ "đóng cửa rút cầu" biểu lộ thái độ quyết tâm tiêu diệt tự do tín ngưỡng của chính quyền cộng sản Việt Nam.

Không phải Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đòi quyền tự do tín ngưỡng cho riêng mình. Đó là một quyền linh thiêng, bất khả xâm phạm, bất khả chuyển nhượng, một phần không thể tách rời của Nhân Quyền. Đó là một quyền tự nhiên, Phật Giáo chỉ yêu cầu chính quyền cộng sản tôn trọng, không phải một thứ ân huệ dâng cộng sản muốn cho ai thì cho. Dân tộc Việt Nam không cần phải ngửa tay ăn xin Nhân Quyền bất cứ đảng phái, cá nhân nào. Không có tự do tín ngưỡng thì các tôn giáo khác

cứng không tồn tại. Phật Giáo không phải là mục tiêu duy nhất của chính quyền cộng sản. Sau Phật Giáo sẽ đến Thiên Chúa Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo ... Tất cả đều là mục tiêu đánh phá, tiêu diệt của chính quyền cộng sản. Các tôn giáo, các lực lượng tranh đấu cho tự do, dân chủ cần nhớ lại bài học "bó đũa": bẻ một chiếc đũa thì dễ, nhưng không thể bẻ gãy cả bó đũa. Không thể có thái độ "cháy nhà hàng xóm, bình chân vại" để mong yên thân, chờ sự thương xót của chính quyền cộng sản. Hãy đoàn kết lại, hỗ trợ lẫn nhau tranh đấu cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền ở Việt Nam trước khi đến lượt mình bị bẻ gãy.

Trước khi lấy một quyết định có tầm ảnh hưởng lớn như vậy chính quyền CSVN chắc hẳn đã tính toán và tin rằng có thể tiêu diệt được Phật Giáo, có thể cách ly, tiêu diệt các tu sĩ bằng các thủ đoạn như bắn, vu cáo, chụp mũ của bọn tay sai ở trong và cả ở ngoài nước, bằng cách treo ảnh Hồ Chí Minh ngay chính điện chùa Vĩnh Nghiêm, đường Công Lý cũ, để sỉ nhục Phật Giáo như họ đã từng làm. Họ có thể láo xược gán lý do "thất tình" cho các tu sĩ, Phật tử tự thiêu phản đối như Trần Lệ Xuân đã từng láo xược gán cho Hòa Thượng Thích Quảng Đức là "nướng người", là "bị dẫn thuốc mê khiêng đi, bị đổ xăng đốt" ... như một cuốn sách viết ở Mỹ mấy tháng trước nhằm mục đích bôi bẩn đời tư, hạ uy tín của tất cả các vị lãnh đạo Phật Giáo từ xưa đến nay bằng các tài liệu giả mạo, chuyện kể cung cấp từ trong nước, coi Phật Giáo chỉ là tôn giáo của một thiểu số ít học, dốt nát, mê tín và lạc hậu. Và bằng lối viết hàng đôi, mờ mờ ảo ảo, tác giả ám chỉ ngay cả cuộc tranh đấu cho tự do tín ngưỡng của Hòa Thượng Huyền Quang và Giáo Hội Phật Giáo trong nước cũng do chính quyền cộng sản dàn dựng, giật dây...

Nhưng Phật Giáo không phải chỉ là chùa chiền, Tăng, Ni, Phật tử qua cách nhìn thiên cận và ngu xuẩn của họ mà họ có thể đốt phá, có thể bắt giết, có thể thiêu hủy kinh sách. Tinh thần và sức mạnh của Phật Giáo không phải chỉ do những cái hữu hình, vô thường ấy mà ở tinh thần Bi - Trí - Dũng - Hòa Bình và Bất Bạo Động của Nhà Phật. Ngay cả cái xác phàm của Tăng, Ni, Phật tử cũng chỉ là giả tướng, có thể còn, mất, có thể bị bắt bớ giam cầm, giết hại. Còn cái Chân Như Thường Hằng thì không thể bị gõ, trói, hành hạ, không thể tiêu diệt được.

Chính quyền cộng sản Việt Nam có thể cho công an rình mò đếm số người ra vào các chùa, truy lục các bản khai lý lịch, phần tôn giáo, với công an của người dân như chính quyền Ngô Đình Diệm đã từng làm để tự dối mình rằng Phật Giáo chỉ chiếm một số nhỏ trong dân Việt để yên tâm ngồi vững mãi

trên ngai vàng độc tôn sau những cuộc tấn công chùa chiền, đốt phá kinh sách, bó tù, giết hại Tăng, Ni, Phật tử, cho đến khi bị quật đổ, nhận chìm vĩnh viễn bởi những đợt sóng ngầm cuộn cuộn. Sức mạnh của Phật Giáo không nổi ở bề mặt mà tiềm tàng, sâu đậm trong lịch sử và văn hóa dân tộc qua hàng ngàn năm, cùng chìm nổi với thịnh suy, chia xẻ, chịu đựng những khổ đau và cũng góp phần vào những vinh quang của dân tộc. Dân tộc tính mà người Việt Nam còn giữ gìn và thể hiện qua lối sống hàng ngày, lối cảm nghĩ, phong cách cư xử trong gia đình và xã hội được hình thành không phải chỉ từ ngày ông Hồ Chí Minh khốc nặc lên vì được đọc bản đề cương của Lê-Nin rồi rước về giày má tổ, mà do sự hòa đồng, chung sống bình yên với nhau của các tôn giáo, trong đó Phật Giáo đã góp phần quan trọng nhất và đã trở thành bất khả phân của văn hóa dân tộc nên sẽ cùng dân tộc trường tồn bất diệt. Sự cuồng tín, tham vọng, độc tôn, kỳ thị tôn giáo, dân tộc là rất xa lạ với người Việt nên dân tộc Việt Nam rất dị ứng với các tư tưởng, lối sống ngoại lai vong bản, nếu không được chất lọc, sửa đổi sao cho thích hợp với bản sắc của mình. Nhờ vậy mà dân tộc Việt Nam đã có thể tồn tại sau hàng ngàn năm bị đô hộ, đồng hóa bởi nước Tàu và hơn trăm năm đô hộ, đồng hóa của người Pháp. Một số nhỏ người giáo điều, cuồng tín và những kẻ đồng lõa, dù núp dưới bất cứ hình thức, danh nghĩa nào, theo đuổi bất cứ thế lực ngoại bang nào để tiêu diệt các tôn giáo, để được mai mãi độc tôn, nhất định sẽ rước lấy thảm bại.

Tần Thủy Hoàng phá trường, đốt sách, chôn học trò để tiêu diệt Nho Giáo, dùng pháp trị tàn bạo để bức bách, kiềm chế lòng người, xây Vạn Lý


Trường Thành cầu "vạn thọ vô cương". Nhà Tần cũng chỉ kéo dài được có hai đời, vài chục năm, và hai nghìn năm sau Nho Giáo vẫn tồn tại và nhà Tần vẫn còn bị kết tội. Ngô Đình Diệm và gia đình đã vững tin vào lòng trung thành và sự cuồng tín của các Lực Lượng Đặc Biệt vô trang hùng hậu, được nuôi dưỡng bằng mọi đặc quyền đặc lợi, đã tin tưởng vào các tướng lãnh "con cháu", lấy tôn giáo làm tiêu chuẩn trong việc tin dùng người, tưởng rằng sau hàng hàng lớp lớp kềm gai, lính tráng vấy bọ là bất khả xâm phạm, nên đã không ngần ngại tấn công chùa chiền, bách hại Tăng, Ni, Phật tử, cuối cùng, thân chết thảm, triều đại nhà Ngô tiêu vong trong cảnh hừng hờ của tay chân bộ hạ và sự lạnh nhạt của đồng bào.

Có thể còn phải kể ra rất nhiều thí dụ trong lịch sử về những kẻ "gieo gió gặt bão" để may ra làm người bớt những cái đầu nóng bỏng vì cuồng tín, mù quáng vì lòng tham muốn độc tôn của các nhà lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay ở Việt Nam khiến họ kịp tỉnh táo trở lại trước khi đã quá muộn.

Tinh thần Vô Úy, triết lý Hòa Bình và Bất Bạo Động của nhà Phật không thể bị đại diệt, nông cạn hiểu lầm là nhu nhược, thụ động, là yếm thế, cầu an, thờ ơ trước cảnh lầm than, đói khổ của đồng bào, để mặc cho một nhóm nhỏ người mặc sức múa gậy vuơn hoang, cấu kết bè phái mặc sức tham nhũng ăn chơi trụy lạc trên xương máu và mồ hôi nước mắt của đồng bào lương thiện.

Muốn không bị bão quật đổ thì đừng gieo gió. Không sợ bị vỡ bờ thì đừng làm tức nước!

(Paris, 26.01.1995)



Thương
Tiếc

THƠ: TĐHD

*Nghĩa trọng, tình thâm, dẫu tiếc thương,
Khóc than cũng chỉ chuyện tình thường.
Đã biết hồng trần là cõi tạm,
Nhưng làm sao khỏi chút vấn vương!*

*Thôi nhé, từ nay vĩnh biệt nhau,
Người về đất Phật hết lo sầu,
Nơi đây cháu vẫn thường tưởng nhớ,
Đốt nén hương lòng sưởi ấm nhau.*

(để tưởng niệm thiêm P.L.V - một người đã từng thương yêu, lo lắng cho tôi)

*Thiêm hơi bây giờ ở mãi đâu?
Đêm nay nức nở, cháu nguyện cầu
Một điểm linh quang về xứ Phật,
Thanh nhàn, tự tại đến ngàn sau...*

*Đã xuống trần gian mấy chục năm,
Đường tu có lắm chuyện thẳng
trăm.
Giờ đây phiêu lãng miền tiên cảnh,
Gởi mấy tình theo chốn xa xăm?*

NGÀI ĐÃ ĐẾN,

mang lại nụ cười

đó là ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

. Thích Như Điển

Viết về Ngài đã có nhiều sách vở đã viết, bằng đủ mọi thứ tiếng, kể cả ngôn ngữ tiếng Việt. Trong đó nhà văn Nguyễn Phong ở Canada chuyển ngữ hai quyển bằng tiếng Anh "my land and my People", Nước Tôi và Dân Tôi. Cũng như quyển "Freedom in Exil", Tự Do Trong Lưu Đày. Nguyễn Phong đã dịch xuất thân và mọi người đọc những quyển sách này, ai cũng muốn tìm hiểu sâu hơn nữa về bậc Thánh Tăng ấy.

Cách đây khoảng 7 năm, Ngài đã đến Hamburg, một thành phố lớn thuộc miền Bắc xứ Đức, có hơn 3 triệu dân cư ngụ. Nơi đó người Việt Nam mình sinh sống cũng đông và nơi đó có một Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng, do vị Đại Sư Geshe Thubten Ngawang hướng dẫn tinh thần. Đa số là những người Đức theo học Phật và cũng đã có nhiều người xuất gia mặc áo hoại sắc theo Tây Tạng.

Cúng vì nơi đây có Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng nên họ đã tổ chức một buổi giảng công cộng cho Ngài và chúng tôi, Tăng Ni Việt Nam tại Đức đã được mời đến dự. Lúc ấy Ngài giảng ở một Hội Trường lớn của Đại Học Hamburg. Hội Trường chứa chừng 4 đến 5 ngàn người. Đầu tiên Ngài làm lễ theo truyền thống Tây Tạng, sau đó thuyết pháp. Sau 2 giờ, nghỉ giải lao để dùng trưa. Buổi chiều tiếp tục thuyết giảng. Trong suốt 5 giờ đồng hồ nghe giảng, cả Hội Trường 4 - 5 ngàn người đã chú tâm thành kính, không có một tiếng động, làm cho tôi có một suy nghĩ, một ấn tượng sâu đậm về bậc giác ngộ này.

Hôm ấy, vào lúc nghỉ trưa chúng tôi chỉ được phép chào Ngài và Ngài đưa tay cho bắt thế thôi. Khi xong buổi thuyết pháp, về lại chùa, tôi đã kể lại chuyện này cho bao nhiêu Phật Tử nghe và có người bảo tại sao Thầy không mời Ngài về Chùa mình giảng.

Lúc ấy nghe để mà nghe vậy thôi, chứ làm sao trả lời được câu hỏi ấy. Vì lễ Chùa Viên Giác còn bé nhỏ quá, và vị trí của tôi lúc bấy giờ chưa xứng đáng để cung thỉnh Ngài về Hannover, nên tôi đã nói rằng: "chắc chắn một ngày nào đó Ngài sẽ đến Hannover, nhất là lúc mà chùa mới của mình đã được xây xong". Mà quả thật như thế, Chùa Viên Giác thật sự hoàn thành vào cuối năm 1994, thì năm nay 1995 chúng ta, Phật Tử Việt Nam tại Đức lại có duyên may để cung đón Ngài. Đây là câu chuyện.

Vào giữa tháng 3 năm 1995, ông Helmut Hanefeld người Phật Tử Đức đã ở Chùa Viên Giác hơn 2 năm, có thưa với tôi rằng:

- Bà Iris Heiß, đại diện tổ chức thân hữu Đức - Tây Tạng muốn gặp tôi để bàn về việc Đức Đạt Lai Lạt Ma nhân chuyến công du tại Koeln vào ngày 8 tháng 5 năm 1995 sắp tới, có ý tới thăm Chùa Việt Nam tại Hannover và Thầy nên cố gắng dàn xếp một cuộc họp nhỏ với ông Galtag, đại diện ngoại giao của Tây Tạng tại Thụy Sĩ, cũng sẽ đến Hannover để bàn về việc ấy"

Đó là khởi đầu của công việc này.

Sau khi đi Indonesia về vào ngày 31 tháng 3 năm 1995 (xin đọc thêm bài "Một Chuyến Đi Vợ" đăng trong Viên Giác số 87 xuất bản tháng 6 năm 1995 để hiểu thêm). Ngay trưa hôm đó tôi đã tiếp ông Galtag, bà Iris Heiß và có cả ông Helmut Hanefeld tại phòng họp của Chùa Viên Giác. Trên

nguyên tắc, chúng tôi đã đồng ý việc cung đón Ngài đến Chùa Viên Giác tại Hannover, sau những nguyên tắc nghi lễ và ngoại giao đã được thông qua.

Trong dãy nhà Tây của Chùa Viên Giác, tôi có cho một Hội Phật Giáo Đức theo Tây Tạng có tên là "Choeling" một phòng lớn để làm chỗ lễ bái và tọa thiền. Hội "Choeling" cũng nhân cơ hội đó có ngộ ý rằng sẽ hợp tác chung trong việc tổ chức đón rước ấy. Thế là chúng tôi đã đi đến một điểm chung là phải họp nhau lại để bàn bạc các chi tiết.

Một ngày giữa tháng 4 năm 1995, ba tổ chức đã họp lại để bàn bạc về việc đón tiếp Ngài. Đó là Chùa Viên Giác, Hội Phật Giáo Tây Tạng "Choeling" và Hội thân hữu Đức - Tây Tạng.

Chúng tôi ban đầu bàn và đã thống nhất với nhau là Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tiếp các chính trị gia và đại diện 2 Tôn Giáo lớn Tin Lành và Thiên Chúa Giáo tại Chùa Viên Giác. Sau đó Ngài sẽ giảng pháp cho các Phật Tử nghe và về lại Koeln.

Hội Phật Giáo thân hữu Đức - Tây Tạng sẽ lo liên lạc với các chính trị gia của Đức. Phần mời đại diện các Tôn Giáo do Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Đức và Hội "Choeling" đảm nhận. Về vấn đề hình thức tiếp đón như thế nào, sẽ họp thêm một phiên họp chi tiết nữa.

Sau khi đi họp tại Chùa Viên Giác về, bà Iris Heiß vui mừng quá nên loan báo liền với các báo chí tại Hannover về tin tức trên. Do đó vào sáng ngày hôm sau 17.4.1995 đã thấy báo Hannoversche Allgemeine Zeitung loan tin ở trang đầu là: "Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ đến Chùa Viên Giác vào ngày 7 tháng 5 năm 1995". Sau đó có không biết bao nhiêu cú điện thoại hỏi về việc đến của Ngài. Chúng tôi lo lắng và phải tiên liệu cho những vấn đề khác nữa, nên cũng chưa giải thích được gì.

Đùng một cái, được điện thoại từ Thụy Sĩ của ông Galtag gọi sang là máy bay của Ngài đã đổi lộ trình, nên không còn đến Hannover được nữa. Tôi nghe như sét đánh vào đầu mình và có một cảm tưởng chán chường lại đến trong một trạng thái chẳng vui về tí nào cả. Tất cả đều buông xả ...

Xem như việc đã định vào ngày 7 tháng 5 năm 1995 Ngài không đến được nữa thì phải nhờ báo chí loan tin là Ngài không đến! Chuyện ấy cũng không sao; nhưng thấy như có cái gì không ổn. Chúng tôi yên chí làm việc ấy. Cách đó một ngày sau, chúng tôi lại nhận được điện thoại của ông Galtag báo tin rằng Ngài có thể đến như dự định vào ngày 7.5.95. Tôi lại càng uể oải hơn nữa để phải trả lời cho ông rằng: Tại sao nói đến rồi không đến, không đến rồi đến? Chúng tôi chẳng biết phải làm sao cả.

Sau đó tôi có hỏi ý kiến của 2 tổ chức kia, họ đều đồng ý rằng: Thôi để lúc khác tiếp đón cũng không sao.

Sau khi Ngài ở Koeln về Ấn Độ, chúng tôi được biết là Quốc Hội Đức đã đồng ý tiếp kiến Ngài tại Bonn vào ngày 19.6.1995 để Ngài điều trần về vấn đề vi phạm nhân quyền của Trung Cộng tại Tây Tạng và lần này chắc chắn Ngài sẽ đến Hannover.

Khi nghe được tin ấy tôi vẫn vui; nhưng cũng phải họp hết lại 3 tổ chức một lần nữa vào ngày 20.5.1995 để quyết định có nên tổ chức hay không? Tất cả đều lệ thuộc vào tôi. Riêng ông Helmut Hanefeld thì từ chối không thể tiếp tục làm việc này trong trạng thái căng thẳng nữa. Nghĩa là giờ

giác quy định quá cận, ông ta không thể làm tiếp được. Và sau này việc ấy giao lại cho bà Iris Heiß và Frank Salzubecker lo liệu.

Sau đó tôi liên lạc với ông Galtag xác nhận là chúng tôi sẽ tổ chức cho Ngài thăm viếng Hannover và nói chuyện tại đây vào ngày 18 tháng 6 năm 1995.

Mọi hình thức giống như trước, không có gì thay đổi. Nhưng bây giờ, lần này Ngài có nhiều thì giờ hơn, Ngài có thể ghé Tòa Thị Sảnh Hannover để ký vào sổ vàng lưu niệm cũng như gặp các chính trị gia tại đó; nên khỏi phải mời họ về Chùa.

Tôi đã phải hỏi đi hỏi lại ông Galtag nhiều lần là việc ấy đã chính xác chưa? Nếu lần này mà thất hứa với bà con Phật Tử Việt Nam cũng như Đức nữa, quả là điều khó ăn khó nói vô cùng. Người lớn, đâu bất cứ hoàn cảnh nào, họ cũng có quyền thay đổi; nhưng đám bầy dân thiên hạ ở dưới thì cực khổ trăm điều. Chúng tôi cũng mong rằng việc này sẽ xong suốt và lần này chắc chắn phải tổ chức. Nếu không, cơ hội thứ hai sẽ khó đến một lần nữa. Mặc dầu thời gian đã quá cận kề.

Theo ý kiến của bà Iris Heiß thì nên tổ chức tại một rạp lớn để đón nhận nhiều người Đức đến nghe thuyết giảng hơn. Tôi có đưa ra 2 lý do để bác bỏ việc ấy:

- Một là - với tôi, một Tăng sĩ, đi đến bất cứ một nơi nào đó trên thế giới này. Nếu chỗ nào chưa có chùa, tôi đồng ý sẽ ra rạp tụng kinh, làm lễ và giảng pháp. Ngược lại, nơi đó đã có chùa chiền và nhất là khang trang như chùa mình thì tôi thích giảng ở chùa hơn.

- Hai là - lần trước chúng ta cũng chỉ có ý định tổ chức ở chùa chứ không tổ chức ở rạp hát.

Qua 2 lý do đã nêu ra, mọi người đã thuận và sau đó những vấn đề như an ninh, nghi lễ tiếp rước v.v... đã được đặt ra.

Nhân ngày lễ Phật Đản từ 18 đến 20 tháng 5 năm 1995 do Chùa Viên Giác tổ chức để mừng Đản Sinh lần thứ 2539 của Đức Phật, tôi đã thông báo bằng miệng cho mọi người tham dự lễ hôm đó về tin trên rằng:

- Chắc chắn lần này Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ đến thăm Chùa Viên Giác chúng ta vào ngày 18.6.1995.

Sau đó tôi phải dời chuyến bay đi Canada thay vì 12.6 như đã định, mà đến ngày 19.6.95 tôi mới đến được Montréal.

Nhân bữa dùng sáng, tôi có đưa ra ý kiến này với quý Thầy quý Cô trong Chi Bộ về việc thăm viếng của Ngài và nhờ mỗi Chùa nấu 2 món để cúng dường Ngài cũng như phái đoàn và đại diện các Tôn Giáo.

"Cái gì đến, nó sẽ đến". Đó là câu nói tự ngàn xưa và bây giờ vẫn còn có giá trị thực tiễn lắm.

Và đây là chương trình của Ngài khi đến Hannover:

- 7 giờ 10 phút, Ngài đến phi trường Frankfurt. Ngài nghỉ ở phòng VIP (Very Important Person) tại phi trường.

- Đến 9 giờ 10 phút, Ngài và phái đoàn lấy phi cơ Lufthansa đi Hannover.

- Đến Hannover vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 18 tháng 6 năm 1995. Ngài sẽ được bà Bộ Trưởng Tư Pháp của Tiểu Bang Niedersachsen đón về Tòa Thị Chính để ký vào sổ vàng lưu niệm và gặp gỡ các chính trị gia của Đức tại đó.

- Đến 11 giờ 45, Ngài rời Tòa Thị Chính về Chùa Viên Giác.

- Đúng 12 giờ trưa, chính tôi và chư Tăng Ni cùng Phật Tử thân hành đón tiếp Ngài tại cổng chùa, đưa Ngài vào Chánh điện, sau đó đến phòng Tổ và về phòng VIP của chùa để Ngài nghỉ ngơi. Sau đó dùng cơm trưa với đại diện của các Tôn Giáo tại phòng hội họp.

- 13 giờ 30, Ngài về phòng nghỉ.

- 13 giờ 45, Ngài làm lễ quán đảnh cho Hội Phật Giáo Tây Tạng "Choeling" trên lầu 3 của Tây Đường.

- Đúng 14 giờ, Ngài sẽ xuống Chánh điện Chùa Viên Giác. Nơi đó Ngài sẽ giảng về Tứ Diệu Đế, Quy y Tam Bảo và phát bồ đề tâm.

- Đến 16 giờ, Ngài sẽ rời Chùa và đi Bonn bằng xe hơi.

Đó là chương trình tổng quát. Sau đó, chúng tôi in ra 604 vé vào cửa nơi Chánh điện để có thể vào nghe Ngài thuyết giảng. Vì Chánh điện chỉ có thể dung chứa với số người tối đa như thế mà thôi. Trong 604 vé ấy phải chia cho 2 Hội Phật Giáo Đức 120 vé. Số còn lại, Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Đức gửi về các Chi Hội và các chùa tại các địa phương, mỗi nơi từ 10 đến 30 vé, tùy theo nhu cầu từng nơi.

Có nơi về 50 người nhưng chỉ có 20 vé. Vì ai cũng muốn vào Chánh điện để diện kiến Ngài. Nhưng rồi chuyện đâu cũng vào đấy. Người nào không có vé vẫn được xem trực tiếp truyền hình dưới Hội Trường của Chùa cũng như tại nhà Tổ.

Tôi lo liên lạc với bãi đậu xe của *MesseGalaende*.

Frank lo liên lạc với Cảnh sát địa phương về vấn đề an ninh và trật tự.

Bà Iris Heiß lo liên lạc với chính quyền.

Peter Hollig lo nội bộ của tổ chức v.v... và v.v...

Từ chiều thứ sáu ngày 16 tháng 6 năm 1995 và ngay cả trước đó một tuần đã có nhiều Phật Tử về chùa làm công quả. Kê nấu bánh, người lau chùi, kê dọn dẹp, người trang hoàng. Một khung cảnh của ngày hội đã từng bùng khai mở.

Hiên, một Phật Tử đã tận tụy lau những bộ ghế cần xa cũ và những bộ ghế cắm lai một cách kỹ lưỡng, láng bóng để cung đón Ngài. Các anh em công quả khác trong chùa cũng đã làm hết phận sự của mình.

Theo chương trình đã định sẵn, Hạnh Tấn, Peter, bà Iris Heiß, ông Phunksok, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Choeling đã đi tới phi trường Hannover để cung đón Đức Đạt Lai Lạt Ma vào lúc 10 giờ 15 phút.

Ở chùa vào lúc 10 giờ sáng, mọi người đã phải ra hết bên ngoài, để cho Cảnh sát an ninh đem chó vào tất cả mọi phòng ốc để kiểm tra có an toàn không. Cổng chùa cũng được đóng lại tất cả và mọi người đi vào chùa đều được kiểm soát bằng "máy rà" tự động để kiểm soát chặt chẽ về vấn đề an ninh.

Trước đó 2 tuần, tôi có gặp Thượng Tọa Thích Minh Tâm tại Na Uy nhân lễ an vị Phật chùa Khuông Việt, có ý mượn mấy cái "máy rà" để làm việc kiểm tra ấy. Vì trước đây chừng 5 tháng, Thượng Tọa cũng đã tổ chức một buổi nói chuyện cho Đức Đạt Lai Lạt Ma với Hội Phật Giáo Tây Tạng tại rạp Maubert ở Paris. Vé vào cửa 70FF cho một người. Lúc ấy có nhiều người Phật Tử Việt Nam bảo rằng: "Đi nghe thuyết pháp tại sao phải mua vé?". Cho đến khi vé phòng A bán đã hết, qua đến phòng B bán gần hết khoảng 4.000 chỗ ngồi, thì người Việt Nam mình mới hỏi mua. Lúc ấy chỗ tốt không còn nữa, họ cũng than phiền. Đến khi vào cửa. Vì vấn đề an ninh, bị soát vé và qua hệ thống máy rà, mấy người Việt Nam mình lại than phiền lần nữa. Tại sao đi nghe thuyết pháp phải bị rà?

Ai cũng phải tự biết rằng Ngài là cái gai nhức nhối trong vết thương của Trung Cộng khi chiếm Tây Tạng, nên Trung Cộng tìm đủ mọi cách để hạ uy tín của Ngài, nên bằng mọi thủ đoạn, Trung Cộng có thể làm được. Còn chúng ta, bằng mọi giá chúng ta phải bảo vệ Ngài. Ngài không những chỉ là một Thánh Tăng, mà Ngài còn là một bậc Quốc Vương của quốc gia Tây Tạng nữa. Tuy dân số chỉ có 6 triệu người; nhưng diện tích của Tây Tạng, bị Trung Cộng chiếm đóng lớn gấp mấy chục lần nước Việt Nam của chúng ta. Nên việc bảo vệ Ngài là điều hiển nhiên.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 18.6.95, tôi cũng phải ra khỏi cổng chùa để cho nhân viên an ninh kiểm soát. Sau đó tôi có gặp Ngài Geshe Thuben Ngawang đến từ Hamburg với 1 Ngài Geshe nữa người Tây Tạng và 4 Tu sĩ Đức tu theo Tây Tạng đang ở chung với Ngài. Chúng tôi chào hỏi và chờ đợi. Có người ra báo cho tôi biết là an ninh bảo phải dọn cái ghế

trong phòng hội họp của Ngài ngay vào giữa bức tường, không nên để ghế ngay giữa cửa sổ. Tuy có sáng sửa đó; nhưng thiếu an toàn. Đúng là chuyên môn. Nếu không làm an ninh, làm sao hiểu được điều đó. Những vị lớn của các quốc gia, đều có những an ninh nghiêm cứu về vấn đề đó cả.

Khoảng 11 giờ 30 mọi hàng ngũ đã được chuẩn bị chỉnh tề như sau:

Từ ngoài ngõ đi vào hai bên có Tầng Ni đứng nghinh đón, sau đó là các thiếu nữ trong Gia Đình Phật Tử mặc đồng phục áo dài màu lam, trên tay mang đĩa đựng hoa để rải cúng dường Ngài, đứng dọc lên tới tượng Đức A Di Đà, nơi đó Hòa Thượng Thích Thiên Định, Viện chủ chùa Pháp Hoa tại Marseille và Cố vấn Tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu chờ đón Ngài. Bên cạnh đó một thiếu nữ mang bó hoa đứng chờ. Trong khi tôi đứng sát cổng trước để cung đón Ngài.

Gia Đình Phật Tử lo vấn đề bê và tích tượng, chuông trống bát nhã cũng như làm hàng rào danh dự thẳng tắp từ ngõ vào Chánh điện, từ Chánh điện vào hậu Tổ và từ hậu Tổ vào Tầng phòng VIP của chùa. Kế đó mỗi một cửa ra vào của chùa đều có hai em trong Gia Đình Phật Tử đứng lo vấn đề an ninh. Ngoài ra an ninh chìm nổi của Đức và Tây Tạng đều có mặt mọi nơi tại chùa. Phải thành thật mà nói rằng, lần này các anh chị em trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức đã làm việc hết mình, có tinh thần trách nhiệm rất cao độ, tuyệt đối, rất đáng tán dương và khích lệ.

Đúng 12 giờ trưa, các chiếc xe Cảnh sát mở đường, với đèn chớp đi trước, sau đó chiếc xe Audi màu xám đã trở tới trước đường Karlsruhe. Tôi trong trạng thái cung kính chấp hai tay lại và chuẩn bị trao hoa cho Ngài. Một vài người Đức đứng bên cạnh chuẩn bị cung đón Ngài với hai hàng nước mắt rưng rưng vì cảm động. Có người đã trao cho tôi một dải lụa trắng, mà theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, nếu được Ngài choàng lên cổ cho, là một dấu hiệu an lành. Tôi quay nhìn lại thấy Hòa Thượng Thích Minh Lễ đến từ Paris trong tay cũng có dải lụa trắng ấy và quý Thầy, quý Cô, quý chú, ngay cả quý vị sư Tây Tạng và Đức đến từ Hamburg cũng đã chuẩn bị những dải lụa trắng sẵn sàng rồi. Tôi đỡ lấy một khăn trắng từ tay một người Đức và để chông lên trên bó hoa, khi một thiếu nữ Gia Đình Phật Tử đã quý xuống và tôi đã dâng bó hoa lên Ngài cùng dải lụa trắng, sau khi ông Galtag đại diện Bộ Ngoại Giao của Tây Tạng ở Thụy Sĩ giới thiệu tôi cho Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tôi cứ ngỡ rằng dải khăn trắng tôi vừa trao lên tay Ngài, Ngài sẽ choàng lên cổ tôi như tục lệ Tây Tạng; nhưng ở đây thì không, Ngài đã tự lấy dải lụa trắng ấy choàng lên cổ Ngài. Sau này tôi mới phát hiện ra trên một hình màu của tờ báo Neue Presse đã đi tin vào ngày 19.6.95 như vậy. Ngay lúc đó tôi lại không để ý đến điều đó. Tôi cúi đầu thật sát và Ngài đã đem đầu Ngài cung vào đầu tôi, đưa tay cho tôi bắt và một điều ngạc nhiên vô cùng, khi tôi muốn thì lễ càng sâu chừng nào để tỏ ra sự kính trọng của mình, thì Ngài càng cúi sâu xuống chừng đó. Quả thật thế gian này hiếm có những con người thật người như thế.

Ngài vẫy tay chào mọi người, Ngài cười, Ngài dang tay rộng ra và áp sát vào đầu vào cổ, vào tay mọi người thân hình của Ngài để cho mọi người được hưởng phước lây. Trong khi mặt mày của mấy ông giữ an ninh thì xám ngắt. Vì quần chúng bao vây đông nghẹt. Nhưng Ngài vẫn cười, vẫn bắt tay và vẫn tiến tới. Khi đến cầu thang, chuông trống bát nhã đã vang lên để cung đón Ngài, trong khi đó các nhiếp ảnh gia, phóng viên truyền thanh, truyền hình làm việc không ngừng tay.

Thầy Từ Trí đi sau mang lọng che Ngài. Đi phía trước có 3 chú Hạnh An, Hạnh Từ và Hạnh Vân, đánh khánh, mang mâm hương đèn cũng như mâm trầm đi trước cùng với 6 em bánh trai trong các Gia Đình Phật Tử tay mang găng màu

trắng với các bê, tích tượng nặng trĩu cả tấm lòng để cung đón Ngài.

Ngài lên tới sân thượng, thay vì đi thẳng để gặp Hòa Thượng Thích Thiên Định, Ngài lại đi qua phía bên trái "balkon" để vẫy tay chào các Phật Tử ở phía dưới, mọi người quá cảm động, có người đã khóc nức nở vì quá sung sướng đã gặp được một vị Phật sống rồi.

Khi Ngài đến tam cấp lên Chánh điện, Hòa Thượng Thích Thiên Định đã trao cho Ngài một bó hoa, đoạn Ngài tiến sát đến Hòa Thượng và cung đầu vào nhau. Một cú chỉ rất thân mật, như đã gặp nhau từ mấy độ luân hồi.

Đoạn Ngài ngẩng mặt lên nhìn tôn dung của Đức Phật A Di Đà và Ngài đã cung đầu mình xuống tòa sen nơi Đức Phật A Di Đà đang đứng đó. Tâm tôi xao xuyên lạ lùng. Hành động của một vị Thánh Tăng làm cho mình phải cảm động. Ngài từ tốn quá, Ngài cao siêu quá; nhưng Ngài cũng rất bình thường quá. Bàn chân của Ngài khi chạm vào thảm, Ngài đã lo cúi bô giày lại liền. Có một người hộ vệ lo cho Ngài việc này.

Chuông trống vẫn vang rền nơi Chánh điện, các đèn pha quay phim của anh Phạm Cường, anh Bình, anh Chinh đã rọi thẳng vào mọi người, nóng bỏng. Ngài và Hòa Thượng Thích Thiên Định tiến vào Đại điện, trong khi quan khách hai Tôn Giáo đã đứng chờ sẵn hai bên hông của Chánh điện. Ngài nhìn lên cao thấy chiếc Ngai vàng và chư Phật, đoạn Ngài đánh lễ 3 lạy. Hòa Thượng Thích Thiên Định cũng thi lễ với Ngài.

Chiếc Ngai này do anh Dũng, thợ mộc, ở Hildesheim đóng một bệ lớn và 1 tam cấp. Trên bệ đó Sư cô Thích Nữ Diệu Ân đã bỏ rất nhiều công sức để kết các hạt cườm màu trắng, may thành nhiều nếp trên vải nỉ màu nâu, rất trang trọng và đẹp đẽ. Phía trước Sư cô cho cắm những bông hoa cúc hoa hồng, hòa lẫn với các cây thông và bạch dương, trông như một vườn hoa nhỏ nhỏ xinh xinh, nhiều màu, nhiều sắc. Trên Ngai này đặt một chiếc Ngai chạm trổ tinh vi gồm "Ngũ Long Tranh Châu". Ghế này phải 4 người khiêng mới nổi. Trên Ngai ấy có để hai gối nệm và một tấm cứu phẩm liên hoa trải dài suốt từ thành ghế bên trên, xuống dưới chân ghế, dài độ chừng 2 thước. Hoa sen màu hồng, lá màu xanh, thêu nổi trên nền vàng và 4 phía được kết chung với màu vải nâu, rất hợp mắt. Trông như Ngai vàng của các Chư Thượng ngày xưa cũng chưa chắc bằng và ngày nay, hôm nay đây đã ngự trị nơi Chùa Viên Giác để một bậc Quốc Vương vừa là một Thánh Tăng an tọa trong chốc lát nữa đây.

Ngài và chư Tăng Ni đứng xoay mặt về hướng trước, sau đó Đại diện các Tôn Giáo bạn đến bắt tay chào Ngài và chụp hình lưu niệm chung. Đây cũng là cơ hội cho các phóng viên làm việc. Vì họ không được phép đi sâu vào bên trong Đại điện nhiều hơn nữa.

Sau đó bê tích, khánh được hướng dẫn Ngài tiếp tục đến Tổ Sư đường. Ngài hỏi tôi phòng này là phòng gì? và long vị ở giữa thờ ai vậy?

Tôi trả lời rằng:

- Đó là long vị của Tổ Lâm Tế và Ngài không nhất thiết phải thi lễ nơi đây.

Tôi nói lời ấy trong khi Ngài chuẩn bị thi lễ. Bởi lẽ một bậc Thánh Tăng không nhất thiết phải làm điều đó. Vì Ngài là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, và bên trên bàn thờ Tổ đó vẫn còn hình ảnh những vị phạm Tăng.

Tôi tiếp tục hướng dẫn Ngài về Tầng phòng VIP của chùa. Lúc này chỉ còn Ngài, một Thị giả của Ngài, Hòa Thượng Thích Thiên Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ, tôi và một vài cận sự của Ngài vào đây.

Tôi đưa tay mời Ngài ngồi vào ghế bành thật lớn cho xứng đáng với vị trí của Ngài; nhưng Ngài chỉ về 1 trong 4 ghế nhỏ hơn kê đối diện và Ngài đòi ngồi vào đó. Tôi và Hòa Thượng có ý khẩn khoản mời Ngài ngồi ghế lớn bên này. Đoạn Ngài cười và tôi hỏi:

- Xin lỗi Ngài có muốn dùng nước gì không?

Ngài trả lời:

"No"

Nhưng Hòa Thượng Thiện Định một mặt sai người đi lấy nước, mặt khác Hòa Thượng tự tay lấy chai nước suối gần đó để rót một ly và mời Ngài.

Ngài đã ngậm hai ngụm, rồi cười. Tiếp theo đó Ngài hỏi rằng:

Trong tu viện này có bao nhiêu Tu sĩ?

Tôi trả lời:

- Có 10 người Tăng và Ni.

Ngài cười.

Tôi hỏi Ngài có phải đi rửa mặt không?

Ngài bảo không cần thiết. Chỉ có vị Thị giả của Ngài vào phòng rửa mặt mà thôi.

Trong khi chúng tôi hầu chuyện Ngài, nhân viên an ninh vẫn đứng đó và ngoài cửa các anh em Gia Đình Phật Tử canh gác thật chu đáo, không cho một ai vào hết, chỉ có máy quay phim anh Phạm Cường quay cho Chùa Viên Giác và máy của Chùa Thiện Hòa là được phép vào đây mà thôi.

Tôi và Hòa Thượng Thiện Định, Hòa Thượng Minh Lễ hướng dẫn Ngài vào ghế ngồi, trong khi đó mọi vị khách quý đã đứng dậy để cung đón Ngài. Bàn tiệc hôm nay có 33 vị. Mỗi vị Đại diện một Tổ chức quan trọng của mình trong 3 Tôn Giáo có mặt tại Hannover. Thêm sự có mặt của ông Dr. Meihorst, người Cố vấn cho Chùa Viên Giác và là Chủ tịch của các Kỳ Sư tại Tiểu Bang Niedersachsen.

Đồng thời bà vợ ông Thị Trưởng thành phố Hannover, Schmalstieg cũng có mặt tại đây, trong buổi tiệc này. Trong một bài báo ngày hôm sau 19.6.95, bà đã tuyên bố với phóng viên báo chí Neue Presse rằng:

"Bà đã gặp một con người trọn vẹn như chưa bao giờ bà gặp được một con người như thế. Ngài là người tượng trưng cho cõi mở, vị tha và tử bi vô lượng".

Bên Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức có tôi, Thượng Tọa Thích Minh Phú, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm và Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân, Thầy Từ Trí, Thầy Hạnh Tấn, Sư Cô Thích Nữ Như Viên và Sư Cô Thích Nữ Diệu Hạnh lo điều khiển cho 12 em thiếu nữ Chùa Phật Bảo mặc áo dài màu vàng dâng vật thực để cúng dường. Chị Mỹ Anh một thông dịch viên cũng đã nói tiếng Anh giới thiệu các món ăn cho quan khách.

Sau khi tôi giới thiệu với Ngài về Đại diện của các Tôn Giáo và các Tổ chức, thì các thiếu nữ Phật Tử mang món khai vị vào. Theo thực đơn hôm đó có 4 món khai vị (thông thường chỉ 1 hay 2 món là đủ); nhưng hôm đó quý chùa và quý Sư cô đã trở tài nên màu mè hoa lá đã được phô trương một cách hoan hỷ lạ thường.

Theo dự định chỉ có 8 món thôi; nhưng qua thực đơn cho thấy hơn 15 món. Chùa Phật Bảo 5 món. Chùa Quan Âm 3 món, Chùa Bảo Quang 3 món, Chùa Viên Giác 3 món, Chùa Thiện Hòa 1 món và cuối cùng là món trái cây của nhà hàng Jasmin Garten của Thị Chơn cúng dường.

Món khai vị thứ hai có 4 con rồng làm bằng củ cải trắng. Rồng phun lửa thật sống động, sau khi lửa cháy hết, các cô thiếu nữ lại mang vào bàn tiệc. Ai cũng hoan hô về mặt tổ chức lịch duyệt này.

Đến món "Ăn liệng quả địa cầu" của Sư cô Diệu Ân cũng được mọi người trầm trồ và nói với nhau rằng: Họ chưa bao giờ dùng được những món chay ý vị như thế. Trong khi đó một ông cận vệ sơ ý như thế nào đó đã đụng phải một bình bông, vỡ tan, nghe giòn tai như tiếng pháo. Một người Đức bên cạnh thốt lên "*sehr gut*" (rất tốt) là ý nghĩa của người Tây phương khi đám cưới tiệc tùng, chén đĩa không bể, họ phải tự đập cho bể để thấy điềm lành. Trong khi đó, người Á Châu mình thì kiêng cử điều này nhiều lắm.

Cử thế tiếp tục món này lên, món khác xuống, thoản thoắt như thoi đưa. Một số vị trong Bộ Ngoại Giao Tây Tạng ở Thụy Sĩ và vị Thị giả ngồi một bàn bên cạnh để dùng trưa, chứ không ngồi chung bàn với Đức Đạt Lai Lạt Ma và quan khách.

Tôi có nói với Thầy Từ Trí là tối đa đến 1 giờ 25 phút mọi món phải được mang lên để cho Ngài và khách dùng. Vì Ngài còn phải về phòng nghỉ nữa.

Trước khi dùng đến phần tráng miệng, tôi có đứng lên thưa rằng:

Hôm nay quả là một nhân duyên chúng con mới cung đón được Ngài và xin Ngài cũng như những vị khách quý xin ghi vài lời vào Sổ Vàng Lưu Niệm này để kỷ niệm.

Ngài hoan hỷ để viết ngay vào sổ bằng tiếng Tây Tạng. Tôi chẳng biết Ngài đã viết những gì. Vì sau khi tiễn đưa Ngài đi, tôi không có thì giờ để hỏi những người Tây Tạng khác về nội dung của những chữ ấy. Vì ngày hôm sau 19.6.95 tôi đã phải đi Canada rồi. Hy vọng khi về lại Đức tôi sẽ hỏi anh Phunksok, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Choelung về ý nghĩa của những dòng này.

Tiếp đó là Hòa Thượng Thích Thiện Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ và những vị khách quý đã ký tên vào Sổ Lưu Niệm này. Đây là một bảo vật của Chùa Viên Giác lưu niệm về sau, để cho biết rằng dấu chân của vị Thánh Tăng đã có mặt tại chùa này vào ngày tháng ấy.

Doan, Ngài đứng dậy để chuẩn bị rời khỏi phòng, Sư cô Diệu Hạnh hướng dẫn các em quỳ xuống thi lễ Ngài, trên tay mỗi người có một khăn choàng trắng. Ngài đã ăn cần cúi sát người xuống lấy tay xoa đầu, hoặc nắm tay của các Phật Tử để ban cho một hồng ân tử ái.

Tôi đưa Ngài ra ngoài cửa phòng, bên hành lang có một số anh em Phật Tử đứng canh gác. Một số khác đang cúi đầu xuống để chờ Ngài đi qua. Đến chỗ bàn vong, Ngài hỏi hình ai mà nhiều quá vậy? và vị nào đứng đó.

Tôi trả lời Ngài:

- Bạch Thánh Tăng (His Holiness). Đó là những người đã quá vãng và hình Bồ Tát Địa Tạng ở dưới địa ngục để cứu khổ độ sanh.

Trở lại căn phòng VIP, tôi mời Ngài ngồi và thưa hỏi Ngài một vài việc cần thiết. Sau đó tôi nhờ Ngài ký cho một số sách bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Đức đã viết về Ngài mà trước đó mấy ngày họ đã nhờ tôi làm việc ấy. Trong ấy có một quyển của một người Đức viết về nước Tây Tạng năm 1959 với nhan đề là: "*Tôi đã ở Tây Tạng 7 năm*". Tôi lật một số trang và nói rằng: những hình ảnh này đây xưa lắm Ngài có nhớ chăng?

Ngài nói:

- Đây là anh của tôi. Đây là mẹ của tôi và đây là em gái của tôi.

Sau đó tôi nhờ Ngài chú nguyện vào 2 khăn lau mặt để gửi về Việt Nam cho các Phật Tử họ thờ. Có lúc tôi điện thoại về Việt Nam để thăm, tiện thể báo tin việc Ngài sẽ viếng Chùa Viên Giác. Có người nhờ các Phật Tử khác mang các khăn này tới để Đức Đạt Lai Lạt Ma chú nguyện để họ thờ. Quả thật tiếng tăm của Ngài và lòng tử bi của Ngài đã bay xa quá, hơn mấy từng mây và mấy từng không gian cách trở; nhưng nó không dừng lại ở đó. Đứng là phép Phật nhiệm mầu. Mặc dầu quê hương Ngài đã bị mất; nhưng trong hiện tại Ngài đã có tất cả. Ngược lại, Trung Cộng đã có được đất đai; nhưng đã làm mất hết lòng dân. Vì thế, sớm muộn gì rồi Ngài cũng sẽ trở về quê hương xứ sở của Ngài, như người Việt, một ngày không xa, họ sẽ đoàn tụ trong tình tự quê hương của họ.

Tôi quỳ xuống trước mặt Ngài để thưa về chương trình chiều nay:

"13 giờ 45 phút Ngài sẽ đi làm lễ trên phòng Phật Giáo Tây Tạng.

Đúng 14 giờ con sẽ đón Ngài ra Đại diện để thăng tòa thuyết pháp.

Cuối giờ kính mong Ngài làm lễ chú nguyện vào 2 đĩa gạo để phía trước dùm. Vì bao nhiêu người Phật Tử muốn có được ơn pháp như ấy. Nếu còn thì giờ xin Ngài cho chúng con xin đặt một số câu hỏi và cuối cùng con sẽ dâng quả kỷ niệm và cúng dường Ngài".

Tôi thưa Ngài, Ngài sẽ nói bằng tiếng gì?

Ngài bảo: Tiếng Tây Tạng.

Tôi tiếp, vậy sẽ được dịch sang Đức ngữ và Việt ngữ.

Ngài trầm ngâm một chút rồi nói: Vậy là 3 ngôn ngữ, rồi cười.

Trong khi tôi lay hoay xếp đặt mấy quyển sách mà Ngài đã ký, thì những vệ sĩ mang thêm một số sách và sổ lưu niệm khác vào để cho Ngài ký nữa. Ngài dở sổ lưu niệm trong ấy có viết chữ Tây Tạng, Ngài đọc và nói gì đó với mấy người Tây Tạng, nhưng rồi cũng nấn nót viết từng chữ vào.

Tôi mời Ngài lên long sàng nghỉ 10 phút, nhưng Ngài bảo: Thôi, được rồi. Đoạn, Ngài vào phòng tắm để rửa mặt và chuẩn bị đi làm lễ trên phòng Tây Tạng. Khi Ngài bước ra, các người cận vệ đưa Ngài lên lầu ngã sau để đi đến Tây Đường. Vì ngã trước đã chật. Có hơn 45 người Đức đã ngồi chờ sẵn trên đó rất thành kính. Tôi không biết 15 phút trên ấy Ngài đã làm gì, nhưng chắc chắn là có chú nguyện và thiên định. Vì lúc ấy tôi phải ở dưới để chuẩn bị đón Ngài lên Đại diện.

Chiều hôm trước tôi đã lên phòng này để thăm, thấy mấy Phật Tử người Đức này đã tụ họp lại để chung dọn bàn thờ và dọn dẹp sạch sẽ. Họ cũng đã làm cho Ngài một cái Ngai theo lối Tây Tạng truyền thống.

15 phút trôi qua, Ngài đã trở xuống, tôi đón Ngài lên Đại diện. Trên đường đến bàn thờ vong, có Ni sư Thích Nữ Diệu Tâm và Sư cô Thích Nữ Diệu Ân đang đứng đó, gặp Ngài, nhị vị này quỳ xuống chấp tay thi lễ. Ngài đã lấy tay xoa lên đỉnh đầu hai vị, ôm sát họ vào lòng như tình mẹ thương con. Đúng là Quan Âm tái thế. Ngài hỏi Bishuni? Tôi "Yes! his Holiness". Các vị này chắc cảm động lắm và biết đâu nhờ định lực của Ngài mà họ sẽ đắc quả trong tương lai.

Tôi hướng dẫn Ngài lên Phật điện, tất cả chư Tăng Ni đồng loạt đứng lên, toàn thể đồng bào Phật Tử Việt cũng như Đức đã đồng nghệt cả Chánh điện, trang nghiêm thành kính đứng lên. Tôi đưa Ngài đi đến Ngai vàng, hướng dẫn Ngài lên tam cấp; nhưng Ngài đi trệt qua phía trước, đỡ một Phật Tử đang thi lễ nằm sát đất tại đó. Đoạn Ngài bước ra ngay trước giữa Ngai vàng và Chánh điện lay 3 lay, sau đó Ngài mới thăng tòa, ngồi bán già và bắt đầu cười với mọi người. Một không khí trang nghiêm kính cẩn hướng về Ngài. Còn nơi Ngài tỏa ra một tình thương vô biên rộng lớn cũng như một trí tuệ sâu thẳm của một bậc Đại Giác Ngộ, đã chinh phục hầu hết tất cả mọi người Việt cũng như Đức tham dự buổi thuyết giảng hôm đó.

Tôi đứng ngay ngắn trước mặt Ngài và cúi mình xuống thật sâu, quỳ xuống thật vững và nằm mọp người xuống để đánh lễ Ngài 3 lần và trở về vị trí bên cạnh.

Trong khi đó Hòa Thượng Thích Thiên Định đứng lên đọc lời tán dương Ngài bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, còn bản tiếng Anh Hòa Thượng bảo tôi đọc. Nội dung của bài tán dương nói lên việc thế giới ngày nay đang băng hoại về mọi lãnh vực của tinh thần. Còn Ngài là hiện thân của tử bi và chân lý. Mong rằng Ngài sẽ luôn luôn tiếp tục tranh đấu cho đường hướng bất bạo động ấy. Mọi người đã vỗ tay tán thưởng.

Tôi trở về lại chỗ ngồi của mình, ngồi gần với Thượng Tọa Thích Minh Phú. Nơi đó đã để sẵn một bức tranh sơn mài Chùa Một Cột để kính tặng Ngài và trước mặt tôi có để một khay cần xà cừ, trên ấy có để một cái đĩa. Trên đĩa ấy có để một bì thư trắng, trong đó có 10.000 Đức Mã để cúng dường Ngài. Ngồi từ đây tôi có thể quan sát được hết mọi người, từ

trên hàng ghế cạnh tường có các vị Giám mục, Tu sĩ, cho đến ông Dr. Meihorst. Phía bên kia tường có ghế ngồi của phu nhân ông Thị trưởng Thành phố Hannover và những khách quý.

Câu nói đầu tiên Ngài bảo rằng:

"Hôm nay tôi đến đây không phải với tư cách của một Đạt Lai Lạt Ma, mà là với tư cách một người tỵ nạn như những người Việt Nam hiện ở nơi đây".

Thế là một tràng pháo tay vang dội cả Đại diện chứa 604 người có giấy mời, 30 quan khách, hơn 100 đoàn sinh Gia Đình Phật Tử và hơn 30 Tăng Ni.

Ngài nói rằng:

Những người Phật Tử truyền thống, có nghĩa là khi sinh ra đã là Phật Tử, xin cố gắng gìn giữ nề nếp tôn giáo của mình. Vì đây chính là sợi dây vô hình gắn chặt mình với quê hương và nguồn cội.

Rồi Ngài chuyển qua đề tài "Tứ Diệu Đế" một cách linh hoạt. Ngài nói về Khổ Đế, về Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Về Khổ Đế, Ngài nói nếu cứ đóng cửa hoài như vậy thì cũng khổ lắm. Sao hôm nay nóng thế?

Thế là một tràng pháo tay lại vang lên, hai cánh cửa giữa nơi Đại diện được mở ra, ngồi bên trên này nhìn ra thấy Đức Phật A Di Đà đang ngự trị trên một tòa sen tại đó.

Không biết có phải đèn quay phim chiếu dội nhiều quá, hay tại vì người đông mà hôm đó nóng thế, trong khi đó bên ngoài nhiệt độ chỉ 10 độ C mà thôi. Theo tôi, có lẽ nhờ thần lực gia trì của Ngài mà Đại diện nơi đây đã nóng hẳn lên. Vì trước đó đèn pha cũng chiếu như thế nhưng Đại diện vẫn lạnh như thường. Phải chăng một vị Thánh có đủ quyền uy như thế?

Ngài nói về thánh thiện và tội lỗi và Ngài nói:

Muốn chúng được quả vị giác ngộ giải thoát chỉ cần giữ giới cho thanh tịnh và thực tập thiên định, hướng về nội tâm thì sự an lạc mới vĩnh cửu.

Ngài đã nhấn mạnh rất nhiều lần về điều này. Và đây cũng chính là đường về nội tâm của Đạo Phật vậy.

Ngài đã kêu gọi Đại diện các Tôn giáo khác hãy có trách nhiệm trong vấn đề hòa bình của nhân loại và cũng đừng nên nhân danh Tôn giáo này hay Tôn giáo nọ để chinh phục kẻ khác, mà hãy tự mình nêu cao giá trị nội tâm của mình. Đó mới là con đường hòa bình vĩnh cửu của nhân loại.

Đoạn này được vỗ tay lâu nhất, cả phần tiếng Đức và tiếng Việt. Hôm đó ông Christof dịch tiếng Tây Tạng ra tiếng Đức rất hay và Hạnh Tấn dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt cũng rất trôi chảy, nhuần nhuyễn.

Phần phát bồ đề tâm, Ngài không đề cập đến nhiều có lẽ vì ít thì giờ và Ngài dừng bài thuyết pháp lại vào lúc 15 giờ 40 phút.

Tôi có trở tới để thưa Ngài là cho phép Phật Tử hỏi chừng 10 phút. Ngài đồng ý và các câu hỏi được bắt đầu.

Có một người Đức xin được đặt câu hỏi. Nhưng Ngài bảo hôm nay đặc biệt cho người Việt Nam, nên người Đức ấy lại thôi. Đây là lần thứ 3 Ngài đã lưu tâm về vấn đề ấy. Lần thứ nhất khi ở phi trường, phóng viên đài truyền hình NDR hỏi Ngài tại sao Ngài đến Hannover?

Ngài bảo rằng: Tôi đến đây vì những người Việt Nam.

Cả 3 lần như chúng ta thấy, quả Ngài đã rất quan tâm đến vấn đề của Việt Nam chúng ta rất nhiều. Chúng ta không may mắn được như nhân dân Tây Tạng, có một bậc chân tu thực chứng như Ngài, nên vấn đề hòa hợp, thống nhất vẫn còn triển miên khổ hải. Còn Ngài, là hiện thân của chân lý, nên người Âu Mỹ đã xem Ngài là một sứ giả của hòa bình, nên năm 1989 Ngài đã được lãnh Giải thưởng Nobel Hòa Bình cũng nằm trong ý nghĩa đó.

Trước đây Ngài đến Đức, các chính trị gia ít lưu tâm; nhưng sau bao nhiêu tháng ngày hoạt động kiên trì, mềm dẻo của Ngài đã làm mềm lòng những người cầm quyền tại Âu Mỹ. Bằng chứng là ngày mai 19.6.95, Ngài điều trần

trước Quốc Hội Đức về vấn đề Trung Cộng vi phạm nhân quyền tại Tây Tạng một cách trầm trọng.

Nghe qua bài pháp có người rất thấm thía. Ngồi bên trên nhìn xuống, tôi thấy có người đang ngủ gục và sau này nghe kể lại rằng dưới Hội Trường với hệ thống trực tiếp truyền hình, ban đầu đã đầy người, cũng rất trang nghiêm thành kính; nhưng vào cuối giờ chỉ còn lại những người Đức đang thành kính lắng nghe. Còn người Việt thì hầu hết đi ra ngoài và hay thích nói chuyện riêng. Đó có lẽ là dân tộc tính của người Việt Nam mình chăng?! Nhưng phải thành thật mà nói, trên Đại diện chùa Viên Giác hôm đó gần 800 con người với 800 quả tim, 800 khối óc, ai ai cũng đều cùng một nhịp thở và thấm sâu từng lời nói, từng động tác của Ngài trong khi thuyết giảng. Nhìn xuống xa hơn, tôi thấy Chánh điện bên trái và bên phải vẫn còn trống, như thế, ít nhất Đại diện chùa Viên Giác phải chứa đến 900 người mới chật hoàn toàn.

Ngài đã nói nội dung bài pháp như Đức Phật đã nói tự mấy ngàn năm nay; nhưng điều căn bản ở đây, nếu có thật tu mới thực chứng được. Cũng như có ăn mới có no. Nếu không tu cũng như không ăn thì sẽ không bao giờ chứng và no được. Đó là một chân lý cần phải hiểu rõ.

Trước và sau đó có nhiều người đem con của mình tới cho Ngài xoa đầu cho bớt bệnh, hoặc muốn gần Ngài để được thân lực chở che v.v... Tôi có nói rằng: Ngày xưa Phật đã bảo - ai tu cũng thành Phật cả, tự mình chẳng lo tu, khi thấy người ta thành Phật rồi, mình lại đến ké nhờ ơn đức ấy, quả thật là khó nói. Mọi người đều hiểu ý tôi, cười - nhưng rồi việc đầu cũng vào đó. Vì họ thấy tu hành sao khó khăn quá, thôi cứ chờ cho ai đó tu có kết quả thì mình cậy nhờ vậy. Đó là một cái bệnh lười của chúng sanh. Chúng sanh lúc nào cũng sợ dọa vào trong 3 đường dữ; nhưng việc ác không chừa và việc thiện chẳng làm, thì làm sao tránh được lao đao trong đường sinh tử?

Khi Ngài chuẩn bị chấm dứt câu trả lời cuối, tôi và Thầy Minh Phú đại diện cho Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức mang tấm tranh và khay tịnh tài cúng dường ra phía trước, để dưới chân Ngài.

Khi Đức Thụ vừa dịch xong những câu trả lời ra tiếng Việt cuối cùng, chúng tôi lại thì lễ tạ ơn Ngài 3 lễ, đoạn trao bức tranh sơn mài và khay lễ 10.000 Đức Mã để cúng dường và làm lộ phí cho Ngài cũng như phái đoàn. Ngài đưa tay ra đỡ lấy rồi trao qua cho những nhân viên ngoại giao thấp tùng với Ngài.

Ngài đã trao tặng Chùa Viên Giác một tượng Phật bằng đồng, thếp vàng, trên ấy có bọc một dải lụa trắng và tôi đã để tượng Phật ấy lên đầu thật lâu, trong bao nhiêu tiếng vỗ tay vang dội ở phía dưới. Đây là một pháp bảo vô giá mà Chùa Viên Giác đã có được.

Ngài xuống tòa trong khi bao nhiêu tiếng vỗ tay vang dội cả Đại diện ngày hôm ấy. Suốt cả 2 tiếng đồng hồ tôi không nghe một tiếng động nào cả. Quả thật, thân lực của Ngài đã chinh phục tất cả mọi người.

Gia Đình Phật Tử đã ngồi chặn lối giữa mục đích để làm hàng rào danh dự, nên khi Ngài chuẩn bị đi ra, 2 bên nơi này đã dạt ra một lối trống ở giữa, Ngài đã bước ra trong nụ cười từ ái, với những cái vẫy tay và cái chào thân thiện.

Hòa Thượng Thích Thiên Định tiễn Ngài ra đến chỗ tượng Đức Phật A Di Đà; còn tôi và Hòa Thượng Thích Minh Lễ, Sư cô Diệu Hạnh và Tăng Ni cũng như Phật Tử tiễn Ngài ra đến đường Karlsruher bằng chân trần không mang giày, chỉ có vớ mà thôi.

Khi Ngài ra đến nơi tượng A Di Đà, Ngài đã mang giày vào để đi tiếp con đường mà Ngài còn cần phải đi nữa, để mang lại hòa bình, lợi tha cho nhân dân Tây Tạng cũng như thế giới.

Khi xuống đến những bậc thang cấp cuối cùng Ngài đã vẫy tay chào. Mọi người vỗ tay tiễn đưa Ngài một cách rất thành

kính. Khi chuẩn bị lên xe có một người Đức thuộc đài truyền hình nào đó muốn đặt một câu hỏi. Ngài hoan hỷ trả lời bằng tiếng Anh và bên cạnh đó có ai đưa một bảng hiệu bằng tiếng Anh "Nhân quyền cho Việt Nam và Tây Tạng". Bảng bên kia bằng tiếng Đức cũng nội dung đó. Khi trả lời phỏng vấn xong, một số người đã đưa tay qua từ bên kia chiếc xe Audi cho Ngài bắt, Ngài đã trườn qua xe để vỗ mạnh vào bàn tay đối diện bên kia, đoạn Ngài làm lễ chú nguyện vào một đĩa gạo, rồi Ngài vào xe với 2 nhân viên ngoại giao.

Xe Ngài đã đi, nhưng lòng người còn ở lại đây áp yêu thương của một bậc Thánh nhân đã trang trải trong suốt 4 tiếng đồng hồ qua tại Chùa Viên Giác. Một số khác lên nhặt những hạt gạo rơi nơi Chánh điện, gạo mà Ngài đã chú nguyện và chắc chắn nay mai sẽ gởi về các địa phương để biếu các Chi Hội Phật Tử những hạt gạo nhiệm màu này. Một số khác nhặt những cánh hoa dưới chân Ngài và như còn luyến tiếc đầu đây những gì mà họ muốn nắm giữ.

Tối hôm ấy tôi đã không ngủ được, vì quá vui mừng xúc động. Còn trước đó một đêm cũng không ngủ được, vì lo lắng cho ngày mai khi Ngài tới. Lúc Ngài đến trời mưa hoa cúng dường, lúc Ngài đi ánh sáng thái dương rọi chiếu, như mang trí tuệ đến cho tất cả mọi người.

Sáng hôm sau 19.6.95 khi lên Đại diện giờ thien và tụng kinh Lăng Nghiêm, tôi cảm nghe như sức gia trì vẫn còn mãnh liệt đầu đây. Thế rồi tôi cũng lay Phật, lay Tổ để ra đi vào ngày hôm ấy.

Viết đến đây tôi lại quên một vấn đề quan trọng nữa là, hôm qua 18.6.95 sau khi Ngài đã giảng pháp xong, Ngài có tụng kinh gia trì về trí tuệ. Sau đó Hòa Thượng Thích Thiên Định bắt Bát Nhã cho đại chúng tụng và hồi hướng. Không khí thật thành kính trang nghiêm. Tại sao cũng một bài kinh Bát Nhã đó, mà hôm nay trang nghiêm thánh thiện quá vậy?

Nhìn người Việt Nam rồi nhìn người Đức khắp hết Đại diện, tôi thấy ai cũng rạng rỡ tấm lòng.

Sau khi mọi người nghe pháp, tôi có cảm tưởng của một số vị; họ bảo rằng hoan hỷ quá. Trong đời họ chưa bao giờ cảm nhận được một sự an lạc như vậy. Sự an lạc ấy do từ tha lực của Đức Đạt Lai Lạt Ma và cũng chính phần lớn đều do tự lực của chính mỗi người đã trân trọng với một thời pháp trang nghiêm như thế.

Trong quyển "Tự Do Trong Lưu Đà" (Freedom in Exil) Ngài có khẳng định lại một điều mà các Phật Tử Việt Nam của chúng ta cũng cần nên lưu ý. Ngài bảo: Chữ Đạt Lai Lạt Ma người Trung Quốc dịch là Hoạt Phật hay Phật Sống là sai; mà Đạt Lai có nghĩa là Trí Tuệ hay Biến Trí Tuệ hay Hoa Sen Trắng. Lạt Ma có nghĩa là một vị Thầy. Nếu dịch nghĩa chung của 2 chữ này, có nghĩa là: Một vị Thầy có đầy đủ trí tuệ. Chẳng qua đó chỉ là hóa thân của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Có nhiều người chưa chứng đạo, tự khoe mình đã chứng. Ngược lại, những người đã chứng đắc như Ngài, Ngài ít khi nào nói về cái sở chứng của mình. Điều ấy cũng giống như Đức Phật còn tại thế vậy. Mặc dầu Ngài có thần thông rất đa dạng; nhưng khi Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông để thí triển thân lực với ngoại đạo, vẫn thường hay bị Đức Phật quở trách.

Có nhiều người hỏi Ngài bao nhiêu tuổi?

- Ngài cười.

Nhưng cũng có nhiều người trả lời thế cho Ngài rằng:

- Ngài chừng 700 tuổi.

Nếu tính trung bình cho mỗi vị Đạt Lai Lạt Ma là 50 tuổi thọ, thì qua 14 đời Đạt Lai, điều ấy quả là số tuổi hiển nhiên của Ngài.

Có nhiều người Âu Châu đặt nhiều câu hỏi thẳng thắn với Ngài rằng:

- Theo họ biết, cũng như theo truyền thuyết của Phật Giáo Tây Tạng là không có đời Đạt Lai Lạt Ma thứ 15 nữa. Điều ấy có đúng không?

Ngài bảo với các phóng viên rằng:

- "Bây giờ tôi chưa chết, làm sao biết được".

Đó chỉ là một cách trả lời khéo mà thôi.

Có lúc, một số nữ tín đồ Phật Giáo người Âu Châu hỏi Ngài rằng:

- Tại sao cho đến bây giờ đã 14 đời Đạt Lai Lạt Ma rồi mà chưa có vị nào người nữ?

Ngài trả lời rằng:

- "Tại sao không?"

Những câu trả lời của Ngài rất vi diệu và đã làm hài lòng với tất cả những ai tò mò muốn hiểu biết về Tây Tạng, về tái sinh, đầu cho đó là một Học giả, một Giáo sư Đại học, một Thư ký, một Tu sĩ, một Chính trị gia, một Thương gia v.v... và v.v...

Càng ngày người Âu Châu và Mỹ Châu càng theo Phật Giáo Tây Tạng càng nhiều hơn nữa, mà ngay cả người Việt Nam mình cũng thế. Mới đầu theo, có lẽ vì tính cách huyền bí; nhưng khi đi sâu vào nội tâm, tu theo Phật Giáo Tây Tạng có số tu và sở chứng rất nhiều. Dĩ nhiên, các trường phái Phật Giáo khác, nếu chúng ta đi sâu vào thiền định hoặc nghiêm trì giới luật, chúng ta vẫn có thể chứng đắc như thường. Nhưng đa số nghiêng về phía Tây Tạng, vì Tây Tạng có được một nhà lãnh đạo cả giáo quyền lẫn thế quyền lỗi lạc như Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Trong 2 quyển sách vừa nêu trên, Đức Đạt Lai Lạt Ma có nhận định rằng: Mặc dầu số người Tây Tạng tu hành đông; nhưng thật ra số tu và sở chứng của họ cũng ít lắm. Điều ấy cho ta thấy rằng bất cứ trong một tổ chức quần chúng nào cũng thế, nó phức tạp và ô hợp lắm. Ngay cả cộng đồng Tăng lữ của Việt Nam cũng vậy, dĩ nhiên cũng có một số vị xuất sắc, nhưng không nổi bật về việc ấn chứng cũng như việc tu trì; nên khi ra làm việc đạo tại ngoại quốc này, chỉ có được bề nổi bên ngoài, phần nội tâm thì còn phải tu trì nhiều hơn nữa.

Ngài cũng đã đề cập trong sách trên rằng: Những nghi lễ tôn giáo của Tây Tạng quá rườm rà, cần phải bỏ bớt và chính Ngài cũng có ý thay đổi về địa vị của Đạt Lai Lạt Ma, cốt làm sao cho dân tộc Tây Tạng tiến bộ nhiều hơn nữa.

Trong một quyển sách khác, nhan đề là "*Khi Chim Sắt Bay*", do Vũ Nguyên Khang ở Đan Mạch dịch, có đăng trong Viên Giác lâu nay và trong Viên Giác số 88 xuất bản vào tháng 8 năm 1995 cũng có đề cập chi tiết về cuộc sống của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Ngài có nói rằng: Tôi nói tiếng Anh được; nhưng lười học lắm, vì vậy những ngữ vựng ít ỏi lắm. Tuy Ngài nói vậy thôi, nhưng Ngài rất vững vàng về ngôn ngữ này. Tôi đã có nhiều lần nghe Ngài giảng về Phật Pháp bằng tiếng Anh tại Hamburg, cũng như nghe các câu phỏng vấn trên đài truyền hình Đức và Pháp cũng như Mỹ khi Ngài trả lời.

Tháng 3 năm 1995 vừa rồi, tôi và một phái đoàn 13 người Phật Tử Việt Nam từ Đức sang Ấn Độ để chiêm bái các Phật tích. Trong 13 người ấy chỉ có 6 Phật Tử mà đến 7 Tu sĩ. Dĩ nhiên chuyến đi gặt hái được rất nhiều thành quả tốt đẹp về nội tâm; nhưng cũng đã có nhiều người muốn tìm hiểu sâu hơn về Phật Giáo Tây Tạng.

Khi đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng vào một buổi chiều, tôi tình cờ gặp một vị Lạt Ma tái sanh mà nhiều người rất ngưỡng mộ. Đó là Ngài Lin Rimpouchie. Theo ấn chứng của tái sanh cho biết rằng: Ngài là vị Thầy cũ của Đức Đạt Lai Lạt Ma tái sanh. Đức Đạt Lai Lạt Ma có hai vị Thầy, nay đều đã viên tịch và nay cũng đã tái sanh. Một vị hiện từ như người mẹ, đó là vị Lin Rimpouchie này và một vị khác khác khe như một người cha cũng đã tái sanh và tìm lại được rồi.

Cả hai vị đều có ảnh thờ chung với Đức Đạt Lai Lạt Ma, hai vị này ngồi hai bên Ngài.

Tôi, một Tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam, dĩ nhiên là tin và luân hồi rồi và tôi cũng đã đọc rất nhiều về sách tái sanh của Tây Tạng, nhưng tôi muốn biết chắc thực hiện tượng tái sanh ấy như thế nào, nên cũng phải tìm hiểu thêm.

Vị Lin Rimpouchie hôm đó đi nhiều thập, tình cờ khi đến gần chỗ tôi ngồi lại bước qua và hỏi tôi bằng tiếng Anh: - What are you doing here?

Tôi trả lời:

- I'm waiting my Vietnamese here.

Vị ấy mới 10 tuổi thôi. Nghe đầu đi Mỹ chỉ có 3 tháng, sau khi về nói tiếng Anh rất lưu loát. Tôi hỏi tiếp:

- Have you been in Europe?

Vị ấy trả lời rằng:

- May be!

Đoạn tôi hỏi:

May I take one picture (Photo) together with you?

Vị Lin Rmpouchie trả lời rằng:

- No probleme.

Rồi vị ấy chạy đi, trông rất hồn nhiên, dễ thương như những đứa trẻ 10 tuổi khác.

Sau khi đi về Đức, tôi đưa tấm hình ấy cho mọi người xem, ai cũng vui và nói rằng tôi rất có phước nên mới được gặp vị Thầy của Đức Đạt Lai Lạt Ma như thế. Tấm hình ấy Thầy Từ Trí chụp dùm rất tự nhiên. Vị Lin Rimpouchie ấy ngoẹo cổ vào mình tôi và mỉm cười rất duyên dáng trong tư thế đứng. Nơi đó là nơi mà hai người nữ Phật Tử đầu tiên đến quy y với Đức Phật lúc Ngài mới thành Phật và chưa thành lập Tăng đoàn. Chỉ có quy y Phật, quy y Pháp mà thôi. Nơi đó ngày nay một trụ đá còn dựng ở đó và khắc ghi về sự tích này để lưu niệm.

Tối hôm đó, quý Thầy quý Cô khác đi đến chỗ vị Lin Rmpouchie này ở để vấn đạo. Tôi ở lại Chùa Phật Giáo Việt Nam tại Bồ Đề Đạo Tràng, không đi. Và lại những Thầy Cô khác cũng giấu tôi không cho tôi biết, sau này xem lại Video mới thấy được. Cung cách tiếp đón và chúc phước, nói năng bằng tiếng Anh lưu loát, chỉ học trong 3 tháng mà nói được như thế quả là một việc hết sức huyền diệu, mà một đứa trẻ ngoại quốc 10 tuổi khó có thể có được.

Tôi định đem tấm hình chụp chung với vị Lin Rimpouchie khoe với Đức Đạt Lai Lạt Ma khi Ngài đến Chùa Viên Giác vào ngày 18.6.1995 vừa qua; nhưng bận quá. Và lại tự mình hiểu đủ rồi, cần gì phải số sàng với Thánh vương như vậy. Dầu biết rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma là một vị Thánh Tăng đơn giản chưa có ai bằng; nhưng cũng có nhiều vị Lạt Ma kiểu cách và trịch thượng lắm. Bằng chứng khi đến đánh lễ một số vị Lạt Ma, có vị thì lễ lại, nhưng cũng có vị ngồi yên trong tư thế như là chuyện đương nhiên. Trong khi đó, Đức Đạt Lai Lạt Ma, Ngài vàng và pháp tòa đã dành riêng cho Ngài; nhưng Ngài phải tự mình đánh lễ Phật và pháp tòa, sau đó mới thăng tòa thuyết pháp. Khi người khác thì lễ Ngài, Ngài cũng cúi sát xuống để cung đầu vào hoặc lấy tay đỡ người qui mọp dưới chân mình lên. Quả thật chưa có vị Thánh Tăng nào có được một cử chỉ khoan dung độ lượng như thế và bình dân không ai bằng. Có lẽ Ngài nhờ bình dân, đơn giản như vậy mà thu phục được nhân tâm của nhân loại chăng? Trên quả đất ngày nay có 5 tỉ người; nhưng ít nhất Ngài cũng đã chinh phục hơn phân nửa số đó. Có người đã gặp được Ngài, nhưng đa số không phải ai cũng có được nhân duyên ấy. Những người dân Tây Tạng chưa chắc đã gần được Ngài, mà chỉ sống trong tình thương yêu của Ngài. Nếu có, ngày nay đã số qua hệ thống truyền hình và báo chí, nhiều người đã biết đến Ngài.

Viết đến đây tôi cũng xin mở một dấu ngoặc để nói về việc thi lễ đối với chư Tăng Việt Nam. Dĩ nhiên Việt Nam vẫn có nhiều vị Cao Tăng, Đại Đức, đạo cao đức trọng; nhưng cũng có lắm vị phàm Tăng, ham được người ta cúng dường và lễ

bái mình. Đi đâu cũng muốn có sự đón đưa thật linh đình. Đến đâu nếu chưa kịp chuông trống bát nhã cung nghinh, không đánh lễ kịp thời thì có ý buồn rầu, trách móc. Khi người đối diện không xưng con, không khép nép với mình, tự nhiên thấy mình bị tự ái, hờn mát và không vui vẻ với những câu chuyện sau đó.

Nhiều vị Tăng nghĩ rằng Phật Tử đánh lễ mình là chuyện đương nhiên, cứ ngồi ì ra đó cho họ lễ; nhưng đâu có biết rằng, vì phước mình chưa đầy đủ, làm như thế chỉ có bị trừ chứ không có cộng. Phước đức đã hao mòn mà tội lỗi càng gia tăng. Chỉ khi nào người lạy và kẻ được lạy, không còn phân biệt bi thử thì việc lạy ấy mới có ích. Tuyệt nhiên không nên ép buộc, nhất là ép buộc vì vấn đề tâm linh.

Ví dụ: Đức Đạt Lai Lạt Ma sờ vào đầu ai, ôm người đó vào lòng, lấy tay của mình ôm một số người đồng, trong khi đón rước Ngài, ai ai cũng muốn được vinh dự đó. Nếu bình thường một vị Tăng nào đó, làm cử chỉ ấy, trông nó hơi hề. Vì mọi người chung quanh chưa có ý tự nguyện như vậy và chính vì đức độ của mình chưa có, nên chưa ảnh hưởng đến những người chung quanh. Nhưng Ngài thì ngược lại.

Sáng hôm ấy 19.6.95 tôi lạy Phật lạy Tổ xong, ra đi với một xách hành trang nặng trĩu sự vui mừng. Người ta đi đâu thường hay buồn; nhưng hôm đó sao tôi lại vui quá. Vui vì đã làm xong một bốn phần và vui rồi đây Chùa Viên Giác sẽ là nơi quy ngưỡng của nhiều người. Trong đó kể cả các Tu sĩ và các Phật Tử, Việt cũng như Đức.

Xe dừng lại nơi bến "gare", tôi vội xuống xe đi nhanh về phía quầy bán báo. Tờ Hannoversche Allgemeine Zeitung tôi đã thấy ở Chùa rồi, có đăng hình và bài về ngày hôm qua. Tôi mua hai tờ khác nữa. Đó là tờ Neue Presse và tờ báo Bild. Tờ nào cũng tường thuật rất tỉ mỉ và rất thuận lợi cho chiều hướng phát triển của Phật Giáo tại Đức. Nhiều nhà nghiên cứu về lịch sử và triết học cũng như Tôn giáo đều phải thừa nhận rằng:

Tất cả mọi chuyển động của thế giới về các ngành này đều xuất phát từ Đức. Ví dụ triết gia Schopenhauer mở đầu cho kỷ nguyên của Phật Giáo du nhập vào Đức từ thế kỷ thứ 19. Nietzsche, một triết gia đại tài của Đức đã có cái nhìn không xa triết lý của Phật Giáo bao nhiêu. Hermann Hess, người đã viết tác phẩm "Đường Về Nội Tâm" rất nổi tiếng. Nhà Bác học Einstein đã quả quyết rằng: Tất cả những phát minh của ông đều dựa trên tinh thần khoa học của Phật Giáo. Rồi Karl Marx, cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản cũng đều từ đất nước này phát sanh. Nhà tôn giáo cải cách Luther Martin cũng người Đức. Vì những lý do trên, nên nhiều nhà phê bình có nhận định rằng: Thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của Phật Giáo và đều xuất phát từ nước Đức đa diện này. Có lẽ nhận xét ấy không sai. Vì trong hiện tại kinh sách Phật Giáo bằng tiếng Đức xuất hiện vô số kể trong lãnh vực học đường, khoa học hay cả tại các nhà thờ của hai Giáo Hội Thiên Chúa Giáo và Tin Lành.

Sau khi đi Ấn Độ vào tháng 3 năm 1995 về, tôi có đến gặp Đức Giám Mục Hofmeier địa phận Hildesheim, khi dùng cơm xong tại giáo xứ, Ngài có nói tôi chỉ sơ qua về giáo lý căn bản của Phật Giáo cho Ngài và ông Helmut Hanefeld đã chỉ cho Ngài và các vị Cha xứ, các Di Phước thực tập thiền hôm đó. Đoạn Ngài hỏi tôi rằng:

- Có phải Phật Giáo hay hơn Thiên Chúa Giáo hay sao mà người ta bỏ Đạo Chúa theo Đạo Phật nhiều vậy?

Tôi trả lời rằng:

- Thưa Ngài, mỗi một thứ thuốc hợp cho mỗi một căn bệnh khác nhau. Có lẽ ở Âu Châu lâu nay dùng loại thuốc giống nhau, nên căn bệnh đã quen rồi. Bây giờ có loại thuốc mới, nên họ muốn thay đổi chăng!

Tôi cũng trấn an Ngài rằng:

- Xin Ngài đừng lo. Mỗi tôn giáo là một bông hoa đẹp, chúng tôi hiện diện ở đây chẳng khác nào làm cho vườn hoa

tâm linh của quê hương nước Đức này càng đẹp đẽ hơn lên thôi.

Đức Giám Mục mỉm cười.

Ba tờ báo lớn tại Hannover đều tường thuật một cách đầy đủ và rất tỉ mỉ, tôi đã dịch ra từ tiếng Đức phía dưới bài này, xin quý vị đón xem. Về hình ảnh cả 3 tờ báo, tờ nào cũng có một số hình khác nhau.

Như tờ Hannoversche Allgemeine Zeitung, phần trang đầu đăng hình màu, Đức Đạt Lai Lạt Ma đang choàng chiếc khăn chúc phước màu trắng cho ông Thị trưởng Thành phố Hannover, vào trang ruột bên trong đăng 2 hình trắng đen. Hình thứ nhất là hình Đức Đạt Lai Lạt Ma chấp tay chào mọi người khi đến Tòa Thị Chính. Hình thứ 2 đăng 3 em thiếu nữ Phật Tử Chùa Phật Bảo, trên tay đang nâng 3 đĩa đồ chay có 3 con rồng làm bằng củ cải trắng.

Tờ Bild Zeitung có số độc giả bình dân tương đối nhiều tại Hannover, bên trong có đăng 4 hình màu. Hình lớn nhất là hình Đức Đạt Lai Lạt Ma ngồi trên Ngai vàng do Sư Cô Diệu Ân thiết kế rất hùng dũng. Hình thứ 2 nhỏ bên tay trái là hình ông Thị trưởng Thành phố Hannover bắt tay Đức Đạt Lai Lạt Ma. Hình thứ 3 ở giữa chụp toàn cảnh Chùa Viên Giác có hồ sen và Báo Tháp 7 tầng cùng Chánh điện. Hình thứ 4 chụp Ngài đang vẫy tay chào mọi người, trong khi Ngài ở trong chiếc xe Audi đời mới.

Riêng tờ Neue Presse có 4 hình màu cũng rất độc đáo. Hình thứ nhất chụp toàn cảnh cung nghinh Ngài khi mới vào cổng chính Chùa Viên Giác có mặt tất cả chư Tăng và lộng cung nghinh Ngài. Hình thứ 2 bên trái chụp hình Ngài đang đỡ một người đàn bà Thái Lan đánh lễ dưới chân Ngài ở một công trường đi bộ gần Tòa Thị Chính. Hình thứ 3 Ngài thăm hỏi trẻ em ty nạn Việt Nam khi mới vào cổng và hình thứ 4 chụp Ngài đang ký Sổ Vàng Lưu Niệm tại Tòa Thị Chính. Đứng bên cạnh Ngài là ông Thị Trưởng và các chính trị gia của Tiểu Bang Niedersachsen.

Khi tôi lên xe ICE, là một loại xe sang trọng nhất của nước Đức hiện nay. Loại xe này Nhật đã chế từ năm 1967. Tính ra Đức đi sau Nhật chừng vài chục năm về kỹ nghệ hóa. Chỉ có điều là đồ Đức chắc và bền gấp 10 lần đồ Nhật; nên nhiều người cũng rất ưa dùng đồ của Đức. Trên chiếc xe này, như một phòng khách di chuyển tự động, nơi đó họ có thể ngủ, đọc sách hoặc chuyện văn v.v... Tôi thì không, mỗi khi lên xe này thường hay viết bài, đôi khi cũng đọc sách. Xe ICE lòng rộng, các ghế ngồi tựa như ghế trong máy bay, nhưng rộng rãi hơn. Trong xe này có thiết trí Tivi, điện thoại công cộng, cho biết xe chạy ở tốc độ bao nhiêu và trước khi xuống xe, hành khách đều có thể biết được là cửa tự động mở bên phải hoặc bên trái v.v...

Thế giới văn minh quá mà con người thì còn khổ đau nhiều quá. Biết nói sao đây? Tôi ngồi bên cạnh một người đàn bà Đức. Người ấy đang đọc tờ Hannoversche Allgemeine Zeitung, dở ngay trang trong tường thuật về Đức Đạt Lai Lạt Ma. Sau đó bà ta gọi chuyện với tôi về chuyến đi này, tôi đã đưa bà thêm 2 tờ báo khác để bà đọc. Sau khi bà đọc xong, bà ta nhìn tôi và nói rằng:

Hoheit (Bệ hạ) (ý chỉ Đức Đạt Lai Lạt Ma) đến thành phố Hannover và đã mang đến cho mọi người cư dân tại đây một hòa bình nội tâm miên viễn.

Tôi nghe một người Đức nói được câu nói ấy, cảm nhận sâu tận đáy lòng, tôi có nói về Ngài cho bà ta nghe và bà ta đã nghe một cách chăm chú.

Mỗi danh xưng cho mỗi người, mỗi một địa vị nó khác nhau; nhưng bà dùng chữ Hoheit ở đây không sai mấy. Vì Ngài cũng là bậc Quân Vương nữa mà. Nếu dùng tiếng Đức để chỉ cho Ngài, họ nói là Seine Heiligkeit, tiếng Anh gọi là His Holiness. Có nghĩa là Thánh Đế hoặc Thánh Vương. Nếu dùng chữ Hoheit chỉ có nghĩa là Bệ Hạ hay Hoàng Thượng mà thôi. Vì thế khi nói với Ngài thường xưng 2 chữ His Holiness trước. Nếu chỉ hỏi "How are you today?" là

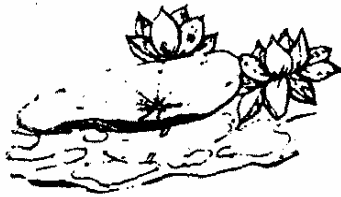
không ổn rồi. Cũng như khi xưng với một vị Hòa Thượng, tiếng Đức phải nói là Hochehrwuerdige, tiếng Anh gọi là The most Venerable, tiếng Pháp nói Le très Vénérable. Nếu muốn dùng nói đến Thượng Tọa thì xưng Venerable bằng tiếng Anh. Tiếng Đức nói Ehrwuerdige. Tiếp Pháp nói Vénérable. Tất cả những chữ này nó có nghĩa là "Bậc đáng Tôn kính". Nếu chỉ dùng chữ Ladies and Gentlements trong một buổi tiệc mà có mặt của các vị chức sắc Tôn Giáo quả là điều sai lầm rất lớn.

Khi xuống xe lửa để đổi xe đi phi trường Frankfurt bà ta xin địa chỉ của Chùa và nói rằng: Đây đúng là một nhân duyên và hy vọng sẽ có một ngày nào đó tôi sẽ đến Chùa để thăm Thầy.

Đạo Phật như thế đó. Đơn giản lắm, đi vào lòng người một cách nhẹ nhàng, không bằng dao to, búa lớn. Không bằng bạo lực, không bằng chiến tranh và thù hận, mà bằng tình thương miên viễn đối với mọi người và mọi loài.

Tôi đã miên man suy nghĩ về một con người. Con người ấy đã thật là Người và chính Người ấy hôm nay ngày 19.6.1995 đang điều trần trước Quốc hội Đức về vấn đề vi phạm nhân quyền của Trung Cộng nơi quê hương của Ngài. Nơi đó giờ đây có 6 triệu người Tây Tạng, nhưng có đến 7 triệu người Trung Cộng. Đúng là lấy số đông để đi áp chế thiểu số. Để xem rồi đây sự thật sẽ trở lại bên nào? Chắc chắn một điều nó không đến với người có quyền thế, mà sự thật bao giờ cũng sẽ trả về cho lẽ phải của nó. Đó là chân lý từ ngàn xưa.

Bản án ở đây không nằm ở người tu, mà bản án sẽ kết tội vào Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã vi phạm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền.



Đến phi trường Frankfurt sau khi cân hành lý xong, tôi đi mua 7 tờ báo khác tại đây để tìm thêm có tờ nào đăng về việc Đức Đạt Lai Lạt Ma đến Hannover không? Nơi đây tôi có hơn một tiếng đồng hồ, nên tôi đã ngồi xem kỹ từng trang báo một.

Trong 7 tờ ấy có 3 tờ đăng tin và không có tờ nào đi hình. Đó là tờ Die Welt "Thế Giới Thời Báo", có số độc giả khá đông, có đi tin. Tờ Frankfurter Rundschau và tờ Frankfurter Neue Presse. Cả 3 tờ đều nói về sự hiện diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại xứ Đức, về Chùa Viên Giác và Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hannover.

Hơn 8 tiếng đồng hồ có được trên máy bay, bay từ Frankfurt tới Toronto, rồi từ Toronto đến Montréal tôi đã ngồi dịch hết phần tường thuật về Đức Đạt Lai Lạt Ma của 6 tờ báo trên. Một phần vì tính cách thời sự của nó. Phần khác, khi đến Montréal đọc cho các Thầy và các Đạo Hữu nghe về công việc Phật sự mà tôi đã làm vào ngày hôm qua.

Ngồi trên mây, bông bành như nơi tiên cảnh, đầu óc tôi cứ mơ màng về Ngày Hội Lớn hôm qua và mãi cho đến ngày nay cũng như mai hậu, hình ảnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma đã in đậm dấu nơi tâm khảm của tôi.

Hy vọng rằng với một ít tâm tư chân thành này con xin dâng lên Ngài để hiểu rõ cho dân hậu học, luôn luôn hướng về chân lý và tình thương. Mong rằng Dân Tộc và quê hương của Ngài sắp thoát ra khỏi vòng lao lý và quê hương, tình người cũng như Đạo Pháp nơi xứ sở của con tình thương cũng sẽ được trải rộng, như cánh tay của Ngài đã

đang đón nhân loại và người người thương yêu nhau và hiểu biết nhau hơn.

Báo Hannoversche Allgemeine, thứ hai 19.6.1995

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA ĐÁ CẦU NGUYỆN

TẠI TRUNG TÂM TÂY TẠNG

Hannover: Đức Đạt Lai Lạt Ma, người lãnh đạo của nhân dân Phật Quốc Tây Tạng đã làm lễ cầu nguyện cho một Trung tâm Phật Giáo Tây Tạng vào ngày chủ nhật vừa qua. Ngài cũng đã gặp ông Thị Trưởng Herbert Schmalstieg. Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã nhận lời mời của Thượng Tọa Trụ Trì Thích Như Điển cũng như Hội Thân Hữu Tây Tạng - Đức tại Hannover.

Những tín đồ đã đến khắp nơi từ nước Đức. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã cầu nguyện tại tu viện Phật Giáo ở Mittelfeld.

CHO MỖI NGƯỜI MỘT NỤ CƯỜI

Cuộc đón rước đã đạt đến mức long trọng tối đa. Người đón mừng vị khách quý không thể không hành diện, họ đã dập y vàng để đón và khi bước vào cổng chùa, có những thiếu nữ mặc áo dài xám, trên tay có những đĩa hoa và với hai hàng rào danh dự của các Phật Tử, Ngài đã được cung nghinh vào chùa bằng bê và tích trượng, chỉ có một điều là chuông trống bát nhã đánh hơi sớm quá.

Đúng 12 giờ có khoảng 500 người đã chờ đợi phút quan trọng ấy. Đức Đạt Lai Lạt Ma vị lãnh đạo tinh thần và thế quyền của Tây Tạng đã đến trước cổng chùa Viên Giác. Ngài đã chấp tay quá đầu, mỉm cười chào các tín đồ. Một người nữ tín đồ đã vui mừng chào hỏi và nắm tay Ngài, đoạn nước mắt bà chảy dài rồi quỳ xuống, hầu như không muốn rời bàn tay từ ái của Ngài nữa.

Để làm lễ cầu nguyện cho Trung tâm Phật Giáo Tây Tạng "choling" tại chùa Viên Giác, Ngài đã sống ty nạn tại Ấn Độ và đã đến Hannover này để làm lễ đó. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nhận được lời mời của Thượng Tọa Trụ Trì Thích Như Điển cũng như Hội Thân Hữu Tây Tạng - Đức. Buổi sáng có bà Bộ Trưởng Tư Pháp Heidi Alm Merk (đảng SPD) đã đến phi trường Hannover để đón Ngài về, đã được Ngài chào lên cổ một khăn chúc phúc màu trắng. Bà Bộ Trưởng Tư Pháp cũng đã đưa Ngài đến Tòa Thị Chính để Ngài ký vào sổ vàng lưu niệm.

Đồng thời, ông Thị Trưởng thành phố Herbert Schmalstieg đã hướng dẫn Đức Đạt Lai Lạt Ma thăm mẫu hình thành phố hồi chiến tranh đổ nát cũng như sau khi đã xây dựng lại. "Chiến tranh chỉ mang đến khổ đau và không đem lại lợi ích gì cả". Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói điều đó tại Tòa Thị Chính với ông Phó Chủ Tịch Hạ Nghị Viện, ông Erwin Jordan của Tiểu bang Niedersachsen cũng như những Chủ Tịch đảng SPD và CDU.

Ngài cũng đã tin tưởng rằng Hannover đã đóng góp một phần cho hòa bình của thế giới, Ngài cũng vui mừng rằng thành phố này cũng đã kết nghĩa với thành phố Hiroshima. Ông Schmalstieg nói rằng: "Vấn đề của Tây Tạng cũng là đề tài để nói chuyện vào năm 2000 khi có Expo. Với thể thức nào, vẫn còn để trống đó". Ông Thị Trưởng cũng đã được chào khăn trắng chúc phúc ấy lên cổ của mình, khăn đó đã được trao bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma. Ngược lại, ông Thị Trưởng đã tặng Ngài một đĩa màu trắng và sau đó cùng với các chính trị gia dùng trà.

Tại chùa, Ngài đã dùng cơm chung với đại diện của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo và Tin Lành. Một vị trưởng lão từ Marseille trong GHPGVNTN Âu Châu cũng đã đến (*1). Điều đáng chú ý là Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã dùng 8 món chay làm bằng đậu hủ và chả giò do một đầu bếp nhà hàng Trung Hoa nấu (*2). Một số quan khách giới hạn, trong đó

có nhiều người Đức và người Việt Nam, họ đã đến từ khắp nơi trên nước Đức. Buổi chiều là thời thuyết pháp tại chánh điện. Ngài giảng về Tứ Diệu Đế, sau đó đi Bonn. Tại đó, hôm nay Ngài đã điều trần trước Quốc Hội Đức về chương trình đã được định sẵn.

(*1) Xin đính chính. Đó là Hòa Thượng Thích Thiên Định, Viện chủ Chùa Pháp Hoa ở Marseille, Pháp, Cố vấn Tối cao Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

(*2) Xin đính chính. Không phải 8 món mà tổng cộng 15 món chay đặc biệt do các Chùa Viên Giác, Thiên Hòa, Báo Quan, Quan Âm và Phật Bảo cúng dường và do các Sư Cô cúng như các Phật Tử đảm trách.

(Thích Như Điển dịch từ Đức ngữ)

● Báo Bild, Hannover ngày 19.6.1995

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA Ở HANNOVER,

NGÀI ĐÃ LÀM LỄ CHÚ NGUYỆN TẠI CHÙA

"Tôi đã gặp một người thông thái với đầy hấp lực"

Bài tường thuật của Michael Dunker

Đức Đạt Lai Lạt Ma (59 tuổi), một Thánh Vương của Tây Tạng, lãnh đạo tinh thần của thế giới khoảng 1 tỉ tín đồ. Ngày hôm qua, Ngài đã đến thăm Hannover lần đầu tiên. Ngài đã làm lễ chú nguyện tại chùa Viên Giác ở Wuelfel.

Michael Dunker là phóng viên của báo Bild (22 tuổi) đã tiếp cận tại đó và nói rằng: "Đức Đạt Lai Lạt Ma có giọng nói thâm trầm và ấm cúng. Ngài đứng là một Thánh Nhơn. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao người ta cung kính Ngài như một vị Thánh".

Tại phi trường Langenhagen : Với một túi đồ mang trên vai, y phục màu hoại sắc cùng với đôi giày có dây cột, Ngài đã xuống máy bay và bên sau cặp kiếng màu người ta nhận ra con mắt màu nâu với nụ cười quảng đại.

Ông Thị Trưởng thành phố Herbert Schallstieg (52 tuổi) thuộc đảng SPD đã đón tiếp Ngài tại Tòa Thị Chính. Đột nhiên có người đàn bà Đức chấp hai tay lại và quý trước Ngài. *Vị Thánh Tăng cười và giải thích cho ông Thị Trưởng rằng: "Đó là một phong tục cao đẹp".*

Người Phật Tử gọi vị Thánh Vương này là "Người của áo sen trắng", "của biển trí tuệ", "Bậc Đại giác". Với bước đi ngấn, Ngài đến trước tôi, tôi đã đưa tay ra như một phản xạ tự nhiên. Ngài cười, rồi đưa tay cho tôi bắt. Một cảm tưởng nóng bỏng và cảm động. Một cảm giác rờn rợn sung sướng chạy rền sau sống lưng tôi.

Đoạn Ngài ký vào sổ vàng lưu niệm, Ngài viết từng chữ rõ ràng, không hoa hòe "Tôi cầu nguyện cho sự hòa bình vĩnh cửu của thế giới".

Trước cổng chùa Viên Giác, Ngài đã mỉm cười trước 500 người đến đón Ngài, sau đó vẫy tay chào mọi người. Tôi đã gào lớn lên rằng: "Ngài có biết Richard Gere? Người minh tinh điện ảnh của Hollywood muốn sống một cuộc sống như một tu sĩ trong tu viện chừng sáu tháng có phải thế không?" Ngài trả lời: "Đúng vậy! Tôi biết về ông ta rất nhiều".

Một sự sơ hở nhỏ, khi vào chính điện Ngài đã quên cởi giày. Sau đó, Ngài được đãi 8 món chay bằng rau quả và đậu hủ, chà giò. Ngài cũng mức thức ăn cho người ngồi bên cạnh mình. Người ngồi cạnh nói rằng: "Vị Thánh ấy chính là một con người trọn vẹn".

Sau đó, Ngài giảng cho 300 người nghe về: "Nước Đức là một nước tiên tiến, đều ấy tốt; nhưng cũng phải lo phát triển về vấn đề nội tâm. Vì điều ấy rất quan trọng". Ngài nói về khổ đau: "Để chấm dứt khổ đau, chúng ta phải tự tìm thấy vô ngã", và để giải thoát, Ngài dạy: "Nếu chúng ta muốn hết khổ, chúng ta phải mở cửa, vì ở đây sao mà nóng quá" (*chú thích người dịch: Tất cả cửa đóng kín hôm đó để giữ an ninh cho Ngài*)

Sau đó, Ngài đi Bonn vào lúc 16 giờ, vì có hẹn tại Quốc Hội. Trước đó, Ngài đã trườn qua chiếc xe Audi bắt tay... và chú nguyện vào gạo.

(Thích Như Điển dịch từ Đức ngữ sang)

● VÀI NÉT VỀ ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Đức Đạt Lai Lạt Ma vừa là một Thánh Tăng vừa là một Quân Vương của 3 triệu người Tây Tạng. Quê hương của Ngài đã bị Trung Cộng chiếm từ năm 1950. Ngài đã sống lưu vong tại Ấn Độ. Đối với các Phật Tử, Ngài là hiện thân của Đức Phật (Người của hoa sen trắng).

Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện tại, được sanh ra trong một gia đình nông dân vào năm 1935. Khi Ngài được 2 tuổi, được phát hiện và sau đó thành Tăng sĩ. Khi Ngài được 5 tuổi, các Tăng sĩ giải thích rằng Ngài là tái sanh của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 và với điều ấy, Ngài trở thành Thánh Tăng trong Phật Giáo. Tiếp theo, Ngài được dạy dỗ bởi những vị Trưởng Lão trí tuệ khác.

Năm 1989, Ngài nhận giải thưởng Nobel hòa bình trong việc đấu tranh ôn hòa chống lại việc chiếm đóng của Trung Cộng. Đức Đạt Lai Lạt Ma sống như nhà tu khổ hạnh, thích chơi golf và rất thương thú vật, nhất là mèo.

● MỘT VÀI HƯỚNG DẪN VỀ PHẬT GIÁO

Khởi nguyên: Năm 563 trước Chúa giáng sinh, tại thung lũng sông Hằng, Thái Tử Siddharta Gautama đã giáng sanh. Năm 29 tuổi trở thành tu sĩ. Trên đường tìm chân lý, Ngài đã đi khắp xứ Ấn Độ. Dưới một cội Bồ Đề, Ngài đã chứng quả vị Phật.

Giáo lý: Cuộc sống là khổ đau. Bởi vì nó phát sanh từ sự vọng tưởng. Con đường Bát Chánh Đạo sẽ dẫn tới Niết Bàn (giải thoát sự khổ đau). *Ví dụ*: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh định. Thế nào gọi là chánh? Trước hết, Đức Phật và tín đồ Phật Giáo tin rằng có luân hồi sinh tử và phóng khoáng hơn những tôn giáo khác.

Ở Á Châu có khoảng 800 triệu Phật Tử và ở Đức có khoảng 80 ngàn người. (Richard).

(Thích Như Điển dịch từ Đức ngữ sang)

● Báo Die Welt ra ngày thứ hai 19.6.1995

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA CẦU NGUYỆN

TẠI TU VIỆN Ở HANNOVER

DW Hannover: Đức Đạt Lai Lạt Ma đang sống lưu vong tại Ấn Độ, lãnh đạo giáo quyền cũng như thế quyền của Tây Tạng đã làm lễ cầu nguyện cho Trung tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hannover. Ngài đã được Hội Thân Hữu Đức - Tây Tạng và Thượng Tọa Trụ Trì Thích Như Điển mời đến nước Đức. Trong nước Đức hiện nay có khoảng 80.000 Phật Tử Việt Nam sanh sống.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã được chào mừng bởi Thượng Tọa Trụ Trì cũng như Tăng Ni trong Chi Bộ và đã có khoảng 300 người tham dự lễ. Khi chuông trống bát nhã vang lên Ngài Đạt Lai Lạt Ma 59 tuổi đã đi vào chánh điện trong trang thái vui tươi với sự chào đón của những bông hoa sắc sỡ trong đại điện. Viên Giác là ngôi chùa lớn của Phật Giáo Việt Nam tại xứ Đức và cũng là một tu viện lớn nhất của Phật Giáo Việt Nam ngoài Việt Nam và Á Châu. Tại nhà Tây, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã làm lễ cầu nguyện cho phòng thờ Phật của Hội Phật Giáo Tây Tạng "choling".

Trước đó, Ngài được đón tiếp bởi bà Bộ Trưởng Tư Pháp Heidi Alm Merk (SPD) và sau đó Ngài đã ký vào sổ vàng của thành phố để lưu niệm.

Hôm nay (19.6), Đức Đạt Lai Lạt Ma chờ đợi một cuộc nói chuyện tại Bonn. Ngoài ra, Ngài còn tham dự vấn đề điều trần về vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng tại Quốc Hội nữa.

(Thích Như Điển dịch từ Đức ngữ sang)

● Báo Neue Presse, Hannover, Thứ hai ngày 19 tháng 6 năm 1995

NGƯỜI LÃNH GIẢI THƯỞNG NOBEL HÒA BÌNH

ĐÁ ĐỂ LAI HANNOVER DẤU TÍCH CỦA CON NGƯỜI ĐÁNG KÍNH

Bà Uta Schmalstieg vợ ông Thị Trưởng thành phố Hannover đã có ấn tượng sâu đậm về Đức Đạt Lai Lạt Ma

Bài tường thuật của Rudiger Knorr

Hannover: Với một chương trình rất hạn hẹp cho cuộc viếng thăm ngắn ngủi này. Tuy nhiên, trong 6 tiếng đồng hồ thăm viếng Hannover của Đức Đạt Lai Lạt Ma, người lãnh đạo quốc gia Tây Tạng lưu vong và cũng là người lãnh giải thưởng Nobel hòa bình đã để lại cho bao nhiêu người tại Hannover về hình ảnh đẹp của con người ấy. Bà vợ ông Thị Trưởng thành phố Hannover cũng là người tháp tùng trọn vẹn chuyến viếng thăm của vị lãnh đạo Phật Giáo này. Bà ta đã tâm tình: "Tôi chưa bao giờ gặp gỡ được một con người trọn vẹn như thế".

Chủ nhật tới cũng là ngày mà bà vợ ông Thị Trưởng sẽ thăm Trung Quốc và Tây Tạng, nên đây cũng là cơ hội để tìm hiểu về Phật Giáo và vị Đạt Lai Lạt Ma tái sanh này. Nhưng khi gặp gỡ trực tiếp, bà ta có nhận định rằng: "Ngài là con người phóng khoáng, tự nhiên và vui vẻ, làm ảnh hưởng đến người khác".

Người ở tuổi 59, da y màu vàng và đỏ ấy, trước 11 giờ sáng ngày hôm qua đã được đón từ phi trường về Tòa Thị Sảnh. Trước Tòa Thị Sảnh, một Phật Tử Thái Lan Surance Holgleiliner, đã sụp lạy dưới chân Ngài và Ngài đã đỡ bà dậy. Bà ta cũng đã nói rằng: "Cảm tưởng của tôi khi nhìn Ngài như một đóa sen vậy".

Hoa sen là một loài hoa mọc từ bùn nhơ nhưng tỏa hương thơm ngát, như cuộc sống của con người, nếu chúng ta giác ngộ được, mà Đức Phật đã ngự trị nơi hoa sen ấy.

Đúng 12 giờ trưa, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đến chùa Viên Giác tại Mittelfeld, đã có khoảng hơn 500 người lúc ấy đón chào Ngài. Hầu hết là người Việt Nam. Đây cũng là một trung tâm Tôn giáo lớn ngoài quê hương của họ.

Vì lý do làm lễ chú nguyện cho chùa Viên Giác và Hội Phật Giáo Tây Tạng "choling" nên Ngài đã đến Hannover. Ngài đã được sự đón tiếp của Thượng Tọa Trụ Trì Thích Như Điển. Những cô thiếu nữ Việt Nam đã tiếp đãi Ngài bằng 8 món chay thanh khiết. Ai không còn tìm chỗ nơi chánh điện được, họ đã tìm xuống phía dưới hội trường để ngồi chờ được xem trực tiếp truyền hình qua hệ thống video. Ở đây tự do hơn, như tổ chức một lễ lớn và ai cũng có thể ăn uống miễn phí một cách ngon lành. Và ở đây mọi người cũng có thể lắng nghe hai tiếng đồng hồ thuyết pháp bằng tiếng Tây Tạng và đã được dịch ra tiếng Đức cũng như tiếng Việt. Ngài đã giảng về Thiện và Bất Thiện. Sự suy nghĩ về Tứ Diệu Đế và quy y Tam Bảo.

Ngài cũng đã kêu gọi những người đại diện của hai Giáo Hội Thiên Chúa Giáo và Tin Lành hãy có trách nhiệm trong vấn đề hòa bình của thế giới. Dagmar Meinholz Kronl, một người Thiên Chúa Giáo đến thăm với tư cách tò mò đã nói: "Với tôi, Đức Đạt Lai Lạt Ma là một con người của thế giới và là một sứ giả của Hòa bình".

(Thích Như Điển dịch từ Đức ngữ sang)

HY VỌNG CÓ TRIỂN LÃM VỀ TÂY TẠNG

VÀO THỜI GIAN EXPO NĂM 2000

Hannover: "Tôi thật tâm cầu nguyện cho sự hòa bình trong nội tâm của chúng ta được thể hiện một cách trọn vẹn".

Đó là điều mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đã viết vào sổ vàng lưu niệm của thành phố Hannover và cũng là người thứ tám đã lãnh giải thưởng Nobel Hòa Bình. Trước Ngài đã có ông Henry Kissinger và Michael Gorbatschow đã ký tên vào đây.

Ông Thị Trưởng thành phố Herbert Schmalstieg cũng đã quan tâm về vấn đề điều trần tại Quốc Hội hôm nay của Ngài và ông ta đã nói: "Khi bang giao về vấn đề kinh tế,

chúng ta không quên đặt vấn đề vi phạm nhân quyền của Trung Cộng đối với Tây Tạng đã đàn áp lâu nay". Ngoài ra, ông Thị Trưởng cũng đã nói với Đức Đạt Lai Lạt Ma rằng: "Hy vọng năm 2000 Expo sẽ có triển lãm về Tây Tạng". Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng thấy rằng thành phố Hannover đã kết nghĩa với thành phố Hiroshima và nơi đây cũng đã lưu tâm đến vấn đề tác hại của bom nguyên tử và kêu gọi ngưng chế tạo về việc nguy hiểm này. Mọi người tại Hannover cũng có thể thấy được điều đó qua việc hòa bình vĩnh cửu của thế giới.

CON NGƯỜI CỦA SỰ PHÓNG KHOÁNG

Đức Đạt Lai Lạt Ma đối với người Phật tử tại Tây Tạng, họ luôn nghĩ rằng: "Ngài là tái sanh của Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài sinh năm 1935 trong một gia đình nông dân, và trở thành Tăng sĩ 6 năm sau cái chết của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 và Ngài như là người thừa kế.

Ngài được phong vương làm Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 năm 1940. Kể từ khi Trung Cộng chiếm Tây Tạng năm 1950, và sau đó Ngài đã lưu vong sang Ấn Độ vào năm 1959. Ngài đã tuyên dương cho thế giới về vấn đề hòa bình và chống lại sự bất bình đẳng của dân Tây Tạng đang phải gánh chịu. Năm 1989, Ngài đã nhận được giải thưởng Nobel Hòa Bình và là người luôn luôn tượng trưng cho sự phóng khoáng đó.

- **Tờ Frankfurter Neue Presse**
ra ngày thứ hai 19.6.1995

ÔNG ROLAND KOCH

ĐÃ GẶP ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Frankfurt: Chính quyền Liên Bang cũng như Quốc Hội nên lưu tâm hơn nữa về sự tường trình của ông Roland Koch, đảng trưởng CDU ở tiểu bang Hessen về việc nhân dân Tây Tạng càng ngày càng bị đàn áp. "Chúng ta, những người Đức có khả năng để đặt vấn đề vi phạm nhân quyền của Trung Cộng tại Tây Tạng", ông Koch đã nói như thế sau khi gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma, người lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng. Trong cuộc mạn đàm đó cũng có sự tham dự của cựu Chủ Tịch SPD Klaus Kibler. Và Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã cho thấy rằng sự đàn áp của chính quyền Trung Quốc ngày càng nhiều hơn trước.

- **Báo Franfurter Rundschau, ngày thứ hai 19.6.1995**

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Vị lãnh đạo tinh thần Phật Giáo Tây Tạng đã đến thăm nước Đức trong chương trình điều trần trước Quốc Hội như đã định sẵn. Ngoài ra, Ngài cũng cầu nguyện cho một Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hannover. Ngài đã cùng với Chủ Tịch của CDU tại Hạ Nghị Viện, ông Roland Koch nói chuyện về việc Trung Quốc đó hộ quê hương của Ngài. Chính Trung Quốc luôn luôn chống lại vấn đề tự do tôn giáo và điều đó ông Koch đã nói tại phi trường Frankfurt am Main. Chính quyền Liên Bang và Quốc Hội nên lưu tâm về sự kiện dân Tây Tạng ngày càng bị đàn áp như ông Koch đã trình bày. Bởi vì, chính nước Đức đang có truyền thống tốt đẹp với Trung Quốc nên có thể nói được. Phải lấy việc làm ấy làm áp lực trên vấn đề trao đổi mậu dịch với các chính trị gia của chính quyền Trung Quốc.

(Thích Như Điển dịch từ Đức ngữ)



Trang HOA PHƯỢNG

Các em thân mến.

Thấm thoát nay hè lại về, tùy nơi này sân trường không có phượng nở hoa hay tiếng ve sầu báo hiệu cho một thời tạm biệt.

Nhưng nắng ấm của những ngày trong mùa và cây cối xanh tươi, chim chuyền cánh đùa hót, ta tưởng chừng như những ngày trên quê hương mình đó.

Với tuổi học trò các em hẳn đã cảm thấy lòng mình niềm vui lãn nhẹ, khi được nghỉ xả hơi để rồi tiếp vào niên học mới.

Các em đang nghỉ mát và tắm biển ở chỗ xa, có em quây quần với nhóm bạn cùng trường sống chung trong những ngày hội trại hoặc đang thăm chơi nơi bà con cùng cảnh ngộ lưu vong và cũng có em đang cần cù nơi chỗ làm thêm để kiếm tiền đóng dành dụm cho sau hè chi dụng.

Hè đến, nắng ấm chan hòa, sự sinh hoạt của con người cùng vạn vật cũng tăng lên sinh khí và nhộn nhịp hơn; so với lúc giá lạnh, đông về.

Tuổi trẻ cùng tuổi trẻ.

Nhắc đến những người tuổi trẻ mặc áo lam, đeo hoa sen trắng. Họ cùng các em mái trường và chung dòng máu Việt, nhưng có tổ chức chặt chẽ gọn gàng hơn, đang vai mang, tay xách hành trang từ mọi nẻo đường nước Đức kéo về tham dự trại họp bạn hằng năm. Ở đây họ sẽ gặp gỡ nhau qua bao ngày xa cách để sống chung dưới mái lều trong tình nghĩa anh em và bằng "lực hòa" trong vị đạo.

Ngày vui đang đi qua thì mùa lễ Vu Lan cũng đến. Các em sánh gì hơn bằng công ơn sanh thành, dưỡng dục của mẹ lãn cha và làm gì đáng tròn câu hiếu đạo?

Và cũng chính bàn tay những người trẻ áo lam này sẽ cài lên ngực áo các em một đóa hồng hay một bông hoa trắng, nhắc các em nhớ đến mẹ mình đang hiện tiền hay mẹ mình đã mất, và khi giọt nước mắt lãn tròn trên má các em là mùa các em đang hướng về với mẹ, với cha yêu thương của mình đó.

Hoa Phượng thân ái chào các em.

• Hồng Nhiên

CÂY TRE TRĂM ĐỐT

• Hồng Nhiên sưu tầm

Ngày xưa, trong làng nọ có một anh nông phu nghèo, tên là Lực. Mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ. Lực chưa bao giờ có được một mái ấm gọi là gia đình của mình. Khi còn là một chú bé, Lực đã phải đi ăn xin trong làng, đêm đến, kiếm được chỗ khô ráo, khuất gió thì lãn ra ngủ. Cuối cùng một phú ông trong làng đem Lực về nuôi, cho ngủ trong kho lúa, đổi lại, Lực phải chăn đàn trâu cho phú ông.

Từ tờ mờ sáng, Lực đã lùa đàn trâu khoảng hai chục con ra đồng, trông cho chúng ăn cỏ, đến chiều, dẫn chúng xuống sông, tắm cho chúng và trước khi mặt trời lặn, dắt chúng về chuồng, cho chúng ít rơm khô, khóa kỹ cổng chuồng trước khi đi ngủ. Lực làm công việc đó mấy năm liền, rồi dần dần, lãn lên, Lực được giao phó thêm nhiều việc khác. Vì thế phú ông không cần phải thuê nhiều người làm như trước nữa. Còn Lực thì tối vẫn về ngủ trong kho lúa, và chẳng bao giờ được trả một đồng tiền công nào cả.

Chẳng những phú ông không trả công cho Lực, ông còn không chịu mướn người để làm việc trại. Do đó, Lực phải nai lưng ra cày ruộng, chăn trâu, gặt lúa, một mình gánh hết công việc của mấy người khác. Làm thế, phú ông tiết kiệm được không biết bao nhiêu là tiền. Nhưng được vậy rồi, ông vẫn chưa vừa ý, ông còn muốn lợi dụng Lực thêm nữa mới thôi.

Ngày nọ, phú ông ra đồng thăm ruộng. Trời vừa đúng Ngọ, mặt trời như đổ lửa xuống thửa ruộng Lực đang cày. Bỗng một ý nghĩ lóe lên trong đầu ông. Ông bước xuống mé ruộng, và bằng một giọng hết sức tử tế, ông bảo Lực rằng ông sẽ gả con gái ông cho anh, nếu anh chịu khó tiếp tục làm việc, trông nom công việc trại cho ông. Lực nghe lời ông nói mà không sao tin nổi tai mình. Cho đến lúc đó, Lực rất hài lòng với hiện tại. Nhưng anh vừa được nghe một đề nghị mà trước đó anh chẳng bao giờ dám tưởng tới. Lực cảm ơn phú



ông rồi lại tiếp tục xuống cày nốt đám ruộng. Lạ thay, lãn này, anh thấy chiếc cày bỗng nhẹ hẳn so với trước đó vài phút. Lực nghĩ hơi giận mấy người trong làng vì đã nhiều lần trước đây, họ xui anh không nên tiếp tục làm việc cho ông già tham lam, keo kiệt đó. Anh mỉm cười, ước sao những người đó được nghe thấy lời phú ông vừa nói với anh bên bờ ruộng.

Từ sau hôm đó, Lực chăm chỉ làm việc còn hơn trước nhiều. Trước khi gà gáy sáng, anh đã ở ngoài đồng. Suốt ngày, Lực làm việc quần quật. Không lúc nào ngơi tay. Lúc về đến kho thóc thường đã quá nửa khuya. Sau một ngày dài nặng nhọc, vất vả, Lực nằm xuống là ngủ liền. Trong mơ, Lực thấy mình trở thành con rể phú ông, cái trại mà anh đang đổ bao nhiêu công sức gây dựng nay thuộc về hai vợ chồng anh. Một nụ cười thoáng hiện trên môi khi Lực nằm ngủ dưới sàn đất cứng của kho thóc. Chẳng bao giờ Lực hồ nghi những gì phú ông đã nói với anh.

Nhưng Lục đâu biết lời hứa hẹn của phú ông chỉ là một mưu mô cốt lừa anh làm việc không công cho ông. Ông không bao giờ có ý định gả con gái cho Lục cả, vì ông đã lựa được một thanh niên con nhà giàu có ở làng bên cạnh để gả con gái, và ngày cử hành hôn lễ đã được chọn sẵn. Trong khi đó, Lục vẫn đem hết sức mình ra làm công việc đồng áng, lúc nào cũng tươi cười nét mặt.

Thế rồi ngày cưới đến. Dĩ nhiên chàng rể không phải là Lục. Để Lục khỏi có nhà vào ngày cử hành hôn lễ, phú ông gọi Lục vào, nói rằng ông rất hài lòng với công việc của Lục. Ông tiếp rằng nhờ công lao của anh mà trại một ngày một thêm trù phú. Để giữ lời hứa gả con gái cho Lục, ông đã mời bạn bè họ hàng đến nhà chứng kiến ngày vui của đôi trẻ. Không cần nói ai cũng hiểu Lục cảm động không nói thành lời. Phú ông bảo Lục rằng ông cần một cây tre, một cây tre đặc biệt có đúng một trăm đốt để làm đũa đãi khách. Dĩ nhiên Lục vui vẻ nhận lời đi tìm tre ngay. Anh xách theo con dao rựa lớn, vội vã lên đường đúng lúc mọi người bắt đầu kéo đến nhà dự đám cưới. Trên đường ra cổng, Lục vui vẻ vẫy tay chào khách đám cưới của anh. Có lẽ quá vội vã, Lục không nhìn thấy nụ cười hiểm độc trên mặt phú ông.

Vào đến rừng, Lục tìm được ngay một cây tre anh nghĩ là cao nhất ở đó. Lục dùng dao chặt xuống. Cây đó nằm dưới đất, Lục đếm thấy chỉ có khoảng bốn chục đốt. Anh liền đi sâu vào trong rừng, nơi mọc những cây tre già và cao hơn. Đứng dưới đất nhìn lên, anh thấy được vài cây, trông có vẻ cao lắm. Nhưng cũng như lần trước, những cây này, không cây nào có trên bốn chục đốt. Lục tiếp tục đi kiếm cho đến khi mặt trời lên đến đỉnh đầu. Lục biết đã quá giờ làm lễ, vậy mà anh còn đứng giữa rừng, mình mẩy, chân tay đầy vết gai móc, quần áo rách bươm. Vừa mỗi một, vừa thất vọng, Lục ngồi xuống, nhìn hai bàn tay sưng vù, rướm máu mà thở dài. Một cơn gió mát thổi qua, cuốn tung những chiếc lá tre rụng nằm dưới đất, Lục thấy đỡ mệt. Anh vừa định nhặt dao để đi sâu nữa vào trong rừng thì bỗng thấy một lão trượng râu tóc bạc phơ đứng trước mặt. Lão trượng hỏi anh làm gì trong rừng tre? Lục kể cho ông nghe đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, lão trượng đưa tay, vuốt chòm râu bạc, gạt đầu cười. Ông xưng là lão tiên cai quản khu rừng tre và nói rằng ông đến để giúp Lục. Ông sai Lục kiếm cho ông một trăm đốt tre dài bằng nhau. lát sau, Lục trở về, gánh trên vai một trăm lóng tre cột gọn gàng. Tiên ông truyền cho Lục xếp những ống tre thành một hàng dài dưới đất. Đoạn ông cầm quyền trượng, chỉ vào những lóng tre xếp dưới đất, nói to: "Khắc nhập! Khắc nhập!" Những lóng tre tức thì dính chặt lại với nhau, Lục vô cùng kinh ngạc, thấy trước mặt một cây tre dài đúng một trăm đốt. Khi anh quay lại để cảm ơn tiên ông, thì Ngài đã biến mất.

Lục bắt tay vào việc vác cây tre về nhà ngay, vì anh thấy trời đã muộn. Nhưng dù cho cố gắng cách nào, anh cũng không sao đem nổi cây tre ra khỏi khu rừng rậm rạp. Hi hục hồi lâu, Lục mệt quá, anh lại ngồi xuống nghỉ, nghĩ cách làm thế nào đem cây tre về nhà. Bỗng nhiên anh cảm thấy có người đặt tay lên vai anh. Anh ngược lên, và thấy tiên ông đã hiện ra từ lúc nào không biết. Tiên ông dường như biết được khó khăn của Lục, vì trước khi Lục nói ra, ông đã vung gậy thần, đọc to "Khắc xuất! Khắc xuất!" Lần này, những lóng tre tự rời ra, trên mặt đất lại thấy một trăm lóng tre nằm ngổn ngang. Lục cảm ơn tiên ông đã hết lòng giúp anh. Tiên ông trước khi về, cho Lục chiếc gậy thần, rồi dạy Lục câu thần chú. Lục bó những lóng tre lại thành hai bó, lấy một khúc tre dài, nhắc hai bó lên vai, và gánh ra khỏi rừng một cách dễ dàng.

Về đến nhà, Lục đã thấy mọi người ngồi đông đủ ở bàn tiệc. Cô dâu, hay đúng hơn là vợ anh thì ngồi ở một bàn lớn, bên cạnh là một thanh niên, trông như một cặp vợ chồng mới cưới. Lục đặt gánh tre xuống sân. Vài người từ bàn tiệc đi xuống tò mò đứng xem. Phú ông cũng xuống theo. Lục vẫn ngó xuống đất, xếp những lóng tre lại thành một hàng dài. Phú ông lác đầu, nói với Lục rằng ông muốn có một cây tre có một trăm đốt chứ không phải một trăm đốt tre. Lục vẫn lặng thinh, anh trở cây gậy thần vào những lóng tre nằm

dưới sân rồi đọc thần chú. Trong chớp mắt, những lóng tre tự nối liền vào nhau, thành một cây tre dài. Phú ông ngạc nhiên vô cùng. Ông bước lại gần xem kỹ cây tre nằm dưới sân. Ông đếm đi đếm lại mấy lần thì thấy quả thật cây tre có đúng một trăm đốt. Tưởng có thể tách rời những đốt tre ra được, ông cúi xuống, cầm lấy cây tre, lắc thật mạnh. Thấy không được, ông quay sang Lục, bằng một giọng mỉa mai, ông nói chỉ có người diên mới chịu gả con gái cho Lục, một người vừa nghèo, vừa thất học. Phú ông nói rồi quay bước đi, vẫy mọi người theo ông. Lập tức, Lục vung chiếc gậy thần và nói lớn "Khắc nhập!, Khắc nhập!". Tức thì Phú ông bị cây tre hút lấy. Ông bị dính vào cây tre như bị một sợi dây vô hình trói lại. Ông vùng vẫy, la hét vang nhà, đỏ mặt, tía tai, mà vẫn không sao vùng thoát ra được. Chàng rể chạy lại, định cứu ông ra, cũng bị Lục làm cho dính luôn vào cây tre với phú ông. Rồi ông thông gia xắn tới giúp cũng bị dính luôn. Mấy người khác xông vào cũng chịu chung số phận, vì Lục vẫn bình thần đứng đó, vừa vung chiếc quyền trượng lên, vừa đọc thần chú. Cuối cùng, phú ông phải xin Lục tha ông ra, hứa rằng ông sẽ gả con gái cho Lục. Cô con gái phú ông, từ lâu vẫn mến Lục vì đức tính chăm chỉ và lòng thành thực, ngay thẳng của Lục nên rất vui mừng khi nghe cha nói vậy. Cô xin Lục bỏ qua cho cha, và thả ông ra. Lục liền vung cây gậy thần, chỉ vào đám người nằm dính cứng vào cây tre, nói lớn "Khắc xuất! Khắc xuất!". Tức thì tất cả mọi người lại rời ra. Phú ông xin lỗi Lục và mời tất cả mọi người trở lại bàn tiệc, lần này để uống mừng tân lang và tân giai nhân: Lục và con gái ông.

Thế rồi cặp vợ chồng trẻ ấy sống với nhau hạnh phúc cho tới khi đầu bạc, răng long ●●●

MẸ TRONG LÒNG TÔI

• Sen. Con-Con.

Tôi còn nhớ, lúc tôi mới biết đọc chữ, mẹ dẫn tôi đi chùa tụng Kinh Vu Lan và cũng là lần đầu tiên tôi được biết về ngài Mục Kiền Liên đã cứu mẹ là bà Thanh Đề thoát khỏi kiếp nạ quỷ. Tuy còn bé, tôi không hiểu hết ý của bài Kinh, nhưng lưu lại trong tôi một sự ưu tư khó tả. Sau đó cứ mỗi năm đến mùa Vu Lan Báo Hiếu, tôi đều đi chùa để tụng Kinh và được cài lên mình một bông hoa hồng tươi thắm, vào những phút này lòng tôi rộn lên một niềm vui khôn kể xiết. Nhờ những buổi Lễ này mà đã nhắc nhở tôi phải nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của Phụ Mẫu và cố gắng nắm lấy những giây phút quý báu, thiêng liêng hiện đang có. Thời gian cứ trôi mãi, tôi bắt đầu lớn thì mái tóc của mẹ đã thành hai màu, vì phải thức khuya dậy sớm lo cho tôi từng miếng ăn, cái mặc và mẹ quên ăn bỏ ngủ khi tôi lâm bệnh. Ôi! còn không biết bao nhiêu việc khác mà mẹ phải lo cho tôi.

Mẹ luôn vỗ về tôi trong vòng tay ấm áp của người, không hề quản học và than phiền, bất chấp mọi hoàn cảnh, luôn tha thứ khi tôi có lỗi với mẹ, những lúc này tôi thường nghĩ, mẹ là một bà tiên giống như trong những câu chuyện cổ tích, mà tôi đã được nghe.

Mẹ rất thương tôi, bởi vậy tất cả những gì buồn vui tôi đều tâm sự hết cho mẹ nghe cả, những lúc tôi buồn bực về việc gì, tôi thấy mẹ cũng xót xa như chính trong lòng mẹ xảy ra. Về chuyện học vấn của tôi, khi tôi được điểm cao, gương mặt mẹ rất hân hoan và rạng rỡ, còn lúc tôi bị điểm thấp mẹ không hề la rầy tôi bao giờ mà chỉ khuyên nhủ và an ủi, nhưng trong sự khuyên nhủ ấy, tôi cảm thấy có sự ưu buồn và suy tư cho tôi, trong những trường hợp ấy, tôi cầu mong mẹ hãy la rầy hoặc đánh đập tôi sao cũng được, để cho tan đi sự buồn phiền và lo âu trong lòng mẹ.

Dù cứ mỗi năm, tôi được tụng Kinh Vu Lan Báo Ân Phụ Mẫu và cũng nghe bấy nhiêu bài hát ca tụng về mẹ, tôi không hề thấy chán, mà càng ngày càng thấm vào trong tim tôi. Khi bài hát "Bông hồng cài áo" được cất giọng lên, do chị T.B. trình bày, lòng tôi tràn dâng lên một sự cảm xúc, nước

mắt của tôi đã thành hai dòng từ bao giờ, tôi không hề hay biết, tôi đã khóc! Khóc vì sung sướng, hạnh diện và diễm phúc khi tôi còn được sống kề cận bên mẹ, được mẹ chăm sóc vỗ về. Lúc ấy tôi muốn chạy đến ôm mẹ, hôn lên mẹ, để bày tỏ cho mẹ biết rằng, tôi rất thương mẹ và không bao giờ muốn mẹ xa tôi dù bất cứ ở hoàn cảnh nào đi chăng.

Hôm nay mùa Vu Lan Báo Hiếu lại đến, tất cả mọi người đều hướng về mẹ, tôi muốn viết lên tình thương cao cả của mẹ và mọi sự hy sinh mà mẹ đã dành cho tôi, nhưng tôi không thể viết lên thành chữ được, vì tôi tìm không ra lời nào để so sánh cho vừa. Tôi chỉ biết cầu nguyện Thập Phương Chư Phật gia hộ cho mẹ có nhiều sức khỏe và an lành, để tôi được nghe những lời ngọt ngào, hiền dịu, thương yêu triu mến của mẹ trao cho, và trên áo tôi được vĩnh viễn cài hoa màu hồng thắm •

THƠ : *Tình Mẹ*

*Cứ mỗi mùa xuân đến
Lòng con thấy xôn xao
Bồi hồi nhớ quê mẹ
Nhớ tiếng pháo năm nào
Khi con còn bên mẹ
Mẹ thương yêu chiều chuộng
Giờ đây xa cách mẹ
Xa cả quê hương xưa
Con xin viết thư này
Gửi mẹ thay bóng hình
Gửi mẹ thay nghĩa tình
Tha cho đàn con thơ
Nơi hải ngoại mộng mơ
Chờ ngày về phố cũ
Nay vẫn còn đây đủ
Bóng dáng người thân thương
Ôi quê mẹ tha phương
Mong về sao mỗi mòn...*

Sen. Thúy Hà

Vui Cười: THIÊN GẦY

• Sen

Hai người bạn thân thuộc hai GDPT Chánh Định và Chánh Niệm lâu ngày không gặp nhau lấy làm thương nhớ. Bên gọi điện thoại hỏi thăm nhau. Sau một lúc hàn huyên tâm sự trao đổi về số chuyện trò. Từ nút dây đến trò chơi lớn, trò chơi nhỏ. Trước khi gác điện thoại, đoàn sinh Chánh Định còn bịn rịn:

- Bạn cho tôi gọi lời thăm bác Gia Trưởng, các anh chị HT và tất cả đoàn sinh CN nhé. Nhất là HT Thị Hiện, không biết sức khỏe của anh đạo này ra sao?

- Đs CN: Anh Thị Hiện lúc này gầy ốm hơn trước nhiều.

- Đs CD (lo âu): Sao vậy? Bộ ảnh bệnh nặng hả?

- Đs CN: Bệnh hoạn gì đâu. Tại ảnh siêng năng thực tập thiền.

- Đs CD: Có lý nào như vậy! Thiên có ích lợi cho sức khỏe, quý Thầy hướng dẫn đều giảng như vậy cả.

- Đs CN (ra vẻ hiểu biết hơn): Điều đó chỉ đúng khi áp dụng Thiên đúng phương pháp. Đăng này, ảnh thiên sai phương pháp thì làm sao mà khỏe được.

- Đs CD (thắc mắc hỏi thêm): Bộ bạn có theo dõi, quan sát trong lúc ảnh thiên hả?

- Đs CN (quả quyết): Có mới dám nói chứ, tôi thấy ảnh thường hay tìm nơi vắng vẻ yên tĩnh, thở vào thở ra sâu và nhẹ.

- Đs CD: Vậy là đúng chứ đâu có sai.

- Đs CN: Sai ở chỗ ảnh thở vào trên môi có lửa, lúc ảnh thở ra lỗ mũi có khói.

- Đs CD: A Di Đà Phật, tội nghiệp, tội nghiệp •••

ÔNG THẦN LÚA

• Thanh Bình

Thuở xưa, loài người sống nhờ ăn rễ cây và trái rừng. Đói khổ hoành hành khắp nơi, hơn nửa dân số ngày càng gia tăng, thế nên đã từ lâu, thực phẩm không đủ để nuôi sống mọi người.

Khi nào có thêm một năm hạn hán, tình hình càng thêm thê thảm. Trong thời ấy, ở một làng nọ có một đôi uyên ương. Người chồng rất khổ tâm thấy vợ dấu yêu của mình ngày một xanh xao ốm yếu. Một hôm, anh tuyên bố: "Chúng ta không thể nào để yên và chịu chết đói. Chúng ta hãy rời khỏi nơi đây, có thể chúng ta sẽ tìm ở nơi khác thức ăn để sinh tồn".

Thế rồi họ lang thang đó đây, đến một hôm mệt lả và không thể tiếp tục đi nữa, họ đành dừng bước.

"Giờ cuối cùng của chúng ta đã đến, tôi chắc như thế", người thiếu phụ rên rỉ và ngã đầu trên vai chồng.

Cùng lúc ấy, cách đó không xa, một bầy chim bay sà xuống đất và tranh nhau mổ lấy mổ để những hạt vàng mọc ở đấy.

Người vợ bỗng có ý hay: "Chúng ta thử ăn những hạt này xem sao. Nếu chim ăn được, có lẽ chúng ta cũng ăn được. Và lại, nếu là hạt độc, chúng ta sẽ khỏi bị cơn đói hành hạ lâu hơn".

Tức thì họ hái những nhánh hoang và ăn những hạt vàng kia. Đó là những nhánh lúa. Từ trước đến nay, chưa bao giờ họ ăn được thức ăn ngon lành và bổ dưỡng như vậy! Họ cảm thấy sự sống đã trở về trong cơ thể và sức khỏe từ từ được phục hồi.

Sau đó, họ trở về nhà và mang về cho những người láng giềng những hạt vàng quý báu kia. Họ liền gieo lúa và sự đói kém từ ấy hết lan tràn.

Trong thời đó, hạt lúa to lớn hơn bây giờ nhiều. Đó là một ân sủng của thánh thần đã thương hại loài người trong cơn đói khổ của họ. Và hạt lúa kỳ diệu kia không đòi hỏi công khó cho dân gian: họ chỉ cần gieo hạt và quét dọn nhà cửa cho sạch. Sau đó, đến mùa, lúa sẽ tự lăn từ ruộng về nhà, với điều kiện dĩ nhiên là họ phải giăng dây từ ruộng về nhà họ để cho lúa biết đường lăn về.

Nhưng một hôm kia, có một mụ làm biếng, đã không quét nhà kịp lúc và bà đã đón lúa rất tối. Bà đứng ở ngưỡng cửa, chỗi cằm tay, khi lúa vừa lăn tới. Bà liền quát lên một cách giận dữ: "Mày làm gì vậy? Mày không thể chờ tao quét cho xong đã sao?"

Lúa vẫn tiếp tục lăn tới. Tức thì bà liền quơ chổi đập lúa. Đứng ra, bà không nên làm thế, vì ngay khi cây chổi dơ dáy vừa chạm vào những hạt lúa tinh khiết kia, lập tức lúa vỡ vụn ra thành ngàn mảnh nhỏ. Bà ăn năn thì đã muộn! Từ ngày đó, dân chúng uống công chờ lúa tự lăn về nhà. Họ phải vất vả cấy lúa, săn sóc canh chừng mực nước và tốn sức lực, đổ mồ hôi mới có lúa. Nhưng dẫu vậy, họ chỉ gặt được những hạt bé tí. Và năm nào mưa ít, cây sẽ héo và nạn đói, thêm một lần nữa, sẽ hành hạ dân chúng.

Lại một phen, Ngọc Hoàng thương hại loài người, ngài cho Thần Lúa xuống giúp họ.

Thần Lúa dạy dân chúng gieo mạ, cấy lúa, đắp bờ để giữ mực nước ruộng. Họ phải làm lụng thức khuya, dậy sớm, mồ nhọc tát nước vô ruộng nếu ruộng khô, và luân theo dõi, trông nom từ lúc gieo mạ đến lúc lúa chín mới có lúa mà ăn!

*Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời
Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con*

• Bảo Vân Bùi Văn Bảo

Biên soạn

VIỆT SỬ BẰNG TRANH

Thập Đạo Tướng Quân

Lê Hoàn và

Thái Hậu Dương Vân Nga

(Tiếp theo)



15) Bây giờ Lê Hoàn đã thay nhà Đinh lên ngôi làm vua. Vua Lê Đại Hành cho họp các quan văn võ lại. Một mặt, ngài giao cho Lưu Cơ viết thư xin hòa với nhà Tống. Một mặt, ngài ủy cho Phạm Cự Lượng tìm cách tuyển thêm quân lính rồi huấn luyện cho họ đủ mọi môn võ nghệ.



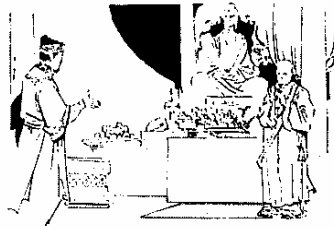
16) Để tỏ tình thân yêu quân lính, ngài thường đi thăm các trại đóng quân để chuyện trò với họ. Nhiều hôm, nhà vua còn ngồi lại, dùng cơm với quân lính ở ngay dưới gốc cây, gần trường tập võ. Quân lính vây quanh nhà vua để nghe ngài kể chuyện đánh giặc, giữ nước.



17) Vua Lê Đại Hành nghe tin ở chùa Lục Tổ có thiền sư Vạn Hạnh là người tài cao, học rộng, lại rất có đức độ. Nhân dịp đầu xuân, ngài muốn, trước đi lễ Phật, sau thăm viếng nhà sư. Để tỏ lòng tôn kính, vua xuống ngựa ở cổng ngoài, rồi một mình đi bộ vào chùa.



18) Tới nơi, gặp một chú tiểu, nhà vua nói : "Xin chú vào trình cho tôi được tới vấn an sư cụ trụ trì tại chùa!" Chú tiểu đáp : "Giờ này sư cụ còn đang tụng kinh, xin thí chủ vui lòng chờ một chút." Nhà vua vẫn vui vẻ tới gốc cây đại lớn ở sân chùa, ngồi xuống đó, đợi...



19) Nửa giờ sau, chú tiểu ra đón vua vào trong chùa. Lúc này thiền sư Vạn Hạnh mới nhận ra là vua Lê Đại Hành, vội vàng làm lễ nghênh tiếp. Nhà vua kể chuyện quân Tống sắp sửa xâm lăng và xin thiền sư đã nổi tiếng là người học rộng, biết nhiều, chỉ bảo cho phải nên làm thế nào?



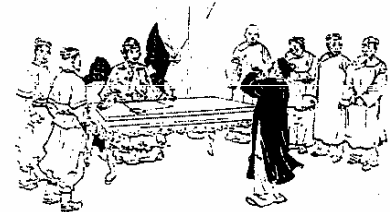
20) Bằng một giọng nói thông thả nhưng cương quyết, Vạn Hạnh thiền sư tâu : "Giặc xâm lăng nước ta là chúng đã không có chính nghĩa. Chúng lại từ xa đến, tất nhiên đều mỏi mệt. Vậy xin bệ hạ hãy để cho chúng vào sâu trong nội địa rồi hãy dùng phục binh mà đánh thật mạnh. Như thế, giặc sẽ bị thua tới bời."



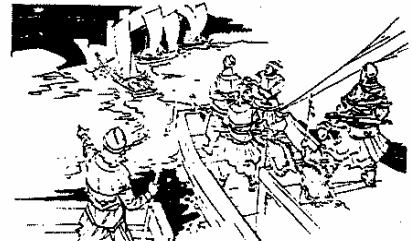
21) Vua Lê Đại Hành thấy lời thiền sư rất hợp với ý của mình, liền mời nhà sư về kinh đô để cùng lo việc chống giặc. Sư Vạn Hạnh tâu : "Bần tăng tu hành đã lâu, lẽ ra không nên để ý tới việc đời mới phải. Nhưng nay đất nước lâm nguy thì bất kỳ ai, kể cả bần tăng, cũng phải cùng toàn dân chung sức đánh giặc, cứu nước và giữ nước."



22) Đầu xuân năm 981, nhà vua được thám tử về báo : "Quân nhà Tống đã chia ra làm hai đường thủy và bộ để cùng tiến đánh nước ta. Cánh quân bộ do bọn Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Thôi Lượng cầm đầu, đánh phá mặt Lạng Sơn. Cánh quân thủy được đặt dưới quyền Lưu Trùng, Giả Thực, do đường biển tiến vào sông Bạch Đằng..."



23) Sau khi nhà vua cùng các tướng sĩ đã bàn xong cách dụ giặc thì lại có mấy cụ già xin vào dâng kế. Một cụ nói : "Cách đây 40 năm, chúng tôi đã theo Tiền Ngô vương phá quân Nam Hán trên Bạch Đằng giang. Bây giờ, xin bệ hạ lại cho đóng cọc nhọn ở lòng sông để diệt giặc như xưa". Vua vui vẻ nghe lời.



24) Việc đóng cọc nhọn ở giữa lòng sông đã được dân chúng vùng biển làm rất mau lẹ. Khi nước thủy triều lên, quân Tống từ vịnh Hạ Long tiến vào sông Bạch Đằng. Quân ta chèo thuyền nhẹ xông ra, chặn đánh rồi vỡ thua, bỏ chạy. Lưu Trùng ra lệnh cho quân Tống đuổi theo thật gấp.



25) Đoàn chiến thuyền của Lưu Trùng đang vun vút lao đi. Bỗng có tiếng chiêng, tiếng trống ầm ầm nổi lên. Rồi những thuyền lớn chỡ đầy lính của vua Lê Đại Hành ở đầu ập tới. Họ nhảy lên thuyền giặc đâm, chém, đốt, phá. Bị đánh bất ngờ, Lưu Trùng phải ra lệnh lui quân, chạy ra biển. (còn tiếp)

NHỚ VỀ CỔ HƯƠNG

(Nhân đọc "Tình Ca Cho Huế Đổ Nát")

• Như Viên

Sáng nay sắp đặt vài thứ đồ vào cái tủ đứng trong phòng, tình cờ tôi tìm thấy cuối tủ có một số sách vở tiếng Đức lẫn tiếng Việt của ai đó đã để vào từ lâu. Trong số sách vở này có cuốn truyện "Tình Ca Cho Huế Đổ Nát" của Nhã Ca.

Nhã Ca viết truyện rất nhiều trước thời 75 ở Việt Nam. Khi còn mỗi ngày cắp sách đến trường của thời Trung học, tôi cũng có đọc sách của chị. Vào năm học đệ Tam tôi học ban C (ban Văn Chương) tại trường Trường Sơn. Lúc đó ông Nguyễn Sĩ Tế làm Hiệu trưởng. Năm học đệ Tam này là một năm mà tôi cho là lý tưởng nhất của các năm học Trung học, bởi vì năm đệ Tam, học sinh không bận rộn việc thi cử như năm đệ Tứ (thi bằng Trung học Đệ I cấp), hoặc năm đệ Nhị (thi Tú Tài bán phần) và đệ Nhất (thi Tú Tài toàn phần). Năm đệ Tam, lớp tôi là lớp ban C nên Thầy giáo dạy Việt văn thường cho thuyết trình các đề tài tự chọn. Tôi còn nhớ cô bạn gái trong lớp đã thuyết trình về cuốn truyện "Một Mai Khi Hòa Bình" của Nhã Ca, và cũng có một bạn gái khác thuyết trình về "Giải Khăn Sớ Cho Huế" cũng của Nhã Ca. Tôi lúc đó cũng có chọn cuốn "Nói Với Tuổi 20" của Thầy Nhất Hạnh.

Vào lớp tôi thường giấu tờ nguyệt san, bán nguyệt san ở dưới gầm bàn để đọc, trong khi trên bục giảng Thầy Vũ Ôn Đình thao thao giảng về truyện Kiều, hay thơ Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương... có lúc bất ngờ Thầy gọi tên và tôi đứng lên chẳng biết gì để nói cả, vì đâu có nghe, cứ mãi cúi gầm xuống bàn để đọc những tờ báo văn nghệ kia. Hồi đó, tôi rất mê say đọc báo Khởi Hành, Văn Bách Khoa, Phổ Thông hầu như không thiếu một số, và các cuốn truyện của Duyên Anh, Từ Kế Tường, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trưng Dương, Vũ Hạnh, Đoàn Quốc Sĩ, Nhã Ca... Nhưng tôi thích đọc văn của Nguyễn Thị Hoàng và Mai Thảo. Tôi đọc từng câu chuyện, từng nhân vật, gần như tôi uống chứ không phải đọc nữa. Câu văn viết thật ngắn, gọn, nhưng đọc vào cảm nhận được tác giả đang diễn tả gì. Tâm trạng của từng nhân vật, đọc vào tôi cảm thấy hình như mình có dự phần trong đó. Câu văn thật trôi chảy, lưu loát, súc tích, nói lên cả một đời sống con người trong cõi đời vui buồn, nhạt nhòa này.

Sau 75 tôi không còn được cắp sách đến trường, không còn sống thời của tuổi học trò đầy thơ mộng, hồn nhiên đó nữa. Những bạn học cũng rời xa, không một lần gặp lại. Không biết bây giờ các bạn đó đang ở đâu, trong nước hay ngoài nước. Thầy Vũ Ôn Đình dạy Tân Văn, Thầy Hùng dịch cuốn Hồng Lâu Mộng dạy Cổ văn của lớp tôi bây giờ không biết ở đâu, còn hay mất. Những cuốn truyện trước thời 75 cũng dần dần khó tìm. Tôi thêm đọc lăm, nhưng những tiệm sách không còn chung ra ngoài bán nữa. Những năm tháng đó tôi như người đói khát một cái gì, lỗ hổng càng ngày càng sâu xuống trong tâm hồn. Thiếu sách cũng sinh ra một cái bệnh nặng. Bệnh thiếu món ăn tinh thần, làm người vật vờ, nói

năng không còn phong phú lưu loát nữa. Ý tưởng thì khô cạn như cây thiếu nước. Thế mà tôi phải sống kéo dài như thế 15 năm. May là tôi đã học được một ít giáo lý Phật đà để dẫn mình ra những ngõ cụt tâm linh trong những năm tháng kéo dài này...

Hôm nay, tôi ở Bremen vào một buổi sáng vắng lặng, ngoài trời trắng xóa những bông tuyết thật đẹp rơi đầy đặc trên cành cây ngọn cỏ, đọc cuốn truyện "Tình Ca Cho Huế Đổ Nát" của Nhã Ca. Những trang đầu, chị viết quá dễ thương; nhắc lại quá khứ tuổi thơ của chị nơi cửa biển Thuận An, nơi xứ Huế quá thơ mộng mà tôi dù là người dân xứ khác nhưng trước đây lại có duyên thương về thăm Huế. Tôi đã thường đạp xe trên những con đường Lê Lợi, Bến Ngự đầy những cây phượng trở bông đỏ chói, đi qua trường Quốc Học, trường nữ học Đồng Khánh, bệnh viện Trưng Vương Huế, đóc Nam Giao để dẫn về các chùa Báo Quốc, Từ Đàm, Tường Vân, Kim Tiên, Linh Quang, Diệu Đức, Kiều Đàm, ... Tôi cũng thích đến thăm các chùa Linh Quang, Linh Mục, Tây Thiên, Thuyền Tôn, Từ Hiếu, Quảng Tế, Hồng Ân, Hoàng Mai tịnh thất... Tôi rất thân thuộc và quen biết quý Ông, quý Thầy, quý Sư Bà, quý Sư Cô tu ở những ngôi chùa đó trong những ngày kỳ giỗ của các chùa. Những lần về Huế



thăm chơi như thế, nhất là vào dịp Tết, hoa mai, hoa bích đào, song đào, cẩm chướng, hoa hồng, hoa lan, các ngôi chùa trông rất nhiều khoe sắc đủ màu. Ở các chùa quý Thầy rất gia công chăm sóc cây cảnh này, tạo cho chùa một vẻ đẹp thanh nhã. Những chậu lan treo lủng lẳng đầy trước những phòng khách Tăng đường, những nụ lan đủ loại trở bông. Những lần về thăm như thế tôi ở lại cả mấy tuần mà khi lên xe lửa để vào lại Sài Gòn, lòng tôi buồn dưng dưng. Bởi vì ở đó có quý Ông, có quý Sư Bà, tôi thường về hầu thăm thưa hỏi. Ở đó có Sư Bà tôi: Sư Bà Diệu Không, người đã dìu dắt, hướng dẫn tôi trong những năm tháng học đạo, lớn khôn đến ngày hôm nay trên 30 năm tu học. Bây giờ Sư Bà đã 90 tuổi rồi, quá già yếu, suốt ngày chỉ nằm, khi nào có khách hành hương đến thăm mới mở mắt nhìn để đáp lại lời thưa

bạch của khách Phật tử và chỉ nói chuyện đôi câu, rồi khách vội vàng lui ra để khỏi làm mệt cho Sư Bà. Sư Bà tôi có bệnh "Tension", nên quý cô trong chùa ít cho khách nói chuyện lâu, sợ Sư Bà lên "Tension" mệt. Cách đây vài ngày tôi vừa nhận được thư Sư Bà Viên Minh (Sư Bà Diệu Không mời Sư Bà Viên Minh từ Nha Trang về thay Sư Bà làm trụ trì và trông coi dạy bảo Ni chúng). Sư Bà Viên Minh đã kể cho tôi nghe về sức khỏe của Sư Bà, về sinh hoạt trong chùa. Tôi đọc để nhớ về quê hương Việt Nam, về Huế xa xôi, về hình ảnh của Sư Bà, về tất cả.

"Tình Ca Cho Huế Đổ Nát" của Nhã Ca viết tôi đọc sáng nay đã làm tôi xúc động. Từng dòng chữ của chị viết cho Ki nào đó mà chị nhắc đến thật thâm trầm thâm thiết, tự dung làm sống dậy trong tôi hình ảnh của Huế, của Lăng Tẩm, của những con đường, của sông Hương lặng lẽ chảy, của những ngôi chùa thân thương mà tôi thường lui tới, những chậu lan trở bông, những cây mai hoa vàng rơi lá tả, những cây bích đào, song đào màu cánh sen đẹp vô cùng. Những bụi hoa Cẩm chướng, những lưỡng hoa Hồng đủ màu, những lưỡng hoa Huế trắng phau thơm ngát, những cánh bạch Mai nhỏ xíu lăn tăn rơi theo làn gió xuân nhẹ thổi. Những đóa Tường Vi, hoa Sói ngát hương mà quý cô thị giả thường hái bỏ vào bình trà để Sư Bà tôi uống, một cách trang trọng, một cách chăm chút dâng trà buổi sáng và suốt ngày. Có lần

tôi cũng được uống những chung trà đầy hương vị Tường Vi hoặc hoa Sói này. Tôi thích lắm. Thú thật sống ở Sài Gòn nhiều năm trong những chùa, tôi đâu được uống những chung trà có vị ngon ngọt này. Bây giờ qua đây có dịp uống những chung trà Vương-Ô Long của Tàu, gọi lại trong tôi cái ý thích uống trà. Tuy thế, tôi cũng không say đắm lắm.

Đọc tác phẩm của Nhã Ca còn gợi lại cho tôi về quãng đời ấu thơ của mình. Có lẽ quê hương nơi tôi sinh ra không đẹp như miền cát trắng với những hàng dương liễu xanh éo lá đứng trên bờ biển Thuận An của chị và cả một Huế đẹp Huế mơ của chị, nhưng tuổi thơ sống hồn nhiên nơi vùng quê đồng nội, có những cây cau cao vút, những rặng tre làng xanh mát, những cánh đồng ruộng lúa vàng óng ánh và những đêm trăng sáng đẹp vô cùng. Nhớ những lần tôi cùng anh tôi hay những đứa bạn trong xóm ra những bờ ruộng để tìm những bọ cá thia-lia làm tổ núp ở dưới. Chúng tôi đem theo cái rổ hốt sâu dưới những chỗ có bọ bên trên mặt nước là thế nào cũng bắt được những chú cá thia-lia đủ màu rất đẹp, đem về nhà nuôi trong những cái lọ chai để chơi xem cho đã mắt. Hoặc những bữa chiều trời mát đi tìm những lỗ để côm, khi tìm được đào sâu xuống thì thấy râu để thò ra. Nếu không bắt được, chúng tôi múc nước đổ vào thì những chú để không cách nào trốn lâu trong đó được, phải bò ra, bọn chúng tôi túm ngay đem về bỏ vào cái hộp quẹt, rồi lấy cọng tóc chốt vào sau lưng nó, làm như vậy để sẽ gáy, nghe thật hay. Khi tôi đã đi tu gần 20 tuổi mà thấy bọn trẻ nít bắt để chơi trò này, tôi cũng còn muốn nhập cuộc, để nghe những chú để gáy thật hay thật khoái chí.

Thời thơ ấu của tôi cũng đẹp lắm. Tôi có người anh trai gần tuổi tôi và một đứa cháu gái cũng nhỏ hơn 5, 6 tuổi. Chúng tôi chơi với nhau, giành ăn với nhau và có lúc cãi cọ đánh lộn lẫn nhau, nhưng rồi cuối cùng vẫn thương nhau hòa nhau để những lúc xa nhau nhớ nhau xiết kể. Tôi nghĩ tuổi thơ ấu nào cũng đẹp cả, chỉ có những đứa trẻ bất hạnh, không được sống trong cảnh ấm êm của gia đình mới đánh mất tuổi thơ của mình mà thôi.

Đất nước tôi trải qua bao lần chiến tranh, đạn bom vùi dập phá nát vùng quê hương yên lành, nhà nhà ly tán, chết chóc xảy ra, bao cảnh tuổi thơ mất cha mất mẹ. Lại thêm cảnh lụt lội thiên tai tàn phá, chết chóc, nhà trôi nhà sụp, cảnh đói khổ xảy ra. Tôi đã chứng kiến tất cả. Những Cô Nhi Viện được dựng xây, mở ra để đón nhận nuôi những trẻ em lâm cảnh khốn cùng này. Không ngờ tôi lại có ngày bước chân vào làm ở trong một Cô Nhi Viện, để âm thầm để chăm sóc làm công việc từ thiện. Tôi còn nhớ những ngày đầu năm, đánh nhau khắp nơi. Người dân chạy lánh nạn từ các vùng ngoài miền Trung vào ngã Vũng Tàu bằng ghe, tàu thủy. Tôi cùng một số Thầy Cô chờ đỡ cứu trợ ra tận Vũng Tàu, trên những bờ đá để đón người chạy nạn. Nhìn cảnh người diu dắt tập nập, mặt mũi bơ phờ, thân hình tiêu tụy, trải qua bao ngày đói khát thiếu ăn và lo sợ. Chúng tôi đã tiếp tế lập tức những gói áo quần, cá hộp, nước mắm trong những trại đầy người. Đồng bào của tôi đó, họ đang sống ở chỗ đạn bom và bỏ chạy để tìm đường sống. Tôi xót xa nhìn mọi người, xót xa cho cả một đất nước đã nghèo khổ lại còn chiến tranh kéo dài, tương tàn tương sát lẫn nhau. Ai cũng kêu gọi Hòa bình. Những lần lễ Phật Đản, quý Thầy thả chim Bồ Câu mang ý nghĩa để cầu nguyện Hòa Bình cho đất nước. Nhưng hòa bình xa vời, ở ngoài tầm tay với.

Nhã Ca đã viết tập truyện này để gợi về Huế, quê hương của chị và cũng mong chờ ngày phục sinh thức dậy của Huế hay của đất nước Việt Nam thân yêu.

Khi bước chân đến xứ ngoại quốc này, thấy xứ họ có cuộc sống quá yên lành đầy đủ, quá văn minh tiến bộ mà cảm thấy thương xứ sở mình, chẳng biết khi nào mới phát triển theo kịp đà tiến của các nước Âu Mỹ này.

Một con én không tạo nổi mùa Xuân. Trăm con én có tạo nổi một mùa Xuân không nhỉ???

Bremen, một sáng đầy tuyết rơi
trắng xóa tuyệt đẹp ngoài trời
(28.3.95)

Độc Huy Giang

Qua Tác phẩm đầu tay viết về Tuổi Thơ

NHỮNG NỤ HOA BÀN

• Bùi Thị Rau Dzênh

Tuổi thơ...

Tuổi của những nụ cười hồn nhiên cao vút. Tuổi của những chiếc phượng dài đủ màu, sau cánh điều no gió phất phơ bay. Của những chú đế than, đế lửa, của dịu dàng lụa áo trắng sân trường, có trái ô mai chua chua đầu lưỡi, của tập nhật ký bút lưu tím mực đậm đà tình bạn hữu...

Tuổi của tất cả ưu ái ngọt ngào, bình dị do thiên nhiên ban đến...

Tuổi thơ...

Đó là tuổi của ngược dòng thời gian - và, còn mãi mãi tiếp nối theo năm tháng với trường đời hiện diện.

Ôi tuổi thơ...

Nơi đây, trong Tập Truyện Tuổi Thơ Những Nụ Hoa Bàn, tuổi thơ được thể hiện qua Thành Minh, Thành Tùng, Gái Thúy... lặng lẽ lo âu, cùng nỗi kinh hoàng trên đầu sóng nước Giao Mùa bất đắc dĩ: ... *Thành Minh sự nhớ lại đêm hôm qua, ngày kia, gai góc trên người nó bỗng nổi lên bất chợt, nguy hiểm và kinh khủng quá! Con bão biển!... Từ lúc được sinh ra đời cho đến nay, dù rằng sống và lớn lên nơi vùng biển, đây là lần thứ nhất nó mới có dịp chứng kiến tận mắt, chịu đựng hãi hùng với sóng nước biển khơi trên làn ranh Miền - Thái... Những chiều gió mạnh hung hãn, lớp lớp lượn sóng cao bạc đầu, hầu như tề tựu hết trong cơn bão biển tôi hôm qua, ngày hôm kia. Xó đấy, dần nên, nâng dìm phủ phàng chiếc ghe nhỏ yếu đuối, chờ mười lăm người đứt ruột lia xa quê hương trong nghẹn uất, ra đi tìm một chân trời có tình người bình đẳng, cầu mong tìm được nơi chốn thanh bình, hít lại cho đầy không khí Tự do, trong lành đã bị hủy hoại, cướp giật tội tình... (Giao Mùa, trang 195):* Hay vui mừng cùng nỗi hy vọng bất ngờ chớp nhoáng kéo về: *Có tiếng nấc trong số người nằm dưới sàn ghe vượt biển, kéo thêm nhiều tiếng nấc nghẹn ngào khác!... Nước mắt hy vọng, nước mắt vui mừng, chảy từ đôi khóe mắt thấm quanh viền bao đêm mất ngủ với lo sợ, mất tin tưởng quanh quẩn tưởng chừng như không còn có thể bám víu vào đâu được. Chỉ còn sót lại đức tin nơi Thượng đế, Trời, Phật vô biên cứu vớt...*

Bây giờ hoa đã nở, hy vọng đã về với từng nụ khoe sắc thật trọn vẹn, đẹp tuyệt vời, thơm ngát hương vị tự do...

Gió từ trên cao đưa về êm êm, nâng nhẹ từng vạt áo mọi người, run run xao xuyến...

Tự do ơi... (Giao Mùa, trang 207)

Hoặc thêm sự tiếc nghẹn ngào theo thành Phèn, con Mực hăm hiu cuộc sống dưới mái lá nghèo nàn, dựng lên xiêu vẹo đâu đó cạnh xóm nhỏ Nước Mặn vùng biển miền Hậu Giang, Nam Việt: *Cho đến nỗi tấm lưới cũ mèm do ông cậu thành Phèn giao cho hồi năm ngoái vẫn không giúp gì được cho nó hết, dù rằng mỗi buổi chiều nắng ngả sau Hòn Tre, nó đều đem lưới ra giăng dọc, giăng ngang... Thứ đời ra sáu, kệ nệ vác vào mé cạn, đến lúc hùng đông hơn hờ với niềm hy vọng, rồi buồn bã cảm rõ rỗng tuếch loe ngoe vùi con cá chớt lên nhà. Lại xoay qua cảm cầu, ngồi cả ngày chày tác theo bờ mương, lạch nhỏ trong vườn hoang ông Hai, hầu tìm cho buổi cơm vài ba con cá rô, cá bống. Nó cũng không được một kết quả nào. Cứ rau luộc chấm nước mắm hoài thì làm sao nuốt cho với! Hết lên mâm cơm là nhìn thấy bà nội uể oải, khó khăn nhai mấy cọng rau dai nhách, già cổ trong miệng móm rụn hết răng, chỉ còn trơ nướu là thành Phèn hết hứng nhai... rau luộc. Con Mực - em gái nó - đã bỏ hẳn vụ đào trùn từ lâu lắm, nhưng vẫn cặp kè với con Viên cuối xóm mà khư khư giữ "nghề" luộc củi, bần thần rùng rọc theo mé biển sau nhà. (Nước Mặn, trang 107-108).*

Rồi như tôi cũng tìm ra được vài trang tiếp theo những câu nói vô tư, mà bất hạnh của tuổi thơ Việt Nam giờ đây chịu hoài thống khổ dưới chủ nghĩa phi nhân, và diệt chủng: - *Nội... Nội, con đi lượm bần chín, tôi chỗ cây mắm có tổ ong thật lớn sau nhà mình đó nội, chỗ đó cây biển mới lên xám xấp thôi, con cúi xuống lượm trái bần chín rụng mắc kẹt trong bụi ở rờ thì thấy gì linh lớp chết, lớp bơi ngất ngư. Con mừng quỳnh quang, sẵn có cái bọc mũ đem theo con lượm bó đại vô... Anh Phèn con đâu rồi hả nội? Biểu anh Phèn con xuống biển lượm cá tiếp với con đi nội, không thôi người khác hay được ủa xuống là hết còn sót con nào. Hồi này con chạy lên nhà, con thấy đám thổng Trung càn của, Ba Nhí, Tư Móm xuống bãi lượm củi, mà nội... anh Phèn con đâu?* (Nước Mặn, trang 110)

Của ám áp trong lòng niềm mong mỏi tình người chân thật như *Nụ Yêu Thương, Gia Đình Chị Tôi, Thư Viết Cho Nhau, Từ Thuở Xa Xưa...* Hay lời nhắn nhủ ngọt ngào, với nỗi ưu tu, hoài vọng nói lòng chú Tường từ lâu chất chứa: *Ba mẹ cháu nói đúng, mình là người Việt Nam mà lại không biết viết, đọc chữ quê hương thì... ngưng quá đi thôi! Thêm nữa - theo chú nghĩ - những người bạn chơi đùa với cháu cùng Tuấn hàng ngày, ngay tại địa phương cháu đang cư ngụ, đâu rằng Tuấn, Lan thỏ để có nói, có thông hiểu ngôn ngữ Đức "một cây xanh dờn" đi nữa, hay cháu có đứng hạng đầu mỗi tháng về các môn học trong lớp, thì cháu và Tuấn vẫn còn muốn thuở là "điểm son" đã ngự trong óc, trong ý tưởng, trong tâm mắt của những người bạn nơi địa phương đó: Bao giờ anh em cháu cũng là người Việt Nam. Còn một điều này nữa, riêng chú nghĩ thôi, có sự cảm động chân thành gọi lên nhẹ nhàng tâm linh của chú khi đọc được bức thư của cháu viết bằng những chữ (cũng có thể thêm những nét chữ của Tuấn) to nhỏ không đều nhau, lại lắm khi lên đèo xuống thung lũng thật ngây thơ, ngộ nghĩnh. Đáng khen hơn là cháu "dám" ngang nhiên đồng ý kiến với Tuấn viết thư về chú - dù rằng có mẹ khuyến khích và góp ý. Thừa dịp có niềm hứng thú trong lòng cháu, cũng như trong lòng Tuấn, qua sự cầu tiến, mong tìm hiểu về quê cha, đất tổ, chú khuyến hai cháu nên học hỏi thêm về địa lý, sử ký và nếp sống bình dị nhưng không kém phần bất khuất, hiên ngang của dân tộc chúng ta, một dân tộc hào hùng suốt mấy ngàn năm từ thời lập quốc cho đến ngày nay.* (Thư Viết Cho Nhau, trang 190-191)

Tuổi thơ hôm nay, cùng mắt đục buồn ngơ ngác sau vòng kềm gai trại ty nạn Hồng Kông, Thái Lan, Phi Luật Tân v.v... Như bé Suong trong *Buổi Chiều Mùa Xuân* làm vụn vỡ, cày nát hết khu vườn măng non đang nảy mầm rực rỡ, mà tuổi thần tiên đang nở những nụ đầu tiên thơm ngát, tuyệt vời cánh nhụy... *Dáng còm cõi của thằng Đục đm đưa em gái nhỏ bước trên lộ đá lồi lõm. Bóng ngả xiên xiết dưới nắng chiều vàng nhạt, chao động như nổi nhún nhún tìm ẩn, chất chứa kết tụ thành lớp sương mù che kín tâm mắt hy vọng của người dân Việt Nam ty nạn cộng sản...* (*Buổi Chiều Mùa Xuân*, trang 67). Hoặc như: *Vàng, trại Sikiew ở đâu, cách tỉnh Chanthaburi bao xa? Có phải về hướng Đông Nam, gần biên giới Thái - Lào (như chú lính lều 2 Sài Gòn đã dùng hai chữ hình như?...).* Một màn thối mốc đen như đêm 30 bao trùm xuống tâm tư, đời sống của từng trại viên Vayama. "Nó" là trại tù không lồ được phân ra nhánh nhỏ, vậy thì người quản lý chắc là khó khăn lắm đối với trại viên? Cả chục, cả trăm câu hỏi lẩn quẩn trong đầu khiến cho không khí mùa xuân sắp đến như ử rử. Đông đông đầy lo sợ, thao thức... *Hy vọng ơi, hãy đến với chúng tôi...* (*Buổi Chiều Mùa Xuân*, trang 75).

Dù rằng thế, tuổi thơ ở Mỹ, Đức, Canada, Pháp v.v... hay bất cứ nơi nào trên quả địa cầu này, có người Việt Nam Tự Do tạm dung. Tuổi thơ vẫn được chăm bón, dạy dỗ bằng mọi hình thức, từ gia đình, báo chí, do cha mẹ, thân nhân hoặc những người đi trước, hàng lưu tâm đến trẻ thơ dựng lên... Vì thế mới có *Trận Túc Cầu, Còn Đây Ký Niệm, Hát Giữ Quê Hương, Những Nụ Hoa Bần...* và còn lồng trong những câu thơ chan chứa tình quê hương, thơm ngát tình người.

Anh không phải là nhà văn, cho nên hình thức truyện, thơ nếu có chưa được lưu loát cho lắm. Nhưng có cần thiết hay

không, nếu nội dung đã được Huy Giang vạch ra nhiều khía cạnh, của tuổi thơ Việt Nam hôm nay, từ quê nhà cho đến mọi bờ bến mà tuổi thơ đang, đã tìm gặp?

Tôi thiết nghĩ sẽ không cần lâu, ai ai cũng làm được việc này (...) nếu mọi phụ huynh cần bỏ ra một giờ trong ngày, nhắc nhở con em về sử ký, tập quán, phong tục quê hương chúng ta giờ đã nghìn trùng xa cách!

Tóm lại, Tập Truyện Tuổi Thơ *Những Nụ Hoa Bần* chẳng thể làm lu mờ sắc thái đặc dị của Tuấn Linh hơn 25 năm về trước, bút hiệu của anh tôi hẳn hạnh được biết qua trên Tạp chí Sông Kiên, Kiên Lương Ngày Nay, Chiến Sĩ Cộng Hòa, và một vài Nhật báo. Mà còn tạo cho Huy Giang bút hiệu hôm nay hái nhiều nụ thành công, qua những nỗi lòng của chính anh phơi bày trong tác phẩm. Hơn 10 năm trước, tôi đã gặp lại Huy Giang với hầu hết Thơ, Truyện trong Tập Truyện Tuổi Thơ *Những Nụ Hoa Bần* trên những Tập san Tuổi Thơ.

Nếu Huy Giang chịu khó học hỏi, tri chí qua mọi vấn đề cầu tiến gặp phải, tôi tin chắc sẽ được đọc thêm một tập truyện khác viết về tuổi thơ của anh, phát hành vào thời gian sắp tới.

Chúc Huy Giang thành công.

(nhóm Áo Trắng)



TRƯỜNG XƯA ÁO TRẮNG

*Chẳng biết giờ đây ngôi trường Vĩnh
Còn không hoa phượng nở sang hè
Mái thiếc che xiên, còn vách ván
Cây bàng hắt rợp lá tàng che ?*

*Thuở xưa tôi hãy còn nhỏ xtu
Chân sáo, ngoan hiền, áo mới may
Năm tay mẹ dẫn về cuối lớp
Mây trắng lưng trời thoi thả bay*

*Xinh quá lời thương cô giáo trẻ
I tờ thanh giọng điệu ngân cao
Gió hát qua song run ngọn trúc
Giật mình chim sẻ hót lao xao...*

*

*Buổi học đầu tiên hoài nét tím
Trang lòng nguyên vẹn phố người xa
Gợi nhớ lên tim "... màu phượng vĩ
Ve sầu ngơ ngác khúc tình ca..."*

*Hồi nắng hạ xưa khoan vội vã
Lòng đây vẫn thấm phượng năm nao.*

Bé Ngọc (gửi S.)

NỘI KẾT

Lê Thị Bạch Nga

Trước lễ giáng sinh 2 tuần, tôi lặng lẽ rời gia đình để về sống những ngày yên lặng tại tu viện này. Tu viện thuộc về các soeurs dòng Dominicain của Thiên Chúa giáo, nằm tọa lạc giữa rừng thông cao yên tĩnh cạnh một dòng sông.

Rời xa bụi bặm ồn ào của thành phố, rời xa những dao động phiến toái của đời sống hàng ngày, rời xa gia đình với tâm trạng mệt mỏi, nặng nề chán nản đến cùng cực, tôi tìm về yên lặng.

Sự yên tĩnh của ngoại cảnh giúp con người tìm thấy sự yên tĩnh của tâm hồn.

Giống như một ngôi nhà cũ kỹ, xây cất đã 30 năm, giờ đây nhiều dấu hiệu mục nát, hư hao đã bắt đầu xuất hiện. Tình trạng càng ngày càng tệ mạt và ngôi nhà đã đến lúc cần được sửa chữa, tu bổ tân trang hoặc là phá bỏ để xây cất lại. Cũng vậy, một mái gia đình được tạo lập từ 30 năm giờ đây nhiều dấu vết rạn nứt và hư hao đã bắt đầu lộ diện. Tình trạng càng ngày càng tồi tệ đưa đến viễn ảnh của sự sụp đổ, tiêu hoại và niềm sợ hãi. Tình trạng nghiêm trọng này cũng đưa đến những câu hỏi quyết liệt cho từng cá nhân trong gia đình:

1. Có cần phải tiếp tục chịu đựng một tình trạng nghẹt thở và nguy hiểm như hiện nay?? Nguy hiểm là vì hiện tình đã làm xáo động đến tận cùng tinh thần và thể chất của mỗi cá thể cùng sống chung dưới một mái nhà.

2. Nếu cần phải tiếp tục thì cần phải sửa chữa, tu bồi, tân trang... Nhưng sự tân trang sửa chữa bắt đầu từ đâu, bằng phương tiện gì và bằng cách thức nào???

3. Nếu nghĩ rằng, tốt hơn hết, phải giải tán thực thể khổ đau hiện tại, thì giải tán bằng cách nào?? Hậu quả của sự giải tán là gì?? Cách giải quyết này có đem lại sự hối tiếc cho mỗi người?? Nhất là cho tôi??

4. Tóm lại, tôi tự hỏi:

- Tôi muốn gì???

- Tôi tìm đâu ra sức mạnh để quyết định???

Và quyết định về điều gì???

Làm vợ, tôi cảm thấy hoàn toàn kiệt lực. Không còn gì nữa giữa chúng tôi. Không liên lạc, không giao tiếp, không cảm xúc, không chia sẻ, không còn gì, thật chẳng còn gì.

Là vợ chồng, chúng tôi không chia sẻ cho nhau một chút gì, dù là những ý định hay niềm ao ước nhỏ nhất, hoặc là những ích lợi chung đi nữa.

Những áp lực vô hình khiến cho tôi mệt mỏi đến tận cùng từ tinh thần đến thể xác. Tôi cảm thấy buồn phiền đến cực độ. Chúng tôi không còn một hy vọng nào nữa. Chồng tôi cũng vậy, bất động và nín thở, làm như không còn một chút ý định gì, hoặc làm một điều gì gọi là cố gắng thêm chút hương hoa cho cuộc sống lứa đôi đang đi dần vào tan rã. Thật ra, anh cũng có những vấn đề của anh ấy, về công ăn việc làm, về tình cảm riêng tư, về gia đình và bè bạn... Cả hai người đều có những cảm xúc, nhưng là những cảm xúc bị dồn ép, bị che giấu và mỗi người cố gắng thu mình, ẩn núp sau bức tường im lặng của mình...

Với tôi, những ngày gọi là có ánh nắng mặt trời le lói sau làn mây xám



là những hôm đó có giọng cười tiếng nói riu rít của các con hoặc khá hơn, những ngày có sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài dù rằng lúc đó chúng tôi phải đeo vào mặt nạ vui cười, thỏa mãn... hai cá nhân chúng tôi hành động nhịp nhàng như hai hình nhân có dây kéo (marionette).

Có ích chi những chi tiết bề ngoài giả dối và nâng phần trình diễn như vậy?? Có nhiều lần ngồi giữa dạ tiệc, trong vùng ánh sáng, tràn ngập lời nói, tiếng cười... tôi cảm thấy rất buồn. Buồn và trống rỗng!

Tôi ngồi đó, tôi hiện diện như một hình nhân có dây kéo, nhưng là một hình nhân đã cũ càng mòn mỏi, đã bị trình diễn dùng đi dùng lại nhiều lần, chắc chắn hình nhân múa rối này rồi

phải được thay thế bởi một hình nhân khác, bởi vì sân khấu cuộc đời vẫn còn đó và vì rằng cuộc sống vẫn tiếp nối ở bên ngoài.

Và như vậy tôi đổ bệnh, nằm liệt giường, liệt chiếu, bác sĩ gọi là bệnh Depression nerveuse, còn các con cho rằng tại tôi làm việc quá độ, nhưng quả thật, nếu không làm việc, không cố lết dây để làm một cái gì đó, chắc tôi đã vào nhà thương từ lâu rồi.

Khi một cặp vợ chồng không còn gì để trao đổi với nhau nữa, về tinh thần và thể xác, về niềm vui và nỗi buồn, về sự mừng vui và hãi sợ, về những thất bại và thành công trên đường đời... thì đó không còn gọi là một cặp vợ chồng nữa. Họ là hai bóng ma, hai tù nhân cô đơn, nghèo khổ, hai cá nhân tội nghiệp lặng lẽ bước bên nhau trên đường đời xa xôi diệu vợi...

Tôi cảm thấy bất rứt bất an, tôi cảm thấy như mình có tội, tôi không đem được hạnh phúc đến cho kẻ khác. Mặt khác tôi thấy tôi đã bị tước đoạt hết tất cả những niềm vui, sự hạnh diện, lòng tự tin và niềm tin ở người khác.

Tôi thấy tôi trống rỗng, vô tích sự, bị tổn thương đến rướm máu và mất hết cả sức lực, về thể xác lẫn tinh thần. Tôi không đủ sức đưa nổi cánh tay lên để phản kháng, chối bỏ, tôi không tìm ra được một lời nói để phơi bày cảm xúc của mình hoặc làm ra một cử chỉ để phát biểu sự phẫn nộ, buồn chán và thất vọng dâng tràn ngập trong tâm hồn tôi.

Tôi sợ hãi bóng đêm và sợ luôn người quen, kẻ lạ. Tôi muốn thu mình thật nhỏ trong im lặng, lòng nát tan và tuyệt vọng. Nếu cái chết là một sự giải thoát khỏi khổ đau thì tôi đã nghĩ đến nó nhiều lần.

Trong nỗi rã rời kinh khiếp đó, tôi bước về nhà, mở cửa như mở vào một hang sâu không ánh sáng và nếu chẳng may, khi chồng tôi có đó, mặt nặng mày nề, thì cả người tôi bỗng đông cứng lại như nước đá. Cử động của tôi trở thành vô hồn, rời rạc, tôi chờ đợi một cách tuyệt vọng những lời trách móc đầy chua chát, châm chích và nhục mạ, những lời nói đầy nóng nảy, khổ đau và hờn giận tuôn ra một cách vô thức như phun ra từ đáy sâu núi lửa, từ cửa miệng từ đôi môi ngày nào xa xưa đã nói lời đắm thắm yêu thương.

Tôi đau xót và không thể nào tha thứ nổi. Nhân cách bị chà đạp, sức khỏe bị tàn phá, bạn bè nghề nghiệp phải cách xa, gia đình mẹ cha bị động chạm thương tổn!... Tôi điên lên vì tức giận và bật khóc. Nước mắt chảy xuống không phải là dòng nước mát rửa sạch hồn đau mà là nước mắt hận thù, tủi nhục.

Trong tận cùng cay đắng của tâm hồn, tay tôi nắm chặt, mắt tôi mở lớn và toàn thân tôi, lửa hận thù thiêu đốt, thật khó quá đi để nói lời tha thứ cho nhau.

Tôi nguyện cầu đấng từ bi gia hộ cho tôi có thể quên đi tất cả những điều mà chồng tôi đã vô tình hay cố ý làm cho tôi đau khổ. Nhưng tôi không thể quên, chưa thể quên. Tôi không phải là người mất trí và tai hại hơn nữa, đau đớn làm sao, tôi vẫn còn một trí nhớ khá toàn vẹn, chẳng hư hao...

Giữa cuồng phong bão tố, tôi nguyện cầu cho gió bão dịu dần. Xin cho tôi một ít an bình để tôi có thì giờ chỉnh đốn, có sức lực vun trồng lại niềm tin đã mất.

Tại tu viện, ngoài giờ ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân, tôi còn dự đủ những thánh lễ của các soeurs. Thì giờ còn lại, tôi để dành hết cho nỗ lực thực tập thiền quán. Tôi sống hoàn toàn im lặng với những tiện nghi tối thiểu. Đây là một tu kín đã được thành lập từ hơn 750 năm nay. Khởi đầu tại Âu Châu và nay đã có mặt trên nhiều nước. Những nữ tu sống đời tận hiến, cắt đứt hết những ràng buộc ngoài đời, dâng sự sống của mình cho một lý tưởng: ngợi khen thượng đế... Từ ít lâu nay, theo trào lưu tiến hóa, của tu viện hé mở đón nhận những kẻ ngoài đời dùng chân trên con đường đi tìm chân lý... Cuộc sống của các nữ tu giờ đây có thêm sự tiếp xúc giới hạn và thiền tập (meditation).

Ở đây, yên lặng ngự trị, sự tĩnh lặng đưa đến sự bình an. Trong hoàn cảnh này, tại đây tôi dễ dàng dính chỉ được những hoạt động tư tưởng bình thường và đem hết tâm trí vào thiền quán.

Tôi buồn rầu mà nhìn ra rằng mình đã đánh mất hay làm rơi rớt hết yêu thương trên con đường đời dài thăm thẳm.

"Tôi yêu thương", yêu thương là một động từ, động từ thì thay đổi theo thời gian. Ví dụ ngày trước tôi thương, hôm nay tôi không thương nữa, có thể ngày mai tôi thương lại, nhưng sau ngày mai, yêu thương thay đổi, có thể thành không thương, hết thương... có thể tệ hơn, biến thành ghét bỏ...

Ngoài ra, động từ yêu thương còn bị lệ thuộc, ví dụ yêu thương ai?? Vì sao yêu thương? Nghĩ cho đến tận cùng và thành thật với lòng mình mà nói, tôi yêu thương người vì mong ước được người yêu thương, và vì người là một vật thể nên người thay đổi, người thay đổi nên yêu thương cũng tùy thuộc vào người mà đổi thay. Yêu thương thay đổi, biến dạng mà cứ mong ước trường tồn! Mong ước mà không được nên đau khổ, giận hờn, nổi loạn tạo nhiều nhân ác...

Trong yên lặng thâm sâu của ngoại cảnh và tâm tư, tôi dâng lời cầu nguyện đến đấng từ bi và Phật Quán Thế Âm. Đấng từ bi vì Phật có lòng yêu thương hết thảy muôn loài, Phật Quán Thế Âm là người biết lắng nghe tiếng kêu cầu của thế nhân. Tiếng kêu cứu tuyệt vọng vang mãi trong lòng tôi, giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác... và chính trong những giờ

phút nguyện cầu, trái lòng mình ra cùng với nỗ lực thiền quán mà tôi trực nhận ra rằng mình đang được phủ bao, che chở và đang được hít thở yêu thương.

Nhìn lại tự thân, tôi thấy tội nghiệp cho mình, tôi xót thương cho chính mình đã từ bao lâu nay đắm mình trong đau khổ. Tôi thấy tôi phải tự mình đứng chỗi dậy và bước ra vũng tối khổ đau tức khắc, ngay tại bây giờ, nếu không tôi sẽ chết đuối trong hố khổ đau đen ngòm và sâu thăm thẳm này.

Nhưng bước ra bằng cách nào??

- Hãy ngồi lại gần nhau, cho nhau xem vết đau trong tim...

Vâng, quả vậy, tôi đã hé mở được vết thương trong tim, trình bày nỗi khổ đau từ lâu ẩn giấu cho đấng từ phụ, cho bà mẹ hiền Quán Thế Âm, người có khả năng lắng tai nghe lời bầy tỏ, vết thương mở banh ra chưa khép miệng nhưng tôi cảm thấy nhẹ dần.

Khối máu mù chất chứa từ bao lâu đã được trút ra. Những chất liệu của khổ đau (còn gọi là những nội kết) nhờ thiền quán mà nhẹ bớt và tiêu hoại dần dần...

Tôi tự thấy không được thành thật và ngay thẳng lắm nếu tôi không đề cập đến Đức Chúa Trời và Đức Mẹ hằng cứu giúp. Tôi không quên rằng tôi đang ở trong một tu viện thuộc về Thiên Chúa giáo.

Ngồi yên lặng trước bàn thờ. Trên bàn thờ là cây thánh giá có hình Chúa đang chịu cực hình và bức tượng Đức Mẹ đầy hào quang từ ái với hai bàn tay mở rộng đón chào, tôi chân thành biện bạch:

- Lạy Chúa, con là một kẻ đau khổ, xin hãy cứu con. Lạy mẹ hằng cứu giúp, xin hãy nghe đến lời kêu cầu của con.

Trên đường thời gian từ vô thủy cho đến vô chung đã có và sẽ có hàng hà sa số các vị Phật thị hiện ra đời. Vậy thì ngày xưa, cách đây vào khoảng hơn 2500 năm, ở Phương Đông có một vị Phật giáng sinh và được gọi là đấng Từ phụ Thích Ca và một vị Phật khác được gọi là Phật Quán Thế Âm, và rồi cách đây vào khoảng gần 2000 năm, có một vị Phật giáng sinh ở Phương Tây và được gọi tên là Đức Chúa Trời, kẻ cứu rỗi và thêm một vị Phật khác được gọi tên là Đức Mẹ hằng cứu giúp... Đó là chuyện thuộc về lịch sử...

Chuyện của tôi là câu hỏi về mục đích của những thị hiện giáng sinh ra đời dọc thời gian đó.

Mục đích của Phật, Chúa, Bồ Tát... thị hiện ra trên cõi đời này không phải là để giúp đỡ thế nhân, đem con người từ bỏ đau khổ, mê loạn qua bến hạnh phúc, tỉnh giác, sống đời chan hòa yêu thương an ổn hay sao???

Tôi không quên soeurs Denise, khi tôi tự giới thiệu mình là một Phật tử, vị soeur điếm đăm ít lời này đã giới thiệu tôi với một vị tu sĩ thuộc Do Thái giáo. Soeur cho biết từ ba năm nay, mỗi

năm vị tu sĩ này vẫn tìm về đây, sống tịnh tu vài tuần trong tu viện. Đó là một lựa chọn cá nhân không cần phải thắc mắc...

Vài ngày sau khi nhập viện, khi biết tôi có tập thiền, soeur đã mời tôi đến dự một buổi thiền tập chung với các soeurs trong tu viện. Họ đã đặt nhiều câu hỏi về tọa thiền của Phật giáo, về nguyên tắc căn bản, về hơi thở, về giờ giấc hành thiền... Và nhân dịp này, tôi cũng chia sẻ với các soeurs về phương pháp "thiền hành" mà tôi đã học được từ thầy Nhất Hạnh từ 10 năm nay.

Thật là một ngạc nhiên kỳ thú trước hình ảnh gần 20 nữ tu áo trắng, chấp tay trước ngực với tư thế búp sen, bước đi trong tĩnh lặng, theo dõi hơi thở và miệng mỉm cười. Câu thần chú (mantra) được chọn lựa trong giờ phút này là "Jesus (thở vào) Amen (thở ra)". Tôi cảm thấy hình như là bước chân của họ an lạc hơn tôi nhiều, nhiều lắm.

Những ngày sau đó tôi từ từ sống lại, tâm thần có vẻ thư thái hơn.

Nhìn về quá khứ, tôi không còn trách mình, trách người, nhìn về tương lai mịt mù sương khói, tôi chưa biết mình sẽ đối diện với thực tế nào, mình sẽ hành động ra sao... giờ này tôi chưa biết, chưa rõ, chưa quyết định được, nhưng tại đây, nhìn vào tâm tư, trong lúc này tôi đang có được bình an.

Trời rất lạnh, nhưng tôi thở được thông thả, an lành và thoải mái, nhìn qua cửa sổ tôi cảm nhận được màu trời xanh và nhiều tầng mây trắng, tai tôi nghe được tiếng chim tuyết kêu gọi nhau qua rừng thông rùng...

Tĩnh lặng của ngoại cảnh giúp đem lại sự bình an trong tâm hồn và đình chỉ được loạn động thân tâm. Đó là một kinh nghiệm có thực và rất sống động.

Trong sự tĩnh lặng quý giá đó, năng lực thiền quán sẽ giúp mình đạt được một cái thấy rõ ràng, rõ ràng về mình, rõ ràng về người, rõ ràng về sự vật, về hoàn cảnh để lập một quyết định cho đời mình.

Tĩnh lặng của tâm hồn và lời nguyện cầu chân thật, bộc bạch hết nỗi lòng với những kẻ có năng lực biết lắng nghe đem lại cho tôi sự bình an và niềm hạnh phúc được tắm mát trong suối yêu thương.

Yêu thương là động từ thì yêu thương thay đổi và lệ thuộc. Nhưng niềm yêu thương là thực tại (cái đang là trước mặt trong lúc này, tại ngay đây) thì yêu thương đem lại hạnh phúc. Tôi thấy tôi đang tắm mát trong yêu thương.

*

Ngày thứ 12, tôi sắp dọn hành trang, chào từ biệt các soeurs và xuống phòng khách ngồi chờ các con đến đón.

Bên ngoài trời rất lạnh và thành phố đang chìm đắm vào cơn bão tuyết của mùa đông ●

Thuở ấy... ven sông



• Đỗ Quang Nghĩa

"Bao năm lưu lạc quê người
Men say dở khóc dở cười nhớ quê"
(Hoàng Giác)

• • • Có một làng nhỏ. Tôi sinh ra, lớn lên ở Hà Nội, vẫn tự hào mình nói giọng Hà Nội chuẩn. Tuy thế, từ thăm sâu tâm linh, tôi biết rằng một phần tôi thuộc về làng. Lứa tuổi trên dưới ba mươi chúng tôi ở miền Bắc Việt Nam ai cũng có một miền quê như thế trong ký ức và đó thường là vùng chúng tôi về sơ tán thời chiến tranh.

Riêng với tôi, làng chính là quê tôi. Quê nội. Làng có cái tên lạ: Ba Thá. Dân làng độ hai mươi năm về trước thường gọi mình là "kẻ Thá". "Thá" là gì? Sau này, một thầy giáo già dạy văn giảng nghĩa cho tôi: Thá là sông. Ba Thá là ba sông. Tôi tin thầy và ngậm kiêu hãnh về cái tên đầy phong vị của làng.

Làng tôi đúng là nằm trên ngã ba sông. Phần thượng sông Đáy ngược về Thác Bà (Hòa Bình); phần hạ chảy trôi, xuôi qua Bến Đục (Chùa Hương); còn nhánh kia chính là một khúc sông Nhue - cái bao lung ôm lấy bốn làng Văn: Văn Nội, Văn Ngoại, Văn Xá, Văn Đồng. Ai là người quê tôi tha hương còn nhớ mấy làng Văn ấy? Bây giờ, người ta gọi chúng bằng những cái tên đầy tính thời sự, chính trị, kêu choang choang. Còn tôi, tôi vẫn gọi những làng nhỏ ấy bằng mấy cái tên xưa, vừa lành, vừa chân chỉ.

Xóm bà tôi ở xưa gọi là Xóm Gianh, nằm ngay mom sông đoạn xuôi về mạn Tế Tiêu, vòng về Bến Đục - Chùa Hương. Bố tôi bảo xóm ngày xưa nghèo, nhiều nhà phải vào rừng cắt gianh bán, kiếm ăn lần hồi, thành tên thế. Tôi nghe nửa tin nửa ngờ. (Bố tôi cũng sinh ra và lớn lên ở Hà Nội). Xóm nghèo mà lại tập trung nhiều nhà có vai vế nhất trong làng, trong tổng; trong đó có một ông (ông họ tôi) từng là Nghị viên Bắc Kỳ thời trước 1945.

Không biết có phải vì thiên vị không, nhưng tôi thấy xóm tôi đẹp nhất làng; và lịch sử xóm tôi chính là lịch sử làng tôi. Thời 9 năm, làng tôi là vùng trắng. Pháp xây cầu chiến lược ngay ngã ba sông đầu xóm, xây "Bót" cũng ở đó, bán người cũng ở đó. Nhưng sau tất cả những năm tháng ấy, làng tôi vẫn nguyên về bình yên. Đến cả cái "Bót" tai ương xưa với bao nhiêu lỗ châu mai cũng không còn về dữ dằn vì đã được phủ chìm dưới tán một cây nhãn đại.

Ngày ấy, tôi có thể ngồi trên dốc bến gần hết những đêm có trăng; chỉ để nhìn, để nghe thôi. Trăng say đắm dào trên sóng. Thỉnh thoảng một quả sung chín rơi nghe tòm tòm một tiếng. Cũng có những đêm, máy bay ra đánh phá Hà Nội nhiều (đêm đẹp trời thời chiến tranh thường là đêm dữ), bà tôi cấm tôi ngồi ngoài dốc bến lâu. Những đêm như thế, không hiểu sao tôi thường không ngủ được. Bà bảo: "Con bé này khó ngủ như bà già. Mà có mấy tuổi đầu. Rồi ra khổ!"

Ngày đó, vào những buổi sáng xuân đã tan hết mù, tôi hay đứng bên này bờ ngóng sang bên đất Ứng Hòa. Bên ấy là cánh bãi, đường xuống sông không xây bậc thành bến như xóm tôi. Thỉnh thoảng lại có một thiếu phụ nhà quê ra gánh nước, nhân thể vò quần áo. Tôi thích nghe tiếng vò quần áo

lan trên sông, thích nhìn bắp vế của những người đàn bà nhà quê, thường rất trắng, khác hẳn phần bụng, chân đen đen pha vàng mờ vì "màu" đất.

Hồi ấy, trẻ trâu thường gọi tôi là "con Hà Nội lẩn trốn", vì cắt tóc ngắn, mặc quần "phăng", vì thích theo chúng đi nhặt phân bón ruộng, thích đi mót khoai, đi hái ca (dù có địa); thích vị châu châu rang nước cà; và vì có thể ngồi hết buổi dưới một gốc phi lao ven làng, nghe tiếng gió vi vu, nhìn một con ốc nổi lên bám dưới chân bèo để rồi không bắt.

Trong ký ức của tôi, Xóm Gianh (mà người ta đánh số thành Xóm 7) là thế, và còn là những gì tuổi thơ tôi đã biết qua bà. Bà tôi - một bà già nhà quê đích thực - răng đen, tóc vắn, mặc yếm và quần chân què, nhưng lại sống qua thời tuổi trẻ ở thành phố nên tính rất sạch. Bà ở góa sớm. Trong hồi niệm của bà thuở sinh thời, người chồng đã cho bà bốn mặt con hiện lên vừa làm bà hạnh diện, vừa làm bà đau đớn. Bà kể gặp năm đói, ông tôi đã tậu thuyền xuôi tận Ninh Bình buôn muối, kéo theo bao nhiêu người, nhờ vậy mà thoát cảnh chết đói. Ông tôi hy sinh trong chiến dịch Thu Đông 1947, nằm lại ở một góc rừng Việt Bắc nào cả nhà không biết. Cả nhà giờ cứ lấy ngày báo tử làm giỗ ông. Nhưng hồi cái cách, mấy thằng Đội lại quy ông mảy là Việt gian; thật là thậm khố. Có mấy cái bát sứ Tàu ông mang về từ hồi đi lính sang Hương Cảng, chạy loạn bà cũng cố giữ. Chỉ có thể mà nó quy là phú nông. Thật thậm khố. Bà tôi thường dùng hai từ "thậm khố" đó khi nhắc về thuở cơ cực ấy. Khi lĩnh thóc cuối vụ, bà cũng hay nói thế. Bà than thở: "Đời thuở nhà ai, đi làm đồng lại theo kèng, lại ăn diêm. Cha con mẹ chúng nó, chia chác thế nào mà ngày công 10 điểm được có hơn cân thóc ươi. Thằng bố, thằng chú mày đi thoát ly cứ sợ bị ảnh hưởng; bắt bà vào hợp tác. Những như một mình bà thì bà thêm vào. Qua cái nạn ông mảy bị nó báo là Việt gian bà chẳng sợ gì nữa đâu".

Tôi nghe, đâu có hiểu gì. Nhưng có điều này thì tôi hiểu. Bà kể năm đói, chợ hay vỡ. Đầu xóm tôi xưa xưa có chợ hàng huyện to lắm, sau này chợ chuyển sang họp ở cánh bãi bên kia sông. Dân từ Tế Tiêu, Kinh Đào lên; từ Vác vào, từ Lưu sang, từ Khâm Lâm xuống; cả người Mường từ Miếu Môn ra. Chợ to, vui lắm, nhất là phiên áp Tết; cầu tấc, nhiều người lại quay ra chợ đồ ngang.

Tôi đã chứng kiến cảnh một phiên chợ như thế vỡ. Năm 72. Mỹ đánh mạnh ra Bắc. Máy bay oanh tạc Hà Nội, dọc đường về thả nốt một trái bom mờ mờ. Chỉ non trưa chợ đã tan cả. Khắp cánh bãi là hàng họ, lợn trong rọ kêu rầm rĩ, tre nửa lống chống. Mặt người xuôi, người Mường đều nger ngác, khiếp hãi như nhau. Tôi, mười tuổi, đứng bên này sông khóc mái. Phía bên sông là Hà Nội, là bố mẹ tôi, là chị tôi, là tất cả của tôi. Từ ngày đó, tôi âm thầm hơn. Nếu những năm tháng đó là tuổi thơ của chúng tôi thì chúng tôi, với nỗi sợ lớn lao kia, chúng tôi đã không thể nào ngày thơ tiếp. Trên dãy đất nghèo khó hình chữ S của chúng ta, mấy mươi năm qua, có ai là không khổ.

Sau Hiệp định Paris, chúng tôi trở về Hà Nội, về với phố Lò Đúc của tôi. Phố tôi, ngày chiến tranh vẫn rợp bóng cờ, và vì thế còn được gọi là "bang cờ ị". Nhưng từ lâu rồi đàn cờ đã ra đi. Đất không lành nữa!

Tôi cũng như đàn cờ kia bỏ phố, từ lâu rồi thôi không trở về quê. Bà tôi đã mất. Hàng năm, thường chỉ bố tôi và chị tôi về thắp hương cho bà.

Nhưng rồi tôi cũng trở về; trước khi theo chồng bỏ xứ. Rất cuộc là chúng tôi đã lạc đường. Con đường trong hồi ức của tôi giờ còn đâu. Ngày trước, vượt qua bãi dầy đầu làng Khâm Lâm, phải qua một thối dề mới tới làng tôi. Thối dề ấy đẹp lắm một bên là cánh đồng chạy hút vào chân núi, một bên là dòng sông sâu âm thầm trôi. Giờ, người ta làm nhà suốt hai bên dầy dề; chẳng có một cái móc nào cho tôi nhận hương.

Làng tôi đã đổi, đã không còn chút nào về yên bình mà ngay trong những năm chiến tranh vẫn không hề mất.

Hàng phi lao cao vút, thẳng tắp dọc đường liên huyện giờ trở gốc. Hồi, người ta kể là dân công chặt làm củi mấy năm trước.

Chúng tôi tìm về nhà cô tôi nghỉ. Ngôi nhà hai tầng, xây không thiết kế, trời lên trên những cây rơm trong xóm, chẳng ăn nhập gì với lối ngõ lầy lưa, bán thiu. Hồi tôi bé, ở làng, đường làng xây bằng gạch lát nghiêng từ xưa xưa vẫn còn nguyên vẹn. Hai mươi năm qua, chẳng ai, chẳng cấp nào để mất, những hàng gạch ấy lở hết, trở ra những vũng nước thải chảy từ chuồng lợn các nhà, lẫn với rơm rạ từ đời nào.

Hà Nội, với tôi, đôi lúc chật chội như cái lồng gà. Làng - lúc ấy - với tôi - hết một cái chuồng. Nhiều người đã góp phần xây làng thành "chuồng" như thế. Trong đó có một ông bác họ tôi. Ông đi bộ đội về, tham gia chính quyền, ngồi lên chức Chủ tịch xã. Và đó là ông chủ tịch "ngẫu" nhất làng tôi kể từ mấy chục năm qua. Thời ông còn tại vị, ở làng, nhà ai có việc, từ làm ma mẹ đến cưới con, mổ thịt con lợn... đều phải qua ông. Cũng chẳng cần lên Ủy ban xin phép, chỉ cần mang cái chân giò, rêu thịt thăn treo vào bếp nhà ông. Ông không hỏi, không cần biết của ai, nhưng ai không làm thì có thể giữa phiên chợ bị dân quân áp giải cùng cả phân thối lợn về Ủy ban hạch giấy. Giờ thì ông chánh hiện đại ấy đổ rồi. Nhưng ông cũng kịp lo cho mỗi em, mỗi con một cái nhà và một khoảnh vườn. Còn ông, nhà cũ được biến thành nơi nhốt trâu bò và ngỗng; ông chuyển ra ở rêu đất sát đê. Đấy vốn là đất vườn, cũng của một ông bác họ tôi bỏ đi Nam từ hồi 54. Bà vợ ông, nay ra Hà Nội ở với con, khi kể lại chuyện bị ép bán đất, nước mắt cứ ứa ra.

Đêm ở làng, trong ánh đèn dầu lờ mờ giữa ngôi nhà kạch cồm mà cậu em họ tôi đã xây lên bằng tiền buôn gỗ và chơi hội, tôi được nghe nhiều chuyện về làng. Hàng xóm của bà cô tôi, biết tôi từ hồi bé tí về sơ tán, đều sang chơi. Họ đi chân đất, ngồi phệt ngay xuống sàn nhà lát đá hoa - của hiếm ở làng. Trên bậu cửa là một người đàn bà không thể đoán được tuổi nhìn tôi cười - Lệ. Lệ là bạn học của tôi ở trường làng hồi sơ tán. Lệ học giỏi, rất giỏi, nhất là toán; đã từng đoạt giải thi học sinh giỏi toán toàn miền Bắc niên khóa 1971-1972. Nhưng Lệ không được học tiếp lên cao. Bố Lệ - vốn là một ông đội khổ đò thời kháng chiến, có cái tội duy nhất là leo lên được chức đội ấy cấm Lệ: "Học làm gì, biết làm càng thêm khổ". Ông biết là ông nói phải. Anh trai Lệ cũng học rất giỏi, năm tôi học cùng Lệ đã là sinh viên năm cuối của Đại học Sư phạm. Chiến tranh đánh phá lan rộng trên toàn miền Bắc, dấu đen trong lý lịch là nguyên cơ gián đơn không thể bác bỏ đã buộc anh phải thôi học về làng. Anh thành người nát rượu - gánh nặng của người vợ quê tằn tảo; nổi tử hổ của người cha trốn đi lính cho phía bên kia, sự kinh hoàng của mấy đứa em.

Bố Lệ bắt Lệ lấy chồng. Tay chồng Lệ kém chúng tôi hai tuổi và bốn lớp. Sau cậu ta đi học lái xe, bỏ lửng Lệ, mãi sau Lệ mới ly hôn được. Người chồng thứ hai của Lệ người tít xóm trong, xóm không bị đánh số, vẫn được gọi bằng cái tên dân già "Chân Chim", ở mãi trong đồng. Vợ chồng nghèo, rở rá cạp lại, anh liêu theo bạn đi đào đá đỏ, chết vì sập hầm. May Lệ còn có thằng con trai, mới hai tuổi khi bố chết. Chẳng biết nghe ai, Lệ biết tôi về, te tái ra thăm. Giờ Lệ ngồi kia. Lệ cam phận đến thế rồi ư; đến độ không còn cả khả năng mặc cảm. Người đàn bà cười, còn tôi muốn khóc.

Chuyện lào phào một hồi rồi tụ về một đề tài nóng bỏng: Hội. Chơi hội giống như một dịch bệnh lan trong làng tôi cả năm trước, đồn gục cánh trẻ. Người ta đóng tiền vào - những đồng tiền mồ hôi nước mắt - và hy vọng ăn lãi ngày 20%, rồi 30%. Rồi vỡ mộng. Anh em trong họ hầm hờ toan giết nhau vì tiền, vác cả xà beng đào móng cống nhà nhau. Cậu em tôi cũng bị cuốn vào cơn lốc đó. Đang giàu nhất nhì làng nhờ buôn gỗ và đóng đồ mộc, vụt cái cậu ta trở thành con nợ của gần hết làng vì vỡ hội. Có lần cậu ta uất đến độ đi mua cả lựu đạn tỉnh chuyện thanh toán kẻ giết hội mình.

Giờ cậu ta ngồi đó, lồm khồm hết một ông già; cái còn lại chỉ là ngôi nhà hai tầng trống huyệt xây trên đất của cô tôi nên người ta không thể đòi.

Chào đời là quê tôi. Tôi nhớ ngày xưa bà cháu biau riu cùng nhau, đi đâu xa cũng chỉ kéo tấm liếp che cửa để gà không vào bới. Còn bây giờ, ra đồng người ta cũng khóa cửa bằng một cái khóa kéch xù, và có nhà còn phải thức canh buồng chuối chín cây sát đầu hồi. Chuyện ấy tôi nghe đâu từ lâu lắm rồi. Phải! Bà tôi đã kể vậy về những năm xa xôi làng đời.

Quê tôi giờ khác hẳn. Bãi tha ma trước năm ở rìa làng thì giờ lọt thỏm giữa làng, vì người ta làm nhà ra cả đồng. Người làng sinh sôi nảy nở nhanh không thể tưởng được; vì càng nhiều người thì càng được chia nhiều ruộng khoán (cách tính giản đơn của cả chính quyền các cấp và của cả dân làng). Có điều, đất không biết đẻ! Vì thế mà làng phình to, còn đồng thì co lại. Mẹ bà tôi cô đơn giữa một cánh - đồng - người như thế. "Khi tôi biết thương bà thì đã muộn - Bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi".

Quê tôi giờ khác lắm. Đầu cầu xưa chỉ có cửa hàng hợp tác xã bán chủ yếu là muối và dầu thấp, thỉnh thoảng cũng có vài ba bà già ra ngồi bán mớ tép vụn hoặc mười quả ớt vườn nhà; giờ ở đó có cả quán thịt chó. Quán lúc nào cũng đông khách, chủ yếu là trai làng. Họ ăn và uống, và bàn đủ thứ chuyện, nhiều nhất là chuyện hội và vượt biên; cứ toang toang bên mâm xương chó lổng cọng. Ông chú họ tôi là chủ một cái quán như thế. Ông bảo biết nghề là nhờ ngày xưa không ăn ở thất đức với lính, có cậu lính cũ thương Thủ trưởng nghèo mới bày cho cách nấu nướng. Đến thăm chú, tôi phải chui vào cái quán hồi mù đó. Từ đó nhìn ra đường lép nhép bùn, thấy mấy ông già co ro vác cây đánh trâu ra đồng. Ông chú tôi nhìn theo ánh mắt tôi, thở dài.

Người anh hùng của thanh niên làng hiện giờ là một ông anh họ tôi. Anh vốn là học sinh, trọ tại Hà Nội, vượt tuyến năm 1958. Sau 1975, anh phải đi học tập cải tạo 17 năm rông, vì đâu như có thời đã học tâm lý ở Mỹ và làm tới Tỉnh trưởng trong chính quyền Quốc gia. Anh có về làng một lần trước ngày sang Mỹ theo diện HO. Trai làng kể về anh đầy vẻ kính phục, chẳng biết vì anh từng là ông "cốp" trong Nam hay vì anh sắp đi Mỹ. Nhưng bà cô tôi (trạc tuổi anh) thì nức nở khen mãi: "... Cái anh ấy thế mà tử tế. Cứ nghe mấy ông Ủy ban nói thì ngờ đâu anh ấy là ác ôn uống máu người không tanh. Ấy vậy mà lúc cô tôi chơi anh ấy nhớ ra ngay, bảo: "Cháu chào cô Tỉnh. Cháu xin lỗi cô, cháu chưa biết tên em đâu nhà cô..." (Quê tôi có lệ gọi cha mẹ bằng tên con đầu lòng).

Tôi nghe cô tôi và biết rằng đó là chuyện dĩ nhiên bởi anh là người có học, là trí thức thật sự. Nhưng cô tôi, nghe cát nghĩa thế thì gạt phật: "Nó thế là vì nó không khinh người; nó quý làng! Chứ ông (...) (bác họ tôi, vốn là một quan chức ngoại giao cao cấp trong chính quyền Hà Nội) - cũng chú đầy mồm đầy thôi., mà có phải xa làng biên biệt như nó đâu; năm nào chả đánh xe về làng thăm bạn, vậy mà chẳng nhớ nổi họ hàng. Cháu không biết đầy thôi, dặn vừa rồi người ta chỉ ông ấy quá. Ai lại trong đám giỗ cụ Nghị (thân sinh bác tôi), ông Năm Hào hỏi, ông (...) lại quay ra hỏi lại: "Bác là ai nhỉ, tôi xin lỗi là không nhớ!". Cha đời! Ông Năm Hào đứng hàng chú ông ấy đấy.

... Bây giờ thì tôi đã ở rất xa làng. Bên kia trời Châu Á có nước Việt Nam nhỏ bé của tôi, có làng tôi, nhem nhức trong sự khó nghèo, trong niềm vui, nỗi buồn, mong ước. Tôi nhớ Hà Nội bao mùa âm thầm heo may; Tôi nhớ Sài Gòn quanh năm ủ nắng; Tôi nhớ làng tôi; Tôi mong làng tôi ít nhất cũng trở lại được như ngày xưa ấy, với cây sung đầu bến nước, với bụi chuối bên hè, với những ruộng mía cứ xạc xào trong chiều hanh gió; và người làng tôi lại là những Kẻ Thả lảnh hiên, cơ chỉ, nói không rõ dấu huyền như xưa.

TRÁI Ô RÔ

• Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa

Viết tặng anh Bác sĩ Nguyễn Long (Brisbane).

- Cuối năm tôi được nghỉ 6 tuần lễ.
- Tuần đầu đau răng và cảm cúm.
- Tuần thứ nhì lái xe ra biển bị gãy cốt cam giữa đường. Đi xe lửa cả tuần.
- Tuần thứ ba xe nằm đường - 8 tuần lương lãnh trước cạn sạch.
- Tuần thứ tư bị ong vò vè trong vườn đánh sưng húp mặt, hết đám chườm mặt ra khỏi nhà.
- Còn 2 tuần lương sức, ngủ trưa cho đã thêm, nhưng anh điện thoại gián tiếp khuyến khích. Tôi nể trọng anh nên miệt mài viết hàng đêm cho xong bài này để đền ơn tri ngộ.
- Viết xong còn một ngày duy nhất trước khi trở lại trường với lũ học trò quí quá.
- Thở phào nhẹ nhõm, ra sau nhà mới thấy cái máy lọc hồ tắm bị bể - "Tiền đâu thay đây trời?".

Đào kép đoàn ca kịch Công Lập vừa ăn cơm trưa xong, chờ dọn ra chợ che đêm, dựng rạp chuẩn bị trình diễn vài đêm, trước khi xuống ghe bầu đi xứ khác kiếm ăn. Chợ này dân nghèo quá, coi cạp thì đông, tiền thù giấy vở cửa ít oi, dân mua giàn thì trả lên từng chực đồng.

Ông bầu gánh chạy vất giò lên cổ mà chưa đủ đắp đổi sở hụi qua ngày, nghe chê nhiều hơn khen.

Thầy tuồng viết được vài tuồng thì mới môn gây gò tẩm thân.

Cô đào chánh Bảy Nhị nhờ sắc đẹp khuynh thành trong vở *Tây Thi Phạm Lãi*, giọng ca muôi mẩn có đủ khả năng chinh phục khán giả oai quyền.

Nhờ vậy đào kép đoàn ca kịch có cơ hội được tháp tùng theo cô dự những bữa cơm tươm tặc ở nhà ông Cả, ông chủ điền, bù lại những bữa cơm mắm kho mặn chất với rau dứa, rau tạp nhạp dưới kinh dưới ruộng, nuốt trôi cơm nhờ trái ớt hiểm. Ông bầu và đào kép vì vậy tranh nhau o bế cô Bảy Nhị mỗi khi cô nổi cơn đòi thổi tiền lại, bỏ đi gánh khác.

Nhục nhần nhứt có lẽ là ông thầy đồn Mười Sáng, tọa trên chiếc chiếu rách xếp đôi, lưng dựa tường, mím môi nuốt nước bọt, vuốt bấm những sợi dây đàn, ông ôm ấp cây đàn *xến* như ôm ấp người yêu. Cuộc đời ông thành thời trong bóng tối, cây đàn *xến* không phụ rầy ông, cây đàn *nhị* nghe lời ông. Ông mù mắt nhưng được trời ban thính tai. Đào kép dù nổi danh đến đâu cũng phải nể vì ông, họ rất sợ thầy đồn phá, như là đào kép còn non tay nghề như kép Năm Xôi, đào Ba Nhân. Trưa trưa, ông có thói quen ôm đàn, vu từng phím, tự thưởng thức tài nghệ, theo ông, chỉ có ông mới đủ khả năng thưởng thức tiếng đàn. Nhờ an phận sống qua ngày nên

ông bình tĩnh trong không khí âm ỉ tàn dư giặc *Thổ* của mọi người chung quanh.

Ông bầu đứng mũi chịu sào, lưỡng lưỡng thờ than: "Dọn đi thì lấy gì ăn?". Đào kép nhao nhao sợ nạn *Cáp Duồn*, lấy của che thân hay là lấy thân che của?

Sau đêm hát, khán giả leo tèo đếm đầu được vài chục người và một lũ con nít ồn ào, đông được chục lít gạo thì mọi người quyết định lui ghe, vì nửa đêm, *Thổ dậy*, nghe tiếng kêu cứu và nhà cháy không xa.

Gặp con nước ròng, càng khó khăn, thêm hai đứa bé khoảng mười lăm tuổi chạy bạn xin quá giang ra vàm, thằng Kèo và con Ngay. Hai đứa mồ côi nhưng có tài tháo vát dờ dẩn cho đoàn hát ngay từ đầu. Kèo biết rõ từng khúc kinh cùn, con rạch cạn, từng con nước trước khi ra Sông Cái, lại quen chèo chống. Ngay thì nấu cơm nấu nước nhán nhện. Nhờ hai đứa mà ghe đoàn hát ra đến Sông Cái an toàn, thoát nạn giặc *Thổ*.

Kèo ngồi trên mũi ghe buồn rầu nhìn về hướng quê mình, sông nước bao la, những giề lục bình xanh lạnh lẽo trôi phăng phăng như chính cuộc đời tên chần trâu ở đợ, lỡ phải lưu lạc. Kèo ngồi ủ rũ như vượn lia cây, chất lười như thần lẩn. Ghe trong xóm Tà Thom ra nướm nướp lánh nạn, mặt ai nấy đều căng thẳng. Kèo và Ngay cũng ở xóm đó ra, gia đình hai đứa bị Tây đi bố bán chết đem Việt Minh về chụp đôn. Hai đứa sống sót lấy lất qua ngày trong xóm, biết mặt nhau nhưng không ưa nhau.

Trong ghe, Ngay đang dọn cơm, Ngay quen việc cơm nước giặt vánh vì ở mượn cho nhà điền chủ từ nhỏ. Bà bầu không buồn giải quyết chuyện hai đứa nhỏ làm việc không công cho đoàn hát. Mất người cũ, có người mới vô thay, đâu cũng vô đó. Tháng trước ghé chợ Bình Di, lúc lui ghe mới hay con đào lẳng theo trai ở lại với con thằng cha chủ nuôi cá bè (1). Cơm ghe bè bạn, gánh hát nhỏ, không đủ tiền mượn rạp ở tỉnh lớn, chợ quận nên chỉ loay hoay ở các thôn ấp nhỏ và nghèo dọc theo sông rạch, tiện việc giao thông chuyên chở.

Nước sông gạo chợ, ghe bầu là căn nhà di động an toàn nhất của tiểu gia đình mang cái nghiệp cầm ca. Ngoài nghiệp đó, thêm vài việc phụ mới vừa no đủ. Có khi ghé thửa ruộng dưa bên bờ kinh vắng vẻ xa nhà chủ, họ ghé bè vài trái giải khát hoặc lội xuống kinh nhổ bòn bòn, bồng súng, rau để làm dưa hay nấu canh thêm với mắm kho mẩn là món ăn thường nhứt. Gặp mùa tát đìa, kép Năm Xôi là cả quanh đìa, làm vài bản

vọng cổ chưa chín mười cũng được gió cá thát lát.

Riêng ông bầu và bà bầu, nghe tên tuồng đầu mập lấm. Bà thì đúng là bà bầu, còn ông thì gầy yếu, tay chân khẳng khiu, mặt tái mét, có tên là Bầu Ôm. Cuộc đời ông bầm dập qua bao biến cố loạn lạc, trên đe dưới búa. Vì cái quá khứ Thanh niên Tiền phong mà ông khốn đốn. Một thời, ông theo đoàn sơn đông mãi võ, làm quảng cáo cho nhà thuốc Hiệp Sơn, sau đó bỏ trốn vì bị tình nghi. Bảy giờ ông còn tinh thần kinh cung chi điệu. Bọn lính kín rình rập nghe từng câu hát trong tuồng, sợ liên hệ tới quốc sự. Ngoài nghệ thuật sân khấu, ông còn bao nhiêu vấn đề khó khăn phải đương đầu. Có đêm hát xong, đào kép chưa kịp rửa mặt, khán giả ra về, dưới ghé có vài tờ truyền đơn, vậy là cả đêm đó có cơ ngủ bết. Đoàn hát khốn khổ nhất là những đêm ngủ đình ngủ chợ, hoặc đậu ghe bên bờ kinh vắng, kẹt giữa hai làn đạn Việt Minh và Tây. Hai bên coi những người nghệ sĩ lỡ bước như kẻ bị tình nghi. Gặp Tây thì sợ mình thành Việt Minh, gặp Việt Minh thì tự nhiên mình biến thành Việt gian, có thể bị lên núi cho "mò tôm" (2).

Mỗi lần có ai trả giá mua giàn, mặt ông nhăn nhó như muốn khóc:

- "Khổ lắm ông à, ông trả thêm chút đỉnh cho đào kép nhờ, bảo đảm vô tuồng đêm nay sẽ thu hút khán giả, ông lờ chờ không có cách gì lỗ đâu mà sợ".

Ông biết là có lời, khán giả có đông, nhưng không có người giữ trật tự. Thanh niên theo phá các cô đào trẻ, lũ con nít quí chạy lanh quanh vạch đêm chung vô rạp leo tuốt lên sân khấu hậu trường làm sao kiểm soát nổi, rồi hàng ghé đầu thượng hạng dành cho khán giả danh dự, tiền thù vở cửa chưa đủ đóng gạo.

Lâu lâu, những đêm mưa, ông nằm bên bàn đèn lai rai vài ngao thờ than, tâm sự: "Muốn diễn cho có nghệ thuật, vừa làm khán giả vui lòng đâu có dễ".

Chưa kể đào kép mê theo lối tiếng gập khi lương trẻ. Ông phải lo ngoại giao với quan làng, khán giả và đào kép một lượt, còn thân ông cũng rách bươm, loang lổ như mảnh long bào lổ chỗ, màu như loang ben trên người ông. Ông cũng kiến vái van Tổ không trật đêm nào, thỉnh thoảng ông than với Tổ: "Sao cái nghiệp cầm ca nó khổ như vậy!".

Bà bầu siết hồ bao ông xẹp lén nên bà có thân hình bầu xúng đàng. Ông nuông chiều đào trẻ bao nhiêu, thì bà lại hạch sách họ bấy nhiêu. Sau buổi trình diễn, bà có tật cần nhân, chưa thấy lần nào bà khen cho rạp đám: "Sao con Sáu Nhánh mà ca ua lất lất cái vai vậy? Con Chín Ngàn ca tới đoạn bị thương mà mày cười mím với thằng cha Cai Tổng?".

Đào kép lấm lúc bực mình, đòi thổi lại, đòi bỏ đi gánh khác, nhưng chuyện đâu

còn có đó. Họ cũng đã quen chuyện bực bội hàng ngày với bầu gánh, thầy tuồng, thầy đờn, đứa *đề-co*, khán giả từ ông già râu dê tới đứa con nít mắt dạy. Họ cũng biết thân, đi gánh nào rồi đổi vắn hoàn đổi.

Họ kiên nhẫn được nhờ sống hai thế giới. Thế giới ban ngày và sau hậu trường đầy dẫy bực bội, bất trắc, khốn khổ. Bù lại, ban đêm khi ánh đèn *mãng-xông* thấp sáng, họ mang hĩa đội mào thành vương tôn công tử trên sân khấu, thường thức nhìn những đôi mắt say sưa thán phục bên dưới, hưởng vài giờ huy hoàng, rồi mang theo hình ảnh đó để an ủi che lấp cuộc đời truân chuyên. Kép Tư Tam trưa trưa rảnh rang, ngồi tiệm hớt tóc tẩn gấu, cười lộp bộp: "Hôm qua tôi bằng con Hàn Tố Mai, mình nó mềm, mặt hoa da phấn, sướng lắm anh ơi! Trong lúc thằng cha Cai Tổng ngồi nuốt nước miếng tức lộn gan. Còn mỗi lần tôi ăn bánh canh hả, con nhỏ bán bánh canh múc cho tôi cá nhiều hơn bánh".

Ngày đang lui cui múc nước rửa rau sau lái ghe. Từ ngày theo đoàn hát Ngay hoàn tất việc bấp núc, sớm khuya hầu hạ đủ người. Ghe cắm sào đậu nghỉ, Kèo cắm câu thế nào cũng có cá ăn cơm chiều. Ghe đậu gần cánh đồng mùa nước, Kèo mò một giỏ cua đủ nấu canh, hoặc một thao ốc quẩn (3) đối bữa. Qua kính hậu, Kèo móc lên quày dĩa kho cá, lâu lâu được ổ trứng cò, trứng trích. Kèo tháo vát bao nhiêu thì Ngay giỏi đan bấy nhiêu. Suốt năm, Kèo là nguồn cung cấp thức ăn cho những buổi cơm. Gặp khi hát ở làng trừ phú sau mùa gặt gần Tết, đào kép được đãi đảng tiệc tùng tại nhà các ông Cả, ông Cai, thì trong ghe còn lại chỉ ba người: Kèo, Ngay và lão thầy đờn Mười Sáng quây quần buổi cơm đạm bạc.

Hai năm qua, Kèo đã quen việc dựng rạp, hạ rạp, ngoài việc chèo chống trên ghe. Những đêm mưa gió mịt mù, bên bến sông cô quạnh, đào kép quây quần trong ghe, nhấp chén trà sen, ăn miếng kẹo đậu phộng, quên mưa gió bão bùng bên bờ sông lau lách, chỉ có Kèo và Ngay ngồi bó gối sau lái vắn vơ, nhìn nhau, nhắc gốc gác mình, làng xóm mình. Hai đứa đã vương theo nghiệp giang hồ, trở về làng lúc chiến tranh, bơ vơ đâu có thân nhân nhà cửa mà trú ẩn. Đào kép xem Kèo và Ngay như hai đứa bạn (bạn đây theo nghĩa là bạn chèo, người giúp việc). Trên ghe thì chèo chống, đến nơi Kèo đủ khả năng che đậy quanh chợ, treo màn sơn thủy. Sau đó, Kèo ngồi trên xe lỏi vớ trống mời khách vừa phát "rờ ram" cho người qua đường, vừa đuổi mấy đứa nhỏ chạy theo chen lấn giành giựt.

Bà bầu rót ba chung trà nóng cúng Tổ. Trang thờ Tổ màn đỏ lay động, mỗi lần sóng vỗ mần ghe lát lư là y như Tổ hiện về. Bà quay nhìn ông bầu đang bó gối vừa thổi vừa uống chén trà nghi

ngút hơi trong ghe bầu chật hẹp. Bà lẩm bẩm: "Ngồi cái giọng đó là hết tiền". Ông bầu nghe được, bật cười: "Có tiền đâu mà hết?".

Đoàn ca kịch vừa mất thêm hai người đào kép phụ họ bỏ về quê làm rẫy. Lấy ai thay vào vai phụ đây?

Kèo vừa buộc cây sào trên mũi ghe, vừa ngâm nga điệu *Sơn Đông Hương Mã*:

"Tý ty tý, ty ty tý. Má ơi má, cái anh nầy dè, ảnh nắm tay con. Trời ơi! Làm sao đây, má ơi!"

Ông thầy đờn chép miệng:

- Thằng Kèo ca đỡ quá chớ, có lý à bậy.

Ông bầu đang lim dim thường thức chén trà, giựt mình, mở mắt như khám phá điều gì:

- Ồ! thằng Kèo con Ngay lớn rồi, sao mình không cho nó đóng vai phụ. Tội nghiệp, hai đứa theo mấy năm không than van một tiếng; Kèo, Ngay à! Đâu hai đứa bậy xuống đây làm thử, coi được, tao cho hai đứa bậy lên sân khấu với người ta. Có đường tương chao (4) lắm à!

Kèo và Ngay rứt rê chui vô ghe, lăm lét nhìn mọi người. Một đứa xuất thân chân trâu, đứa ở đợ, mở còi *cù bơ cù bất* (5) từ nhỏ, đầu dấm ước mơ làm đào kép dễ đóng chung với vua chúa trên sân khấu huy hoàng.

Có những đêm, Kèo đứng sau cánh gà kéo màn, nhìn xuống thấy khán giả say sưa thán phục vô tay mỗi lần đào kép xuống *song lang* (6), mắt các cô thôn nữ mềm lòng, ương ươn, dại đi. Phần Ngay thì giúp đỡ đào cài nút áo, bóp vai họ, xếp áo mào vô rương. Nàng cũng có lúc ước ao, nhưng ý nghĩ đến là bị dập tắt ngay, vì năng có nhiều việc phải làm. Ngay và Kèo đứng trong hậu trường tối mờ. Đèn sáng choang, sân khấu là cung vàng điện ngọc, đào kép được Tổ đãi lột xác thành vương tôn công tử, tráng sĩ hay nữ hiệp vung kiếm trừ gian diệt nịnh.

Kèo, Ngay chưa đủ khả năng tự tin, lúc đầu bước theo nghiệp Tổ, chắc chỉ làm quân hầu cầm cờ chạy hiệu, hầu hạ đào kép chánh, mần nguyện rồi.

Ông bầu phà khói thuốc Bastos xanh nghiêm nghị:

- Kèo, Ngay à! Hai đứa bậy theo qua mấy năm, qua thấy hai đứa bậy giỏi giần, qua thương, muốn nâng đỡ. Biết đâu phải thời, Tổ đãi thành kép chánh. Chuyện đó làm sao biết được. Mai sau, trên ô-tô dưới thì ca-nô, nằm giường Lèo trải thêm nệm gấm. Chừng đó đừng quên thủa hàn vi. Từ đây, hể có giờ rảnh, ráng theo học ca với chú Mười Sáng, chú dợt đờn cho hát.

Kèo đưa mắt nhìn Ngay, tâm hồn hai đứa nao nao. Ngay thoáng thấy Kèo là tráng sĩ Thạch Sanh hiên ngang leo xuống hang cứu công chúa khỏi tay Mãng Xà Vương.

Ông bầu dặn thêm:

- Nhớ mua con gà cúng Tổ, lạy chú Mười làm thầy.

Mười Sáng thoải mái, khoái trá sau ngao thuốc, chưa chịu cầm cây đờn lên. Ngay bóp vai, đánh lưng xanh xạch cho sư phụ. Kèo thì điều đóm liền tay. Cả tháng đầu được bản "U xàng u xàng u, xàng trên đầu ba bữa còn u".

Ông dạy bài bản, rồi qua vọng cổ. Cả hai đứa không biết chữ. Ngay sáng dạ (7) có khiếu hơn Kèo, học mau nhớ dai. Kèo chỉ giỏi chuyện chân tay, nghiệp cầm ca sao mà gian truân quá.

Mười Sáng vo tròn phím đờn, vừa dặn dò liền miệng:

- Nè, đào kép nuôi thầy đờn, nếu chơi không điệu với thầy đờn, tao cứ đờn đúng nhịp, đào kép không đủ hơi xuống song lang, tao không đợi, tao đi luôn là tụi nó mắc dịch hết. Nè, Ngay, vô ghe, coi chừng xuống song lang nghe, tao đương đờn dây đào (8) đó. Chừng nào tao qua dây kép thì tới mầy nghe Kèo!

Mười Sáng dạo đờn tăng tăng tăng tăng, Ngay hít hơi dài, nổi lói:

- Than ôi! Cánh hoa rụng tả tơi vì gió dập, chớ xác bướm khô ôm ấp mặt bối tình yêu. Như tôi đây nhìn hoa lan mà ruột thối trăm chiều. Trông hồ điệp lẹ sâu tuôn mấy lượt...

Mười Sáng nhắc, nè, nè, vô liền, xuống song lang, nhớ lấy hơi lên nghe. Tạm tạm được, được rồi đó Ngay. Bây giờ tới Kèo. Làm lại bản "Đặng Dờ". Nào, vô!

"Nếu mai duyên phận không tròn thì sao hỏi em"

Mắt Kèo dờ dấn chạm đôi mắt say dại của Ngay, hai tâm hồn xao xuyến. Bản "Đặng Dờ" sắp dứt, Mười Sáng la:

- "Vô", trời ơi, xuống song lang liền.

"Than ôi, thời vận bất tề". Lỡ tai mầy để đâu Kèo? Mười Sáng mất hết kiên nhẫn với Kèo. Kèo tối dạ, vô ưa trật nhịp, không đủ hơi xuống song lang, ưa ca rớt nhịp bất tử, giọng ò ò như vịt đục. Ông sớm mình với học trò Kèo.

Ngay bỏ xa Kèo về tài nghệ, có triển vọng tiến xa, diễn xuất lại có nét hơn Kèo.

Ông Bầu Ốm đang ngồi vô công rồi việc, nóng mũi xía vào:

- Thôi, đủ rồi, bây giờ hai đứa bậy đóng chung thử tao coi. Kèo, mầy đóng vai thằng cha già lái heo, chớ heo lên Sài Gòn gặp gái. Còn Ngay, mầy đóng vai con đi bọc đèn (9). Tao vai Tư Điều dẫn mối.

Ngay nhanh nhẩu vô ngay điệu "Xàng Xe":

- "Lời nói của ông nghe qua rất tình"

- Giã còn đường!

Kèo sung sướng họa theo. Ngay bắt vô:

- "Lòng chẳng đổi thay từ đây tới già."

Ông bầu quơ tay ra hiệu cho hai đứa hát:

- "Còn gì bằng!

- "Lòng thắm tím lòng ai biết chẳng ai."

Ông Bầu Ốm, sành điệu vừa xô Kèo và Ngay gần nhau hát:

- "Tôi làm mai cho, đừng lo, làm mai chẳng lấy công"

Ông liếc sang Ngay, nằng hát, mắt tha thiết nhìn Kèo:

- "Này ai ơi có thấu lòng em tha thiết!
 Dù mai sau có khổ cùng khổ với nhau.
 Ông bầu kéo vai Ngay cho nàng ngã
 lên vai Kèo

- "Chớ quên lời thề. Em đây là hứa
 trước kia.

Kèo cảm xúc, bất ngờ nắm tay Ngay,
 nàng trở lại thực tế, liếc mắt đỏ mặt
 thẹn thùng "Làng nè".

Trong ghe có tiếng vỗ tay cổ võ.

Ông Bầu Ốm dạy:

- Nè! Ngay, lúc hát: "Lời nói của ông
 nghe qua rất tình", mày phải liếc mắt,
 phải mục khử mi lai (10), kễ vai cợ má
 mới đúng kiểu chớ. Lúc hát: "Này ai
 ơi, có thấu lòng em tha thiết", mày phải
 là... là... là... làm màu làm mè để nạo
 cho nó bán hết ghe heo. Lúc hát tới
 chỗ: "tha thiết", mày phải bi thương,
 ngọt ngào. Còn thằng Kèo, lúc hát câu:
 "Già còn đường", mày phải vuốt râu
 cười dề mới phải.

Ông Bầu Ốm bất ngờ, chợt có ý nghĩ lạ,
 cười hả hả:

- "Ừa, hồi này tao đóng vai Tư Diệu,
 đất mới làm mai: *Tôi làm mai cho,
 đứng lo*", hay là hai đứa bây làm thiệp
 đi. Ngày mốt ghé bến chợ mua cặp vịt
 làm thịt đãi đào kép, tao chứng kiến
 cho hai đứa bây vậy duyên can lệ (11)
 cho tròn duyên kim cái, ông trở giọng
 cái lương, xuống song lang ngọt xớt: "*để
 cho chim liền cánh cho cây liền a...
 cành!*". Đào kép vui vẻ vỗ tay hát "*Khải
 hoàn xum hiệp nhất gia a!*".

Câu hát, tiếng đờn và lúc dợt chung,
 hoàn cảnh làm chất xúc tác cho tim hai
 đứa bốc men. Kèo và Ngay sượng sùng,
 đứng bờ ngõ, lùi xa nhau. Hai đứa chưa
 tỉnh mộng, cái trò lộng giả thành chơn
 (12) nguyệt nguyệt nhìn nhau, "vậy
 duyên can lệ, tròn duyên kim cái".

Vịt nhốt chung với gà cũng có ngày
 biết gáy. Kèo và Ngay đã thành đào kép
 nửa mùa, được khuyến khích tập tành,
 tuy chưa đóng vai chánh lẫn nào. Kèo
 vẫn chèo chống, Ngay vẫn lo com nước,
 đôi vợ chồng trẻ con này chưa bước hẳn
 vào thế giới cầm ca, chưa biết tán tỉnh
 nhau. Phải nhận là cả hai có tiến bộ
 nhiều, theo lời thầy đờn Mười Sáng.

Đêm trăng sáng, đậu ghe chờ con
 nước, rảnh rang, Ngay đang vo đậu nấu
 chè, Kèo ngồi nhắp cá. Tức cảnh sanh
 tình, Ngay miên man nhớ cảnh thanh
 bình, rồi chiến tranh, ly loạn, trôi giạt
 như bèo trên sông. Say cảnh, say tình
 chất giọng nhại theo bản âm nhạc cải
 cách (13) "*Nỗi Lòng Chinh Phụ*":

"*Ơi! nước nhà yên nơi bia đá còn ghi*"

Kèo đang lui cui gỡ con cá mắc câu,
 nổi hứng:

"*Non sông đang chờ ta đem máu
 xương ra đắp đền*"

Tráng sĩ Kèo và nàng chinh phụ Ngay
 đang đứng bên bờ suối, chia tay tiễn
 chàng ra biên ải diệt thù theo tiếng gọi
 của non sông. Ngay cúi mặt thốn thức,
 bi thương xốn xang không muốn rời
 chồng:

"*Vì đâu khiến xui chia lìa*

Đành cam, sang phút chia lìa xa"
 Ngay ngược mắt nhìn Kèo, lát đầu, bịn
 rịn:

"*Ơi vì non nước, anh đành đem thân
 ra chốn trường sa*

Ơi! nước non nhà"

Kèo ném cần câu, tấm Cang run như
 nhịp tim Kinh Kha Tráng Sĩ, xem cái
 chết nhẹ như lông hồng, vỗ ngực
 phành phạch, hát vang rền bến sông,
 mặt hiện ngang phủ trắng khí:

"*Gặp hồi hùng anh phải liều thân
 sống*

Việt Nam giống ta oai hùng"

Ngay đã bắt xong nôi chè, khói thơm
 cay mắt, thắm thía lòng chinh phụ cố
 che giấu nỗi buồn, sợ tiếng thường tình
 nhĩ nữ, lưu luyến:

"*Em tiền anh lên đường*

Được bao nhiêu khúc vé vang"

Tâm hồn Kèo vẫn vương theo mây
 trời, nợ nước nặng hơn tình nhà,
 nhưng còn thương hiền thê nơi trường
 liêu. Tráng sĩ phải dứt áo ra đi, còn
 quay lại dặn dò an ủi khuyên nhủ người
 ở lại:

"*Tình chớ vương mang*

Hồn nước khóc than

Chờ những chiến khu

Nỗi nguy nan mau diệt thù"

Tráng sĩ Kèo kéo sào xô ghe ra khỏi
 đầm lục bình vướng víu, chống sào
 xuống đáy kinh như cầm giáo chờ quân
 thù tới, một sống một còn. Tiếng ca im
 bật bất ngờ, trên ghe bầu đoàn ca kịch
 Công Lập. Tiếng vỗ tay trong ghe đánh
 thức bầy cò, cùm nùm trong bụi bên bờ
 kinh. Cỏ cây lặng ngừng uống cạn rượu
 ly bôi của người chinh phụ tiễn chồng
 ra quan tái, mấy dặm quan san.

Trận mưa đầu mùa dứt hột lúc xế
 trưa, không khí mát lạnh thích hợp cho
 buổi ra quân đầu tiên ở chợ này. Ông
 Bầu và đào kép nhẹ nhõm, không sợ
 vắng khách.

Mới năm giờ chiều, trước chợ chè cháo
 đã sẵn sàng. Gánh hát đến mang niềm
 vui cho dân chợ đã đánh, còn thổi
 luồng sinh khí rộn rịp buổi chiều trước
 chợ. Các chủ tiệm gốc Tàu ưa hát Tiều,
 chưa đủ trình độ thường thức cái lương
 hoặc không ưa thức khuya chen lẫn,
 kéo nhau ra ngồi chễm chệ ăn cháo
 gà, nem nướng, gói tôm, những món
 ngon này chỉ xuất hiện buổi chiều khi
 có đoàn hát đến. Nem gói ngon hơn
 nhờ không khí náo nức khác với ngày
 thường.

Kèo cầm cúi soát lại cái rô rê (14), vỗ
 thêm dầu và kiểm soát sợi dây bay, đêm
 nào có màn tiên bay. Bọn trẻ con tò mò
 rờ rẫm. Một đám khác chạy rầm rầm
 trên sân khấu la hét ầm ỉ. Kèo vừa làm
 vừa lo, đêm nay Kèo được xuất hiện
 trên sân khấu.

Ngay bây giờ là đào Kim Xuân, được
 đưa lên sân khấu lần đầu đóng vai tiểu
 thơ An Lộc, vai này diễn chừng mười
 phút, tuy là vai phụ, nhưng y trang rực
 rỡ. Trong hậu trường, Ngay đang làm

thầm ôm ngực hồi hộp, nhắm lại cho
 thuộc nhập tâm những câu đối thoại ác
 nơn. Ước mơ nàng thành, nhờ cô đào
 lẳng lơ bỏ đi, không còn ai thay thế
 ngoài Ngay. Gái có hơi trai, mặt Ngay
 hồng hào, da không trắng nhưng nhờ
 phấn son của đào Bảy Nhị, nên xem ra
 sạch sẽ nhứt trong đoàn.

Ngay nhắm mắt nhớ lại. Trưa nay, đào
 kép được Xếp Sứ mời ăn hủ tiếu ở tiệm
 nước. Xếp Sứ xà lại ngồi bên Ngay kêu
 "em" ngọt: "Kim Xuân ăn cho no nghe,
 thiệt tình đừng làm khách nghe".

Ngay rụt rè, chưa quen với tên cái
 lương của nàng, nhưng thấy kiều hãnh
 võ cùng khi được sắp ngồi bên "Xếp"
 "Sứ", được bồi bung tô hủ tiếu bốc hơi
 thơm mùi thịt heo, có đĩa nhỏ đựng
 nước tương, có ớt ngâm giấm. Lần đầu
 tiên ngồi tiệm Ngay lúng túng.

Đào Kim Xuân chợt thấy chán ngấy, sợ
 cái cảnh làm cá, đánh vẩy cá, lật rau,
 kho nồi đất lọ nghẹ đen chó chùi, mùi
 nước mắm ngang, nước mắm đồng tanh
 rinh.

Xếp Sứ mang kính đen, đội kết-bi oai
 vệ, lát mình cốt ý cho thiên hạ thấy cây
 súng sáu bên hông, mặt y nghinh
 nghinh nhìn người qua lại, như muốn
 gây.

Ngay vừa uống xong ly cà-phê đá mát
 lạnh thơm ngát, đã khát quá chừng.
 Xếp Sứ dụi mắt lại, mím cười hỏi Ngay
 đưa đây: "No chưa em?"

Xếp quay sang phở ký kêu tỉnh tiền.
 Chủ tiệm chạy ra, xoa hai bàn tay mập
 như nải chuối hột, xuyết xoa: "Thôi để
 bữa khác đi ông xếp, bữa nay cho tôi
 đãi khách của ông xếp ăn hủ tiếu lấy
 thảo. Đâu có bao nhiêu mà tỉnh tiền!"

Xếp Sứ thần nhiên đứng dậy, vì đã
 quen ngồi tiệm nước hàng ngày. Xếp
 kẹp cây "cane" đi song song với Ngay về
 sân khấu chợ. Đào chánh Bảy Nhị hơi
 phật lòng vì thấy mình chìm trước con
 nhỏ Ngay. Bảy Nhị là ngôi sao sáng về
 đêm khi trời tối, ban ngày sao lu mờ.
 Ngay đi sánh đôi với xếp Sứ, đáng thiếu
 phụ trẻ gọn ghè hơn đào Bảy Nhị.

Kèo đã căng xong màn làm bùng
 cho đào kép sau hậu trường, sắp xếp
 rương đựng y trang xong, mới bắt đầu
 tìm chỗ thích hợp thiết bàn thờ Tổ.
 Kèo đặt cái tráp gỗ sơn son vuông vức,
 có hai cửa mở như tủ quần áo bên
 trong lót chùng năm tấc vải đỏ. Tượng
 Tổ hay tượng "ông Làng" bịt khăn đỏ,
 mặc áo vạt khách xanh lục, quần lục
 trắng. Tổ mặc áo quần như vậy không
 biết bao lâu rồi nên màu đã ngả sang
 bạc thếp, bụi bám đầy. Kèo cẩn thận
 bỏ màn xuống không cho ai nhìn vào
 thấy Tổ, không tốt. Sau đó Kèo chạy
 lên sân khấu dập đầu coi có đình hay đã
 vững vàng chưa, đập đập tấm sơn thủy
 cũ cho bớt bụi, tập dầy màn. Kèo là
 một tay đề-co khéo léo.

(còn tiếp)



• Thúy Trúc

Sao

*Cho tôi mượn tạm chùm sao
Để tôi xâu lại mang vào cho em*

Lạ nhỉ, sau một ngày bốn ba mệt mỏi, chẳng mấy ai nghĩ đến chuyện ngắm sao. Thế mà chúng tôi vẫn có thì giờ kề vai nhau cùng vui với những vì sao lung linh trên bầu trời nhưng thăm thẳm. Anh nhẩn nha đếm như trẻ con:

*"Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao
Ba ông sao sáng..."*

"... Em thử đếm trên trời có bao nhiêu sao, anh yêu em còn hơn thế nữa". Câu nói này của ai em nhỉ? Dù của ai, anh cũng tạm mượn để tỏ bày cùng em phản ánh một tâm trạng đương thời của anh.

Ừ, đã bao nhiêu người rung động khi ngắm sao? Nhất là thi sĩ văn nhân, trong đó có Toàn Phong đã viết:

"... Nhưng Phượng a, không hiểu vì đâu khi nhìn những vì sao sáng người ta vẫn thấy nao nao buồn. Có lẽ vì ban đêm ra đứng trông sao thì trên vì-tuyến nào bầu trời cũng chỉ là một. Ở đâu cũng chỉ thấy một màu đen mung lung xa thẳm, những ngôi sao sáng hun-hút hai bên bờ ngân hà bằng bạc. Có ai xưa kia, nhớ quê hương quá mà thốt lên rằng: "Nhà ta ở dưới đám mây trắng xa xa" thì người ấy lòng cũng còn thấy hẹp trước vũ trụ bát ngát. Như anh, chắc anh sẽ nói: "Dù cho quê hương ta ở bên kia trái đất thì cũng có bầu trời đầy sao này".

"... Để rồi đây, có những đêm sáng bên nhau, nhìn những vì sao lạc chúng ta sẽ thấy nghĩa tình trọn vẹn và chẳng còn muốn nguyện ước thêm một điều gì".

Rồi cũng vì một rung cảm nào đó, nhà văn trải lòng mình qua Những Vì Sao Lạc:

*"... Đêm xưa bay tới đỉnh trời
Ánh sao rơi xuống hóa người hiền lương...
... Năm nay lưu lạc quê người
Thần thơ đi khắp biên trời lưu ly
Nhớ em từ buổi phân kỳ*

Nhắm sao Thiên Mã ta thì về ngôi..."

(Toàn Phong)

Thi sĩ cũng so sánh mắt người yêu với những tia sao hoặc tưởng như ánh sao thấp sáng cả tâm hồn:

*"Làm sao sống được mà không yêu
Không nhớ không thương một kẻ nào
Hãy đốt đời ta muốn thứ lửa!
Cho bùng tia mắt độ tìm sao".*

(Xuân Diệu)

*"... Ôm biển trời những vì sao lấp lánh
Và trong tôi cũng lấp lánh ngàn sao
Giữa đêm nhưng có vì sao rục rờ
Thấp hờn tôi sáng cả bóng chiêm bao..."*

(Thần Thị Ngọc Quế)

Sao của ai? Ai nghĩ đến ai khi viết những bài văn, bài thơ "SAO" nào ai có biết? Có lẽ chỉ riêng trong tâm tư từng người được bí mật giữ kín. Có thể tôi đang nghĩ đến người bạn đường. Chị đang nghĩ đến cô em gái phương xa. Và cũng rất có thể anh đang nghĩ đến người tình muốn thuở, tình sớm, tình muộn, nào ai có hay! Nhưng tất cả đều gặp nhau ở một điểm sáng của trời cao. Cứ thế, từng đêm họ ngồi tâm sự với sao. Đây là giờ phút của thanh thân, của trầm tư, của yêu đương gói gắm, cho nên với SAO ai cũng viết được những dòng thanh rất thoát, rất sáng và rất cao!

Sao nhớ đêm hay đêm nhớ sao điều đó không quan trọng. Quan trọng ở chỗ là trong đêm xanh thì sĩ bất được một vì sao! Những đêm trời trong và cao, giai nhân nằm trong chăn ấm, làn tóc xoa trên gối mịn. Xuyên qua song cửa, một ngôi sao đứng nhìn. Phải, nhìn thôi mà chẳng nói, hay sao đang cho em giấc mộng êm? Kiên nhẫn chờ... chờ... từ em một tiếng "YÊU":

*Đêm đêm vẫn có vì sao nhỏ
Thường đến bên giường đứng nhìn em
Thường đến làm tỉnh thối chẳng nói
Thường đến cho em giấc mộng êm
Để đợi từ em một tiếng "YÊU"*

*Chao ôi! Thương quá ôi thương quá
Như thể rồng kia gặp lại mây
Như thể cá vàng mừng gặp nước
Như thể diều ai lộng gió bay
Như thể sân trường chiều tan học
Tim đập ngậm nghe rộn tiếng YÊU*

*Làm sao gởi chút phấn hương yêu!
Thương nhớ muôn triều còn e ấp
Mim cười lặng lẽ em chưa đáp
Nên vẫn muốn đời anh nhớ em
Nên vẫn muốn đời sao nhớ đêm*

(Phóng theo "Sao Nhớ Đêm" của Thi sĩ Vũ Kỳ)

Đấng Từ Phụ của chúng ta đã nói cõi Ta Bà có tam thiên đại thiên thế giới. Biết đâu vì sao kia lại không là một thế giới nhiệm màu xa xôi nào đó mà ta chưa được biết, nhưng có điều chắc chắn sao tỏa diêm cho bầu trời đêm lộng lẫy, cho nhân thế có diêm lung linh tuyệt vời để hằng đêm nhìn ngắm và gởi gắm tâm tư. Trời càng khuya, sao càng sáng:

Sao Khuya

*Đườngtrúc ai trải đầy trăng
Ai thông thả bước chi Hằng trông theo
Ai sắp núi mộng cheo leo
Ai ca như tiếng suối reo đầu ghềnh*

*Bốn bề yên lặng vắng tên
Sao khuya lấp lánh mông mênh nghìn trùng
Lung linh tiếng vọng hồng chung
Hu vớ một còi mịt mùng xa xăm*

*Mùi hoa quyện lấy hương trầm
Tâm ta rũ sạch mê làm từ đây*

Ai mà chẳng biết Đức Thích Ca Mâu Ni của chúng ta từ bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con xinh xuất gia vào mộng tám tháng hai, một đêm đầy sao và Ngai cũng đã thành đạo vào đêm mộng tám tháng chạp khi sao mai vừa mới mọc. Phải chăng sao có mối liên hệ mật thiết với đấng Năng Nhân?

Suốt cuộc đời làm thơ, ít nhất thi sĩ hay các Thiên sư cũng hơn một lần ca tụng sao:

*"Chùa xưa mái ngói cũ
Trèo lên nắm cây sào
Đêm khuya rồi không ngủ
Kéo rụng bao nhiêu sao"*

(Huyền Không)

*"Dây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Trời mơ trong cánh thực huyền mơ!
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ"*

(Hận Mạc Từ)

*"... Mà nơi nào đó có cuộc đời thanh thân
Ngây lang thang theo mây nẻo đường mây
Đêm trăng sao ta thơ thần hồn bay
Ngân tình tú bóng chìm trong đáy mắt"*

(Diệu Tịnh)

trăng sao mà đọc:

Mỗi lần làm xong một bài thơ
Tôi đều muốn dứt bỏ chỗ đông người
Trở về xum họp của trăng sao
Mà đọc lên những lời tình ái say mê
Mà đọc lên những lời đắm đuối
Tâm Sự

Hay tác giả còn mộng mơ ví người yêu như một vì sao:

Tôi muốn ví mắt em như một vì sao
Chưa có ở trên trời
Một vì sao: ngủ muộn hơn sao hôm
Dậy sớm hơn sao mai
Mà lòng tôi vẫn nhìn
Chưa bao giờ chớp mắt
Như em vẫn nhìn
Nụ cười của em
Trong mắt tôi!...
Tự Do

sao khuya thì thăm:

Buổi tối tôi ngồi nghe sao khuya
Đi về bằng những ngón chân thưa
Và nghe em ghé vào giấc mộng
Vành nón nghiêng buồn trong gió đưa
Tương Tư

Vẫn biết là câu chuyện hoàn toàn dị đoan. Vẫn biết là câu chuyện thật phần lại khoa học thế mà anh vẫn thường làm là hàng giờ ngồi ngắm sao và chờ sao sa để dâng lời nguyện ước. Anh tin vô cùng vì lời nguyện ước năm xưa trở thành sự thực: "Xin cho tôi được mãi mãi bên nàng để được hôn nhau dưới bầu trời sao". Chỉ có khác lời nguyện ước bấy giờ là chóng được quay về trên quê hương yêu dấu đây đây tự do no ấm. Trên bầu trời Việt Nam vạn vì sao cũng mừng lây thấp sáng:

Quê hương gió lộng trời cao
Vui chi lấp lánh hơi sao xa vời ?

MẸ ƠI, CON SẼ VỀ



Kính tặng những bậc hiền mẫu Việt Nam

. Phạm Hà Thanh

Mẹ ơi con sẽ về. Con sẽ trở về trong vòng tay yêu dấu của mẹ.

Kính thưa mẹ, không bao giờ con quên được những giây phút được sống trong sự bảo bọc âu yếm của mẹ. Mẹ đau trước cái đau của con, mẹ lo buồn trước cái thất bại của con. Con thành thật xin lỗi mẹ về sự ra đi của con không báo trước ngày giờ mà cũng không quyết định được ngày tái ngộ cùng mẹ.

Kính thưa mẹ, ở nơi đây, nơi xứ lạ quê người, tiện nghi vật chất có thể gọi là đủ, nếu không muốn nói là dư thừa, của ăn không hết thì đổ đi, trong khi không biết bao nhiêu người đang giãy giụa chết và sẽ chết vì đói trên đất mẹ và trên cõi ta bà này.

Mẹ ơi, xứ người là vậy đó, văn minh vật chất đầy đủ nhưng lòng con vẫn thấy trống vắng, một sự trống vắng mệnh mỏng vô hạn. Đã đôi lần con tự cảm thấy hụt hẫng hẳn giữa dòng người xa lạ tóc vàng, mắt xanh khi ngồi trên xe điện trước giờ đi làm cũng như khi tan sở. Con thấy thiếu vắng những điệu hò ru con êm ả của mẹ vào những buổi trưa hè oi bức, thiếu vắng những sự ôm ấp bảo bọc của một bà mẹ gầy mòn yếu đuối nhưng cũng dang rộng vòng tay che chắn cho con vào những đêm trường rét giá của vùng Cao Nguyên xứ mình.

Mẹ ơi, con rất biết rằng suốt cuộc đời của mẹ chưa có một ngày nào, một lúc nào khả dĩ được gọi là vui sướng, mà chỉ là tràn đầy nước mắt. Từ tuổi ấu thơ mẹ đã là một cô gái mồ côi mẹ, bà ngoại con đã qua đời sau một cơn bạo bệnh, vì không có đầy đủ thuốc men để săn sóc. Rồi tiếp một năm

sau mẹ lại quần thêm trên đầu một vành khăn tang cho cha đã bị bắn chết trong một cuộc đấu tố địa chủ mà thật ra ông ngoại con chỉ là một người chân lấm tay bùn quanh năm suốt tháng không quản mưa gió dầm trường, dầm sương dãi nắng đi làm công cho một cường hào ác bá, nếu nói cho đúng nghĩa và nếu muốn nói đủ hơn nữa thì chính nó là đây tờ nhân dân, là tên cộng sản gộc và chính hắn đã đầu tố ông ngoại con là địa chủ và giết đi để hồng giấu nhem nhem những việc làm sai trái thất nhân thất đức của hắn.

Hai năm trường hai lần chết khăn tang cho ông bà ngoại vẫn chưa đủ để mẹ thấm nhuần những khổ đau, nên một thời gian sau, sau một đêm ác chiến kịch liệt giữa hai bên, giữa cộng sản và quốc gia, toàn thể những người thân yêu còn lại của mẹ cũng ra đi vĩnh viễn. Từ đó mẹ trở thành một kẻ vô gia cư. Một cô gái dầm trường rày đây mai đó, lam lũ cực nhọc làm bất cứ việc gì, dù nặng nhọc tới đâu để đổi lại miếng ăn cho ngày hai bữa và ngóng chờ tin tức, cũng như sự trở về của một người chồng ở tiền tuyến, lúc đầu là Việt Minh chống ngoại xâm, nhưng giờ đây là người quốc gia chống lại Việt Minh vì đã thấy rõ được ý đồ của Việt Minh.

Mẹ cũng chẳng cần phải hao mòn sức lực để ngóng trông đợi chờ "chính phủ" như bao người mẹ khác, mà cha con đã trở về với mẹ rất sớm trong tình yêu bao la của mẹ, nhưng với một tấm thân tàn phế. Cha con đã hy sinh một phần thân thể trong một cuộc chiến tương tàn giữa anh em một nhà, một dòng máu, vì bọn cộng sản sát máu vô gia đình, vô tổ quốc, vô thần và vô nhân đạo.

Thế là đời mẹ lại tiếp tục tảo tần nắng mưa để chăm sóc người chồng tàn phế và chăm chút đứa con thân yêu từ cái ăn tới cái học trong khả năng của mẹ để hầu mong con mau lớn, thành người hữu dụng cho đất nước sau này.

Nhưng rồi ước mơ bình thường của mẹ cũng không được toại nguyện khi đến ngày 30.4.1975, cộng sản Bắc Việt tiến chiếm miền Nam với chiêu bài diệt Mỹ đánh Ngụy. Một lần nữa mẹ phải chia tay với người chồng yêu dấu, vì cha con phải "lên đường đi học tập cải tạo với một đôi nạng gỗ: Từ đó mái tóc muối tiêu của mẹ lần lần bạc trắng, trên gương mặt của mẹ hẳn lên rõ những nếp nhăn của đau khổ và hận thù, nói lên sự bất lực của mẹ khi phải chấp nhận tạm thời chia tay với niềm an ủi cuối cùng chính là con, là giọt máu của mẹ. Giờ đây con của mẹ đang ở nửa bên kia trái đất đang ngày đêm nhớ thương mẹ. Con nguyện cầu cho mẹ sống lâu trăm tuổi. Mẹ gắng đợi con về, ngày về trong vinh quang, dẹp tan giặc cộng sản giả nhân giả nghĩa như điều mẹ vẫn hằng cầu nguyện hàng ngày hàng đêm suốt cuộc đời mẹ, kể từ khi mẹ lớn khôn biết thế nào là lọc lừa, là bất công, là chiến tranh, là tàn sát...

Mẹ ơi con sẽ về. Nhất định con sẽ về bên mẹ...

ĐÔNG KHÔNG

mộng quanh

HỒ TRƯỜNG AN

Tiếng Hồ Đêm Giã Gạo

Cậu Hai Phụng, trưởng nam của ông Hội Đồng Trần, quê ở làng Đạo Ngạn, huyện Trung Lương thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ông Hội Đồng giàu khét tiếng trong vùng. Ruộng đất ông cò bay thẳng cánh, tiền của dư muôn, tủ sắt ông chứa gần trăm lượng vàng.

Đạo Ngạn nằm tả ngạn sông Bảo Định. Từ Ngã Ba Trung Lương, cách chợ Mỹ Tho bốn cây số, du khách phải vượt qua đường rầy xe lửa, men theo con đường đắp đất nện cứng để tới bến đò và phải trảy đò để bước lên vùng trũng dâu nuôi tằm. Đó là làng Đạo Ngạn.

Ông Hội Đồng Trần có ruộng đất bao la, có trâu lúa bốn bầy, nhưng ông vẫn bắt bốn cô con gái kể cậu Hai Phụng làm nghề nuôi tằm dệt lụa. Nhà ông lợp ngói vảy rồng, gồm ba căn hai chái, thêm căn đá đa qui cao tới ngực, nền nhà lót gạch bông, sân trước lót gạch tàu. Từ ngoài cổng ngõ vào, bên phía tay trái là bốn căn lẫm lúa, giữa lẫm lúa và ngôi nhà là chiếc sân phơi lúa cũng lót gạch tàu.

Cậu Hai Phụng nổi tiếng chơi cờ. Nhờ má đẹp trai, nên cậu được đàn bà con gái quanh vùng mê lú như lăm bùa. Tuy vậy, cậu không thuộc hạng phá gia chi tử, vì cậu thích đào mỏ, ưa bòn rút tiền của đàn bà. Lại nữa, ông Hội Đồng Trần vốn thuộc hạng rít chừa. Tiền của, vàng bạc, ruộng đất một khi lọt vào tay ông rồi đâu có muốn tháo trút ra ngoài, kể cũng khó khăn lắm. Do đó, cậu Hai Phụng chỉ mượn tiếng giàu sang của cha, chuyên đi lường gạt tình, tiền của đàn bà con gái đẹp để hưởng cuộc sống dật lạc một cách ngổa nguê.

Hồi mười chín tuổi, cậu Hai Phụng được cha mẹ cưới cho cậu một cô vợ gốc người Rạch Miễu. Đó là cô Ba Cẩm Vân, con thầy Cai Tổng Trịnh Văn Hải. Cô Ba làm dâu được ba năm thì dùng một cái cò bỏ nhà chồng cùng tên tớ trai trốn đi lên Lào. Đờn bà mà bỏ chồng để theo kẻ hạ lưu thường là cái bia để cho người đời thóa mạ. Nhưng ở trường hợp cô Ba Cẩm Vân thì lại khác. Lối xóm và dân quanh vùng thì chia mũi dùi về gia đình ông bà Hội Đồng Trần. Họ cho rằng bà Hội

Đồng đây xác dẫu, còn cậu Hai Phụng là thứ bòn rút của vợ, cho nên tức nước mới vỡ bờ như vậy.

Bởi ông bà Hội Đồng Trần khắc bạc, bởi cậu Hai Phụng cả những quen thói, bởi ba cô em kế của cậu hồn ấu xí xon nên gia đình danh giá quanh vùng không dám gả con cho cậu. Chỉ có mấy mụ máy ả lộn chồng hoặc chịu chơi mới dám tò tí với cậu mà thôi. Mụ nào, ả nào mà tăng tịu với cậu rồi thì mê cậu như bị lậm bùa.

Tết năm nọ, bà Huyện Vinh, em gái của ông Hội Đồng Trần từ Tâm Vu về thăm Đạo Ngạn. Bà bảo chị dâu:

- Thăng Hai Phụng bấy lâu ở "vá" hoai. Chị cũng nên kiếm chỗ có ruộng có tiền mà cưới vợ cho nó.

Bà Hội Đồng Trần buồn bực:

- Từ khi con vợ nó ôm vòng vàng chuỗi hột theo trai thì mấy con đi già đi non độc miệng quanh vùng phao vu nhiều chuyện bắt lợi cho vợ chồng tui lắm. Do đó mà tui đánh tiếng ở chỗ nào là cũng bị "hộ" nang ra hét.

Bà Huyện Vinh nói:

- Ở Gò Đen có vợ chồng thầy Bang Biện Yên, nhà của họ gồm tòa cao lẫm lẫm. Cô trưởng nữ của họ là cô Hai Nguyệt Anh, dung nhan tuy hơi kém, nhưng khéo léo việc bếp núc, thêm may. Nếu anh chị ưng thì vợ chồng tui đem xe xuống gđây rước anh chị đi Gò Đen thăm nhà họ cho biết.

Ông Hội Đồng Trần cười ngỏn ngời:

- Tui chọn dâu không phải ở cái bóng sắc của con, bởi vì bóng sắc chỉ để dành ngắm nghĩa trầm trồ. Tui cũng không kén dâu quá nét na đức hạnh mà khi về nhà chồng nó chỉ ôm theo mừng mền chiếu gối, chớ không của cải hồi môn gì ráo.

Bà Huyện Vinh cười hềnh hếch:

- Điều đó anh khỏi lo. Con Hai kém sắc thì họ phải bù sớt cho thằng rể. Tui sẽ kéo nài họ cho thằng cháu tui ít nhất cũng năm mẩu ruộng tốt với hai mẩu vườn cây ăn trái.

Bà Hội Đồng Trần hờn hờ:

- Cô cũng như cha. Xin cô cứ tính tới cho thằng cháu cô nhờ.

*
* *

Gần Ngã Ba Trung Lương là nhà ga xe lửa. Muốn đi chợ Trung Lương, du

khách chỉ cần từ nhà ga bước qua đường rầy xe lửa, men theo con đường đắp đất thiết lớn chừng mười thước là tới nơi. Chợ Trung Lương và chợ Bến Chùa cùng nằm trên hữu ngạn sông Bảo Định, cách nhau chưa tới một cây số. Vì gần ga xe lửa và gần chợ Mỹ Tho nên chợ Trung Lương lớn hơn, nhộn nhịp hơn, những gian hàng ở hai bên hông chợ sầm uất hơn. Lại nữa, dưới bến chợ ghe thương hồ đậu chen chúc hơn.

Từ quốc lộ lượn song song với thiết lộ ngõ vô ga, thì bên tay mặt của ga có một tiệm bán vải sớ, tơ lụa. Tiệm có mái lợp lá, vách bồ kho, nhưng rộng rãi, sáng sủa. Ở đây, loại vải hiệu Xe Lửa, loại vải hiệu Trái Đào, loại vải ta dệt to sợi, loại vải hột giền có gút mắt, loại vải xiêm phủ lớp hồ bóng loáng là bán chạy. Một vài loại vải xăng đăm, vải lục soan bắc thảo, cẩm nhung, cẩm vân, cẩm tự, sa teng ta, sa teng tuyết nhưng chỉ để trưng cho xuê xoang, và lâu lắm mới có khách mua. Dân vùng này vốn quê mùa, chuộng sự ăn chắc mặc dày. Mấy cô gái quê, mấy cô mua thùng bán bung mỗi khi Tết đến cũng chỉ dám mua vài in bông may áo và vài xiêm may quần. Ít có cô nào, chị nào dám bỏ tiền ra mua vân, xuyên, hàng, lụa, nhiều để may áo, hoặc bỏ tiền ra mua xăng đăm, sa teng, cẩm tự, lụa leo để may quần.

Từ cận Tết tới nay, tiệm này lại sang cho chủ mới. Ông bà chủ tiệm cũ đã cuốn gói về miệt Xoài Hột làm ăn. Bà chủ tiệm mới tác gần năm mươi, vóc mình ốm yếu khô khan, da dẻ xanh chành, tóc điểm hoa râm. Lối xóm xầm xì bà mắc bệnh lao nên lần quần ở trong buồng, ít khi chường mặt ra tiệm.

Trái lại, cô con gái của bà, tuổi vừa mười bảy, da thịt hồng hào, trắng trẻo, nuột nà. Cô lãnh phần trông coi cửa hàng cho mẹ. Đây là bà Bảy Thời gốc người ở Vòng Nhỏ, và cô con gái của bà là cô Năm Tố Lan. Ông bà Bảy Thời ăn ở với nhau được bốn mặt con. Hai đứa con trai đầu hữu sanh vô dưỡng. Cô trưởng nữ của họ là cô Tư Tố Liên đã gả chồng giàu ở miệt cầu Bắc Mỹ Thuận. Kỳ đẻ con lần thứ hai, cô đau dây dưa chừng vài tháng rồi qua đời. Sau đó một năm, ông Bảy Thời cũng nhắm mắt theo ông theo bà vì chứng bệnh xơ gan.

Trong lúc lâm chung, ông Bảy Thời bảo vợ:

- Tui có lấy quê Từ Vi cho con Tư lần con Năm, tui nó có cung Tài Bạch tốt, nhưng cung Phước Đức, cung Mệnh, cung Thân, cung Phu Thê xấu quá. Bà nên tu nhơn tích đức và nên khuyên con Năm tích thiện để hóa giải nghiệp nặng, nhơn ác.

Bà Bảy Thời từ khi chồng chết bắt đầu ăn chay trường, mỗi ngày hai khóa, là tụng kinh Cầu An. Bà khuyên cô Năm Tố Lan:

- Cái cung Phước Đức trong quẻ Tử Vi của con ứng hiện cái nhơn ác cái nghiệp nặng của con từ bao kiếp trước. Nếu kiếp này con tránh việc sát sanh hại vật thì việc dữ lần hồi tiêu trừ.

Cô Năm Tố Lan lắc đầu:

- Con còn trẻ, đang sức lớn, con cần ăn cá thịt để có sức khỏe. Hề có sức khỏe con mới bươn chải kiếm sống như bao người đang độ trẻ trung. Con không chặt đầu lột da ai, cũng không giành trâu cướp ruộng hay úp hụi giết nợ ai, thì con bị quả báo để phải chịu sa vào cảnh dầu sôi lửa cháy sao được?

Cô Năm Tố Lan sành ăn món ngon cầu kỳ. Cô có biệt tài làm đủ món ăn bằng thịt của chim, ếch, rắn, lươn, dơi, chuột, cua đinh, cần được, rùa... Tuy nhiên khi giết chết những con vật vô tội hoặc mổ gà vịt, làm cá, lật tôm, cô giấu mẹ thật kỹ để tránh gây cảnh chướng mắt cho mẹ.

Phía sau ga xe lửa Trung Lương là một vùng ruộng gò ăn thông qua Xóm Tre, Vòng Nhỏ. Hề chiều chiều mát trời, cô Năm Tố Lan từ chân vườn sau khuôn viên của mình, lưng thúng men theo con đường đắp đất để lên vùng đất gò mọc đầy cây trám bầu, cây mù u. Ở đây có một cái xóm nhỏ gồm bốn căn chòi lá xịch xạc, trong số đó có bà Ba Nén làm nghề bán cơm đĩa ở Ngã Ba Trung Lương. Nhưng tháng rồi. cô con gái của bà lấy chồng ở Thốt Nốt rước bà về đó để tiện bề phụng dưỡng. Bà đã dỡ nhà và bán đồ bán tháo bàn ghế, bàn thờ bằng gỗ tạp để thiên cư. Nền nhà giờ đây chỉ là vương đất trống, quanh mép có cỏ dại lún phún mọc xanh rì.

Chiều hôm đó, trời quang mây tạnh, ráng chiều đỏ rực phương tây. Cô Năm Tố Lan vui chơn dạo mát vùng xóm gò kia. Khi tới nền nhà bà Ba Nén, cô chợt thấy con chó Mực đang ngồi vút đốc bên đồng cây lùn vụn, ngược mắt lên tru thảm thiết.

Cô Năm Tố Lan nghĩ thầm:

- Chết chưa! Bà Ba Nén bỏ cuộc đất này ra đi, đành lòng nào mà không đem con chó mực này theo. Tội nghiệp quá, suốt tháng nay, nó sống dật dờ dật dưỡng thế lủ chó hoang, chịu đói chịu khát nên mình vóc ốm gầy, lông lá xơ xác dường ấy.

Con chó thôi tru bóng hoàng hôn, ngược cặp mắt thảm thiết ngó về phía cô Năm Tố Loan. Cô đưa tay ra vẫy nó. Nó bước về phía cô ngoắc đuôi tỏ vẻ mừng rỡ lắm. Cô Năm Tố Lan bảo:

- Nè Mực, nếu chủ cũ mầy đành đoạn bỏ bê mầy thì mầy hãy về ở với tao, giữ nhà cho tao.

Con chó mực thè lưỡi liếm tay cô. Cô chợt thấy mình nó có một vết thương còn tươi, còn rỉ máu. Cô bảo:

- Về nhà mình đi Mực.

Khi cô chủ và con chó về tới nhà thì trời đã chạng vạng. Cô Năm Tố Lan mở hủ thuốc dán hiệu Con Rắn, lấy

thuốc trét lên vết thương con vật, rồi bôi cho nó một đĩa cơm chan nước cá. Con Mực từ đó có chỗ dung thân, được ăn uống no đủ, cứ mỗi tuần hai lần được chủ tắm rửa sạch sẽ. Lần hồi sức vóc nó tròn trịa, lông lá nó rậm và bóng mượt như nhung. Cô Năm Tố Lan đặt cho nó cái tên là Huyền Đàn.

Con Huyền Đàn ngày tối cứ lúc thức trong nhà để giữ nhà. Vào tháng bảy âm lịch, tức là vào mùa chó rậm rật, nó không theo lũ chó đực trong xóm để leo teo.

Qua tháng mười năm đó, bà Bảy Thời đau qua loa rồi từ trần. Cô Năm Tố Lan chôn mẹ ở cuộc đất sau nhà. Từ đó, cô không hề đi đâu ngoài việc ra chợ Mỹ Tho bổ hàng về bán. Những thanh niên thuộc gia đình trung lưu trong vùng rấp ranh câu hôn cô nhưng cô đổ thừa mình chưa mãn tang mẹ nên chưa tính chuyện chung thân cho mình.

* * *

Gần lối sáu giờ tối hôm đó, nắng xé uôi uôi. Cô Năm Tố Lan toan đóng cửa tiệm để xuống bếp nấu cơm. Vừa lúc đó có một người đờn bà tuổi xấp xỉ ba mươi ăn mặc nửa cổ nửa kim bước vào. Chị ta có nước da ngăm ngăm hồng hào, mắt hơi lộ, răng hơi hở, vóc hơi mập. Nhưng chị ta không xấu, nhờ sóng mắt vừa sáng vừa ướt, nhờ cặp môi, nõn rãnh hồng tươi, hàm răng hệt bắp, nhờ tướng tá dong dầy, tóc chải khéo, nhờ nhứt là áo màu cam, nữ trang kiểu tân thời nên chị ta trông dễ coi, lại có duyên ngầm. Chị đờn bà chào cô Năm rồi bảo:

- Tui đây vốn là bạn của cô Bảy Thiệu và được biết cô Bảy là chị con nhà bác của cô. Hiện giờ tui từ trên Lèo theo chồng tui về Cao Lãnh lập vườn, trồng rẫy nuôi gà. Tui đến đây có chút việc, xin cô cho tui tá túc ở đây một đêm.

Cô Năm Tố Lan niềm nở:

- Chị Bảy có viết thư cho em căn dặn em nên tiếp đãi chị tử tế trong thời gian chị ở đây lo công việc. Xin chị đừng ngại, cứ coi nhà em như nhà chị vậy.

Chị đờn bà xưng là Ba Cẩm Vân, con của ông Cai Tổng Hải, vợ cũ của cậu Hai Phụng, dậu cũ của ông Hội Đồng Trần.

Thiệt tình cô Năm Tố Lan cũng có gặp thoáng qua cậu Hai Phụng một lần khi cô đi coi rước cộ đèn ở chùa bà Thiên Hộ tại chợ Mỹ Tho, một lần khi cô đi ăn gối ở nhà chú cô gần ga xe lửa Tân Hiệp. Lần sau này, khi cô vừa từ giá gia chủ bước ra thì cậu Hai bước vào, mạnh ai lỗ mắt ra ngó chó không kịp chào hỏi nhau. Tiếng đờn mĩa mai về gia cảnh ông bà Hội Đồng Trần, lời chê bai chỉ trích chia mũi về cậu Hai Phụng, cô Năm Tố Lan nghe đủ hết,

nhưng cô không mấy quan tâm. Cô chỉ biết cậu Hai có khuôn mặt khôi ngô trắng trẻo, sắc diện vui tươi, nụ cười cầu tài. Bà qua tiếng đồn độc địa, cô nhận thấy cậu chẳng có gì khá ở hết.

Cô Năm Tố Lan mời cô Ba Cẩm Vân rửa mặt cho mát. Cô dọn cơm khoản đãi khách lạ. Cô Ba Cẩm Vân bảo:

- Tui về đây thăm tía má chồng tui, không phải ông bà Hội Đồng Trần, mà là ông bà Năm Lụa ở bến đò làng Đạo Ngạn. Ngặt một nỗi nếu tui về đó thì cũng hơi khó cho bên chồng cũ lẫn cho bên chồng mới. Ngày mai, tui sẽ nhờ người nhắn tin cho bà má chồng mới của tui tới đây, rồi tui sửa soạn về Rạch Miễu để thăm tía má ruột.

Tối hôm đó, cô Năm Tố Lan có dịp để hỏi cô Ba Cẩm Vân về chuyện cô ta thoát ly khỏi gia đình ông bà Hội Đồng Trần. Cô Ba cười ngược nghịu:

- Ông chồng mới của tui vốn đã có tư ước với tui khi tui chưa lấy cậu Hai Phụng. Rồi ba má tui lóa mắt trước cái gia viên điền sản của ông bà Hội Đồng Trần nên gả ép tui cho cậu Hai Phụng. Dè đâu khi ông Hội Đồng Trần toan lập thành lưá và kiểm người tài phú thì cậu Sáu Nghĩa, bạn cậu Hai Phụng mà cũng là anh con nhà cậu của chồng mới tui giới thiệu ảnh cho ông Hội Đồng. Vậy là tình cũ nghĩa xưa gặp nhau. Lúc đó, tui gặp nhiều ngang trái trong cảnh làm dâu, lại còn đau khổ trong cuộc vợ chồng trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Cho nên, tui phó mặc cho búa rìu dư luận, cuốn gói theo người cũ... Tía má tui lần hồi tỏ rõ khúc nôi nên không còn phiền trách tui nữa. Chồng mới của tui khi ở Lèo ăn nên làm ra, nhưng vì tui cứ kéo nài ảnh về xứ lập nghiệp cho có họ hàng thân tộc, có đồng bào cùng tộc. Cao Lãnh là quê ngoại của chồng mới tui đó. Hề bề thế sanh sống, nơi chốn ăn ở có cơ ngơi vững chắc, tui sẽ rước tía má ảnh về đó để phụng dưỡng.

Đờn bà vốn hay tò mò. Cô Năm Tố Lan cứ lưa dịp hỏi về cái ân tình giữa cậu Hai Phụng và cô Ba Cẩm Vân, nhưng cô nọ không hề nói xấu chồng cũ, và tuyệt nhiên chẳng hề bươi móc chuyện nhà chồng cũ. Nhưng cô Ba vẫn không hề nói tốt cho họ cũng không đính chánh những lời nói xấu của dân vùng này qua lời thuật của cô Năm Tố Lan.

Cô Ba Cẩm Vân sau hết than náo ruột:

- Cậu Hai với tui có cái nợ mà không có cái duyên. Tui cũng cầu mong cậu sớm tìm gặp chỗ tầm đầu ý hiệp để xe tơ kết tóc.

* * *

Năm đó, cậu Hai Phụng được 31 tuổi. Một hôm có việc đi ra chợ Mỹ Tho để mua sách báo, trà rượu, cậu gặp một

cô gái đi cùng một chuyến xe thổ mộ với mình. Cô gái mặc áo xanh da trời bằng hàng Bombay, quần sa teng trắng, cổ đeo dây chuyền bướm bướm, tai đeo bông tròn teng hình trái châu, cổ tay đeo vòng bát bửu, xách bóp đầm da láng. Tuy không thoa son giới phấn, cạo tia chân mày, nhưng cô đẹp mặn mòi nhờ hai lúm đồng tiền bên mép.

Người mã phu nhìn cô gái rồi nhìn cậu Hai Phụng chặc lưỡi:

- Cậu Hai và cô đây ăn mặc sang trọng mà đi xe thổ mộ xấp xệ của tui có khác nào chim phụng hoàng đậu trên cây bả đậu. Đáng lẽ cậu và cô đi xe kiếng mới phải...

Cô gái khiêm tốn:

- Cậu Hai thì vốn con nhà phú quý. Chớ tui cũng là hạng dân già, ở nhà làm việc đầu tắt mặt tối, đợi đến khi đi ra thành thị mới có dịp se sua. Còn xe kiếng thì ở chốn phiên ba đô hội như ở Sài Gòn, chớ miệt Lục-Tĩnh làm gì có?

Cậu Hai Phụng ré lên ngâm câu hát đưa em:

*Bước lên xe kiếng đi viếng mộ chồng
Mộ chưa có mọc, trong lòng đã thọ thai.*

Cô gái bất bình:

- Cậu Hai đừng có hát như vậy. Đời có người vầy kẻ khác. Thế gian thiên hạ này thiếu gì gái trắc nghiệt, nhưng hạng chung tình, sắt son vẹn về đâu phải là hiếm hoi? Còn đàn ông, ôi thôi, phường bội bạc cả chồng, cả đống, xúc đem đi lấp biển Đông cũng chưa hết.

Cậu Hai Phụng dò la tông tích cô gái thì được biết cô tên Tố Lan, thứ Năm, có một gian hàng bán vải hiệu "Trái Đào" ở tại chợ Ngã Ba Trung Lương.

Bà Hội Đồng Trần thường khuyên răn cậu quý tử:

- Mấy chim chuột thì dễ ợt như nuốt canh khoai, còn cưới vợ coi bộ gặp nhiều trục trặc gút mắt. Mấy liệu hôn đó, anh chị Bang Biện Yến mà hồi hôn thì mây có nước ở vá suốt đời. Tao có nghe đồn con Hai Nguyệt Anh khó tánh giàn mây. Nó mà nghe mây ưa chơi bởi đảo dĩ thì nó dám lộn nài bẻ ống lăm da.

Cậu Hai Phụng cười hề hề:

- Má khéo lo. Cô Hai mà được làm vợ tui là quá phận cổ rồi. Bên đó họ cầu mà gả cổ cho tui. Đời nào họ dám làm tránh làm tréo, che méo chuồng tròn đầu mà má sợ.

Riêng cô Năm Tố Lan, chẳng hiểu về duyên nợ hay do nghiệp chướng gì mà từ hôm gặp gỡ cậu Hai Phụng trên chuyến xe thổ mộ cô đâm ra bứt rứt nhớ nhung cậu. Cô cứ lừng đờng lơ đờ, cơm canh nuốt không trôi, tưởng như mang bịnh.

Cô Ba Cẩm Vân từ Rạch Miếu trở qua chợ Trung Lương có ghé thăm cô Năm Tố Lan. Ngoài về thẩn thờ ngự ngác của cô Năm, cô Ba nhận thấy tướng

mạo của cô Năm hắc ám lăm, chắc sẽ gặp đại họa. Trước khi trở về Cao Lãnh, cô Ba Cẩm Vân dặn dò:

- Thời buổi này, phụ nữ xứ mình đã có chút ít tự do nên dễ sanh tật lạng mạn. Còn đờn ông xứ mình hễ tò tí được cô nào dễ dàng là họ sanh nhàm chán, bởi họ có lòng thờ dạ chôn; còn hạng người có lòng dạ vàng ròng đá quý thì mình tìm đồ con mắt cũng chưa gặp. Cho nên nếu cô muốn chọn bạn trăm năm thì phải lựa chọn cho thiệt kỹ. Đừng chuồng cái mã hào huê, đừng nhắm vào sự giàu nghèo, địa vị. Tui lấy kinh nghiệm bốn thân mà luận việc đời để cô rút tĩa một vài kinh nghiệm. Hễ cô gặp kẻ vừa ý, cần phải dò trong lóng đục thiệt gắt gao thì tránh được phường bội bạc. Tui vốn được người bác ruột chỉ dạy về khoa xem tướng, tui thấy ở ấn đường của cô có ửng vết đen. Xin cô nên thận trọng, chớ có để cam ngôn mỹ từ của thiên hạ lọt vào tai, nhứt là lời ve vãn của bọn đờn ông thì càng nên tránh cho thiệt xa.

Cô Năm Tố Lan cứ gật đầu chấm câu của cô Ba Cẩm Vân, trong lòng vẫn ghim mối bất mãn bất phục. Đờn bà mà bỏ chồng theo trai đã là xấu xa, nhứt là tên trai kia vốn kẻ giúp việc cho nhà chồng thì còn nhơ nhục nào hơn! Cô không thể tin một kẻ có khuôn mặt sáng láng như cậu Hai Phụng mà lại có tâm địa hen hạ được. Ở đời, thiên hạ vốn ưa ganh ghét cái may mắn của kẻ khác nên ưa theo dẹt nhiều chuyện động trời để bôi tro trét bùn lên mặt kẻ may mắn hơn mình.

Bởi cứ nghĩ vậy nên đêm đêm nhìn ngọn đèn chong, cô Năm Tố Lan cứ mơ tưởng tới cậu Hai Phụng không ngớt.

Ít hôm sau, cậu Hai Phụng tìm đến nhà cô Năm Tố Lan. Vừa khi cậu bước vô nhà, con chó mực cứ sủa nờ cậu, toan cắn cậu, làm cậu hoảng hồn, hoảng vía. Cô Năm Tố Lan phải nạt nộ mấy phen, nó mới chịu bỏ đi chỗ khác. Tuy vậy, lâu lâu nó trở lại cậu, mắt gườm gườm nhìn cậu thứ điều muốn ăn tươi nuốt sống cậu.

Cậu Hai Phụng than thở:

- Thiệt tình, tui không hiểu kiếp trước tui với con chó này có điều gì oan trái với nhau hay không mà nó có vẻ thù ghét tui dữ vậy. Nếu không có cô, nó dám cắn xé tui cho tới lúc tui rách tả tơi như cái núi giê thì nó mới bằng bụng cho.

Cô Năm Tố Lan mời cậu Hai Phụng ngồi ở ghé trường kỷ, sắp bánh ngọt ra đĩa và pha trà nóng đãi cậu.

Cậu Hai Phụng nói pha lửng:

- Nè cô Năm, tui gắm lại, ở một mình như cô đây thiệt là sướng vậy đó muốn đi đi về về lúc nào cũng đàng.

Cô Năm Tố Lan cười buồn:

- Cậu nói vậy chớ còn xóm giềng, còn thị phi nữa chi. Ở một mình, đêm đêm, em cứ sợ ăn trộm, nên phải

phòng hoài. Em tính mời dì Ba của em ở miệt Xoài Hột lên đây ở hủ hỉ với em cho vui.

Cậu Hai Phụng rùn vai:

- Ôi mấy bà già lăm cẩm, khó tánh, trái nết lăm, cô Năm ôi. Cô mà rước mấy bà về nhà, thì có khác nào rước gông đeo vào cổ.

Hôm đó cậu Hai Phụng cứ cà rà tại tiệm bán vải cho tới trưa trở trưa trật mới chịu về.

Chiều hôm đó, cô Năm Tố Lan đóng cửa tiệm sớm. Cô thẩn thờ ngự ngán như ốc mượn hồn, hết muốn làm ăn buôn bán gì nữa. Cô đi nấu cơm, kho cá, luộc rau, nhưng khi mâm cơm bày ra, cô cảm thấy no tới cổ, ăn cơm mà cô có cảm tưởng ăn sỏi sạn, húp canh mà cô tưởng chừng mình uống thuốc bắc.

Từ mờ sáng hôm sau, cậu Hai Phụng đập cửa, đưa cho cái giỏ bảo:

- Con em thứ tư của tui đi Gò Công về, có mua một ít cua biển. Tui chọn vài con thiệt mập để tặng cô ăn lấy thảo.

Cô Năm Tố Lan ái ngại:

- Cậu thiệt tử tế, nhưng thiệt tình em không dám nhận.

Cậu Hai Phụng tha thiết:

- Cô nên nhận quà để tui vui lòng. Gọi là món quà thất chặt sự giao hảo giữa đôi bên, cô nỡ nào từ chối để tui buồn... cho đành?

Cô Năm Tố Lan mời cậu vào nhà dùng trà, nhưng cậu từ chối:

- Tui phải ra chợ có chút việc cần. Hẹn hôm khác tui sẽ viếng cô để được ăn bữa cơm do chính bàn tay ngọc ngà của cô nấu nướng.

Cậu Hai Phụng cứ lần la ve vãn cô Năm Tố Lan hoài nên cô xiêu lòng, chịu ăn ở và làm nhơn tình, nhơn nghĩa với cậu. Riêng con chó mực thì không chịu quen hơi cậu Hai Phụng, hễ mỗi lần cậu đến nhà là nó cứ sủa nờ để khùng bố tinh thần cậu.

Thần phận cô Năm Tố Lan từ cuộc gặp gỡ lần thứ sáu có khác nào một đóa trà mi, để cho con ong Hai Phụng đã tỏ đường đi lối về. Sau lúc bị người yêu phá trinh, cô Năm Tố Lan khóc rầm rức. Cậu Hai Phụng vỗ về:

- Xin em đừng sợ. Em còn trong ngọc trắng ngà trước khi trao thân cho anh thì anh càng quý trọng em thêm. Thú thiệt với em, từ khi con vợ của anh bỏ anh, anh chỉ có cặp xách với thú đờn bà lẳng lơ trắc nghiệt, coi rẻ tiết trinh, khinh thường phẩm hạnh. Bọn đó đâu sánh bằng gót chơn của em.

Biết được cô Năm Tố Lan có chút ít tư trang, cậu Hai Phụng cứ theo gạ gẫm cô đưa tất cả cho cậu để cậu bán lấy tiền làm vốn đi buôn cây mốp cho háng làm nón cối và cho háng rượu ở Bình Tây trên miệt Sài Gòn làm nút chai. Cô Năm Tố Lan bưng cái hộp cây khám xà cừ trong đó đựng đôi bông hột xoàn 5 ly, sợi dây chuyền nhận ba viên hột xoàn 4 ly rưỡi, một chiếc cẩm

thạch huyết, một đôi vòng vàng, một chiếc cà-rá nhân ngọc điệp cho cậu. Có ủa nước mắt:

- Đã thương yêu nhau rồi, em nào tiếc gì tấm băng trịnh của em, hà huống chỉ những món trang sức này? Một mai mà anh phụ rẫy em, em chỉ có nước tự vận cho mát thân.

Cậu Hai Phụng giơ tay lên trời thề:

- Qua mà có ăn ở bội bạc, ý vượt lòng hươu thì chó nó móc tim qua cho qua chết thảm thiết đi. Thề mắc, thất rồi, xin em chớ ngại. Hề có cơ sở làm ăn là qua cưới em liền.

Được tất cả tư trang của cô Năm Tố Lan, cậu Hai Phụng không đi buôn cây mốp, mà bỏ về quê ngoại của cậu trên miệt Thủ Dầu Một, rồi bật tin luôn.

* * *

Ở quê nhà, cô Năm Tố Lan cảm thấy trong người có sự thay đổi. Cô hơi ốm, tanh cá, thêm chua, thêm ngọt lung tung, nên cô ra chợ Mỹ Tho đi xem mạch hốt thuốc tại tiệm thuốc bác Hạnh Hoa Đường. Do đó, cô mới hay mình có chửa được 4 tháng. Cô tá hỏa tam tinh, chết điếng suốt mấy ngày. Rồi đó trong giấc chiêm bao, cô thấy hồn cô Tư Tố Liên hiện về than thở:

- Em ơi, em đã bị thằng điếm có ba lớp da có bảy lớp vảy lưỡng gạc rồi. Nó đã từng gạt gắm gái vùng này. Rồi còn gạt vài cô ở Thủ Dầu Một nữa. Con rồi con rớt nó lúc nhúc như bầy cá chớt, cá lòng tong. Nó mà về tới đây, em tìm cách nào đầu độc nó để trừ diệt kẻ phá hoại đồn bà con gái sau này.

Cô Năm Tố Lan sực tỉnh cơn ác mộng, mở hơi đầm ướt châu thân. Cô nhìn bóng đèn chong, tai lắng nghe tiếng để khóc sương bên thềm, rồi sụt sùi:

- Chị ơi, nếu em là nạn nhân của cậu Hai Phụng thì chẳng qua kiếp trước em đã gây đau khổ đảo diên cho cậu, thôi để kiếp này em đem cái sanh mạng mà giải nghiệp.

Sáng hôm sau, cô Năm Tố Lan đóng cửa tiệm, quyết tìm tới nhà ông Hội Đồng Trần dò la tin tức, mới hay cậu đánh hôn với con gái ông Bang Biện Yến, giàu có, môn đăng hộ đối với cậu. Thất vọng, cô trở về nhà uống giấm thanh trộn với á phiện để tự vận. Trước khi bụng chón thuốc lên miệng, cô đặt tay lên bụng chứa khóc rống:

- Con ơi, mẹ con ta bạc phước bạc phần. Chén thuốc này giúp mẹ con ta sum hiệp với bà ngoại con.

Con chó mực xắn gần cô sủa rân lên, nhưng không sao báo động cho chòm xóm tới cứu được cô. Cô chết đi vào ngày rằm tháng bảy nên ai cũng cho đó là nhằm ngày linh ứng. Chòm xóm thương tình xúm lại mua chiếc

hòm chum nhang để chôn cất cô. Con chó mực cái từ đó không có chủ, cứ ngày ngày quanh quẩn bên mộ cô, thỉnh thoảng vào lúc hoàng hôn nó lấy chân cào cào bên hông mộ rồi tru lên thảm thiết. Xóm giềng hay được, ai nấy đều động lòng sa nước mắt.

Ít lâu sau, cậu Hai Phụng trở về quê thì mộ cô gái bạc phần đã xanh cỏ. Cậu vẫn tiếp tục ăn chơi, nay đào, mai đi, làm như quên hết chuyện đã qua.

* * *

Nói về cô Hai Nguyệt Anh, trường nữ của thầy Bang Biện Yến ở chợ Gò Đen vốn con người có nét na, đầy đủ công dung ngôn hạnh. Thiệt ra cô không có bóng sắc, nhưng dung nghi cô đề đạm, cách ăn nói cô mềm mỏng mực thước, cô lại có lòng nhơn từ với kẻ ăn người ở, thường giúp đỡ lú tá điền tá thổ của cha cô.

Từ khi bà Huyện Vĩnh trở tài làm mai cô cho cậu Hai Phụng thì cô hơi áy náy trong lòng. Thiệt ra cha mẹ cô lần chị em cô nào có rõ sự khắc bạc của gia đình ông Hội Đồng Trần lẫn sự tệ ác của cậu Hai Phụng. Nhưng linh tính của cô xui cô bứt rứt, nghi hoặc về họ.

Một hôm nọ, cô Hai Nguyệt Anh cấp rồ đi chợ thì gặp một cô gái mặc bộ đồ đen: áo bằng xuyên đen, quần lãnh dẹt bông nổi đen có cạp lưng bằng nhiều màu hưởng cánh sen. Cô gái đeo đôi bông cầm thạch, vòng tay bằng vàng chạm bát bửu, chơn đi guốc sơn đen... Tuy cách ăn bận và trang sức nửa chợ nửa quê, nhưng nước da cô trắng, tướng tá cô thông dong, lòng bàn tay và gót chơn đỏ như nhuộm phẩm.

Khi cả hai đến thớt thịt của Chệt Lớn thì cô gái áo đen ứng tiếng:

- Thưa cô, hồi nãy cô vừa ra khỏi tiệm tạp hóa Huệ Hảo lỗ làm sút chiếc xuyên vàng.

Cô gái mở túi áo lấy chiếc xuyên vàng chạm lưỡng phụng triều dương vốn là vật gia bảo của thầy Bang Biện Yến. Cô Hai Nguyệt Anh coi lại cườm tay mặt của mình thì không thấy chiếc xuyên vàng của mình đâu. Cô liền bảo cô gái áo đen:

- Phước đức quá! Nếu không nhờ cô thì chiếc xuyên này lọt vào tay kẻ tham rồi còn gì.

Cô ăn cần mời cô gái áo đen về nhà chơi thì cô ta từ chối:

- Chốc nữa tui sẽ chèo ghe về Giáp Nước, không tiện ở đây lâu. Xin hẹn hôm khác sẽ đến đây thăm cô.

Cô Hai Nguyệt Anh kèo nài:

- Vậy tui xin mời cô đến quán bán cháo lòng ở cuối chợ để lót lòng, đánh dấu cuộc gặp gỡ hôm nay.

Cô gái bảo:

- Sáng sớm tui đã ăn xôi vò rồi, bụng hãy còn no. Tuy nhiên cô đã có lòng tui xin vưng lời.

Quán bán cháo lòng có hai gian, một gian dành cho khách đồn ông, một

gian dành cho khách đồn bà. Cô Hai Nguyệt Anh vốn không ưa ăn hàng ở ngoài chợ, song hôm nay, cô muốn tạ ơn cô gái lạ mặt nên mới chịu dùng điểm tâm ở chốn đông người.

Cả hai chọn chiếc bàn ở trong góc. Cô Hai Nguyệt Anh gọi hai tô cháo và thêm một đĩa lòng dồi. Cô bảo cô gái áo đen:

- Tui là con gái lớn của thầy Bang Biện Yến, ở đây ai cũng biết nhà của ba tui. Bận sau, nếu có dịp đến Gò Đen, xin cô ghé thăm nhà ba má tui cho biết.

Rồi đó, cô Hai Nguyệt Anh hỏi:

- Vậy ra gốc gác của cô ở Giáp Nước, có phải chăng?

Cô gái áo đen lắc đầu:

- Giáp Nước là sanh quán của ông anh rể tui. Còn tui vốn ở chợ Trung Lương, cách tỉnh Mỹ Tho bốn cây số.

Cô Hai Nguyệt Anh hỏi:

- Vậy cô có biết làng Đạo Ngạn không?

- Từ nhà tui đến bến đò làng Đạo Ngạn cỡ 300 thước thôi. Tui biết rành dân cư ở làng đó cũng như biết rành lối xóm láng giềng của tui vậy.

Nhơn dịp đó, cô Hai Nguyệt Anh hỏi han về gia đình ông Hội Đồng Trần. Cô gái áo đen nhìn thẳng vào mặt cô Hai, mắt sáng ngời ngời như thoi miên. Cô ta thuật hết cách ăn ở bòn tro đãi trấu của ông bà Hội Đồng và thói gạt gắm gái tơ của cậu Hai Phụng. Sau đó, cô nhấn mạnh:

- Dân ở vùng xa thì chẳng ai rõ cái xấu xa của họ, chớ dân ở Đạo Ngạn, Đạo Thạnh, Vòng Lớn, Vòng Nhỏ đều biết rảo trời.

Tùng tiếng sang sảng của cô gái áo đen làm cho cô Hai Nguyệt Anh rung mình, sống lưng của cô lạnh ngắt như bị dội nước đá. Cô gái áo đen bảo:

- Những nơi khá giả ở mấy nơi đó đâu dám gả con vào chỗ ác đức như nhà ông Hội Đồng Trần. Tui nghe nói, cậu Hai Phụng sắp cưới vợ ở xa, hình như miệt Thủ Thừa, Giáp Nước gì đó.

Cô Hai Nguyệt Anh tê điếng như bị điểm huyết. Sau cùng cô nói với cô gái lạ:

- Biết đâu cô nghe đồn bậy bạ. Tui có nghe bà Huyện Vĩnh bảo rằng gia đình nhơn đức lắm, nhưng rủi thay gặp con dàu lẳng loan. Cô ta một khi ra khỏi nhà chồng, phao phản nhiều chuyện bất lợi cho bên chồng cốt để che giấu tội ngoại tình của mình.

Cô gái áo đen cười:

- Muốn biết rõ họ, thì cô nên đến Đạo Thạnh, Đạo Ngạn hỏi thăm từng nhà thì sẽ rõ. Bà Huyện Vĩnh là em gái ông Hội Đồng Trần, bà phải nói tốt cho cả nhà của anh bà. Điều đó đâu có gì lạ! Hiện nay má của cô Năm Tố Lan ở sau am Thanh Liên còn rành rành đó, tui đâu dám phao vu chuyện động trời cho họ mà mắc khẩu nghiệp hay sao?

Trước khi từ giã, cô gái áo đen bảo:

- Ai mà về làm vợ thứ cậu trẻ đó, làm dàu gia đình bạc ác đó thì khác nào đút đầu vào nẻo đoạn trường. Cái thứ

Sở Khanh như cậu Hai Phụng không chóng thời chầy cũng bị có kẻ phanh thây để trừng trị...

Cô Hai Nguyệt Anh trở về nhà thuật mọi việc cho tía má mình nghe rồi yêu cầu cho người đi xuống Đạo Thanh, Đạo Ngạn để dò xét. Quả nhiên, lời đồn đãi không ngoa chút nào. Cô Hai Nguyệt Anh bảo vợ chồng thầy Bang Biện Yến:

- Thà con ở vá, chớ lấy thứ chồng như cậu Hai Phụng thì có ngày đội khăn tang để khóc cầu.

Thầy Bang Biện nói:

- Nếu con muốn hồi hôn thì tía đâu nỡ ngăn cản con làm gì.

*
* *

Vậy là dang giá hồi hôn. Cậu Hai Phụng chẳng những không lộ vẻ buồn mà còn tuyên bố rùm beng:

- May dữ a! Nhờ vụ hồi hôn này mà tui khỏi làm chồng con Chung Vô Diệm ở Gò Đen.

Lối xóm trẻ môi nhún mỏ nói xấu cậu Hai Phụng càng hăng hơn chiều xưa.

Rồi một hôm nọ, xóm cậu bỗng xuất hiện cô gái mặc áo đen, đến mua một căn nhà ở gần bến đò giáp với hàng rào của cậu, ngày ngày mua lúa ông Hội Đồng Trần để làm nghề hàng sáo sành nhai. Cô gái quê tuyệt đẹp, sắc sảo hơn cô Năm Tố Lan ở chợ Trung Lương nhiều. Mắt cô sáng ngời, nhìn ai là kẻ đó vừa mê vừa sợ. Nụ cười của cô thật tươi mà cũng thật huyền hoặc, phở hằm rãnh nhỏ như hạt lựu trắng. Chòm xóm kêu cô là cô Út. Nhưng trong làng cô tới hai ba cô gái tên Út, nên họ kêu cô là cô Út Hàng Sáo.

Cô Út Hàng Sáo thường đi viếng các chùa am. Những lúc đó cô trút bỏ quần dài áo bà ba bằng vải ú đen để diện áo dài bằng xuyên đen, quần lãnh trơn hoặc dệt nổi bóng cũng màu đen. Màu đen càng tôn nước da trắng mát như bông bưởi của cô. Hề quần lãnh trơn có cặp lưng bằng nhiều màu dệt chuoít để hòa hợp với màu xanh lục nõn của sụu bộ cẩm thạch của cô. Hề lãnh dệt nổi bóng thì có cặp lưng bằng nhiều màu hương cánh sen để hòa hợp với xâu chuoít san hồ màu hồng đan (tức màu hương pha xám) của cô cùng đôi bông tai nhận hột ngọc lựu đỏ, chiếc vòng bằng cẩm thạch huyết. Quần áo, nữ trang của cô theo một nửa cổ nửa kim. Tóc cô không hề chải phùng và dợn sóng như gái thị thành. Cô chải tóc bầy ba, xúc dầu bông lài, rồi búi một cái bít bo tròn cỡ trái vú sữa, bao lưới và giắt trăm cần hột xoàn nhấp nhánh. Cô không hề tía chơn mây hoặc giồi phấn thoa son gì cả. Cái đẹp của cô là cái đẹp thiên chơn, sắc sảo chói chan lờ lờ mà thầy tướng cho là "hồng quang phát hiện".

Cô Ba Cẩm Vân có chút việc nên có lần ghé qua chợ Trung Lương để thăm cô Năm Tố Lan. Được nghe lối xóm kể lại cuộc tự sát của cô Năm, cô Ba kêu

trời và nước mắt cô tuôn như suối. Sau đó, cô nhờ người đưa cô đến vườn sau am Thanh Liên để viếng mộ kẻ hường nhan bạc phận. Tại đây, cô gặp cô Út Hàng Sáo đang ngồi bên mộ cô Năm khóc thảm thiết. Cô Ba Cẩm Vân thấp nhang cắm trước mộ rồi hỏi cô gái:

- Cô là ai, có bà con chi với cô Năm Tố Lan không?

Cô Út Hàng Sáo bảo:

- Tui mới dọn về đây ở hơn ba tháng rồi, chẳng có bà con chi với kẻ nằm dưới mộ. Nhưng tui được lối xóm kể lại số mạng bị dạt của cô nên tui chạnh nghĩ tới phận mình mai sau rồi sẽ ra sao? Cho nên tui ra đây cầu xin cô phò hộ cho tui vậy mà.

Lối giải thích có gì không ổn, nhưng cô Ba Cẩm Vân không tiện hỏi thêm. Cô bảo cô Út:

- Trước đây, tui có bóng gió khuyển lớn cô Năm, ngặt cổ đang bị giọng kèn tiếng huyền của phường lang tâm cầu hạnh nên đời nào cô chịu nghe tui.

Cô gái áo đen cười chum chím:

- Để rồi cô coi, ngày xưa quả báo thời chầy, ngày nay quả báo một giây nhân tiên.

Trước khi từ giã ra về, cô Ba Cẩm Vân ngậm ngùi bảo:

- Tui cũng vãi được như lời cô nói để cho phường Sơn Mã lấy đó làm gương.

Từ đó cô Út Hàng Sáo cứ lán la bẹo hình bẹo dạng trước mặt cậu Hai Phụng. Nụ cười của cô thiệt tươi, sóng mắt của cô thiệt lẳng. Nhưng mà nhìn kỹ lại nụ cười đó có vẻ gì dọa dẫm ghê rợn, sóng mắt đó như thổi miên và như thấp thoáng ánh hung quang. Lại nữa vẫn nói cô Út đậm đà, giọng nói cô sang sảng có ma lực thuyết phục người nghe. Ai đó, bất kỳ nam phụ lão ấu, hề được trò chuyện với cô rồi đâm ra quyến luyến cô, nói chi tới bọn háo sắc, phồn háo dâm?

Cậu Hai Phụng mê mết cô Út Hàng Sáo, thường đón đường từ xóm đến chợ để gặp cô. Lần đầu cậu nói:

- Trông cô Út mà tôi ngỡ ngợ. Hình như tui gặp cô ở đâu. Hình như gặp cô hồi kiếp trước lận, cô Út à.

Miệng nói, tay cậu đặt vào rổ cô một cục đất sét nắn hình trái tim mập thù lù. Cô gái cứ cười cười, liếc liếc, giả bộ không thấy.

Lần sau, chạm mặt nhau, cô gái trách:

- Cậu Hai cứ rần mắt, lần trước cậu ghé em chi kỳ cục vậy, cậu? Cậu bày đặt tặng vật này vọt nọ làm em phiền lòng trong bụng lắm đa cậu.

Cậu giả đó không nghe cô trách, tay đặt vào rổ cô một lá thư tình. Cô cũng giả bộ không biết không hay.

Đêm đó nhắm lúc đêm rằm tháng tư. Trời nực, cậu Hai Phụng không ngủ được nên thò thân ngoài vườn bên mé nước. Cậu nhìn qua phía bên nhà cô gái thì cô bày cối ra sân để giã gạo dưới ánh trăng trong. Cô xăn quần lên quá gối, bày cặp chơn dài, suông và trắng nuốt. Cậu Hai Phụng hồi hộp

quá, ngực nổi trống ngũ liên, tay chơn bứt rứt, nhột nhột lấm.

Cô gái nhìn trăng lồng qua cành nhàn, hát:

Sáng trăng giã gạo sân ngoài

Cám bay phảng phất nhớ người xứ xa.

Cậu Hai Phụng bước tới gốc cây chùm ruột cạnh hàng rào, cũng cất giọng hò lại:

Trăng sáng đêm nay, miệt mài em giã gạo

Bụi cám mịn mù, vương áo anh qua.

Cô gái vội buông ống quần xuống, mắt liếc về phía cây chùm ruột, chum chím miệng cười rồi hát:

Thân em như mặt trong chai

Ai kia, con kiến bên ngoài ngó vô.

Cậu Hai Phụng chột bụng. Cha chả, con cái nhà ai mà dám trở giọng cầu cao như vậy? Tuy nhiên, cậu cũng hò móc họng lại:

Này em Hai ôi!

Buổi chợ đông, cá hồng em chề rãnh ỉa!

Tới buổi chợ tàn, tép bạc em cũng mua

Cô gái cất giọng cao hơn, phoi phoi như gió lướt qua cồn bần:

Anh như voi lồng, nhưng em không như con ngựa vĩa

Chui trong đám mía, ngắm nghĩa cũng đủ no

Em xin anh chớ tay hốt, tay mò

Em đâu phải bột mà anh lo nắn nhồi?

A, con này trở giọng lẳng đây? Cậu Hai Phụng mừng mừng quỳnh, rung cây chùm ruột, cành lá loang loáng ánh trăng. Cậu hăng hái:

Bớ bạn chung tình, chớ giữ gìn thái thậm

Cây sào mới sấm, đợi cầm sóng sáu

Cau nọ gặp trâu, nhai dập nhàu mới ra nước cốt đồ

Vì bằng để vậy mà ngó, lòng nọ xón xang

Anh quyết làm càn, có mịch lòng nằng cũng trời kệ

Cô gái hăm he:

Dao phay để đó, tay nào rờ mó, chỉ có đứt lìa

Anh khoan tính chuyện nọ kia

Thân em gìn giữ, đợi đêm khuya động phòng.

Cậu Hai mê mẩn rụng rời. Cái con nhỏ này đâu phải tay vừa, lúc khép, lúc mở, lúc hăm he, khi mới mọc. Cậu hò thật cao:

Đốt ngọn đèn pha lê, mặt kẻ thực nữ

Xáp cuộc vợ chồng, mà em cứ đứng đưng

Canh tàn, khắc lậu, đêm xuân

Sáng ra em tiếc chẳng vung bạn vàng

Cô gái nguyệt một cái rồi chọi lại:

Anh bày cặp gối thêu rồng, em cũng trải xong đôi chiếu phụng

Mở cờ trong bụng, nhưng rồi giọng cứ ngại ngùng

Bởi anh cũng sợ, cũng run

Tay mò, tay hốt lung tung, chẳng được gì

Cậu Hai Phụng nửa giận, nửa mê cô gái. Nãy giờ cậu cứ bị thua cuộc luôn luôn. Giọng cậu tức tối:

Anh chẳng anh hùng, em há dòng thực nữ

Nổi trời từ xưa, lũ thứ bình bồng

Em như cùi mít trời sông

Vỏ dứa anh trôi xuống, há không hện hò ?

Cô gái òn òn, ngừng chày, chống nạnh ngó về phía cậu Hai Phụng:

Bánh xà lam, ai làm hơn mấy chú Chết?

Trai xứ mình chết hết, nên em lấy ông Bang

Lấy ông Bang đeo vàng đỏ ngực

Nước xi dầu thơm phết, ăn đứt nước mắm Hòn

Cậu Hai Phụng tấn công lại:

Cây đu đủ đực, lạnh nực cũng chẳng hề có trái

Ông Bang về Tàu, em ở lại buồn xo

Cơm gạo chẳng thơm tho, bụng no em già đồ ăn rắng

Bởi ham tiền, em chẳng ngán thị phi.

Cô gái xí một tiếng thật tức tối, hạ cậu Hai liền:

Ông Bang Chết về Tàu, em quyết vào Sóc Thổ, cảm dỗ tại Miền

Bởi anh ăn ở chẳng hiền,

Em đành mang tiếng mê tiền, tham dâm.

Cậu Hai tắt họng, nghĩ mình chưa đủ tài bộ để hò đối đáp huê tình với cô gái áo đen này. Cậu lui trở lại mái hàng ba, lòng bồi hồi. Trên trời trăng sáng, long lanh như chiếc đĩa bạc. Dưới sông, xuống cầu tôm đốt đèn lồng leo lét, trôi dạt dờ trong làn sương mỏng. Bóng cô gái cất giọng:

Anh về nhà, pha trà dọn bánh

Khuya vắng người, nếu rảnh em qua.

Cậu Hai Phụng mừng quýnh, vội cất giọng dặn dò:

Gặp gái má hồng, như gặp vàng ròng bạc nén

Nguyệt lặn sao chìm, đừng trể hẹn, bỏ em!

Nói xong cậu lại hàng rào bóng búp, mở cửa để sẵn... rồi trở về nhà nấu nước châm trà, bày bánh mít sẵn sàng... Cậu chỉ đợi chừng một tiếng đồng hồ, thì cô gái áo đen đến. Lúc đó trong ngoài vắng vẻ. Trăng vắt qua lùm lúa. Sao khuya nạm đầy trời long lanh... Cô gái đã tắm rửa xong xuôi, đầu chải láng bóng, xúc đầu bông lài thơm ngát...

Cậu Hai Phụng chỉ vào ngực mình:

- Nói thiệt với em, thấy em là qua thương, qua mê, qua lú lẫn. Em khác hạng gái tầm thường lắm... Qua mà nói láo, nói xuốt thì xe hủ lô cán qua gập đép như con khô mực đi.

Cô gái vắn ngọn đèn lu xuống:

- Làm sao em biết dạng lòng dạ của cậu. Đồ sông dò biển dễ dò. Nào ai bẻ thước mà đo lòng người.

Cậu Hai Phụng cầm tay cô gái đặt lên trái tim mình:

- Em coi nè, quả tim của qua đập như nổi trống châu... Nếu có cần, qua sẽ mổ ngực, moi tim qua cho em coi.

Cô gái cười ngón ngón:

- Thiệt hôn? Ai mà nói láo, thiên lôi oánh chày rụi ghen. Em thiệt tình muốn coi tim cậu bao lớn, đen đỏ ra sao? Cậu bằng lòng cho em moi tim thiệt hả?

Cậu Hai Phụng ưỡn ngực cười đắc chí. Bỗng cậu biến sắc. Cô gái áo đen trước mặt cậu dần dần biến cái dung nhan, miệng cô dài ra thành cái mỏ chó... rồi thì áo đen biến thành bộ lông đen. Trời ơi, cô gái đâu không thấy, chỉ thấy một con chó mực thiệt bự, nhe răng trắng xác và nhọn hoắc. Cậu rú lên, khủng khiếp. Con chó mực há

họng tấp vào ngực cậu, làm một mảng thịt sút ra, máu chảy đỏ lôm xướng cặp gối thêu chim xanh...

* * *

Sáng hôm sau, thàng ở của cậu Hai Phụng mở cửa phòng cậu để đem trà cho cậu uống thì thấy cậu đã nằm chết cứng, ngực bên trái bị khoét một lỗ sâu hùm. Máu chảy xuống gối nổi lên hàng chữ: "Kẻ nào giết cô Năm Tố Lan, kẻ đó đền mạng".



Khỏe Mẹ

PHƯƠNG HÀ

Mẹ ơi, mẹ ...

Mẹ bỏ con thiệt rồi sao ?

Ai đâu vuốt mắt mẹ

Lệ biệt ly khỏi trào ...

Thôi ..., mẹ đi thiệt rồi.

Xương khô về đất lạnh

Tiến linh gió đồng nội

Cạnh mộ mây xây thành.

Mẹ tôi đi thiệt rồi

Đầy con sầu vong quốc

Thương mẹ nằm khóc ngắt

Nhớ mẹ, buồn bao thôi ...

Bên nay trời

Phục tang mẹ thiếu khăn

số

Không com đầu quả trứng

Trào thơ ra khóc mẹ

Ruột đau dăm hải hồ

Mẹ ơi, mẹ

Bốn lạy phù du

Vọng về vong linh mẹ

Con không khấn vĩnh biệt

ngàn thu

Mẹ, mẹ ơi ...

Trên giàn thang cao ngắt

Nghe tin mẹ từ trần

Rụng rời tay lật bát

Bụi sơn trắng xóa đảo

quăng.

Mẹ ơi, mẹ ...

Mẹ bỏ con thiệt rồi sao ?

Chẳng chờ con trở lại

Như giao ước buổi nào.

Mẹ ơi, mẹ ...

Mẹ bỏ con thiệt rồi sao ?

Theo đường mây nhẹ bước

Biết tìm mẹ nơi nào.

Mẹ ơi, mẹ ...

Mẹ bỏ con thiệt rồi sao ?

Giờ thiên thu mẹ có nuôi

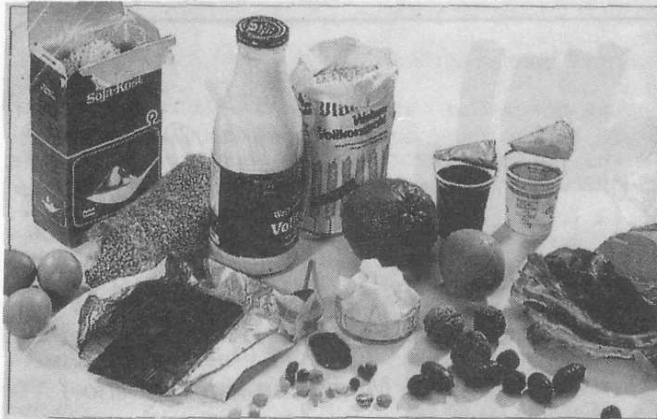
Ruột đau hoài có người ?

Y HỌC THƯỜNG THỨC

DI ỨNG

• Quỳnh Hoa

Nếu có một buổi chiều nào đó, bạn cảm thấy ngứa ở tay, chân và nổi những mụn nhỏ hoặc nổi "mề đay" tức là bạn đã bị dị ứng rồi đó. Có nhiều người rất sợ : vào mùa hè đi dạo những nơi có trồng nhiều cây cối đang trở bông (nở hoa), bởi



Dị ứng thực phẩm

vì họ bị dị ứng với phấn hoa, khi hít ngửi phấn hoa thường họ bị sổ mũi, viêm mũi.

Nhiều người than phiền vì bị "dị ứng" bởi thực phẩm. Vậy Dị Ứng là gì? Làm sao điều trị?

"Sự hiểu lầm" của hệ thống miễn dịch.

Người ta hiểu được dị ứng là sự tăng phản ứng của hệ thống miễn dịch đối với những chất có thể là vô hại. Dị ứng do "sự hiểu lầm" cảm xúc quá mãnh của tế bào trong cơ thể, không thể phân biệt đâu là chất gây hại và đâu là chất vô hại. Để mà tránh đỡ, đẩy lui chất lạ "một cách hung dữ" do sự hiểu lầm ngộ nhận, cơ thể gia tăng kháng thể, kháng thể có trong máu, trong tế bào, trong màng nhầy. Từ đó tạo ra "chất gián tiếp" ví dụ như Histamin. Chất này dẫn đến các hội chứng như ngứa ngáy, cảm giác khô, đỏ và sưng phù ở miệng và màng nhầy cổ họng, chảy nước mắt. Cũng có thể buồn nôn, nôn mửa hay tiêu chảy. Trường hợp hiếm hoi có thể xảy ra như khó thở hay gây hại cho tuần hoàn.

Các nguyên nhân nào tạo nên dị ứng?

Tùy theo cơ thể mỗi người, có người bị dị ứng bởi thực phẩm, có người bị dị ứng bởi lông thú vật, một số người bị dị ứng với hóa chất, phấn hoa, lại có người bị dị ứng cả với ánh sáng mặt trời nữa...

* Dị ứng bởi thực phẩm

Có một bạn, sau khi ăn một thỏi Chocolat, thì bỗng nhiên nổi mẩn đỏ ở mặt, hắt hơi nháy mũi. Tác nhân gây dị ứng đặc biệt như là Rau Cần, các sản phẩm của sữa, trứng, nhất là đồ biển, cũng có người bị dị ứng với hạt dẻ.

* Dị ứng bởi lông thú

Đa số những người này dị ứng với chất bài tiết của cơ thể động vật, ví dụ như nước bọt của con vật, trong trường hợp như: con mèo tự liếm lông của nó, nước bọt giữ bám lại trên lông nó có thể gây phản ứng dị ứng khi tiếp xúc với người. Nhưng những ai bị dị ứng với lông thú vật không phải là dị ứng với tất cả mọi loài thú vật, mà chỉ đặc biệt với một loài nào, và những ai bị dị ứng với lông thú vật thì cũng có thể bị

dị ứng cả với các sản phẩm làm ra từ lông thú. Có 60% người chủ của những con bọ (chuột để thí nghiệm) dị ứng với lông động vật này.

Dị ứng bởi lông thú vật có thể dẫn đến bệnh nặng, ví dụ như bệnh suyễn mãn tính nếu bị dị ứng trong một thời kỳ dài

* Dị ứng bởi ánh sáng mặt trời

20% những người đi nghỉ hè thường gặp phải loại dị ứng này sau khi phơi nắng: bị đỏ da, sưng phù, nổi mụn nhỏ, mụn phỏng nhỏ, ngứa, mụn trứng cá.

* Dị ứng bởi thuốc men

Một số người bị dị ứng với một vài loại thuốc, ví dụ như Aspirin, Tetracyclin, Ampicillin ...

Có một người bạn sau khi uống vài viên Aspirin hay các thuốc trong đó có Aspirin, thì bỗng nhiên mặt mày sưng cả lên.

Dị ứng về thuốc thì có rất nhiều điều để nói. Các bác sĩ trước khi cho bệnh nhân dùng thuốc thì sẽ hỏi xem người bệnh có bị dị ứng với loại thuốc nào không.

* Điều trị và tránh dị ứng:

- Các loại thuốc kháng Histamin (antihistamin) sẽ giúp bạn trong việc điều trị khi bị dị ứng. Bạn có thể dùng thuốc dưới dạng phun xịt, thuốc giọt, thuốc viên hay pommad..., Bác sĩ của bạn sẽ chỉ định thuốc sử dụng.

- Đối với trường hợp dị ứng do thực phẩm, thì nên theo cách ăn kiêng đặc biệt những loại thực phẩm mà bạn biết có thể mình không phù hợp thì tránh dùng.

- Nếu bạn bị dị ứng bởi lông thú vật, khi bạn phải tiếp xúc với loài vật mà bạn biết mình bị dị ứng với nó thì bạn có thể phòng ngừa bằng thuốc kháng Histamin. Các bác sĩ và dược sĩ tại các nhà thuốc tây sẽ hướng dẫn bạn. Những trẻ em bị dị ứng với lông thú thì không được đi theo lớp học của các em để đến nông trại. Tốt nhất thì nên tránh tiếp xúc với các "chú mèo, chú ngựa" ... nếu bạn biết mình sẽ bị sổ mũi dị ứng khi gần chúng nó.

- Sau khi đi nghỉ hè về mà không may bạn bị dị ứng bởi ánh sáng mặt trời (tia sáng của mặt trời) hay cũng có thể bạn bị dị ứng với các loại mỹ phẩm như dầu, chất xúc tác như tương trong các kem, dầu, nhũ tương thoa ngoài da để chống nắng.

- Thuốc kháng Histamin sẽ giúp bạn trong trường hợp bạn bị ngứa. Chỉ trong trường hợp bệnh rất nặng là nặng bác sĩ mới dùng đến các thuốc có Cortison.

- Tránh dùng dầu thơm, nếu bạn bị dị ứng với các hương liệu để pha chế dầu thơm.

- Nếu muốn dùng tới kem hay các loại mỹ phẩm chống nắng thì nên thử trước xem có hợp hay không, rồi mới dùng. Bạn có thể thoa chút mỹ phẩm lên mu bàn tay chờ xem da bạn có phản ứng gì không.

(Quỳnh Hoa sưu tầm)

CHỨNG NGỪA LÀ GÌ?

(Impfungen und Prophylaxe)

• BS Trương, Ngọc Thanh

• DS Trương Thị Mỹ Hà

Tháng 10 năm 1982, Tổ Chức Y Tế Thế Giới đã công bố thành công chương trình xóa bỏ hoàn toàn Bệnh Đậu (Pocken, Variola, Đậu mùa). Một bệnh dịch đã một thời gây

kinh hoàng và làm chết hàng loạt nơi có bệnh dịch hoành hành.

Nhờ vào các chương trình tiêm ngừa được hầu hết các Tổ chức Y tế và nhân dân thế giới cộng tác nên một số lớn các bệnh dịch và truyền nhiễm đã nằm trong vòng kiểm soát hoặc bị chế ngự phần nào.

I. CHỪNG NGỪA LÀ GÌ (Vakzination) ?

Người ta đã biết từ nhiều thế kỷ nay, các bệnh truyền nhiễm hoặc nhiễm độc đã để lại tính miễn dịch (Immunitaet) cho cá thể này về sau.

Ở Ấn Độ, 1.500 năm trước Thiên Chúa giáng sinh việc dùng mù, dịch của các mụn đậu, vẩy khô của bệnh đậu để cấy vào cho người chưa bị bệnh này đã được phổ biến. Nhờ đó mà người được cấy tránh được sự truyền nhiễm của Bệnh Đậu về sau này.

1. Cách chủng ngừa hoạt động (Aktive Impfung)

Bác sĩ Jenner, người Anh, vào tháng 5.1796 nhờ vào các thí nghiệm đã chứng minh nơi một Bé Trai được rằng: Sau khi đưa bé được cấy vào cơ thể mù Đậu của loài Bò đã có tính đề kháng lại bệnh Đậu nơi loài người.

Đó là nền tảng của việc chủng ngừa chủ động về sau này.

Việc tiêm chủng các vi trùng, siêu vi trùng, mầm bệnh, hoặc các độc chất (đã được làm giảm tính độc hại, giảm tính sinh sản, ở một lượng không gây ra bệnh) vào cơ thể, làm cho hệ thống kháng thể phản ứng lại bằng cách tạo ra các chất kháng độc tố chống lại bệnh này.

Về sau, trường hợp bị nhiễm bệnh với loại vi trùng này, thì cơ thể sẽ nhờ vào các tế bào có trí nhớ này trong máu (... Gedaechtniszellen, T-Lymphozyten) chỉ trong một thời gian ngắn tạo ra được kháng thể cần thiết để vô hiệu hóa hoàn toàn mầm bệnh này.

Chủng ngừa theo lối này cần thiết phải lập lại sau một thời gian nào đó và tính miễn dịch kéo dài nhiều năm.

2. Cách chủng ngừa thụ động (Passive Impfung)

Mãi đến năm 1890, Behring và Kitasano đã thành công trong việc đưa thẳng vào cơ thể người bị nhiễm bệnh các kháng thể (Immunglobulin) hoặc các kháng độc tố (Antitoxin) có trong huyết thanh để chống lại trực tiếp mầm bệnh nơi người mới bị nhiễm bệnh. Việc đề kháng này có tác dụng cấp thời, hiệu quả kéo dài ít hơn 3 tháng. Sau đó cá thể này mất đi tính đề kháng chống lại bệnh này.

3. Ngừa bệnh bằng thuốc kháng sinh (Chernoprophylaxe)

Cho đến ngày nay, rất phổ biến để ngừa bệnh, chẳng hạn như bệnh sốt rét. Khi cá thể dùng chôn ở nơi có bệnh này, với một lượng nhỏ (chinin, Tetracycline...), cũng có hiệu quả ngừa bệnh.

II. VIỆC CHỪNG NGỪA Ở LỬA TUỔI TRẺ EM

Tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, nhờ vào chương trình chủng ngừa rộng rãi nên sự xuất hiện của các bệnh truyền nhiễm trong các thập niên sau Chiến Tranh Thế Giới đã cho thấy các thành công đáng kể, mặc dù việc tiêm chủng không có tính cách bắt buộc như ở các quốc gia khác.

Quan niệm cho rằng, sự nguy hại của các bệnh truyền nhiễm không còn nữa nơi một xứ có nền kỹ nghệ tân tiến là sai lầm, lý do:

- Việc chế ngự hoàn toàn các bệnh truyền nhiễm chưa thể thực hiện được, ngoại trừ bệnh đậu.

- Việc tham dự vào các chương trình tiêm chủng căn bản hoặc bổ túc (Grund immunisierung und Auffrischimpfungen) đã không được hưởng ứng như điều mong muốn.

- Do sự liên hệ Thế giới, các mầm bệnh được mang từ các quốc gia khác tới, chẳng hạn Bệnh Lao, Sốt Tê Liệt...

LỊCH TIÊM CHỪNG Ở TRẺ EM, DƯỚI TUỔI VỊ THÀNH NIÊN

TRẺ SƠ SINH (TRONG TUẦN LỄ ĐẦU)	CHỪNG NGỪA LAO (Tuberkulose)
KỂ TỪ THÁNG THỨ 3	- Chủng ngừa cơ bản Yết hầu, Ho gà, Uốn ván (Diphtherie, Pertussis, Tetanus) = D.P.T. - Uống thuốc ngừa bệnh Sốt tê liệt (Pollomyelitis).
KỂ TỪ NĂM THỨ 2	- Chủng ngừa Ban, Quai bị, Ban đỏ (Masern, Parotitis Epidemica, Roeteln) - Tiêm chủng bổ túc ngừa Yết hầu, Ho gà, Uốn ván (D.P.T.) - Bổ túc ngừa Sốt tê liệt
KỂ TỪ 3 ĐẾN 6 TUỔI	Nếu muốn tiêm chủng ngừa các bệnh Ban, Quai bị, Ban đỏ chưa được thực hiện.
KỂ TỪ 6 TUỔI	- Tiêm chủng bổ túc (D.T.)
KỂ TỪ 10 TUỔI	- Uống bổ túc ngừa Sốt tê liệt.
TỪ 11 ĐẾN 15 TUỔI	- Ngừa Ban đỏ (Roeteln) đối với phái nữ - Tiêm chủng bổ túc (D.T.)

Điều lưu ý đối với cá thể được tiêm chủng ở mọi lứa tuổi : khi tiêm chủng phải khỏe mạnh, có nghĩa là trong thời gian này không bị cảm cúm, sốt... Sau khi tiêm chủng tránh các hoạt động cơ thể quá mức trong những ngày đầu.

IV. THAI NGHÉN & TIÊM CHỪNG

Cũng như việc dùng tất cả các loại thuốc đối với phụ nữ có thai cần phải đắn đo và thận trọng trong việc chủng ngừa. Nếu có thể nên dời lại trước hoặc sau khi có thai.

1. Việc tiêm chủng các bệnh :

Viêm gan siêu vi trùng B (Hepatitis B), Sốt tê liệt không ảnh hưởng đến bào thai và người mẹ.

2. Nên tránh :

Chủng ngừa các bệnh Uốn ván (Tetanus) Sưng màng óc vào mùa hè (FSME), Viêm gan siêu vi trùng A (Hepatitis A), Thương hàn (Typhus), (Tollwut) (Chó dại), Sưng màng óc Nhật Bản (Japanische Encephalitis).

3. Cấm tuyệt đối :

Trong thời gian có thai đối với việc chủng ngừa các Bệnh Ban (Masern Roeteln), Lao (Tuberkulose) vì sẽ gây dị tật cho bào thai.

V. VIỆC CHỪNG NGỪA PHỔ THÔNG

1. Ngừa bệnh Uốn ván (Phong đòn gánh, Wundstarrkrampf Tetanus)

* **Mầm bệnh:** Sau khi bị thương tích (hoặc một vết trầy nhỏ) tạo điều kiện cho loài vi trùng kỵ khí Clostridium tetani, có ở khắp nơi xâm nhập vào cơ thể. Độc tố (Exotoxin) được tạo ra tác hại vào hệ thống thần kinh ngoại biên và lan nhiễm toàn diện bằng đường huyết và bạch huyết.

Thời gian tim bệnh kéo dài đến 10 ngày.

* **Triệu chứng:** Nhức đầu, run rẩy, mất khả năng nhai nuốt, cơ cứng bắp thịt, đặc biệt là các bắp thịt ở mặt và hàm, bụng và sau cùng dẫn đến cái chết.

* **Chủng ngừa:** Nếu chưa được tiêm chủng lần nào, người bị nhiễm thương được chủng lần đầu 2 mũi chích vào bắp thịt ở 2 bên vị trí khác nhau (Simultanimpfung) thụ động và chủ động.

- Mũi chích bổ túc thứ nhì trong vòng sau 6 tuần (aktiv)

- Mũi thứ ba, một năm sau đó (aktiv)

Hiệu quả kéo dài được đến 10 năm.

Ở các quốc gia như Pháp, Tiệp Khắc... việc chích ngừa Uốn Ván trở thành bắt buộc.

* **Thuốc chủng:** Tetanol R (aktiv), Tetagam R (Passiv) chích bắp thịt.

2. Bệnh Yết Hầu (Bạch Hầu, Diphtherie)

* **Mầm bệnh:** Do độc tố (Toxin) của vi trùng *Corynebacterium diphtheriae*, truyền bệnh qua đường hô hấp, da hoặc vết thương.

* **Triệu chứng:** Nóng sốt, sung cuống họng, sung hạch bạch huyết ở cổ, ho. Độc tố của *Corynebacterium* còn gây sung tim và thần kinh.

* **Chủng ngừa:** Từ năm 1975 sự xuất hiện bệnh Yết hầu dưới dạng bệnh dịch đã trở nên thường xuyên. Do đó việc chủng ngừa được xem là cần thiết. Gồm 2 mũi chích thịt với khoảng cách từ 1 đến 4 tuần, thường được kết hợp với chủng ngừa Uốn Ván (D.T Impfung). Giá trị kéo dài 10 năm.

* **Thuốc chủng:** Diphtherie - Adsorbat, chích bắp thịt.

3. Sốt Tê Liệt (Polio myelitis, Kinderlaehmung)

* **Mầm bệnh:** Nhiễm bệnh do Polioviren (Typ 1, 2, 3), thuộc họ siêu vi trùng đường ruột, truyền từ người này qua người kia qua đường Phân - Miệng hoặc hô hấp. Ở các vùng nhiệt đới và đông dân, sự truyền bệnh ở lứa tuổi sơ sinh và trẻ em (dưới 4 tuổi), đã trở thành quen thuộc. Trẻ em ở lứa tuổi này được sự bảo vệ của người mẹ dưới hình thức thụ động qua sữa mẹ, nên hầu như các trẻ em này đều được miễn dịch.

Trái lại, nơi các xứ kỹ nghệ, tình trạng dịch Sốt tê liệt do sự nhiễm dịch ở lứa tuổi thiếu nhi và trưởng thành.

* **Triệu chứng:** Sốt cao độ, nhức đầu (như cảm cúm) và tê liệt các bắp thịt ở 2 chân.

* **Chủng ngừa:** Nhờ vào phương pháp uống ngừa theo Sabin, một lượng siêu vi khuẩn (đã bị vô hiệu hóa) được đưa vào đường ruột. Cả thấy 3 lần: lần 2 cách lần đầu 6 tuần và lần thứ 3 sau đó một năm.

Điều chú ý, khi uống ngừa bệnh nhân không bị tiêu chảy hoặc các bệnh đường ruột vì Polioviren chỉ phát triển trong ruột.

4. Ban Đỏ (Roeteln, Rubeolen)

* **Mầm bệnh:** Siêu vi trùng thuộc họ Togaviridae.

* **Triệu chứng:** Thời gian tìm bệnh từ 2 đến 3 tuần.

Trước khi Ban phát ra độ một tuần người ta thấy có sự xuất hiện của Roetelnvirus trong miệng. Ban phát ra ở mặt rồi lan rộng đến ngực và lưng. Đau nhức khớp xương. Sung màng óc là biến chứng nguy hiểm.

* **Chủng ngừa:** Bệnh Ban đỏ để lại tính miễn dịch suốt đời.

Vì tính nguy hiểm của bệnh trong thời gian có thai, nhất là trong 3 tháng đầu, gây ra các dị - và biến tật nơi bào thai như: biến tật ở tim, mắt, diếc hoặc hư thai. Do đó các phụ nữ ở lứa tuổi vị thành niên nên chủng ngừa Ban đỏ. Khi tiêm chủng phải chắc chắn rằng mình không có mang thai.

Trong thời gian có thai, để biết được tính miễn dịch thì việc thử máu tìm kháng thể là việc cần thiết. Nên tránh tuyệt đối tiếp xúc với trẻ nhỏ bị bệnh Ban đỏ.

* **Thuốc chủng:** Rubellovac R.

5. Ngừa Bệnh Cúm (Influenza)

Trong những tháng giao mùa Thu-Đông sự xuất hiện của siêu vi trùng Influenza đã trở thành quen thuộc. Việc chủng ngừa chống lại nhiễm bệnh và những biến chứng nguy hiểm do sự nhiễm bệnh thứ tính mà nguồn gốc là các vi trùng chẳng hạn như Pneumokoken gây sung phổi, sung màng óc, sung tim...

Chủng ngừa chống lại bệnh cúm nên được thực hiện vào đầu mùa lạnh, tùy theo sự xuất hiện của các loại siêu vi trùng cúm mà sự tổng hợp thuốc chủng mỗi năm được thay đổi theo.

* **Thuốc chủng:** Begrivac R.

6. Ngừa Bệnh Đậu (Pocken, Variola)

Tháng 10.1977 sự xuất hiện Bệnh Đậu ở Somalia được ghi nhận là trường hợp cuối cùng. Những vết sẹo trông trái ở 2 bên bắp thịt cánh tay trên (bả vai) là dấu tích của tính miễn dịch đối với những người tiêm chủng ở lứa tuổi 1975 trở về trước.

V. CHUNG NGỪA ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐI DU LỊCH

Tại Đức, kể từ năm 1993 các hãng Bảo Hiểm Sức Khỏe không còn trả chi phí cho việc tiêm chủng liên quan đến du lịch.

Vì lợi ích bản thân, cũng như để bảo vệ sức khỏe cho dân bản xứ cùng khách du lịch ở một số quốc gia việc tiêm chủng hoặc có tính cách bắt buộc hoặc có tính cách khuyến khích.

1. Bệnh Dịch Tả (Cholera)

* **Mầm bệnh:** Là bệnh dịch cấp tính đường ruột, gây ra do vi trùng *Vibrio Cholera*. Nguồn dự trữ bệnh là con người. Sự truyền bệnh qua nước uống, thực phẩm, sữa, trái cây và rau tươi, ruồi nhặng.

Vibrio Cholera sống sinh sôi và tiết ra độc tố ở ruột non, gây tiêu chảy mất nước và các muối khoáng cần thiết. Tỷ lệ tử vong nơi người không được điều trị lên đến 70%. Á Châu và Châu Phi là nơi dự trữ mầm bệnh (*Vibrio Cholera Typ El Tor*) do điều kiện vệ sinh, khí hậu và nước uống không được như ý muốn.

* **Triệu chứng:** Thời gian nhiễm bệnh từ 1 đến 5 ngày. Đầu tiên là tiêu chảy như nước vo gạo, nhức đầu, khát, tim đập nhanh, có cứng bắp thịt, bất yên. Cách điều trị cần bản là truyền các dung dịch muối khoáng cần thiết với một lượng lớn và cách ly người nhiễm bệnh.

* **Tiêm chủng:** Cách ngừa bệnh hữu hiệu nhất là chỉ uống nước nấu sôi, ăn đồ nấu chín, tránh ăn rau tươi, trái cây phải gọt vỏ.

Thuốc chủng được chích bắp thịt hoặc sâu dưới da 2 mũi với khoảng cách từ 1 đến 2 tuần và có hiệu lực 6 tháng. Tác dụng của việc tiêm chủng này không có giá trị chắc chắn nên việc tiêm chủng dịch tả không được Tổ Chức Y Tế Thế Giới khuyến khích.

* **Thuốc chủng:**

- Cholera Impfstoff - Behring

- Orochol (thuốc uống)

2. Sốt Vàng Da (Gelbfieber)

* **Mầm bệnh:** Siêu vi trùng Arbovirus, truyền qua muỗi, đặc biệt là *Aedes aegyphi*.

* **Triệu chứng:** Thời gian tìm bệnh từ 3 đến 6 ngày. Bệnh có tính cấp tính, bắt đầu là nhức đầu và bắp thịt chân tay, chóng mặt, ói mửa, xuất huyết ở da. Sau cùng dẫn đến bí tiểu do hư thận.

* **Chủng ngừa:** Bệnh này cho đến nay chưa thấy xuất hiện ở các vùng thuộc Châu Á. Nơi hoành hành bệnh được kể đến là Châu Phi và Nam Mỹ.

* **Thuốc chủng:** Gelbfieber 17 D - Impfstoff R. có giá trị 10 năm, chỉ được tiêm chủng ở những cơ quan y tế nhất định nơi các thành phố lớn.

3. Viêm Gan Do Siêu Vi Trùng A (Hepatitis A)

* **Mầm bệnh:** Siêu vi trùng đường ruột Hepatitis A virus (HAV), tương đối khó bị hủy diệt do nhiệt độ truyền bệnh qua đường phân - Miệng qua thực phẩm. Đặc biệt là ăn sống các loại sò, ốc, hào, rau.

Trong các quốc gia có tiêu chuẩn vệ sinh còn thấp kém thì việc tiêm chủng chống lại HAV được xem là cần thiết.

* **Triệu chứng:** Bệnh tương đối ít nguy hiểm và không trở nên mãn tính.

Thời gian tìm bệnh từ 2 đến 6 tuần. Bệnh gây nóng sốt, mệt mỏi, ăn kém ngon, ói mửa, tiêu chảy, ngứa ngáy, đau khớp và đau bụng.

Triệu chứng tiêu biểu là vàng da, nước tiểu đậm màu và phân nhạt màu. Gan và lá lách sưng, lớn.

* **Thuốc chủng:** Việc tiêm chủng chủ động gồm 3 mũi chích thịt với khoảng cách nhau sau 1 và 6 tháng. Thuốc mới được đưa ra thị trường độ một năm.

4. Viêm Gan Do Siêu Vi Trùng B (Hepatitis B)

* **Mầm bệnh:** Siêu vi trùng Hepatitis B - Virus (HBV) truyền bệnh qua đường máu, huyết thanh hoặc qua tiếp xúc cơ thể trực tiếp (giao hợp, chích ma túy).

* **Triệu chứng:** Bệnh rất nguy hiểm, kéo dài nhiều tuần hoặc nhiều tháng, thường trở thành mãn tính, gây chai gan (Leberzirrhose), ung thư gan (Leberzellcarzinom). Thời gian tìm bệnh kéo dài từ 1 đến 6 tháng.

* **Tiêm chủng:** Hầu hết những người làm việc trong lãnh vực y tế, người phải lọc máu do hư thận (Dialyse) đều được khuyến nên tiêm chủng ngừa HBV.

Việc tiêm chủng chủ động có từ năm 1971 gồm 4 mũi chích bắp thịt với khoảng cách (0, 1, 2, và 12 tháng). Sau đó cá thể được thử máu để xem có đủ kháng thể cần thiết đã được tạo ra chưa.

Thuốc Gen H - B - Vax R.

LỊCH CHỨNG NGỪA CHO NGƯỜI ĐI DU LỊCH	
Trước khi đi 2 tháng:	Chủng ngừa bổ túc chống lại bệnh Uốn ván, Yết hầu, Sốt tê liệt (nếu cần thiết).
6 tuần	Hepatitis (aktiv)
3 tuần	Uống ngừa Thương hàn (Typhus)
2 tuần	Hepatitis A (aktiv, liều thứ 2)
1 tuần	Uống ngừa Sốt rét

5. Bệnh Thương Hàn (Typhus abdominalis, Paratyphus)

* **Mầm bệnh:** Ký sinh trùng đường ruột Salmonella, thuộc họ Enterobacteriaceae; về phương diện huyết thanh học người ta phân biệt được độ 2000 Typen khác nhau. Nguồn dự trữ mầm bệnh chính là con người, truyền bệnh qua đồ ăn, nước uống, ruồi nhặng. Chim, chó, mèo cũng góp phần vào việc truyền bệnh.

Tỷ lệ nhiễm bệnh cao nhất ở các quốc gia thuộc Á Châu, Nam Mỹ, Châu Phi và Địa Trung Hải. Nơi điều kiện vệ sinh thấp kém, khí hậu nhiệt đới. Thời gian gần đây sự xuất hiện Typhus ở Châu Âu gia tăng (như trường hợp Diphtherie do nhóm di dân Nga gốc Đức đem qua, gây tình trạng nhiễm bệnh đáng báo động trong năm qua tại Đức, đó là kết quả của việc Du Lịch và liên hệ quốc tế.

Salmonella không bị hủy hoại khi bị đông lạnh, chỉ bị hủy diệt ở nhiệt độ cao (100°C). Nơi các vùng ô nhiễm, Salmonella phát triển mạnh ở các rạch nước, vùng biển.

* **Triệu chứng:** Độ 12 giờ sau khi nhiễm trùng, bệnh nhân bị đau bụng, ói mửa, tiêu chảy, sốt. Thời gian tìm bệnh có thể kéo dài từ 1 đến 3 tuần; dẫn đến việc ăn kém ngon, mệt mỏi, sưng lớn lá lách và da bụng nổi lên những chấm đỏ do vi trùng làm nghẽn mao quản (Roseolen: tuần thứ 2)

Biến chứng nguy hiểm: xuất huyết ở ruột, rách ruột (tuần thứ 3) sưng màng nội tâm, nhiễm trùng màng óc và Niếu quản, biến loạn tuần hoàn, dẫn đến cái chết dễ dàng.

2 - 5% người bị nhiễm bệnh trở nên mang bệnh mãn tính. Salmonella được lưu trữ trong túi mật, đường dẫn mật và người mang bệnh là nguồn bệnh lâu dài về sau.

* **Định bệnh:** Salmonella được tìm thấy dễ dàng ở phân, chất ói mửa ra, hoặc thức ăn còn sót lại.

* **Điều trị:** Hiện nay các chất kháng sinh như Ampicillin, Chloramphenicol hoặc Sulfonamide (Bactrim R.) còn rất hiệu nghiệm. Đối với người mang bệnh mãn tính thì chỉ còn

phương thức cắt bỏ túi mật (Cholecystektomie) là biện pháp hữu hiệu mà thôi.

* **Chủng ngừa hoạt động:** Có hiệu quả chắc chắn (lên đến 100%) và hiệu lực độ một năm.

* **Thuốc uống:** Typhoral - L (Kapseln). Dùng cho trẻ em từ 4 tháng và mọi lứa tuổi. Gồm 3 liều uống vào ngày một, ngày thứ ba và thứ năm, trước bữa ăn độ 1 giờ, vì vi trùng ở dạng không gây bệnh, với số lượng trên 1 tỉ con (trong mỗi viên thuốc), chỉ sinh sản chắc chắn ở ruột non và lượng kháng thể cần thiết được tạo ra sau đó 10 ngày, sau khi uống liều thứ ba. Khi uống thuốc không được uống hoặc chích các loại kháng sinh hoặc uống thuốc trị sốt rét. Chỉ được uống thuốc ngừa sốt tê liệt 4 ngày sau đó.

- **Thuốc chích:** Typhim, mới được đưa ra trên thị trường Đức hơn một năm nay. Chích bắp thịt (i. m.) hoặc (s. c.) dưới da. Chỉ cần chích một mũi duy nhất.

* **Đề phòng bệnh:** Chỉ uống nước sôi và ăn đồ nấu chín kỹ (sôi tối thiểu 10 phút) ở những vùng bị nhiễm bệnh. Rửa tay sạch trước khi ăn. Không uống nước đá cục, kem, trái cây xanh phải gọt vỏ. Không tắm ở vùng biển, sông rạch nơi có hệ thống dẫn nước thải từ thành phố.

6. Bệnh Sốt Rét và Cách Ngừa Chống (Malaria)

* **Mầm bệnh:** Cho đến ngày nay vẫn chưa có một thuốc chủng hữu hiệu nào để chống lại bệnh này. Mặc dù trong năm vừa qua có loan tin một Khoa học gia ở Nam Mỹ đã thành công trong việc chủng ngừa chủ động chống lại Malaria. Kết quả vẫn chưa được các Tổ Chức Y Tế Thế Giới xác nhận là hữu hiệu, vì: Plasmodien sinh sản và phát triển phức tạp, trong máu và gan ở các giai đoạn khác nhau với các kháng thể khác nhau.

Bệnh Sốt rét là bệnh tiêu biểu của miền nhiệt đới, gây ra do loài Nguyên-sinh Động Vật Plasmodium, đối với loài người có 4 dạng: Pl. vivax, Pl. oval, Pl. malariae, Pl. Falciparum được truyền qua muỗi đờn xóc (Anopheles) muỗi cái. Sau khi chích, ký sinh trùng Plasmodium được truyền vào cơ thể người qua máu và ở gan chúng được sinh sản và phát triển. Thời gian tìm bệnh từ 10 đến 35 ngày.

* **Triệu chứng chung:** Sốt ôn lạnh theo chu kỳ, nhức đầu, đau nhức bắp thịt.

- Pl. vivax: gây bệnh Malaria testiana, gây sốt chu kỳ: ngày 1 sốt, ngày 2 không, ngày 3 sốt.

- Pl. ovale: gây bệnh Malaria testiana - cả 2 hình thức bệnh trên đều không nguy hiểm lắm, nhưng gây tái sốt có chu kỳ. Được điều trị với Chloroquine.

- Plasmodium malariae: gây bệnh Malaria quartana (ngày 1 sốt, ngày 2 và 3 không sốt, ngày thứ 4 sốt).

- Plasmodium Falciparum: gây bệnh Malaria tropica, gây sốt bất thường và kéo dài, phá hủy hồng cầu của máu. Xâm nhập hệ thần kinh, gây hôn mê và schock, dẫn đến cái chết dễ dàng. Bệnh M. tropica đã trở nên quen thuộc. Việc điều trị khó khăn hơn và phải kết hợp nhiều loại thuốc.

Định bệnh bằng cách khám nghiệm một giọt máu dưới kính hiển vi.

Việt Nam thuộc vùng C theo Tổ Chức Y Tế Thế Giới, nơi nguy hiểm tỷ lệ bị nhiễm bệnh sốt rét cao, ký sinh trùng Plasmodium trở nên quen các loại thuốc Fansidar R, và Chloroquine R.

* **Điều trị và phòng ngừa:** Cách tốt nhất là tránh cư ngụ nơi ẩm thấp, tối tăm và vùng đầm lầy nơi sinh sản loài muỗi Anopheles. Ngủ màn, nên mặc quần áo dày, dài và có màu sáng. Bôi thuốc đuổi muỗi, dùng các loại sóng siêu âm đuổi muỗi.

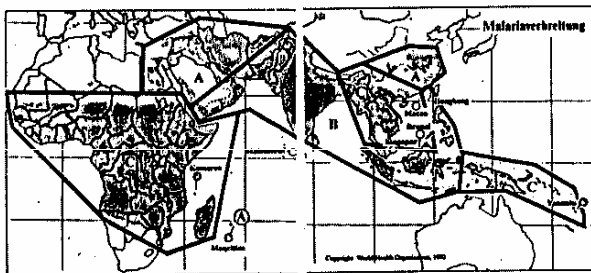
* **Uống ngừa:** Đối với vùng C, hiện thời thuốc ngừa tiêu chuẩn được xem là hữu hiệu: Lariam R. (Mefloquin 250 mg/tuần). Không nên dùng trong thời gian có thai và cho con bú. Không dùng cho trẻ em dưới 15 kg và người bị các bệnh tim, thận, gan.

- Chinin Resochin R. : Có tác dụng tương đối ở một số vùng nhất định. Uống tuần đầu trước khi đi 300 mg (2 viên) và uống liên tục cho đến khi trở về 4 tuần nữa.

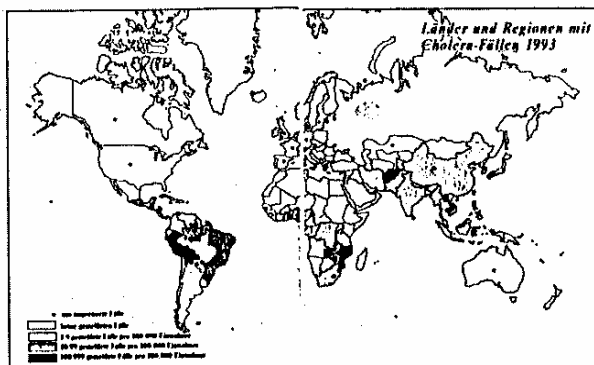
- Fansidar R. : Vì tác dụng phụ tai hại, nguy hiểm, hiện nay thuốc đã bị rút ra khỏi thị trường các nước Châu Âu.
- Doxycyclin R. : Loại kháng sinh này thường được dùng để trị các bệnh đường hô hấp, cũng được xem là có hiệu quả phòng bệnh Malaria ở vùng C. Thuốc cấm dùng cho trẻ em dưới 9 tuổi, phụ nữ trong lúc thai nghén và sản phụ cho con bú.

Sự phát minh ra chất diệt trừ sáu họ D.D.T. đã góp phần không nhỏ vào việc diệt mầm mống gây bệnh sốt rét vào những năm 60. Do việc quen thuốc của ký sinh trùng và lưu trữ D.D.T. trong chuỗi thực phẩm gây đến nguy hiểm tính mạng con người, nên ngày nay thuốc này đã bị hầu hết các quốc gia tiên tiến cấm sử dụng trong quốc gia của họ. Tuy thế việc sản xuất để bán ra cho các quốc gia kém mở mang vẫn là mối lợi chính yếu của các quốc gia kỹ nghệ, dù tai hại về sức khỏe đối với loài người đã được ghi nhận rõ rệt.

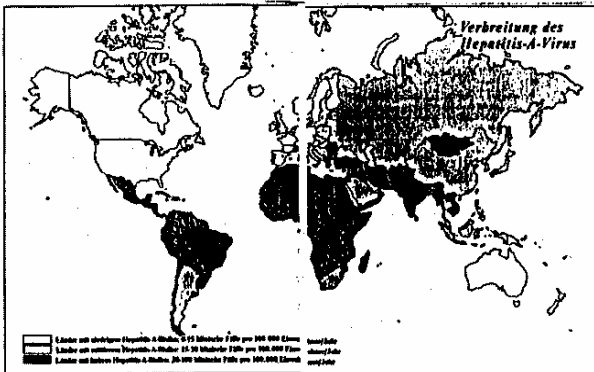
Ta không nên quên rằng: Ngừa bệnh hơn chữa bệnh. Đó là biện pháp hữu hiệu nhất để phòng chống bệnh tật. -



1. Sự phát tán Bệnh Sốt Rét. Vùng A: Hiện Chloroquin có hiệu quả ngừa và trị bệnh Vùng B: Chloroquin + Proguanil : ngừa bệnh. Vùng C: Mefloquin (Lariam R.) : ngừa bệnh



2. Các quốc gia & Vùng trên thế giới được ghi nhận có Bệnh Dịch Tả trong năm 1993. - Nhiễm bệnh do du nhập vào 1.- Không bị nhiễm bệnh 2.- 1 - 9 trường hợp nhiễm bệnh có đăng ký trong 100000 dân cư. 3.- 10 - 99 (như trên). 4.- 100 - 999 (như trên)



3. Sự Phát Tán Hepatitis A. Virus
1. Quốc gia với tỷ lệ nhiễm bệnh Hepatitis A: 0 - 15 trường hợp trong 100000 Dân cư/Năm. 2. Quốc gia với tỷ lệ nhiễm bệnh Hepatitis A: 15 - 30 trường hợp trong 100000 Dân cư/Năm 3. Quốc gia với tỷ lệ nhiễm bệnh Hepatitis A: 30 - 100 trường hợp trong 100000 Dân cư/Năm.

Gia Chánh CHAY



A. Nước Gọt Để Nấu Các Món Chay

Vật liệu :

- củ poirée
- khoai tây
- cà rốt
- củ rau cần (nên dùng ít, dùng nhiều sẽ bị hôi)
- đậu vert
- củ su hào (hoặc củ cải đường)
- bắp cải (hoặc bông cải trắng)
- nêm muối

Cách làm :

Các thứ nói trên gọt rửa sạch để sẵn, nấu nước sôi, xắt củ su hào (hoặc củ cải đường) để vò trước kể mấy món kia, lược hớt bọt cho trong, lược cho đến khi mềm, vớt hết ra, lược nước ngọt lại, để sẵn.

Lấy nước này dùng nấu soupe, nấu các món canh và các món ăn chay khác rất ngon.

B. Gà Xào Hột Điều (chay)

Vật liệu :

- 1 cây chả lụa chay
- 1 cây mì căn
- 20 tai nấm đông cô
- 50 grs hột điều
- 1 muỗng bột năng
- 1 ít poirée
- vài cọng ngò thơm

Cách làm :

Cây chả lụa chay cắt miếng vừa ăn.

Mì căn xé.

Nấm đông cô xắt đôi.

Các món ướp chút bột ngọt, nước tương, đường, tiêu để cho thấm.

Bắt chảo cho dầu để poirée cho thơm, để các món đã ướp sẵn vào xào, cho thêm chút nước. Chờ thấm đều, nêm nếm lại cho vừa ăn.

Lấy chảo khác rang sơ hột điều, trút vô trộn đều.

Bột năng pha nước cho loãng, quậy đều, rưới vô chảo thấy hơi sệt là được, nhắc xuống, rắc ngò thơm.

Như thế là quý vị đã có thêm một món xào chay mà quý vị đã dùng mì căn và chả lụa chay vừa làm kỳ trước ●

Vườn Thơ VIÊN GIÁC

PHÙ VÂN phụ trách

Lửa Hạ Còn Nồng

Dưới rừng phong trong công viên Louvre, tôi lười biếng trốn nắng. Con nắng đốt cháy da người. Con nắng xói mòn tâm thức. Con nắng mù lòa trên những lăng quên. Con nắng nghiệt ngã trên từng nỗi nhớ. Nắng bặt ngàn. Mùa hạ Âu Châu- rất hiếm hoi những cơn sốt nắng. Mùa hạ Paris lè loi. Tôi một mình nằm gối tay dưới gầm cầu Mirabeau bên sông Seine, mừng tượng mối tình vĩ diệu trong thơ của Guillaume Apollinaire để vẫn chỉ thấy: "Vienne la nuit sonne l'heure, Les jours s'en vont je demeure" (... Giờ đêm điểm, màn đêm buông, Ngày đi đi mãi, ta còn đây). Hay trầm tư mặc tưởng bên thánh đường Notre Dame de Paris để mong tìm chút an nhiên giữa cõi xô bồ bất tận của kinh đô ánh sáng. Hoặc đóng vai du khách ngỡ ngàng trên tầm cao của tháp Eiffel để tạm quên những dấu chân lưu lạc vẫn mãi đeo đẳng trong tâm ý của kiếp lưu dân. Những mảng nắng lợp kín vườn hồng. Những sợi nắng gầy vụn trắng xóa dưới những tia nước. Những giọt nắng xuyên qua kẽ lá, vẽ những hình hài ảo diệu...

Từ đó tôi cũng miên man về những tháng ngày cũ. Mùa phượng của tuổi học trò, ai cũng đã kinh qua khi nếp áo thư sinh còn hân trên ghế nhà trường. Tiếng ve giục giã râm ran ngoài ngõ, ai cũng nôn nao tạm biệt trường lớp để về với lưng nội ngàn mây, về với núi đồi bát ngát, về với dòng sông trái nắng mỗi chiều, về với rặng phi lao thì thầm bên bờ biển vắng, về với những cội thông già quen nét reo vui...

Những cuốn lưu bút ngày xanh, những lá thư hồng tờ tình non dại, những lần chia tay ba tháng hè mà cứ tưởng chừng miên viễn, những đôi mắt lưu luyến, những nỗi buồn tê buốt con tim. Tuổi học trò, tuổi mới lớn, tuổi mộng mơ đi vào cuộc tình, tuổi chấp chững đi vào cuộc đời...

Khi vào đời, ta vẫn nghĩ rằng mình đã không còn những mùa phượng tươi đẹp đậm thắm như xưa. Bã danh lợi, mùi tục lụy, những thăng trầm, những vinh nhục, những vui buồn thù hận trong cuộc sống đã hằn lên những vết bầm của màu phượng vỹ.

Khi lần thân với cuộc sống hầu như ta chỉ còn nghe vang vọng với tiếng súng giao tranh, tiếng kêu trầm thống, tiếng khóc nhiều hơn tiếng cười. Từ đó ta không còn cảm nhận tiếng ve mùa hạ gợi nhớ tuổi thơ, gọi thương người tình tuổi ngọc.

Từ nỗi đau đứt ruột từng cơn từ nỗi xót xa như muối xát trong lòng, ta đành đoạn lia bỏ quê hương hoang mang trên những chuyến tàu di tản hay lênh đênh làm kiếp thuyền nhân đánh đu với tử thần, thi gan cùng biển cả mong tìm một vùng trời mới có tự do, có tình người. Trên vùng đất tạm dung, bắt tay vào cuộc đời mới ta tưởng đã quên được quá khứ- hay ít ra quá khứ cũng lui dần vào lăng quên. Nhưng quá khứ miên trường trong tâm thức. Quá khứ đã theo ta đi trên muôn trùng hải hành gió bạt sóng xô; trên những bước chân ngập ngừng đi vào đất mới chẳng còn dấu tích hư danh; trên những đôi vai gầy guộc tưởng không bao giờ gánh vác được những nhọc nhằn. Quá khứ đến với ta trong tâm trạng gập ghềnh, trong kỷ niệm vụn vặt. Quá khứ hiện hữu không thay đổi, không chối bỏ được! Thế cho nên, những mùa phượng tuổi thơ vẫn mãi đậm ả, vẫn mãi thiết tha cho dù những cuộc tình ban sơ đôi khi chỉ là những hình bóng vất vưởng thoáng qua trong những chiều lộng gió, hay chỉ là những cơn mê vật vờ trong những đêm dài buốt giá... Đâu đó ta đi tìm lại những mối tình đi qua trong đời để

thấy rằng không hẳn tình yêu đều mặn mà ân ái như chuyện liêu trai, mà còn có những cuộc tình nghiệt ngã ngang trái- vừa bốn ba chạy trốn, vừa bươn bả kiếm tìm!

Thế thôi, xin được một lần đi vào dấu vết thương xưa để lãng quên thân thế phù sinh. Xin hiểu cho ta như chiếc lá lìa ngàn để trở về đại ngàn rộn ràng trong gió. Xin tâm nguyện như một phần cơ thể trở về cơ thể nghe tâm tư xao xuyên buồn vui. Xin sẽ là một giọt nước trở về với suối nguồn quê hương huyền thoại rồng tiên...

Rồi quá khứ trở về, kỷ niệm sống dậy. Trong ký ức tưởng đã lãng quên, có tiếng nhạc kêu sương trên vùng thung lũng sương mù, từng giọt phù vân, hương trầm vi diệu. Ước ngọc, mơ ngà. Tình lụn tàn, tuổi xuân vàng vó. Đâu đó còn vương đọng hương thiên cho rung tâm thức, còn thoi thóp lửa tà dương để sưởi ấm chút sương mưa.

Nhà thơ Hà Huyền Chi đã trở về với cuộc tình, với dấu vết thương yêu, với thề bồi trước vầng nguyệt, dù mai sau có là giông tố bão bùng thì khi đã vì nhau thì còn tiếc chi đời còn lại. Thế là đủ, thế là cảm thông để hai trái tim cùng hòa một nhịp, để đôi lòng cùng rộn ràng nói tiếng yêu nhau. Nhà thơ thổi một luồng gió mát đầy ắp hương vị của sông dài, biển rộng để lấp vục sâu dang dở; thấp lèn một vùng trăng trong không gian mênh mông để làm sáng mỗi tâm hồn vị tha. Bởi khoảng cách:

*Giữa em và ta đó
Có rục rờ mặt trời
Mai sau nghìn giông tố
Với nhau tiếc chi đời*

*Giữa đôi lòng cùng mở
Có một nhịp tim chung
Những lời vàng chưa ngó
Đã nồng nàn cảm thông*

*Lấp vục sâu dang dở
Bằng tin yêu hải hà
Thấp một vùng trăng tỏ
Trong mỗi hôn vị tha*
(Hà Huyền Chi - Nhật Nguyệt)

Nhà thơ đem trăng thấp sáng lòng vị tha để biết yêu đời, biết thương người, để tìm quên mối hận thù vẫn mãi luân lưu trong máu, trong tâm thức của kẻ lưu đầy. Rượu có thể làm ta lãng quên? Sao uống mãi không say? *Em đâu, em đâu rồi?* Sao ta vẫn một mình ôm nỗi buồn bùi ngùi chiều mưa và khói thuốc mịt mù trong căn phòng vắng và vẫn tưởng như khói súng ở chiến trường. *Em đâu, em đâu rồi?* Cuộc tình chưa chớm nụ, hoa yêu chưa mãn khai, sao đã nhuộm màu ly biệt!

*Dòng máu hận ngầm chảy
Trong tâm thức lưu đầy
Bữa rượu chiều thứ bảy
Uống hoài mà không say*

*Một mình ôm nỗi buồn
Cõi lòng người mưa tuôn
Căn phòng mù khói thuốc
Như khói súng sa trường*

*Cuộc tình treo giữa đời
Đáy sông mờ trắng trời
Hoa yêu chưa kịp nở
Đã nhuộm màu chia phôi*
... (Hà Huyền Chi - Chiều Rơi)

Bạn hữu tưởng như gừng cay muối mặn, vẫn luôn nhớ nhau; nào ngờ *lười tê mòn vị giác*, không còn cảm nhận cay đắng ngọt bùi, không còn cảm thấy đớn đau như vết dao hằn dấu trên lưng, bởi đớn đau này có sa chỉ với niềm đau tổ quốc. Bây giờ một mình giữa màu chiều quanh hiu, hoa cũng úa tàn. Ta tự hỏi còn chút gì để nhớ- em ơi *một lần thôi cũng nhiều*:

*Bạn bè như nhánh gừng
Dấu dao hằn trên lưng
Lười tê mòn vị giác
Trong xót đau nghìn trùng*

*Một mình rơi với chiều
Như hoa dù tóp teo
Đâu đáng gì để nhớ
Một lần thôi cũng nhiều*
(Hà Huyền Chi - Chiều Rơi)

Một lần thôi như người thợ luyện kim, nhà thơ *hàng đêm đúc thơ thành súng đạn*, bắn vào kẻ thù công sản, bắn núi mở đường xây dựng thế hệ mai sau. Em, *tình yêu em cho là linh dược*, giúp ta tự thắng trước những tham vọng cầu an.

Xa hoa phù phiếm thường làm cho ta dễ quên thân phận lưu đày. Em, trái tim này một nửa cho nước, một nửa cho em. Em hiểu chứ, khi đại cuộc chưa thành thì hằng đêm ta vẫn còn tiếp tục viết những dòng thơ máu. Lửa đấu tranh đã thấp, xin em đừng trì kéo làm yếu lòng ta. Chén giao bôi vừa uống cạn, có đâu ngờ lại cạn chén ly bôi! Yêu dấu ơi, xin em hiểu:

.....
 Như người thợ luyện kim
 Ta hằng đêm miệt mài đúc thơ thành đạn

Viên bán tử thù cộng sản
 Viên phá núi mở đường
 Cho thế hệ tương lai thánh thời tiến bước
 Tình yêu em là linh dược

Giúp ta bền sức đấu tranh
 Tư tưởng cái ta cầu an hưởng phúc
 Nhục lưu xử đã mấy ai quên được
 Lòng buồn hiu sau ân ái mê cuồng

.....
 Có cách gì biện giải lòng ta
 Ta buông tay, em trì kéo thiết tha
 Lửa lại thấp trên từng dòng mực ướt
 Trái tim này nửa cho em, cho nước
 Chén giao bôi vừa cạn đã ly bôi
 Lại những đêm thâu ta vắt kiệt sức người
 Viết những dòng thơ máu

Em hiểu chứ,
 Hỡi muôn đời yêu dấu.
 (Hà Huyền Chi - Linh Dược)

Ta hiểu chứ, xa em rồi ta thiếu cái không gian mênh mông của buổi chiều mùa hạ; thiếu vẻ hoang dại của mái tóc em phiêu bồng trong gió; thiếu chút nồng ấm của ánh mắt quan hoài; thiếu nụ hôn thơm lá hương nhu trên môi mềm ướt mặt. Thế mà ngày xưa, thời chung học em không ngưng nhưng mà tức vì bạn bè ghép đôi. Em có thêm chơi với ta đâu mà ghép thành chồng vợ! Nhưng sao trong những giấc mơ của em người ấy vẫn hiện rõ hình hài với nụ cười dễ thương, hiền hòa làm sao ấy! Người ấy đâu phải là khách viễn phương đến với em trong cơn hồ mị từ mỗi sáng sớm, mang theo sương mù từ cõi liêu trai. Người ấy có xa lạ gì với nhau đâu, vẫn thường xuyên gặp gỡ, thế nhưng em vẫn ngoảnh mặt làm thính.

Rồi ngày qua, tháng lại, chiều đi, đêm tới, ve ran đầu ngõ, phượng đỏ sân trường- mùa hạ, lửa hạ còn nồng. Thế rồi chia tay, có biết đâu là vĩnh cửu. Ôi cái nhìn, ánh mắt là nỗi mất nối còn làm vương bận lòng nhau. Ta ily hương từ đó để vẫn nhớ:

Ngày ấy bạn bè thường cứ chế
 Minh và người ấy vợ chồng nhau
 Ngượng thì chả ngượng nhưng mà tức
 Minh có thêm chơi với nó đâu!

Thế rồi chẳng biết vì sao nữa
 Người ấy trong mơ vẫn hiện hình
 Anh cười trong mắt sao hiền thế
 Nhưng ngày lạnh mặt vẫn làm thính.

Ngày tháng lán la rồi hết cấp
 Vĩnh viễn chia tay với lớp trường
 Bạn cũ chẳng còn mong gặp lại
 Khi mình đã chọn kiếp tha hương.

(Lê Minh Hà - Không Tên II)

Lê Minh Hà ở Limburg, đã chọn kiếp tha phương ngay khi chính quyền của các quốc gia cộng sản Đông Âu sụp đổ. Trong sáu kín của tâm hồn có nỗi nhớ thương về quê hương tiềm phục, có những quan tâm dằng dặc nhấn nhủ cho con-đứa con gái của mẹ rức rở những đóa hoa; xin đừng như mẹ

ngày xưa đại khờ lơ tưởng thành trong vũng lầy cộng sản nên nát cả tuổi hoa. Con của mẹ hãy nhớ, hoa tính lặng, nở theo mùa. Hoa mang hương thơm đậm thắm cho người, cho đời, gọi nhớ về quê hương mỗi lần xa xứ. Hoa cho hương thơm thanh thoát cho tâm hồn, cho tâm thức- hương sen, hương thơm những thuở bình yên. Hoa cũng là những lời thề nguyện ước hẹn của tuổi tình yêu. Hoa thay lời yêu tố tình... Con ơi:

Loài hoa nào đẹp nhất
 Con gái mẹ biết không?

 Hoa theo mùa lặng lẽ
 Thơm cho người con ơi
 Thoáng hương đậm xứ sở
 Mẹ xa rồi khôn người

Còn bao mùa hạ trắng
 Thơm êm đêm hoa sen
 Bó con yêu sen lắm
 Hương sao mà bình yên!

...
 Hoa như lời ước hẹn
 Hoa sẽ thơm cùng con
 Những ngày sau triu mến
 Dù ở phương trời nào
 Ai là người quên được
 Thoáng mùi hương ngọt ngào
 (Lê Minh Hà -
 Nói Cùng Con Còn Đang Xa)

Nếu đời không có loài hoa để nhớ để thương thì đời ta cũng như loài thú hoang vẫy vùng trong núi, như cỏ thụ ngàn năm sống mãi trên rừng. Nếu đời không có em thì con đò, bến đợi, dòng sông chẳng vương một chút tình duyên nhớ nào cả. Bởi em là hoa nên ta ngọt ngào trân quý. Dù không gian có cách biệt, dù thời gian có đổi thay ta vẫn ôm niềm thương hui hắt, nỗi nhớ thê lương về em! Dù em có là bóng hồ ly trong vùng liêu trai mộng mị, ta vẫn giữ nguyên đoạn đời cô độc chờ đợi em trong những đêm cố cựa búa vấy thân thể huyền hoặc dưới trăng. Nhưng ta không thêm yêu trăng. Ta yêu em, mãi mãi yêu em, dù em chỉ là ánh sáng chớp chờn của loài đom đóm giữa khuya. Em, em đâu có đại khờ mà không hiểu tình ta! Hỡi em:

Có phải em là đóa hoa
 mà ta muốn nâng niu từng phút, từng giờ
 Hay em là bóng ma
 chấp chờn trong ta đoạn đời cô độc
 cho thời gian dài lê thê
 không gian đường tang tóc
 vào những đêm thật buồn

.....
 Còn nếu em chỉ là
 ánh sáng lập lòe của đám ma trời
 Ta không thêm yêu trăng
 dù vàng trăng mười sáu
 Ôi, này em! Này em yêu dấu!
 Em vẫn đại khờ, chưa hiểu thấu tình ta!
 (T.Đ.H.Đ. - Thi Thầm)

T.Đ.H.Đ, nhà thơ vùng trung Đức, cũng đã thi thắm với chính mình về nỗi vấn vương về mối tình đầu. Trong ngõ gác sáu kín của trái tim có bóng em tiềm phục. Trong một góc đời buồn hiu anh vẫn kiên tâm chờ đợi. Sao không trao gởi cho nhau, sợ thêm phiền thêm hận? Sao không bày tỏ cho nhau đành để lòng chùn lại lặng lẽ ôm trái tim rướm máu. Cuộc tình ngày xưa tàn đêm tâm sự, chợt thật xót xa khi trăng khuya bóng ngã qua thềm, khi bờ sông còn ẩm cát mà con sóng vỗ mái một âm quen. Thôi, xin lưu giữ hình hài, hương tình, kỷ niệm để khi "em về sợ bến cô liêu, nhưng cô liêu vẫn gọi kêu em về". Còn tình yêu, xin gửi cao xanh! Thôi cũng cam đành! "Trời ơi nếu có cao xanh, cho tôi xin đứt cam đành ấy đi!" Nhưng người thơ không dứt bỏ nỗi vấn vương lưu luyến, nên cam đành ôm mối tương tư:

Dạ sâu còn biết gửi về đâu
 Vương vấn tình yêu buổi ban đầu
 Muốn gửi cho em nhưng lại ngại
 Thêm phiền, thêm hận, khổ cho nhau!

Ngày ấy hẹn lòng chỉ yêu em
 Chuyện tình mình nói đến tàn đêm

Lặng lẽ tìm yêu cùng thỏn thừ
Trăng khuya bóng ngá đổ qua thềm

Kỷ niệm ngày xưa vẫn đong đầy
Hương tình phảng phất đến hôm nay
Dáng cũ người xưa xin giữ lại
Còn tình hãy để gió mây bay.
(T.Đ.H.Đ - Thoảng Chút Hương Xưa)

Cũng trong tâm trạng đó, Vũ Nam- nhà văn, trong bài thơ đọc vận đã nhắn gửi người tình xa, người tình cũ hay người tình trong mộng *mai một em về* mây vẫn bay trong mùa lá rụng vương vùi gót chân. Anh đi làm kiếp lưu dân như đàn chim vỡ tổ. Ngày tháng đọng trong tâm khung trời quê hương; thời gian như gió thoảng trên đầu ngọn trúc đầu làng. Ta thả hồn say mê theo sợi nắng quán quít chân em ngày đi lẻ. Vắng em, ta lấy rượu tiêu sầu qua tháng ngày dài mong đợi. Nhưng nào có phôi pha được đâu! Hỡi em ơi mộng mị, hỡi hồn ơi mệnh mông, ta xuyên suốt tâm tư lênh đênh qua những đợt khói chiều bên bếp lửa mẹ để thấy màu quê hương đã nhiều chua xót đổi thay. Thôi đành đợi:

*Mai một em về mây vẫn bay
Chiều thu lá rụng dưới chân gầy
Ta đi nhớ lại bao ngày tháng
Bắt gặp trên mình những bóng mây*

*Mai một em về ta vẫn đây
Tình xưa nhớ lại những vai gầy
Em về bên đó cho ta nhắn
Ngọn trúc đầu làng gió vẫn lay*

*Mai một em về ta vẫn say
Cho qua ngày tháng nhớ những ngày
Chiều thu tắt nắng em đi lẻ
Dáng nhỏ không đầy một bóng cây*

*Mai một em về ta vẫn đây
Ra đi từ ấy đã bao ngày
Nay theo ngọn gió chiều em ở
Thấy chút đau lòng những đổi thay.
(Vũ Nam - Mai Một Em Về)*

Nguyễn Tấn Hưng- con người tài hoa, e còn mang nặng nợ má đào nên sắc hoa nào cũng thương, giai nhân nào cũng nhớ. Nhớ thấu trời tận mây. Nhớ để giận mình, tức mình vì cứ ngỡ xa mặt cách lòng là dễ quên; nhưng nỗi nhớ vẫn thê lương, vẫn đắng dặc, vẫn chìm đắm trong vũng lầy sâu kín của tâm hồn:

*Tức mình xuống lòng hét chơi
Nhớ ai là nhớ, trời ơi là trời!
Xa nhau là dễ quên thôi
Cớ sao lại nhớ thấu trời tận mây?
(Nguyễn Tấn Hưng - Tức)*

Sao anh nhớ, sao anh thương? Hỡi ơi cuộc tình nào chẳng có lúc bi thương, yêu đương nào chẳng có lúc đoạn trường! Em là lòng son, em là tổ ấm cho anh về ngủ giấc mộng mơ thiên đàng tình ái, cho anh nghe sóng lòng vẫn vỗ giấc thương yêu. Lời yêu đầu em nói, nước mắt mặn môi, trái tim đau nhói, *tình em gói mộng đi vào thiên thu*. Con đò, bến đợi, già từ nhau, kẻ ở người đi. Lòng xốn xang như lửa cháy tà huy, như nước mắt đầm ướt sương mưa. Tiếng nấc nghẹn ngào nghe trầm thốn như tiếng vạc kêu sương trong chiều giá biệt. Thế thôi tàn cuộc môi hôn, nụ hồng yêu dấu, anh ôm mối tương tư để vẫn mộng mơ:

*Từ em về với lòng son
Anh, con chim lạnh, lên non hót buồn
Cuộc tình lương những bi thương
Khúc yêu được khúc đoạn trường, cớ sao?*

Trái ngang lệ thấm má đào

*Tình em gói mộng đi vào thiên thu
Yêu anh em nói lần đầu
Trái tim rơi rụng trái sầu nặng mang*

*Bên sông một bóng đò ngang
Người đi kẻ ở muôn vàn đơn đau
Long lanh giọt lệ mắt sầu
Nghẹn ngào tiếng nấc thay câu già từ*

*Ôm tròn một mối tương tư
Ngán ngơ thơ thẩn chừng như điếng hồn
Còn đây tàn cuộc môi hôn
Mộng mơ đọng lại nụ hồng dấu yêu
(Nguyễn Tấn Hưng - Nụ Hồng Dấu Yêu)*

Chẳng còn gì dấu yêu bằng, chẳng còn gì sinh động bằng hoạt cảnh gió lướt trên rừng phong, lá vàng chạy dưới chân đời, con chim kêu lên thảng thốt rồi vụt cánh bay xa. Chim thì bay đi tránh gió, còn em lại trở về nương gió hong khô mái tóc phiêu bông. Ta mơ lùa vào mái tóc em thơm mùi da thịt, ngủ một giấc bình yên. Khi chợt tỉnh giấc, thấy bóng mình tỉnh lặng dưới mặt hồ mệnh mang, mới hay ta đã soi đời mình trong lòng mắt em dịu dàng. Chao ơi đời đã trao ta nhiều hệ lụy, ta đắm say trong mùi lạc dục thế gian, ta lặn hụp trong sóng mê bế khổ. May thay có một ngày ta trở về bên em- để thấy em vẫn *bình dị thông dong* giữa vòng luân hồi sinh tử. Xin cơn gió lạnh để cho ta tâm trần lóng sạch, ý thức lắng yên. Xin cho ta đủ trí huệ để thoát khỏi trầm luân, bỏ mê về ngộ, bỏ vọng về chơn và thấy rõ được nghĩa sắc không. Xin cùng với nhà thơ Thanh Trà (Nguyễn Tịnh) tìm về cõi ngộ:

*Trên rừng phong thác gió
Vàng lá úa chân đời
Con chim nào thảng thốt
Vụt cánh tít mù khơi*

*Ta phong trần đa lụy
Em bình dị thông dong
Giữa dòng sinh tử chảy
Vui buồn vẫn như không*

*Em về đây hong tóc
Trong thu nắng dịu dàng
Mắt em hồ nước lặng
Ta soi đời mệnh mang*

*Khi nào cơn gió đừng
Cho ta bớt phiêu bông
Khi nào ta mới nhận
Đời chỉ nghĩa sắc không
(Thanh Trà - Vu Vơ)*

*

Thôi già từ Paris, đời đủ nghĩa sắc không. Ta đi từ cõi tạm này để đến cõi tạm khác, rồi cũng quay về cõi tạm ban đầu. Paris, mùa hạ, ta sẽ mang về hơi nồng của kính đồ ánh sáng; lòng quý mến của huynh đệ, của thân hữu để thấy thân thức chưa tan hoại vì nghiệp lực, vì chấp ngã, vì tà kiến, vì hư vọng... Ta cũng mang về giọt nắng hồng lung linh trong trái tim của ngày Cách Mạng Pháp, 14.7 ngày phá ngục Bastille, 1789, đánh đổ chế độ độc tài. Ta mong ngày đó không xa sẽ diễn ra trên quê hương mình...

Ta đã trải dài cuộc sống tha hương, những dấu chân khoan thai phình gặt và thấy dấu chân mình không còn tại. Ta đã nhìn nhau chưa tròn ánh mắt anh em, chưa vẹn nghĩa tình của người đồng chủng. Ta chưa đến với nhau, chưa có lần xiết chặt tay nhau nồng nhiệt. Nhưng nếu còn thờ ta còn bày tỏ, yêu cuộc đời và nuôi tiếc quê hương. Con đường trở về dù có khác nẻo, phương thức đấu tranh dù có khác nhau; nhưng ta cùng một tấm lòng, một trái tim thao thức hướng về đất mẹ. Xin đừng để trở thành kẻ đồng châu, người tây thờ mái mái mù tâm chẳng bao giờ hẹn ước để bên trời ta vọng lữ lần vong quê...

Xin hãy vì nhau để cùng đi trên dấu chân hoài niệm, vượt qua bờ nhân ngã để có một ngày cùng nhau trở về quê hương xây dựng tự do - nhân bản - phú cường.

Xin hãy vì nhau cùng soi lại bóng mình, nhìn bóng anh em bạn hữu để thấy những lỗi lầm của mình, của người để biết hối lỗi ăn năn, để biết khoan dung tha thứ.

Lửa hạ còn nồng, ta còn có dịp cùng nhau hâm nóng nhiệt tình và ý chí dẫn thân ●●●

XUNG QUANH VỤ MỸ BANG GIAO VỚI VIỆT NAM CỘNG SẢN

- Phỏng dịch Pierre Lefèvre - (Le Soir 12.7.95)

• L.K chuyển ngữ

Là vị Tổng Thống đầu tiên của nước Mỹ xuất thân từ thế hệ thập niên 60, thế hệ của chiến tranh Việt Nam. Tổng Thống Bill Clinton vừa rời vào ngày 11 tháng 7 năm 1995 đã tuyên bố bình thường hóa bang giao giữa Washington với Hà Nội. Lời tuyên bố này đánh dấu giai đoạn cuối cùng Huê Kỳ muốn khép kín những trang sử bi thảm của mình kéo dài đến hết những ngày tháng 30 tháng Tư 1975. Ngoài tính chất quan trọng về mặt chính trị của quyết định này, tất cả các nhà phân tích quốc tế đều đồng thanh nhấn mạnh đến khía cạnh cá nhân vô cùng tế nhị của ông Clinton là người đã tham gia chiến dịch kịch liệt chống chiến tranh Việt Nam suốt bấy giờ, hồi ông còn là sinh viên và cũng nhờ vài mảnh khố chạy chốt mà ông trốn tránh được lệnh nhập ngũ sang tham chiến ở Việt Nam.

Về mặt công khai của chính quyền, thì quyết định nói trên của Tổng Thống là để đáp ứng những tiến bộ đạt được lâu nay do Việt cộng thực hiện có làm sáng tỏ số phận của 1618 lính Mỹ mà Ngũ giác đài tuyệt nhiên không có chút dấu vết gì sau khi họ bị bắt hay mất tích ở Việt Nam thời kỳ chiến đấu. Cũng như vị Tổng Thống tiền nhiệm là George Bush, ông Bill Clinton đặt điều kiện cho sự bang giao tiệm tiến ấy với Việt cộng là phải có sự hợp tác rất thỏa đáng của chính quyền Hà Nội về vấn đề tìm kiếm số lính Mỹ này. Giai đoạn đầu là bãi bỏ cấm vận thương mại vào tháng 2.1994, rồi đến khai trương một văn phòng liên lạc của Huê Kỳ tại Hà Nội. Tổng Thống Clinton vừa rời lại nhất quyết nói thêm rằng chưa bao giờ Hà Nội đạt đến một sự hợp tác với Huê Kỳ đến mức độ cao như vậy về vấn đề nói trên, điều làm cho Huê Kỳ vô cùng thỏa mãn, do đó có bình thường hóa bang giao.

Nhiều Nghị sĩ Huê Kỳ đã từng chiến đấu ở Việt Nam đều đồng ý với nhận xét của Tổng Thống nhưng họ gặp phải một sự chống đối về bang giao với Việt cộng từ nhiều phe phái khác. Thượng Nghị sĩ thuộc Đảng Dân Chủ ở Tiểu Bang Virginia là Charles Robb, cựu sĩ quan thủy binh tán thành ý kiến nói trên của Tổng Thống Clinton nói về sự hợp tác vượt trên mức khả năng của chính quyền Việt cộng. Nhưng một vị Thượng Nghị sĩ khác ở New Hampshire thuộc Đảng Cộng Hòa, Robert Smith lại bác bỏ luận cứ ấy mà nhận định rằng "về phía Hà Nội chưa thực tình hợp tác hoàn toàn trong việc tìm kiếm binh sĩ Mỹ mất tích. Bởi vậy cho nên chúng ta không nên bình thường hóa bang giao với họ. Và đó là một vấn đề danh dự quốc gia" (Trong bài báo, cả câu này in chữ nghiêng để đánh dấu và nhấn mạnh sự chú ý của độc giả - lời người dịch).

Bên trên những khía cạnh nhạy cảm này gây tranh luận khá sôi nổi trong chính giới và báo giới, Tổng Thống Clinton đã phải lưu ý nhiều đến những yếu tố chính trị, địa lý nữa = địa vị trọng yếu của Việt Nam trong vùng Đông Nam Á Châu và nhất là cần thiết phải dùng Việt Nam làm đối lực công hiệu chống Trung Quốc mà gần đây việc bang giao giữa nước này với Mỹ gặp nhiều rắc rối và căng thẳng, khó giải quyết. Một Thượng Nghị sĩ Đảng Cộng Hòa Tiểu Bang Arizona John Mc Cain nhìn nhận rằng "việc thiết lập bang giao với Hà Nội nằm trong quyền lợi của nền an ninh quốc gia Huê Kỳ". Ông này bị giam 5 năm rưỡi trời trong một nhà lao Việt cộng, do đó lời phát biểu của ông có một uy thế tinh thần và chính trị về vấn đề này trước công luận và chính giới. Mc Cain nói rằng ông rất lo ngại về những hoạt động gần đây của Trung Quốc ở trong vùng và khắp thế giới từ khi Trung Quốc bán hòa tiền cho Hồi Quốc, việc bắt bớ giam giữ công dân Huê Kỳ gốc Hoa là Harry Vu đến những ý đồ và tham vọng của Trung Quốc ở vùng biển Hoa Nam mà Trung Quốc kháng cự đòi chủ quyền của họ và tự cho rằng họ có đến 80% hải phận ở vùng này.

Cố nhiên, còn có khía cạnh thương mại nữa, thị trường Việt Nam là miếng mồi béo bở cho những hãng xương, nhà kinh

doanh Huê Kỳ. Và Thượng Nghị sĩ Smith cho rằng chính đó mới là nguyên cơ hệ trọng của việc bang giao giữa Mỹ và Việt Cộng.

VIỆT NAM, MỘT ĐỐI LỰC CHỐNG LẠI NHỮNG Ý ĐỒ VÀ THAM NHỮNG CỦA TRUNG QUỐC ?

• P. Lefèvre (Nhật báo Le Soir 14.7.95)

Việc bang giao giữa Huê Kỳ và Việt Nam diễn ra trên chính trường Đông Á trong một bối cảnh tương đối bất ngờ. Trong hiện tại sự giao dịch giữa Huê Kỳ và Trung Quốc lại rất căng thẳng. Mới đây, giấy chiếu khán cấp cho Tổng Thống Đài Loan vào Huê Kỳ và những gợi ý của Quốc hội Huê Kỳ thuận lợi cho việc thừa nhận chủ quyền của hải đảo Đài Loan - nhất định chủ trương độc lập đối với lục địa Trung Quốc làm cho Bắc Kinh rất bất mãn. Về phần Hoa Thịnh Đốn thì luôn luôn phàn nàn cho những vi phạm nhân quyền thường xuyên của Trung Quốc, ngay cả đối với những người đòi hỏi và bình vực nhân quyền ở trong nước. Như trường hợp Bắc Kinh bắt bớ và giam giữ Harry Vu, công dân Mỹ gốc Hoa ly khai bị kết tội là làm gián điệp. Huê Kỳ còn nghi ngờ Trung Quốc bán hòa tiền cho Hồi Quốc và Ba Tư và hết sức lo ngại về ý đồ tham vọng của Trung Quốc muốn xâm chiếm lãnh phận quần đảo chiến lược Trường Sa, ở biển Hoa Nam nữa. Bắc Kinh đã tăng cường quân lực ở đây làm e sợ khắp vùng. Thêm vào đó Việt Nam chắc chắn sẽ gia nhập Hiệp Hội Đông Nam Á (Asean) và sẽ làm thay đổi tương quan lực lượng ở trong vùng. Với Mã Lai, Phi Luật Tân và Brunei, khối này từ nay có đến 4 nước có những tương tranh địa phận với Trung Quốc. Do tâm vực kinh tế và chính trị, tương đối quan trọng, khối này trở nên một đối lực chống lại những mưu đồ của Trung Quốc ở trong vùng. Trong bầu không khí chính trị vừa nói, hẳn nhiên những bình thường hóa bang giao với Hà Nội, trong vị thế hiện nay của Huê Kỳ được xem như là một đóng góp đáng kể cho sự quân bình lực lượng trong vùng, điều này cũng càng chọc tức Trung Quốc hơn bao giờ hết.

Cần nhớ lại việc bình thường hóa bang giao giữa Việt Nam và Huê Kỳ này thực hoàn toàn khác hẳn với những thiết lập bang giao giữa Huê Kỳ và Trung Quốc vào năm 1978 trong lúc những liên hệ ngoại giao ấy sắp sửa thành tựu giữa Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội thì đột nhiên hoàn toàn thất bại vào lúc bấy giờ. Bao nhiêu giao hảo tốt đẹp lâu nay đã đem lại nhiều quyền lợi dồi dào cho chế độ Bắc Kinh thì bây giờ, oái oăm thay! lại đổi chiều hẳn, xoay hướng về phía Nam, tức là cho Huê Kỳ và Việt Nam vậy.

Dân tộc Việt Nam vốn là những kẻ thù nghịch truyền thống với Trung Quốc, bây giờ không bỏ lỡ cơ hội để lôi kéo Huê Kỳ đứng về phía họ. Lần này, đúng vậy, các quan sát viên quốc tế nhận thấy Huê Kỳ không được lợi ích gì mà còn thiệt hại nữa là khác, trong việc xen vào nội bộ tranh giành quyền lực trong vùng, và Huê Kỳ còn tự ý chối bỏ những triển vọng đầy hứa hẹn dâng đến cho mình bởi một thị trường vĩ đại là nước Trung Hoa khổng lồ. Nhưng chính sách đối ngoại của Huê Kỳ ở Á Châu luôn luôn biến chuyển theo chiều hướng chính trị và phụ thuộc vào quyền lợi kinh tế, chính vì thế mà Huê Kỳ dần dần do nhiều rồi nghiêng hẳn về phía Việt Nam. Thị trường Việt Nam gồm có đến 72 triệu dân, lợi tức hứa hẹn tăng trưởng mỗi năm 8 đến 10% từ đây đến năm 2000, lại thêm được Huê Kỳ cho hưởng điều kiện quyền lợi đặc biệt về thương mại, thêm những trợ cấp của chính quyền Huê Kỳ về xuất cảng. Việt Nam là miếng mồi béo bở cho nền thương mại và kinh doanh Huê Kỳ. Đó cũng là một hình thức cân bằng lực lượng đem đến bởi việc bình thường bang giao này giữa Huê Kỳ và Hà Nội vậy.

KỶ TIẾP : Saigon, một sự đổi mới hỗn độn, không chương trình, kế hoạch. Một ố tham nhũng, một ố ô nhiễm, không có nhân quyền, không có tự do tư tưởng...

Bài của ký giả quốc tế Singapore - Gertrude Winkle.

TIN THỜI SỰ

• Phan Ngọc

* MỸ CHÂU

● **Mỹ:** Quân lực đang chờ lệnh của Tổng Thống Clinton cho phép sản xuất một loại vũ khí mới theo công trình nghiên cứu của hãng Lockheed Sanders. Vũ khí nặng 20 Kg, phát tia Laser có khả năng đốt cháy vòng mạc ngoài tầm 4.500 thước. Mục tiêu là phá vỡ các hệ thống kiểm soát bằng tia hồng ngoại của địch.

● **Colombie:** Một ngày sau khi Gilberto Rodriguez Orejuela, thủ lĩnh tổ chức ma túy thành phố Cali sa lưới, một quả bom nổ giữa hội chợ giết hại 28 người và gây thương tích cho 200 người. Kể từ khi Pablo Escobar thuộc nhóm ma túy Medellin bị lực lượng cảnh sát bắn chết (12.93), nhóm Cali kiểm soát tất cả 80% đường dây buôn lậu ma túy trên thế giới đạt 210 tấn. Tài sản lên đến 5 tỉ Mỹ kim. Về phía Mỹ, khoảng 60 người dính líu trong số có Michael Abbell, cựu giám đốc sở chống tội phạm trực thuộc văn phòng liên lạc quốc tế Bộ Tư Pháp và hiện là Luật sư của Gillento.

● **Cuba:** Do sự can thiệp của tổ chức Tự Do Pháp, hội bảo vệ nhân quyền quốc tế, hội y sĩ thế giới, ngày 31.5.95 chính quyền Castro trả tự do cho 6 nhà đối lập. Nổi tiếng nhất là ký giả Yndamiro Restano thọ án 10 năm tù và Sebastian Arcos nhân viên hội bảo vệ nhân quyền Cuba, bị án 4 năm 8 tháng, cả hai vì tội phản động.

● **Liên Hiệp Quốc:** Nhân ngày "không thuốc lá" trên thế giới (31.5.95) tổ chức y tế thế giới phổ biến bảng tổng kết như sau: hằng năm 1 tỉ người tiêu thụ 6.000 tỉ điếu thuốc lá, 3 triệu người chết ở các nước kém mở mang, bình quân một người mỗi 10 giây.

- Ngày 25.6.95, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Tổng Thống Mỹ, hơn 100 Đại sứ đại diện các quốc gia hội viên, hàng trăm chuyên viên quốc tế cùng nhau tham dự lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên Hiệp Quốc.

Hiến Chương Liên Hiệp Quốc có điều quy định bảo vệ hòa bình, quyền lợi căn bản và phẩm cách con người cổ vũ bình đẳng nam nữ, bình đẳng giữa các quốc gia nhỏ lớn. Năm 1941 Mỹ, Anh bắt đầu thảo kế hoạch tổ chức hòa bình. Sang năm 1944 đại diện Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Hoa Quốc Gia soạn thảo Hiến Chương ở Dum Barton Oahs, Hoa Thịnh Đốn.

* ÂU CHÂU

● **Pháp:** Ngày 13.6 Tổng Thống Jacques Chirac thông báo sẽ tiếp tục thí nghiệm bom nguyên tử, Úc, Tân Tây Lan, Nhật, tổ chức Green Peace phản đối dữ dội. Trước đây Liên Xô đã từng gây tai hại bội phần. Từ 1992 đến 1995 Trung Quốc thử bom cả thảy 6 lần. Trừ Nhật ra, không thấy ai đứng lên tố cáo. Người ta nghĩ phát động chiến dịch chống Trung Quốc là một việc làm gay go nguy hiểm hơn nhiều. Vậy thí dựa trên tinh thần nào để bày tỏ lòng căm phẫn đối với các chế độ dân chủ?

Tổng cộng có 2025 cuộc thí nghiệm:

-Mỹ: 215 trên không, 815 dưới lòng đất = 1030

-Liên Xô (Nga): 207 trên không, 508 dưới lòng đất = 715

-Pháp: 45 trên không, 147 dưới lòng đất = 192

-Anh: 21 trên không, 24 dưới lòng đất = 45

-Trung Quốc: 23 trên không, 29 dưới lòng đất = 42

-Ấn Độ: 1 trên không = 1

- Pháp - Qua hai vòng bầu cử Hội Đồng Tỉnh (11 - 18.6.95) Mặt Trận Quốc Gia nắm quyền ở 4 thành phố. Mặt Trận Quốc Gia là một tổ chức cực hữu, từng hoạt động mạnh nhất ở Âu Châu. Theo lời tuyên bố của lãnh tụ Jean Marie Le Pen, đảng ông sẽ áp dụng đường lối dành ưu tiên cho quốc gia, có nghĩa là kỳ thị và bài ngoại. Pháp đang phơi bày một đặc điểm mà không ai muốn.

● **Tây Ban Nha:** Sau vụ nghe lén điện đàm của vua Carlos, cựu Thủ Tướng và một số Đại sứ, một vụ tai tiếng khác đang gây hoang mang trong chính giới. Phòng luận tội vừa chuyển hồ sơ điều tra các tổ chức giải phóng chống khủng bố, có trách nhiệm trong 30 vụ mưu sát các lãnh tụ phong trào ly khai Basque vào thập niên 80. Hồ sơ kết luận Thủ Tướng Felipe Gonzaler là người sáng lập và điều hành tổ chức trên. Đảng Xã Hội đang cầm quyền phản đối dữ dội. Phần lớn dư luận vẫn tin rằng ít ra nửa những cộng sự thân tín của Thủ Tướng có dính dáng đến các vụ án nêu trên.

● **Nga:** Con động đất (27/28.5.95), tại thành phố Neftegord (3.600 dân) thuộc quần đảo Sakhaline gây 1841 người chết, 2000 mất tích, 20 cao ốc 5 tầng hoàn toàn sụp đổ, các giếng dầu hóa hư hại nặng.

- Một toán đặc công gồm 200 người Tchetchem đánh úp thành phố Bouden Novsk cách Tchetchenie 50 Km, bắt giữ 2000 con tin trong một bệnh viện. Vị chỉ huy Chamtl Bassen tuyên bố đã dùng tiền mua chuộc các trạm kiểm soát Nga, nêu lên yêu sách buộc Nga phải ngồi vào bàn hòa đàm. Ngày 30.6.95 Nga và Tchetchenie ký kết thỏa ước quy định Nga rút quân và giải giới từng giai đoạn các lực lượng ly khai. Chưa có một thỏa hiệp nào ấn định quy chế tương lai của Tchetchenie.

- Bang giao Nga - Trung Quốc đang bước sang một khúc quanh mới. Sau cuộc viếng thăm 3 ngày của Thủ Tướng Lý Bằng, Thông Cáo Chung (27.6.95) cho biết không có một bất đồng chính trị nào giữa đôi bên. Để tỏ thiện chí, Trung Quốc chấp thuận xây cất một chiếc cầu trên sông Amour được xem như ranh giới mà hai quốc gia từng tranh giành kể từ năm 1969. Đáp lễ Nga sẽ hợp tác xây cất đập thủy điện trên sông Dương Tử. Nga - Trung Quốc hợp tác buôn bán các lò nguyên tử, chiến đấu cơ, kỹ thuật hạt nhân cho Irak. Tuy nhiên Trung Quốc vẫn duy trì đường lối mà Giang Trạch Dân kê vạch từ năm 1994: không liên kết không gây hấn. Nhiều vấn đề phức tạp cần được giải quyết như giải trừ quân bị ở vùng biên giới. Hợp tác Nga - Trung Quốc là điển hình mà khối Tây phương e ngại nhất.

- Ngày 7.6.95 lực lượng cảnh sát và an ninh chạm trán giữa đường phố Mạc Tư Khoa. Điểm tranh chấp là số lượng Uranium trị giá 650.000 Mỹ kim. Hiểu lầm hay ân oán giang hồ? Ngoài sự xích mích thông thường giữa cảnh sát và mật vụ, cuộc bắn nhau còn biểu lộ sự tranh chấp trong việc kiểm soát tài nguyên kinh tế, hoặc lậu, hoặc chính thức. Dù thế nào đi chăng nữa, không còn có ai tôn trọng luật pháp, ngoại trừ luật của kẻ mạnh.

● **Nam Tư:** Sau bốn tháng ngưng bắn, bắt đầu từ ngày 25.5.95 chiến sự sôi động trở lại. Khối NATO dội bom trừng phạt sau khi nhóm Serbe chiếm các nội địa Bosnia và bắn phá thủ đô Sarajevo. Để trả đũa, nhóm Serbe bắt giữ 400 con tin Liên Hiệp Quốc. Sau khi Hạ, Thượng Viện Hoa Kỳ biểu quyết bãi bỏ lệnh cấm vận vũ khí (02.8.95) 100.000 quân Croatie mở cuộc tấn công chiếm lại vùng Kratina đã rơi vào tay Serbe từ năm 1991. Mọi người đều lo sợ chiến tranh sẽ lan ra cả vùng Balkan và không biết tương lai của Bosnie sẽ ra sao bởi tùy thuộc vào đường lối của Croatie và Serbie. Với những bất đồng trầm trọng hơn bao giờ hết (Nga, Pháp kết án, Mỹ, Đức ủng hộ Croatie). Khối Tây phương đang đứng trước một tình thế mới khó khăn nguy hiểm hơn trước. Con khủng hoảng Nam Tư là một thách đố lớn lao nhất kể từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

* CẬN ĐÔNG

● **Ai Cập:** Đến Ethiopia tham dự cuộc họp thượng đỉnh tổ chức thống nhất Phi Châu. Ngày 12.6.95 Tổng Thống Hosni Mubarak bị mưu sát cách phi trường Adis Abeba 600 thước, Tổng Thống thoát chết vì thay đổi giờ đến và dùng xe bọc thép. Ai Cập quy trách nhiệm cho Soudan đồng thời động binh nơi vùng biên giới. Được biết từ khi tham chính, Tổng Thống Mubarak thoát hiểm tất cả 6 lần.

* Á CHÂU

● **Bắc Hàn:** Sau 7 tháng rưỡi mặc cả gay go, ngày 12.6.95 tại Kuala Lumpur Bắc Hàn bằng lòng thu nhận các lò nguyên tử dân sự do Đại Hàn cung cấp trị giá 4,5 tỉ Mỹ kim. Trong lúc thảo luận, Bắc Hàn xin thêm 1 tỉ Mỹ kim viện trợ. Trong bối cảnh kinh tế xuống dốc vì thiếu năng lượng. Thỏa hiệp Mỹ- Bắc Hàn nêu lên một bài học kinh nghiệm: Mỹ cương quyết trung hòa tiềm lực nguyên tử của các quốc gia độc tài địa phương, Bắc Hàn hết sức khéo léo vận dụng lá bài hạt nhân cưỡng ép Mỹ phải nhượng bộ kinh tế và ngoại giao, đạt mục tiêu cuối cùng là thoát khỏi cô lập.

● **Nhật:** Ngày 9.6.95, Quốc Hội Nhật ra quyết nghị đánh dấu 50 năm chấm dứt chiến tranh thế giới thứ II, cơ quan lập pháp lòng chiến tranh xâm lược và chế độ thuộc địa Nhật trong bối cảnh đế quốc tổng quát thời ấy, tuyệt nhiên không có một ý định xoa dịu bất hòa trong công việc đánh giá quá khứ. Đại Hàn, Tân Gia Ba, Trung Quốc phản đối cho rằng Đông Kinh không đáp ứng lòng mong đợi của các dân tộc từng là nạn nhân, bỏ lỡ mất cơ hội để nhận lỗi và xây dựng tương lai. Cho đến giờ Nhật là quốc gia duy nhất thuộc trục La Mã - Bá Linh - Đông Kinh chưa chịu công nhận tội lỗi và trách nhiệm.

- Thủ Tướng Nhật, Chủ tịch Lương viện Quốc Hội, Đại sứ Mỹ tham dự lễ kỷ niệm 50 năm trận đánh Okinawa, trận chiến duy nhất xảy ra trên đất Nhật. Thiệt hại về nhân mạng như sau: Mỹ 12.000, Nhật 60.000 và thường dân 150.000. Ngoài ra Nhật đã giết 200 dân tộc bị tình nghi làm gián điệp cho Mỹ và cưỡng ép hàng trăm khác phải tự sát.

Sau khi đảng cộng sản Trung Quốc nắm chính quyền và trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Okinawa trở thành căn cứ chiến lược của Mỹ ở viễn đông, càng quan trọng hơn chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam. Hiện tại 30.000 quân nhân Mỹ đồn trú trên đảo, chiếm 2/3 tổng số 45.000 quân trên đất Nhật. Tương lai của căn cứ sẽ lệ thuộc vào đường lối của Nhật: độc lập đối với Mỹ hay tham gia tích cực hệ thống an ninh Liên Hiệp Quốc trước tham vọng của Trung Quốc.

- Ngày 6.8.95, Nhật tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm quả bom nguyên tử nổ trên thành phố Hiroshima quả bom nặng 4,5 tấn, có sức tàn phá ngang bằng 15.000 tấn TNT, nổ cách mặt đất 600 thước.

Nhiệt độ cách mặt đất 600m : 300.000 °C; trên mặt đất : 4.000 °C

Tia nhiệt giết hết mọi sinh vật trong vòng 2 Km. Làn sóng chấn động và hòa hoãn giết ngay tức khắc 70.000 người.

Nồng độ tia giết người:

Cách tâm chấn: 100m : 117 Gray; 500m : 35 Gray; 1 Km : 3,93 Gray.

Liều giết người: 7 Gray - Liều gây chết giảm 1/2 : 4 Gray Gray là đơn vị đo lường phóng xạ.

Trong vòng 3 Km: 76.327 cao ốc nhà cửa sụp đổ - 140.000 chết trên tổng số 350.000 dân - 60% bị phỏng - 20% vì làn sóng chấn động và gió thổi - 20% vì nhiễm phóng xạ.

● **Tây Tạng:** Theo nhật báo "Tây Tạng" phát hành ngày 23.6.95 tổng số người "phản cách mạng" bị bắt năm 1994 là 164 người, phần lớn là các vị sư, tu sĩ tăng gấp đôi so với năm 1993.

Kể từ năm 1949, Trung Quốc xâm chiếm Tây Tạng, sang năm 1951 đơn phương đưa ra thỏa hiệp 17 điểm biến Tây Tạng thành một tỉnh. Năm 1957 quân đội Trung Quốc đàn

áp dã man cuộc nổi dậy của nhân dân Tây Tạng, dân chúng bị đánh đập tàn nhẫn, các vị sư bị hành xác hoặc bị thiêu hoặc bị chôn sống, con cái bị cưỡng ép giết cha mẹ. Hiện nay Trung Quốc phá rừng bừa bãi, dự trữ cận bã nguyên tử gây ô nhiễm cho 4 con sông lớn nhất Á Châu: Hoàng Hà, Dương Tử, Indus, Brahmapoutre, tổng kết hơn một triệu người chết. Cuộc xâm lăng càng ngày càng khắt khe hơn do chính sách đồng hóa.

● **Miến Điện:** Ngày 10.7.95, nhóm đảo chánh quân sự trả tự do cho Dung San Suu Kyi lãnh tụ phong trào đổi lập, giải Nobel Hòa Bình 1991. Hiện nay còn có 2000 tù nhân đổi lập, hàng ngàn người được ví như thành phần nguy hiểm bị chính quyền tập trung cô lập.

● **Cambodge:** Hơn 300 đại diện các tổ chức nhân đạo phi chính phủ, 41 quốc gia tham dự cuộc họp quốc tế tại Nam Vang từ ngày 2 đến 6.6.95 sẽ tái tham luận: gỡ mìn và cấm sử dụng mìn cá nhân. Trên đất nước Cambodge có tất cả từ 6 - 10 triệu mìn cá nhân, thời gian cần thiết để tháo gỡ từ 5 đến 8 năm. Tỷ số dân bị trúng mìn là 1/200.

● **Trung Quốc:** Một trong những lãnh tụ mùa Xuân 89 là Chen Ziming vừa bị chính quyền bắt giam trở lại. Ông bị kết án 13 năm tù, được phóng thích 3 tháng trước đây vì bệnh ung thư. Sau nhiều tháng yên lặng ông được mọi người nhớ đến khi ông tuyệt thực (4.6.95) để kỷ niệm 6 năm cuộc đàn áp Thiên An Môn.

- Theo báo Eastern Express Hồng Kông, ở tỉnh Schenzhen, các bệnh viện mang đi bán mỗi bào thai với giá 6 quan cho các nhà hàng ăn uống. Nấu cháo hoặc xào với thịt thái mỏng, thai nhi có công dụng bổ thận và làm cho da tươi mát.

- Bang giao Mỹ - Trung Quốc đang hồi xuống dốc trầm trọng. Bắc Kinh triệu hồi Đại sứ, ngưng hợp tác quân sự và năng lượng nguyên tử (16.6.95) trục xuất 2 tùy viên quân sự Mỹ tại Tòa Tổng Lãnh Sự ở Hồng Kông (2.8.95) để phản đối Hoa Thịnh Đốn cấp chiếu khán cho Tổng Thống Đài Loan Lee Teng sang thăm Mỹ (28.5.95) và Thượng Viện Mỹ mời phu nhân Tướng Giới Thạch tham dự buổi tiếp tân tôn vinh Bà (27.7.95). Bắc Kinh xem các sự kiện trên như một tí vết trong tiến trình giao hữu kể từ khi Tổng Thống Nixon công du sang Trung Quốc vào năm 1972. Như thế cũng chưa đủ, Trung Quốc vừa thao diễn hải quân vừa thử hỏa tiễn liên lục địa cách Đài Loan 150 Km (từ 21 đến 27.7.95). Nhân ngày quán lực (1.8.95) Tổng Trưởng Quốc phòng Trung Quốc lên tiếng hăm dọa Trung Quốc sẽ can thiệp vũ trang để thống nhất đất nước đồng thời tố cáo ngoại bang đang xen vào nội bộ, điều mà Bắc Kinh "không thể tha thứ được".

- Ngày 8.7.95 Bắc Kinh chính thức kết tội hoạt động gián điệp công dân Mỹ gốc Hoa Harry Wu bị bắt ngày 19.6 sau khi vượt biên giới từ Kazakhtan đến tỉnh Xinjiang miền tây bắc Trung Quốc. Ông là một trong 500.000 nạn nhân phong trào Trăm Hoa Đưa Nở năm 1957, bị kết án 19 năm tù, sau đó được phép qua Mỹ. Ông còn nổi tiếng vì các biên khảo tố cáo nhà cầm quyền Trung Quốc đã bóc lột sức lao động của các phạm nhân để phục vụ cái gọi là "phép lạ kinh tế". Cũng vì phép lạ này mà trước đây nhân quyền phải nhường bước cho lợi ích ý thức hệ và lợi ích kinh tế trong hiện tại. Một số người cứ nghĩ rằng tự do kinh tế sẽ dẫn dắt đến tự do chính trị. Nhưng cũng như các chính thể cộng sản khác, Trung Quốc luôn dùng chuyên chế để đàn áp đổi lập, cạnh tranh giao thương, luôn cả giải quyết các cuộc khủng hoảng bên ngoài.

Trong bối cảnh rối rắm hiện tại, tất cả các vụ rắc rối trên có giá trị như một hiệu báo: Trung Quốc đang ở trên đường dốc nguy hiểm. Vào cuối triều đại những bất đồng nội bộ sẽ tạo cơ hội cho những quyền lực tiềm ẩn đang bất động bùng tạo gây rối loạn, lần bước đường lối ngoại giao mềm mỏng thông thường.

Vì thế bên lề cuộc hội tổ chức Asean, ngày 1.8.95 Ngoại trưởng Mỹ cố gắng đầu dụ, trao cho Ngoại trưởng Trung

Quốc thư mời của Tổng Thống Clinton mời Chủ tịch Giang Trạch Dân dự cuộc họp thượng đỉnh song phương bên lề khóa họp khoáng đại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc vào cuối mùa thu sắp đến.

• **Việt Nam:** Hà Nội đang cố gắng che đậy nguồn tin từ Nga tiết lộ trước 1945 tại Mạc Tư Khoa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bí mật cưới Nguyễn Thị Minh Khai, sau này là phu nhân Lê Hồng Phong.

- Ngày 23.6.95 chính quyền Việt Nam bắt giam hai nhà đối lập cựu đảng viên, một ở Hà Nội và một ở Sài Gòn: Hoàng Minh Chính, 76 tuổi; Đỗ Trung Hiếu, 57 tuổi.

- Dù muốn dù không đường lối ngoại giao khiêu khích và mưu sách tranh chấp chiến lược, lãnh thổ của Trung Quốc đã tạo cơ hội thuận tiện cho sự bang giao Việt - Mỹ.

Để làm quà trước, Hà Nội trả tự do cho nhà đối lập Trần Văn Quốc (8.7.95) bị kết án 20 năm tù, đồng thời trao cho Mỹ hồ sơ chưa được giải quyết của 150 quân nhân trên tổng số 1618 mất tích tại chiến trường Việt Nam. Trong buổi lễ tổ chức tại Tòa Bạch Ốc (11.7.95), Tổng Thống Clinton long trọng tuyên bố "đã đến lúc công nhận, bình thường hóa ngoại giao với Việt Nam". Ông còn nhận định "thời gian để hàn gắn các vết thương đã trôi qua, bây giờ bắt đầu thời gian kiến tạo". Theo chương trình hoạch định Ngoại trưởng Mỹ đến Hà Nội ngày 05.8.95 ký văn kiện bang giao ngang cấp bậc Đại Sứ. Ngày 12.7.95 Thủ Tướng Võ Văn Kiệt nhận xét "quyết định của Mỹ mang một tầm quan trọng đặc biệt trong công cuộc phục vụ hòa bình, ổn định trật tự và mở mang toàn cõi Đông Nam Á".

Qua biến cố lịch sử này, thử phân tách quan điểm của 3 vai trò quan trọng hàng đầu.

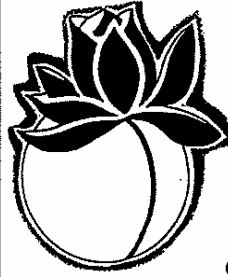
- Quan điểm của Mỹ: 2 lý do kinh tế và chiến lược thúc đẩy Mỹ. Cho đến giờ, với 250 triệu trên tổng số vốn 15 tỉ Mỹ kim đầu tư ngoại quốc, Mỹ chỉ đứng vào hàng thứ 6. Việt Nam được xem như một khâu tất yếu trong công việc đặt nền tảng an ninh Viễn Đông. Mặt khác Mỹ gián tiếp cho Trung Quốc biết Mỹ hiện có nhiều lá bài để tự do sử dụng ở địa phương.

- Quan điểm của Việt Nam: Hà Nội có nhiều lý do để vui mừng thỏa mãn. Thật vậy, để thoát khỏi vũng lầy Việt Nam, Tổng Thống Nixon sang Bắc Kinh vào năm 1972 đúng vào lúc B52 không ngớt dội bom và oanh kích các "người anh em" của Trung Quốc. Sau đó sự thông đồng Hoa Thịnh Đốn - Bắc Kinh gây không biết bao nhiêu đắng cay cho Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Mỹ - Thái Lan - Trung Quốc liên kết bao vây lúc Việt Nam xua quân tiến chiếm Cambodge vào năm 1978. Mỹ mặc nhiên khuyến khích Trung Quốc trừng phạt Việt Nam đầu năm 1979. Nay áp lực đã được giải tỏa. Thế nhưng Việt Nam rất dè dặt kín đáo bởi 2 lý do: Một mình Việt Nam không có cân lượng nào đối với Trung Quốc; Nhượng lại cho Khối Asean, đồng minh của Mỹ, trách nhiệm đối phó với Bắc Kinh. Căn ghi thêm là Việt Nam là hội viên thứ 7 của Asean kể từ 28.7.95.

- Quan điểm của Trung Quốc: Bắc Kinh chỉ biểu lộ chừng mực sự bằng lòng "ngoại giao" cho hợp tình hướng và cho rằng bang giao Việt-Mỹ không có liên quan gì đến Trung Quốc. Sự dửng dưng này chứng tỏ Trung Quốc dự đoán sẽ có nhiều cuộc biến chuyển trong nay mai. Do đó Trung Quốc tự cho mình quyền ưu tiên thay thế Mỹ, chiếm giữ vai trò chính yếu trong hệ thống an ninh viễn đông vì 3 yếu tố kinh tế, dân số và quân sự. Ngoài ra các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc tin rằng chẳng sớm thì chầy Mỹ sẽ rút bớt quân số cho dù Mỹ có hợp tác chặt chẽ với Việt Nam. Sự do dự của Mỹ trong vấn đề Trường Sa càng thuyết phục Bắc Kinh nhiều hơn nữa. Bắc Kinh đã buôn bán với Việt Nam qua trung gian các chi nhánh Mỹ, Hồng Kông gồm có cổ phần Trung Quốc. Xét dưới khía cạnh này, bang giao Việt-Mỹ đã chấm dứt một giai đoạn cũ, mở sang một giai đoạn mới. Thời kỳ mà Trung Quốc tìm mọi cách để lấy lòng Mỹ đã qua. Từ đây Bắc Kinh sẽ thủ vai chính, áp đặt các điều kiện của mình trên ván cờ địa phương •

ANH đã chết



• Thanh Bình

*Anh đã chết, nợ trần đã hết !
Em lẻ loi, hồn xác vật vờ ...
Ngắm suy như một cơn mơ,
Vô thường lẽ ấy còn ngờ được sao ?*

*Anh đã chết mong anh siêu thoát,
Hồn linh thiêng về dưới Phật Đài.
Em nhìn con cháu bi ai,
Cố ngăn giòng lệ, nhớ hoài bóng anh !*

*Anh đã chết danh thơm còn để :
Bao bạn bè, quyến thuộc tiếc thương,
Sống nơi hải ngoại tha phương,
Lòng tôi luôn tưởng nhớ quê hương xa vời ...*

*Anh đã chết không còn luyến tiếc :
Đã làm tròn hoài bão gia nghiêm,
Trùng tu nơi chốn tổ đường,
Dạy răn con cháu Tình thương làm đầu !*

*Anh đã chết, chắc hồn về quê cũ
Thỏa ước mơ thăm đủ bà con,
Viếng nơi mồ mã ông bà.
Mẹ cha, anh chị ruột rà thân thương.*

*Anh đã chết xin anh phù hộ
Mẹ con em can đảm, giảm sầu,
Thân bằng, quyến thuộc nơi đâu
Thân tâm an lạc, sở cầu đạt an.*

(Genève, ngày 8.7.95)

Suối Nguồn Bát Nhã

• Tùy Anh

*Cây xanh lá
rừng âm thầm bỏ ngõ
Lòng suối trong
em lời nguyện kinh chiều
Em huyền diệu
môi dung hòa nhịp mõ
Tiếng chuông xa
nghe thức tỉnh lời yêu.*

*Em trầm mặc
giữa hư không xa lạ
Khói hương bay
trần lụy cũng xa bay
Anh an trú
trong suối nguồn bát nhã
Thấy tiêu dao
như gió thoảng mây bay*

*Em tinh khiết
lời kinh chiều tự tại
Sóng triều dâng
anh đỏ giắc bình yên
Đêm mưa bão
thối qua đời an thái
Người vong thân
lang bạt bước chân quên...*



THỂ THAO

Người Giám Biên

• BÓNG TRÒN

Mùa bóng tròn 1994 của Đức chấm dứt bằng hai trận đá thật sôi nổi và hào hứng. Bao nhiêu tay đánh cá hồi hộp theo dõi từng quả banh.

Số là sau 33 trận đá, kết quả đội Werder-Bremen dẫn đầu với 48 điểm; đội Borussia Dortmund hạng nhì với 47 điểm. Trận cuối cùng để giết giải Vô Địch, đội W. Bremen đụng đội Bayern Muenchen tại sân Muenchen; đội B. Dortmund gặp SV. Hamburg tại sân nhà. Đài SAT.1 trực tiếp cùng một lúc hai trận đá, khi thì tại sân Dortmund, lúc tại sân Muenchen để khán giả và các tay đánh cá theo dõi.

Chung cuộc đội W. Bremen thua đội B. Muenchen 1:3!; đội B. Dortmund hạ đội SV. Hamburg 2:0. Thế là đội Dortmund sau 32 năm mới đoạt trở lại chức Vô Địch.

Sau đây là bảng tổng kết :

1. Bor. Dortmund 49 điểm
2. W. Bremen 48 điểm
3. SC. Freiburg 46 điểm
4. FC. Kaiserslautern 46 điểm
5. Bor. Monchengladbach 43 điểm
6. B. Muenchen 43 điểm

16. VFL. Bochum 22 điểm
17. MSV. Duisburg 20 điểm
18. D. Dresden 16 điểm

Ba đội hạng chót (16, 17, 18) bị xuống hạng nhì và ba đội từ hạng nhì lên hạng nhất (Bundesliga) là H. Rostock, St. Pauli và F. Duesseldorf.

Mùa bóng 95-96 các đội hạng nhất khởi tranh từ 11.8.95 gồm có 18 đội như sau:

Dortmund - Bremen - Freiburg - Kaiserslautern - Monchengladbach - Bayern Muenchen - Leverkusen - Karlsruhe - Frankfurt - Koeln - Schalke - Stuttgart - Hamburg - 1860 Muenchen - Uerdingen - Rostock - St. Pauli và Duesseldorf.

Các đội hạng nhì khởi tranh từ 4.8.95 cũng gồm có 18 đội sau đây:

Bochum - Duisburg - Wolfsburg - Mannheim - Meppen - Koeln - Wattenscheid - Leipzig - Hertha BSC - Chemnitz - Hannover - Mainz - Nuernberg - Zwickau - Bielefeld - Jena - Luebeck và Unterhaching.

Dân ghiền bóng tròn nhớ theo dõi các trận đấu.

• QUẦN VỢT

GIẢI GRAND SLAM FRENCH OPEN



(Từ 29.5 đến 11.6.95)

• NỮ

Vào chung kết, cây vợt số 1 thế giới mà cũng là đương kim vô địch là cô Vicario Sanchez (Tây Ban Nha) gặp cô Graf Steffi (Đức) cây vợt số 2 thế giới. Đúng là chín chống chín. Ván đầu Steffi hạ Sanchez 7:5; ván thứ hai Steffi thua 4:6; ván thứ ba cô Sanchez đánh mất bình tĩnh, thua những trái banh lảng vẹt! Thừa cơ hội cô Steffi vùng lên hạ Sanchez không còn manh giáp với tỷ số 6:0! Thế là Steffi vừa đoạt cúp với tiền thưởng trên 700 ngàn Đức Mã, vừa chiếm lại ngôi vị Bà Hoàng Quần Vợt.



Cô G. Steffi vui cười với chiếc cúp và thêm cái ngân phiếu trên 700 ngàn DM!

với tỷ số 6:4, 7:6, 7:5.

Vào chung kết M. Chang gặp T. Muster (Áo). Chang bị Muster hạ 7:5, 6:2 và 6:4. Lần đầu tiên, Áo mới có người đoạt được giải Grand Slam. Tiền thưởng trên 700 ngàn Đức Mã.

• ĐÔI NỮ

Cặp Gigi Fernandez / Natalia Zvereva (Mỹ / Bạch Nga) hạ cặp Jana Novona / Vicario Sanchez (Tiệp / Tây Ban Nha) với tỷ số 6:7 (6:8), 6:4, 7:5.

• ĐỘI NỮ - NAM

Cặp cô Larisa Neiland / anh Mark Woodforde (Letland/ Úc) hạ cặp Jill Hetherington / John de Jager (Canada/ Nam Phi) 7:6 (12:10), 7:6 (7:4)

• NAM

Đương kim vô địch là anh S. Bruguera (Tây Ban Nha) bị anh M. Chang (Mỹ) hạ ở vòng bán kết



Thomas Muster

French Open vừa qua.

Ván đầu Sanchez hạ Steffi dễ dàng với tỷ số 6:4, qua ván

GIẢI GRAND SLAM WIMBLEDON

(26.6 đến 9.7.95)

• NỮ

Đương kim vô địch là cô Martinez (Tây Ban Nha) bị cô Sanchez người đồng hương hạ ở vòng bán kết với tỷ số 6:3, 6:7, 6:1. Vào chung kết cũng hai cây vợt số 1 và số 2 thế giới lại gặp nhau. Lần này cô Sanchez hạ quyết tâm đánh bại cô Steffi để phục thù trận

thứ hai để thua lại 1:6, đến ván thứ ba Sanchez đang dẫn đầu trước 5:3, cầm giao banh để thua, Steffi gỡ được 4:5 và thừa thắng xông lên Steffi cầm giao banh hạ luôn Sanchez gỡ huê 5:5. Đến lượt Sanchez cầm giao banh, hai bên đánh qua trả lại trên 20 phút với 32 điểm, dài nhất từ trước đến nay trong giải Wimbledon. Cuối cùng Steffi hạ Sanchez nâng tỷ số lên 6:5, cầm giao banh Steffi thắng luôn 7:5!



Cô Sanchez (T) - Steffi (p) chào tạm biệt khán giả và hẹn gặp lại năm 1996

Đoạt giải lần thứ 6 trong sự hoan nghênh nhiệt liệt của khán giả.

● **Đôi Nữ**

Cặp Jana Novotna / Vicario Sanchez (Tiệp / Tây Ban Nha) hạ cặp Gigi Fernandez / Natalia Zverewa (Mỹ / Bạch Nga) với tỷ số 5:7, 7:5, 6:4. Thế là cặp đôi nữ Tiệp / Tây Ban Nha đã phục thù được cặp Mỹ / Bạch Nga ở giải French Open.

● **Đôi Nữ Nam**

Cặp Martina Navratilova / Jonathan Stark (Mỹ) hạ cặp Gigi Fernandez / Cyril Suk (Mỹ / Tiệp) 6:4, 6:4.

● **NAM**

Điều ngạc nhiên và lôi cuốn khán giả trong giải này là Boris Becker gần hai năm nay anh đang trên đà xuống dốc, bỗng nhiên anh vùng lên hạ lần lượt các tay vợt sau đây để vào đến chung kết:

- Emilio Alvarez (Tây Ban Nha - 157) 6:3, 6:3, 6:4
- Jan Appel (Thụy Điển - 97) 6:3, 3:6, 6:1, 6:2
- Jan Siemerink (Hòa Lan - 52) 2:6, 6:2, 6:2, 6:4
- Dick Norman (Bỉ - 176) 7:6, 6:3, 6:4
- Cedric Pioline (Pháp - 58) 6:3, 6:1, 6:7, 6:7, 9:7
- Andrea Agassi (Mỹ - 1) 2:6, 7:6, 6:4, 7:6.

Boris đã thua Agassi trong 6 lần liên tiếp, lần này mới hạ nổi Agassi.

Vào chung kết anh đụng Pete Sampras, đương kim vô địch. Ra sân với lòng tự tin là có thể tạo thêm thành tích lần thứ tư trên sân cỏ Wimbledon, vì anh đã hạ được Agassi cây vợt số 1 thế giới! Mặc dù cố gắng, nhưng tuổi đời chông chát (27 tuổi) lại nặng gánh thể nhi (vợ + 1 con) anh phải chịu hạ vợt trước Sampras đang còn trẻ trên đà đi lên với tỷ số 7:6, 2:6, 4:6 và 2:6!



Pete Sampras / Mỹ - 21 tuổi, cây vợt số 2 thế giới - đoạt cúp lần thứ 3.



7.7.1985, Boris Becker lần đầu tiên đoạt giải Wimbledon với chiếc cúp mạ 9.7.1995. Mười năm sau Boris Becker lãnh cái đĩa bạc, phần thưởng an ủi cho người hạng nhì.

● **Đôi Nam**

Cặp Mark Woodforde / Todd Woodbridge (Úc) - Rick Leach / Scott Melville (Mỹ) 7:5, 7:6 (10:8), 7:6 (7:5).

● **SỰ TRỞ LẠI CỦA CÔ MONICA SELES**

Một tin mừng cho người ham mộ quả banh nỉ là sau gần 28 tháng, (30.4.93 ngày cô bị tên cuồng tín đâm bằng dao ở sau lưng tại sân quần vợt Hamburg) cô đã chánh thức ghi danh tham dự giải Grand Slam U.S Open từ 28.8 đến 10.9.1995.

Cô ghi danh với thứ hạng nào? Với thứ hạng số 1 thế giới khi cô bị thương, hay không hạng nào vì đã lâu rồi cô không cầm vợt ra sân đấu trận nào cả. Tại sao phải bàn cãi về thứ hạng khi ghi danh? Vì tiền thưởng ghi danh cao hay thấp tùy theo thứ hạng của mình trên thế giới. Do đó Tổng cuộc Quần vợt Nữ thế giới quyết định là ngày 29.7.95 cô đấu biểu diễn với cô Martina Navratilova tại sân Atlantic City (Mỹ),



sau đó cô sẽ đánh vài trận nữa thì cô sẽ được xếp cùng hạng số 1 thế giới với cô Graf Steffi.

Kết quả trận đấu biểu diễn, cô hạ cô Navratilova với tỷ số 6:3, 6:2! Chứng tỏ rằng tài nghệ của cô vẫn còn như xưa, với cú đánh bên trái vừa mạnh vừa chính xác, vẫn cầm vợt hai tay đánh bên phải cũng như bên trái, v^ũòn "rên" to khi mỗi lần đánh banh v.v... và v.v...

Nói tóm lại là phong độ của cô chỉ giảm sút đôi chút thôi và chắc chắn sự trở lại của cô, thứ nhất là làm cho môn quần vợt thêm phần hào hứng, khán giả đồng, các tay đầu nậu tổ chức hốt thêm bạc, thứ hai là sẽ làm cho các cây vợt nữ gặp nhiều khó khăn và nhất là cô Graf Steffi cây vợt số 1 thế giới hiện nay đang gặp khủng hoảng tinh thần vì ba cô trốn thuế và tin mốt nhất là ngày 2.8.95 ba cô bị Biện lý ra lệnh bắt giam, và cô đang đứng trên tột đỉnh bất đầu xuống dốc!



Cô Monica Seles người Nam Tư (Serbe) đã nhập quốc tịch Mỹ từ tháng 3.1994 và cô sẽ đánh cho Mỹ Quốc trong giải Federation Cup đụng với Tây Ban Nha vào tháng 11.1995.

Hãy chờ xem kết quả giải US Open

Hình mới nhất của M: Seles

MƯỜI TAY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI

(Giá trị đến ngày 3.8.1995)

Nữ

1. S. Graf (Đức)
2. A. Sanchez (Tây Ban Nha)
3. C. Martinez (Tây Ban Nha)
4. M. Pierce (Pháp)
5. J. Novotna (Tiệp)
6. K. Date (Nhật)
7. M. Maleeva (Bulgarie)
8. G. Sabatini (Á Căn Đình)
9. L. Davenport (Mỹ)
10. A. Huber (Đức)

Nam

1. A. Agassi (Mỹ)
2. P. Sampras (Mỹ)
3. B. Becker (Đức)
4. T. Muster (Áo)
5. M. Chang (Mỹ)
6. G. Ivanisevic (Kroatien)
7. Y. Kafelnikov (Nga)
8. W. Ferreira (Nam Phi)
9. M. Stich (Đức)
10. M. Rosset (Thụy Sĩ)

TỨC CẦU PHỤ NỮ

● **Tam Anh**

Ở những xứ tự do như nước Đức này mà cũng có nhiều chuyện cấm đoán rất ngang xương. Chẳng hạn năm 1955

nước Đức từng cấm đàn bà đá bóng. Ô hay, tui muốn đá banh thì kệ tui, mặc mớ chi mà mấy cha lại cấm tui? Mấy cha nói ở đây là tổ chức DFB (Deutscher Fußball Bund) Hiệp Hội Túc Cầu Đức Quốc. Cái tổ chức này, qui tụ gồm các đáng mây râu, nhất định không cho phái đẹp tham gia môn bóng đá. Các cô các bà phản đối mãi, mấy cha mới chịu bãi bỏ cái quyết định vô lý này năm 1970. Hiện nay, theo DFB, nước Đức có 573.480 nữ cầu thủ túc cầu, hoạt động trong 4.040 Hội bóng đá. Đối với cái quần thì không có *Verbot* trong quá khứ nhưng các nữ đồng nghiệp của tôi kể cho tôi nghe rằng trong những thập niên 50, 60, đàn bà con gái mà mặc quần là dị hợm lắm, là *sốc độc* hết sức, như người Huế nói; cho nên các cô không dám, mà chỉ mặc váy. Nghĩ lại ngày nào ông vua Minh Mạng nước mình thì lại cấm đàn bà mặc váy, bắt phải mặc quần!

Dù sao thì nước Đức, cũng như một số nước khác, có một đội tuyển túc cầu quốc gia phụ nữ. Từ ngày 05 đến ngày 18.6 vừa qua, Đức đã tranh tài với các đội Thụy Điển, Ba Tây, Nhật Bản, Na Uy, Nigéria, Anh, Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Hoa Lục và Úc Châu để giành chức vô địch thế giới. Vì phụ nữ không phải là... nam giới, nên bóng đá đàn bà có một số đặc điểm như sau:

1. Trọng tài chính hoặc trọng tài biên có thể là phụ nữ. Trong trận đấu Đức - Nhật chẳng hạn, cả ba trọng tài đều là nữ giới. Tôi chưa thấy có trận so gậy nào của phái khòe mà lại do phái yếu cầm còi. Chắc là sợ các bà các cô chạy theo quả banh không kịp.

2. Khi xây tường để đối phó với trái phạt, các người đẹp đứng rất tự do thoải mái, đặc biệt hai chi trên bụng thông dọc thân mình rất vắn nhả chứ không có cảnh khư khư bùm hai tay lại ôm hay che ngang củ lẳng như lũ đàn ông xấu xí thô bỉ.

3. Khi bị phạt nặng, có cầu thủ... khóc như cô Kiều bán mình. Thí dụ trong trận thư thư (chứ không phải thư hùng) Đức - Ba Tây ở hiệp nhì, Đức đang dẫn trước 3-1, Suzy, cầu thủ Ba Tây chơi xấu lần thứ hai nên bị thẻ vàng-đỏ, bèn òa lên khóc tức tưởi.

4. Trong mỗi hiệp, huấn luyện viên có quyền yêu cầu cho các cầu thủ nghỉ giải lao hai phút. Tuy nhiên túc cầu này chỉ có giá trị cho đến phút thứ 40 ở hiệp nhứt và phút thứ 85 ở hiệp nhì.

5. Cầu thủ giữ vai *libero* lẽ ra phải gọi là *libera* vì một nữ cầu thủ đương nhiên không thể thuộc giống đực.

6. Kể từ các trận tứ kết trở đi, thể thức thi đấu k.o được áp dụng nghĩa là khi chấm dứt trận đấu mà vẫn chưa phân thắng bại thì đá thêm giờ cho đến lúc một trong hai đội đá lọt lưới phe kia và phe bị thủng lưới coi như lãnh án tử. Cho nên thuật ngữ chuyên môn bóng đá gọi quả gôn đó là *sudden death*. Nhưng với phái đẹp thì chẳng thể nói năng thiếu phong tao nên thay cho khái niệm *sudden death* là khái niệm *golden goal*. Nghệ thuật túc cầu đâu phải không biết sử dụng thủ pháp tu từ học uyển ngữ!

7. Lúc trận đấu kết thúc, không có màn trao đổi áo giữa cầu thủ hai đội. Lý do thì đã quá hiển nhiên. Nhưng cũng vì vậy mà Silvia Neid, thủ quân đội bóng nhà nước đàn bà Đức (để gọi một cách nôm na) đã phát biểu một cách chua chát rằng: "Giá chúng tôi có thủ tục trao đổi áo thì chắc khán giả nam giới sẽ đến sân vận động đông hơn!".

8. Cầu thủ túc cầu nữ của Đức không có qui chế nhà nghề mà chỉ hoạt động theo kiểu nghiệp dư. Nói cụ thể hơn, họ không có lương tháng, trong khi cầu thủ nhà nghề phái nam nhiều người lãnh lương hàng triệu Đức Mã mỗi năm. Các giới chức hữu trách về thể thao lập luận rằng cầu thủ phụ nữ là cầu thủ tài tử, cho nên thắng trận chỉ được quà tặng. Các nữ đồng nghiệp Hoa Kỳ của họ may mắn hơn: cầu thủ Mỹ lãnh lương căn bản hàng tháng 2.000 Mỹ kim.

9. Cho đến nay, không có tổ chức tài phiệt nào chịu nhận đỡ đầu cho đội túc cầu quốc gia nữ giới Đức; mà những hãng Mercedes-Benz, Adidas, Bayer Leverkusen v.v... chỉ tranh nhau yểm trợ các đội bóng đá nam cũng như hội tuyển quốc gia nam giới của Cộng Hòa Liên Bang Đức. Đội bóng nữ Mỹ được hãng sản xuất dụng cụ thể thao Nike bảo trợ.

* * *

Hội tuyển túc cầu quốc gia nữ của Đức từng đạt một số thành tích. Ba lần vô địch châu Âu: 1989, 1991 và 1995. Năm 1989, vô địch Âu Châu lần thứ nhất, các cô được tặng một người một bộ chén bát. Năm 1991, được tặng mỗi người một bưu sưu tập đồng tiền. Năm nay, đoạt chức vô địch châu Âu, các cô được thù lao bằng hiện kim: mỗi người trong số mười sáu thể thao gia lãnh 6.000 Đức Mã.

Lần đầu tiên thế giới tổ chức tranh chức vô địch toàn cầu (tranh ở Hoa Lục năm 1991) thì Đức vào vòng bán kết, khiêm nhường xếp hạng tư. Lần này tranh giải túc cầu vô địch thế giới, huấn luyện viên (nam) Gero Bisanz - có nữ huấn luyện viên Tina Theune-Meyer phụ tá - tự đặt mục đích tối thiểu là phải tranh được chiếc vé tham gia Thế vận hội Atlanta 1996 (tại Thế vận hội 1996 ở Atlanta lần đầu tiên bóng đá đàn bà được ghi vào chương trình tranh đấu). Muốn vậy, phải lọt vào vòng tứ kết. Trong số mười hai đội cùng tranh tài bên cạnh đội Đức đáng kể có đội Hoa Kỳ, đương kim vô địch toàn cầu (thắng Thụy Điển 2-1 ở trận chung kết 1991) và đội Na Uy, hai lần vô địch châu Âu 1987 và 1993. Nhưng đội chủ nhà Thụy Điển cũng có nhiều hy vọng.

Đội Đức có thủ quân là Silvia Neid, 31 tuổi, từng tham gia 95 trận và đá lọt lưới phe địch 45 lần. Dẫu vậy, cô cũng chỉ có thể xem bóng đá như là *hoppy*. Chẳng có hãng sản xuất nào chịu chi tiền để mượn cô quảng cáo; trong khi đó thì Steffi Graf xuất hiện đều đều trên khung ảnh vô tuyến truyền hình để giới thiệu sản phẩm này, món hàng nọ. Báo chí cũng chỉ họa hoàn mới nhắc đến mỹ danh. Chỉ có tờ *Playboy* tỏ ra lưu ý đến cơ thể nữ lực sĩ hấp dẫn của cô; nếu chịu "*trông coi*", cô có thể được thù lao một khoản tiền mặt năm con số. Nhưng Silvia từ chối. Nghề nghiệp chính của cô là nữ nhân viên bán hàng.

Ở vòng loại, đội Đức gặp Nhật Bản, Ba Tây, Thụy Điển và đều thắng cả 3 trận. Trận thắng oanh liệt nhất là trận Đức - Ba Tây với tỷ số 6-1. Trận thắng thoải mái hơn cả là trận đấu với đội Anh, tỷ số 3-0. Trong trận này, nữ cầu thủ Birgit Prinz, nữ sinh Trung học mười bảy tuổi, đá lọt một bàn. Vào được bán kết, đội bóng phái đẹp Đức đã qua mặt đội bóng phái khòe vì hội tuyển quốc gia Đức, ở giải túc cầu thế giới 1994 tại Hoa Kỳ, đã bị thua Bungari 1-2 ngay từ vòng tứ kết nên bị đá vắng khỏi giải. Đội nữ Đức gặp đội nữ Trung Cộng ở vòng bán kết. Trận này là trận đấu cấp quốc gia lần thứ 100 đối với thủ quân Đức Silvia Neid. Tính ra cô đã đá bóng suốt 18 năm và đều góp phần vào cả 3 lần Đức chiếm giải vô địch châu Âu. Để vào bán kết, đội bóng Hoa Lục đã phải đá thêm giờ rồi đá phạt đền mới hạ được đội chủ nhà Thụy Điển 4-3. Silvia Neid tin rằng nếu lại phải đá thêm giờ và đá "*penalty*" thì chắc chắn thể lực đội banh Trung Cộng sẽ trở thành nhược điểm lớn vì Đức vốn nổi tiếng dai sức. Và lại đội Đức hy vọng là tiền đạo Prinz - mười bảy bề gầy sừng trâu - sẽ chớp nhoáng đá được một "*gôn*" bằng vàng. Tuy nhiên tình huống này đã không xảy ra vì Đức đá thủng lưới đội bóng cộng sản ở hiệp hai.

Vậy là Đức vào chung kết, gặp Na Uy. Đại diện chính quyền Đức chứng kiến trận so tài trên khán đài danh dự là nữ Bộ trưởng Gia đình Nolte, mới 28 tuổi, có chồng và hai con nhỏ, Bộ trưởng trẻ tuổi nhất trong nội các. Mưa như trút nước biến sân cầu thành bể bơi. Đội bóng phương bắc thắng 2-0. Như thế Đức chỉ chiếm giải nhì thế giới 1995. Dẫu vậy vẫn tổ chức liên hoan suốt đêm vì đây là thành quả cao nhất suốt 25 năm lịch sử của đội bóng nữ Đức. Nhìn lại, thấy cũng nên ăn mừng: năm 1991 vào bán kết giải túc cầu thế giới, năm 1995 vào chung kết, vậy bốn năm nữa, năm 1999, vô địch thế giới là vừa. Huấn luyện viên quốc gia Gero Bisanz kết luận: "mọi người đều thấy rằng bóng đá cũng là thể thao của phái đẹp và tôi ước mong là các bậc phụ mẫu sẽ không còn ghét bỏ con gái khi các cô tham gia chơi túc cầu". Tuy nhiên dư luận vẫn còn phân tán vì có người cho là có biết bao hình thức thể thao thể dục thích hợp hơn với nữ giới, thì sao các cô cứ đá banh cho kỳ được, mặc dù bóng đá rất nặng nhọc đối với các cô, vừa dễ gây thành... sẹo.

Có người lại có ý nghĩ khác: đó là ông bầu đội bóng đá nam FSV Frankfurt. Đội này trong mùa bóng đá vừa qua thất bại ê chề nên bị xuống cấp, tụt khỏi hàng ngũ các đội bóng đá

hạng hai. Trong khi đó đội FSV Frankfurt nữ lại chiếm được cúp của Hiệp hội Túc cầu Đức quốc đồng thời giặt luôn giải vô địch quốc gia Đức. Trong câu lạc bộ thể thao Frankfurt, các cô đã trở thành đội thuộc phái mạnh! Một trong những cầu thủ của đội nữ FSV Frankfurt chính là cô nữ sinh bẻ bẩy sừng trâu Birgit Prinz, đá lọt bàn thắng thứ nhất cho đội mình ở phút thứ ba trong trận tranh cúp Hiệp hội Túc cầu Đức quốc. Nhân bình luận về thành tích này, ông bầu đội bóng đá nam FSV Frankfurt phát biểu linh tinh là nếu nhỏ Prinz nó đột biến thành con trai thì qua sẽ tuyển nó ngay vào đội của qua. Không ngờ vì câu đó mà ông bị các bà các cô chửi quá trời vì họ cho là kỳ thị đàn bà, phân biệt nam nữ!

Mùa tranh tài vô địch thế giới đã qua. Phái đẹp lại trở về với chồng, với con và với quả bóng. Các cô đang hướng về tương lai: Thế vận hội 1996 vì vào dịp này lần đầu tiên sẽ có phát huy chương cho các đội thắng giải. Biết đâu phe ta chẳng giặt huy chương vàng?

(Đức quốc, 17 tháng 6 năm 1995)

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

• "Lễ Cộng Đồng Các Dân Tộc" tại thành phố Verona-Italy

Để thể hiện tình đoàn kết thân thiết, thương yêu và trợ giúp lẫn nhau cũng như để quảng bá chính nghĩa quốc gia và lòng yêu chuộng Tự Do Dân Chủ của Dân Tộc Việt Nam, các cộng đồng Sắc Tộc và hội truyền giáo thành phố Verona đã tổ chức ngày "Lễ Cộng Đồng Dân Tộc (Festa dei Popoli)



vào lúc 15 giờ 30' ngày 04 tháng 6 năm 1995 tại Villa Burri-Verona.

Linh Mục Don Danzi-Don Verze, thay mặt ban tổ chức ngỏ lời chào mừng đại diện các hội đoàn và hơn 2.000 quan khách Việt-Ý, đặc biệt có sự hiện diện của các cơ quan truyền thông và truyền hình thành phố: Tele Nuovo + Tele Pace.

Phái đoàn đại diện Cộng Đồng Việt Nam gồm có quý vị: ông Trần Thanh Các (Bí thư Xứ bộ Ý, Lực lượng Việt Nam Tự Do), ông Quách Văn Hà (Chủ tịch khu bộ Ý, Tổ chức Liên Minh Dân Chủ Việt Nam), bà Lâm Thoại Liên, cô Trần Thụy Tường Vy, ô: Nguyễn Hoàng Sơn, Trần Thanh Bình, Vũ Bích Phượng.

Thật vô cùng vui mừng và hân diện khi nhìn thấy lá đại kỳ Việt Nam nền vàng ba sọc đỏ, phát phối tung bay trên khán đài danh dự, cùng 13 lá quốc kỳ của cộng đồng bạn: Ruanda, Zaire, India, Bangladesh, Marocco, Tunisia, Costa d'Avorio, Brasile, Jugoslavia, Romania, Bosnia, Olanda, Togo.

Trong phần phỏng vấn của nhật báo "L'Arena" và của đài truyền hình "Tele Pace", ông Trần Thanh Các đã nêu lên sự

sống vô cùng cơ cực của dân tộc Việt Nam dưới sự thống trị của chế độ cộng sản bị tước đoạt quyền sống và quyền làm người; đàn áp, khủng bố các tôn giáo, bắt giữ các Tăng Ni, Phật tử, giam giữ các vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo như: Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Đại Đức Trí Siêu, Tuệ Sỹ... Sau cùng ông Trần Thanh Các yêu cầu giới truyền thông, báo chí, hãy vì Tự Do Dân Chủ, vì công bằng của công lý, hỗ trợ cho công cuộc tranh đấu lấy lại quyền sống và quyền làm người.

Tiếp đến, là phần ca vũ nhạc và giây phút đồng cầu nguyện cho nhân loại luôn được vui hưởng sự thanh bình trong thân ái...

Buổi lễ kết thúc vào lúc 20 giờ 00 cùng ngày, với bong bóng tung bay đầy vòm trời thành phố, cùng sự chúc tụng của Đức Hồng Y Nicora, Tổng giám mục địa phận thành phố Verona.

• Đại Hội Kỳ 3

Liên Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Âu Châu họp Đại Hội từ 20.7 đến 22.7.1995 tại Embourg - Vương quốc Bỉ, để nhận định về tình hình đất nước, thảo luận về nhiệm vụ của người Cựu Cựu SVSQ/TVBQGVN trong cuộc đấu tranh quang phục quê hương, đồng thời bầu lại Ban Chấp Hành Liên Hội nhiệm kỳ 1995-1997.

Thành phần Tân Ban Chấp Hành Liên Hội như sau:

- Ông Phạm Ngọc Ninh, K.9 - Hòa Lan - Ông Hồng Ngọc Hòa, K.16 - Hòa Lan - Ông Nguyễn Vinh Giám, K.19 - Bỉ - Ông Đỗ Hữu Ái, K.19 - Đức - Ông Nguyễn Ngọc Nam, K.20 - Đức - Ông Trần Ngọc Tiểu, K.29 - Đức - Ông Hoàng Tôn Long, K.31 - Đức

Địa chỉ liên lạc: Ông Phạm Ngọc Ninh Irene Straat 26 5431 - TH. CUYK - HOLLAND Tel. (003) 8850 - 20235

Sau đây là bản Tuyên Ngôn của Liên Hội

Nhận định:

- Lịch sử nhân loại đã biến chuyển đến một khúc quanh quan trọng với sự thất bại của chủ thuyết Cộng sản trên toàn cầu.

- Mặc dù Cộng sản Việt Nam đã có thay đổi về chính sách kinh tế để cứu vãn chế độ, nhưng chúng vẫn ngoan cố duy trì một guồng máy cai trị độc tài, đưa dân tộc Việt Nam đến tình trạng thoái hóa cùng cực.

- Vì quyền lợi riêng tư, và sau bao nhiêu nỗ lực ve vãn của Tập đoàn Hà Nội, Chính phủ Hoa Kỳ đã chấp nhận bang giao với Cộng sản Việt Nam ngày 11.7 vừa qua.

- Tinh thần đoàn kết của người Việt Quốc Gia là một nhu cầu thiết yếu trong giai đoạn đấu tranh hiện tại.

- Tập thể Cựu Sinh Viên Việt Nam/Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam vẫn luôn ý thức trách nhiệm đối với Quốc Gia, Dân Tộc trong sứ mạng chung giải trừ Cộng sản, quang phục quê hương hầu mang lại Tự Do, Dân Chủ thực sự cho toàn dân.

Nay Quyết Định:

Thứ nhất: Lấy lập trường Quốc Gia Dân Tộc làm căn bản cho mọi hoạt động của người Cựu Sinh Viên Sĩ Quan/Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Thứ hai: Tích cực dấn thân vào công cuộc cứu quốc và kiến quốc.

Thứ ba: Sát cánh với các Tổ chức Quốc gia chân chính trên tinh thần dân chủ trong mục tiêu quang phục quê hương.

Thứ tư: Kiên toàn tổ chức với truyền thống Tự Thắng và trong tinh thần tương trợ để thực hiện hữu hiệu mục tiêu đấu tranh.

Thứ năm: Quyết tâm phá vỡ mọi âm mưu ngoại vận của Cộng sản Việt Nam nhằm chia rẽ và cô lập Cộng Đồng người Việt Tự Do hải ngoại.

• Thành phần Ban Chấp Hành Lâm Thời Trung Tâm Văn Bút Đông Bắc Âu Châu, như sau:

- *Chủ Tịch:* Văn Hữu Đặng Văn Nhâm (Đan Mạch) - *Phó Chủ Tịch:* Văn Hữu Phạm Ngọc Ninh (Hòa Lan) - *Phó Chủ Tịch:* Văn Hữu Mai Vi Phúc (Đức) - *Phó Chủ Tịch:* Văn Hữu Phạm Đức Thành (Đức) - *Tổng Thư Ký:* Văn Hữu Nguyễn Phú Thứ.(Pháp) - *Thư Quý:* Văn Hữu Liêu Nguyệt Lan (Đức) - *Cố Vấn:* Văn Hữu Hứa Vạng Thọ (Pháp)

• Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký CHLB Đức.

Đại Hội Ái Hữu Petrus Ký được tổ chức từ 09 đến 11.6.95 tại Huebingen, đã chính thức quyết định thành lập Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Cộng Hòa Liên Bang Đức, với thành phần Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 95-97, như sau:

- *Hội Trưởng:* Ký sư Huỳnh Văn Ngày - *Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ:* Tiến sĩ Trần Thủ Danh - *Phó Hội Trưởng Nội Vụ:* Ký sư Phạm Văn Hòa - *Tổng Thư Ký:* Ký sư Nguyễn Ngọc Tuấn - *Thư Quý:* Ký sư Phạm Quốc Phong
Địa chỉ liên lạc: Dornbuschweg 27 97249 Eisingen - GERMANY
Hội rất mong được liên lạc chặt chẽ với các cơ quan truyền thông, các hội đoàn người Việt và nhất là các Hội Ái Hữu ban.

• Tuổi trẻ và Dấn thân
Trại hè chuyên viên trẻ Việt Nam hải ngoại

80 anh chị em chuyên viên trẻ và các đàn anh hướng dẫn đến từ các quốc gia (Ý, Anh, Đức, Hòa Lan, Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ, Na Uy, Thụy Sĩ, Đan Mạch) mở xê thảo luận để đặt vấn đề cho mình trong suốt một tuần Trại Hè tại thành phố Aarhus - Đan Mạch, từ 16 đến 23 tháng 7.1995. Trại được xen kẽ với những cuộc du ngoạn, dạo biển với những đêm văn nghệ chan hòa nụ cười.

Trong số trên 10 hỗ trợ viên, đặc biệt có: Giáo sư Nguyễn Hữu Doãn (Luân Đôn, Anh), nhân sĩ Phật giáo, cựu Luật gia và trưởng hướng đạo Việt Nam; Giáo sư Nguyễn Lý Tường (Cali, Hoa Kỳ), cựu dân biểu; Giáo sư Đỗ Mạnh Tri (Paris, Pháp) chủ trương tờ "Tin Nhà" và nhà xuất bản "Tin" (Pháp); Giáo sư Nguyễn Văn Pháp (Na Uy) và ông Phan Hữu Gia (Na Uy); Tiến sĩ Nguyễn Học Tập (Ý); Ông Nguyễn Văn Tấn (Bruxelles, Bỉ), cán bộ lãnh đạo tổ chức "Công đoàn thế giới"; Các nhà báo Vũ Bằng (Boston, Hoa Kỳ), Nguyễn Bá Tùng (Cali, Hoa Kỳ)...

Kết quả của trại hè và cũng là để thể hiện tinh thần dấn thân, các bạn trẻ đã đề ra những công tác như sau:

- Cùng công tác với Phong trào Giáo dân Việt Nam hải ngoại trong việc dịch thuật và phổ biến - đặc biệt trong các môi trường đại học - tài liệu sử về Việt Nam.

- Đề nghị PTGDVNHN trong tương lai thay vì trại hè thì nên tổ chức một "Đại học hè" kéo dài khoảng 2 tuần lễ, trong đó tham dự viên sẽ được học về các khóa học như: lịch sử, văn học, âm nhạc, võ đạo, gia chánh... Việt Nam và các kỹ năng như: nói trước đám đông, điều khiển sinh hoạt, hội thảo v.v...

- Để có thể tiếp tục mối liên lạc, các bạn trẻ cũng đã quyết định ra một "Bản Tin" qua hệ thống internet (2 số một năm). Một Ban Liên Lạc gồm đại diện các quốc gia đã được thành lập. Trước mắt sẽ đóng góp bài vở cho cuốn Kỷ Yếu Trại Hè thêm phần phong phú.

Phần tâm linh trong suốt trại hè được Đức Ông Phil. Trần Văn Hoài (Roma), Linh mục Vũ Thành (Roma), Linh mục quản nhiệm tại Đan Mạch Chu Huy Châu và một Linh mục từ Paris, Pháp hướng dẫn.

Trại hè do Phong trào Giáo dân Việt Nam Hải ngoại tổ chức. Phong trào cơ sở Đan Mạch phụ trách lo ăn ở, di chuyển và sinh hoạt trong thời gian họp trại.

Trại kết thúc tốt đẹp trong bầu không khí sôi nổi, trẻ trung, thông cảm lẫn nhau và quyết tâm thực hiện những điều đã cùng nhau bàn thảo và quyết định. (Mouvement Laics VN) •

TRẠI HÈ HỌP BẠN

• Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Những ngày đông, xuân có nhiều tuyết rơi, mưa bão tại xứ Đức này đã đi qua, nay hè lại về. Ngang qua các sân trường thấy yên lặng vì vắng bóng những người tuổi trẻ tới lui...

Hàng cây dó cành đã phủ lá xanh và những loài hoa hoang dại mọc theo vệ đường đang thi nhau đua nở, đơm bông xanh, đỏ, tím, vàng... Những con chim suốt thời gian dài nằm yên trong tổ, nay đang vỗ cánh chuyền cành, đùa hót reo vui dưới ánh mặt trời.

Người cũng rộn ràng, hớn hờ, bỏ được lớp áo dày cũi da đoan, khoác lên thân bộ đồ vải mỏng, gọn gàng. Xa lộ bốn ba vì nhiều xe cộ...

Tôi được thư mời của các Huynh Trưởng thuộc Ban Quản Trại (BQT) đến tham dự trại hè họp bạn Liên Hoa III, tổ chức từ ngày 14 đến 17.7.1995 tại Bremen.

Đường không xa, từ nhà tôi đến đó (160 km) nhưng tôi không thể đến sớm được, vì thứ sáu còn phải đi làm.

Đang le le khai mạc trại đã diễn ra vào ngày tôi vắng mặt (14.7), nhưng vì có nhiều HT và Trại sinh chỗ ở quá xa, phải đợi cho họ về đông đủ, chuẩn bị chỉnh tề rồi mới khai mạc trại - HT Thị Hiện thư ký trại nói với tôi như thế.

Được rồi, thế nào tôi cũng có mặt.

Sáng nay (15.7) mới 6 giờ nắng vàng đã chói chan trên tầm mắt, hành trang tôi mang theo trên xe chỉ có một bờ dưa hấu. Đó là quà tôi biếu trại sinh, vì tôi nghĩ rằng trời nắng này dưa hấu chắc ai cũng khoái khẩu.

Tôi chạy xe từ nhà ra đến xa lộ số 1 hướng Bremen, đường làng cũng khá quanh co và trên xa lộ tôi bị kẹt xe vì người đi nghỉ hè nhiều quá. Khi đến đất trại có hơi trễ giờ.

- À! Đây rồi!... Tôi bảo với Hồng Nhiên giữ trang Hoa Phượng đi cùng tôi như thế, và kiểm bãi đậu xe đặng bước xuống, đi vào.

Đây, công trại!... Chứ đã rõ ràng không sai mấy may nào hết, có cây dựng đứng, vắt ngang, có buộc gút thắt dây đàng hoàng và cờ Phật Giáo, cờ Việt Nam (màu vàng ba sọc đỏ) ở hai bên đang bay phất phới.

Trại hè họp bạn Liên Hoa III Từ 14.7 - 17.7.1995

Đó là bảng hiệu.

Vào tí nữa thấy một chiếc lều màu trắng khá to dựng lên chính ỉnh nằm ngay sân cỏ. Té ra đây là lều của Ban Yểm trợ âm thực "Có thực mới vực được đạo" thuộc Chi Hội Phật Tử Bremen. Thấy mấy anh, mấy chị ấy hơi quen, nhưng không biết đã gặp ở đâu, có lẽ tại Chùa Viên Giác. Sau hỏi ra mới biết đây có chị Hai, Chi Hội Trưởng, anh và chị Bảy Tình, anh chị Các và chị... vợ anh Hoàng đang lui cui gọt xác, nấu gì bên trong và có mặt luôn cả chị Mai vợ anh Thị Lộc.

Nhìn vào bãi cỏ nơi dành cho đất trại, lều của trại sinh cũng đã được dựng theo hàng lối đàng hoàng và khá đông mà trại sinh thì đi đâu vắng bóng.

Chào hỏi các anh, các chị trong lều âm thực vài ba câu, thì anh Thị Lộc từ trong phòng hội (Halle) nơi dành làm chánh điện đi ra:

- À!... Anh Thiện Căn, vào đi!... Các em đang còn làm lễ trong đó.

Tôi cởi giày bỏ lại phía ngoài để đi vào trong. Thấy trại sinh đang ngồi lắng tai nghe các Huynh Trưởng BQT dặn dò về nội qui và kỷ luật trại. HT Thị Hiện Trưởng trại giới thiệu tôi cho trại sinh và bảo tôi nói với trại sinh vài lời.

Các HT và trại sinh đã vỗ tay reo mừng cho sự có mặt của tôi - và lúc đó thì người giữ trang Hoa Phượng đã nhào vào phụ bếp với các anh, các chị trong bam âm thực.

Đây thân ái trong màu áo lam thật là đậm đà và thắm thiết. Trại sinh đã thành lập được 6 đội, mang ý nghĩa 6 hòa Kính trong "Lục hòa": Thân, khẩu, ý, giới, lợi, kiến - Do Đức Phật đã đặt ra để làm nguyên tắc căn bản cho các bậc xuất gia

chung sống với nhau; và chính các ngôi chùa, các Tông Lâm hàng trăm, hàng ngàn Tăng chúng đã sống đúng theo 6 môn hòa kính này, đem lại sự hòa đồng trong chúng, để cùng nhau sống theo lời Phật dạy, tinh tấn trên con đường giải thoát và giác ngộ của chư Phật. Cho nên Ban HT Quản trị theo đó mà đặt tên cho những đội, chúng tham dự trại này.

Tôi được sinh hoạt chung với các HT/BQT cùng trại sinh như khi tôi còn đang sinh hoạt và tham gia vào Ban Giám Khảo trò chơi lớn buổi chiều.

Trò chơi lớn này do các HT trong BHD và BQT soạn thảo, rất hấp dẫn và mang ý nghĩa cao thâm. Ý nói về thời Tây Tạng bị Trung Quốc xâm lăng và đàn áp Phật Giáo. Trên đường trốn đi ty nạn, người dân họ phải trải qua nhiều trạm kiểm soát rất gian nan và làm sao dùng để cho quân Tàu bắt được - Sau đó họ phải đi tìm một vị Phật sống, mà vị Phật sống này là con của một trong những gia đình đông con, cho nên họ khó phân biệt và dễ lẫn lộn. Nếu tìm quả đúng vị Phật sống đó, thì vị Phật sống sẽ dẫn đường cho họ đi tìm tự do và tìm báu vật - Báu vật đó là một cái y vàng.

Bắt đầu, trại sinh phải nhận tín hiệu (Morse), mật mã để biết sự hướng dẫn trong đó, rồi theo đó mà đi - Trại sinh lần mò theo dấu đi đường đã được vẽ sẵn đi ngang qua phố rồi dọc theo một bờ hồ khá lớn tại Bremen. Đi theo từng đội và giữ đội của mình luôn luôn đầy đủ nhân số cũng như trật tự lúc đi đường - Trên đường đi dĩ nhiên họ sẽ gặp rất nhiều trạm canh xét hỏi, toàn đội phải kiếm cách trả lời hoặc làm cách nào đó mới có thể qua được, nhất là dùng để đội viên của mình bị bắt mà không hay.

Đến trạm thứ 4 là nơi có vị Phật sống cũng là nơi tôi và các HT khác có nhiệm vụ ở đây. Họ sẽ bị hỏi về giáo lý, về ý nghĩa hoa sen, về các điều luật của GDPT v.v... và có 6 em Oanh Vũ hóa trang thành vị Phật sống.

Mỗi đội đến, sau khi tập hợp báo cáo số lượng đội sinh của đội mình, các em sẽ được hỏi những điều trên, nếu trúng nhiều thì được điểm nhiều, nếu trúng ít thì bị trừ điểm và cuối cùng Trưởng trạm sẽ cho ra 2 vị Phật sống. Một vị giả và một vị thật.

Vị giả sẽ đi 8 bước rồi đứng lại, giơ tay trái lên trời và giơ tay phải xuống đất - Vị thật đi 7 bước rồi đứng lại, giơ tay phải lên trời và tay trái giơ xuống đất. Khi thấy rồi, toàn đội sẽ hỏi ý kiến với nhau và quyết định nhận vị nào đúng thì có quyền rước vị ấy đi.

Đa số các đội đều nhận diện đúng vị Phật sống thật, nhưng có đội ái ngại và từ chối không dám rước vị ấy đi.

Tôi hỏi các em tại sao?

Các em trả lời rằng:

- Chúng em biết vị này đi đúng, giơ tay đúng nhưng đầu ổng tóc giả nên chúng em không nhận.

Hay có đội bảo ông kia đầu đội nón, bước đi hơi dài nên không nhận luôn.

Tuổi trẻ thơ ngây và như vậy đó, cái gì phải đúng mới chịu làm - Thật dễ thương.

Nói chung lại, sự tham dự trò chơi lớn này các em đều giữ tròn đội ngũ, kỷ luật và rất vui tươi.

Trở về đất trại cũng đã 19 giờ rồi. Nơi này rất lý tưởng. Đó là một cái trung tâm thể thao của các hội thể thao tại Bremen, nên có đủ phòng tắm và Toilette, do HT Thị Thiện Phạm Công Hoàng mượn được. Các em tắm rửa, ăn uống rồi hàng đội tự trị với nhau để chuẩn bị trình diễn văn nghệ của đội mình trong đêm lửa trại.

Một đêm văn nghệ lửa trại thật là hào hứng, qua sự trình diễn của các em trong các đội cũng như các HT và HT/BQT. Sau đó các em được ăn khuya bằng chè đậu xanh rồi chỉ tịnh.

Đêm nay bất tỉnh linh có nhiều cơn mưa nặng hạt. Sáng hôm sau tôi hỏi các em. Các em tự hào, cười cười nói với tôi rằng:

- Tụi em ngủ ngon nên chẳng hay biết gì, chỉ thấy ướt ướt ở lưng thôi!..

Ngày hôm sau thức dậy, chương trình như các kỳ trại khác, các em được ăn sáng, xong đến phần lễ Phật và chào cờ đoàn. Hơn các chỗ khác, nơi này qui lễ Phật các em được qui trên nệm ny-lon màu hoàng, nên đỡ đau đầu gối, vì đó là cái Hội Trường (Halle) dành cho hội Thái Cực Đạo, hơn nửa sau

phần lễ Phật và chào cờ đoàn này có vấn đề quan trọng, đó là lễ ra mắt thành lập GDPT mới tại Bremen, được Sư Cô Như Viên đặt tên cho là "Chánh Giác" với một Ban Liên Đoàn gồm những HT có khả năng. (Xin xem, Thiện Căn viết trong bản tin Phật sự).

Trong ngày, trại sinh được thi thể thao, đá banh tranh giải, du ngoạn biển cũng như thành phố Bremen cho đến chiều về tắm rửa, ăn cơm. Hôm nay không có lửa trại, thay vào đó trà đàm để cho các em có thời gian gần gũi kết dây thân ái với nhau, trao đổi nhau kinh nghiệm về học hỏi mọi ngành.

Đặc biệt là Ban Yểm trợ âm thực của Chi Hội đã rất chu đáo lo sự ăn uống cho toàn trại sinh và đã cho các em được những bữa ăn rất ngon lành, no bụng.

Ngày mai (17.7) thức dậy bắt đầu thu dọn trại và đồ đạc cá nhân cho đến 9 giờ làm lễ bế mạc. Sau đó các em được thông thả chuyện vãn với nhau. Ăn trưa và 13 giờ là dây thân ái, chia tay để ai nấy mỗi phương trên đường về.

"... tay sắp xa nhưng tìm không xa
Vui tươi ta biết, trong lòng nhớ lòng

.....
Đường tuy xa nhưng tình bao la
... Dù xa cách ngàn dặm nhưng gần..."

Ghi chú:

HT/BQT và trại sinh: 120 trong đó có 4 em từ Ireland về dự. Trại sinh chia ra 6 đội, chúng: 1. Thân Hòa 2. Khẩu Hòa 3. Ý Hòa 4. Giới Hòa 5. Lợi Hòa 6. Kiến Hòa.

NHÂN TIN

• Tìm bạn: PHẠM THỊ HUỆ, trước ở Tiệp Khắc (Zlín), sang Đức năm 1990. Nay ở đâu, xin liên lạc về bạn là:
Vũ Đức Sơn hoặc Nguyễn Thị Nhiều
Sonnen Str. 13 - 89233 NEU-ULM - PFUHL

• Tìm người quen Anh ĐÀO VĂN BÌNH, nguyên là công nhân HTLD tại Sliven-Bulgaria, sang Đức năm 1990 hoặc 1991. Nay ở đâu, xin liên lạc với VANHỒ - KACHULKA.
Theo Tel. 07153 - 76498.

• Tìm bạn DIỆP XẾP, trước ở Thị xã Sóc Trăng. Xin liên lạc với Châu Thị Saphuין (trước cùng ở Sóc Trăng) 17 Newhall St - Lowell MA 01852/4121 - USA - Tel: (452) 4780.

• Tìm bạn TRƯƠNG QUỐC ĐẠT, con của ông Phòng (Nhà hàng Đình Nhập Di Linh). Xin liên lạc với Trần Minh Trí, hiện ngụ tại: 819 Somerset St.10 - Ottawa, Ont. K1R6R4 - Canada. Tel: (613) 8205755.

• Tìm bạn thân NGUYỄN VĂN SEN. Có hai anh tên là Nguyễn Văn Song & Nguyễn Văn Sơn. Xin liên lạc với MƯỜI ở Mỹ Tel: (508) 446 0444

• Tìm thân nhân: Chị Trần Thị Thành Hương đi du học ở Đông Đức ngành điện ảnh vào khoảng năm 1982. Nay chị đang ở đâu, xin liên lạc về địa chỉ.
Thích Đạo Quảng (Hồ Quyền), 10002 Synott Rd., Sugarland Tex. 77428 USA (GD cô Hà đã định cư tại Mỹ từ 1994)

CẦN SANG GẤP

Cửa tiệm bán thực phẩm Á Châu gần trung tâm thành phố Neuss.

• Địa điểm thuận tiện • Có chỗ đậu xe.

Mọi chi tiết liên lạc về: LINH

Roemerstr.48 - 41462 Neuss. Tel. 02131 - 53 09 54

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC VỀ VIỆC TỶ NẠN

Lời nói đầu: Như thường lệ đây chỉ là những giải đáp thắc mắc, mà không là những chỉ dẫn luật pháp.

Hỏi: Theo hiệp ước Việt Nam - Đức vừa ký xong về việc VN nhận người về nước thì người tỵ nạn chính trị (Asylberechtigter), tỵ nạn quy số (Kontingentfluechtling), có quyền cư trú (Aufenthaltsberechtigung), được phép cư trú (Aufenthaltsurlaubnis), được điều 51.1 Luật Ngoại Kiều (có Reiseausweis và Aufenthaltsbefugnis)... có bị trục xuất về VN không?

Đáp: Vì thỏa ước không áp dụng cho người được cư trú hợp pháp tại Đức nên những người diện này không chịu sự chi phối của thỏa ước nghĩa là họ không phải hồi hương nếu không làm điều gì phạm pháp để mất diện cư trú của mình.

Hỏi: Có khi nào bị lấy lại hộ chiếu được cấp qua điều 51.1 hay không?

Đáp: Phạm tội hình sự, đặc biệt trong tình trạng nghiêm trọng, không còn hội đủ tiêu chuẩn... thì có thể bị rút lại hộ chiếu cũng như quyền cư trú này.

Hỏi: Có tin cho biết tại Freising có người VN trước đây được cấp hộ chiếu Đức và Aufenthaltsbefugnis theo điều 51.1 qua lý do là người vượt biên, ở lại nước ngoài trái phép, và khi về nước sẽ bị phạt theo điều 89 bộ luật hình sự VN, đã bị rút lại. Có đúng không?

Đáp: Đây là một việc nhiều khê. Tôi không được phép trả lời câu hỏi này. Xin thông cảm. Xin liên lạc ngay với luật sư chuyên ngành.

Hỏi: Người VN có quốc tịch Đức có bị đưa về VN theo hiệp ước này không?

Đáp: Hiệp ước chỉ đề cập đến việc VN đồng ý nhận lại những người có quốc tịch VN và không có tước hiệu cư trú hợp lệ tại Đức mà không đề cập đến người có quốc tịch Đức hay song tịch.

Hỏi: Có Duldung trên một năm thì được Sở Ngoại Kiều báo cho biết 3 tháng trước ngày bị trục xuất có đúng không?

Đáp: Thường thì như vậy. Tuy nhiên có nơi cơ quan Đức đã thông báo cho người trong Bang Bayern biết sẽ bị trục xuất vào tháng 3.1996 dù người này chưa nhận Duldung quá một năm.

Hỏi: Người có Aufenthaltsbefugnis hay Aufenthaltserlaubnis trên hộ chiếu VN thuộc diện người hợp tác lao động (Gastarbeiter) Đông Đức cũ thì sao?

Đáp: Tùy trường hợp.

1. Nếu không tiếp tục hội đủ tiêu chuẩn thì sẽ bị mất quyền cư trú và như thế sẽ thuộc diện được đề cập đến trong thỏa ước, nghĩa là phải rời Đức về VN. Thứ Trưởng đặc trách nội vụ của Berlin trong thông báo đầu tháng 6.1995 cho biết là sẽ ưu tiên trục xuất những người phạm pháp (phán quyết của tòa phạt nhiều ngày vì sử dụng bằng lái xe giả, giấy tờ giả... đã có hiệu lực pháp luật, đặc biệt là trọng tội hình sự (schwer kriminell)).

2. Nếu cá nhân vẫn hội đủ tất cả những tiêu chuẩn (có việc làm, đủ mức tự sinh sống, không nhận trợ cấp xã hội, muốn nhà riêng, không cố tình vi phạm luật Đức...) thì Aufenthaltsbefugnis vẫn được gia hạn và do đó được tiếp tục cư trú hợp pháp tại Đức. Các thân nhân của họ như vợ chồng và con do đó cũng được cư trú "ăn theo". Cũng theo lời ông Bose, chính nhà nước Đức cũng muốn những người Việt sống lương thiện hợp pháp, kể cả những công nhân lao động hợp tác trước kia tại DDR, được tiếp tục cư trú và sinh sống tại Đức.

Nhiều nơi trên nước Đức kiểm soát thật kỹ tiêu chuẩn cư trú và không gia hạn tiếp khi đương sự có tiền án tại Đức...

Hỏi: Sau khi hiệp định ký xong thì có được nhập trại tỵ nạn không?

Đáp: Vẫn được. Nếu hội đủ tiêu chuẩn vẫn được tỵ nạn chính trị hay được cư trú theo các điều khoản khác của luật pháp hiện hành tại Đức. Nhưng nếu bị từ chối và sau khi thủ tục chấm dứt thì có thể sẽ bị đưa về nước nhanh chóng hơn.

Hỏi: Sau khi hiệp ước ký xong có thể vẫn xin được Duldung hay không?

Đáp: Trên nguyên tắc vẫn được, nếu hội đủ tiêu chuẩn. Nhưng nếu chỉ nêu được lý do duy nhất là không thể và không muốn về VN thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tại một vài nơi như vùng huyện Birkenfeld (Bang Rheinland-Pfalz) thì Sở Ngoại Kiều bắt đầu thu lại giấy tờ của người VN mà thủ tục tỵ nạn đã chấm dứt.

Hỏi: Khi "Ausweis" của người nộp Folgeantrag bị ghi là "mất hiệu lực khi thủ tục Folgeantrag chấm dứt" thì có nghĩa gì?

Đáp: Người này rất dễ bị trục xuất khi thủ tục nộp đơn kế tiếp này chấm dứt.

Hỏi: Khi Duldung ghi là "erlischt beim Erhalt von Reisedokumenten" thì có nguy hiểm ngay không?

Đáp: Thường thì không.

Hỏi: Bao giờ hiệp ước sẽ áp dụng?

Đáp: Hiệp định có giá trị áp dụng bắt đầu từ 21.9.1995.

Hỏi: Điện nào sẽ phải về VN đầu tiên?

Đáp: Việc này là tùy kỹ thuật và nhp điều kiện làm việc giữa hai nhà nước Đức - Việt. Trong hiệp định (Abkommen) có đề cập đến một số điểm chính như sau:

* Điều 1.1: VN có bốn phạm nhận lại những công dân VN không có tước hiệu cư trú hợp lệ tại Đức (kein gueltiger Aufenthaltstitel); điều 1.2 cho biết là người trong diện này cũng sẽ được VN nhận lại dù không muốn và điều 1.3 qui định việc nhận người sẽ tiến hành có thứ tự và có lưu ý đến an ninh và nhân phẩm của người bị nhận về.

* Điều 2 cho biết hai bên đồng ý đưa những người phạm tội (Straftaeter) cũng như bị cáo (Beschuldigte) về VN càng sớm càng tốt, đặc biệt là những trường hợp gia trọng.

* Theo điều 4 thì sẽ cho hồi hương 40.000 (theo số của phía Đức đưa ra) người VN đáng lẽ đã phải rời Đức theo tinh thần Thông Cáo Chung ngày 06.01.1995 với qui số 2.500 (1995), 6.000 (1996), 6.000 (1997) và 6.500 (1998) và phía VN sẽ cố gắng tăng qui số này.

* Điều 5 của thỏa hiệp cho biết một trong những điều kiện tiên quyết cho sự hồi hương là phải có bằng chứng xác minh cá nhân phải có quốc tịch VN (chứng từ quốc tịch Ataatsangehoerigkeitsurkunde), các loại hộ chiếu thật (hộ chiếu thường, hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ) hoặc đáng tin (Glaubhaftmachung) là có quốc tịch VN qua chứng từ thật (echt) như chứng minh nhân dân, giấy quá cảnh (Laissez-Passer có dán ảnh), chứng minh quân đội, bằng lái xe... Điều 6.1 cho biết nếu không chứng minh hay đáng tin có quốc tịch VN được thì phía VN phải lập tức phỏng vấn... Theo 6.3 thì lời khai của người chứng, của chính cá nhân đương sự và ngôn ngữ của người này cũng sẽ được xem là những điểm quan trọng trong việc xác định quốc tịch... Theo điều 7 thì khi người bị đưa về VN rồi mà phía VN không chứng thực được quốc tịch VN thì người này sẽ được đưa trở lại Đức ngay...

Biên bản thực hiện (Durchfuehrungsprotokoll) dựa trên điều 11 của hiệp ước và có một số điểm chính sau:

Theo điều 1 (1) cơ quan Đức liên lạc với Cục Xuất Nhập Cảnh thuộc Bộ Nội Vụ VN xin nhận người (Uebernahmeersuche) và điều 1 (1) qui định thủ tục đơn từ, nộp 4 ảnh cho trường hợp này và trường hợp tự nguyện hồi hương.

Điều 2 cho biết về thời hạn và phương cách kỹ thuật làm việc của hai phía: Theo 2.1 thì Đức đưa danh sách A cho phía VN, mỗi danh sách tối đa 350 người; 2.2 cho biết VN trả lời trong 6 tuần cho diện tự nguyện hồi hương và tối đa 3 tháng cho các diện khác. Xong giai đoạn này Đức sẽ trao cho VN danh sách B (người đã được thẩm định có quốc tịch VN và có thể đưa về được); theo 2.3 thì kế tiếp Đức sẽ đưa danh sách C (dựa trên danh sách B), VN sẽ trao cho Đại Sứ Quán Đức tại Hà Nội giấy quá cảnh (Laissez-Passer) để nơi này trao về cơ quan Đức liên hệ; điều 2.4 qui định là 14 ngày trước khi bay Đức trao cho VN danh sách C với họ tên người về nước, ngày bay, chi tiết chuyến bay cũng như chi tiết cá nhân của người nhà nước Đức giao nhiệm vụ đi kèm (họ tên, ngày sinh, số hộ chiếu, thời hạn ở lại VN) và 2.5 qui định

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC VỀ VIỆC TỶ NẠN

Lời nói đầu: Như thường lệ đây chỉ là những giải đáp thắc mắc, mà không là những chỉ dẫn luật pháp.

Hỏi: Theo hiệp ước Việt Nam - Đức vừa ký xong về việc VN nhận người về nước thì người tỵ nạn chính trị (Asylberechtigter), tỵ nạn quy số (Kontingentfluechtling), có quyền cư trú (Aufenthaltsberechtigung), được phép cư trú (Aufenthaltsurlaubnis), được điều 51.1 Luật Ngoại Kiều (có Reiseausweis và Aufenthaltsbefugnis)... có bị trục xuất về VN không?

Đáp: Vì thỏa ước không áp dụng cho người được cư trú hợp pháp tại Đức nên những người diện này không chịu sự chi phối của thỏa ước nghĩa là họ không phải hồi hương nếu không làm điều gì phạm pháp để mất diện cư trú của mình.

Hỏi: Có khi nào bị lấy lại hộ chiếu được cấp qua điều 51.1 hay không?

Đáp: Phạm tội hình sự, đặc biệt trong tình trạng nghiêm trọng, không còn hội đủ tiêu chuẩn... thì có thể bị rút lại hộ chiếu cũng như quyền cư trú này.

Hỏi: Có tin cho biết tại Freising có người VN trước đây được cấp hộ chiếu Đức và Aufenthaltsbefugnis theo điều 51.1 qua lý do là người vượt biên, ở lại nước ngoài trái phép, và khi về nước sẽ bị phạt theo điều 89 bộ luật hình sự VN, đã bị rút lại. Có đúng không?

Đáp: Đây là một việc nhiều khê. Tôi không được phép trả lời câu hỏi này. Xin thông cảm. Xin liên lạc ngay với luật sư chuyên ngành.

Hỏi: Người VN có quốc tịch Đức có bị đưa về VN theo hiệp ước này không?

Đáp: Hiệp ước chỉ đề cập đến việc VN đồng ý nhận lại những người có quốc tịch VN và không có tước hiệu cư trú hợp lệ tại Đức mà không đề cập đến người có quốc tịch Đức hay song tịch.

Hỏi: Có Duldung trên một năm thì được Sở Ngoại Kiều báo cho biết 3 tháng trước ngày bị trục xuất có đúng không?

Đáp: Thường thì như vậy. Tuy nhiên có nơi cơ quan Đức đã thông báo cho người trong Bang Bayern biết sẽ bị trục xuất vào tháng 3.1996 dù người này chưa nhận Duldung quá một năm.

Hỏi: Người có Aufenthaltsbefugnis hay Aufenthaltserlaubnis trên hộ chiếu VN thuộc diện người hợp tác lao động (Gastarbeiter) Đông Đức cũ thì sao?

Đáp: Tùy trường hợp.

1. Nếu không tiếp tục hội đủ tiêu chuẩn thì sẽ bị mất quyền cư trú và như thế sẽ thuộc diện được đề cập đến trong thỏa ước, nghĩa là phải rời Đức về VN. Thứ Trưởng đặc trách nội vụ của Berlin trong thông báo đầu tháng 6.1995 cho biết là sẽ ưu tiên trục xuất những người phạm pháp (phán quyết của tòa phạt nhiều ngày vì sử dụng bằng lái xe giả, giấy tờ giả... đã có hiệu lực pháp luật, đặc biệt là trọng tội hình sự (schwer kriminell).

2. Nếu cá nhân vẫn hội đủ tất cả những tiêu chuẩn (có việc làm, đủ mức tự sinh sống, không nhận trợ cấp xã hội, muốn nhà riêng, không cố tình vi phạm luật Đức...) thì Aufenthaltsbefugnis vẫn được gia hạn và do đó được tiếp tục cư trú hợp pháp tại Đức. Các thân nhân của họ như vợ chồng và con do đó cũng được cư trú "ăn theo". Cũng theo lời ông Bose, chính nhà nước Đức cũng muốn những người Việt sống lương thiện hợp pháp, kể cả những công nhân lao động hợp tác trước kia tại DDR, được tiếp tục cư trú và sinh sống tại Đức.

Nhiều nơi trên nước Đức kiểm soát thật kỹ tiêu chuẩn cư trú và không gia hạn tiếp khi đương sự có tiền án tại Đức...

Hỏi: Sau khi hiệp định ký xong thì có được nhập trại tỵ nạn không?

Đáp: Vẫn được. Nếu hội đủ tiêu chuẩn vẫn được tỵ nạn chính trị hay được cư trú theo các điều khoản khác của luật pháp hiện hành tại Đức. Nhưng nếu bị từ chối và sau khi thủ tục chấm dứt thì có thể sẽ bị đưa về nước nhanh chóng hơn.

Hỏi: Sau khi hiệp ước ký xong có thể vẫn xin được Duldung hay không?

Đáp: Trên nguyên tắc vẫn được, nếu hội đủ tiêu chuẩn. Nhưng nếu chỉ nêu được lý do duy nhất là không thể và không muốn về VN thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tại một vài nơi như vùng huyện Birkenfeld (Bang Rheinland-Pfalz) thì Sở Ngoại Kiều bắt đầu thu lại giấy tờ của người VN mà thủ tục tỵ nạn đã chấm dứt.

Hỏi: Khi "Ausweis" của người nộp Folgeantrag bị ghi là "mất hiệu lực khi thủ tục Folgeantrag chấm dứt" thì có nghĩa gì?

Đáp: Người này rất dễ bị trục xuất khi thủ tục nộp đơn kế tiếp này chấm dứt.

Hỏi: Khi Duldung ghi là "erlischt beim Erhalt von Reisedokumenten" thì có nguy hiểm ngay không?

Đáp: Thường thì không.

Hỏi: Bao giờ hiệp ước sẽ áp dụng?

Đáp: Hiệp định có giá trị áp dụng bắt đầu từ 21.9.1995.

Hỏi: Điện nào sẽ phải về VN đầu tiên?

Đáp: Việc này là tùy kỹ thuật và nhp điều kiện làm việc giữa hai nhà nước Đức - Việt. Trong hiệp định (Abkommen) có đề cập đến một số điểm chính như sau:

* Điều 1.1: VN có bốn phạm nhân nhận lại những công dân VN không có tước hiệu cư trú hợp lệ tại Đức (kein gueltiger Aufenthaltstitel); điều 1.2 cho biết là người trong diện này cũng sẽ được VN nhận lại dù không muốn và điều 1.3 qui định việc nhận người sẽ tiến hành có thứ tự và có lưu ý đến an ninh và nhân phẩm của người bị nhận về.

* Điều 2 cho biết hai bên đồng ý đưa những người phạm tội (Straftaeter) cũng như bị cáo (Beschuldigte) về VN càng sớm càng tốt, đặc biệt là những trường hợp gia trọng.

* Theo điều 4 thì sẽ cho hồi hương 40.000 (theo số của phía Đức đưa ra) người VN đáng lẽ đã phải rời Đức theo tinh thần Thông Cáo Chung ngày 06.01.1995 với qui số 2.500 (1995), 6.000 (1996), 6.000 (1997) và 6.500 (1998) và phía VN sẽ cố gắng tăng qui số này.

* Điều 5 của thỏa hiệp cho biết một trong những điều kiện tiên quyết cho sự hồi hương là phải có bằng chứng xác minh cá nhân phải có quốc tịch VN (chứng từ quốc tịch Ataatsangehoerigkeitsurkunde), các loại hộ chiếu thật (hộ chiếu thường, hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ) hoặc đáng tin (Glaubhaftmachung) là có quốc tịch VN qua chứng từ thật (echt) như chứng minh nhân dân, giấy quá cảnh (Laissez-Passer có dán ảnh), chứng minh quân đội, bằng lái xe... Điều 6.1 cho biết nếu không chứng minh hay đáng tin có quốc tịch VN được thì phía VN phải lập hồ sơ phỏng vấn... Theo 6.3 thì lời khai của người chứng, của chính cá nhân đương sự và ngôn ngữ của người này cũng sẽ được xem là những điểm quan trọng trong việc xác định quốc tịch... Theo điều 7 thì khi người bị đưa về VN rồi mà phía VN không chứng thực được quốc tịch VN thì người này sẽ được đưa trở lại Đức ngay...

Biên bản thực hiện (Durchfuehrungsprotokoll) dựa trên điều 11 của hiệp ước và có một số điểm chính sau:

Theo điều 1 (1) cơ quan Đức liên lạc với Cục Xuất Nhập Cảnh thuộc Bộ Nội Vụ VN xin nhận người (Uebernahmeersuche) và điều 1 (1) qui định thủ tục đơn từ, nộp 4 ảnh cho trường hợp này và trường hợp tự nguyện hồi hương.

Điều 2 cho biết về thời hạn và phương cách kỹ thuật làm việc của hai phía: Theo 2.1 thì Đức đưa danh sách A cho phía VN, mỗi danh sách tối đa 350 người; 2.2 cho biết VN trả lời trong 6 tuần cho diện tự nguyện hồi hương và tối đa 3 tháng cho các diện khác. Xong giai đoạn này Đức sẽ trao cho VN danh sách B (người đã được thẩm định có quốc tịch VN và có thể đưa về được); theo 2.3 thì kế tiếp Đức sẽ đưa danh sách C (dựa trên danh sách B), VN sẽ trao cho Đại Sứ Quán Đức tại Hà Nội giấy quá cảnh (Laissez-Passer) để nơi này trao về cơ quan Đức liên hệ; điều 2.4 qui định là 14 ngày trước khi bay Đức trao cho VN danh sách C với họ tên người về nước, ngày bay, chi tiết chuyến bay cũng như chi tiết cá nhân của người nhà nước Đức giao nhiệm vụ đi kèm (họ tên, ngày sinh, số hộ chiếu, thời hạn ở lại VN) và 2.5 qui định

TIN PHẬT SỰ

• Đức Đạt Lai Lạt Ma

Như Viên Giác số trước đã loan tin, Đức Đạt Lai Lạt Ma lãnh đạo tinh thần Phật Giáo Tây Tạng đã đến chùa Viên Giác Hannover, Đức, vào ngày 18 tháng 6 năm 1995 để thăm viếng các Phật Tử Việt Nam tại đây.



Đức Đạt Lai Lạt Ma viếng thăm chùa Viên Giác ngày 18.6.1995. Từ phải sang trái hàng đầu: HT Thích Minh Lễ, Đức Đạt Lai Lạt Ma, HT Thích Thiên Định, Đại Sư Geshe Thuben Ngawang. Từ phải sang trái hàng sau: Đại diện GH Thiên Chúa và Tin Lành Đức. TT Thích Như Điển, Ni Sư T.N. Diệu Ân, Ni Sư T.N. Diệu Hạnh, Ni Sư T.N. Diệu Tâm và Thầy Hạnh Tấn.

Về phía Đức có đại diện của 2 Giáo hội Tin Lành và Thiên Chúa Giáo tại Hannover đến tham dự. Về phía Tây Tạng có vị Đại Sư Geshe Thuben Ngawang cùng với Tăng chúng người Đức tu theo Phật Giáo Tây Tạng đến từ Hamburg và gần 200 Phật Tử Đức thuộc Hội Phật Giáo Choeling Tây Tạng cũng như Hội "Tibet-Initiative" đã tham dự buổi thuyết giảng này.

Phía Việt Nam có Hòa Thượng Thích Thiên Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ đến từ Pháp và toàn thể Tăng Ni trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đức Quốc. Về phía Phật Tử Việt Nam đã có hơn 1.000 người tham dự buổi thuyết pháp của Ngài.

Buổi thuyết giảng kéo dài 2 tiếng đồng hồ về "Tứ Diệu Đế" và "Quy Y Tam Bảo".

Ngài đã đến và đã đi; nhưng trong lòng mọi người con Phật, Việt cũng như Đức nơi đây luôn luôn ngưỡng vọng về Ngài và quyết theo dấu chân Ngài trong việc tìm kiếm hòa bình cho Việt Nam cũng như Tây Tạng theo đường lối bất bạo động của Phật Giáo. (Xin xem thêm bài "Ngài đã đến" của Thượng Tọa Thích Như Điển đăng trong số này).

• An Cư Kiết Hạ tại Canada

Từ 19.6.1995 đến ngày 14.7.1995, Thượng Tọa Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác, trong cương vị lãnh đạo tinh

thần của chùa Quan Âm tại Montréal - Canada đã đến đây trong thời gian gần một tháng để an cư và hướng dẫn bà con Phật Tử Thọ Bát Quan Trai; lạy kinh Đại Bát Niết Bàn; thực tập thiền tịnh song tu theo lối Nhật cũng như thuyết giảng giáo lý cho Phật Tử.



Các Phật Tử tham gia khóa lễ lạy kinh Đại Bát Niết Bàn (mỗi chữ mỗi lạy) hằng đêm tại Chùa Quan Âm - Canada.



Một buổi thuyết giảng công cộng tại Chùa Quan Âm - Montréal - Canada.

Trong thời gian lưu lại chùa Quan Âm, Thượng Tọa cũng đã hoàn tất 2 tác phẩm độ 500 trang viết tay. Tác phẩm thứ nhất 300 trang viết về: "Vụ An Cư Một Nhà Tu". Tác phẩm thứ 2 gồm 200 trang viết tay, viết về Chùa Quan Âm tại Canada. Cả 2 tác phẩm này sẽ được ra mắt bà con Phật Tử xa gần trong năm này. Mong quý vị đón xem.

Tinh thần tu học của Phật Tử tại đây lên rất cao, mặc dầu trong mùa hè cần phải nghỉ ngơi dưỡng sức; nhưng lúc nào Phật Tử cũng đã túc trực tại chùa để theo đuổi những khóa tu học trên, khi Thượng Tọa lưu trú tại Chùa Quan Âm.

• Thăm chùa Linh Sơn tại Grand Rapids - Hoa Kỳ và Toronto - Canada

Từ ngày 14 đến 16 tháng 7 năm 1995, qua lời mời của Sư Cô T.N. Đồng Tâm trụ trì Chùa Linh Sơn tại Grand Rapids, nên Thượng Tọa Thích Như Điển đã đến đây để thăm viếng và giảng pháp cho các Phật Tử nhân lễ vía Đức Quan Âm Bồ Tát vào cuối tuần này.

Có khoảng 150 Phật Tử về chùa lễ Phật và nghe pháp.

Chiều ngày 16 tháng 7 năm 1995, Thượng Tọa trở lại Toronto để thăm một số quý Phật Tử tại gia đình Đạo Hữu Thiên Tài và sau đó nói chuyện tại Chùa Phật Giáo Việt Nam. Có gần 100 Phật Tử tham dự 2 buổi nói chuyện này.

Ngày 17 tháng 7 năm 1995, Thượng Tọa đã trở lại Đức Quốc.

• Trại Hợp Bạn

Một trại hè hợp bạn mang tên "Liên Hoa III" do Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam / Đức Quốc, dưới sự yểm trợ tinh thần và ẩm thực của quý Đạo Hữu trong Chi Hội



Trại hè hợp bạn "Liên Hoa III" 95 tại Bremen.

Phật Tử Bremen, được tổ chức tại Landesbetriebsport Verband Bremen từ ngày 14 đến 17 tháng 7 năm 1995, cho tất cả các Huynh Trưởng và Đoàn Sinh thuộc các GDPTVN tại Đức Quốc về tham dự.

Thành phần Ban Quản Trại gồm một số HT thuộc BHD/Đức Quốc đảm nhiệm. Qui tụ khoảng 120 trại sinh.

Chương trình trại gồm có:

- Văn nghệ: Sinh hoạt vòng tròn, trò chơi lớn, báo tường, lửa trại, trà đàm.

- Thể thao: Túc cầu, vũ cầu, bóng bàn v.v...

- Du ngoạn vùng biển và tham quan thành phố Bremen.

Nhân cơ hội này, với sự chứng minh của Sư Cô Thích Nữ Như Viên và sự hiện diện của quý Đạo Hữu:

Đạo Hữu Võ Thị Hải, Chi Hội Trưởng CHPT Bremen . HT Thị Lộc Võ Văn Mai, Trưởng Ban BHD/GDPTVN/ Âu Châu . HT Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, HT/BT/GDPTVN/ĐQ . HT Tâm Cừ Trương Tôn Châu, HT/NH và TT/ GDPTVN /Đức Quốc.

Cùng một số quý vị Đạo Hữu thuộc Chi Hội trên đã tham dự buổi lễ thành lập và ra mắt của một GDPTVN mới tại thành phố Bremen mang tên "ChánhGiác".

Thành phần bảo trợ và điều hành GDPT Chánh Giác, gồm có:

Bác Gia Trưởng: ĐH Trần Văn Các . Liên Đoàn Trưởng: HT Thị Thiện Phạm Công Hoàng . Liên Đoàn Phó Nam: HT Võ Văn Châu . Liên Đoàn Phó Nữ: HT Thiện Bạch Nguyễn Thị Xuân Mai . Thư Ký Đoàn: HT Ngô Mạnh Đức

Thủ Quý Đoàn: HT Trần Thị Mai Lan

Trại đã bế mạc vào ngày 17.7.95 hồi 13,00 giờ trong vui tươi và thân ái.

- Thiện Căn -

• Khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 7

Từ ngày 22 đến 30 tháng 7 năm 1995, Khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 7 đã được tổ chức tại Hornsyld - Đan Mạch, quy tụ 30 vị Tăng Ni (gồm 15 vị giảng sư và 15 Tăng Ni sinh); và 271 Cư Sĩ gồm 144 nữ và 127 nam chia ra 2 lớp: Lớp 1 là lớp phổ thông có 157 học viên tham dự. Lớp 2 là lớp chuyên khoa có 110 học viên. Tổng cộng toàn khóa có 301 người. Đây là khóa học có số giảng sư và học viên đông nhất từ trước đến nay.

Trong 10 ngày tu học, các học viên lớn tuổi cũng như các học viên trẻ tuổi và GDPTVN tại Âu Châu đã quay quần

bên nhau trong ánh đạo nhiệm màu để sách tấn cho nhau trên bước đường tu học.

Trong 2 ngày 24 và 25 tháng 7, Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Đặc ủy Cư sĩ của Giáo Hội Âu Châu đã triệu tập một phiên họp để kiện toàn phần vụ của mình. Có nhiều đoàn



Chư tôn đức giảng sư và chư Tăng Ni tham dự khóa học



Chư tôn đức Tăng Ni và các học viên tham dự khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ 7 tổ chức tại Đan Mạch từ 22 đến 30.7.1995.

thể Phật Tử đã tham gia các phiên họp này dưới quyền chủ tọa của Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Tối ngày 27 tháng 7, một phiên họp của GHPGVNTN Âu Châu đã được tổ chức lồng vào trong khóa học này. Hầu hết chư Tăng Ni tại Âu Châu đã tham gia đông đủ. Nội dung cuộc họp bàn về những vấn đề của Giáo Hội và sách tấn chúng xuất gia cũng như tạo cho người Phật Tử tại gia có một cuộc sống tâm linh thoải mái khi về tham dự các khóa học. Khóa học kỳ 8 năm tới (1996) sẽ được tổ chức tại Hòa Lan vào ngày 20 đến 28 tháng 7 năm 1996. Mong rằng các học viên ghi tên tham gia đông đủ hơn năm 1995 này.

Tối ngày 28 tháng 7 năm 1995, Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn dưới sự chủ tọa của Thượng Tọa Thích Minh Tâm cũng đã tổ chức một phiên họp quy tụ nhiều đại diện của các nước Âu Châu, nhằm hỗ trợ cho công cuộc tranh đấu của GHPGVNTN tại quê nhà.

Sau đó đại diện chư Tăng Ni và các tham dự viên khóa học đã ký tên vào Thư Ngỏ có nội dung như sau:

THƯ NGỎ

Kính gửi Ông Võ Văn Kiệt
Thủ Tướng Chính Phủ nước CHXHCNVN

Thưa Thủ Tướng,
Chúng tôi đại diện GHPGVNTN và các Hội Phật Tử thuộc 13 quốc gia Âu Châu họp tại Đan Mạch nhân khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 7 nhận xét rằng:

- Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đang áp dụng đổi mới hướng về kinh tế thị trường, nhưng vẫn tiếp tục đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Giáo Hội truyền thống của dân tộc Việt Nam, vẫn chủ trương gây chia rẽ Phật Giáo để phục vụ mục tiêu cai trị nhất thời nhưng rất nguy hiểm cho sự đoàn kết lâu dài của dân tộc.

- Chính sách kinh tế có mang lại một số thay đổi, nhưng nhân tâm ly tán, đạo đức suy đồi, tệ trạng xã hội ngày càng gia tăng quá độ rất đáng lo ngại vì thiếu vắng sự đóng góp tích cực quan trọng của mọi tầng lớp nhân dân nhất là của các tôn giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng vào công cuộc kiến thiết đất nước.

- Nhà nước đang hòa giải với thế giới bên ngoài, nhất là thế giới tư bản nhưng vẫn chưa hòa giải được với dân tộc Việt Nam bên trong.

Vì vậy, chúng tôi yêu cầu, nhân ngày 2.9.1995 sắp tới Nhà Nước CHXHCNVN đã lên tiếng sẽ trả tự do cho một số tù nhân hãy thể hiện chính sách đổi mới đích thực bằng cách:

- Trả tự do vô điều kiện nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ cùng các Tăng sĩ Phật Giáo và các Tu sĩ thuộc mọi tôn giáo, các Phật Tử cũng như những người theo đuổi lý tưởng nhân quyền, dân chủ hiện bị giam cầm, quản thúc một cách bất hợp pháp.

- Chấm dứt mọi sự can thiệp vào nội bộ các tôn giáo và chính sách đang gây chia rẽ các tôn giáo.

- Vô hiệu hóa Ban Tôn Giáo của Nhà nước để Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước mới có cơ hội nói chuyện với nhau.

Làm được như vậy, Nhà nước CHXHCNVN mới chứng tỏ được chủ trương "xóa bỏ hận thù" đã được tuyên truyền rộng rãi bấy lâu nay trước thế giới và nhân dân Việt Nam

Làm tại Hornslyd Đan Mạch ngày 29.7.1995

Đồng ký tên: - Thích Minh Tâm (Pháp) - Thích Tánh Thiệt (Pháp) - Thích Quảng Ba (Australia) - Thích Nhất Chân (Pháp) - Thích Minh Giác (Hòa Lan) - Thích Như Điển (Đức) - Thích Quảng Bình (Đan Mạch) - Thích Tâm Huệ (Thụy Điển) - Thích Nữ Thanh Hà (Ái Nhĩ Lan) - Thích Trí Minh (Na Uy) - Hội P.G.L.R. Mont Pellier Nguyễn Duy Thông - Nguyễn Duy Uy (Đức) - Nguyễn Bình Nhơn (Pháp) - Trần Bá Hưng (Na Uy) - Cao Thị Lan Hương (Pháp) - Nguyễn Xuân Thái (Đức) - Trần Đình Hữu (Pháp) - Hạnh Ngọc (Mỹ Quốc) - Dương Thị Ngọc Thảo - Nguyễn Xuân Phúc (Đức) - Nguyễn Thị Xuân Trang (Thụy Sĩ) - Diệu Đông Trịnh Thị Nam (Đức) - Phạm Thị Côi (Đức) - Nguyễn Thị Ân (Đức) - Nguyễn Hiếu (Thụy Sĩ) - Trần Hữu Lễ (Thụy Sĩ) - Lê Công Đức (Phần Lan)

Trong khóa học này có 2 đêm văn nghệ. Một, tổ chức vào tối ngày 27 tháng 7 và đêm thứ 2 tổ chức vào tối ngày 29.7.95 để mừng Lễ Vu Lan Báo Hiếu do các học viên tự biên tự diễn. Đặc biệt các Gia đình Phật Tử địa phương và các anh chị em GDPT tại Âu Châu đã đóng góp rất tích cực trong các đêm văn nghệ giúp vui này.

Ngày 30.7 là ngày chia tay sau khi đã làm lễ bế giảng vào buổi chiều trước đó. Mọi người ra về nhưng lòng còn tràn đầy quyến luyến trong tình đạo vị và nhiều người đã hẹn gặp lại nhau trong khóa học năm tới tại Hòa Lan.

● **Thọ Bát Quan Trai tại Nuernberg. Fuerth, Erlangen**

Ngày 16 - 17/9/1995, Chi Hội Phật Tử VNTN Nuernberg - Fuerth - Erlangen có tổ chức lễ Quy Y Tam Bảo, Cầu An,

Thọ Bát Quan Trai, Thiên Trà theo Phật Giáo Nhật Bản dưới sự chủ lễ của Thượng Tọa Thích Như Điển.

Địa điểm tổ chức:

Hội Trường Caritas - Langwasser Sued

Giesbert Str.65 - 90473 Nuernberg 50.

Xin thông báo quý Đạo Hữu và Phật Tử nhớ ghi tên tham dự đồng đủ.

● **Họp phụ huynh để củng cố và phát triển GDPT Pháp Quang - Hamburg**

Dưới sự chứng minh của Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Trụ trì Bảo Quang Ni Tự, Ban Liên Đoàn GDPT Pháp Quang đã tổ chức một buổi họp để tiếp xúc thân mật với phụ huynh của các đoàn sinh GDPT từ lúc 18 giờ ngày 5.8.95 tại Jenfeld Hamburg.

Khoảng 50 người tham dự trong đó đặc biệt có sự hiện diện của bác Trục Ngộ Phạm Ngọc Đánh, Gia Trưởng GDPT Chánh Niệm tại Berlin, Huỳnh Trưởng Thị Nguyễn Nguyễn Hữu Lộc, Đại diện Ban Huynh Trưởng GDPTVN tại Đức Quốc và các HT Thị Lộc Võ Văn Mai, Thiện Sơn Nguyễn Thanh Hải đến từ Berlin.

Sau phần giới thiệu thành phần quan khách là lời chào mừng của Ni Sư TN Diệu Tâm, Cố vấn giáo hạnh của GDPT Pháp Quang và các phần phát biểu cảm tưởng của bác Quảng Hiền Đào Hữu Chí, Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VN/TNCS Hamburg, của Nhật Đạo Lưu Minh Thành, Gia Trưởng GDPT Pháp Quang, của bác Gia Trưởng GDPT Chánh Niệm và của HT đại diện Ban HT/GDPTVN tại Đức Quốc.

Tiếp theo là phần báo cáo sinh hoạt của Ban Liên Đoàn. HT Diệu Hiền Võ Thị Thùy Trâm, LĐ Trưởng trình bày về hệ thống tổ chức GDPT, mục đích của GDPT, sự thành lập GDPT Pháp Quang từ lễ Vu Lan 1990, đại lược:

- từ 1990-1992: sinh hoạt ngành Thanh

- từ 1992-1994: ngưng sinh hoạt vì một số đoàn sinh đi làm xa hay lập gia đình, trong đó một số đoàn sinh còn lại tiếp tục tham dự các khóa tu dưỡng hay huấn luyện để trở thành những HT cầm đoàn ngày nay

- từ đầu năm 1995 tái hoạt động với hai ngành Thiếu và Oanh.

Tiếp đến HT Diệu Nguyễn Nguyễn Huỳnh Ngân Khanh, Thư ký, báo cáo chi tiết quá trình hoạt động và thành quả của GDPT Pháp Quang qua các sinh hoạt nội bộ về văn hóa, xã hội, huấn luyện, tu học... xuyên qua các kỳ đại lễ Vu Lan, Phật Đản tại Chùa Viên Giác hay tại Bảo Quang Ni Tự. Ngoài ra GDPT còn đóng góp về phần văn nghệ cho các hội đoàn hay tổ chức địa phương như Hội Người Việt TNCS Hamburg, Hội Hồng Thập Tự, Cộng Đoàn Công Giáo. GDPT sẽ đẩy mạnh công tác phát triển đoàn sinh, đảm nhận tích cực một số công tác trong các kỳ đại lễ, tham dự các khóa huấn luyện, tu học Phật Pháp...

HT Thiên Tâm Trần Quốc Thành, đặc trách ngành Oanh cũng trình bày mục đích và cách sinh hoạt của ngành trong thời gian vừa qua.

Tiếp đến là HT Minh Trí, LĐ Phó, cũng trình bày những yêu cầu của GDPT Pháp Quang để xin phụ huynh cố gắng dành thì giờ dẫn con em đến sinh hoạt thường xuyên, cho phép và khuyến khích con em tham dự các khóa huấn luyện hay tu học, xin quý vị góp ý với Ban Liên Đoàn để xây dựng và phát triển GDPT đồng thời cũng xin quý vị hoan hỷ yểm trợ tinh thần và vật chất cho GDPT trong giai đoạn còn khó khăn...

Cuối cùng là phần đóng góp ý kiến của phụ huynh cũng như của các bác Gia Trưởng, của các Huỳnh Trưởng nhằm củng cố và phát triển GDPT Pháp Quang mà sự quan tâm, gần bó của phụ huynh cũng là một yếu tố quan trọng để các Huỳnh Trưởng an tâm hướng dẫn các em, các cháu trở thành những người con Phật chân chính trong tinh thần Bi-Trí-Dũng và Hòa-Tin-Vui của GDPT. (PV).

• THÔNG BÁO

* **Băng Cát-sét và băng Vi-đê-ô nhân chuyến viếng thăm của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Chùa Viên Giác Hannover vào ngày 18.6.1995 vừa qua.**

Chùa Viên Giác đã thực hiện được một cuộn băng cát-sét (120 phút) do Đức Đạt Lai Lạt Ma thuyết giảng về "Tứ Diệu Đế" và "Quy Y Tam Bảo" bằng tiếng Tây Tạng và được dịch sang Đức ngữ cũng như Việt ngữ. Quý vị nào muốn có băng này để nghe hay tặng cho bạn bè Đức - Việt, xin liên lạc về Chùa để có băng. Giá 10 đồng tiền Đức.

Ngoài ra Chùa cũng đã thực hiện được 2 cuộn băng phim vi-đê-ô đặc biệt về chuyến viếng thăm và thuyết giảng của Ngài. Cuộn 1 giảng bằng tiếng Tây Tạng và dịch ra Việt ngữ. Cuộn 2 giảng bằng tiếng Tây Tạng và dịch ra Đức ngữ. Mỗi cuộn dài 2 tiếng đồng hồ. Am thanh rõ ràng, lời dạy rành mạch của một bậc Đại Giác Ngộ.

Hình bìa 4 màu lộng lẫy. Giá mỗi cuộn 25 đồng tiền Đức chưa kể cước gởi. Xin liên lạc về Chùa để có băng.

Băng tiếng Đức, biểu tượng các người Đức quen biết nhân cơ hội Tết nhứt, hay đám tiệc, sinh nhật, v.v... quả là một món quà quý giá, để người Đức hiểu căn bản về Phật Học; vì vậy xin quý vị đừng quên việc thỉnh băng để làm quà cho bạn. Mong quý vị chiếu cố cho.

* **Đại Hội Tặng Ni Việt Nam Hải Ngoại**

Lần đầu tiên một Đại hội Tặng Ni Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại, được tổ chức tại Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc, từ ngày 22 tháng 9 đến 25 tháng 9 năm 1995. Kính mong quý Phật Tử về Chùa ngày thứ bảy (23.9) để tham dự Đại Hội này. Công đức thật không nhỏ.

Chương Trình

Thứ sáu ngày 22 tháng 9 năm 1995

Chư Tôn Đức vân tập về chùa Viên Giác tại Hannover

- 19:00 Yến hội tại chùa Viên Giác (do chùa Viên Giác khoản đãi)
- 20:00 Tiễn hội nghị
- 24:00 Chỉ tịnh

Thứ bảy ngày 23 tháng 9 năm 1995

- 08:00 Điểm tâm
- 10:00 Khai mạc đại hội (có chương trình riêng)
- 12:00 Ngọ trai tại chùa và cúng dường trai tăng (do các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương Đức khoản đãi)
Sẽ mời một vị Hòa Thượng hoặc Thượng Tọa giảng pháp cho các Phật Tử về tham dự
- 14:00 Khoáng đại I
Vấn đề thống hợp Tăng Già
- 16:00 Khoáng đại II
Phân Ban để thảo luận về đề tài trên
- 18:00 Yến hội tại một nhà hàng
- 20:00 Đêm văn nghệ cúng dường do GDPTVN tại Đức và Âu Châu trình diễn tại Hội Trường chùa Viên Giác
- 24:00 Chỉ tịnh

Chủ nhật ngày 24 tháng 9 năm 1995

- 08:00 Điểm tâm
- 09:00 Khoáng đại III
Thử tìm một đối sách cho vấn đề pháp nạn hiện nay tại quê nhà
- 12:00 Ngọ trai (do các chùa Việt Nam tại Đức khoản đãi)
- 14:00 Khoáng đại IV
Phân Ban, thảo luận về đề tài trên
- 16:00 Khoáng đại V
Đức kết và bế mạc
- 19:00 Yến hội tại một nhà hàng

Ngày 25 tháng 9 năm 1995

Chư Tôn Đức rời trụ xứ Hannover

Trên đây là phần chương trình đề nghị. Chương trình chi tiết và cụ thể sẽ được quyết định với ý kiến chung của chư Tôn Đức trong buổi tiễn hội nghị.

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian vừa qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của Quý vị, Tổ chức và Hội đoàn các nơi dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi Hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban Đọc và chọn đăng. Xin chân thành cảm tạ và đón nhận thêm những sáng tác mới.

Trần Đăng (Đức), Vương Thiên Mãnh (Đức), Nguyễn Thị Lập (Đức), Dr. Phan Quang Đán (USA), UBLLTC Người Việt Tự Do, Dr. Trần Văn Tích (Đức), Dr. Nguyễn Tối Thiện (Pháp), Phạm Phong Duy (Đức), Tâm Trạng (USA), Dr. Bùi Hạnh Nghi (Đức), Phù Vân (Đức), Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) Hiếu Đệ (Canada), GH Phật Giáo Hòa Hảo Âu Châu (Pháp), Phan Thế Nghiệp (Pháp), Trần Thụy Tường Vy (Ý), Ngự Sử (Đức), Như Tạng (Úc), Đan Hà (Đức), Hoàng Tiến Cường (Đức), Nguyễn Thị Kiều Oanh (Đức), Đào Thị Chúc (Đức), Nguyễn Văn Ngộ (Đức), Lê Thị Hoa (Đức), Tranh Trà (Nguyễn Tịnh) (Canada), Đỗ Quang Nghĩa - Lê Minh Hà (Đức), Đỗ Nguyễn Khắc Hùng (Thụy Sĩ), Bửu Đạt Nguyễn Thanh Tâm (Đức), Nguyễn Nhung (Đức) Nhựt Trọng (Đức), Thiện Văn (Đức), Vũ Nam (Đức), Nguyễn Hòa (Đức), Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Người Quan Sát (Đức), Dr. Phạm Ngọc Minh (Đức), Trai Tỵ Nạn Thái Lan. IGFM (Frankfurt, Đức), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Chùa Khánh Anh (Pháp), Hà Đậu Đồng (Muenster, Đức), Lý Phách Mai (Đức), Phượng Lan (Đức), Đặng Quốc Việt (Đức), Lý Quốc Trung (Đức), Huy Giang (Đức), Nguyễn Thị Thục (Đức), Nguyễn Tiến Cường (Đức), Người Giám Biên (Đức), Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân, Vũ Nguyên Khang (Đan Mạch), Dr. Trương Ngọc Thanh & Trương Thị Mỹ Hà (Đức), Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam (Pháp), Ngô Văn Phát (Đức), Từ Hùng Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức) Trúc Giang (Đức), Việt Nhân (Đức), Tam Anh (Đức), Vũ Kỳ (Bỉ), Trần Hữu Lộc (Đức), Thủy Trúc (Mỹ), Nguyễn Việt Nữ (Mỹ) Phạm Hà Thanh. Nguyễn Tuấn Khanh (Đức), Dr. Nguyễn Xuân Hạnh (Anh), Thanh Bình (Thụy Sĩ), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Thượng Tọa Thích Bảo Lạc (Úc), Phạm Thăng (Canada), Phan Ngọc (Đức).

Ngoài ra trong thời gian vừa qua Chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các Chùa, các Tổ chức, Hội đoàn và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi về biếu. Viên Giác xin chân thành cảm tạ và trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần:

* ĐỨC : Về Nguồn số 1/95; Dân Chúa Âu Châu số 152, 153; Betrifft Nr.2/95; Lebensberatungsstelle 1994; Việt Nam Tự Do số 3; Sự Thật số 6; Diễn Đàn Việt Nam số 51, 52, 54; Praxis+Recht Nr.2; Thiện Chí số 29, 30; Caritasverband (Freiburg) Buddhas-Licht Nachrichten Nr.7; Vietnam Forum Nr.5; Tibet & Buddhismus Nr.34; Dân Văn số 51; Bản Tin Đức Quốc số 6&7/95; Hy Vọng số 15; Cánh én số 46, 47; Lotusblaetter Nr.2/95; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 6; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 79; Trời Mới Đất Mới; Thông Tin.VIDI số 5&6; Cao Đài Giáo Lý số 35; Afrik & Asien Rundbrief Nr.2; Interkulturelle Woche; Entwicklung und Zusammenarbeit 8. * PHÁP : Nhân Bản số 217; Quê Mẹ; Bông Sen số 23; Khánh Anh Bản Tin tháng 7/95; Kháng Chiến số 147; Sự Thật; Hoàng Pháp số 74; Bản Tin PTLKPTVN. * THUY SĨ: Mục Vụ số 138, 139. * HOA LAN : Việt Nam Nguyệt San số 103, 104; Đặc San Khoa Học Tập 1. * NGA : Thảo Đường số 9&10. * HOA KỶ : Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại số 5; Kháng Chiến số 146, 148; Hoa Sen số 25; Xây Dựng số 68; Đuốc Từ Bi số 49; Dân Chủ Mới số 44, 45; Bồ Đề Hải số 21; Giao Điểm. * CANADA : Đối Lực số 3. * ÚC : Pháp Bảo số 42. * ĐÀI LOAN : Hiện Đại Phật Giáo số 169, 171; Phật Quang Thế Kỷ số 97; Thiên Phật Sơn số 73.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM MỚI

* "Trao Tặng Đất Nước", thi tập của Nguyễn Hoàn Nguyên, do Cái Đình xuất bản 6.95, Hòa Lan. Bìa Tháng Giêng 95, polymer trên gỗ. Phụ bản: Võ Đình. Nguyễn Hiền trình bày.

Sách trang nhã, màu đẹp, 87 trang. Giá 20 Đức Mã. Địa chỉ liên lạc: Cái Đình - Den Uylstraat 36 - 8015 OZ Zwolle - Nederland. Tel: +31 (0) 38 - 4600989.

* Tâm Tĩnh của Đoàn Viết Hoạt, thơ trong tù của Hoàng Hạc (bút hiệu của Đoàn Viết Hoạt) do Phong Trào Nhân Quyền cho Việt Nam 2000 thực hiện và phát hành, tháng 3.1995 tại Cali, Hoa Kỳ. Bìa của họa sĩ Minh Tuyên, 116 trang. Giá 8 Mỹ kim. Liên lạc: Phong Trào Nhân Quyền cho Việt Nam năm 2000, P.O. Box 4638, Garden Grove, CA 92642. Tel. (714) 426-1280. Fax (714) 236-9169.

Vì số trang báo có giới hạn nên một số bài của các văn thi hữu cũng như độc giả không thể đăng hết trong số báo này được. Chúng tôi sẽ lần lượt đăng tiếp trong các kỳ báo tới. Mong quý vị hoan hỷ. - Ban Biên Tập Báo Viên Giác -

Cúng Đường ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

- ĐH. Nguyễn thị Viễn Phương (Koblenz) 100DM. Nguyễn Thị Cẩm Thúy (Mannheim) 40DM. Joerg Sryd Brockmann (Hildesheim) 50DM. Chi Hội PTVNTN Norddeich + GDPT Minh Hải 590DM. Hi Hội PTVNTN tại Hannover 200DM. Chi Hội PTVNTN tại Rotweil + Tuttingen 1.400DM. Chi Hội PTVNTN tại Muenchen 770DM. Chi Hội PTVNTN tại Fuerth + Erlangen 1.620DM. Chi Hội PTVNTN tại Berlin 330DM. Chi Hội PTVNTN tại Saarland + Trier 1.500DM. Chi Hội PTVNTN tại Frankfurt 600DM. Chi Hội PTVNTN tại Bremen 200DM. Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen 480DM. Chi Hội PTVNTN tại Wiesbaden 100DM. Chi Hội PTVNTN tại Mannheim 620DM + 20US. Ban Liên Lạc PTVNTN tại Aschaffenburg 450DM. Vũ Đình Hải (Neustadt) 20DM. Lưu Nguyệt Anh (Đan Mạch) 20DM. Anh Nghĩa (Hannover) 60DM. Bà Quyên (") 20DM. Trần Ngọc Minh (") 20DM. Nguyễn Văn Hiền (Beverungen) 50DM. Ngô Tiến Dũng (Bad Nenndorf) 50DM. Ngô Ngọc Diệp (Hannover) 80DM. Dương Văn Kỳ (Wetzlar) 20DM. Lai Ngọc Hải (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Phước Tâm (Hannover) 20DM. Sư Cô Hạnh Tịnh (Hannover) 50DM. Sư Cô Hạnh An (") 20DM. Sư Cô Hạnh Châu + GD (") 50DM. Sư Cô Như Viên (Bremen) 20DM. Trần Dī Nhơn (Alzen) 50DM. Phạm Thị Ut (Hannover) 30DM. Minh Đạt (") 20DM. Diệu Anh + Diệu Huệ + Diệu Kim (") 50DM. Bác Sáu Lâu (") 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Dortmund) 50DM. Trần Chí Lan (Eisenberg) 10DM. Thái Kim Hia (Koeln) 100DM. Bác Diệu Thơ (") 40DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 80DM. Lê Thị Ngọc Thủy (Frankfurt) 50DM. Cô Hạnh Ngọc (Hannover) 50DM. Lữ Đông (Berlin) 20DM. Nguyễn K. Thị Lan (Regensburg) 20DM. Nguyễn K. Thìn (") 20DM. Nguyễn K. Hoàng (") 10DM. Trương Châu Hoàng (") 20DM. Diệu Nhụy (Laatzen) 20DM. Nguyễn Văn Phong (") 100DM. Nguyễn Văn Ngọc (") 50DM. Tâm Bích (Berlin) 50DM. Lâm Thị Múi (") 50DM. Cụ Chung Anh (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Văn Chương (") 20DM. Bà Vũ Âu (") 50DM. Lê Văn Trường (") 40DM. Lương Văn Xinh (") 20DM. Gđ Lưu/Trương (") 20DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (") 20DM. Đỗ Duy Phương (") 20DM. Ngô Chánh Kiệt (") 20DM. Trần Đăng Thanh (") 20DM. Dương Thị Sơn (Berlin) 50DM. Hà Văn Thành (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Văn Phó (Berlin) 100DM. Phạm Vinh Cư (Lingen) 50DM. Nguyễn Quế (Hannover) 20DM. Cao Thị Yến (Berlin) 20DM. Gđ Thiện Ý (Hannover) 40DM. Võ Thanh Trao (Essen) 100DM. Oberbeck Michael 50DM. Võ Phước Lầu (Laatzen) 20DM. Dương Xuân Lang (Frankfurt) 20DM. Thiện Căn (Lingen) 20DM. Trần Như Sơn (Hannover) 20DM. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 20DM. Tốp Nữ Thị Xuyên (Hannover) 20DM. Gđ Quảng Ngô (Laatzen) 50DM. Ân danh (Langen) 30DM. Mai Thị Thu Hương (Hildesheim) 100DM. Phạm Trọng Nguyễn (Hamburg) 20DM. Nguyễn Thị Thân (Berlin) 20DM. Nguyễn Quốc Truyền (Hildesheim) 50DM. Chú Hạnh Vân (Chùa Viên Giác) 50DM. Chú Hạnh Từ (") 100DM. Chú Hạnh An (") 50DM. Nguyễn Xuân Tân (Kunzelsau) 20DM. Nguyễn Thị Dưa (") 50DM. Lê Mai (M'Gladbach) 20DM. Thiện Căn + Diệu Nữ (Stadthagen) 100DM. Trịnh Minh Tân (Bad Pyrmont) 20DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Minh Thanh (Berlin) 20DM. Gabi Schroeder (Hannover) 20DM. Geiger Margite (") 20DM. Heimann Monika (") 20DM. Dr. Ing. Werner Meihorst (") 1.000DM. Nguyễn Thế Hùng (Bremen) 20DM. Thiện Sanh (Kempten) 20DM. Ân danh 50DM. Trịnh Kim Hoàng (Berlin) 25DM. Trương Vũ Cường (Aachen) 50DM. Huỳnh Thị Linh 2DM. Bác Cam 3DM. Bác Thủy 10DM. Phan Ngọc Lan 20DM. Huỳnh Thúy Lan 10DM. Ân danh 10DM. Trần Thu Hương (Saarland) 20DM. Nguyễn Thành Tâm (") 20DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 20DM. Phan Thị Minh (Berlin) 50DM. Hàn Huỳnh Anh Tuấn (") 10DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (") 10DM. Lê Văn Anh (Bremen) 20DM. Vũ Quốc Nghiêng (Nuernberg) 20DM. Ân danh (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Hiền (Halle) 10DM. Wegner Florian (Ilsede) 10DM. Ân danh 5DM. Igoborg Kober (Burgdorf) 10DM. Nguyễn Văn Đông (Freiburg) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Vân (Hof) 50DM. Inge Opper (Greiesheim) 10DM. Ân danh 20DM. Giang Phần Phi (Hannover) 50DM. Âu Bảo Hùng (") 10DM. Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 10DM. Nguyễn Minh Trinh (Koblenz) 10DM. Sim (Hannover) 10DM. Phạm Thị Kim Xuân (Langenhagen) 50DM. Regina + John Brenner (Hannover) 20DM. Lê Thị Lan (") 20DM. Nguyễn Thị Yém (Bremen) 50DM. Rudifer Moeller (Hannover) 10DM. Ân danh (") 10DM. Hoffmann (") 28DM. Triệu Thanh (") 50DM. Pomvenke Helga (Braunschweig) 12DM. Asdumeyer (Hildesheim) 20DM. Janik (Langenhagen) 2DM. Ugrid Moeller (Garbsen) 10DM. Michael Shef (Hannover) 5DM. Claus Hoppe (Hildesheim) 30DM. Hoàng Ngọc Hồng (Barnethot) 10DM. Sabine Kloppenberg (Hannover) 2DM. H.G + E. Voss (Braunschweig) 30DM. Benjamas Kasmarelle (Hannover) 10DM. Ngô Mỹ Châu (Hannover) 20DM. Ngô Thoại Bình (") 50DM. Lê Đình Mai Thanh (Berlin) 20DM. Trịnh Quang Phú (Ludwigshafen) 20DM. Goluborevic (Jugoslavita) 5,55DM. Koserovic (") 10DM. Dring Uke 10DM. Mai Thị Kim Hoàng 10DM. U. Lafreu (Burgdorf) 20DM. Brigitte 10DM. Thái Kim Hiếu 20DM. Trịnh Tường 20US. Nguyễn Thị Yến (Koeln) 10DM. Elisabeth Mader (Laatzen) 50DM. Phan Thị Thanh Vân (Bingenbruch) 10DM. Christine Weiß (Hannover) 6DM. Heiko Jacobs (") 10DM. Ân danh 5DM. Trần Minh Nhật (Nuernberg) 50DM. Cộng Đồng Người Đức (Đức) 1.200DM. Vũ Nguyễn Huỳnh (M'Gladbach) 60DM. Ân danh 10DM. Nguyễn Thị Nguyễn Hòa (Mainz) 10DM. Fam. Lý (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 20DM. Đỗ Thị Thảo (Duisburg) 20DM. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 30DM. Đỗ Thị Cúc (") 20DM. Nguyễn Thị Hà (") 20DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 50DM.

Nguyễn Văn Trúc (Hildesheim) 100DM. Rattanavong Soan (Kiel) 100DM. Ân danh 20DM. Ân danh 20DM. Hans Speha (Hannover) 20DM. Đỗ Ngọc Trọng (Seelze) 100DM. Nguyễn Thị Hiền (") 100DM. Blumenstein (Hannover) 10DM. Claudia (") 25DM. Polizei (") 10DM. Châu Đức Biểu (Kaiserlautern) 30DM. Huỳnh Văn Khả (Speyer) 30DM. Trương Thị Thủy (") 20DM. Knorr (Presse) (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Thuận (Koeln) 50DM. Trần Ngọc Sự (") 50DM. Bác Viên Tuyết (Laatzen) 20DM. Lohrmann (Hannover) 20DM. Hubreck (") 20DM. Hanne Gieum (Heidelberg) 50DM. Brien (Hildesheim) 20DM.

PHƯƠNG DANH CÚNG ĐƯỜNG

(Tiếp Theo Viên Giác 87)

- **XÂY CHÙA** : ĐH. Phạm Trang 100DM. Trần Việt Quốc (Wuppertal) 50DM. Tân Như An (Ansbach) 100DM. Huỳnh Thị Kim Chi (Halle) 30DM. Phạm Thị Hương Sen (Kraichtal) 30DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 50DM. Lê Thái (Krefeld) 200DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 1.000DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Phạm Thị Bích Liên (Sondeshausen) 100DM. Phạm Văn Hách (St. Augustin) 100DM. Phạm Trung 100DM. Lê Quang Liêm (Gehren) 30DM. Tạ Thị Xuân (USA) 30DM. Nguyễn Tuấn Khanh (Germersheim) 50DM. Đoàn Văn Thời (Pforzheim) 100DM. Lê Lan Anh (Neuss) 20DM. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 300DM. Lê Chi + Wolfgang Gruher (Anh) 35 Anh kim. Trịnh Kim Phương (Berlin) 1.000DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Đặng Văn Minh (Bielefeld) 100DM. Hoàng Anh - Mai Liên (Hildesheim) 10DM. Gđ Nguyễn Thế Dũng (Muenster) 50DM. Trung Hoa (Muenchen) 10DM. Nguyễn Hồng Quan (Melech Donota) 10DM. Gđ Trần Quang Trung (Oberhausen) 100DM. Thanh Quang 50DM. Thiện Huệ Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 100DM. Lê Thị Hoa (Tuebingen) 20DM. Nguyễn Kim Sanh (Nuernberg) 20DM. Trần Ngô (Schondorf) 50DM. Trần Duyệt Thái (Stadt allendorf) 500DM. Trương Văn Nhiêu (Berlin) 50DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 200DM. Nguyễn Thị Phương (Berlin) 50DM. Gđ Trần Phước Ngô (") 20DM. Nguyễn Thị Thanh Vân 100DM. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 500DM. Phạm Thị Ngọc Phương (Kuenzsau) 10DM.
- **VU LAN** : ĐH. Đàm Chuyên (Stade) 100DM. Thiện Ý (Hannover) 50DM. Chiêu Hoàng (Krefeld) 30DM. Đỗ Thị Bích Chấn 10DM. Gđ Vũ Âu (Karlsruhe) 50DM.
- **TẾT & RẪM THÁNG GIÊNG** : ĐH. Nguyễn Văn Kiều (Pháp) 200FF. Trần Quới Thiên (") 200FF. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 20DM.
- **RẪM THÁNG MƯỜI** : ĐH. Chiêu Hoàng (Krefeld) 20DM.
- **TRẠI CÙI, MÙ, CÔ NHI VIÊN** : ĐH. Trần Việt Quốc (Wuppertal) 50DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 20DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 50DM. Nguyễn Thị Tư (Freiburg) 20DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Lê Minh Tụê (Loerrach) 2.300DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 40DM. Jasmin (Paderborn) 50DM. Nguyễn Ngọc Thành (Schwenningen) 10DM. Nguyễn Thị Kim Lê (") 10DM. Nguyễn Thành Khoa (") 10DM. Đỗ Thị Bích Chấn 10DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Ludwigshafen) 50DM. Hà Ánh Tuyết 25DM. Nguyễn Tịnh Trịnh Thị Thanh (Nuernberg) 30DM. Hồ Đình Tuấn & Nguyễn Thị Vân (") 50DM. Nguyễn Kim Sanh (") 20DM. Châu Ái Hương (Muenster) 20DM. Nguyễn Thị Hoài Mỹ (Cloppenburg) 20DM. Nguyễn Thị Phương (Berlin) 20DM.
- **QUỸ YẾM TRỢ GHPGVNTN QUỐC NỘI** : ĐH. Tâm Lượng 100DM. Đặng Trần Trung (Bergen) 10DM. Nguyễn Tịnh Trịnh Thị Thanh (Nuernberg) 30DM.
- **QUỸ GIẢI TRỪ PHÁP NẠN** : ĐH. Lê Quang Liêm (Gehren) 40DM. Fam. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM.
- **CHÙA VIỆT NAM** : ĐH. Lý Hồng Châu (Langenhagen) 400DM. Schorch 20DM.
- **CHƯ TẶNG Ở VIỆT NAM** : ĐH. Đoàn Thị Tố Huê 40DM.
- **GIÚP NẠN ĐÓI RUANDA** : ĐH. Đỗ Thị Bích Châu 10DM.
- **GIÚP NGƯỜI NGHÈO & NẠN ĐÓI tại VN** : ĐH. Đỗ Thị Bích Châu 10DM. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 100DM.
- **HƯƠNG LINH KÝ TỰ** : HLDH Sasoth Kalatapon-200DM.

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯƠNG

(Tính đến ngày 10.8.1995)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân hàng hay bằng Bưu phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như: Cúng Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh Sách, ủng hộ Báo Viên Giác... hoặc trả tiền thỉnh băng kinh, pháp bảo, trả tiền bán trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền đùm cho ai để Cúng Dương hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ và Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dương xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449, thì Một Tháng Ngân hàng mới báo một lần. Nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cúng Dương của quý Đạo Hữu và Phật Tử chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH ở bên trên.

■ BÁO VIÊN GIÁC

ĐH. Lưu Vinh (Hòa Lan) 50DM. Dương Tuấn Doan (Koenigsutter) 30DM. Vương Văn Bê (Leverkusen) 100DM. Huỳnh Công Phước (M'Gladbach) 50DM. Guyot Nguyễn Văn (Pháp) 300FF. Đỗ Thị Yên (*) 200FF. Hồ Chí Hòa (*) 200FF. Phiaphakdy Somphone (Gammertingen) 250DM. Lê Văn Tiết (Koeln) 50DM. H. Mai (Bỉ) 1.000FB. Phạm Đồng Quang (Hannover) 185DM. Văn Thanh Việt (Lorsch) 20DM. Trần Ngọc Thắng (Grenzach) 30DM. Đỗ Như Lạc (Dortmund) 50DM. Nguyễn Xuân Trung (Solingen) 30DM. Trương Văn Tấn (Schlidegg) 30DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 50DM. Nguyễn Văn Dũng 30DM. Đào Trọng Tín (Muenster) 30DM. Nguyễn Châu (Ibbenbueren) 20DM. Võ Đình Ai Tử (Ammerndorf) 50DM. Đặng Khánh Nam (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Thị Huyền (Suisse) 20FS. Nguyễn Thị Thương (Wiesbaden) 50DM. Phạm Thành Chí (Langen) 100DM. Trương Hùng Thiện (Altbach) 20DM. Trần Văn Phái (Berlin) 20DM. Nguyễn Đức Thọ (Mettlach) 20DM. Trần Anh Tuấn (Y) 30.000Lire. Trương Hoa Khanh (*) 20.000Lire. Trần Huy Quý (Dillingen) 100DM. Thomas Tran (Hamburg) 20DM. Kiều Văn Nghệ (Berlin) 50DM. Cao Đức Tài (Hamburg) 100DM. Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshaven) 50DM. Nguyễn Kim Định (Muenchen) 100DM. Nguyễn Thị Nhàn (Berlin) 50DM. Tăng Kim Lan (*) 50DM. Trịnh Quang Phú (Ludwigshafen) 20DM. Võ Thị Hải (Bremen) 20DM. Phạm Trọng Nguyễn (Hamburg) 50DM. Nguyễn Thị Lê Xuân (Duisburg) 20DM. Nguyễn Thị Viên Phương (Koblenz) 20DM. Đào Thị Thanh Thủy (Berlin) 50DM. Phan Hào Tâm (Recklinghausen) 100DM. Tăng Bích Phân (Lingen) 85DM. Khamphon Rattanawong (Kiel) 25DM. Hoàng Bá Nhật (Sch. Gmund) 30DM. Trương Văn Linh (Konz) 50DM. Lê Ngọc Phượng (Staffelstein) 30DM. Minh Trần (Sweden) 300Kr. Phạm Kim Mai (Memmingen) 20DM. Vũ Thị Xuyên (Markheidenfeld) 20DM. Dương Tấn Thành (Wiesbaden) 20DM. Đỗ Thúy Hoa (Kelkheim) 20DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 30DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 30DM. China Rest. Peking Ente (Heiden) 65DM. Trương Tấn Nhi (Koeln) 20DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 10DM. Casonova Thai Lan (Suisse) 20FS. Đào Diệu Vân (*) 50FS. Hà Đức Lai (*) 50FS. Nguyễn Văn Tươi (Uc) 10US. Trần Thị Lan (Boerger) 10DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5Anh kim. Đỗ Trọng Phong (USA) 50US. Thái Ngọc Phượng (*) 50US. Nguyễn Văn Thanh (Essen) 20DM. Hứa Trọng (Monheim) 10DM. Lý Văn Trọng (Gars) 20DM. Phạm Hà Thanh (Bỉ) 500FB. Đặng Văn Mô (Hungen) 20DM. Trương Văn Xuân (Hannover) 30DM. Henry Cường (Lueneburg) 20DM. Vong Lý Sùi (Y) 20.000Lire. Ô Thị Hai (Haren) 100DM. Tô Văn Quê (Pháp) 500FF. Lâm Mỹ Hiền (Hòa Lan) 74,20DM. Nguyễn Tín (Canada) 50Can. Hứa Tú Mẫn (*) 50Can. Từ Ngọc Duyên + Thiện Dũng + Thiện Bảo + Thiện Ngọc (C) 50Can. Lê Thị Hường (*) 100Can. Phạm Văn Thúc (*) 60Can. Phan Trọng Hùm (*) 50Can. Nguyễn Đình Thâm (*) 20Can. Ưông Minh Trung 30DM. Nguyễn Chí Thăng (Saarburg) 30DM. Phạm Văn Phương 20DM. Vũ Hoa Mai (Hamein) 200DM. Đỗ Phương 30DM. Nguyễn T.V. & Ngô Q. (M'Gladbach) 50DM. Staron Jenner N. Phong 30DM. Đinh Thắng Thượng (Wilhelmshaven) 20DM. Nguyễn Bình Dương (Luenen) 20DM. Bùi Lưu Chương (Edwecht) 50DM. Nguyễn Bá Thọ (Monheim) 20DM. Hòa Bùi Nam (Hasbergen) 20DM. Nguyễn Văn Thành (Viersen) 20DM. Hàng Văn Luồng (Pháp) 100FF. Võ Trọng Thủy (Neunkirchen) 70DM. Lâm Ngọc Lành (Bỉ) 1.000FB. Hà Thị Cẩm (USA) 20DM. Nguyễn Văn Quang (Hannover) 20DM. Lâm Lý Lan Anh (Papenburg) 20DM. Ngô Việt Hùng (Duisburg) 20DM. Trần Ngọc Thạch (Preetz) 30DM. Trịnh Thị Tiên (Koeln) 20DM. Châu Lệ Anh (Sweden) 500Kr. Mai Văn Chúc (Jettingen) 30DM. Lê Thị Thu (Bitburg) 20DM. Hồ Thị Y (Wallerfangen) 20DM. Nguyễn Thị Nhiêu (Neu Uim) 20DM. Nguyễn Tông (Urbar) 20DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 20DM. Thanh Toan (Na Uy) 50Kr. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Xuân (Dueren) 30DM. Trịnh Xuân Sơn (Lueneburg) 20DM.

Cambliro Celso (Pháp) 100FF. Võ Thị Nhàn (Y) 20.000Lire. Nguyễn Xuân H. (Bergkamen) 60DM. Đặng Quốc Khẩu 100DM. Đặng Văn Nghiêm 100DM. Nguyễn Văn Hiếu (Uc) 100Uc kim. Quan Bảo Cầu (Anh) 10Anh kim. Vũ Đức Tý (Aachen) 30DM. Trịnh Quang Khánh (Hamburg) 50DM. Võ Thị Ngọc Thanh (Bitburg) 20DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (Nieuwegiem) 30DM. Trần Hữu Nhơn (Koeln) 10DM. Lê Chi (Anh) 50DM. Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 20DM. Nguyễn (Veibert) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Yến (St. Raubig) 20DM. Vũ Ngọc Tuấn (Reutlingen) 20DM. Nguyễn (Pháp) 700FB. Mộng Trinh (Luenen) 10DM. Đỗ Thị Thu Hương (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Văn Chung (Memmingen) 50DM. Diệp Thị Sơn (Aalen) 30DM. Tiểu Thị Thị (Erlangen) 100DM. Viên Văn Phước (Laubsdorf) 20DM. Phùng Văn Sơn (Oldenburg) 50DM. Nguyễn Guyot (Pháp) 100FF. Can (Speyer) 20DM. Fam. Trương (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Thị T. Uyên (Hannover) 50DM. Nguyễn Mạnh Cường (*) 50DM. Trần Thị Hồng Sương (Berlin) 1.000DM chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang. Nguyễn Ban (Freiburg) 30DM. Lê Chí Dũng (Mannheim) 30DM. Nguyễn Chánh Gia (Pháp) 100FF. Huỳnh Hồng Nhung (Hamburg) 20DM. Phan Thoảng (Suisse) 30DM. Huỳnh Thị Tư (Áo) 30DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Nguyễn Hải (Brandenburg) 20DM. Nguyễn Văn Mỹ 30DM. Tô Hoàng Mỹ 50DM. Võ Thị Nhàn, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Xuân Nga, Nguyễn Kim Hoàng, Nguyễn Ngọc Phượng, Nguyễn Công Hiếu (Y) 20.000Lire. Hôn Thị Dung (Frankfurt) 50DM. Hội NVTN (Muenster) 20DM.

Ấn Tống

● **Kinh Vu Lan** : ĐH. Casonova Thái Lan (Suisse) 20FS. Phạm Thị Đông (Áo) 100Sch. Nguyễn Ngọc Thành (Mannheim) 30DM. Trần Thị Lan (Boerger) 10DM. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 50DM/10. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 20DM. Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 10DM. Nguyễn Văn Thành (Viersen) 10DM. Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Xuân Nga, Nguyễn Ngọc Phượng, Nguyễn Công Hiếu, Nguyễn Kim Hoàng (Y) 40.000Lire Kinh Vu Lan và Kinh Địa Tạng. Trần Hữu Nhơn (Koeln) 10DM. Gđ. Cô Hạnh Châu (Hannover) 100DM. Hiền Lai 10DM. Thầy Hạnh Bảo (Hannover) 200DM. Cô Hạnh Tịnh (*) 50DM. Cô Hạnh Ân (*) 50DM. Cô Hạnh Ngọc (*) 50DM. Chú Hạnh Văn (*) 20DM. Chú Hạnh Từ (*) 20DM. Chú Hạnh An (*) 20DM. Cô Hạnh Niệm (*) 150DM. Ni Sư T. N. Như Viên (Bremen) 20DM. Nguyễn Văn Hiền 100DM. Minh Đạt (Hamburg) 50DM. Minh Hiếu (Gießen) 50DM. Diệu Minh (*) 50DM. Diệu Yên + Thiện Đức (*) 50DM. Diệu Hồ (*) 50DM. Thiện Nghiêm 100DM. Lữ Mỹ Hạnh (Hannover) 50DM. Thiện Trí (*) 50DM. Fam. Lu (*) 50DM. Minh Thanh (Suisse) 50DM. Minh Quang (USA) 50DM. Minh Không (*) 50DM. Võ Thị Tâm 20DM. Võ Văn Tươi (Hannover) 20DM. Chung Thị Hồng (*) 20DM. Võ Văn Trung (Hamburg) 20DM. Huỳnh Trung Hiệp 20DM. Chung Văn Hoàng 20DM. Nguyễn Công Khôi 20DM. Diệu Anh (Nuernberg) 50DM. Diệu Kim (*) 50DM. Diệu Thông (*) 50DM. Lý Mỹ Quyên (Hannover) 50DM. Lý Mỹ Phương (*) 50DM. Lý Mỹ Linh (*) 50DM. Lý Thái Hùng (*) 50DM. Diệu Hiệp (*) 50DM. Minh Thiện (*) 50DM. Như Thân & Quang Thái (*) 20DM. Phạm Ngọc Trung 10DM. Thiện Văn 20DM. Lâm Hữu Phước (Laatzen) 10DM. Trần Văn Hạnh (Schwerin) 20DM. Trương Thị Bình (*) 20DM. Ngô Tường Vân (*) 20DM. Nguyễn Xuân Mai (Suisse) 50DM. Báo Viên Tuyệt (Laatzen) 20DM. Võ Phước Lâu (*) 10DM. Thiện Ý (Hannover) 50DM. Diệu Nữ (Stadthagen) 20DM. Tôn Nữ Tâm Giảng (Canada) 20DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 20DM. Diệp Liên Hào (Cloppenburg) 10DM. Võ Thị Nhàn, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Xuân Nga, Nguyễn Kim Hoàng, Nguyễn Ngọc Phượng, Nguyễn Công Hiếu (Y) 40.000Lire Kinh Vu Lan và Kinh Địa Tạng.

● **Ấn Tống** : ĐH. Dương Thị Nhàn (Wetzlar) 10DM. Gđ. Hà Ngọc Dư (Krefeld) 50DM. Sh. Trần Công Lao (Pháp) 100FF. Đào Diệu Vân (Suisse) 50FS. Đỗ Tấn Phát (Uelzen) 50DM. Châu Lệ Anh (Sweden) 500Kr. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 20DM.

● **Kinh Dược Sư** : ĐH. Thiện Kiến Hà Ngọc Quý (M'Gladbach) 30DM.

CHÙA VIÊN GIÁC XIN CÁO LỖI CÙNG QUÝ ĐẠO HỮU & PHẬT TỬ

Vì Phương Danh Cúng Dương quá dài không thể đăng hết trong kỳ báo này được. Các phần còn lại chúng tôi sẽ tiếp tục đăng vào kỳ báo VG 89 phát hành vào tháng 10/95. Kính mong Quý Vị Đạo Hữu và Phật Tử hoan hỷ.



Chúc Mừng

Được hồng thiệp của Gia Đình ĐH. Tiêu Thị Thị ở Erlangen làm lễ thành hôn cho cậu :
Thái Quang Minh đẹp duyên cùng cô **Đoàn Thị Tố Huyền**
Hôn lễ cử hành vào ngày 23.9.95

Xin chúc mừng cô dâu chú rể được trăm năm hạnh phúc
Bạn bè thân hữu tại Hannover, Erlangen, Nuernberg, Fuerth

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn kính báo tin buồn đến toàn thể thân bằng, quyến thuộc và bạn hữu gần xa:

CỤ CHẾ QUANG HUỆ

Pháp danh Nhật Trí

đã tạ thế ngày 22 tháng 6 năm 1995, tại Mỹ Hòa, Thừa Thiên, Huế. Thương thọ 87 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành ngày 26.6.1995 tại làng Mỹ Hòa theo nghi lễ Phật Giáo; và lễ thọ tang cho con cháu hải ngoại tại Fredrikstad Na Uy ngày 01.7.1995.

Tang quyến chúng tôi đồng khắp báo.

Chúng con kính xin đánh lễ tri ân:

- Thượng Tọa Thích Trí Minh, Thượng Tọa Thích Quán Không

- Các Đại Đức Thích Giác Thanh, Thích An Chí, Thích Lệ Quyên tại Chùa Khuông Việt, Na Uy, đã đến chứng minh lễ thọ tang của gia đình chúng con và cầu siêu cho hương hồn thân phụ chúng con.

Đồng thời chúng tôi cũng xin cảm tạ:

- Mặt Trận QGTNGP VN, Xứ Bộ Na Uy - Hội Phụ Nữ Ty nạn tại Na Uy - Hội Người Việt TN tại Fredrikstad - Quý bạn hữu gần xa đã đến phúng điếu cũng như viết thư, điện thoại chia buồn cùng tang quyến chúng tôi

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ sót ngưỡng mong quý Thượng Tọa, Đại Đức, Quý Hội đoàn, bạn hữu niệm tình tha thứ cho

Tang gia khắp báo và đồng báo tạ

- Trưởng Nam Chế Quang Kiện, vợ Võ Thị Sâm và các con

- Nghĩa tử Lê Một, vợ Nguyễn Thị Quyên và các con

- Thứ nam Chế Quang Tân, vợ Nguyễn Thị Minh Huệ và các con

- Chế Quang Tiến, vợ Trần Thị Hương và các con

- Trưởng Nữ Chế Thị Liên và các con

- Thứ nữ Chế Thị Thủy, chồng Dương Tấn Tài và các con.

- Chế Thị Hiền, chồng Phan Xuân Lương và các con

- Nghĩa Tể Hoàng Xuân và các con

- Thứ nữ Chế Thị Thu Thanh, chồng Nguyễn Ngọc Luận và con

- Đích Tôn Chế Quang Phước vợ và các con

- Nội Tôn Chế Quang Duy.

PHÂN ƯU

Vô cùng đau xót, được tin Lão đồng chí

LÊ ĐÌNH DUYÊN

đã từ trần ngày 12.6.1995 tại California

Hưởng thọ 79 tuổi

Chúng tôi xin phân ưu cùng chị Lê Đình Duyên và các cháu. Nguyễn cầu hương linh Lão đồng chí sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

Vũ Kỳ - Phan Ngô - Phan Thiệp - Phạm Quang Vạng - Nguyễn Đình Thiệp - Lê Nguyên Long - Nguyễn Văn Bình - Bùi Công Hải - Vũ Hối. Thành Kính Phân Ưu

PHÂN ƯU

Được tin:

CỤ NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG

thân phụ anh Nguyễn Linh Hồng

đã từ trần ngày 12.6.1995 tại Đức Quốc.

Hưởng thọ 78 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn Linh Hồng và gia quyến.

Nguyễn cầu Hương linh Cụ sớm siêu thăng Miền Cực Lạc.

Đồng hương tại Bauknecht-Schorndorf.

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Bà LÊ THỊ MƯỜI

thân mẫu của anh Trương Vững đã từ trần ngày 09.08.1995 tại Landshut Đức Quốc.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình anh Trương Vững. Nguyễn cầu hương linh Bác Gái sớm siêu thăng miền cực lạc.

GD. Huỳnh Quốc Minh & Mã Xuân Hồng ở Hamburg.

• Thứ tư, ngày 26.4.1995, 17 giờ 36

TÌM NGƯỜI KHẨN CẤP - MAINZ

Kể từ chủ nhật, ngày 16 tháng 4, một người đàn ông 29 tuổi có quốc tịch Việt Nam sống ở nội thành Mainz đã mất tích.

Thời gian cuối, sau khi có ý định tự tử anh ta đã trốn khỏi nhà và mất tăm.

Tối hôm qua người ta đã tìm thấy chiếc xe do anh lái, xe được khóa và bỏ lại bên bờ sông Ranh vùng Mombach ở gần Klaeranlage. Đó là chiếc xe Opel Kadett E sơn màu bạc mang biển số MZ ZU 266. Chiếc xe này đặc biệt ở chỗ có một chiếc khăn màu sáng treo ở ghế trước. Nó hẳn phải được để lại sau 18.00 giờ ngày chủ nhật lễ phục sinh ở bên đống xe ngoài trời trước vườn hoa bên bờ sông Ranh. Theo kết quả tìm kiếm của công an, có khả năng là anh ta không ở một mình lúc bỏ lại chiếc xe! Việc tìm kiếm của công an bảo vệ trên sông và bằng chó cho tới nay không đem lại kết quả

Ai đã thấy chiếc xe này lúc bị bỏ lại hay còn thấy bất kỳ điều gì khác?

Nhận dạng:

Cao 1,60 - 1,65;

Tóc đen ngắn ;

Mặc hoàn toàn đen trừ chiếc áo thun con lạc đà màu vàng (nền vàng, chữ Camel màu đậm)

1. Có người trông thấy anh ta cùng hai người Châu Á ở vườn hoa bờ sông vào tối chủ nhật. Công an đề nghị những người này lên tiếng.

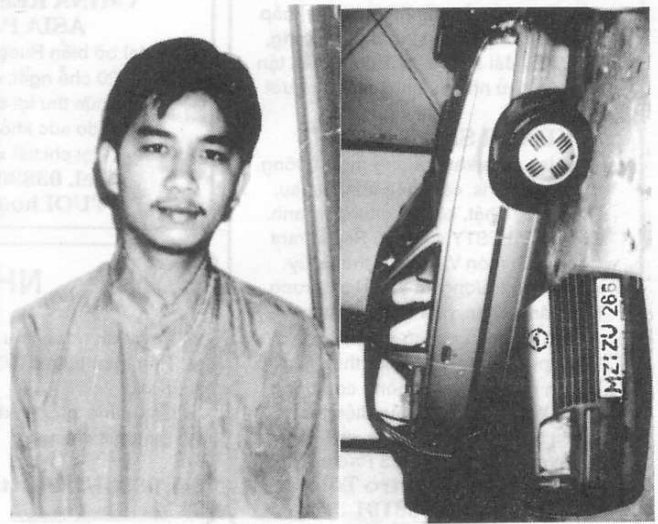
2. Ai thấy chiếc xe xin cho biết trong xe có bao nhiêu người?

3. Ai đã nhìn thấy người trong hình sau 16.4 ?

Mỗi chỉ dẫn có thể rất quan trọng. Công an thật sự cần sự hợp tác của quý vị và cảm ơn cho mỗi chỉ dẫn dù nhỏ.

Chỉ dẫn xin chuyển về công an Mainz theo số ĐT: 06131 / 652711

Ký tên: Damalige Fassg



CUNG TIẾN GIÁC LINH

Được tin

Hòa Thượng THÍCH THIỆN THANH

Tiến sĩ Phật Học,

Viện chủ Chùa Phật Tổ Long Beach CA - Hoa Kỳ

đã mãn kiếp Ta Bà ngày 18 tháng 7 năm 1995,

nhằm ngày 21 tháng 6 năm Ất Hợi. Thọ thế 61 tuổi.

Nguyên cầu Đức Từ Phụ A Di Đà tiếp dẫn giác linh của Hòa Thượng được cao đăng thượng phẩm và thành tâm chia buồn cùng môn đồ, hiệu quyến.

Thích Như Điển Trụ trì Chùa Viên Giác cùng Tăng Ni và tín đồ PGVN tại Đức Quốc.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Cụ Bà NGUYỄN THỊ HỮU

Pháp danh Diệu Hạnh

thân mẫu của Chị Nguyễn Ang Ca, đã thất lạc tại Việt Nam, ngày 30.5.1995 (nhằm ngày mùng 2 tháng Năm năm Ất Hợi). Thương thọ 88 tuổi. Lễ an táng cử hành ngày 03.6.1995.

Xin thành kính chia buồn cùng Chị Nguyễn Ang Ca và tang quyến.

- Bà góa phụ An Khê Nguyễn Bính Thịnh
- Ông Bà Đặng Văn Nhâm

CHIA BUỒN

Chúng tôi vừa được tin buồn:

Bác sĩ TRẦN KIM TUYẾN

đã tạ thế vào hồi 21 giờ 30, ngày Chúa nhật 23.7.1995, tại Cambridge, Anh Quốc. Hưởng thọ 70 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng các cháu và tang quyến, đồng thời xin cầu nguyện hương linh người quá vãng sớm về nơi nước Chúa.

- Bà quả phụ Phạm Ngọc Thảo (Hoa Kỳ)
- Ông Bà Đình Văn Khai (Canada)
- Ông Bà Đặng Văn Nhâm (Đan Mạch)

PHÂN ƯU

Được tin:

Cụ ĐỖ QUANG CỪ

thân phụ Bác Sĩ Đỗ Quang Khuê

đã từ trần ngày 15.5.1995 tại Hamminkeln

Hưởng thọ 78 tuổi.

Hội Y Nha Dược Sĩ Việt Nam Tự Do tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, xin trân trọng chia buồn cùng gia đình Anh Chị Đỗ Quang Khuê.

Xin thành kính nguyện cầu hương hồn Cụ sớm về cõi Niết Bàn.

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin buồn, Mẹ và Bà Ngoại của chúng tôi là:

Cụ Bà NGUYỄN THỊ HỮU

Pháp danh Diệu Hạnh

đã từ trần tại Sài Gòn, Việt Nam, ngày 30.5.1995. Thương thọ 88 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 03.6.1995.

- Bà quả phụ Nguyễn Ang Ca và các con (Bỉ Quốc)

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng, quyến thuộc gần xa: Chồng, Cha, Ông và Cố của chúng tôi là:

Nhạc sĩ DƯƠNG THIỆU TƯỚC

Pháp danh MINH TÀI

đã thất lạc tại Sài Gòn, Việt Nam, ngày 6 tháng 7 năm Ất Hợi, nhằm ngày 01.8.1995. Thương thọ 82 tuổi.

Lễ cầu siêu cử hành tại Chùa Viên Giác, Hannover, CHLB Đức và Chùa Bảo Quang, California, Hoa Kỳ.

Tang gia đồng khắp cáo

Vợ: Lương Thị Thuần, CHLB Đức

Con:

- Dương Văn Bích, chồng Vũ Văn Khiên, các con và các cháu (Hoa Kỳ) - Dương Văn Hồng và chồng Nguyễn Thế Khai (Hoa Kỳ) - Dương Văn Đài, chồng Đỗ Ngọc Oánh và các con (Hoa Kỳ) - Dương Hồng Ân, vợ Walburga Dương và các con (CHLB Đức) - Dương Hồng Trạch, vợ Hứa Cẩm Thu và các con (CHLB Đức)

Cháu:

- Vũ Dương Minh (Hoa Kỳ) - Vũ Bích Vân, chồng Peter Nichols và các con (Hoa Kỳ) - Vũ Bích Chi, chồng Phạm Trọng Thắng và các con (Hoa Kỳ) - Vũ Dương Châu (Hoa Kỳ) - Vũ Bích Trang, chồng Lê Quốc Lâm và các con (Hoa Kỳ) - Vũ Bích Uyên (Hoa Kỳ) - Đỗ Ngọc Trinh (Hoa Kỳ) - Đỗ Trang Đài (Hoa Kỳ) - Dương Nghiệp Vinh David (CHLB Đức) - Dương Thúy Vân Diana (CHLB Đức) - Dương Thúy Mai Sarah (CHLB Đức) - Dương Thúy Chinh (CHLB Đức) - Dương Nghiệp Khôi (CHLB Đức)

Chất:

- Đan Nichols (Hoa Kỳ) - Quyền Nichols (Hoa Kỳ) - Phạm Diễm Chi (Hoa Kỳ) - Phạm Vũ Tuấn (Hoa Kỳ) - Lê Vũ Chương (Hoa Kỳ) - Lê Vũ Phong (Hoa Kỳ).

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

Quý Tổ chức, Đoàn thể và thân bằng quyến thuộc đã đến đọc kinh, dự lễ Cầu Siêu, thắp hương, gửi thư, điện thoại và đăng báo chia buồn cùng lời cầu nguyện cho Mẹ chúng tôi là:

Cụ Bà NGUYỄN VĂN NGỌC

Nhũ danh Diệu Ninh TRẦN THỊ NỞ

đã thất lạc tại Sóc Trăng, Việt Nam, ngày 23.4.1995, tức là ngày 24 tháng Ba âm lịch năm Ất Hợi. Thương thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành ghi ân và cảm tạ.

- Bà Nguyễn Thị Kim Thoa và các con (Essen/Đức)
- Ông Bà Nguyễn Văn Thịnh, các con và các cháu (Essen/Đức)

PHÂN ƯU

Được tin

Cụ LÊ ĐÌNH DUYÊN

Pháp danh Tâm Đoan

là Trưởng Nam của Cụ Bác sĩ Tâm Minh LÊ ĐÌNH THÁM, người có công với Gia Đình Phật Tử Việt Nam cũng như Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo, đã mãn phần vào ngày 16 tháng 6 năm 1995 tại Hoa Kỳ. Hưởng thọ 79 tuổi.

Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho hương linh của Cụ được cao đăng Phật quốc và thành thật phân ưu cùng tang quyến.

Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Đức và các GDPT trực thuộc.



NHẬN QUAY VIDEO VÀ CHỤP ẢNH

- Lễ cưới, Đính hôn, Sinh nhật và tài liệu nghệ thuật v.v...
- Ghép CẢNH - CHỮ - NHẠC các phim Video quý khách tự quay tất cả các hệ thống PAL - NTSC - SECAM. Bảo đảm quý khách sẽ hài lòng khi băng được dựng lại thêm tư liệu cảnh, chữ đẹp, nhạc hay.
- CHUYÊN HỆ BĂNG VIDEO từ hệ PAL sang NTSC và ngược lại bằng máy Computer bảo đảm chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt nhất.
- "THẨM MỸ HÌNH ẢNH" trên những hình phóng to các cỡ do chúng tôi hoặc quý khách chụp. Bảo đảm chân dung quý khách sẽ không còn những nét nhăn, mụn ... và trẻ đẹp một cách tự nhiên.
- * Chúng tôi đã được sự khen ngợi và tín nhiệm của Cộng Đồng người Việt tại nước Đức và các nước Châu Âu trong nhiều năm đã qua vì :
 - Người thực hiện công việc đã từng tốt nghiệp Đại Học ngành quay phim truyền và trên 15 năm kinh nghiệm trong nghề quay phim và chụp ảnh nghệ thuật.
 - Làm việc nhiệt tình - uy tín - cẩn thận.
 - Xử dụng máy quay phim Video và STUDIO Video - Computer tiêu chuẩn Professional.
 - Quay bằng hai máy c. ay Video SUPER (VHS)
 - Xử dụng phương pháp AUDIO-MIX và HI-FI-STEREO trong việc thu thanh và lồng nhạc.
 - Những băng Video được quay với sự đạo diễn và dàn dựng để trở thành một phim "KINO" có giá trị nghệ thuật và kỹ thuật với nhiều sáng tạo độc đáo.
 - Có đầy đủ nhạc thuộc về lễ cưới tiếng Việt Nam, Hong Kong, Ngoại Quốc để lồng băng.
 - Hình chụp có nhiều FANTASY-EFFECKTEN đẹp và lạ.

VIDEO - FOTO Professional PHAM BINH
Langes Kreuz 14 - 31785 HAMELN
TEL. (05151) 45820

Bác sĩ TRƯƠNG NGỌC THANH

Kỹ sư Sinh Hóa - Thông Dịch Viên Hữu Thệ
 Koenigstr. 26, 32423 Minden
 Tel. (0571) 21420 / 55 734 & 21420 / 801 33 22

Nhận thông & Phiên dịch giấy tờ, văn kiện Việt Đức

THÔNG DỊCH & DỊCH THUẬT (Anh - Đức - Việt)

Hướng dẫn thủ tục nhập tịch - Thôi quốc tịch - Thông dịch thi lý thuyết lái xe - Luật Sư - Công sở ...

- Nhanh chóng (hoàn tất trong vòng 1 - 2 ngày)
- Đơn giản (gửi bản chính hay copy đều được, miễn rõ ràng)
- Giá phải chăng

DR. VAN TRAN
Consulting Trading
 Địa chỉ : Postfach 10 19 15
 63019 Offenbach a. Main
 Tel. 069 / 82 14 85 (đến 21 giờ)
 Fax. 069 / 81 99 00

THÔNG DỊCH & PHIÊN DỊCH VIÊN HỮU THỆ

MAI KIM MỸ

Hochstr.8, 49124 Georgmarienhuetten - Germany
 Tel. 05401 - 32 670

THÔNG & PHIÊN DỊCH VIÊN HỮU THỆ

Dipl. - Math. Trần Mạnh Thắng

- Nhiều năm kinh nghiệm, đã từng dịch thi lý thuyết lái xe, dịch tại các Tòa Thượng Thẩm (OVG) Lueneburg, Magdeburg, ... và nhiều cơ quan khác.

Nhận :

- Dịch thi lý thuyết lái xe tại TUEV và các cơ quan chính quyền.
- Dịch các văn kiện Đức / Việt - Việt / Đức.
- Có bản tài liệu các câu hỏi thi lý thuyết lái xe tiếng Việt với hình ảnh như bản gốc tiếng Đức (130 trang, giá 50 DM kể cả cước phí)
- Thời gian dịch tối đa 2 ngày sau khi nhận.
- Chỉ cần gửi bản phóng ảnh (xin ghi rõ những chữ bị mờ).
- Lệ phí 20 DM mỗi trang và xin gửi kèm trong thư thường.
- Mọi chi tiết xin liên lạc về :

Trần Mạnh Thắng
Hans-Porner-Str.4, 38126 Braunschweig.
Tel. & Fax 0531 / 69 58 06

PHIÊN DỊCH & THÔNG DỊCH VIÊN HỮU THỆ

Dipl.-Ing. TRẦN HỮU LỘC pháp danh THIÊN HỮU

Nhiều năm kinh nghiệm, cộng tác viên độc lập văn phòng Luật Sư WENDL & KOESTERKE (chuyên về tỵ nạn, cư trú, nhập tịch, gia đình, hình sự ... có uy tín và nhiều thành công từ 20 năm nay và hiện có rất nhiều thân chủ người Việt).

Nhận :

- Dịch thi lý thuyết lái xe tại TUEV, dịch tại công chứng viên, bệnh viện, luật sư, tòa án, phòng hộ tịch ...
- Và dịch các loại văn. kiện Đức / Việt - Việt / Đức - mỗi trang 30 DM
- Dịch và hoàn lại ngay trong ngày nhận ■ Xin gửi kèm lệ phí trong thư thường không gửi theo bảo đảm ■ Xin gửi phóng ảnh Fotocopie (không cần bản chính) ■ Xin ghi rõ tên họ, địa chỉ, điện thoại trong thư ■ Xin ghi rõ lại trên một tờ giấy rời kèm theo các chi tiết nếu bản phóng ảnh không rõ.

Mọi chi tiết xin liên lạc về địa chỉ sau :

Trần Hữu Lộc
Reinsburgstr. 166 - 70197 Stuttgart (West)
ĐT. (có máy trả lời tự động) : 0711 - 65 99 513
Điện thoại cầm tay và trong ô tô : 01728 106 883

PHIÊN DỊCH & THÔNG DỊCH VIÊN HỮU THỆ

- Phiên dịch các văn kiện, giấy tờ Đức, Anh, Pháp ngữ sang Việt ngữ hoặc ngược lại. Thời gian từ 1 - 2 ngày.
- Lệ phí **DM 25** cho các loại giấy nhập tịch, khai sanh, hôn thú, bằng lái xe, chứng độc thân, chứng gửi tiền về VN (để xin thuế)
- Lệ phí **DM 45** / trang cho các văn kiện tiếng Anh, Pháp.
- **Thông dịch thi lý thuyết lái xe**, dịch tại luật sư, Standesamt v.v...
- Hướng dẫn việc **Học và lái xe trong vòng 2 tuần.**
- Khai xin thuế 1993, 1994 và tính kết quả.
- Giúp đổi qua hàng bảo hiểm rẻ, tiết kiệm có lời cao :
 - Privathaftpflicht cả gia đình **DM 93** / năm.
 - Lebensversicherung có thể lời thêm **DM 20000**
 - Bảo hiểm xe, Rr itsschutz, Bệnh tật, Hausrat, Unfall, các loại bảo hiểm khác cho nhân và chủ tiệm.

ĐIỆN TỬ

.. Bán các loại Computer và phụ tùng. Giá rẻ.

Mọi chi tiết xin liên lạc :

Dipl.-Ing. Mai Long, Stephan-Born-Str.9
63119 Wiesbaden, Fax & Tel. (0611) 429 994

SANG IMBIß

Vì hoàn cảnh gia đình cần sang gấp một IMBIß với 24 chỗ ngồi và được trang trí sang trọng. Cộng với tầng lầu rộng rãi, có thể ở hay bỏ bàn Bida v.v...

Tiền nhà và tiệm 2.200 DM. Giá phải chăng. Mọi chi tiết xin liên lạc :

PACIFIC IMBIß
Alte Lindenstr.14 -
Steinfurt-Borghorst
Tel. 02552 - 98121

NHẬN ĐẶT NẤU

Tiệc cưới - Sinh Nhật - Liên Hoan
Nhận cho thuê :

- Khay trầu rượu - Mâm quả - Bàng thành hôn - Bàng Vu Quy
- Áo dài - Khăn đóng - Áo khoác
- Đầy đủ tiện nghi chén đĩa.

Xin liên lạc về :

BUI VĂN MAI
Tannenberger Str.12, 72760 Reutlingen
Tel. (07121) 33 90 44

LONG PHỤNG

龍鳳

Chuyên nhận nấu những món ăn Trung Hoa cho tiệc cưới và sinh nhật v.v...

Chúng tôi có đầy đủ tiện nghi cho tiệc. Xin liên lạc :

Huỳnh Hoàng Bồn
Großherzog-Friedrich-Str.111
66121 Saarbruecken.
Tel. 0681 - 63 59 69

DU LỊCH QUA PARIS NÊN Ở ĐÁU ?

KHÁCH SẠN MAJESTY

(chủ nhân và toàn bộ nhân viên người Việt)

■ Nơi thường xuyên của các nghệ sĩ từ Bắc Mỹ qua Âu Châu để thu Video Paris By Night, hoặc trình diễn đại nhạc hội.

■ Nơi gặp gỡ của các hội đoàn Việt Nam có tính cách quốc tế khi nhóm họp tại Âu Châu.

■ Nơi hẹn hò của đồng hương từ khắp nơi đến viếng thăm kinh đô ánh sáng, với sự tiếp đãi ân cần và hướng dẫn tận tình của chủ nhân và nhân viên người Việt.

KHÁCH SẠN MAJESTY

■ Tọa lạc giữa khu thương mại Á Đông, quận 13 Paris. các món ăn Việt, tàu, Thái, Lào, Nhật, kế cận chung quanh. Riêng MAJESTY cũng có Restaurant gồm các món Việt Nam thuần túy.

■ Sát khu thương xá Việt Nam, trung tâm băng nhạc, nhà sách, siêu thị và nhiều cửa hàng cung dịch vụ khác.

■ 30 phòng mới tân trang theo tiêu chuẩn quốc tế. Mỗi phòng có buồng tắm, WC riêng, TV màu, điện thoại.

Mọi chi tiết giữ phòng trước xin liên lạc :
105, Avenue D'Ivry, 75013 Paris, France
Tel. 45869898 Metro Tolbiac
Fax. 45868191

SANG NHÀ HÀNG

Trung Tâm Thành Phố

Xin liên lạc :

Tel. 06821/ 22525

SANG NHÀ HÀNG

Vì muốn khuếch trương rộng lớn, cần sang lại nhà hàng với 60 chỗ ngồi.

Có bãi đậu xe, có chỗ ở (Wohnung)

Mọi chi tiết xin liên lạc về :

ĐT. 02564 - 33265

-Spezialitaeten
China Restaurant -

"LOTUS"

Granitzer Str.7 - 18546 Sassnitz
Tel. 038392/36089. Fax. 038392/36090
Nhà : 0234/288212 - Xe: 0171/6537947
Nhận Bưu và bán tất cả mọi mặt hàng cho nhà hàng China.
Giá thành phải chăng.
Liên lạc điện thoại trên

Herr Tham Sa Va

SANG NHÀ HÀNG

Ngay trung tâm (Zentrum)
Khoảng 100 chỗ ngồi
Miete 3.500 DM.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Tel. 02154 / 42488

CẦN BÁN GẤP

Một tiệm ăn nhỏ gần Regensburg ngay trong trung tâm thành phố (Fußgaengerzone) có Biergarten, rất thích hợp cho 1 gia đình (Familiebetrieb).

Giá phải chăng !
Tel. 09421 - 10814

SANG NHÀ HÀNG

CHINA RESTAURANT
ASIA PALAST

tại bờ biển Ruegen / Stralsund
với 120 chỗ ngồi, đầy đủ tiện nghi, với mức thu lợi cao, tiền nhà rẻ, vì lý do sức khỏe nên sang lại.

Mọi chi tiết xin liên lạc :

Tel. 038306 - 75014

Bà TUOI hoặc Ông TIEU

SANG NHÀ HÀNG

- Duy nhất trong khu vực 25.000 dân
- Tiền thuê tiệm 1200 DM /Mon. có nhà ở 4 phòng
- Cần sang gấp vì không có người quản lý, giá phải chăng.

Tel. 08331/73251 (từ 19 giờ - 21 giờ)

2 ROP-168

Nhiếp ảnh viên
Nguyễn Bình

Phóng viên cho nhà báo
Nordwest-Zeitung ở Oldenburg
Nhiếp ảnh viên hãng Bildservice
G&SGmbH + KG ở Duesseldorf & Berlin
* Nhận chụp hình cho lễ tân hôn, chân dung, quảng cáo, phóng sự v.v...
Làm việc có nghệ thuật & bảo đảm
Xin mời quý vị xem hình mẫu & liên lạc về : **Nguyễn Bình,**
Tel. 0511/513588 - Hannover

2

■ **Lớp vẽ mỹ thuật :** Do Trịnh Quang Khánh tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật. GS trường Kỹ Thuật & Mỹ Nghệ chuyên nghiệp. Nhận hướng dẫn vẽ riêng cho từng người : Trang trí, Equarel, Thủy mặc, Sơn dầu, Sơn mài, tranh lụa.

■ **Lớp vũ dân tộc :** nhận hướng dẫn vũ căn bản riêng cho từng người. Vũ cổ điển hoặc thời trang. Do vũ sư TD 30 CTCT phụ trách.

● **Coi chữ ký,** chỉ tay, bói bài (giá ủng hộ 15DM). Do Trịnh Quang Khánh đã từng nghiên cứu ngành khoa học huyền bí tại Thái Lan, Cam Bốt, hàng ngày trực tiếp hầu chuyện cùng quý vị từ 19 giờ đến 21 giờ. Xin lấy hẹn trước để khỏi phải chờ đợi. Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày Lễ tiếp khách suốt ngày.

● **Đổi danh vũ Ngân Tuyền & Khánh Tuyền :** Nhận đi trình diễn các chương trình văn hóa nghệ thuật, Đại nhạc hội, Dạ Vũ, Tết, Dám tiệc.

Điện thoại sau 19 giờ : (040) 65 39 988

Trịnh Quang Khánh,
Kreuzburger Str.22 - 22045 Hamburg

TIN TỨC CHỮA BỆNH

Tôi là Y SĨ TRƯỞNG tại Trung Quốc, về ngành Đông Tây Y kết hợp, chuyên khoa châm cứu, xoa bóp chữa trị các tai nạn lao động và lưu thông, như cổ, lưng, hông và tứ chi bị sưng, đau nhức khớp xương. Trúng gió bị tê bại, nhức đầu cấp tính hoặc mãn tính, thần kinh nhức mỏi v.v...

Tôi cũng có sẵn thuốc Bắc để trị liệu, tiền khám bệnh miễn phí, chỉ thu tiền thuốc. bệnh nhân nếu cần xin liên lạc trước bằng điện thoại :

Ông YOU GIAN HUANG,

BEN GURION RING STR.32
60437 FRANKFURT/M (Bonames).
Tel. 069 / 507 28 06

Chỉ dẫn đường xe : Có hai cách đi bằng U-2 và xe Bus 29.

A/ Bắt đầu từ trạm Hauptwache đi xe U-2 đến trạm KALBACH, sau đó chuyển xe Bus 29 (Hướng xe Bus BERKERHEIM BAHNHOF đi tới BEN GURION RING.

B/ Từ Hauptwache lên xe U-2 đến trạm BONAMES MITTE, xuống xe đi bộ 10 phút sẽ tới bến GURION RING